CHƯ THIÊN HỘ PHÁP BỘ

Bản cập nhật tháng 6/2014

http://kinhmatgiao.wordpress.com

THAY LỜI TỰA

Giáo Điển của Phật Giáo ghi nhận có rất nhiều chư Thiên và Quỷ Thần là các vị hộ trì Phật Pháp và bảo vệ Thế Gian. Trong đó mười hai vị Trời (thập nhị Thiên) tức 12 loại Thiên Thần, là 12 Tôn thuộc **Hộ Thế Thiên Bộ** trong Mật Giáo, tức là tất cả vị thống lãnh các hàng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Tinh Tú, Minh Quan….. Nguyên là chư Thần trong Thần Thoại của Ấn Độ cổ đại được Mật Giáo dùng làm chư Thần thủ hộ các phương vị, tức chư Thiên ở tám phương (bát phương Thiên) với phương trên (thượng phương Thiên) phương dưới (hạ phương Thiên) kèm theo Nhật Thiên, Nguyệt Thiên

Chư Thiên thủ hộ tám phương (Bát Phương Thiên) chỉ **Đế Thích Thiên** (Indra) ở phương Đông, **Hoả Thiên** (Agni) ở phương Đông Nam, **Diễm Ma Thiên** (Yama) ở phương Nam, **La Sát Thiên** (Naiṛiti, hay Nṛti) ở phương Tây Nam, **Thuỷ Thiên** (Varuṇa) ở phương Tây, **Phong Thiên** (Vāyu) ở phương Tây Bắc, **Tỳ Sa Môn Thiên** (Kubera, hay Vaiśravaṇa) ở phương Bắc, **Y Xá Na Thiên** (Iśāna) ở phương Đông Bắc.

Phương bên trên là **Phạm Thiên** (Brahma), phương bên dưới là **Địa Thiên** (Pṛthivi)

Mười vị Trời trên, gia thêm **Nhật Thiên** (Āditya), **Nguyệt Thiên** (Candra) hợp làm 12 Thiên.



_ Trong 12 Thiên này thì:

Đế Thích Thiên là vị chủ thống nhiếp **Thiên Quỷ** trong tất cả ngọn núi thuộc nhóm núi **Tu Di** (Sumeru)

Hoả Thiên là vị chủ của ***Thần lửa*** (Hoả Thần) với các chúng Thần Tiên **Trì Minh** (Vidya-ṛṣī)

Diễm Ma Thiên là vị chủ của Ngũ Đạo Minh Quan, Thái Sơn Phủ Quân (Citra-gupta), Tư Mệnh, Hành Dịch Thần, các hàng Quỷ đói

La Sát Thiên là vị chủ của hàng **La Sát** (Rākṣasa) với loài Quỷ ăn uống máu

Thuỷ Thiên là vị chủ của loài Rồng ở dòng nước, dòng thác, sông lớn, sông do con người đào, biển lớn

Phong Thiên là vị chủ của ***Thần Gió*** (Phong Thần) với Vô Hình Lưu Hành Thần

Tỳ Sa Môn Thiên là vị chủ của hàng **Dạ Xoa** (Yakṣa), loại Quỷ Thần ăn nuốt

Y Xá Na Thiên là vị chủ của chúng **Ma** (Māra)

Phạm Thiên là vị chủ tất cả chư Thiên **Tĩnh Lự** (Dhyāna:Thiền Định) thuộc **cõi Sắc** (Rūpa-dhātu)

Địa Thiên là vị chủ của chư Thần trên mặt đất, dưới gốc cây với chư Thần ở bãi cát hoang vắng (Dã sa)

Nhật Thiên là vị chủ của mọi vì sao (chúng tinh), bảy **Diệu**, các **Chấp,** tất cả **Quang Thần** (vị Thần toả ra ánh sáng) dạo trên hư không

Nguyệt Thiên là vị chủ 28 **Tú**, 12 Cung Thần, tất cả chúng **Tú** trụ trên hư không

Mười hai Thiên này tổng nhiếp tất cả chư Thiên, Quỷ, Thần hộ giúp cho đời. Nếu cúng dường sẽ hay miễn trừ mọi loại tai ách, đạt được lợi ích

_ Trong Mật Giáo lại có Pháp cúng dường mười hai vị Trời này, xưng là **Thập Nhị Thiên Pháp**, hoặc **Thập Nhị Thiên Cúng**,

Nếu cầu nguyện tiêu trừ tai hại, quốc thổ an thái...thì nên cúng dường 12 Thiên, xưng là **Thập Nhị Thiên Cúng,** thường phụ tuỳ theo Đại Pháp mà tu

Man Đa La 12 Thiên là:

A_Lớp bên trong:

1_Chính Đông: Nguyệt Thiên. Chữ chủng tử là CA ( )

2_Chính Nam: Địa Thiên. Chữ chủng tử là PṚ ( )

3_Chính Tây: Nhật Thiên. Chữ chủng tử là Ā ( )

4_Chính Bắc: Phạm Thiên. Chữ chủng tử là BRA( )

B_Lớp thứ hai:

1_ Phương Đông: Đế Thích Thiên. Chữ chủng tử là I ( )

2_Phương Đông Nam: Hỏa Thiên. Chữ chủng tử là A ( )

3_Phương Nam: Diêm Ma Thiên. Chữ chủng tử là YAṂ ( )

4_Phương Tây Nam: La Sát Thiên. Chữ chủng tử là NI ( ), hay NṚ ( )

5_Phương Tây: Thủy Thiên. Chữ chủng tử là VA ( )

6_Phương Tây Bắc: Phong Thiên. Chữ chủng tử là VĀ ( )

7_Phương Bắc: Tỳ Sa Môn Thiên. Chữ chủng tử là VAI ( )

8_Phương Đông Bắc: Y Xá Na Thiên. Chữ chủng tử là Ī ( )

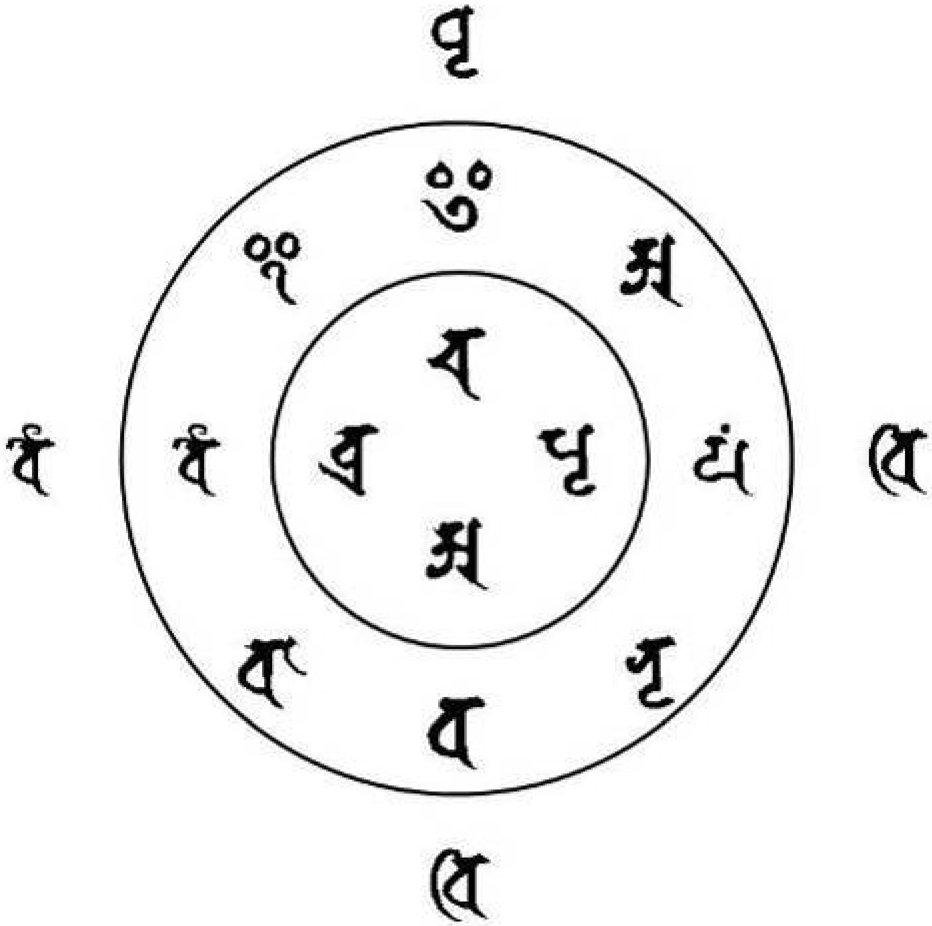
[Nếu muốn an bố thêm 4 vị Thiên Vương thì ở lớp thứ ba bên ngoài:

1_ Phương Bắc: Đa Văn Thiên. Chữ chủng tử là VAI ( )

2_ Phương Đông: Trì Quốc Thiên. Chữ chủng tử là DHṚ( )

3_ Phương Nam: Tăng Trưởng Thiên. Chữ chủng tử là VI ( )

4_ Phương Tây: Quảng Mục Thiên. Chữ chủng tử là VI ( )]



[**Thập Nhị Thiên Man Đa La** này minh họa phương Đông ở bên trên, chuyển theo bên phải là Đông Nam, Nam, Tây Nam, Tây, Tây Bắc, Bắc, Đông Bắc

Bên ngoài là 4 vị Thiên Vương]

_Hoặc Man Đa La 12 Thiên được minh họa theo cách khác là:



_ Phương pháp **cúng dường** (Pūja) ấy tuỳ theo điều mong cầu mà có sự sai khác, như Pháp **Tức Tai** thì dùng **Đế Thích Thiên** làm chủ, Pháp **Tăng Ích** thì dùng **Phạm Thiên** làm chủ, Pháp **Giáng Phục** thì dùng **Y Xá Na Thiên** làm chủ, Pháp **Kính Ái** thì

dùng **Tỳ Sa Môn Thiên** làm chủ. Nếu muốn trừ bệnh nóng lạnh thì tuỳ dùng **Nhật Nguyệt Thiên** làm chủ.

Ngoài ra còn dùng **Bất Động Ngũ Đại Minh Vương** làm chủ của 12 vị Trời.



Mật Giáo Nhật Bản còn thờ phụng 12 Thiên chung với các Tôn khác



_Lại nữa, trong Mật Giáo còn ghi nhận 20 Thiên thủ hộ bốn phương là:

.)5 Thiên thủ hộ Phương Đông là: Đế Thích Thiên, Phạm Thiên, Kim Cương Tồi Thiên, Câu Ma La Thiên, Na La Diên Thiên

.)5 Thiên thủ hộ phương Nam là: Huỳnh Hoặc Thiên, Tuệ Tinh Thiên, Kim Cương Thực Thiên, Nguyệt Thiên, Nhật Thiên

.)5 Thiên thủ hộ phương Tây là: La Sát Thiên, Phong Thiên, Kim Cương Y Thiên, Hỏa Thiên, Đa Văn Thiên

.)5 Thiên thủ hộ phương Bắc là: Kim Cương Diện Thiên, Diệm Ma Thiên, Điều Phục Thiên, Tỳ Na Dạ Ca Thiên, Thủy Thiên

Trong thời gian gần đây, với sự yêu cầu của các bạn đồng tu muốn tự mình nắm vững hơn về ý nghĩa của Hồng Danh, Tôn Hình, Chân Ngôn, Thủ Ấn của chư Thiên và các Quỷ Thần hộ Pháp… nên tôi cố gắng sưu tầm, phiên dịch, tổng hợp và ghi chép lại vào tập sách này

Điều không thể tránh khỏi là tập ghi chép vẫn còn nhiều thiếu sót. Ngưỡng mong các Bậc Cao Tăng Đại Đức, chư vị Thiện Tri Thức hãy rũ lòng Từ Bi chỉ dạy, giúp cho tôi kịp thời sửa chữa những lỗi lầm và hoàn thiện phần ghi chép này.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) và Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy **Thích Quảng Trí** và Thầy **Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ và thúc đẩy con nghiên cứu Phật Pháp cho chính đúng.

Tôi xin cám ơn em Mật Trí (**Tống Phước Khải**) và các con tôi đã nhiệt tình hỗ trợ tài liệu, phương tiện giúp cho việc hoàn tất bản ghi chép này.

Tôi xin chân thành cám ơn nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch kinh bản.

Tôi xin chân thành cám ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

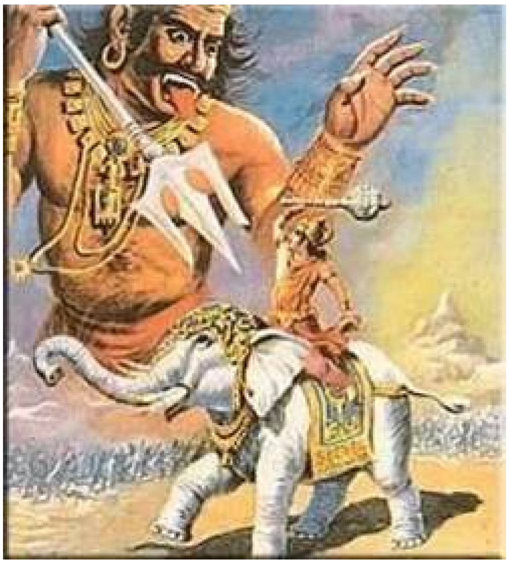
Cuối cùng nguyện xin hồi hướng Công Đức này đến toàn thể chúng hữu tình trong ba cõi sáu đường đều mau chóng xa lìa mọi ách nạn khổ đau, thường được an vui, thọ hưởng Pháp Vị Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Cuối mùa Xuân năm Giáp Ngọ (2014)
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

ĐẾ THÍCH THIÊN

Đế Thích Thiên, tên Phạn là Śakra-devānāṃ-indra, dịch âm là Thích Ca Đề Hoàn Nhân Đà La. Lược xưng là Thích Đề Hoàn Nhân, Thích Ca Đề Bà. Lại xưng là **Đế Thích** (Śakra), **Thiên Đế Thích** và còn có tên gọi riêng là **Nhân Đà La** (Indra), **Kiều Thi Ca** (Kauśika), Sa Bà Bà, **Thiên Nhãn** (Sahasra-netra)...

Nguyên **Indra** là vị Thần của Ấn Độ Giáo, là **Thần Lôi Vũ** có địa vị tối cao trong các chư Thần, ngồi trên con voi ba đầu sáu ngà (Airavat), vung múa Chày Kim Cương ngăn trị loài Ma ác và đấu tranh với hàng **A Tu La** (Asura) nên còn được xem là vị Thần chiến tranh



Trong tín ngưỡng của Ấn Độ thì **Thiên Đế Thích** (Indra) [hoặc **Phong Thiên**:Vāyu], **Nhật Thiên** (Sūrya, hoặc Mithra) và **Hỏa Thiên** (Agni) được hợp xưng là **Phệ Đà Tam Tôn** (Veda-trimurti). Trong đó: Agni cai quản Hạ Giới, Indra (hoặc Vāyu) cai quản không trung, Sūrya cai quản Thiên Giới.

Hệ thống **Phệ Đà** (Veda) ghi nhận Indra là vị Thần quốc gia của Ấn Độ và thống lãnh chư Thần bảo hộ ở phương Đông. Vợ của Đế Thích là **Indrī**

Trong Ṛg-veda có 250 bài Thánh Ca được dành riêng cho Indra





_Thần Chú tán tụng Đế Thích là:
Oṃ_ Sahasra-netrāya vid mahe
Vajra-hastaya dhī mahi
Thanno indra prachodayath
OṂ_ LAṂ INDRAYA NAMAḤ

_Sau này khi du nhập vào Phật Giáo thì Indra trở thành vị **Hộ Pháp** (Dharma-pāla) và được xưng là Đế Thích Thiên, là một trong 12 vị Trời, Chủ của **cõi Tam Thập Tam Thiên** (Trāyastriṃśa). Cõi này còn có tên là Đao Lợi Thiên, Đế Thích Thiên, Dạ Xoa Bí Mật Kim Cương Thủ… Đây là tầng Trời thứ hai trong 6 tầng Trời của **Dục Giới** (Kāma dhātu). Đế Thích trấn giữ phương Đông, cư trú tại thành **Thiện Kiến** (Sudṛśa) thuộc cõi **Trời Đao Lợi** (Trāyastriṃśa) trên đỉnh núi **Tu Di** (Sumeru), 4 phương của đỉnh núi đều có thành quách của 8 Thiên, chính giữa là thành **Thiện Kiến** là nơi cư ngụ của vua Trời Đế Thích, 4 góc của đỉnh núi đều có một ngọn cao 500 Do Tuần có Thần Dạ Xoa tên là **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi) cư trú và phòng hộ chư Thiên.

Đế Thích Thiên là một trong 8 Thiên, một trong 12 Thiên, một trong 20 Thiên, một trong 28 Bộ của Thiên Thủ Quán Âm



_Theo sự ghi chép của Kinh Điển thì **Đế Thích** nguyên là vị **Bà La Môn** (Brāhmaṇa) ở nước **Ma Già Đa** (Magadha), tên là **Ma Già**, họ là **Kiêu Thi Ca** (Kauśika), tính ưa thích làm chuyện tốt lành, đối với người xuất gia với kẻ nghèo túng khốn khổ thì đều tùy theo Duyên mà vui vẻ trợ giúp. Ông với 32 người bạn cùng nhau tu Phước Đức. Do khi còn sống 33 người có đầy đủ Phước Đức cực lớn, cho nên sau khi chết đồng sinh lên cõi Trời **Đao Lợi** là tầng trời thứ hai trên đỉnh núi **Tu Di** (Sumeru), trong nhóm đó thì **Ma Già Bà La Môn** được làm **Thiên Chủ**, 32 người bạn thành bậc **Phụ Thần**.

Cõi Trời **Đao Lợi** có 32 cung Trời, **Đế Thích Thiên** trụ tại thành **Thiện Kiến** (hay thành **Hỷ Kiến**) ở trung ương thống lãnh tất cả. Chu vi vây quanh có 32 cung Trời, phân biệt do 32 vị Phụ Thần trấn thủ. Do 33 vị này nên tầng trời ấy có tên gọi là **Tam Thập Tam Thiên** (Trāyastriṃśa)

Chính Pháp Niệm Xứ kinh , quyển 25 ghi nhận 33 Thiên là :

1) Trụ Thiện Pháp Đường Thiên
2) Trụ Phong Thiên
3) Trụ Sơn Đỉnh Thiên
4) Thiện Kiến Thành Thiên (nơi cư ngụ của Đế Thích)
5) Bát Tư Địa Thiên
6) Trụ Câu Tra Thiên
7) Tạp Điện Thiên
8) Trụ Hoan Hỷ Viên Thiên
9) Quang Minh Thiên
10) Ba Lợi Gia Đa Thọ Viên Thiên
11) Hiểm Ngạn Thiên
12) Trụ Tạp Hiểm Ngạn Thiên
13) Trụ Ma Ni Tạp Thiên
14) Du Hành Địa Thiên
15) Kim Điện Thiên
16) Man Ảnh Xứ Thiên
17) Trụ Nhu Nhuyễn Địa Thiên
18) Tạp Trang Nghiêm Thiên
19) Như Ý Địa Thiên
20) Vi Tế Hành Thiên
21) Ca Âm Hỷ Lạc Thiên
22) Uy Đức Luân Thiên
23) Nguyệt Hành Thiên
24) Diễm Ma Sa La Thiên
25) Tốc Hành Thiên
26) Ảnh Chiếu Thiên
27) Trí Tuệ Hành Thiên
28) Chúng Phần Thiên
29) Trụ Luân Thiên
30) Thượng Hành Thiên
31) Uy Đức Nhan Thiên
32) Uy Đức Diễm Luân Thiên
33) Thanh Tĩnh Thiên

Đế Thích Thiên là vị chủ thống nhiếp **Thiên Quỷ** trong tất cả ngọn núi thuộc nhóm núi **Tu Di** (Sumeru) bên cạnh có 10 vị Đại Thiên Tử hầu cận. Cứ nửa tháng, vào ba ngày Trai thì ra lệnh cho bốn vị Thiên Vương, Thái Tử, Thị Giả... xem xét việc Tà

Chính của vạn dân trong Thiên Hạ. Nếu nghe chúng sinh trong Thế Gian làm nhiều việc ác, bất hiếu với cha mẹ, chẳng kính bậc Sư Trưởng, chẳng tu Trai Giới, chẳng bố thí cho người nghèo túng... thời vị Trời này lo buồn vì các Thiên Chúng bị giảm tổn còn chúng A Tu La được tăng ích. Nếu biết được có nhiều người hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính phụng sự bậc Sư Trưởng, siêng tu Trai Giới, bố thí cho kẻ nghèo túng thời rất vui vẻ vì các Thiên Chúng được tăng tích còn chúng A Tu La bị tổn giảm. Lại nếu có người phần lớn tu Đức, tinh tiến chẳng lười biếng thời vị Trời này ban Sắc cho vị Thần **Tư Mệnh** tăng thêm tuổi thọ, ngược lại sẽ chẳng giúp đỡ hoặc chặt đứt sinh mệnh của kẻ ấy

_Sau khi Đức Thích Tôn thành Đạo thì Đế Thích Thiên thành vị Thần Thủ Hộ của Đức Thích Tôn. Khi Đức Phật Đà lên cõi Trời Đao Lợi vì mẹ nói Pháp thời Đế Thích Thiên cầm cái lọng báu theo hầu Đức Phật.

.)Kinh **Đế Thích Sở Vấn** ghi chép là: "Khi ấy Đế Thích Thiên Chủ lại bảo Thiên Chúng của cõi Trời **Đao Lợi** rằng: "Này Nhân Giả! Các ông nên tác **Phạm Âm** (Brahma-ghoṣa) ba lần **Quy Phật**. Ý ấy thế nào? Vì nay Đức Phật Thế Tôn đã được **Phạm Trú**, Niết Bàn vắng lặng"

Lúc đó Thiên Chúng tùy theo Đế Thích nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, liền cúi đầu mặt lễ hai bàn chân của Đức Phật, đứng ở trước mặt Đức Phật, khác miệng đồng tiếng, liền tác **Phạm Âm** (Brahma-ghoṣa), ba lần **Quy Phật** là:

"**Na mô na mạc (1) tát đa tát muội, bà nga phộc đế (2) đát tha nga đa dã (3) a la ha đế, tam miểu tam một đà dã (4)**"



*)**Namo namaḥ tattve-bhagavate, Tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya**

(*Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn của bản tính chân thật. Ngài là đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chính Đẳng Chính Giác*)"

[Câu **Quy Y Phật** này còn được xưng tụng trước tiên trong các buổi lễ]

_**Đế Thích Vấn Kinh** nói rằng: "Vị Dược Xoa Thiên này ở trong đêm dài, Tâm ấy chất trực, Phu Nhân của Đế Thích là **Xá Chi** (Śaci) cũng được xưng là Dược Xoa"



Như **Tỳ Bà Sa Luận** nói: "Thiên Đế Thích cũng yêu quý **Thiết Chi Thanh Y Dược Xoa**. Đế Thích vốn là Trời **Nhân Đà La** (Indra) trong **Phệ Đà** (Veda), tay cầm chày Kim Cương nên được xưng là **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi). Theo truyền thuyết của Phật Giáo thì Đế Thích thuộc tám Bộ Trời Rồng, đặc biệt là vua của chúng **Dược Xoa** (yakṣa)"

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐẾ THÍCH THIÊN

Hình tượng của Đế Thích Thiên có nhiều dạng, thông thường là hình người Trời cỡi con voi trắng, tay phải cầm cái chày Tam Cổ, tay trái để ở trên háng.

_**Thập Nhị Thiên Cúng Nghi Quỹ** ghi nhận là: "Phương Đông, **Đế Thích** cỡi Bạch Tượng Vương trụ trong mây ngũ sắc, thân làm màu vàng, tay phải cầm Tam Cổ để ngang trái tim, tay trái nâng háng trái, rũ bàn chân trái xuống dưới. Ba vị Thiên Nữ đều đưa tay cầm hoa sen. Hoặc dùng cái bàn chứa đầy nhóm hoa tạp, cái bàn chứa đầy hoa sen xanh"





_Hình tượng cỡi voi ba đầu sáu ngà



_Hình tượng cầm chày Kim Cương có Dạ Xoa theo hầu



_Hình Tượng có hai tay cầm vỏ ốc, tượng trưng cho việc trợ giúp hoằng hóa Chính Pháp



_Sau khi Phật Giáo du nhập vào Trung Quốc thì tín ngưỡng của dân gian đã đem dung hợp **Thiên Đế Thích** với **Ngọc Hoàng Thượng Đế** của Đạo Giáo và phụng thờ Tôn Tượng theo dánh vẻ vua chúa









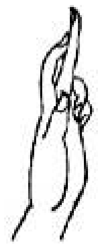
_Trong 12 Thiên thì **Đế Thích Thiên** là vị chủ thống nhiếp **Thiên Quỷ** trong tất cả ngọn núi thuộc nhóm núi **Tu Di** (Sumeru), thủ hộ phương Đông

Chữ chủng tử là: I ( )



帝釋天像

Đông Phương Đế Thích Thiên Ấn: Tay phải giống như trước, Dựng thẳng 5 ngón tay trái dính nhau, co lóng giữa của 2 ngón Địa (ngón út) Thủy (Ngón vô danh). Đem Phong (ngón trỏ) vịn dính lưng Hỏa (ngón giữa), co lóng giữa của ngón Không (ngón cái).

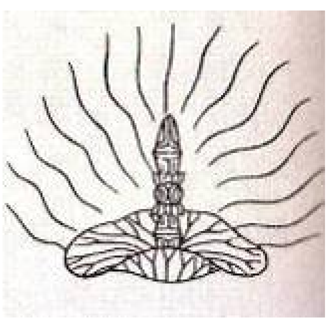


Chân Ngôn là :
"Án, nhân nại la gia, sa phộc hạ"
𑖌𑖼 𑖂𑖡𑖿𑖟𑖿𑖨𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ INDRĀYA SVĀHĀ
Lại có Chân Ngôn là**: "Án, chước yết tha, sa phộc ha"**
𑖌𑖼 𑖫𑖎𑖿𑖨 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ ŚAKRA SVĀHĀ

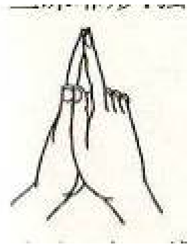
_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Đế Thích Thiên có thân màu vàng, đầu đội mão báu, khoác áo Yết Ma, tay phải để trước ngực cầm chày Độc Cổ, tay trái nắm quyền để bên cạnh eo.



Mật Hiệu là: **Kim Cương Khí Trượng**
Chữ chủng tử là: YA (𑖧), hay YU (𑖧𑖲)
Tam Muội Gia Hình là: chày Độc Cổ



Tướng Ấn là: Nhẫn Nhục Ba La Mật Ấn



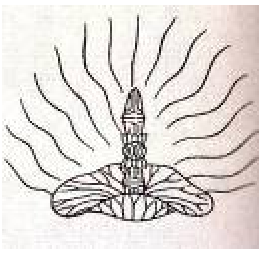
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖧𑖲𑖠 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

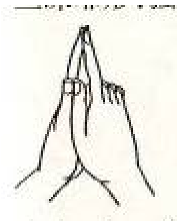
OṂ _ VAJRA-YUDHA   SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Đế Thích Thiên có chữ chủng tử là: DHA (𑖠)

Tam Muội Gia Hình là: chày Độc Cổ



Tướng Ấn là: Nhẫn Nhục Ba La Mật Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖧𑖲𑖠 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ _ VAJRA-YUDHA   SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Đế Thích Thiên có chữ chủng tử là: DHA (𑖠)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-YUDHA   SVĀHĀ_ DHA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Đế Thích Thiên có chữ chủng tử là: DHA ( )
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Nhẫn Nhục Ba La Mật Ấn



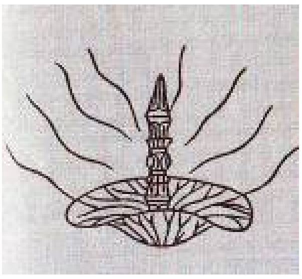
Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-YUDHA   SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Đế Thích Thiên có chữ chủng tử là: DHA ( )
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.

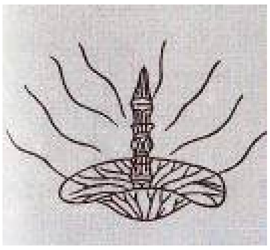


Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖧𑖲𑖠 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖠
OṂ _ VAJRA-YUDHA SVĀHĀ_ DHA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-Samaya) thì Đế Thích Thiên có chữ chủng tử là: DHA (𑖠)
Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.

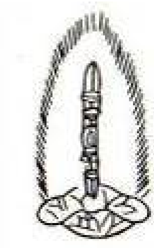


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖧𑖲𑖠 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖠
OṂ _ VAJRA-YUDHA SVĀHĀ_ DHA

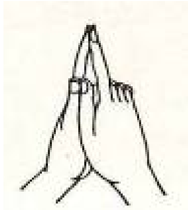
_ Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** ở phương Đông của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Đế Thích Thiên có thân màu thịt đỏ, hiện hình phẫn nộ, tay trái nắm quyền để bên eo, khoác Thiên Y và Giáp Trụ.



Chữ chủng tử là: ŚA ()
Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.



Tướng Ấn là: Nhẫn Ba La Mật Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ŚAKRĀYA - SVĀHĀ

ĐẾ THÍCH THIÊN PHI

Đế Thích Thiên Phi tên Phạn là Aindrī, dịch âm Áng Nại Lê. Lại xưng là Đế Thích Nữ, là vợ của Đế Thích Thiên, một trong 7 Mẫu Nữ Thiên.

Tôn này chủ về **Định Đức** của Đế Thích Thiên

Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** ở phương Tây của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Đế Thích Thiên Phi có thân màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen búp nụ, ngửa lòng bàn tay trái lên trên (hình bên trên)

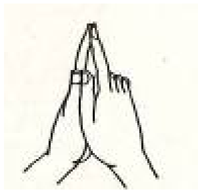


Chữ chủng tử là: AI ()

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen búp nụ.



Tướng Ấn là: Nhẫn Ba La Mật Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ŚAKRĀYA - SVĀHĀ

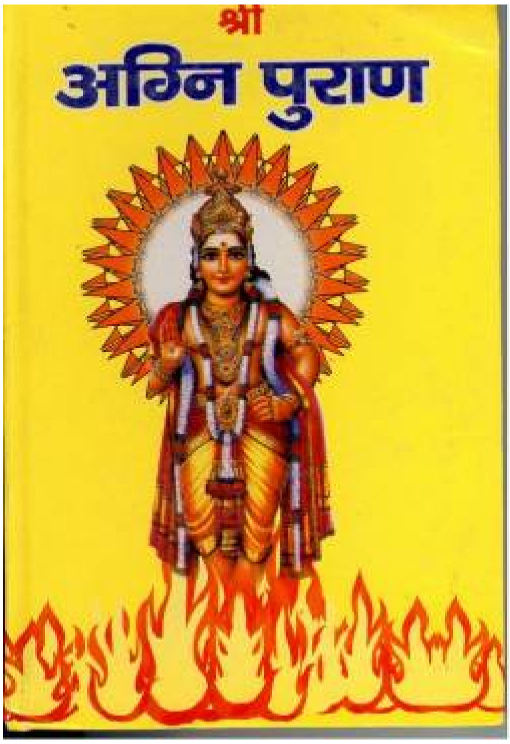
HỎA THIÊN

Hoả Thiên, tên Phạn Là **Agni** (dịch âm là A Kỳ Ni) hoặc **Agna** (dịch âm là A Nga Na) là một vị Thần Kỳ của Ấn Độ cổ, là dạng Thần Cách Hóa của Lửa.

Vào thời đại **Phệ Đà** (Veda) thì vị Trời này được sùng bái rộng rãi, ngay trong Kệ Tụng của Phệ Đà thì số bài khen vịnh vị Trời này gần sát với Trời Đế Thích và được xem là bậc dẫn đầu của chư Thần trên mặt đất.



Lê Câu Phệ Đà (Ṛg-veda) còn xem vị Trời này là bậc trẻ tuổi nhất trong các vị Thần



_Vị Trời này cùng với Trời **Đế Thích** (Indra) [hoặc **Phong Thiên**:Vāyu], **Nhật Thiên** (Sūrya, hoặc Mithra) hợp xưng là **Phệ Đà Tam Tôn** (Veda-trimurti). Trong đó: Agni cai quản Hạ Giới, Indra (hoặc Vāyu) cai quản không trung, Sūrya cai quản Thiên Giới.

Nét đặc sắc của Agni là dùng nhiều loại hình thái hiển hiện ở trường sở chẳng đồng, gồm 5 hình thức tự nhiên và 5 hình thức cúng tế.

.)**Năm hình thức tự nhiên** là: Lửa trần gian (Agni), sấm sét trong hư không (indra), mặt trời ở Thiên Giới (Sūrya), lửa nhuần khắp (Vaiskvānara) lửa tàn phá (Vedevāgni)

.)**Năm hình thức cúng tế** là: Lửa thiêng trong các buổi lễ (Brahlāgni), lửa trao cho thiếu niên tu học (Brahma-carya), lửa trong lễ khai hóa (Upanayaha), lửa dùng trong từng nhà không bao giờ được tắt (Gārhapatyāgni), lửa cúng tế Tổ Tiên hoặc vong linh (Pakṣināgni), lửa thiêng trên giàn hỏa táng (Kravydāgni)

Trong đó, ngọn lửa thiêng trong cuộc tế lễ mới được coi là hiện thân đích thực của Thần lửa Agni.

Do vậy Thần lửa Agni được tượng trưng cho ánh sáng phá trừ hắc ám, sức tịnh hóa thiêu hủy thứ chẳng sạch (bất tịnh). Có lúc Agni là vị Thần, vị Sứ Giả của nhân gian, bậc trung gian giữa thế giới loài người và thế giới Thần Thánh, có khi là vị Thần của gia đình ban ân huệ cho người có niềm tin và đem đến sự phồn vinh giàu có, có lúc là vị Thần thủ hộ ngăn che chướng ngại giúp cho nhà cửa bình an.



-Theo Ấn Độ Giáo thì: **Agni** là phương tiện chuyển tải giữa người hành lễ và chư thiên. Cho nên, ông còn có tên là **Vahni** có gốc từ chữ VHNI nghĩa là người chuyển tải, điều này được biểu tượng bằng **con mắt thứ 3** (ajñakhya-cakra), nhờ đó mà lời cầu nguyện được chuyển tới chư thiên. Cũng vậy, việc cúng tế Agni là thiết yếu để nhận sự ban phát của chư thiên, và mục đích tối hậu của sự giác ngộ đối với người hành lễ qua sự ân sủng của Śiva. Điều đó thể hiện qua śloka đầu tiên trong Ṛg-Veda dùng để dâng hiến đến Agni:

Agnimīḻe purohitaṁ yajñasya devaṁṛtvijaṁ| hotarāṁ ratnadhātamam||

Toàn bộ phần Saukta đầu của Ṛg-Veda chỉ được dành để dâng hiến riêng cho Agni, do đó nó thể hiện tầm quan trong của cúng tế Agni.

Trong vũ trụ Agni được sinh ra từ **Mahāṛṣi Kaśyapa**. Theo thiên văn, **Kaśyapa Gotra** được đồng nhất với **Sūrya** và **Śani**. Đồng nhất với **Sūrya** bởi vì Kāśyapa là cha của **12 Adityas** và **Agni**. Với **Śani** bởi vì cũng là cha của **Asura, Daitya** và **Danava**.

_**Agni** có 2 vợ (śakti) tên là **Svāhā** và **Svadhā**, cả 2 đại diện cho sự dâng hiến đến với chư thiên và tổ tiên (**pitri**) một cách thành kính. Do đó, các thần chú đều kết thúc bằng 1 trong 2 từ này để ám chỉ đối tượng dâng tế là chư thiên hoặc tổ tiên. Ví dụ: **Oṃ agnaye svāhā** hoặc **Oṃ pitṛbhyo svadhā**.

SVĀHĀ là một **Thần Nữ Tính**, con của **Dakṣa**, và là vợ của Thần lửa **Agni**. Agni và Svāhā có 3 người con là Pavaka, Pavamaṇa và Śuci. Có khi **Svāha** được xác định là **Uma** hoặc **Parvati**

Trong **Brahma-vaivarta-pūraṇa** thì **Svāhā** là một hiện thân của **Prakṛti**, một **Śakti** (quyền năng) mà nếu như không có nó thì Agni không thể nào tạo lửa được. Ba người con của Agni và Svāhā là 3 thể lửa trong nhà: Dakṣina, Garhaptya và Ahavaniya. Khi hành lễ dâng lên Agni thì chữ **Svāhā** phải được đọc lên, nếu không việc dâng lễ sẽ không hiệu quả.

Trong một ghi nhận khác, **Svāhā** là dạng thức các phối ngẫu của 6 **thánh triết** (**Ṛṣī**) và đồng trú với Agni. Bà hiện thân ở dạng một con chim (suparṇi) và mang hạt giống của Agni. Vì vậy mà **Skanda** đã được sinh ra. **Skanda** xác định sự đồng hành giữa bà và Agni và nói rằng tất cả sự tế lễ cần được thực hiện dưới tên của **Svāhā**

Truyền thuyết khác nói rằng bà đã thuyết phục Agni xác thực (cho mọi người biết) mối quan hệ trường tồn giữa bà và Agni. Do vậy mà Agni đã tuyên bố rằng: Khi đọc thần chú tế lễ bằng lửa đến các chư Thiên (chư Thần) đều phải tuân theo công thức kết thúc với tên của bà ta (**Svāhā**).

_**Agnikoṇa** dùng để xác định 1 trong 10 phương và phương của Agni là một Digpala. **Digpala** nghĩa thần bảo hộ phương hướng và ở đây ám chỉ Agni thần của phương đông nam. Digpala là những chư thiên cai quản các phương của nghiệp lực và phối ngẫu của họ là những người ban quả cho các đạo lộ của nghiệp. Không có quả nào được trổ ra mà không do một trong các Digpala ban phát. Do đó Agni có tầm quan trọng trong việc quyết định quả của nghiệp lực.

Vai trò này của Agni cũng rất giống với vai trò của Igni trong tiếng Latin.

Agni gắn liền với âm RA có liên quan mật thiết đến thần mặt trời của Ai Cập: Rishi cai quản ngõ đi đến chư thần, đường đi đến chư thần có tên là RA (lửa) và đường mang chư thần đến bản thân là LA (đất).

Âm RA được hiện diện trong các chữ chủng tử, ví dụ: **Hrīṃ** (ha+ra+ī+m)**, Śrīṃ** (śa+ra+ī+m) và **Krīṃ** (ka+ra+ī+m).

Agni được mô tả có 7 lưỡi (jihva) dùng để chấp nhận sự dâng cúng của con người và mang đến các chư thiên. Ở dạng thức này Agni có tên là **Vahni**. Bảy cái lưỡi đại diện 7 ngày trong tuần dùng để cúng tế.

Danh sách 1: **Saptajihva bīja**

Lưỡi | Chủng tử | Graha
Hiraṇyā | **hrūṃ** | Nhật
Gaganā | **srūṃ** | Nguyệt
Raktā | **śrūṃ** | Hỏa
Kṛṣṇā | **vrūṃ** | Thủy
Suprabhā | **lrūṃ** | Mộc

Bahurūpā | **rrūṃ** | (Kim)
Atiraktā | **yrūṃ** | (Thổ)

Tên Sanskrit của các ngày trong tuần là **Vāra**. Từ Vāra là thể thu gọn của **Vāsara**. Vāsa nghĩa là ở, cư ngụ, trú… và **Ra** biểu thị cho Agni (hỏa thiên) giống như thần mặt trời Ai Cập. Do đó từ **Vāsara** mang ý nghĩa là Trú Xứ của Hỏa Thiên. Tương tự, một ngày trong tuần (Vāra) là một trú xứ của Agni, tất cả chức năng của ngày trong tuần xuất phát từ quy luật hình thành này.

Bảy lưỡi (jihva) có tên là: **Hiraṇyā, Gaganā, Raktā, Kṛṣṇā, Suprabhā, Bahurūpā** và **Atiraktā**. Mỗi lưỡi có một **bīja** (chủng tử) hay thần chú đơn âm có chứa chủng tử **Yrūṃ**, và mang tiền tố là 1 trong 7 bán nguyên âm.

_Theo Jyotiṣis thì trong Siva Purāṇa cho chúng ta **8 bīja** cho 8 phương:
Danh sách 2: Graha | Chủng âm
Nhật | **Brūṃ**
Nguyệt | **Drūṃ**
Hỏa | **Bhrūṃ**
Thủy | **Hrūṃ**
Mộc | **Stūṃ**
Kim | **Śrūṃ**
Thổ | **Ḍrūṃ**
La Hầu | **Prūṃ**

Ai đọc tụng những chủng tử này được đồng nhất với **Lagna** như trong danh sách sẽ nhận được phương hướng và sự giác ngộ ngay trong đời, thông qua sự cầu nguyện Agni.

Người hành lễ cần phải phân loại và hiểu được chủ đề mà họ sẽ học hiểu trong khi cầu. Chủng âm này được đọc tụng trước ngọn đèn nhằm làm sáng ngọn đèn giác ngộ bên trong hành giả. Đọc tụng các âm này cùng mang lại sức mạnh lớn lao về thể chất lẫn tinh thần. Đối với những ai thuộc Aquarius Lagna, họ cần chọn **Rāhu** (sao La hầu) hoặc **Thổ diệu** là **Thần hộ Lagna** của mình.

_Thần chú của Hỏa Thiên: (Agni Mantra)
Thần chú đơn giản là **Oṃ_agnaye namaḥ** hay **Oṃ_ jatavedase namaḥ**. Nhưng phổ thông hơn trong tuyền thống Jyotish là chaitanya (tỉnh giác) mantra, gồm 9 âm: **Oṃ Hūṃ Rāṃ chaitanyayai namaḥ|**

Oṃ (1) **Hūṃ** (1) **Rāṃ** (1) **chaitanyayai** (4) **namaḥ** (2) = gồm 9 âm. Do đó năng lượng của Thần Chú sẽ trải qua 9 hành động: tìm một **Guru** (Đạo Sư), mở rộng thế giới quan, mở rộng chư thiên quan, xác định tương lai, và nhận được **Vijṅāna** (tri thức) hoặc kiến thức tâm linh cao như **dikṣa** và **pratibha.**

PHÁP HỘ MA CĂN BẢN CỦA ẤN ĐỘ GIÁO

Agnihotra (Homa) bao gồm hai lần cúng dường lửa chính xác tại hai thời điểm mặt trời mọc và mặt trời lặn cùng với việc sử dụng 2 bài tiểu chú.

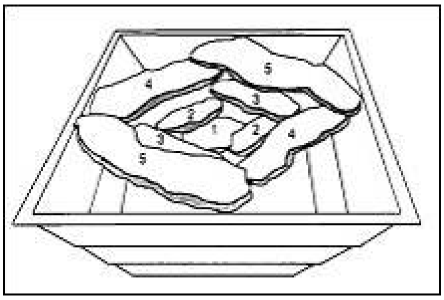
Đây là hộ ma dùng để chữa bệnh và tịnh hóa. Cũng được xem như là một hình thức cúng dường tro.



Nguyên liệu:
- Thau bằng đồng hình kim tự tháp (ngửa) làm lò lửa.
- Phân bò khô
- Bơ nguyên chất (làm từ sữa bò không pha muối)
- Gạo lức
- Thần chú Agnihotra
- Thời gian: Mặt trời mọc và mặt trời lặn.

Tạo lửa cho Agnihotra

Để tạo ra lửa Agnihotra thì cần phải sắp xếp các mảnh phân bò sao cho luồng không khí được thông thoáng.



Trét một chút bơ sữa lỏng trên mỗi cái bánh phân bò. Đặt một cái bánh phân bò ở dưới đáy của lò kim tự tháp. Thêm hai bánh nhỏ ở góc đối lập. Tiếp tục thêm miếng ở góc xen kẽ (xem hình).

Để đốt cháy các bánh phân: trét bơ vào một mẩu phân nhỏ và bật lửa đốt, sau đó đưa nó xuống giữa các lớp phân đã sắp xếp. Cần phải làm sao cho các vật liệu được đốt cháy hoàn toàn và không bị dư sót.



Đốt cháy vài phút trước khi thời điểm hành lễ bắt đầu. Không sử dụng bật lửa hoặc bếp ga để mồi lửa.

Sau mỗi lần thực hiện Agnihotra cố gắng dành nhiều phút để thiền định. Bạn có thể ngồi trong im lặng cho đến khi ngọn lửa tắt hẳn. Thu thập tro và giữ nó trong một thùng chứa làm bằng thủy tinh, đất nung hoặc gỗ. Không được giữ tro trong thùng chứa làm bằng nhựa hoặc kim loại khác với đồng hoặc vàng. Tro có thể được sử dụng làm thuốc. Tại Nam Mỹ, nó được gọi là "tro phép mầu".

Gạo

Sử dụng gạo nâu. Gạo bị chà bóng sẽ mất giá trị dinh dưỡng. Lựa hạt gạo không bị mẻ khuyết hoặc hư hỏng để làm Agnihotra. Nếu gạo bị hư, cơ cấu năng lượng tinh tế của nó bị biến đổi, vì vậy tro sẽ không thích hợp cho việc chữa bệnh.



Phân

Có một số cách để sấy phân bò. Cần làm cho các bánh phân khô và mỏng để dễ cháy.

Sử dụng phân tươi từ bò con đực hoặc cái. Sử dụng găng tay cao su để chọn những phân không bị xen lẫn bụi bẩn, cỏ hay đá. Luôn tâm niệm về điều tốt trong khi thu thập phân, bởi việc này làm tăng tác dụng chữa bệnh của nó. Trét phân lên một bề mặt phẳng và đặt nó dưới ánh nắng mặt trời gắt. Phơi phân trong khoảng bốn ngày, phụ thuộc vào khí hậu của bạn. Khi phân đã khô, bẻ vỡ ra và kiểm tra bên trong phân khô hay chưa bằng cách nghe âm thanh rỗng khi bạn chạm vào nó với ngón tay của bạn.



Bơ

Bơ được làm từ bơ nguyên chất không ướp muối, nấu trong một nồi điện, hoặc trên một bếp lò nhiệt độ rất thấp. Trên bếp, để xoong nồi cách khoảng hai inch phía trên nguồn nhiệt. Khi bơ sữa đã trở nên lỏng thì có thể được lọc thông qua vải bông, hoặc bộ lọc cà phê, hoặc khăn giấy trắng. Hãy cẩn thận không để pha trộn bất kỳ chất lỏng khác. Bơ sữa lỏng không cần phải làm lạnh.



Thần chú:

.)MẶT TRỜI MỌC

Sūryāya svāhā

(Cúng phần gạo lần đầu)

Sūryāya idaṃ na mama

Prajāpataye svāhā

(Cúng phần gạo lần sau)

Prajāpataye idaṃ na mama

.)MẶT TRỜI LẶN

Agnaye svāhā

(Cúng gạo lần đầu)

Agnaye idaṃ na mama

Prajāpataye svāhā

(Cúng gạo lần sau)

Prajāpataye idaṃ na mama

[Bản dịch của **Tống Phước Khải**]

_Trong hệ Mật Giáo thì **Agni** là một trong tám vị Hộ Thế Thiên, một trong Hộ Pháp Thần Vương ở mười phương, một trong 20 Thiên. Trong Thai Tạng Giới Man đa La thì Hỏa Thiên có vị trí ở góc Đông Nam của Ngoại Kim Cương Bộ Viện

_Căn cứ theo tín ngưỡng "**đám lửa bay lên hư không có thể đến được cõi Trời**", nên người Ấn Độ cổ đại xác nhận Hỏa Thiên là vị Sứ Giả trung gian giữa Thần và Người, vì thế khi thực hành nghi thức cúng tế thì thường chiêu thỉnh Hỏa Thần. Do tư tưởng này diễn biến nên đem vật thể ném vào trong lửa để cúng dường chư Thần...và phương cách này gọi là **Hộ Ma** (Homa).

Hê Mật Giáo nương theo phong tục này, ngay lúc tu Pháp Hộ Ma thời trước tiên đặt bày **đoạn Hỏa Thiên** để cúng dường Hỏa Thiên, sau đó mới cúng dường Bản Tôn. Như **Đại Nhật Kinh, quyển 6, phẩm Xuất Thế Hộ Ma** nói rằng: "Bà La Môn xác nhận có 44 loại Hỏa Thiên, nhưng Mật Giáo chỉ ghi nhận có 12 loại Hỏa Thần"

Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 20 giải thích trong ấy, thứ nhất là Hỏa Thần... và nói rằng: "Vị Hỏa Thần này tức có tên gọi là **Trí** (Jñāna), tướng ấy đoan nghiêm làm màu Kim Cương, dùng vòng hoa **Viên Sĩ** tự vây quanh mình, ở trong ánh sáng này lặng yên chính thọ **Tam Muội**. Do trụ Tam Muội này cho nên viên mãn Tính của Trí. Ánh sáng Trí này tức là tên gọi riêng của Tỳ Lô Giá Na vậy".

Ý của điều này tức là: Do lửa hay thiêu hủy vật thể, nhân đây dùng lò Hộ Ma làm cái miệng của Hỏa Thiên để đưa vật cúng vào nhằm biểu thị cho việc dùng **lửa Trí thiêu đốt hết phiền não**.

_Lại nhân vào việc lửa phát ra sức nóng, cùng với sự lạnh ấm, thời tiết có quan hệ. Nhân đây diễn sinh do sự vui giận của vị Trời này mà có tư tưởng hoặc thuận hoặc nghịch của sự lạnh ấm.

Như **Cúng Dường Thập Nhị Đại Uy Đức Thiên Báo Ân Phẩm** nói rằng: "Khi **Hỏa Thiên** vui thời có hai lợi ích. Một là nhiệt khí (sức nóng) của thân người tùy thời thêm bớt, hai là Thời Tiết chẳng nghịch. Khi vị Trời này giận thời cũng có hai điều hao giảm. Một là sức nóng của thân người thêm bớt chẳng đúng thời. Hai là tự nhiên phát lửa thiêu đốt các vật"

Do đó, nếu bị nạn về nước thì cầu Hỏa Thiên

HÌNH TƯỢNG CỦA HỎA THIÊN

Hình tượng của Hỏa Thiên có nhiều dạng: Hình tượng một mặt hai tay, hình tượng có một mặt ba cái miệng bốn cánh tay. Hình tượng có ba mặt bốn cánh tay hoặc bốn mặt bốn cánh tay...

_Hình tượng hai mặt bốn cánh tay



_Hình tượng hai mặt bảy cánh tay

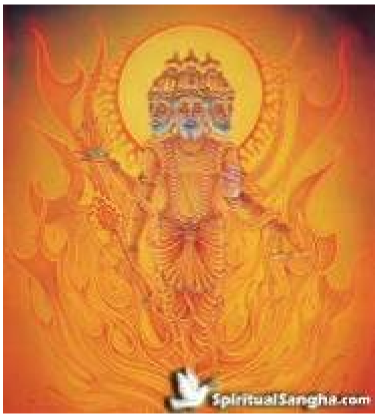


_Hình tượng ba mặt hai cánh tay



_Hình tượng bốn mặt bốn cánh tay





_Hình tượng một mặt hai cánh tay:



.)Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 5 nói rằng: "Góc Đông Nam xếp bày các chúng Hỏa Thiên trụ trong đám lửa, vầng trán với hai cánh tay đều có vẽ ba vạch tro, tức Bà La Môn dùng ba ngón tay lấy tro, tự bôi vẽ thân tượng vậy. Tất cả có màu đỏ thẫm, ngang trái tim cú **Tam Giác Ấn** ngay trong vòng tròn lửa, tay trái cầm tràng hạt, tay phải cầm cái Táo Bình. Đây là một thân của **Phổ Môn** (Viśva-mukha) để dẫn nhiếp lửa cúng tế Vi Đà Phạm Chí, phương tiện mở bày Pháp **Vi Đà** của Phật, cho nên Đàn lửa Đại Tuệ này là tiêu xí của tịnh tu **Phạm Hạnh** (Brāhma-caryā)"

.)Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bản Nguyện Công Đức Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ Cúng Dường Pháp nói rằng: "Hỏa Thần Đại Phạm Tiên ở Đông Nam có thân màu hồng, cầm bình Quân Trì, cỡi trên tòa Cổ Dương màu hồng"

.)**Tu Dược Sư Nghi Quỹ Bố Quỹ Pháp** nói rằng: "Phương Nam, Hỏa Thiên ở trên tòa Sơn Dương, thân màu hồng, tay cầm lò lửa".

_Hình tượng một mặt bốn cánh tay:

.)**Thanh Long Quỹ, quyển Hạ** nói rằng: "Hành Giả ở góc Đông mà làm tượng Hỏa Tiên trụ trong lửa rực sáng, có ba điểm tro làm tiêu xí, thân sắc đều đỏ thẫm, để Tam Giác Ấn tại trái tim, tay phải cầm tràng hạt, tay trái cầm cái Táo Bình, ngửa lòng bàn tay, tay trái cầm cây gậy, dùng con dê xanh làm tòa ngồi"



.)**Du Già Hộ Ma Nghi Quỹ** nói rằng: "Hỏa Thiên có bốn cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất Thí Vô Úy, tay thứ hai cầm viên ngọc. Bên trái: tay thứ nhất cầm cây gậy Tiên, tay thứ hai cầm cái bình Quân Trì"

.)**Thập Nhị Thiên Cúng Nghi Quỹ** ghi nhận là: "Phương Đông Nam, **Hỏa Thiên** cỡi con dê xanh, màu thịt đỏ, toàn thân rực lửa. Hai tay bên phải: một tay cầm cây trúc xanh, một tay cầm bình Quân Trì. Hai tay bên trái: Một tay giương chưởng, một tay cầm tràng hạt. Có 2 vị Thiên Nữ cầm hoa trời, hai bên trái phải đặt vị Tiên khổ hạnh, rũ bàn chân trái đạp xéo bàn chân phải"



_Hình tướng sắc vẻ tùy theo Pháp: **Tức Tai, Tăng Ích...** mà có sự sai khác

.)Kinh **Đại Ma Lý Chi, quyển 2** nói rằng: "Khi làm **Tức Tai** thời là **Diệt Tội Hỏa Thiên**, khi làm Pháp **Tăng Ích** thời có màu vàng sáng với thân tướng viên mãn, khi làm Pháp **Kính Ái** thời tượng có màu hồng của mâm hoa Mạn Độ Ca và xưng là **Vi Ca Mục Ca Hỏa Thiên**, khi làm **Giáng Phục** ắt thân khoác áo màu đen, miệng ló nanh bén nhọn và xưng là **Phẫn Nộ Hỏa Thiên**"

.)Kinh **Nhất Thiết Như Lai Đại Bí Mật Vương Vị Tằng Hữu Tối Thượng Vi Diệu Đại Mạn Noa La, quyển 3, Phẩm Hộ Pháp** ghi nhận là: "Khi làm Pháp **Tăng Ích** thời Hỏa Thiên hiện thân màu vàng đậm, tay cầm chày Kim Cương, trụ tại cung Trời của mình, làm tướng tự tại. Khi làm Pháp **Tức Tai** thời Hỏa Thiên hiện thân màu

trắng, khoác Thiên Y trắng, tay cầm bình Át Già, tự tại mà trụ. Khi làm Pháp **Kính Ái** thời Thân Hỏa Thiên có màu như đám tro, trụ tại cung Trời”

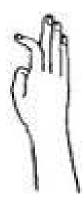
_Trong 12 Thiên thì **Hoả Thiên** là vị chủ của ***Thần lửa*** (Hoả Thần) với các chúng Thần Tiên **Trì Minh** (Vidya-ṛṣī), thủ hộ phương Đông Nam

Chữ chủng tử là: A (𑖀)



火天像

Đông Nam Phương Hỏa Thiên Ấn: Tay trái nắm quyền đặt ở eo trái. Dựng thẳng 5 ngón tay phải cùng dính nhau. Co Không (ngón cái) dính trong lòng bàn tay, co lóng giữa của ngón Phong (ngón trỏ) cùng với **Sa Bà Ha** (Svāhā) triệu mời.



Chân Ngôn là :

“Án, a ngã na duệ, sa bà ha”

𑖌𑖼 𑖀𑖐𑖿𑖡𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖮𑖯

OM _ AGNÀYE SVÀHÀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

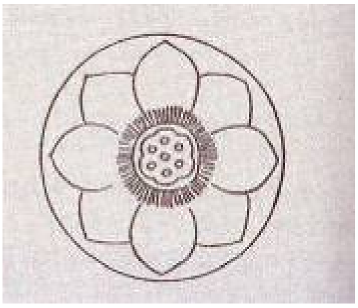
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Hỏa Thiên là một trong bốn vị Hộ Pháp của vòng Kim Cương, đại biểu cho Đức đặc biệt của Hỏa Đại (Tejo-dhātu) là thiêu đốt mọi sự ô uế khiến cho Tâm không còn bụi dơ.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình Tiên Nhân, phía sau lưng có lửa rực, khoác áo Yết Ma

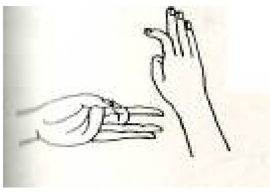


Chữ chủng tử là: RA (𑖨), hay A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen, Tam Giác Hỏa Diễm



Tướng Ấn là: Tay trái để trước ngực ngửa lòng bàn tay cùng hợp 2 ngón cái và ngón giữa, duỗi 3 ngón còn lại. Tay phải giương lòng bàn tay, duỗi thẳng ngón út, ngón vô danh, ngón giữa, co ngón cái vào lòng bàn tay, co ngón trỏ triệu vời ba lần.



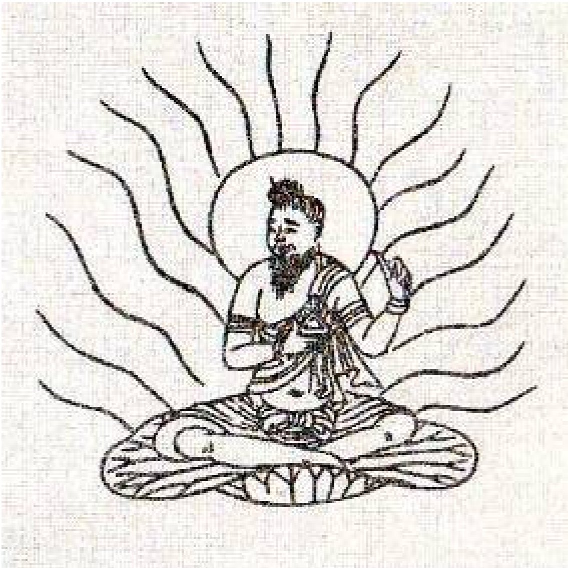
Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖽 𑖀𑖐𑖿𑖡𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

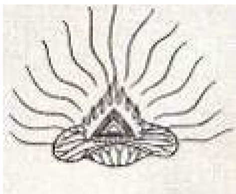
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AGNAYE_ SVĀHĀ

Cũng trong Hội này, Hỏa Thiên là một trong 20 Thiên hộ thế, có vị trí ở phương Tây của Ngoại Đàn

Tôn hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái nắm quyền, duỗi ngón trỏ hướng lên trời, tay phải cầm Tam Giác Hỏa Diễm



Mật Hiệu là: **Kim Cương Hỏa**
Chữ chủng tử là: NA ( )
Tam Muội Gia Hình là: Tam Giác Ấn



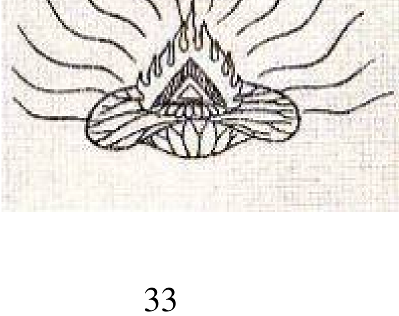
Tướng Ấn là: Tay phải tác Thí Vô Úy Ấn, co ngón cái vào tâm lòng bàn tay, ngón trỏ tác câu triệu, ngang vai phải. Tay trái đem ngón giữa, ngón cái chụm lại thành dạng Tam Giác, kèm duỗi ba ngón còn lại, mặt ấn ngửa lên lên ngang trái tim .



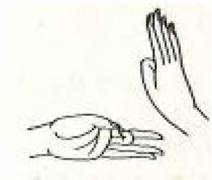
Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-ANALA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Hỏa Thiên có chữ chủng tử là: NAṂ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Tam Giác Ấn



Tướng Ấn là: Tay phải tác Thí Vô Úy Ấn



Chân Ngôn là:
OṂ _ VAJRA-ANALA   SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Hỏa Thiên có chữ chủng tử là: LA ()
Tôn Hình: Tay trái cầm cây gậy, tay phải cầm viên ngọc.

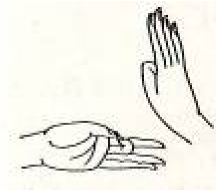


Chân Ngôn là:
OṂ _ VAJRA-ANALA   SVĀHĀ_ LA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Hỏa Thiên có chữ chủng tử là: LA ()
Tôn Hình: Tay trái cầm cây gậy, tay phải cầm viên ngọc.



Tướng Ấn là: Tay phải tác Thí Vô Úy Ấn



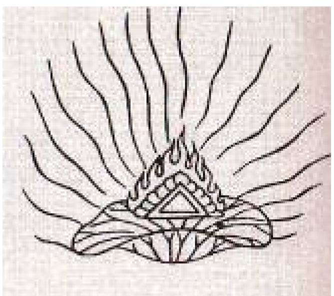
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖡𑖩 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA-ANALA SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Hỏa Thiên có chữ chủng tử là: RAṂ (𑖨𑖽)

Tôn Hình: Tay trái cầm cây kiếm, tay phải nâng Tam Giác Hỏa Diễm.



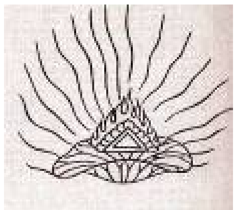
Tam Muội Gia Hình là: Tam Giác Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖡𑖩 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖨𑖽
OṂ _ VAJRA-ANALA SVĀHĀ_ RAṂ

)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Hỏa Thiên có chữ chủng tử là: LA (ল)

Tam Muội Gia Hình là:Tam Giác Ấn.



Chân Ngôn là:

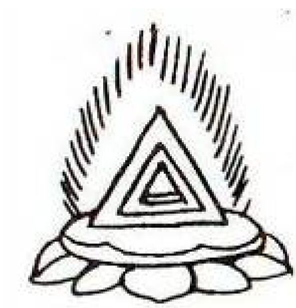
OṂ _ VAJRA-ANALA SVĀHĀ_ LA

_ Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** ở góc Đông Nam của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Hỏa Thiên có thân màu thịt đỏ, hiện hình Tiên Nhân ngồi trong lửa rực, có một mặt 4 cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất để trước ngực cầm Tam Giác Ấn, tay thứ hai cầm tràng hạt. Bên trái: tay thứ nhất để ở đầu gối cầm Táo Bình, tay thứ hai cầm cây gậy Tiên.

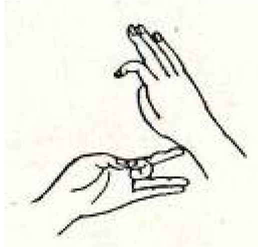


Chữ chủng tử là: A (अ)

Tam Muội Gia Hình là:Tam Giác Ấn.



Tướng Ấn là: Hỏa Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ AGNAYE_ SVĀHĀ

Ý NGHĨA CHÂN NGÔN CỦA HỎA THIÊN

_Đại Nhật Kinh, quyển 2 ghi nhận Chân Ngôn của Hỏa Thiên là:

"**Nam ma tam mạn đa bột đà nam** (Namaḥ samanta-buddhānāṃ) **A Yết Na Duệ** (Agnaye) **sa ha** (Svāhā)"

Đại Nhật Kinh Nghĩa Thích, quyển 6 nói rằng:

Nam ma tam mạn đa bột đà nam (Namaḥ samanta-buddhānāṃ) nghĩa là **Quy mệnh chư Phật**

A Yết Na Duệ (Agnaye) nghĩa là **Lửa**.

Dùng chữ **A** (अ) làm chủng tử biểu thị cho **tất cả Pháp vốn chẳng sinh**, tức là quy vào T**hể của Trí Kim Cương**

Yết (ग:GA) nghĩa là **Hành** (Gati: hướng đi, lối nẻo), do các Pháp vốn chẳng sinh, tuy đủ vạn Hạnh nhưng không có chỗ để thực hành, nên nói là **không có Thầy mà tự giác ngộ** (vô sư tự giác), tức đồng với Đại Không mà tràn khắp tất cả nơi chốn, cho nên cùng đồng Thể với Đại Không của chữ **Na** (न:NA).

Lại dùng các Pháp không có chỗ để thực hành, cho nên ở ba cõi chẳng động chẳng xuất ra, mà đến **Tát Bà Nhược Địa** (Sarva-jñā-bhūmi: Nhất Thiết Trí Địa), không có **thứ bậc** (thừa) với **người của thứ bậc** (thừa giả) tức là nghĩa của chữ **Duệ** (य:YE).

Lại chữ **Duệ** (य:YE) là tiếng của Tam Muội, khi thêm vào nhằm nói rõ **Định Tuệ** của **Thừa** (Yāna) này đều ngang bằng, khi chư Phật thực hành **Bồ Tát Đạo** (Bodhisatva-mārga) thời đều dùng lửa Tuệ như vậy thiêu đốt tất cả sự dơ bẩn của Tâm rồi thắp lên ánh sáng của **Chính Pháp** (Saddharma), thế nên **nói như thật** tức là **Chân Ngôn.**

Nếu Triệu Thỉnh thì thêm chữ **Y Hệ Y Hệ** (Ehyehi)

Nếu Phát Khiển thời thêm chữ **Ca Xa Ca xa** (Gaccha gaccha)"

HỎA THIÊN PHI

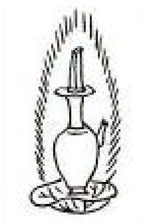
Hỏa Thiên Phi, tên Phạn là **Agnayī**, dịch âm là A Nga Nẵng Duệ. Lại xưng là Hỏa Thiên Hậu, là vợ của Hỏa Thiên, biểu thị cho **Định Đức** của Hỏa Thiên

_ Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** ở góc Đông Nam của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì thân màu thịt trắng. Co hai cánh tay rồi ngửa lòng bàn tay, ngồi trong lửa rực.

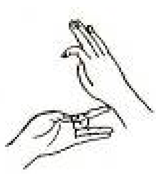


Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Táo Bình.



Tướng Ấn là:Hỏa Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖀𑖐𑖿𑖡𑖰𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ AGNIYE_ SVĀHĀ

QUYẾN THUỘC CỦA HỎA THIÊN

_ Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** ở góc Đông Nam của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala)

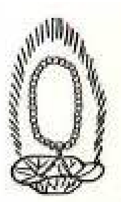
.)Bà Tô Đại Tiên (Vasu-mahā-ṛṣī) là quyến thuộc của Hoả Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, thân trên không mặc áo. Tay phải cầm hoa sen, tay trái cầm tràng hạt.

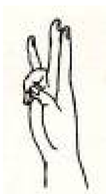


Chữ chủng tử là: VA (व)

Tam Muội Gia Hình là: Chuỗi tràng hạt.



Tướng Ấn là: Nhất Thiết Chư Tiên Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ VASIṢṬA ṚṢIṂ _ SVĀHĀ

.)Bà Tô Tiên Hậu (Vasvī hay Vasiṣṭha) là vợ của Bà Tô Tiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt. Tay phải để trước ngực cầm hoa sen khép cánh với lá sen. Tay trái để bên eo cầm hoa sen nở rộ. Giao ống chân mà ngồi.

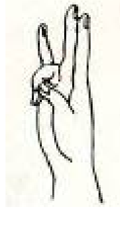


Chữ chủng tử là: VA (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen nở rộ.



Tướng Ấn là: Nhất Thiết Chư Tiên Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

.)A Nghệ La Tiên, tên Phạn là **Aṅgira-ṛṣi**, lại xưng là Ương Kỳ La Tiên, Ương Yết La Tư Tiên, Ương Kỳ Lạt Tứ Tiên. Dịch ý là Thân Hãn Dịch Tiên.

A Nghệ La Tiên là vị Tiên Nhân thuộc Ấn Độ cổ xưa, một trong 7 vị Đại Tiên, một trong 10 vị Đại Tiên, một trong 10 vị Prajāpati. Do chẳng sinh từ bào thai mà sinh ra từ mồ hôi (hãn dịch) nên có tên gọi này.

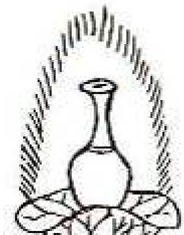
Tôn này là một trong 5 vị quyến thuộc của Hoả Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình Tiên Nhân. Tay phải cầm xương quai hàm, dựng thẳng trên đầu gối phải. Tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có cái bình. (hình bên trái)

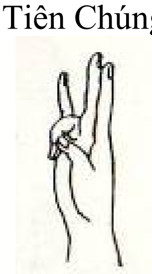


Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Hồ Bình.



Tướng Ấn là:Thành Tựu Trì Minh Tiên Chúng.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖒𑖿𑖏𑖰𑖨 𑖦𑖮𑖨𑖿𑖬𑖰𑖽 𑖭𑖿𑖪𑖮

OṂ_ AṄGIRA MAHĀ-ṚṢIṂ_ SVĀHĀ

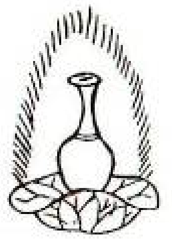
.) A Nghệ La Tiên Hậu (Aṅgirasī-ṛṣi) là vợ của A Nghệ La Tiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình Thiên Nữ, tay phải dựng duỗi 5 ngón để ngang ngực, ngón cái vịn lóng thứ hai của ngón trỏ. Tay trái tác Dữ Nguyện Thủ. (hình bên phải)

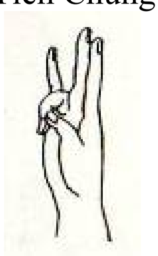


Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Hồ Bình.



Tướng Ấn là:Thành Tựu Trì Minh Tiên Chúng.



Chân Ngôn là:

OṂ_ AṄGIRA MAHĀ-ṚṢIṂ_ SVĀHĀ

.)Cù Đàm Tiên, tên Phạn là **Gautama-ṛṣi**, lại xưng là Cù Đàm Đại Tiên, Cù Đàm Tiên. Là vị Tiên Nhân ở thời đại rất cổ xưa của Ấn Độ, một trong 7 vị Đại Tiên, một trong 10 vị Prajāpati

Tôn này là một trong 5 vị quyến thuộc của Hoả Thiên

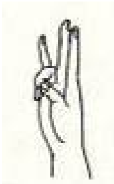
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ. Tay phải nắm quyền để ngang ngực, co khuỷu tay phải để trên đầu gối phải. Tay trái cầm cái bình. (hình bên trái)



Chữ chủng tử là: GAU ()
Tam Muội Gia Hình là: Thí Vô Uý Ấn.



Tướng Ấn là:Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ_ GAUTAMA MAHĀ-ṚṢIṂ GARGHA_ SVĀHĀ

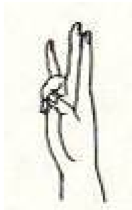
.)Cù Đàm Tiên Hậu (Gautamī-ṛṣī) là vợ của Cù Đàm Tiên.
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình Thiên Nữ, hai tay cầm cây kích Độc Cổ. (hình bên phải)



Chữ chủng tử là: GAU (गौ)
Tam Muội Gia Hình là: Thí Vô Uý Ấn.



Tướng Ấn là:Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.



Chân Ngôn là:

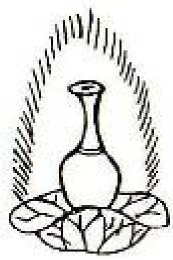
OṂ_ GAUTAMA MAHĀ-ṚṢIṂ GARGHA_ SVĀHĀ

.) A Điệt Lý Tiên (Atreye-ṛṣi) là một trong 5 vị quyến thuộc của Hỏa Thiên

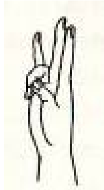
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ. Co dựng cánh tay phải nắm Liên Hoa Quyền để ngang vai, duỗi thẳng ngón út. Tay trái nắm quyền để ngang eo cầm hoa sen chưa nở.



Chữ chủng tử là: A (अ)
Tam Muội Gia Hình là: Hồ Bình. Hay hoa sen chưa nở



Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.



Chân Ngôn là:



OṂ_ ATREYE MAHĀ-ṚṢIṂ _ SVĀHĀ

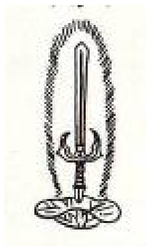
.)Tỳ Lý Cù Tiên (Bhṛgautama-ṛṣi) là một trong 5 vị quyến thuộc của Hoả Thiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ. Co khuỷu tay phải đè lòng bàn tay trên đùi phải. Tay trái nắm quyền để ngang eo cầm lá sen, trên lá sen có chày Tam Cổ.

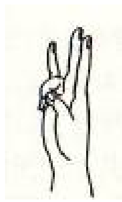


Chữ chủng tử là: BHṚ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.Hay chày Tam Cổ trên lá sen.



Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.



Chân Ngôn là:



OṂ_ BHṚGAUTAMA MAHĀ-ṚṢIṂ _ SVĀHĀ

DIỆM MA THIÊN

Diệm Ma Thiên, tên Phạn là **Yama**, dịch âm là Dạ Ma, Diễm Ma, Diêm Ma, Viêm Ma. Dịch ý là Thiện Thời Phần, Thiện Thời, Thiện Phần, Diệu Thiện, Diệu Thời Phần, Diệu Xướng, Xướng Lạc… là tầng Trời thứ ba trong sáu tầng Trời của **Dục Giới** (Kāma-dhātu). Lại xưng là Diệm Ma Thiên, Diễm Ma Thiên, **Tô Dạ Ma Thiên** (Suyama-deva), Tu Dạ Ma Thiên, Tu Viêm Thiên, Ly Tránh Thiên

_Lập Thế A Tỳ Đàm Luận, quyển 6 với **Tuệ Uyển Âm Nghĩa, quyển Thượng** ghi nhận là: "Cõi Trời này có ánh sáng rực rỡ, không có phân chia ngày đêm. Người Trời ở trong cõi ấy giờ giờ phút phút thọ nhận sự hoan lạc chẳng thể nghĩ bàn, sống thọ 200 tuổi, thân dài hai Do Tuần. Áo dài bốn Do Tuần, rộng hai Do Tuần, nặng ba Thù (1/8 lạng). Có việc hôn sự là nam lấy vợ, nữ lấy chồng"

_Chương Sở Tri Luận, quyển Thượng ghi là: "Cõi Tam Thập Tam Thiên thường tranh đấu với **A Tu La** (Asura), còn Dạ Ma Thiên thì xa lìa sự tranh đấu cho nên xưng là **Ly Tránh Thiên**. Chúng sinh được sinh vào cõi Trời này liền chẳng sát sinh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm… phần lớn ưa thích tu hành, lại tự mình hay giữ Giới, dạy bảo người khác trì Giới, tu trì lợi ích cho ta và người"



_Theo Ấn Độ Giáo thì Yama là vị Trời Dạ Ma, một vị Thần Quang Minh. Sau khi mất, Ngài vào cõi U Minh làm Chủ Tể của cõi Hắc Ám chuyên phán xét tội ác của người chết nên có tên là **Tử Vương** (Mṛtyu-rāja). Ở Địa Ngục thì Yama chuyên cai trị Nam Tội Nhân, còn em gái là Yami chuyên cai trị Nữ tội nhân, nên được gọi là Song Vương. Hai anh em đều là con của **Nhật Thần** (Vivasvat) và **Thời Gian Thần** (Saranyu)

Do Yama chuyên trừng phạt cột trói tội nhân nên có tên là **Phộc Vương** (Bandha-rāja). Vì phán quyết và ngăn chặn hạnh ác của những người bị đọa vào Địa Ngục nên có tên là Già Chỉ Vương hoặc Tịnh Tức Vương . Do Yama luôn thẩm vấn và phán xét tội nhân một cách vô tư nên có tên là **Bình Đẳng Vương** (Samatā-rāja).

Truyền Thuyết cho rằng: Yama nguyên là vị vua của xứ **Vệ Xá Li** (Vaiśali). Trong một trận chiến tranh đẫm máu, Ngài nguyện làm vua của Địa Ngục và được tái sinh làm Diêm Vương thống lãnh 18 Âm Cung, 8 vị Tướng Quân và 8000 ngục tốt. Ngài cư trú trong cái thành to lớn làm bằng 7 báu, ngang dọc 60 Do Tuần , thọ hưởng sự vui sướng vô thượng. Nhưng mỗi ngày 3 lần, Yama và các Tướng Sĩ phải chịu hình phạt bị đổ đồng sôi vào miệng cho đến khi đền trả hết tội ác. Do Yama nhận chịu cả 2 Quả Báo sướng khổ nên có tên là S**ong Vương**.

_Sau này tuy Mật Giáo ghi nhận Yama vào Thiên Bộ là **Diệm Ma Thiên** (Yama-deva) nhưng Giáo Đồ Phật Giáo vẫn xem Ngài là Thủy Tổ của Thế Giới Quỷ, Tổng Quản của Âm Giới, Thần Chủ của **Địa Ngục** (Naraka, hay Niraya) ở **núi Thiết Vi** (Cakravāḍa-parvata). Thuộc Hạ thân cận của Ngài là **Hắc Ám Thiên Nữ** (Kāla-rātrī), **Thái Sơn Phủ Quân** (Citra-gupta) và 2 vị Thần chuyên ghi chép việc Thiện Ác có tên chung là **Song Đồng.**

Yama-rāja là một trong 8 vị Trời Hộ Thế, một trong 20 Thiên, một trong 12 Thiên. Là vua của chúng Quỷ

_Theo truyền thống văn hóa của Trung Hoa thì **Diệm Ma Thiên** tức là vua Diêm La. Tổng cộng có mười vị Diêm Vương ở mười điện cai quản âm phủ hay U Minh Giới, cõi này chỉ có một cái thành chính tên là **Phong Đô**, mười vị Diêm Vương đều được xưng là **Phong Đô Đại Đế**

HÌNH TƯỢNG CỦA DIỆM MA THIÊN

Hình tượng của Diệm Ma Thiên được thờ phượng theo nhiều dạng thức khác nhau

Hình tượng Diệm Ma Thiên của Ấn Độ: Thân màu xanh, có bốn cánh tay cầm khí trượng, ngồi trên con trâu



Thần Chú tán tụng Yama:

Oṃ- Sūrya-putrāya vid mahe
Mahā-kālāya dhī mahe
Thanno yama prachodayath

_Hình tượng của **Thập Điện Diêm Vương** theo truyền thống văn hóa Trung Hoa

.)Điện thứ nhất: **Tần Quảng Vương**

Tần Quảng Vương chuyên trong coi sổ sách sinh tử: sống thọ, chết yếu của nhân gian, cai quản chung sự tốt xấu ở cõi U Minh. Cái điện **Quỷ Phán** ở con đường đen tối (hắc lộ) tại suối vàng ngay bên ngoài tảng đá ngầm màu mỡ trong biển lớn.

Phàm ngày người thiện lành chết thì có tiếp dẫn vãng sinh, **n**am nữ đều phải đi qua hai cái bình, giao cho điện thứ mười dẫn đi đầu thai vào cõi người. Hoặc nam chuyển làm nữ, nữ chuyển làm nam, y theo nghiệp duyên phân biệt, thọ nhận quả báo.

Phàm người ít ác thì khiến vào Điện có cái đài cao tên là **Nghiệt Kính Đài**, đài cao một trượng (10/3 m), gương lớn 10 Vi (50 tấc hay năm chét tay), bên trên có bảy chữ nằm ngang viết là **Nghiệt kính đài tiền vô hảo nhân** (Trước đài Nghiệt Kính không có người tốt), áp giao hồn có nhiều điều ác, tự nhìn thấy việc gian hiểm của Tâm mình, khi ấy mới biết vạn lạng vàng ròng chẳng thể đem theo, một đời chỉ có tội lỗi theo thân. Sau khi vào đài soi chiếu thì phân xử giải qua viện thứ hai, dùng hình phạt chịu đau khổ trong ngục



.)Điện thứ hai: **Sở Giang Vương**

Sở Giang Vương Trông coi Địa Ngục **Hoạt Đại** bên dưới tảng đá ngầm ở chính Nam tại đáy biển lớn. Tầng này dài rộng 500 Do Tuần, xếp bày 16 Địa Ngục nhỏ bên dưới là: Hắc Vân Sa Tiểu Địa Ngục, Phẩn Niếu Nê Tiểu Địa Ngục, Ngũ Xoa Tiểu Địa Ngục, Cơ Ngạ Tiểu Địa Ngục, Khát Tiểu Địa Ngục, Nùng Huyết Tiểu Địa Ngục, Đồng Phủ Tiểu Địa Ngục, Đa Đồng Phủ Tiểu Địa Ngục, Thiết Khải Tiểu Địa Ngục, U Lượng Tiểu Địa Ngục, Kê Tiểu Địa Ngục, Hôi Hà Tiểu Địa Ngục, Chước Triệt Tiểu Địa Ngục, Kiếm Diệp Tiểu Địa Ngục, Hàn Băng Tiểu Địa Ngục

Phàm người gây thương tích cho kẻ khác, hoặc gian dâm, hoặc sát sinh sẽ bị đọa vào Địa Ngục này, sau đó chuyển đến 16 Tiểu Địa Ngục, Hết hạn kỳ sẽ bị giải đến Điện thứ ba

.



.)Điện thứ ba: **Tống Đế Vương**

Tống Đế Vương cai quản **Hắc Thằng Đại Địa Ngục** bên dưới tảng đá ngầm ở phía Đông Nam dưới đáy biển lớn. Tầng này dài rộng 500 Do Tuần cũng có 16 Tiểu Địa Ngục là: Hàm Lỗ Tiểu Địa Ngục, Ma Hoán Già Nữu Tiểu Địa Ngục, Xuyên Lặc Tiểu Địa Ngục, Đồng Thiết Quát Kiểm Tiểu Địa Ngục, Quát Chi Tiểu Địa Ngục, Kiềm Tễ Tâm Can Tiểu Địa Ngục, Oạt Nhãn Tiểu Địa Ngục, Sản Bì Tiểu Địa Ngục, Nguyệt Túc Tiểu Địa Ngục, Cước Giáp Tiểu Địa Ngục, Đảo Điếu Tiểu Địa Ngục, Phân Cốt Tiểu Địa Ngục, Thư Chú Tiểu Địa Ngục, Kích Tất Tiểu Địa Ngục, Bào Tâm Tiểu Địa Ngục

Phàm những người trên Dương Thế ngỗ nghịch bất hiếu, xúi người kiện tụng, phụ ân bạc nghĩa… đều bị đọa vào Địa Ngục này chịu hình phạt treo cổ, móc mắt , lóc xương… hết hạn kỳ sẽ bị chuyển đến Điện thứ tư



宋帝王 King Song Di

.)Điện thứ tư: **Ngũ Quan Vương**

Ngũ Quan Vương cai quản địa ngục **Hợp Đại** bên dưới tảng đá ngầm ở chính Đông dưới đáy biển lớn. Tầng này cũng dài rộng 500 Do Tuần, cũng có 16 Tiểu Địa Ngục là: Trì Tiểu Địa Ngục, Miêu Liên Trúc Tiêm Tiểu Địa Ngục, Phí Thanh Nhiễu Thủ Tiểu Địa Ngục, Chưởng Bạn Lưu Dịch Tiểu Địa Ngục, Đoạn Cân Dịch Cốt Tiểu Địa Ngục, Yển Kiên Loát Bì Tiểu Địa Ngục, Tỏa Phu Tiểu Địa Ngục, Tồn Phong Tiểu Địa Ngục, Thiết Y Tiểu Địa Ngục, Mộc Thạch Thổ Ngõa Áp Tiểu Địa Ngục, Kiếm Nhãn Tiểu Địa Ngục, Phi Hôi Tắc Khẩu Tiểu Địa Ngục, Quán Dược Tiểu Địa Ngục, Du Hoạt Điệt Tiểu Địa Ngục, Thích Chủy Tiểu Địa Ngục, Toái Thạch Mai Thân Tiểu Địa Ngục

Phàm những người trên Dương Thế: đầu cơ tích trữ, buôn bán gian trá...sẽ bị đọa vào Địa Ngục này, sau đó tiếp tục chịu khổ ở các Địa Ngục khác, hết kỳ hạn sẽ bị chuyển đến Điện thứ năm



.)Điện thứ năm: **Diêm La Vương**

Diêm La Thiên Tử vốn ngự ở điện thứ nhất nhưng vì thương người chết oan hay trả hồn về sống lại kêu oan, nên bị giáng xuống quản Đại Địa Ngục **Khiếu Hoán** và 16 Tiểu Địa Ngục **Chu Tâm** là: Cát Thủ Bất Kính Quỷ Thần Sai Nghi Hữu Vô Nhân Quả Báo Ứng Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục, Cát Thủ Sát Hại Sinh Mệnh Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục, Cát Thủ Thiện Nguyện Vị Hoàn Chư Ác Tiên Hành Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục, Cát Thủ Cận Tà Bột Mậu Tập Thuật Vọng Tưởng Trường Sinh Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục, Cát Thủ Khi Thiện Phạ Ác Hận Tha Nhân Bất Tốc Tử Vong Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục, Cát Thủ Kế Giảo Di Họa Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục, Cát Thủ Tổn Nhân Lợi Kỷ Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục, Cát Thủ Khan Lận Vật Cố Sinh Tử Hoãn Cấp Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục, Cát Thủ Thâu Đạo Muội Lại Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục, Cát Thủ Vong Ân Báo Oán Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục, Cát Thủ Hảo Đầu Đổ Thắng Khiên Liên Diên Lũy Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục, Cát Thủ Biển Dụ Hoặc Chúng Đẳng TâmTiểu Địa Ngục, Cát Thủ Ngận Độc Giáo Toa Dĩ Vị Năng Hại Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục, Cát Thủ Tật Thiện Đố Hiền Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục, Cát Thủ Chấp Mê Bất Cải Phỉ Báng Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục

Những ai đến Điện này đều được dẫn đến **Vọng Hương Đài** để nghe và thấy tất cả những điều, những tai ương mà họ đã gây ra trên trần gian, sau đó được đưa vào địa ngục này, sau khi thẩm tra kỹ càng mới chuyển đến Tiểu Ngục **Chu Tâm**, mổ bụng moi tim, ruột ném cho chó ăn. Hết kỳ hạn lại chuyển qua Điện thứ sáu.



.)Điện thứ sáu: **Biện Thành Vương**

Biện Thành Vương cai quản Đại Địa Ngục **Khiếu Hoán** bên dưới tảng đá ngầm ở chính Bắc dưới đáy biển lớn, dài rộng 500 Do Tuần, bốn chung quanh xếp bày 16 Tiểu Địa Ngục là: Thường Quỵ Thiết Sa Tiểu Địa Ngục, Thỉ Nê Tẩm Thân Tiểu Địa Ngục, Ma Tồi Lưu Huyết Tiểu Địa Ngục, Kiềm Chủy Hàm Tiểu Địa Ngục, Cát Thận Thử Giảo Tiểu Địa Ngục, Cức Võng Hoàng Toản Tiểu Địa Ngục, Đối Đảo Nhục Tương Tiểu Địa Ngục, Liệt Bì Kỵ Lôi Tiểu Địa Ngục, Hàm Hỏa Bế Hầu Tiểu Địa Ngục, Tang Hỏa Hồng Tiểu Địa Ngục, Phẩn Ô Tiêu Địa Ngục, Ngưu Điêu Mã Táo Tiểu Địa Ngục, Phi Khiếu Tiểu Địa Ngục, Đầu Thoát xác Tiểu Địa Ngục, Yêu Trảm Tiểu Địa Ngục, Bác Bì Tuyên Thảo Tiểu Địa Ngục.

Kẻ ngỗ nghịch bất hiếu bị quỳ chông, nhốt trong hầm phân, cưa đôi thân thể…. tiếp tục chịu khổ ở các Tiểu Địa Ngục, hết hạn kỳ sẽ bị chuyển qua Điện thứ bảy



.)Điện thứ bảy: **Thái Sơn Vương**

Thái Sơn Vương cai quản địa ngục **Nhiệt Não** bên dưới tảng đá ngầm ở Tây Bắc dưới đáy biển lớn, chu vị dài tộng 500 Do Tuần kèm xếp bày 16 Tiểu Địa Ngục là: Tuất Tự Thôn Tiểu Địa Ngục, Liệt Hung Tiểu Địa Ngục, Địch Thối Hỏa Bức Khanh Tiểu Địa Ngục, Quyền Kháng Phát Tiểu Địa Ngục, Khuyển Giảo Hĩnh Cốt Tiểu Địa Ngục, Úc Thống Khốc Cẩu Đôn Tiểu Địa Ngục, Tắc Đỉnh Khai Ngạch Tiểu Địa Ngục, Đỉnh Thạch Tồn Thân Tiểu Địa Ngục, Đoan Bảo Thượng Hạ Trác Giảo Tiểu Địa Ngục, Vụ Bì Trư Đà Tiểu Địa Ngục, Điếu Giáp Túc Tiểu Địa Ngục, Bạt Thiệt Xuyên Tai Tiểu Địa Ngục, Trừu Tràng Tiểu Địa Ngục, Loa Đạp Miêu Tước Tiểu Địa Ngục, Lạc Thủ Chị Tiểu Địa Ngục, Du Phủ Cổn Phanh Tiểu Địa Ngục

Phàm những kẻ trộm cắp, vu cáo, dối trá, mưu đoạt tiền của hại mạng đều bị đọa vào Địa Ngục này bị đun nấu trong vạc đồng…và tiếp tục chịu khổ ở các Tiểu Địa ngục, hết hạn kỳ bị chuyển qua Điện thứ tám



.)Điện thứ tám: **Đô Thị Vương**

Đô Thị Vương cai quản đại địa ngục **Đại Nhiệt Não** bên dưới tảng đá ngầm ở chính Tây dưới đáy biển lớn. Ngục này dài rộng 500 Do Tuần kèm xếp bày 16 Tiểu Địa Ngục là: Xa Băng Tiểu Địa Ngục, Muộn Oa Tiểu Địa Ngục, Toái Quả Tiểu Địa Ngục, Khổng Tiểu Địa Ngục, Tiễn Chu Tiểu Địa Ngục, Thường Thanh Tiểu Địa Ngục, Đoạn Chi Tiểu Địa Ngục, Tiên Tạng Tiểu Địa Ngục, Chá Tủy Tiểu Địa Ngục, Ba Tràng Tiểu Địa Ngục, Phần Tiểu Địa Ngục, Khai Sanh Tiểu Địa Ngục, Quả Hung Tiểu Địa Ngục, Phá Đỉnh Khiêu Xỉ Tiểu Địa Ngục, Cát Tiểu Địa Ngục, Cương Xoa Tiểu Địa Ngục

Phàm những ai sống trên trần gian bất hiếu khiến cho cha mẹ , người thân phiền muộn sẽ bị đọa vào ngục này và bị gia hình ở các tiểu ngục. Kẻ bất hiếu chịu hết mọi hình thức đau khổ sẽ bị giải đến Điện thứ mười, thay đổi hình dạng vĩnh viễn làm loài súc sinh.



.)Điện thứ chín: **Bình Đẳng Vương**

Bình Đẳng Vương cai quản Đại Địa Ngục **A Tỳ** bên dưới tảng đá ngầm ở Tây Nam dưới đáy biển lớn có vườn chồng chất vây quanh, dài rộng 800 Do Tuần bên trong lưới sắt chặt kín kèm xếp bày 16 Tiểu Địa Ngục là: Xao Cốt Chước Thân Tiểu Địa Ngục, Trừu Cân Lôi Cốt Tiểu Địa Ngục, Nha Thực Tâm Can Tiểu Địa Ngục, Cẩu Thực Tràng Phế Tiểu Địa Ngục, Thân Thiển Tiên Nhiệt Du Tiểu Địa Ngục, Não Cô Bạt Thiệt Xỉ Tiểu Địa Ngục, Thủ Não Điền Tiểu Địa Ngục, Chưng Đầu Quát Não Tiểu Địa Ngục, Dương Súc Thành Diêm Tiểu Địa Ngục, Mộc Giáp Đỉnh Tiểu Địa Ngục, Ma Tâm Tiểu Địa Ngục, Phí Thang Lâm Thân Tiểu Địa Ngục, Hoàng Phong Tiểu Địa Ngục, Hiết Câu Tiểu Địa Ngục, Nghị Chú Ngao Đam Tiểu Địa Ngục, Tử Xích Độc Xà Toản Khổng Tiểu Địa Ngục.

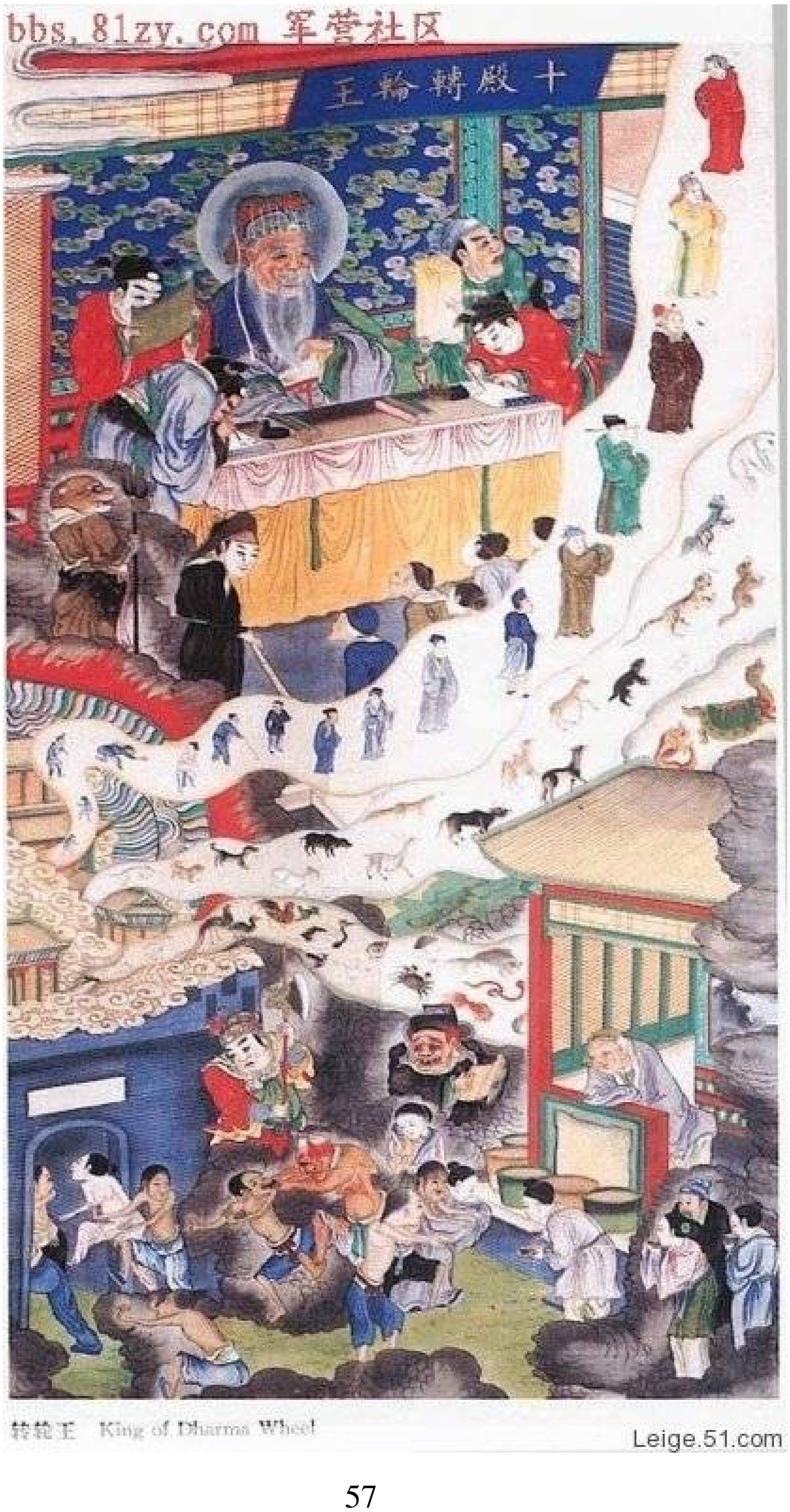
Phàm những kẻ phóng hỏa giết người, vi phạm chính pháp...sẽ bị đưa đến Điện này, bắt lõa thể ôm cột đồng nung đỏ thiêu đốt bỏng rát đến tận tim gan, sau đó bị giải đến Địa Ngục A Tỳ chịu hình phạt….Khi hết hạn kỳ được đua qua Điện thứ mười, chuyển thế đầu thai trả nợ cho người bị hại



.)Điện thứ mười: Ngũ Đạo **Chuyển Luân Vương**

Chuyển Luân Vương chuyên phán quyết các quỷ hồn, làm rõ việc thiện ác, quyết định đẳng cấp, rồi cho lên đầu thai ở bốn Đại Châu, Nam hay nữ, sống lâu hay chết yểu, giàu sang phú quý hay nghèo hèn, lần lượt được ghi vào danh sách. Những con quỷ mà có nghiệp ác, khiến cho nó sáng sinh ra chiều đã chết. Hết kỳ hạn trở lại làm người, đầu thai vào nơi sống rất man rợ, bẩn thỉu, nghèo túng…

Phàm kẻ được cho đi đầu thai, trước tiên giao cho **Mạnh Bà** ở bên dưới Đài **Đồ Vong** cho uống nước canh mê khiến cho quên đi việc của đời trước



转轮王 King of Dharma Wheel Leige.51.com

_Hình tượng Diệm Ma Thiên theo Tạng Truyền Phật Giáo là thân người đầu trâu, có hai tay hoặc bốn tay, cong chân phải duỗi chân trái theo thế chữ **Đinh** (丁), đứng trên con trâu, con trâu đè trên xác người







_Theo Mật Giáo Đông Độ thì Diệm Ma Thiên có hình tượng là: thân người có hai tay, tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, tay trái cầm **cây gậy đầu người** (Nhân Đầu Bổng) ngồi trên con trâu, hoặc đứng trên hoa sen



.)**Thập Nhị Thiên Cúng Nghi Quỹ** ghi nhận là: "Phương Nam, **Diễm Ma Thiên** cỡi con trâu. Tay phải cầm cây phướng đầu người, ngửa lòng bàn tay trái. Có hai Thiên Nữ theo hầu, hai Sứ Giả Quỷ cầm đao nâng kích, sắc màu đen, rũ bàn chân phải



_Trong 12 Thiên thì **Diễm Ma Thiên** là vị chủ của Ngũ Đạo Minh Quan, **Thái Sơn Phủ Quân** (Citra-gupta), Tư Mệnh, Hành Dịch Thần, các hàng Quỷ đói… thủ hộ phương Nam

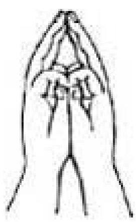
Chữ chủng tử là YAṂ (𑖧𑖽)



焰摩天

Nam Phương Diễm Ma Thiên Ấn:

Chắp 2 tay lại. Co lóng giữa của 2 Địa (2 ngón út) sao cho dính lưng nhau, cũng co dính lưng 2 Phong (2 ngón trỏ), đem 2 ngón cái đè lóng giữa 2 Phong (2 ngón trỏ) liền thành.



Chân Ngôn là :

Án, diễm ma gia, sa phộc ha

𑖌𑖼 𑖧𑖽𑖦𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ _ YAMMĀYA SVĀHĀ

[Hoặc Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖧𑖦𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ _ YAMĀYA SVĀHĀ]

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

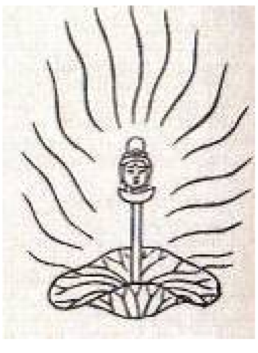
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Diệm Ma Thiên có thân màu đen đỏ, tay phải cầm **cây gậy Đàn Noa** (Daṇḍa), đầu gậy có nửa vành trăng, trên trăng có đầu người. Tay trái nắm quyền để ngang eo.



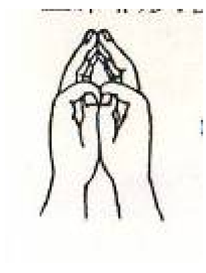
Mật Hiệu là: **Kim Cương Cát La**

Chữ chủng tử là: YAṂ (ẏ) hay KA (ক)

Tam Muội Gia Hình là: Đàn Noa (Daṇḍa: Nhân Đầu Bổng). Biểu thị cho nghĩa chúng sinh khó có thể được giải thoát mà thường hay bị nguy khốn ở cảnh giới Địa Ngục.



Tướng Ấn là Đàn Noa Ấn: Chắp 2 tay lại. Co lóng giữa của 2 Địa (2 ngón út) sao cho dính lưng nhau, cũng co dính lưng 2 Phong (2 ngón trỏ), đem 2 ngón cái đè lóng giữa 2 Phong (2 ngón trỏ) liền thành.



Chân Ngôn là:

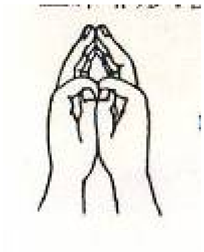
OṂ _ VAJRA- KĀLA   SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Diệm Ma Thiên có chữ chủng tử là: KA ()

Tam Muội Gia Hình là: Đàn Noa (Daṇḍa: Nhân Đầu Bổng)



Tướng Ấn là: Đàn Noa Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA- KĀLA   SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Diệm Ma Thiên có chữ chủng tử là: LA ()
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖎𑖯𑖩 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖩

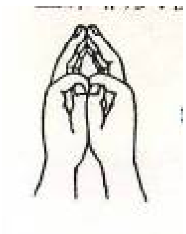
OṂ _ VAJRA- KĀLA   SVĀHĀ _LA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Diệm Ma Thiên có chữ chủng tử là: LA (𑖩)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Đàn Noa Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖎𑖯𑖩 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

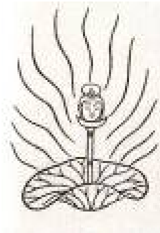
OṂ _ VAJRA- KĀLA   SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Diệm Ma Thiên có chữ chủng tử là: KA (𑖎)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Đàn Noa (Cây gậy có đầu người).



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA- KĀLA SVĀHĀ _LA

)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Diệm Ma Thiên có chữ chủng tử là: RA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Đàn Noa (Cây gậy có đầu người).



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA- KĀLA SVĀHĀ _RA

_ Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** ở phương Nam của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì **Diệm Ma Thiên** (Yama) có thân màu thịt, hiện hình phẫn nộ, tay trái cầm cây gậy đầu người, tay phải để trước ngực ngửa lòng bàn tay tác Dữ Nguyện Ấn. Ngồi trên con trâu trắng, buông rũ bàn chân trái (hình bên trái)

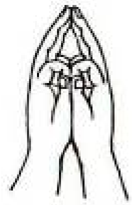


Chữ chủng tử là: VAI ( ), hay YAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy đầu người. Biểu thị cho nghĩa chúng sinh khó có thể được giải thoát mà thường hay bị nguy khốn ở cảnh giới Địa Ngục.



Tướng Ấn là: Đàn Noa Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ VAIVASVATĀYA SVĀHĀ

Hoặc Chân Ngôn là: (Trích trong Đà La Ni Tập Kinh)

OṂ_ YAMA-RĀJA UGRA-VĪRYA ĀGACCHA SVĀHĀ

_Lại dùng vị Trời này làm Bản Tôn của Pháp tu thì xưng là **Diệm Ma Thiên Pháp.** Tu Pháp này có thể kéo dài tuổi thọ, trừ tai nạn. Nếu vì cầu **Minh Phước** (Phước ở cõi Âm) ấy thời xưng là **Minh Đạo Cúng,** hoặc **Lạp Chúc Cúng**, **Chỉ Chúc Cúng**. Khi hành Pháp thời trước tiên ở trên Đàp sắp bày vị trí ngồi của **Diệm Ma Thiên Mạn Trà La**, tiếp theo bày vật cúng, cúng phẩm. Ở chính giữa dựng một cây nến sáp (lạp chúc). Sau đó xướng tụng Tôn Danh kèm thực hành nhúm lửa

_Cúng Dường Thập Nhị Đại Uy Đức Thiên Báo Ân Phẩm nói rằng: "Khi **Diễm Ma Thiên** vui thời người không bị chết đột ngột, dịch khí chẳng phát. Khi Trời này giận thời người bị chết không đúng thời, dịch khí tràn đầy". Nên nếu muốn trừ Dịch (bệnh dịch) thì cầu Diễm Ma Thiên

DIỆM MA THIÊN MẠN TRÀ LA

Dùng Diệm Ma Thiên làm trung tâm của Biệt Tôn Mạn Trà La đã dựng lập. Lại vì cầu Minh Phước, kéo dài tuổi thọ, trừ tai nạn mà tu **Diệm Ma Thiên Pháp**

_Kim Cương Đỉnh Du Già Hộ Ma Nghi Quỹ ghi chép rằng: "Chủ Tôn **Diễm Ma Thiên** cỡi con trâu. Tay phải cầm cây phướng đầu người, ngửa lòng bàn tay trái, rũ bàn chân phải. Có hai Thiên Nữ theo hầu, có hai Sứ Giả Quỷ theo hầu"

_Đồ Tướng của **Nhật Bản Giác Thiền Sao** ghi nhận là: "Chính giữa là Diệm Ma Thiên ngồi trên lưng con trâu, hai bên trái phải có hai người vợ. Bên ngoài đều an **Thành Tựu Tiên** (Siddhi-ṛṣī), **Giá Văn Trà** (Camuṇḍa). Phần bên trên, ở chính giữa

có **Thái Sơn Phủ Quân** (Citra-gupta), bên trái là **Tỳ Na Dạ Ca** (Vinayāka), bên phải là **Noa Cát Ni** (Ḍākiṇī). Phần bên dưới, ở chính giữa có **Ngũ Đạo Đại Thần** ngồi ở trên cái giường, bên phải là **Tư Mệnh**, bên trái là **Tư Lục**



DIỆM MA THIÊN PHI

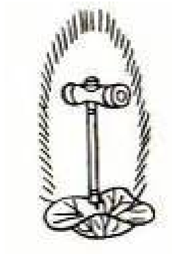
Diệm Ma Thiên Phi, tên Phạn là **Yamī**. Lại xưng là Dạ Ma Thiên Phi, Dạ Ma Nữ, Diệm Ma Nữ. Là một trong bảy vị Mẫu Thiên

Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** ở phương Nam của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì **Dạ Ma Thiên Phi** biểu thị cho **Định Đức** làm hình hiền từ nhẫn nại

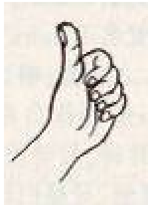
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Thiên Nữ, tay trái cầm cây kích Tam Cổ.
(hình bên phải)



Chữ chủng tử là: YA ( )
Tam Muội Gia Hình là: Cái chuỳ.



Tướng Ấn là:Chuỳ Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ_ MĀTṚBHYAḤ_ SVĀHĀ

_ Hắc Ám Thiên Nữ (Kāla-rātrī):

Kāla-rātrī lại xưng là Hắc Dạ Thiên, Ám Dạ Thiên, thuộc một trong 7 vị Mẫu Thiên, là **hậu phi của Diêm Ma Vương**.

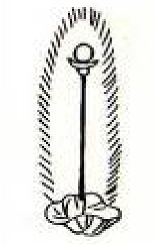
Tôn này có Bản Thệ là gia hộ cho chúng sinh tiêu trừ sự sợ hãi, lỗi lầm, tai vạ

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải ngửa lòng bàn tay, tay trái cầm cây gậy, đầu cây gậy là cái vòng, bên trong có hình đầu người. Giao hai ống chân mà ngồi, ngửa nhìn Diêm Ma Vương (hình bên trái)

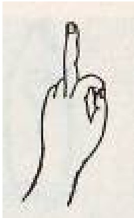


Chữ chủng tử là: KA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cây phướng. Hay cây gậy, bên trên có cái vòng



Tướng Ấn là:Tay trái nắm quyền, dựng đứng ngón giữa.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ KĀLA-RĀTRĪYE   SVĀHĀ

QUYẾN THUỘC CỦA DIỆM MA THIÊN

.)Thái Sơn Phủ Quân (Citra-gupta):

Citra-gupta dịch âm là Chất Đa La Cấp Đa, dịch ý là Phụng Giáo Quan. Lại xưng là Thái Sơn Phủ Quân, hoặc xưng là Chất Đát La Cấp Đa Tấn Ngục Giả.

Trung Quốc gọi Tôn này là Chủ Ty Thần của Đông Nhạc Thái Sơn thuộc Minh Phủ.

Phật Giáo đem Thái Sơn Phủ Quân phối trí với vị thư ký của Diêm Ma Vương, ghi chép các nghiệp thiện ác của nhân gian, cũng là một trong 10 vị vua của Minh Giới (cõi âm) và xưng là Thái Sơn Vương

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây bút, tay trái cầm cây gậy Đàn Noa, đầu gậy có cái vòng, trong cái vòng hiện mặt người (hình bên phải)

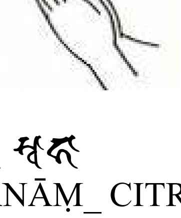


Chữ chủng tử là: CI (𑖓𑖰)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy đầu người.



Tướng Ấn là:Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ CITRA-GUPTĀYA - SVĀHĀ

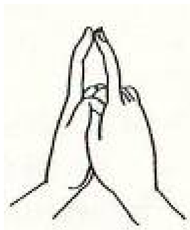
.)Quỷ Chúng (Mṛtyu-gaṇa hoặc Mṛtyu)
Tôn Hình: Thân hình màu thịt, hiện tướng quỷ đói, quỳ trước mặt Thái Sơn Phủ Quân, tác tư thế khẩn cầu (hình bên trái)



Chữ chủng tử là: MR (), hay RO ()
Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông.



Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_MṚTYU-GAṆA_ SVĀHĀ

Hay

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_PIŚĀCA GATI _ SVĀHĀ

.)Đoạt Nhất Thiết Mệnh (Mṛtyu):
Mṛtyu là một trong các quyến thuộc của Diệm Ma Thiên
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói, tay phải cầm cái túi da, tay trái cầm hoa (hình bên trái)



Chữ chủng tử là: MṚ ()
Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)



Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_MṚTYU_ SVĀHĀ

Hay
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_PIŚĀCA GATI _ SVĀHĀ

_ Tỳ Xá Già (Piśāca):

Piśāca lại xưng là Tất Xá Già Quỷ, Tý Xa Giá Quỷ. Dịch ý là Quỷ ăn máu thịt, Quỷ ăn tinh khí con người, Quỷ điên cuồng, Quỷ hút máu.

Piśāca nguyên là ma quỷ trong thần thoại cổ xưa của Ấn Độ. Bụng của nó như biển xanh, cổ họng như cây kim... thường cùng với A Tu La, La Sát dắt díu nhau.

Trong Phật Giáo thì quỷ đói tức là loài quỷ này. Quỷ này ăn nuốt tinh khí của con người, ăn máu thịt là loại hơn hết trong hàng quỷ đói

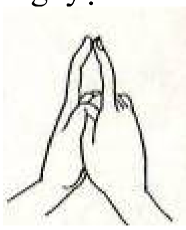
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói, tay phải cầm một đoạn của cánh tay bị chặt đứt. Tay trái cầm vật khí chứa đầu máu (hình ở giữa)



Chữ chủng tử là: PI (𑖢𑖰)
Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)



Tướng Ấn là:Tỳ Xá Già Ấn (Mãn Nguyện Dương Trượng Ấn)



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖢𑖰𑖫𑖯𑖓 𑖐𑖝𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_PIŚĀCA GATI _ SVĀHĀ

LA SÁT THIÊN

_**La Sát**, tên Phạn là **Rākṣasa**, dịch âm là La Xối Bà, La Xoa Bà, La Khất Sát Bà, A Lạc Xối Bà, La Sát Sa… dịch ý là Tác Khả Úy, Hộ Giả, Tốc Tật Quỷ... lại chỉ loài Quỷ ác ăn thịt người. **La Sát Nữ** có tên Phạn là **Rākṣaṣī**, dịch âm là La Xoa Tư, La Xối Tư, La Sát Tư, La Sát Kỳ… thuộc một trong tám Bộ do bốn vị Thiên Vương thống lãnh.

Các **La Sát Vương** (Rākṣa-rāja) có lưng đen như cây sơn, ngực trắng như mặt trăng, mắt như lửa rực, tóc trên đầu rối loạn như cột bụi gai, ló nanh chó lên trên như cây kiếm, mười móng ngón tay sắc như mũi nhọn, mười móng ngón chân ngang dọc như cây kiếm, dùng sắt thiếc ràng buộc cái đầu, nhanh chóng đi đến

Tuy La Sát là loài Quỷ ác, nhưng ở trong Phật Điển, ngược lại thường có thể thấy sự ghi nhận các La Sát Vương với chúng La Sát… thệ nguyện thủ hộ Phật Pháp với người hành Chính Pháp, thành vị Thần Hộ Pháp của Phật Giáo, họ thường đến tham dự Pháp Hội, tùy theo Đức Phật, nghe Pháp, vui vẻ phụng hành. Như mười vị La Sát Nữ thủ hộ **Kinh Pháp Hoa** với mọi loài La Sát Nữ được nêu lên trong **Đại Khổng Tước Chú Vương Kinh** … cùng nhau thủ hộ người tu hành



_**La Sát Thiên**, tên Phạn là **Rākṣasādhipati**, dịch âm là La Sát Sa Địa Bà Đế, dịch ý là **La Sát Chủ**. Lại có tên Phạn là **Nairṛtī** (hoặc **Nṛtye**) dịch âm là Niết Lý Để, Niết Lý Đế, Nễ Lý Đế. Tức là **La Sát Chủ Thiên** trong Mật Giáo, tên gọi của Quỷ Vương thuộc một trong tám hàng Trời ở tám phương, một trong 12 Thiên, một trong 20 Thiên… là hàng Trời thủ hộ phương Tây Nam. Do điều này mà phương Tây Nam có tên gọi là phương Niết Lý Để hay phương La Sát

_**Cúng Dường Thập Nhị Đại Uy Đức Thiên Báo Ân Phẩm** nói rằng: "Khi **La Sát Thiên** vui thời các Đạm Hoàn Quỷ Túy cũng vui, chẳng phun khí độc, chẳng gây tạo hạnh ác. Khi vị Trời này giận thời thảy đều hiện loạn". Nên nếu muốn trừ trừ các nạn Dược Xoa, La Sát..cầu **Tỳ Sa Môn La Sát Thiên**

HÌNH TƯỢNG CỦA LA SÁT THIÊN

.)**Thập Nhị Thiên Cúng Nghi Quỹ** ghi nhận là: "Phương Tây Nam, **La Sát Chủ Thiên** cỡi sư tử trắng, thân mặc giáp trụ, tay phải cầm đao khiến dựng thẳng, tay trái đem ngón cái đè hai ngón giữa và ngón út, màu thịt đỏ. Hai thiện nữ hầu hai bên trái phải, hai La Sát Quỷ cầm Tam Cổ Kích"



羅 剎 天

_Trong 12 Thiên thì **La Sát Thiên** là vị chủ của hàng **La Sát** (Rākṣasa) với loài Quỷ ăn uống máu, thủ hộ phương Tây Nam

Chữ chủng tử là NṚ (), hay NI ()



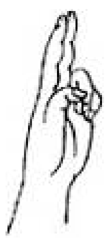
羅剎天



十二天-羅刹天

Tây Nam Phương La Sát Thiên Ấn:

Tay phải nắm quyền đặt ở eo lưng. Dựng thẳng 5 ngón tay trái dính nhau, co lóng giữa của Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh), đem đầu ngón Không (ngón cái) đè móng 2 ngón Địa Thủy (ngón út và ngón vô danh) liền thành.



Chân Ngôn là:

"Án, địa lị để duệ, sa phộc ha"

OṂ _ NṚTYE SVĀHĀ

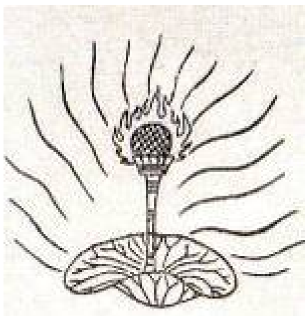
Hay

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_NAIRṚTYE_ SVĀHĀ

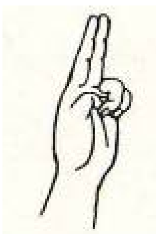
_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì La Sát Thiên có thân màu thịt trắng, tay trái nắm quyền, tay phải cầm cây gậy



Mật Hiệu là: **Kim Cương Mẫu Sa La**
Chữ chủng tử là: DAṂ (दं)
Tam Muội Gia Hình là: cây gậy



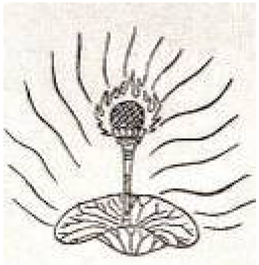
Tướng Ấn là: Tay trái tác Đao Ấn



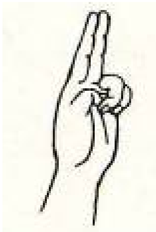
Chân Ngôn là:
ॐ वज्र दण्ड स्वाहा
OṂ _ VAJRA-DAṆḌA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì La Sát Thiên có chữ chủng tử là: DAṂ (𑖟𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: cây gậy



Tướng Ấn là: Tay trái tác Đao Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖟𑖜𑖿𑖛 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ _ VAJRA-DAṆḌA SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì La Sát Thiên có chữ chủng tử là: VA (𑖪)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

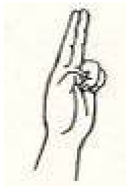
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖟𑖜𑖿𑖛 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖪

OṂ _ VAJRA-DAṆḌA SVĀHĀ_ VA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì La Sát Thiên có chữ chủng tử là: VA (𑖪)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Tay trái tác Đao Ấn

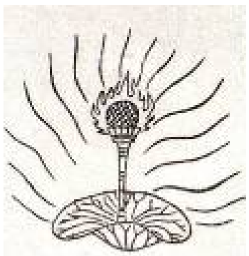


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖚𑖜𑖿𑖚 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA-DAṆḌA SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì La Sát Thiên có chữ chủng tử là: RA (𑖨)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: cây gậy

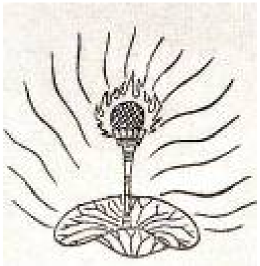


Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-DAṆḌA SVĀHĀ_ RA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-Samaya) thì La Sát Thiên có chữ chủng tử là: ḌA ( )

Tam Muội Gia Hình là: cây gậy



Chân Ngôn là:

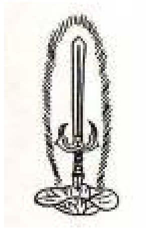
OṂ _ VAJRA-DAṆḌA SVĀHĀ_ ḌA

_ Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** ở phương Tây Nam của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì **La Sát Thiên** (Nirṛtiḥ) có thân màu thịt đỏ, trợn mắt nhìn áo giáp. Hướng cánh tay trái ra bên ngoài, đem ngón cái vịn ngón út ngón vô danh, dựng ngón trỏ ngón giữa, tác Đao Ấn. Tay phải cầm cây kiếm để cạnh eo, ngồi trên đài tròn.

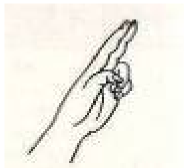


Chữ chủng tử là: NṚ ( ) hay RĀ ( )

Tam Muội Gia Hình là: cây kiếm



Tướng Ấn là: Đao Ấn Tay phải nắm quyền an ở eo phải. Tay trái dựng đứng năm ngón dính nhau, lóng giữa của Địa Thủy (ngón út và ngón vô danh), đem đầu ngón Không (ngón cái) đè móng Địa Thủy (ngón út và ngón vô danh) liền thành.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RĀKṢASA ADHIPATAYE_ SVĀHĀ

Hay

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_NAIRṚTYE_ SVĀHĀ

Hay

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NṚTYE SVĀHĀ

QUYẾN THUỘC CỦA LA SÁT THIÊN

La Sát Nữ có tên Phạn là **Rākṣaṣī**, dịch âm là La Xoa Tư, La Xối Tư, La Sát Tư, La Sát Kỳ… là nữ La Sát

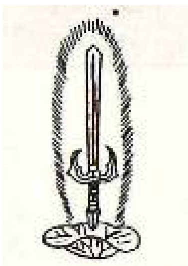
_ Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** ở phương Tây Nam của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) ghi nhận hai nữ La Sát tuỳ tòng **Niết Lý Để Vương** (Nairṛtī: La Sát Thiên)

Hai nữ La Sát này đều có thân màu thịt, hiện hình Thiên Nữ. Một vị dùng tay trái cầm vật khí chứa đầy máu, quỳ thẳng lưng trên toà. Một vị dùng tay phải cầm cây kiếm, dựng đầu gối trái mà ngồi

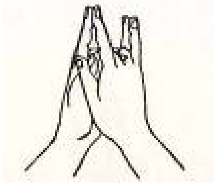




Chữ chủng tử là: ( )
Tam Muội Gia Hình là: cây Kiếm



Tướng Ấn là: La Sát Nữ Ấn



Chân Ngôn là:
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RĀKṢASI-GAṆIMI SVĀHĀ

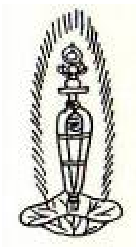
_Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** ở phương Tây Nam của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) ghi nhận hai La Sát là quyến thuộc của **Niết Lý Để Vương** (Nairṛtī: La Sát Thiên)

La Sát Đồng Nam (Rākṣasa) có thân màu thịt trắng, hiện hình đồng tử.

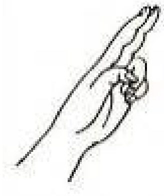




Chữ chủng tử là: RA (𑖨)
Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy.



Tướng Ấn là: Đao Ấn.



Chân Ngôn là:

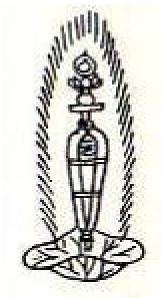
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RĀKṢASĀDHIPATAYE SVĀHĀ

La Sát Đồng Nữ (Rākṣasī) có thân màu thịt trắng, hiện hình đồng nữ

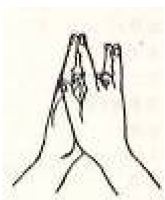




Chữ chủng tử là: RA (𑖨)
Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy.

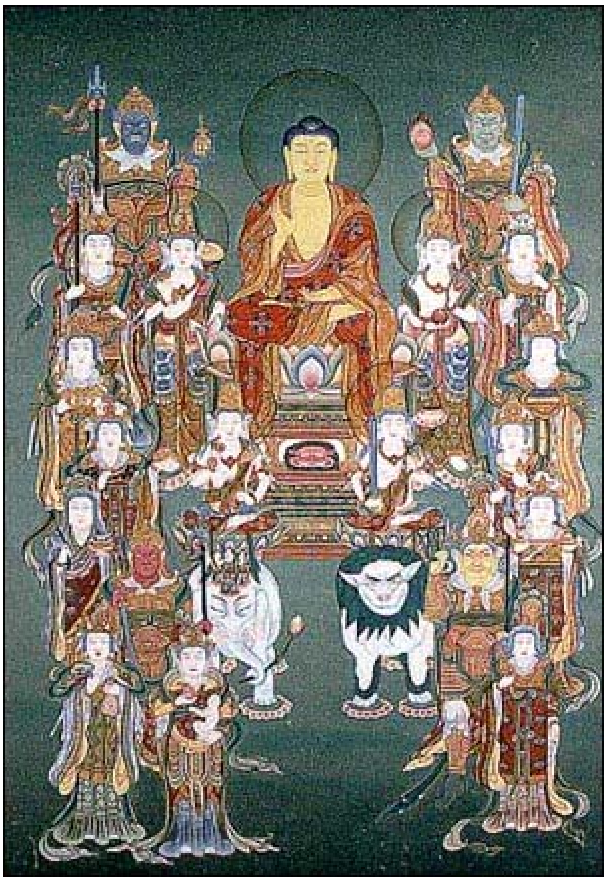


Tướng Ấn là: La Sát Nữ Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖼 𑖨𑖯𑖎𑖿𑖬𑖭𑖰 𑖐𑖜𑖰𑖢𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RĀKṢASI GANIPI - SVĀHĀ

MƯỜI LA SÁT NỮ THỦ HỘ KINH PHÁP HOA



_**Pháp Hoa Thập La Sát Pháp** ghi nhận hình tượng của mười La Sát Nữ là:

1_**Lam Bà** (Lambā): Hình như Dược Xoa (Yakṣa), áo màu xanh, tay phải cầm chày Độc Cổ để ngang vai phải, tay trái cầm tràng hạt (niệm châu). Dựng đứng đầu gối trái mà ngồi, khuôn mặt có màu thịt.

2_Tỳ Lam Bà (Vilambā): Hình như Long Vương, như mặt trăng tròn đầy, như hướng về biển lớn. Tay phải cầm Phong Vân (gió mây), tay trái nắm tràng hạt (niệm chau), áo có màu xanh lục biếc, khuôn mặt màu trắng đứng trước đài gương.

3_**Khúc Xỉ** (Kūṭadantī): Hình như Thiên Nữ Tiên, áo màu xanh, cúi mặt xuống, phía trước nâng hương hoa, quỳ dài hoặc ngồi Bán Già.

4_**Hoa Xỉ** (Puṣpa-danti): Hình như Ni Nữ, áo màu tía, tay phải cầm hoa, tay trái cầm cái bàn hoa, hơi cúi mặt

5_**Hắc Xỉ** (Makuṭa-danti): Hình như Thần Nữ, áo màu tuyệt đẹp, tay phải cầm cây xoa, tay trái cầm bình Quân Trì giống như hình Thủ Hộ, ngồi Bán Già.

6_**Đa Phát** (Keśīni): Hình như Đồng Tử, mặt như trăng tròn đầy có màu thịt như Càn Đạt Nữ , tay phải cầm cái vòng bằng đồng, tay trái như múa, quỳ dài.

7_**Vô Yếm Túc** (Acalā): Hình như hình của Đỉnh Kinh, luôn thủ hộ, áo màu đơn sơ kém cỏi hơn.

8_**Trì Anh Lạc** (Mālā-dhāri): Hình như Cát Tường Thiên Nữ, hai tay trái phải cầm Anh Lạc (chuỗi ngọc), áo màu vàng ròng, mặt có màu thịt, ngồi Kiết Già.

9_**Bạch Hạnh Đế** (Kuntī): Hình như hình Đỉnh Minh Nữ, áo màu xanh hồng, tay phải nắm cái xiêm, tay trái cầm chày Độc Cổ như hình đánh đập vật, ngồi dựng đầu gối.

10_**Đoạt Nhất Thiết Y Chúng Sinh Tinh Khí** (Sarvasattvojahāri): Hình như Nữ Phạm Thiên Đế Thích, khoác áo sắt, mặc giáp. Trên đỉnh xuất ra cái đầu ngựa, hình phẫn nộ, tay phải cầm chày, tay trái cầm Tam Cổ, áo màu tạp sắc, ngồi Kiết Già.



_Theo truyền thống của **Thiên Đài Tông** với **Nhật Liên Tông** của Phật Giáo Nhật Bản thì hình tượng của mười nữ La Sát là:

1_**Lam Bà La Sát Nữ** (Lambā): Lại xưng **Hữu Kết Phộc La Sát Nữ** có tay phải đè cây kiếm, tay trái cầm quyển kinh. Chữ chủng tử là A



2_**Tỳ Lam Bà La Sát Nữ** (Vilambā) lại xưng là **Ly Kết La Sát Nữ** có hai tay gõ đánh cái Nạo Bạt (một loại nhạc cụ). Chữ chủng tử là SAḤ



3_**Khúc Xỉ La Sát Nữ** (Kūṭa-dantī) lại xưng là **Thí Tích La Sát Nữ** có tay cầm lẳng hoa. Chữ chủng tử là HRĪḤ



4_**Hoa Xỉ La Sát Nữ** (Puṣpa-danti) lại xưng là **Thí Hoa La Sát Nữ** cí tay phải rũ xuống bên dưới, co bàn tay trái cầm viên ngọc báu. Chữ chủng tử là TRĀḤ



5_ **Hắc Xỉ La Sát Nữ** (Makuṭa-danti) lại xưng là **Thi Hắc La Sát Nữ** có tay trái cầm cây phướng báu, co bàn tay phải để ở trước ngực. Chữ chủng tử là VAṂ



6_**Đa Phát La Sát Nữ** (Keśīni) lại xưng là **Bị Phát La Sát Nữ** có tay phải cầm cây phướng báu, co bàn tay trái để trước ngực. Chữ chủng tử là AḤ



7_**Vô Yếm Túc La Sát Nữ** (Acalā) lại xưng là **Vô Khán La Sát Nữ** có tay trái cầm cái bình nước, tay phải cầm cành hoa sen. Chữ chủng tử là SRĀ



8_**Trì Anh Lạc La Sát Nữ** (Mālā-dhāri) lại xưng là **Trì Hoa La Sát Nữ** có hai tay cầm chuỗi Anh Lạc. Chữ chủng tử là SA



9_**Cao Đế La Sát Nữ** (Kuntī) lại xưng là **Hà Sở La Sát Nữ** có hai tay nâng rương Kinh. Chữ chủng tử là MAṂ



10_**Đoạt Nhất Thiết Chúng Sinh Tinh Khí La Sát Nữ** (Sarva-sattvoahāri) lại xưng là **Nhất Thiết Tinh La Sát Nữ** có hai tay đều hợp mười ngón. Chữ chủng tử là **Hūṃ**





Pháp Hoa Thập La Sát Chú:

ITIME ITIME ITIME ITIME ITIME _NIME NIME NIME NIME NIME NIME _ RUHE RUHE RUHE RUHE _ STUHE STUHE STUHE STUHE STUHE

Diệu Pháp Liên Hoa Tam Muội Phẩm Tam Ma Gia Bí Mật của Đà La Ni ghi nhận là: Kim Cương Tát Đoả bạch Thế Tôn rằng: "Nhóm mười vị **La Sát** (Rākṣasī: Nữ La Sát) có nguồn gốc thế nào ?"

Đức Tỳ Lô Giá Na Phật bảo rằng: "Mười nữ La Sát vốn có ba loại **Giác**. Một là **Đẳng Giác**, hai là **Diệu Giác**, ba là **Bản Giác**.

Bốn nữ La Sát đầu tiên là **bốn vị Đại Bồ Tát** của nhóm **Tịnh Hạnh**, nữ La Sát thứ năm là **Thích Ca Mâu Ni**, bốn nữ La Sát ở giữa là **bốn vị Đại Bồ Tát** của tám cánh sen (bát diệp), nữ La Sát thứ mười là **Đa Bảo Như Lai**.

Lại mười nữ La Sát là hình của mười **Như Thị Tôn**, tám nữ La Sát là **Như Thị** của tám cánh sen, **Cao Đế** thứ chín là **Như Thị** thứ chín, nữ La Sát thứ mười là **Bản Mạt Cứu Cánh Đẳng** vậy.

THỦY THIÊN

Thủy Thiên, tên Phạn là **Varuṇa**, dịch âm là Phộc Lỗ Noa, Phộc Lâu Na, Bà Lỗ Noa, Phộc Lỗ Noa Long Vương. **Varuṇa** dịch ý là nước, là tên của vị Thần Rồng tại nước có lực dụng tự tại, nên gọi là **Thủy Thiên** (Varuṇa-deva), là một trong 20 Thiên của Mật Giáo, một trong tám vị Trời Hộ Thế, tức là vị Thần thủ hộ phương Tây, là vua của loài Rồng



_Nguồn gốc của **Thủy Thiên** rất cổ xưa, thoạt tiên ngay trong **Lê Câu Phệ Đà** (Ṛg-veda) thì **Thủy Thiên** là vị Thần **Tư Pháp** cai quản ban đêm, còn **Mật Đặc Lạp** (Mitra) là vị Thần đồng bạn cai quản ban ngày...nguyên ở tại Thiên Giới. Sau này trong **A Thát Bà Phệ Đà** (Atharva-deva) thì Thủy Thiên lại thành vị **Thủy Thần**, ngay trong **Ma Ha Bà La Đa** (Mahā-bharata) lại là vị chủ của **Thủy Giới**, tức là vua của **loài Rồng** (Nāga). Lại được ghi nhận là vị Thần thủ hộ của phương Tây, chủ của sông nước, chủ quản Tế Tự, duy trì Đạo Đức.

Theo sách **Manu** thì vị Thần này dùng sợi dây cột trói kẻ có tội, nên có tên gọi là **Nāga-pāśa** (Sợi dây Pháp Thuật của Rồng)

.)Thần Chú tán tụng Thủy Thiên là:

Oṃ_ Jala bimbhaya vid mahe
Nīla puruṣāya dhī mahe
Thanno varuṇa prachodayath

_Trong Phật Điển, tên gọi của Thủy Thiên được xuất hiện rất sớm

.)**Trường A Hàm, quyển 20,** Phẩm **Đao Lợi Thiên** nhắc đến **Thủy Thần** là một trong bốn vị Đại Thần

.)**Tạp A Hàm, quyển 35** xếp bày Tôn này cùng với **Đế Thích** (Indra), **Y Xá Na** (Īśana) là các vị Thần ủng hộ cho người dân

.)Kinh **Kim Quang Minh Tối Thắng Vương, quyển 9,** phẩm **Chư Thiên Dược Xoa Hộ Trì** ghi nhận nhóm **Nhật Thiên** (Sūrya-deva), **Nguyệt Thiên** (Candra-deva), **Phong Thiên** (Vāyu-deva) cùng với **Thủy Thần**

.)Kinh **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** có nhắc đến vị **Long Vương** (Nāga-rāja) cư trú trong ao **Vô Nhiệt Não** (Anavatapta)

.)Kinh **Đại Tam Ma Nhạ** ghi nhận mười vị Trời thuộc nhóm **Phộc Lỗ Ni** (Varuṇī), **Tô Ma** (Soma). **Địa Thiên** (Pṛthivī)**, Thủy Thiên**…

.)Kinh **Tú Diệu, quyển Thượng** ghi nhận vị Trời này là **Nguy Tú** (Śatabhikṣak) là vì sao cai quản 28 Tú

_Đến thời kỳ Mật Giáo thì dùng Tôn này làm vị Long Vương thủ hộ phương Tây được ghi nhận trong hai Bộ Man Đa La là **Thai Tạng Giới** (Garbha-dhātu) và **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu), phát huy thuộc tính của vị Thần **Phộc Lỗ Noa** mà Thần Thoại của Ấn Độ Giáo đã nói

.)Kinh **Đại Nhật, quyển 1,** phẩm **Cụ Duyên** nói rằng: "Phộc Lỗ Noa Long Vương dùng sợi dây Rồng (Nāga-pāśa: Long sách) làm Ấn

.))Kinh **Đại Nhật, quyển 5,** phẩm **Bí Mật Mạn Trà La** nói rằng: "**Phộc Lỗ** cầm sợi dây, ở ngay trong Đàn tròn. Ông! Đại Ngã nên biết chữ chủng tử xoay quanh"

.)**Đại Nhật Kinh Sớ** nói rằng: "Phộc Lỗ Noa là vị Long Vương thủ hộ phương Tây, cầm sợi dây làm Ấn"

.)**Hiền Kiếp Thập Lục Tôn** ghi là: "Thủy Thiên cầm sợi dây"

.)**Đà La Ni Tập Kinh, 12** ghi nhận **Thủy Thiên Pháp Ấn Chú**

HÌNH TƯỢNG CỦA THỦY THIÊN

Hình tượng của Thủy Thiên được ghi nhận khác nhau

_Hình tượng tại Ấn Độ











-Hình tượng của Thủy Thiên trong Mật Tông Phật Giáo

.)Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi là: "Thủy Thiên có màu xanh, hình có chín đầu Rồng"

Lại nói là: "Thủy Thiên có màu xanh, tay trái nắm quyền, tay phải cầm sợi dây"

.)Hình tượng của **Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La** ghi rằng: "Thân màu xanh nhạt, tay trái nắm quyền đặt ở eo, tay phải cầm sợi dây rắn, ngồi trên lá sen"

.)**Đà La Ni Tập Kinh, quyển 11** nói rằng: "Dùng gỗ Bạch Đàn làm tượng ấy, thân cao năm Thốn (5/3 dm) tựa hình Thiên Nữ, mặt có ba con mắt, đầu đội mão Trời, thân khoác áo Trời, dùng Anh Lạc trang nghiêm, dùng hai tay nâng viên ngọc báu Như Ý"

.)**Bách Nhị Thập Tôn Pháp** nói rằng: "Tiếp đến **Đạo Trường Quán**, trên Địa Kết có bức tường Kim Cương, bên trong có biển lớn, trong nước có lầu gác bảy báu, trong gác báu có tòa lá sen, trên tòa có chữ BA (□) [?chữ VA (ব)], Chữ BA biến thành sợi dây Rồng,sợi dây Rồng biến thành Thủy Thiên màu xanh lục nhạt, tay phải cầm cây đao, tay trái cầm sợi dây Rồng, trên mão đội đầu có chín con Rồng, cỡi trên con rùa mà trụ trong nước, các Rồng quyến thuộc vây quanh"



_Phật Giáo Nhật Bản ghi nhận Thủy Thiên ngồi trên một con rùa hoặc một con Rồng ở giữa sóng nước, tay phải cầm một thanh gươm thẳng đứng, tay trái cầm sợi dây hay con rắn, những con rắn phóng ra từ tóc của Thủy Thiên,





Đôi khi Thủy Thiên đứng trên con rùa hoặc con Rồng, cầm sợi dây trong tay, hoặc ngồi và cầm hoa sen nâng đỡ ba viên ngọc.



_**Thánh Vô Động Tôn An Gia Trấn Quốc** ghi rằng: " Phương Tây: làm cây cờ màu đỏ, trên cờ vẽ **Thủy Thiên** ngồi trên con rùa, tay phải cầm sợi dây rắn, tay trái chống eo, trên đầu của vị Trời ấy có bảy đầu rồng dạng như con rắn".



_Thập Nhị Thiên Cúng Nghi Quỹ ghi nhận là: Phương Tây, **Thủy Thiên** trụ ở trong nước, cỡi con rùa, màu xanh lục nhạt, tay phải cầm đao, tay trái cầm sợi dây Rồng (Long Sách) trên mão có 5 con Rồng. Bốn vị Thiên Nữ cầm hoa màu nhiệm

Tướng Ấn là: Tay phải như trước. Tay trái nắm quyền không cho ngón Không (ngón cái) vào trong lòng bàn tay, Phong (ngón trỏ) liền dựng đứng hơi co lóng giữa liền thành.



Chân Ngôn là:

Nam mạc tam mãn đa một đà nam. Phộc lỗ noa dã, sa-phộc ha

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖽 𑖪𑖨𑖲𑖜𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ VARUṆĀYA SVĀHĀ

_Trong 12 Thiên thì **Thuỷ Thiên** là vị chủ của loài Rồng ở dòng nước, dòng thác, sông lớn, sông do con người đào, biển lớn… thủ hộ phương Tây

Chữ chủng tử là VA (𑖪)



水天像

Tây Phương Thủy Thiên Ấn: Tay phải như trước. Tay trái nắm quyền đừng cho ngón Không (ngón cái) vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng ngón Phong (ngón trỏ) rồi hơi co lóng giữa liền thành.

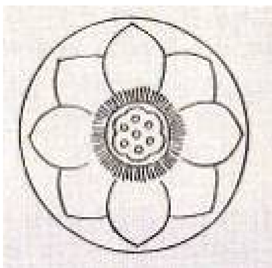


Chân Ngôn là :
"Án, phộc lỗ noa gia, sa phộc ha"
𑖌𑖼 𑖪𑖨𑖲𑖜𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VARUṆĀYA SVĀHĀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Thủy Thiên là một trong bốn vị Hộ Pháp của vòng Kim Cương, đại biểu cho Đức đặc biệt của Thủy Đại (Ab-dhātu) là trong sạch, thấm ướt đất tâm của tất cả chúng sinh
Tôn Hình: Thân màu xanh, trên đỉnh đội 7 con rắn, khoác áo Yết Ma



Chữ chủng tử là: VA (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa Sen



Tướng Ấn là: Tay trái tác Quyền, duỗi ngón giữa rồi hơi co lại



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖪𑖨𑖲𑖜𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VARUṆĀYA SVĀHĀ

Cũng trong Hội này, Thủy Thiên lại là một trong 20 Thiên Hộ Thế và được an bày riêng tại phương Bắc

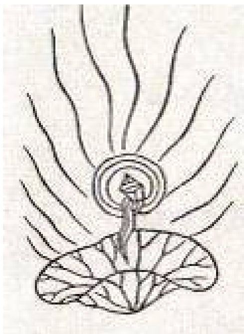
Tôn Hình:Thân màu xanh lợt, tay phải cầm sợi dây Rồng (Long Sách), tay trái nắm quyền, ngồi trên lá sen



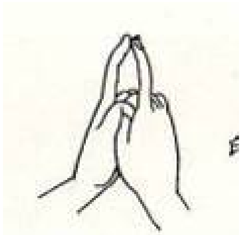
Mật Hiệu là: **Long Kim Cương**

Chữ chủng tử là: NA ()

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng (Long Sách)



Tướng Ấn là:Thủy Thiên Ấn



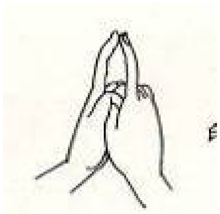
Chân Ngôn là:

OṂ _ NĀGA-VAJRA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Thủy Thiên có chữ chủng tử là: NA ()
Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng (Long Sách)



Tướng Ấn là:Thủy Thiên Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ _ NĀGA-VAJRA   SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Thủy Thiên có chữ chủng tử là: NA ()
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



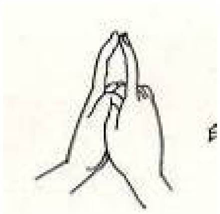
Chân Ngôn là:

OṂ _ NĀGA-VAJRA   SVĀHĀ_ NA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Thủy Thiên có chữ chủng tử là: NA (𑖡)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội. Phần đội trên đầu có Rồng.



Tướng Ấn là:Thủy Thiên Ấn



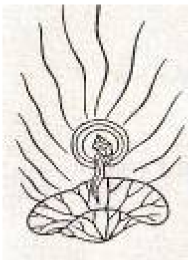
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖡𑖯𑖐 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ NĀGA-VAJRA SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Thủy Thiên có chữ chủng tử là: NA (𑖡)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội, bộ phận trên đầu có đội đầu Rồng.

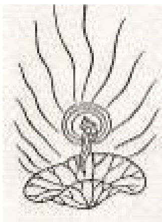


Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖡𑖯𑖐 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖡
OṂ _ NĀGA-VAJRA   SVĀHĀ_ NA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Thủy Thiên có chữ chủng tử là: NA (𑖡)
Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng.

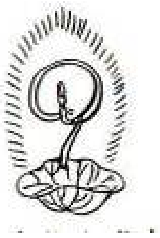


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖡𑖯𑖐 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖡
OṂ _ NĀGA-VAJRA   SVĀHĀ_ NA

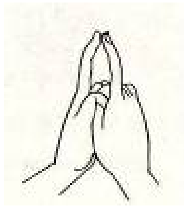
_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala)
.)Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Thủy Thiên có 2 vị trí
-Ở cạnh Nam của cửa Tây: Thủy Thiên có thân màu tím đen. Tay trái để ngang ngực cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao. Tay phải cầm cây kiếm



Chữ chủng tử là: VA (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng (Long Sách).



Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖤𑖲𑖠 𑖫𑖿𑖨𑖱 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ_ BUDHA-ŚRI_ SVÀHÀ

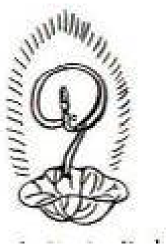
Hay: 𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖼 𑖀𑖢𑖽𑖢𑖝𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ APAṂPATAYE SVĀHĀ

-Ở cạnh Bắc của cửa Tây: Thủy Thiên có thân màu thịt, trên đầu có 7 cái đầu Rồng, tay phải cầm sợi dây Rồng, tay trái nắm quyền để trên đùi. (hình bên phải)

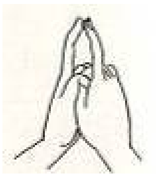


Chữ chủng tử là: VA (𑖪), hoặc A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng.



Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ APAṂPATAYE SVĀHĀ

Pháp cúng dường **Thủy Thiên** lại xưng là **Thủy Thiên Cúng**, tức Mật Giáo dùng **Thủy Thiên** làm Bản Tôn để tu Pháp **cầu mưa**

.)Cúng Dường Thập Nhị Đại Uy Đức Thiên Báo Ân Phẩm ghi rằng: "Khi **Thủy Thiên** vui thời có hai lợi ích. Một là thân người chẳng bị khát. Hai là mưa thấm ướt theo Thời. Khi vị Trời này giận thời cũng có hai điều hao giảm. Một là thân người bị khô khát. Hai là Khí Giới bị hạn hán, Thần Hạn hán (bạt), vạn vật khô hết. Hoặc tuôn mưa lớn, Thế Giới ngập nước tuôn chảy làm tổn hoại cây cỏ chẳng kịp cung cấp cho chúng sinh"

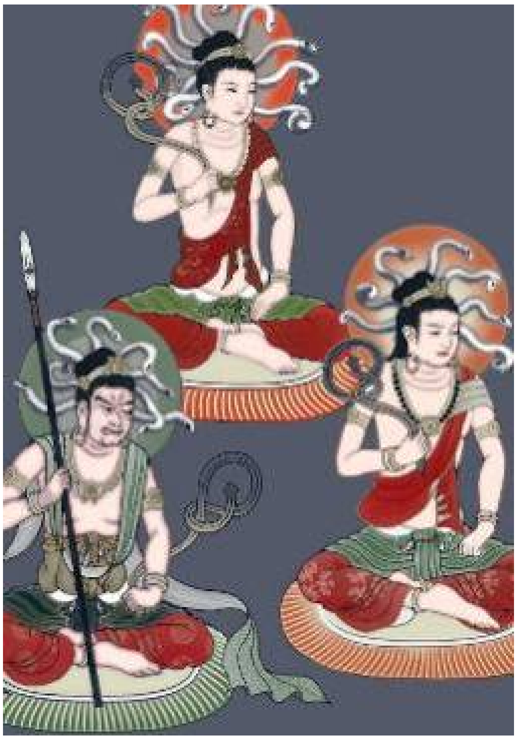
Do vậy nếu bị nạn về lửa, hoặc cầu mưa ngưng mưa... thì cầu cúng Thủy Thiên

Theo Phật Giáo Nhật Bản thì Thủy Thiên còn được xem như người thầy thuốc và người bảo vệ chống lại bệnh tật.

THỦY THIÊN PHI

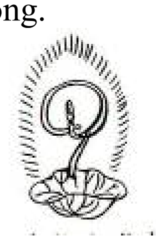
Thuỷ Thiên Phi tên Phạn là **Varuṇanī**, lại xưng là Long Vương Phi, là vợ của Thủy Thiên

-Tại cạnh Bắc của cửa Tây trong **Ngoại Bộ Kim Cương Viện** của Thai Tạng Giới thì Thủy Thiên Phi có thân màu thịt vàng trắng, trên đầu có 9 cái đầu Rồng, tay phải cầm sợi dây Rồng, tay trái để trên đùi (hình chính giữa)

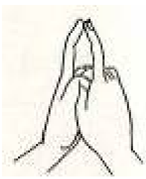


Chữ chủng tử là: ME (𑖦𑖸)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng.



Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.



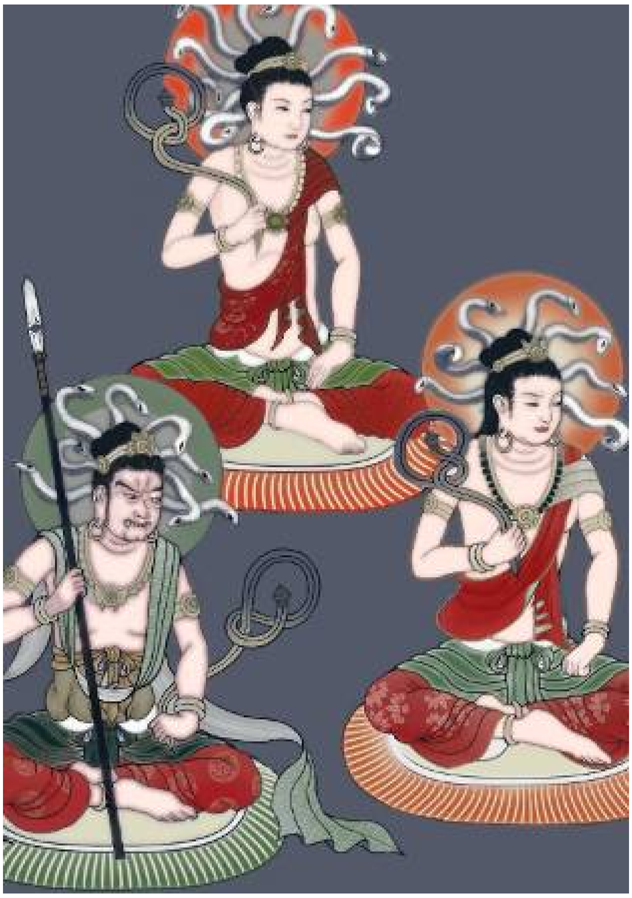
Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ APAṂPATAYE SVĀHĀ

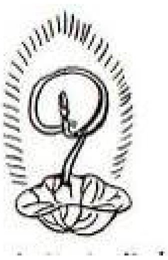
Thuỷ Thiên Phi Quyến Thuộc (Varuṇanī-parivāra):

Varuṇanī-parivāra là quyến thuộc của Thuỷ Thiên Phi.

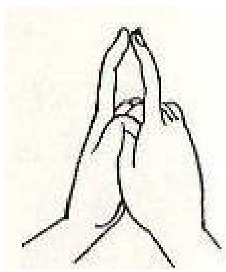
Tôn hình: Thân màu thịt, trên đầu có 8 cái đầu Rồng, tay phải cầm cây kích, tay trái cầm sợi dây Rồng (hình bên trái)



Chữ chủng tử là: ME (𑖦𑖸)
Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng.



Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖦𑖸𑖑 𑖫𑖜𑖱𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ MEGHA-ŚANĪYE SVĀHĀ

PHONG THIÊN

Phong Thiên, tên Phạn là **Vāyu**, dịch âm là Phộc Du, Bà Dữu, Bà Dũ, Phạt Do. Lại xưng là Phong Thần, Phong Đại Thần.

Phong Thần có khởi nguồn rất xa xưa tại Ấn Độ, sớm thấy tên ấy trong **Lê Câu Phệ Đà** (Ṛg-veda), và thường xuất hiện trên cùng một cỗ xe với Indra, do chính Indra cầm cương. Bài Thánh Ca dành cho Phong Thần rất ít.

Theo truyền thuyết của Ấn Độ Giáo thì **Phong Thần** (Vāyu) được sinh ra từ hơi thở của **Puruṣa** và là vị Thần cai quản không trung, cùng với **Nhật Thiên** (Sūrya) là vị Thần cai quản Thiên Giới, **Hỏa Thiên** (Agni) là vị Thần cai quản Hạ Giới… được hợp xưng là **Phệ Đà Tam Tôn**.

Theo **Bhagavad-pūraṇa:** Do **Nārada** yêu cầu **Vāyu** san bằng đỉnh **núi Tu Di** (Sumeru) nên Vāyu đã tung ra một cơn bão kéo dài tới một năm, nhưng **Garuḍa**, chim Thần của **Viṣṇu** dùng cánh của mình ngăn che ngọn núi khiến cho các cuộc tấn công không có hiệu quả. Khi ấy Nārada khuyên Vāyu hãy tấn công ngọn núi khi Garuḍa vắng mặt nên ngọn núi bị hớt mất đỉnh đầu, rơi xuống biển thành hòn đảo **Laṅkā**. Vì thế Vāyu có các biệt hiệu là "Người mang hương thơm" hay "Kẻ vận động vĩnh hằng"

Người Ấn Độ thường thờ phượng Vāyu qua hình tượng ngồi trên lưng con hươu nhỏ có hai cái sừng dài, tay cầm bông hoa với cây cờ, hoặc cầm cây gậy





_**Phong Thiên** lại có một tên Phạn nữa là **Vāta** đều do chữ Phạn **Vā** nghĩa là **thổi** chuyển hóa mà thành, tức là dạng Thần Cách Hóa uy lực chuyển động khi gió thổi gấp rút.

Phong Thiên là một trong các vị Thần chủ về sự trường sinh; hay ban cho con người: danh dự, tràn đầy Phước, con cháu hoặc sống lâu.

.)Thần Chú của Phong Thiên là:

Oṃ_ Yaṃ vāyuve namaḥ

_Sau khi du nhập vào Phật Giáo thì Phong Thiên thường được ghi nhận trong một số Phật Điển, riêng Mật Giáo thì ghi nhận Phong Thiên là vị Thần thủ hộ phương Tây Bắc

.)**Trường A Hàm, quyển 20,** phẩm **Đao Lợi Thiên** ghi nhận Phong Thiên là một trong bốn vị Đại Thần

.)Tân dịch **Hoa Nghiêm Kinh, quyển 01** nêu lên mười loại Phong Thần là: Vô Ngại Quang Minh Chủ Phong Thần, Phổ Hiện Dũng Nghiệp Chủ Phong Thần, Phiêu Kích Vân Tràng Chủ Phong Thần, Tịnh Xí Nghiêm Chủ Phong Thần, Đao Năng KIệt Thủy Chủ Phong Thần, Đại Thanh Biến Hống Chủ Phong Thần, Thụ Diểu Thùy Kế Chủ Phong Thần, Sở Hành Vô Ngại Chủ Phong Thần, Chủng Chủng Cung Điện Chủ Phong Thần, Đại Bái Chiếu Chủ Phong Thần

.)Tân dịch **Hoa Nghiêm Kinh, quyển 03** lại nói mười loại Phong Thần này đều có các loại **Giải Thoát Môn**, hiện ra ở đời khiến cho chúng sinh vị mê chướng ngăn che nặng nề đều được giải thoát

.)**Cúng Dường Thập Nhị Đại Uy Đức Thiên Báo Ân Phẩm** nói rằng: "Khi **Phong Thiên** vui thời có hai lợi ích. Một là thân người nhẹ nhàng an ổn, cử động tùy theo Tâm Ý. Hai là Khí Giới không có nghiêng động mà tùy Thế Gian có gió lạnh ôn hòa chẳng gây hao giảm cho loài Tình (Hữu Tình) Phi Tình (Vô Tình). Khi vị Trời này giận thời cũng có hai điều hao giảm. Một là thân người với âm thanh chẳng được tùy ý. Hai là gió lớn thổi tràn tàn phá Thế Gian. Hoặc chẳng nổi gió khiến cho cây cỏ chẳng thuận theo Thời".

Do vậy muốn trừ oán tai dùng Phong Thiên và đối với Trời này cầu nhóm Phong nạn.

Phong Thiên còn được coi là Tôn bảo vệ ngăn chống thiên tai.

_Trong mười hai Thiên thì **Phong Thiên** là vị chủ của ***Thần Gió*** (Phong Thần) với Vô Hình Lưu Hành Thần, thủ hộ phương Tây Bắc

Chữ chủng tử là: VĀ (𑖪𑖯)



風天像

Tây Bắc Phương Phong Thiên Ấn: Tay phải như trước. Dựng thẳng 5 ngón tay trái cùng dính nhau, co lóng giữa của Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) liền thành.



Chân Ngôn là :

"Án, phộc gia phệ, sa phộc ha"

𑖌𑖼 𑖪𑖯𑖧𑖪𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ _ VĀYĀVE SVĀHĀ

.)**Thập Nhị Thiên Cúng Nghi Quỹ** ghi nhận là: “Phương Tây Bắc, **Phong Thiên** ở trong mây cỡi con chương (Loài như hươu nhỏ không có sừng, lông hơi vàng vàng) mặc giáp trụ, tay trái nâng háng, tay phải cầm Độc Cổ Đầu Sang, trên cây sang có Phi Thiên. Hai vị Thiên Nữ theo hầu cùng với chúng Dược Xoa



風天（ふうてん）は、仏教における天部の一人で、十二天の一人。風を神格化したもので、インドのヴァーユが仏教に取り入れられたものである。
形象は、腕は２本で甲冑を着て片手に旗のついた槍を持ち、風天后・童子を眷属とするものがある。
両界曼荼羅や十二天の一人として描かれるほかは、単独で信仰されることはあまり見られない。

風天（西北）

Tướng Ấn là: Tay phải như trước. Tay trái dựng đứng năm ngón dính nhau, co lóng giữa của Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) liền thành.



Chân Ngôn là:

Nam mạc tam mãn đa một đà nam. Phộc gia phệ, sa-phộc ha

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ VĀYĀVE SVĀHĀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Phong Thiên là một trong 20 Thiên và vị Trời thủ hộ phương Tây Bắc

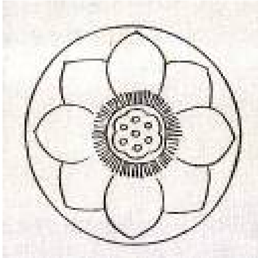
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Phong Thiên là một trong bốn vị Hộ Pháp của vòng Kim Cương, đại biểu cho Đức đặc biệt của Phong Đại (Vāyu-dhātu) là xa lìa Nhân Duyên

Tôn Hình: Thân màu vàng lợt, hiện hình phẫn nộ, đầu đội chày Độc Cổ, khoác áo Yết Ma.



Chữ chủng tử là: KṚṬ ( ) hay VĀ ( ), HA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen, phan phướng



Tướng Ấn là: Tay trái dơ cánh tay lên nắm quyền, duỗi ngón út với ngón vô danh đứng song song.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VĀYAVE_ SVĀHĀ

Cũng trong Hội này, Phong Thiên là một trong 20 Thiên hộ thế, có vị trí ở phương Tây của Ngoại Đàn

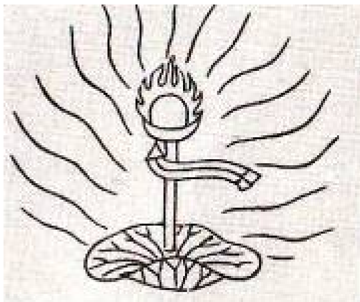
Tôn hình: hình La Sát, thân màu thịt đỏ, tay phải tác Phong Tràng, tay trái nắm quyền



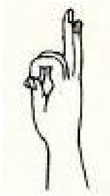
Mật Hiệu là: **Kim Cương Phong**

Chữ chủng tử là: NI ( )

Tam Muội Gia Hình là: Phong Tràng



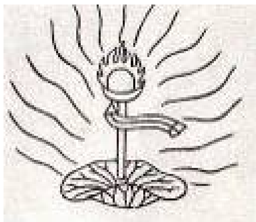
Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn



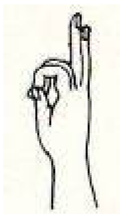
Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRĀNILA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Phong Thiên có chữ chủng tử là: NI ()
Tam Muội Gia Hình là: Phong Tràng



Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRĀNILA SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Phong Thiên có chữ chủng tử là: LA()
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRĀNILA SVĀHĀ_ LA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Phong Thiên có chữ chủng tử là: LA ( )
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn



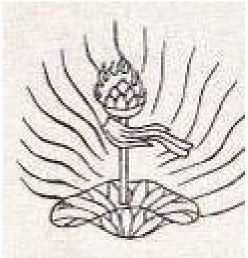
Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRĀNILA SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Phong Thiên có chữ chủng tử là: PA( )
Tôn Hình: Hai tay cầm cây kích Tam Cổ



Tam Muội Gia Hình là: Phong Tràng.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖡𑖰𑖩 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖢
OṂ_ VAJRĀNILA SVĀHĀ_ PA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Phong Thiên có chữ chủng tử là: LA(𑖩)
Tam Muội Gia Hình là: Phong Tràng.

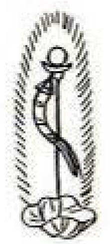


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖡𑖰𑖩 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖩
OṂ_ VAJRĀNILA SVĀHĀ_ LA

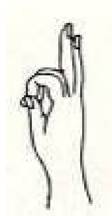
_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala):
.)Tại góc Tây Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Phong Thiên có thân màu đen đỏ, đầu đội mão, khoác Thiên Y, khôi giáp, dây thắt lưng tung múa tuỳ theo gió thổi. Tay phải cầm cây gậy, đầu gậy có nửa mặt trăng, trên trăng có ngôi sao. Tay trái để trên đùi.



Chữ chủng tử là: VĀ (𑖪𑖯)
Tam Muội Gia Hình là: Phan phướng.



Tướng Ấn là: Nguyệt Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VĀYAVE_ SVĀHĀ

PHONG THIÊN PHI

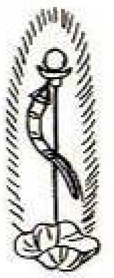
Phong Thiên Phi, tên phạn là **Vāyavī** là vợ của Phong Thiên, chủ về **Định Đức** của Phong Thiên

.)Tại góc Tây Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Phong Thiên Phi có thân màu thịt, tay phải cầm cây gậy, đầu gậy có cái túi nhỏ

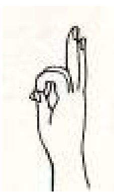




Chữ chủng tử là: VĀ (𑖪𑖯)
Tam Muội Gia Hình là: Phan phướng.



Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VĀYAVE_ SVĀHĀ
Hay
OṂ_ VĀYAVĪ_ SVĀHĀ

QUYẾN THUỘC CỦA PHONG THIÊN

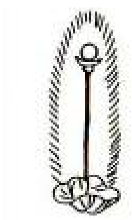
Phong Thiên Quyến Thuộc (Vāyava): là quyến thuộc của Phong Thiên, chủ về việc ban cho chúng sinh: Danh Dự, Phước Đức, con cháu, sự sống lâu và giải thoát được sự mê chướng.

.)Tại góc Tây Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Phong Thiên Quyến Thuộc có thân màu thịt, hiện hình Đồng Tử, tay trái nắm quyền để trên đùi. Tay phải cầm cây gậy, đầu gậy có nửa vành trăng, bên trên có vành mặt trời

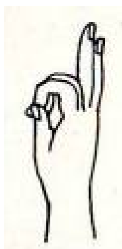


Chữ chủng tử là: VĀ (𑖪𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: Cây phướng



Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽𑖪𑖯𑖧𑖪𑖸𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VĀYAVE_ SVĀHĀ

.)Tại góc Tây Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Phong Thiên Quyến Thuộc có hai Tôn hình:

1_Thân màu thịt, hiện tướng Đồng Tử. Tay trái để trước ngực cầm cây gậy, trên đầu gậy có hình nửa vành trăng, trên trăng có mặt trời. Tay phải để trước ngực hướng tâm lòng bàn tay ra ngoài. Thiên Y trên thân tung bay theo gió



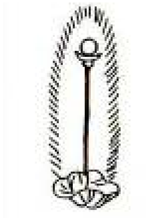


2_Thân màu thịt, hiện tướng Đồng Tử. Tay phải để trước ngực cầm cây gậy. Tay trái nắm đuội gậy, đầu gậy có nửa vành trăng, trên trăng có hình mặt trời.

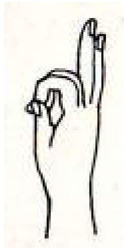


Chữ chủng tử là: VĀ (ᨽ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây phướng



Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VĀYAVE_ SVĀHĀ

TỲ SA MÔN THIÊN

Tỳ Sa Môn Thiên, tên Phạn là **Vaiśravaṇa**, dịch âm là Tỳ Xá La Bà Na, Tì Thất La Muộn Nang, Phệ Thất La Mạt Noa, Phệ Thất La Bà Na, Phệ Thất La Ma Noa, Phệ Thất La Mạt Na, Tỳ Xá La Môn, Tì Sa Môn, Tỳ Sa Môn. Dịch ý là Đa Văn, Phổ Văn, Chủng Chủng Văn hoặc Bất Hảo Thân. Ngoài ra **Câu Phệ La** (Kubera, hoặc Kuvera), Cưu Tì La, Câu Tì La, Kim Tì La…. là tên gọi riêng của Ngài, hoặc xưng là **Câu Tỳ La Tỳ Sa Môn** (Kubera-vaiśravaṇa). Trong các tên gọi trên thì **Tỳ Sa Môn Thiên** và **Đa Văn Thiên** rất thường thấy



Tỳ Sa Môn Thiên là một trong bốn vị Đại Thiên Vương, một trong 8 Phương Thiên, 12 Thiên hoặc 20 Thiên …thống lãnh hai chúng Thần: **Dạ Xoa** (Yakṣa) và **La Sát** (Rākṣasa). Là vị Thiên Vương thủ hộ ở phương Bắc của cõi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa), là vị Thiên Thần lương thiện luôn hộ giữ Đạo Tràng của Như Lai để nghe nhiều Pháp Phật. Do sức Phước Đức của Tỳ Sa Môn Thiên Vương nổi tiếng bốn phương, cho nên có tên là **Đa Văn Thiên.**

Có khi Ngài cũng được xem là vị Thần Chiến Thắng và nhận sự tôn sùng. Trong Tạng Mật lại là **Bản Tôn Tài Thần**, hay ban cho tiền của không tận. Tại vùng đất Ấn Độ, Tây Vực, Trung Quốc và Nhật Bản thì Tỳ Sa Môn Thiên Vương đều nhận được sự cung phụng rất phổ biến qua tên gọi của Tài Thần, (hay Phước Thần Kubera) là đấng hay ban Phước, hộ giữ tiền của cho chúng sinh…nên lại được xưng là **Tài Bảo Thiên Vương**

_Theo truyền thống Ấn Độ thì Vaiśravaṇa được sùng mộ sâu xa như Kubera là vị Thần của sự giàu có thịnh vượng, Ngài là con của vị Hiền Giả **Visravas** được Brahma phong cấp Thần. Vaiśravaṇa khởi hành từ núi Kailasa trong dãy Himalayas và trở thành vua của xứ Laṅka (đôi khi được đồng hóa với Śrī-laṅka ngày nay), Thần ngự trên núi Alaka ở rặng Himalayas với một đạo quân Yakṣa và Kiṃnara đông đảo. Đoàn quân Yakṣa được điều khiển bởi 28 vị tướng thuộc quyền của Tổng Tư Lệnh **Pañcika**

và binh đoàn này đã sớm sát nhập vào đội quân của Vaiśravaṇa. Do truyền thuyết Tỳ Sa Môn Thiên từng thống lãnh quân Dạ Xoa đánh bại Quỷ **La Phạ Noa** (Ravāṇa) nên còn có tên gọi là **Võ Thần** (hay **Vũ Thần**)

.)Theo truyền thống khác thì Vaiśravaṇa chính là Thiên Thần **Kubera** (còn gọi là **Thí Tài Thiên**) là vị Thần tài bảo giữ gìn bảo hộ cho phương Bắc. Do vậy người dân Ấn Độ còn thờ phụng Ngài qua danh xưng **Kubera-vaiśravaṇa** với nhiều hình thức đa dạng









SRI SANKARAN, KUBERAN, LAKSHMI

_ Thần Chú của Kubera-vaiśravaṇa là:
Namo vayaṃ vaiśravaṇāya
Kurvaṇa sāmin kamana-mahā-mayam agnaṃ
Kāmeśvare vaiśravaṇa utha dhātu
Kuberāya vaiśravaṇāya mahā-rāja yena māhā
Oṃ_ Śrīṃ Hrīṃ Eiṃ kubera lakṣmiye kamala-dhāriṇiye dhana akra śiniye svāhā
(Kính lễ Đấng Tỳ Sa Môn Thiên của chúng tôi
Hành động chuyển hóa ước vọng như ngọn lửa trị liệu to lớn
Nữ Thần **Ái Dục** cư trú ở Thế Giới của Tỳ Sa Môn Thiên
Đấng Kubera-Tỳ Sa Môn là bậc đại vương bởi sự to lớn ấy
Oṃ: Nhiếp triệu
Śrīṃ: chủng tử cát tường
Hrīṃ: chủng tử của âm thanh Đại Huyễn Hóa
Eiṃ: chủng tử của âm thanh hạt giống của sự chuyển biến nguyên thủy
Kubera: Tài Thần Kubera
Lakṣmiye: Cát Khánh Thiên Nữ
Kamala dhāriṇiye: nhóm cầm nắm hoa sen màu vàng
Dhana akra śiniye svāhā: Quyết định làm cho tôi trở thành người đàn ông giàu có hoàn hảo nhất)

_Theo Giáo Điển của Phật Giáo thì Tỳ Sa Môn Thiên Vương cư ngụ tại 3 thành: Khả Ủy, Thiện Kính, Chúng Quang ở Thủy Tinh Đóa thuộc tầng thứ tư tại phía Bắc của núi **Tu Di** (Sumeru). Mỗi cái thành đều ngang dọc khoảng 60 do tuần, trong đó có 7 lớp lan can, võng lưới, cây trồng thành hàng…. Dùng để trang sức, toàn bộ đều do 7 báu hình thành, đoan nghiêm thanh tịnh; muôn chim cùng nhau kêu hót cảnh sắc rất xinh đẹp.

*)Tỳ Sa Môn Thiên Vương có 5 vị Thái Tử là: **Tối Thắng**, **Độc Kiện**, **Na Tra** (Nalakūbara, Nalakūvara, Narakuvera, Nalakūvala Naṭakuvera hay Naḍakuverā), **Thường Kiến** và **Thiền Kỳ**; thường có 5 Đại Quỷ Thần theo hầu bên trái bên phải,

phân biệt là: Na Đô Lâu, Đàn Đà La, Ê Ma Bạt Đà, Đề Kê La, Tu Dật Lộ Ma… ngoài ra còn có 28 Sứ Giả thuộc cõi Trời của Ngài, phụ giúp Ngài bảo hộ chúng sinh.

Mỗi nửa tháng, vào 2 ngày trai với ngày mùng 8, ngày 14, ngày 15 .... bốn vị Thiên Vương của nhóm Tỳ Sa Môn thường dùng 8 ngày này sắc lệnh cho các Sứ Giả đi tuần tra thế gian, xem xét nhân gian, ai là người hiếu kính cha mẹ, tôn kính Sa Môn và trưởng lão Bà La Môn? Ai là người thọ nhận Trai Giới và hành bố thí? Sau khi Sứ Giả tuần tra về báo, nếu như Thiên Vương nghe thấy ở nhân gian làm ác thì không vui mừng, nếu nghe được làm lành thì sinh lòng vui vẻ. Ngày 14 bốn vị vua cử Thái Tử đi tuần tra thiên hạ; nhưng đến ngày 15, thì đích thân **Tứ Thiên Vương** đi tuần tra xem xét, sau đó đến Điện **Thiện Pháp**, bẩm cáo rõ ràng tất cả sự việc cho **Đế Thích Thiên Vương**

*) Kinh Điển của Phật Giáo từng ghi nhận: trong chư Thần của cõi Trời ấy thì Tỳ Sa Môn là vị Thần Kỳ rất có nhiệt tâm hộ trì cho Giáo Đồ Phật Giáo.

Như đối với người trì tụng và người phụng hành Kinh **Kim Quang Minh**, Kinh **Pháp Hoa** thì Tỳ Sa Môn Thiên đều từng ở trước mặt Đức Phật, thệ nguyện hộ trì

Kinh **Hiền Ngu** ghi nhận: Tỳ Sa Môn Thiên đã trợ giúp cho vị nữ tín đồ **Ưu Ba Tư Na** cúng dường các Tôn Giả **Xá Lợi Phất** và **Mục Kiền Liên**

Kinh **Tăng Nhất A Hàm** ghi nhận Tỳ Sa Môn Thiên đã trợ giúp cho vị Phạm Chí tu đắc quả **A La Hán** (Arhat)

Kinh **A Tra Nẵng Chỉ** (Aṭanitiya) ghi nhận Tỳ Sa Môn Thiên ở trước mặt Đức Phật thệ nguyện bảo hộ cho Đồ Chúng Phật Giáo trong khi tu hành Kinh này thời đều tránh được sự quấy phá của các hàng Phi Nhân, Quỷ Thần

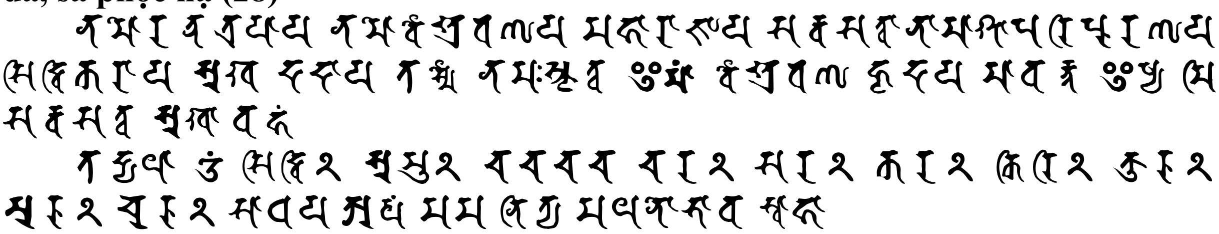
*)Kinh **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (ĐTK_No.1244) ghi nhận Tỳ Sa Môn Thiên Vương có thệ nguyện giúp cho chúng sinh có được tiền của, giàu có an vui.

"Bấy giờ **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** ở trước Đức Phật, chắp tay bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Con vì lợi ích an vui, tài bảo giàu có, hộ trì cho chúng Hữu Tình ở đời vị lai, nên nói **Tự Chân Ngôn** (Chân Ngôn của mình), Chân Ngôn này của con như báu **Chân Đà Ma Ni** (Cintā-maṇi:viên ngọc Như Ý) hay mãn mọi nguyện. Xin Đức Thế Tôn nghe rồi hãy hứa cho con nói "

Đức Phật bảo: "Lành thay! Lành thay Thiên vương! Ông hay thương nhớ Hữu Tình, ông cứ theo ý mình mà nói"

Khi ấy Tỳ Sa Môn Thiên Vương vui vẻ vô lượng, liền ở trước Đức Phật, nói **Tâm Chân Ngôn** (Citta-mantra) là :

Nẵng mô la đát nẵng đát la dạ dã (1) nẵng mô phệ thất la ma noa dã (2) ma ha la nhạ dã (3) tát phộc tát đát phộc nẵng ma (4) xá bả lý bố la noa dã (5) tất địa ca la dã (6) tô khiên ná ná dã (7) đát sa một nẵng tắc cật lý đát phộc (8) y hàm, phệ thất la ma noa, hột lý nãi dã (9) ma sao đa dĩ sái nhĩ (10) tát phộc tát đát phộc, tô khư phộc hám (11) đát nễ dã tha (12) Án – tất địa, tất địa, (13) tô mẫu, tô mẫu (14) tả tả tả tả (15) tả la, tả la (16) sa la, sa la (17) yết la, yết la (18) chỉ lý, chỉ lý (19) củ lỗ, củ lỗ (20) mẫu lỗ, mẫu lỗ (21) chủ lỗ, chủ lỗ (22) sa đà dã át tham ma ma (23) ninh để dã, mạt tha nỗ bà phộc, sa phộc hạ (24) phệ thất la ma noa dã, sa phộc hạ (25) đà nẵng ná dã, sa phộc ha (26) ma noa la tha (27) bả lý bố la ca dã, sa phộc hạ (28)

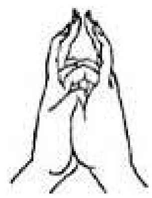


NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMO VAIŚRAVAṆĀYA MAHĀ-RĀJĀYA
SARVA-SATVĀNĀM ĀŚĀ PARIPŪRAṆĀYA SIDDHI KARĀYA – SUKHA DADĀYA – TASMAI NAMAḤKṚTVA
IMĀṂ VAIŚRAVAṆĀ-HṚDAYAM ĀVARTTA IṢYA MI – SARVA SATVA SUKHĀ VA HAṂ
TADYATHĀ : OṂ – SIDDHI SIDDHI – SUMU SUMU – CA CA CA CA – CARA CARA – SARA SARA – KARA KARA – KIRI KIRI – KURU KURU – MURU MURU – CURU CURU – SĀDHAYA-ARTHAM MAMA – NITYA MATHANO BHĀVA – SVĀHĀ.
VAIŚRAVAṆĀYA – SVĀHĀ
DHANADĀYA – SVĀHĀ
MANORATHA PARIPŪRAKĀYA – SVĀHĀ

Bấy giờ, Tỳ Sa Môn Thiên Vương nói Chân Ngôn này xong, liền bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nay con nói về Pháp ***thọ trì Chân Ngôn***.

Trước tiên nên lấy An Tất Hương, Bạch Đàn Hương, Long Não Hương, Đa Diệp La Hương, Huân Lục Hương, Tô Hợp Hương, hoà các thứ Hương này cúng dường con là Tỳ Sa Môn Thiên Vương.

Nếu **Nghinh Thỉnh** thì kết **Căn Bản Ấn**, đưa hai ngón trỏ hướng về thân mình triệu ba lần.



Liền tụng Chân Ngôn 7 biến rồi buông Ấn trên đỉnh đầu.

Đát nễ dã tha (1) nẵng mô phệ thất la ma noa dã (2) nẵng mô đà nẵng ná dã (3) đà mật thấp phộc la dã (4) A diệp tha diệp tha (5) A bả lý nhĩ đa, đà mật thấp phộc la (6) bát la ma ca lỗ nê ca (7) tát phộc tát đáp phộc hứ đa tức đa (8) ma ma, đà nẵng ma noa, bát la duệ tha (9) sa phộc diễm ma diệp tha, sa phộc hạ (10)

TADYATHĀ: NAMO VAIŚRAVAṆĀYA
NAMO DHANADĀYA – DHANEŚVARĀYA
AKARṢA AKARṢA – APARIMITA DHANEŚVARA – PARAMA KĀRUṆIKA _SARVASATVA HĪTA CITTA – MAMA DHANAM ANUPRAYACCHA SVAYAṂ AKARṢA – SVĀHĀ.

Hành Giả niệm tụng thường không gián đoạn cho đến khi con của Tỳ Sa Môn Thiên Vương là **Tán Nễ Sa** (? Śaṇḍika) hiện hình đồng tử bảo người Trì Tụng rằng: "Ngươi có việc gì mà triệu thỉnh cha của Ta?"

Người Trì Tụng đáp: "Tôi vì cúng dường Tam Bảo, xin trao tài bảo cho tôi"

Trong khoảng khắc, Đồng Tử **Tán Nễ Sa** quay về nơi cư ngụ của Tỳ Sa Môn Thiên Vương nói với vua cha rằng: "Người Trì Tụng cầu các tài bảo để cúng dường, làm lợi ích cho Hữu Tình"

Tỳ Sa Môn Thiên Vương bảo Đồng Tử Tán Nễ Sa rằng: " Ngày ngày con đưa 100 tiền vàng cho người Trì Tụng cho đến khi người ấy kết thúc tuổi thọ"

Đồng Tử Tán Nễ Sa ấy ngày ngày đưa 100 tiền vàng cho người Trì Tụng và đặt tiền ở cạnh đầu người đó

Tiền vàng ấy khác với loại Hương Khí. Trước tiên, nguyện đạt được việc ấy, trừ việc tự lấy dùng, ngoài ra nên hành xả thí chẳng nên chất chứa mà ôm ấp tính keo kiệt. Thường đối với tất cả Hữu Tình khởi Tâm Đại Bi, đừng sinh ganh ghét . Ở nơi vắng lặng dùng hương hoa, thức ăn uống, đèn sáng thù thắng .... như Pháp cúng dường ba báu Phật, Pháp, Tăng, lại thêm suy tư không gián đoạn về Tỳ Sa Môn Thiên Vương và các quyến thuộc.

*)Tỳ Sa Môn Thiên Vương từng nhận sự phó chúc của Đức Phật, ở đời vị lai nếu có vị vua Tà Kiến hủy diệt Phật Giáo thời cần phải đi đến hộ trì Phật Pháp. Ngoài ra, Ngài cùng với Thái Tử **Na Tra** đều có Nguyện Lực **Tùy Quân Hộ Pháp**

.)Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên Vương Tùy Quân Hộ Pháp Nghi Quỹ (ĐTK_No.1247) ghi rằng:

Bấy giờ Thái Tử **Na Tra** (Nalakuvera, hay Naḍa-kuvera) tay cầm cây kích, dùng ánh mắt ác nhìn bốn phương rồi bạch Phật rằng: " Con là Thái Tử thứ ba của Thiên Vương **Phệ Thất La Ma Na La Gia** (Vaiśravaṇa-rāja: Tỳ Sa Môn Vương) ở phương Bắc.

Người cháu thứ hai, Thiên Vương tổ phụ của con, với con là Na Tra mỗi ngày ba lần cùng nhau bạch với Đức Phật rằng: "Con hộ trì Phật pháp, muốn nhiếp phục người ác hoặc kẻ khởi Tâm chẳng lành. Ngày đêm con thủ hộ cho Quốc Vương, Đại Thần với hàng trăm Quan Liêu cùng nhau giết hại, đánh lấn. Trong nhóm như vậy, chúng con, Na tra dùng mũi nhọn của cây gậy Kim Cương đâm vào con mắt và trái tim của họ.

Nếu có kẻ khởi Tâm chẳng lành và Tâm giết hại bốn Chúng: Tỳ Khưu, Tỳ khưu Ni, Ưu bà Tắc, Ưu Bà Di thì con cũng dùng cây bổng Kim Cương đánh vào đầu kẻ ấy"

Khi ấy Tỳ Sa Môn Thiên Vương với người cháu và Na Tra bạch Phật rằng : "Thế Tôn! Con vì chúng sinh Bất thiện ở đời vị lai mà giáng phục, cột trói, diệt tan hết thảy nhóm ấy, con cũng hộ trì Quốc giới, nên nói **Tự Tâm Bạo Ác Chân Ngôn**. Nguyện xin Đức Thế Tôn nghe và hứa cho con nói"

Đức Phật bảo: "Lành thay! Lành thay Na Tra Thiên Vương! Ông vì giáng phục sự đánh lấn và giết hại của tất cả Quốc Vương, Đại Thần, hàng trăm Quan Lại, Pháp này cũng có điều trái ngược với Phật. Tuy nhiên, vì sự giáng phục nên tùy theo ý của ông"

.)Phần gần cuối của **Tỳ Sa Môn Nghi Quỹ** (ĐTK-No.1249) ghi chép rằng:

"Đời Đường, Thiên Bảo Nguyên Đới, năm Nhâm Ngọ, Đại Thạch Khang gồm năm nước vây thành An Tây.

Năm ấy tháng hai ngày 11 có Biểu thỉnh binh cứu viện. Thánh Nhân bảo Nhất Hạnh Thiền Sư rằng:" Hòa Thượng! An Tây bị nước Đại Thạch Khang vây, có Biểu thỉnh binh. Thành An Tây cách Kinh Đô một vạn hai ngàn dặm, binh trình tám tháng mới đến, An Tây ấy không do Trẫm cai quản"

Nhất Hạnh nói: "Bệ hạ! Sao chẳng thỉnh Thần Binh của Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên Vương ứng viện?"

Thánh Nhân nói: "Làm sao Trẫm thỉnh được?"

Nhất Hạnh nói: “Muốn kêu gọi, nhờ Hồ Tăng **Đại Quảng Trí** liền thỉnh được”

Có Sắc gọi được Đại Quảng Trí đến nói rằng: “Thánh Nhân đã kêu gọi Thần Tăng, há chẳng có duyên với thành An Tây bị giặc của năm nước vây thành sao?”

Thánh Nhân nói: “Đúng vậy”

Đại Quảng Trí nói: “Bệ hạ cầm lò hương vào trong Đạo Trường nói bệ hạ thỉnh Thần Binh của Bắc Phương Thiên Vương cứu. Hãy mau vào Đạo Trường thỉnh”

Chân Ngôn chưa đủ 14 biến, Thánh Nhân chợt thấy có Thần Nhân gồm 600 người mặc giáp đứng ở trước Đạo Trường.Thánh Nhân hỏi Tăng rằng: “Đây là người nào?”

Đại Quảng Trí nói: “Đây là **Độc Kiện**, con thứ hai của Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên Vương thống lãnh Thiên Binh cứu viện thành An Tây nên đến từ biệt”

Thánh Nhân bày thức ăn **phát khiển**.

Đến ngày của tháng 4 năm ấy, An Tây có biểu đến trình rằng: “Trước đây vào ngày 11 tháng hai sau giờ Tỵ trước giờ Ngọ, ở phía Đông Bắc cách thành 30 dặm có mây mù Đẩu ám, trong mây mù có người, thân dài một trượng, ước chừng có 1500 người đều mặc áo giáp vàng. Đến giờ Dậu, sau đó đánh trống, thổi tù và phát tiếng kêu lớn, âm thanh chấn động 300 dặm, đất rung chuyển, núi lở rồi dừng trú 3 ngày, năm nước sợ hãi lui quân hết, rút binh trong các doanh trại và con chuột vàng ấy cắn dây cung nõ, khí giới bị hư hao gãy hết chẳng thể dùng, có người già sợ quá đi không nỗi, binh do Thần cai quản muốn hao bớt. Trong hư không bảo rằng: “*Hãy tản đi, chẳng nên giết hại*”. Tìm tiếng nói, ngoái nhìn trên lầu cửa Bắc của thành có ánh sáng lớn, thấy thân của Tỳ Sa Môn Thiên Vương ở trên lầu, với hình dạng của Thiên Vương Thần ấy. Kính cẩn dâng biểu tiến lên bậc trên”.

Trung Hoa Thiên Bảo 14 ghi chép: “Ở **Nội Cung Dường Tăng Đại Bi Xứ** sao chép được Kinh với Tượng”

Đến Đại Lịch năm thứ 5, ở Tập Châu thấy Nội Cung Phụng Tăng **Lương Bí** Pháp Sư dời đến trú ở chùa Khai Nguyên thuộc Tập Châu xem xét Kinh Tượng và bản Đại Bi giống nhau. “*Xưa kia để phòng bị cứu viện quốc giới, vâng theo giáo sắc của Phật, sai con thứ ba là **Na Tra** nâng Tháp theo hầu Thiên Vương”*

Tam Tạng **Đại Quảng Trí** nói: “Ngày mồng một mỗi tháng là ngày mà Thiên vương và các Thiên, Quỷ, Thần tập hội - Ngày 11 là ngày con thứ hai **Độc Kiện** từ biệt vua cha đi tuần giới – Ngày 15 là ngày bốn vị Thiên Vương tập hội – Ngày 21 là ngày Na Tra và vua cha giao tháp. Ngày ấy nên dùng sữa, cháo cúng dường. Không có sữa ắt dùng tô mật, cháo cúng dường Thiên Vương ấy, có Thiên Linh quái lạ vâng theo Sắc tuyên nói giao phó 10 Đạo Tiết Độ, quân sở tại lãnh lệnh đến Hình Tượng, cầu nguyện cúng dường”

Thiên Bảo năm đầu ghi chép: “Ngày 23 tháng 4, Nội Yết Giả Giám Cao Tuệ Minh, nghi con thứ hai của Thiên vương là **Độc Kiện** thống lãnh Thiên Binh hộ quốc giới ấy, con thứ ba của Thiên vương là **Na Tra** (Nala-kuvera, hay Naḍa-kuvera) nâng Tháp thường theo hầu Thiên Vương, **Cát Tường Thiên Nữ** (Śrī-devī) là **Công Đức Thiên** tự có Chân Ngôn, **Bà Du Tiên** (Vasu-ṛṣī)...”

.)**Cúng Dường Thập Nhị Đại Uy Đức Thiên Báo Ân Phẩm** nói rằng: “Khi **Tỳ Sa Môn** vui thời chúng Dược Xoa vui, chẳng hại người dân chẳng hành độc thũng. Khi giận thời đều loạn”

Do vậy, nếu cầu Kính Ái, dùng Tỳ Sa Môn làm đầu. Còn lại hồi thuận mà cúng

HÌNH TƯỢNG CỦA TỲ SA MÔN THIÊN VƯƠNG

Tạo Tượng của Tỳ Sa Môn Thiên Vương giống như là tạo tượng của vị Thần Vương, thông thường đều khoác giáp trụ đội Mão Tướng, tay phải cầm cây gậy báu, tay trái ngửa nâng cái Tháp báu, chân đạp lên hai con Quỷ.



Tôn tượng: Thân khoác giáp trụ, đội mão Tỳ Lô, tay phải cầm cái lọng (hay cái tháp) biểu thị cho Phước Đức, hướng lòng bàn tay trái về bên phải duỗi năm ngón tay ngang eo. Bàn chân trái đạp lên con quỷ Dạ Xoa





Ý nghĩa của hình tượng:

Cái lọng tượng trưng cho sự học bao la, sự nghe bao quát, che chở giúp đỡ cho khắp chúng sinh.

Duỗi năm ngón tay phải hướng xuống bên dưới tượng trưng cho sự **thí Phước hộ Tài** (ban cho Phước Đức, giúp cho có tiền của)

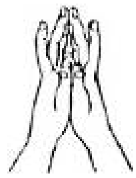
Chân đạp lên con Quỷ Dạ Xoa tượng trưng cho sự chận đứng việc nhiễm ô hư hoại.

Các biểu tượng này minh hoạ cho việc nhìn nghe cẩn thận, tham cứu kỹ lưỡng phát huy Tri Kiến bao quát, thực hiện công việc giúp ích mọi người hoàn hảo, tăng trưởng Phước Đức và dứt bỏ sự ô nhiễm hư hoại.

.)**Thập Nhị Thiên Cúng Nghi Quỹ** ghi nhận là: "Phương Bắc, **Tỳ Sa Môn Thiên** ngồi trên hai con Quỷ, thân mặc giáp trụ, lòng bàn tay trái nâng cái tháp, tay phải cầm cây gậy báu, thân màu vàng. Hai vị Thiên Nữ cầm nhóm hoa báu



Tướng Ấn là: Hư Tâm Hợp Chưởng, hợp 2 Địa (2 ngón út) vào trong lòng bàn tay cài chéo nhau, dựng Không (ngón cái) co bên cạnh Phong (ngón trỏ) cách khoảng một thốn (1/3 dm)



Đa Văn Thiên Vương Chân Ngôn là :

"Nẵng mạc tam mãn đa mẫu đà nẫm. Vị thất-la ma noa dã, sa-phộc hạ"

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ VAIŚRAVAṆĀYA SVĀHĀ

_Trong 12 Thiên thì **Tỳ Sa Môn Thiên** là vị chủ của hàng **Dạ Xoa** (Yakṣa), loại Quỷ Thần ăn nuốt, thủ hộ phương Bắc

Dạ Xoa (Yakṣa), còn phiên âm là Dạ Xoa, dịch nghĩa là Năng Đạm Quỷ (quỷ ăn nuốt), Tiệp Tật Quỷ (quỷ nhanh lẹ), Dũng Kiện (mạnh mẽ), Khinh Tiệp (nhẹ nhàng, lanh lẹ) .... Đây là một loại Quỷ Thần (gồm ba loại Địa Hành, Không Hành và Phi Hành) thuộc tám Bộ Trời Rồng, được thống lãnh bởi Bắc Phương Tỳ Sa Môn thiên vương. Họ có hình mạo giống người, nhưng dữ tợn, tuy vậy, vẫn có những vị phát tâm hộ pháp. Do Tỳ Sa Môn Thiên thống lãnh các Dạ Xoa nên đôi khi Kinh gọi ngài là **Dạ Xoa Vương**. Do Ngài bảo hộ phương Bắc nên có tên gọi là **Bắc Phương Đa Văn Thiên Vương.**

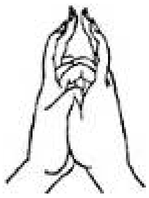


毘沙門天



Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên Ấn :

Chắp 2 tay lại sao cho 10 ngón tay cài chéo nhau trong lòng bàn tay. Dựng thẳng 2 Thủy (2 ngón vô danh) sao cho đầu ngón dính nhau, hơi co cứng 2 Phong (2 ngón trỏ), đưa ngón Không bên trái (ngón cái trái) vào trong lòng bàn tay phải và đè lên móng Hỏa trái (ngón giữa trái), đưa ngón Không bên phải (ngón cái phải) vào trong lòng bàn tay trái vượt lên lưng ngón Không trái (ngón cái trái) và đè ngón Hỏa phải (ngón giữa phải), 2 Phong (2 ngón trỏ) cùng với **Ha** (: HĀ) triệu mời.



Chân Ngôn là :

"Án, phệ thất la phộc na gia, sa phộc ha"

OṂ _ VAIŚRAVAṆĀYA SVĀHĀ

_Tại Nhật Bản nhận định Tỳ Sa Môn Thiên Vương là một trong bảy vị Phước Thần và thờ phụng Ngài qua Tôn Tượng có hai cánh tay, trái nâng cái tháp báu, tay phải cầm cây gậy, đang dẫm lên hai nữ La Sát: **Lambā** và **Vilambā**, ở giữa là cái đầu của Địa Thiên **Pṛthivi** hay của **Vinayāka**



Ngài ra Nhật Bản còn thờ phượng hình tượng **Đao Bát Tỳ Sa Môn** với thân có bốn đầu, 12 cánh tay cầm khí trượng, ngồi trên con sư tử

_Tại Trung Hoa, do nhận định **Na Tra** là người con thứ ba của vị Tể Tướng đời Đường **Lý Tịnh** (571_649) nên Tỳ Sa Môn Thiên được đồng hóa với Lý Tịnh và xưng là **Thác Tháp Thiên Vương**, một trong các vị Võ Tướng của Ngọc Hoàng Thượng Đế



_Mật Giáo Tây Tạng thờ phượng Tỳ Sa Môn Thiên qua hình tượng **Tài Bảo Thiên Vương** có thân màu vàng sáng, một mặt hai cánh tay, đầu đội mão Ngũ Phật, thân khoác áo giáp vàng rực, đeo các loại câu báu Anh Lạc, tay phải cầm cây phướng báu, tay trái cầm con chồn Mangoose phun ra mọi loại châu báu, ngồi trên đất hoặc ngồi trên sư tử, hoặc đứng trên mặt đất





_Theo truyền thống khác thì **Tài Bảo Thiên Vương** là thân hóa hiện của Đức Phật **Bảo Sinh** (Ratna-saṃbhava) ở phương Nam, nên lại có tên gọi là **Nam Thông Tạ**, có bộ thuộc của **Bát Lộ Tài Thần** vây quanh, hợp trợ cho Tài Bảo Thiên Vương cứu độ chúng sinh nhằm thỏa mãn nguyện ước của chúng sinh



Y theo Kinh Điển ghi chép thì ngay lúc Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (śākya-muṇi) còn tại thế thì Thiên Vương ở trước mặt Đức Phật, thệ nguyện hộ trì Phật Pháp

kèm ban cho tư lương, tiền tài, của cải khiến cho kẻ ấy thành tựu Pháp Thế Gian, cho nên bên ngoài tuy hiển tướng **Tài Bảo Thiên** nhưng thực chất là giúp cho chúng sinh được lợi ích an vui, xa lìa các ách nạn, hay mãn các Thắng Nguyện, được Đại Trí Tuệ cho đến Thiên Nhãn Thông, sống lâu đến Câu Chi tuổi…tức biểu thị cho nơi hóa hiện của Đức Phật Đà vậy

Phàm người đã từng thọ nhận Pháp Quán Đỉnh của **Tài Bảo Thiên Vương**. Nếu ở trước mặt Bản Tôn cầu khẩn kèm siêng năng trì tụng Chú Ngữ của Ngài, thường hành **Từ Bi Hỷ Xả**, khéo thực hành lợi lạc cho tất cả chúng sinh, Do nương nhờ vào sức mạnh gia trì của Bản Tôn Tài Bảo Thiên Vương với Bát Lộ Tài Thần…ắt sự nghiệp được thuận lợi, đường công danh rộng mở, cầu tiền của được mãn nguyện, mau chóng được tương ứng.

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Tỳ Sa Môn Thiên là một trong 20 Thiên và vị Trời thủ hộ phương Bắc

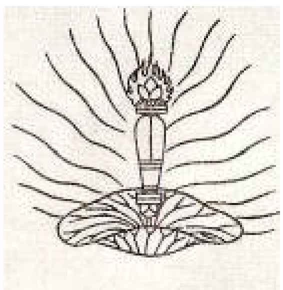
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Tỳ Sa Môn Thiên có thân màu vàng ròng, tay trái nâng cái tháp, tay phải cầm cây gậy báu



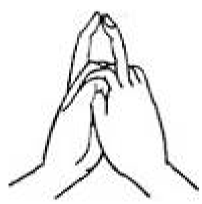
Mật Hiệu là: **Kim Cương Đại Ác**

Chữ chủng tử là: VA (𑖪) hay VAI (𑖪𑖹)

Tam Muội Gia Hình là: cây gậy báu

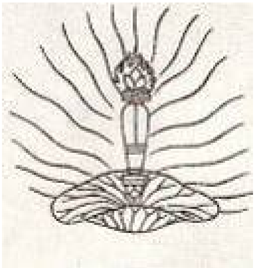


Tướng Ấn là Tháp Bảo Bổng Ấn: Nội Phộc, dựng hai ngón giữa đều hợp nhau, gọi là Tháp Bảo Bổng Ấn, ngón giữa như hình báu.

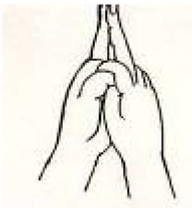


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖥𑖹𑖨𑖪 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA- BHAIRAVA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Tỳ Sa Môn Thiên có chữ chủng tử là: VAI (𑖪𑖹)
Tam Muội Gia Hình là: cây gậy báu



Tướng Ấn là: Phổ Thông Căn Bản Ấn



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖥𑖹𑖨𑖪 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA- BHAIRAVA SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Tỳ Sa Môn Thiên có chữ chủng tử là: VAI (𑖪𑖹)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội

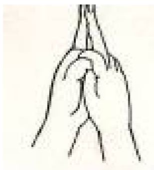


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖥𑖹𑖨𑖪 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖪𑖹
OṂ _ VAJRA- BHAIRAVA SVĀHĀ_ VAI

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Tỳ Sa Môn Thiên có chữ chủng tử là: VAI (𑖪𑖹)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Phổ Thông Căn Bản Ấn

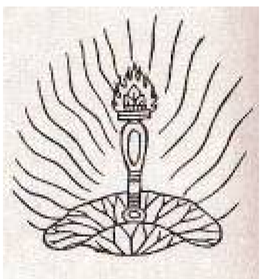


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖥𑖹𑖨𑖪 𑖭𑖿𑖪𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA- BHAIRAVA SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Tỳ Sa Môn Thiên có chữ chủng tử là: VAI (𑖪𑖹)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy báu



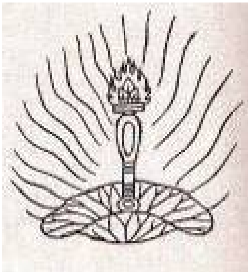
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖥𑖹𑖨𑖪 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖪𑖹

OṂ _ VAJRA- BHAIRAVA SVĀHĀ_ VAI

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Tỳ Sa Môn Thiên có chữ chủng tử là: VAI (𑖪𑖹)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy báu



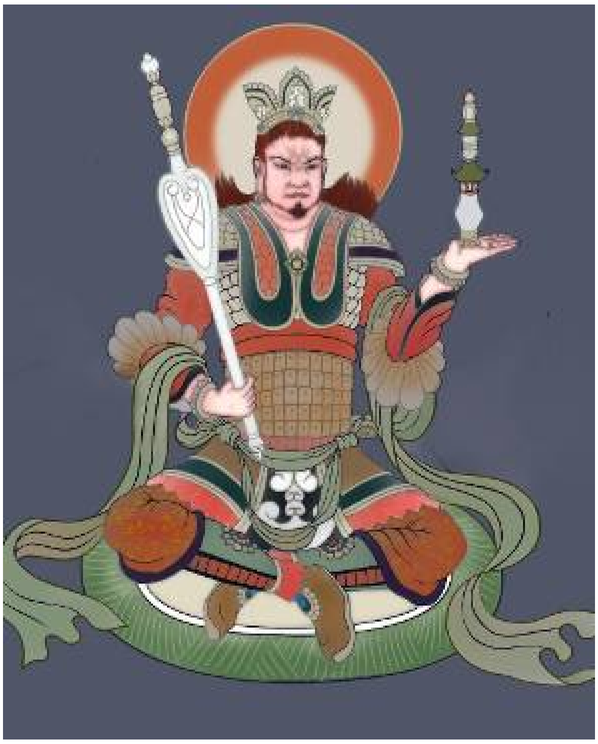
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖥𑖹𑖨𑖪 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖪𑖹

OṂ _ VAJRA- BHAIRAVA SVĀHĀ_ VAI

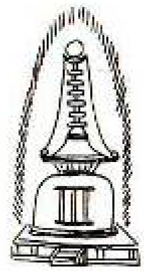
.)Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Tỳ Sa Môn Thiên là vị Trời thủ hộ Phương Bắc

Tôn Hình là: Thân màu vàng, khoác giáp trụ, tay phải cầm cây gậy báu, tay trái cầm cái tháp báu

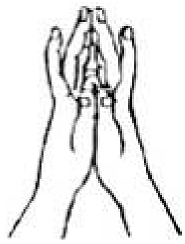


Hiện tướng phẫn nộ: biểu thị cho sự ngăn chặn điều ác, phát khởi điều lành
Khoác giáp trụ: biểu thị cho sự dùng Giới Đức tự bảo hộ cho mình và cho người
Cái tháp báu: biểu thị phước đức đa văn, bảo hộ tài bảo cho mình và cho người
Cây gậy báu: biểu thị cho sự chế phục chúng Ma

.) Chữ chủng tử là: VAI ( )
Tam Muội Gia Hình là: Cái tháp báu.



Tướng Ấn là Già Đà Bổng Ấn: Chắp hai tay lại giữ rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) hai ngón út cài chéo nhau để ở trong lòng bàn tay, kèm dựng hai ngón cái rồi dựng đứng hai ngón giữa, hai ngón vô danh sao cho đầu ngón cùng hộp nhau. Tiếp đến co hai ngón trỏ lại sao cho cạnh ngón cách lưng hai ngón giữa khoảng một thốn (1/3 dm), chẳng dựa vào nhau.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ – VAIŚRAVAṆĀYA SVĀHĀ

_Kinh **Thủ Hộ Đại Thiên Quốc Thổ, quyển Thượng** (ĐTK_No.999) ghi chép là: "Bạch Thế Tôn! Nếu có các loài Dạ Xoa làm các điều mỵ khiến chúng sanh có những loại hình tướng hoặc hay cười vui, hoặc sợ sệt, hoặc khóc lóc, hoặc nói bậy bạ luôn mồm, hoặc điên loạn, hoặc không ngủ nghỉ, hoặc thân lạnh cóng, hoặc ngửa mặt ngó hư không, hoặc ngó sao, hoặc chạy nhảy lung tung, ngày thì buồn rầu, đêm lại vui vẻ, hoặc hung hăng, đều là do các loài Dạ Xoa làm mỵ, ở trong thế gian không ai ngăn cấm được. Con có Thần Chú hay điều phục, cúi mong Đức Thế Tôn cho con nói ra"

Liền nói Chú rằng:

- Án, a lị a la ni đạp đọa nhạ để lê a khư ninh, ma khư ninh, khư khư ninh, khư san si ha rị tịnh nga lê, đế minh ra ra nễ tất san đô mản đát ra, bạt na sa phạ ha sa, phạ tát để dã tát đệ phệ thất ra, ma nõa tả ma ha ra nhạ tả nẵng ma ma lê ninh thấp phạ lị dã địa bà để duệ nẵng sa phạ ha.

OṂ_ SIDDHE SUSIDDHE, SATTVE ARE, ARANI , VARE, MAHĀ-VARE, JAMBHE, JAṬILE, AKHANE, MAKHANE, KHAKHANE, KHARADDE, KHARAṄGI, HARI PIṄGALE, TIMIṄGILE, TIMIṄGILIN, MAṄGALE, SVÀHÀ

SIDDHYANTU MANTRAPADĀ SVASTYANTU MAMA SAPARIVĀRASYA SARVASATTVĀNĀÑCA VAIŚRAVAṆASYA MAHĀ-RĀJASYA NĀMĀVALENAIŚCARYĀDHIPATENA CA SVĀHĀ

PHƯƠNG PHÁP KHẤN CẦU TỲ SA MÔN THIÊN VƯƠNG GIÚP ĐỠ

Tỳ Sa Môn Thiên Vương cũng là một trong những vị Thần của cõi Trời đối với Phật Giáo Đồ rất là nhiệt tâm hộ trì. Trong bốn vị Đại Thiên Vương thì Ngài cùng với Phật Giáo Đồ có quan hệ rất là mật thiết.

Tỳ Sa Môn Thiên Vương ngoài tính cách được xưng là Tài Thần ra, đồng thời cũng người thủ hộ khiến cho chúng sinh được lợi ích an vui, xa lìa các ách nạn, hay mãn các Thắng Nguyện, đạt được Trí Tuệ lớn, cho đến Thiên Nhãn Thông, sống lâu nhiều tuổi (trường thọ).

Nếu như hành giả mong ước được sự hộ thủ của Tỳ Sa Môn thì nguyên tắc trọng yếu nhất là phải thực hành các Hạnh lành hợp với Chính Pháp, lại phải gia sức khấn cầu hy vọng sẽ được sự gia hộ của Tỳ Sa Môn Thiên Vương, tự mình cũng có thể căn cứ vào phương thức của Kinh Điển đã ghi chép để khấn cầu:

1_ Cung phụng Tượng Tỳ Sa Môn Thiên Vương, thường xuyên trì tụng **Kinh Tỳ Sa Môn Thiên Vương** và y theo chỉ thị của Kinh này mà khấn cầu.

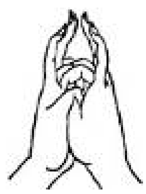
2_ Cung phụng tượng Tỳ Sa Môn Thiên Vương, thường xuyên trì tụng **Tỳ Sa Môn Thiên Vương Tâm Chú**.

3_ Trì tụng **Kinh Kim Quang Minh, Kinh Đại Tập và Kinh Pháp Hoa** …. Kinh Điển Đại Thừa.

4_ Hành Giả có thể khấn cầu được Đức Thượng Sư truyền thụ Pháp Tỳ Sa Môn Thiên Vương hoặc hành Pháp Hộ Ma của Tỳ Sa Môn Thiên Vương

5_ Thông thường ở Đạo Trường cũng có thể cung phụng Tượng Tỳ Sa Môn Thiên Vương và Tôn phụng làm Thần Hộ Pháp của Đạo Trường.

.) Tỳ Sa Môn Thủ Ấn:



.) Tỳ Sa Môn Thiên Vương Tâm Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ – VAIŚRAVAṆĀYA SVĀHĀ



.)Tỳ Sa Môn Thiên Vương Tâm Trung Tâm Chân Ngôn là:

OṂ_ DAṆḌA-DHARĀYA SVĀHĀ

QUYẾN THUỘC CỦA TỲ SA MÔN THIÊN VƯƠNG

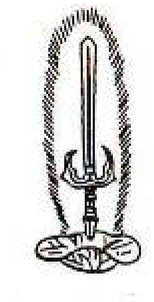
_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì **Câu Phì La** (Kubera), dịch ý là **Bất Hảo Thân** được xem là đồng Tôn với Tỳ Sa Môn Thiên, thủ hộ phương Bắc

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây kiếm, ngửa lòng bàn tay trái để trên đùi.

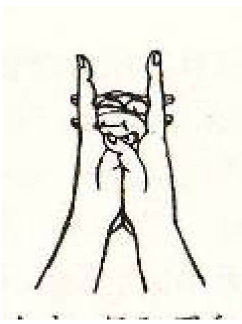


Chữ chủng tử là: KU (…)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Ấn là: Câu Phì La Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ – YAKṢEŚVARĀYA_ SVĀHĀ

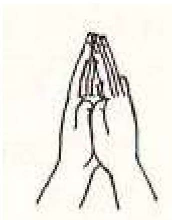
Câu Phì La Nữ (Kuberā):
Kuberā là Nữ Tôn của Kubera, biểu thị cho Định Đức của Kubera
Tôn hình:Thân màu thịt, tay phải cầm cây gậy



Chữ chủng tử là: KU ()
Tam Muội Gia Hình là: Xương đỉnh đầu (Đỉnh Cốt)



Tướng Ấn là: Câu Phì La Nữ Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ – YAKṢA-VIDYĀ-DHARI_ SVĀHĀ

TÀI BẢO THIÊN VƯƠNG

Tài Bảo Thiên Vương, tên Tây Tạng là **Lãng Thê Sắc**…lại xưng là **Tỳ Sa Môn Thiên Vương, Đa Văn Thiên Vương**, thuộc một trong bốn vị Đại Thiên Vương, là Ngoại Thần của Đế Thích Thiên. Do hay hộ trì Thế Gian cho nên lại xưng là **Hộ Thế Giả**. Tên Phạn là **Tỳ Sa Môn** (Vaiśravaṇa), dịch là **Đa Văn** biểu thị cho tên gọi của Phước Đức vang dội ở bốn phương.

Tài Bảo Thiên Vương là một thân biến hóa của **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa) dùng hiện bày thân phần Hộ Pháp Xuất Thế Gian, thân ấy ở cung **Liễu Diệp** tại phương Bắc trong Tịnh Thổ của **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi-bodhisatva) cùng với Kim Cương Thủ Bồ Tát có ngọn nguồn rất sâu xa, thuộc vào **Bộ thuộc** của Kim Cương Thủ Bồ Tát, đồng thời có đủ Phước Đức lớn, chuyên môn bảo hộ tài phú của chúng sinh, lại kèm chức vụ chủ quản tiền tài, tên Phạn xưng là **Kubera**, là bậc thủ hộ tất cả tài phú trên đời, là vị Thiện Thần trong coi tài bảo phú quý, hộ trì Phật Pháp

Thiên Vương **Lãng Thê Sắc** chẳng những là vị Thần thủ hộ của cõi Trời mà còn là vị Thần Tài Phú của nhân gian, lại xưng là **Tài Thần Lãng Sắc.** Đấy cũng chính là nguyên nhân mà ảnh hưởng và danh tiếng của Ngài ở đất Tây Tạng, khu vực núi Tuyết vượt hơn hẳn ba vị Thiên Vương còn lại.

_Trong Tạng Mật, Nam Phương Bảo Sinh Phật và Bắc Phương Bất Không Thành Tựu Phật của Ngũ Phương Phật không có hai không có khác, hóa hiện làm ba loại Hóa Thân chẳng đồng là **Ngoại, Nội, Mật** để độ hóa hữu tình thời Tài Bảo Thiên Vương là sự hóa hiện bên ngoài (Ngoại Hóa Hiện) lại xưng là **Nam Thông Tạ.**

.)**Ngoại Hóa Hiện**: là một trong bốn vị Đại Thiên Vương, tên Phạn là **Tỳ Sa Môn** (Vaiśravaṇa) là **Ngoại Thần** của Thiên Đế Thích, cư ngụ tại **Thủy Tinh Đóa** ở **núi Tu Di** (Sumeru), là vị Thần thủ hộ Phương Bắc của **Diêm Phù Đề** (Jaṃbu-dvīpa), tên là **Dạ Xoa Bộ Chủ**. Lại do Phước Đức của Thiên Vương vang dội khắp bốn phương nên xưng là **Đa Văn Thiên Vương**, chức phận chủ yếu là trông coi kho tàng tiền của châu báu trong cảnh Dạ Xoa ở phương Bắc với **Sự Nghiệp Bộ** (Karma-kulāya) của sự giáng phục, có thể dùng diệt trừ Quỷ Thần, **Ác Sát** (hung thần ác) gian trá xảo quyệt

.)**Nội Hóa Hiện**: là Ý của tất cả chư Phật hóa hiện ra **Mật Chủ Kim Cương Thủ** (tướng phẫn nộ của Đại Thế Chí Bồ Tát) là Tổ Sư rộng truyền Mật Pháp trên Thế Gian

.)**Mật Hóa Hiện**: Bên trong Pháp **Phục Tàng** do con Rồng **Tát Trữ Ba** của Tổ Sư **Y Cát Đà** lấy ra có ghi chép: Trong vô số kiếp trước đã thành Phật, hiệu là **Đa Bảo Phật** (Prabhūtaratna-buddha, hay Bahu-ratna-buddha), phát nguyện hiện làm tướng **Chuyển Luân Vương** (Cakra-varttin-rāja) tiêu trừ mọi loại nghèo túng với mọi loại chướng ngại thuộc tài vật của chúng sinh, viên mãn **bảy Thánh Tài** ()

Ngoài ra, ở trong Hán Truyền Phật Giáo thì Ngài là Hóa Thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Ở trong Thần Thoại của Ấn Độ thì Ngài cũng là vị Thiện Thần ban Phước hộ giúp tiền của

_Y theo Kinh Điển đã ghi chép: Khi Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi) hiện bày **Niết Bàn** (Nirvāṇa) thời phó chúc cho bốn vị Đại Thiên Vương: "Ở đời vị lai có vua chúa Tà Kiến hủy diệt Phật Pháp thời đều nên hộ trì Phật Pháp". Ngay lúc đó, Thiên Vương đỉnh lễ trước mặt Đức Phật rồi ở trước mặt Đức Phật lập Thệ Nguyện sẽ thống lãnh quyến thuộc, nguyện hộ trì Phật Pháp, bảo hộ cho Đệ Tử của Phật Môn ở phương Bắc, khiến cho Chính Pháp trụ lâu ở Thế Gian, kèm theo cung cấp Tư Lương

Tài Bảo cho chúng sinh khiến cho họ thành tựu Pháp Thế Gian. Bởi thế, tướng bên ngoài ấy tuy hiển hiện dung mạo **Tài Bảo Thiên Vương** nhưng thật chất là nơi hóa hiện của Đức Phật Đà. Chung quanh Tài Bảo Thiên Vương có **Bát Lộ Tài Thần** làm Bộ Thuộc hiệp trợ Tài Bảo Thiên Vương hóa độ chúng sinh nhằm thỏa mãn nguyện ước của chúng sinh, là Thủ Lãnh của chúng Tài Thần

Tài Bảo Thiên Vương có bốn vị Vương Phi, bốn người con, lại có tám vị Đại Dược Xoa thành tựu sự nghiệp, tám vị Đại Long Vương ban cho tài bảo, **Ngũ Tính Tài Thần** cùng với tám Bộ Trời Rồng, quyến thuộc của các **Lộ Tài Thần** nhiều vô tận

Thiên Vương có thân màu vàng như đồng với một dạng vàng ròng xán lạn huy hoàng. Từ trên thân phóng bắn ra vạn đường tia sáng mãnh liệt, đầu đội mão năm Phật có vàng ròng và đá báu trang sức, trên khôi giáp vàng chóe khoác thêm áo Trời bằng sợi tơ của loài hoa quý. Hai mắt tròn trong, râu tóc mọc đầy ở cổ họng, mặt hơi giận dữ, cỡi con sư tử trắng bờm xanh há miệng lớn, tay phải cầm cây phướng báu chuyển động không dừng, cây phướng báu chuyển động liền liên tục sinh ra tài phú rải bày trên đất chẳng dứt, tay trái ôm một con chồn sóc phun ra vật báu, từ trong miệng của con chồn sóc hay phun ra châu báu chẳng cạn chẳng thể dùng hết được.



Ý nghĩa của hình tượng:

.)**Thân màu vàng** biểu thị cho Pháp **Tăng Ích** (Puṣṭika)

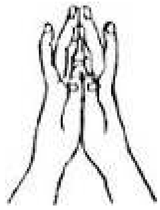
.)**Đầu đội mão năm Phật có vàng ròng và đá báu trang sức** biểu thị cho năm Trí của Phật

.)**Cây phướng báu chuyển động không dừng** biểu thị cho việc ban **tài phú và sự đầy đủ** cho con người cùng với mưa móc trân quý chẳng thể khuyết thiếu trong **Phong Điều Vũ Thuận**

.)**Con chồn sóc phun ra vật báu** biểu thị cho việc hay ban cho tài bảo không cùng tận
.)**Cỡi con sư tử trắng bờm xanh há miệng lớn** biểu thị cho việc chẳng những có thể giảng nói Phật Pháp mà còn hay phun ra các loại tài vật châu báu
.)**Trên thân phóng bắn ra vạn đường tia sáng mãnh liệt** biểu thị cho kho tàng của Trời (thiên khố) chứa tài bảo vô tận là sở hữu của Ngài.

_Chữ chủng tử của Tài Bảo Thiên Vương là: VAI

_**Tài Bảo Thiên Vương Thủ Ấn**: chia mở ngón trỏ, hợp ngón giữa ngón vô danh dựng đứng, cột buộc ngón út bên trong, hai ngón cái kèm nhau.



_Căn Bản Chú:
"**Ông, bối hạ oa na dã, thoa cáp**"
OṂ_ VAIŚRAVAṆAYE SVĀHĀ



_Chú giải Chú Ngữ:
Ông (OṂ): Niệm OṂ là chữ chủng tử, là âm căn bản của năng lượng sinh mệnh nguyên thủy của vũ trụ, âm ấy hàm chứa công năng vô cùng vô tận
Bối (VAI): Sự nghiệp thuận lợi
Hạ oa (ŚRAVA): giương mở lớn toan tính rộng rãi
Na dã (ṆĀYA): Cầu tài mãn nguyện
Thoa cáp (SVĀHĀ): mau hay tương ứng

_**Trường Chú** là:
TADYATHĀ: HILI MAṆI-BHADRA, HILI MILI MAṆI-BHADRA, KILA MAṆI-BHADRA, KILI KILI MAṆI-BHADRA, KURU MAṆI-BHADRA, KURU

KURU MAṆI-BHADRA, TURU MAṆI-BHADRA, TURU TURU MAṆI-BHADRA, SURU MAṆI-BHADRA, SURU SURU MAṆI-BHADRA, CURU MAṆI-BHADRA, CURU CURU MAṆI-BHADRA

OṂ_ EHYEHI TIṢTA TIṢṬA, AVADĀRA TIṢṬAḤ MECAYA

TADYATHĀ: BUDDHANI BUDHANI, SURA ME SURA DERE, SURA-PUṢPE, HILI MILI SVĀHĀ

BÁT LỘ TÀI THẦN

Bát Lộ Tài Thần lại xưng là **Bát Tuấn Tài Thần, Tài Thần Bát Đại Tướng**. Tám vị Tài Thần này là **Bạn Thần** của Tài Bảo Thiên Vương gồm có: Đông Lộ **Hoàng Khố Thần**, Nam Lộ **Hoàng Khố Thần**, Tây Lộ **Bạch Khố Thần**, Bắc Lộ **Hắc Khố Thần**, Đông Nam Lộ **Hoàng Khố Thần**, Tây Nam Lộ **Hắc Khố Thần**, Đông Bắc Lộ **Bạch Khố Thần**, Tây Bắc Lộ **Hoàng Khố Thần**…. đều trông coi kho tàng của Trời (thiên khố) ở tám phương, lắng nghe lệnh tế độ cho Hành Giả học Phật bị thiếu tiền của, giải cứu tất cả chúng sinh nghèo cùng khốn khổ. Các vị này có dung mạo mười phần tương tự như Tài Bảo Thiên Vương, thân khoác áo giáp hoa quý, cỡi con tuấn mã đồng với màu sắc của thân mình, tay phải đều cầm một món Pháp Khí, tay trái cầm con chồn sóc phun ra vật báu, đều ở tại phương của mình.





.) Tài Thần ở phương Đông là **Bảo Tạng Thần** (Jambhala), là một vị Thần màu vàng, tay phải cầm châu báu, tay trái cầm con chồn sóc phun ra vật báu, cỡi trên con tuấn mã màu vàng



Thần Chú là: "**Ông, tạng ba lạp trát lệnh trát gia, hồng**"
OṂ _ JAMBHALA JALENDRĀYE HŪṂ

.)Tài Thần ở phương Đông Nam là **Dương Đạt Hiệp**, thân màu vàng, tay phải khua múa cây kiếm báu (hay cầm cung tên), tay trái cầm con chồn sóc phun ra vật báu, cỡi trên con tuấn mã màu vàng



Thần Chú là: "**Ông, tam ba trát na gia, hồng**"
OṂ _ JAMBHA-JANAYE HŪṂ

.) Tài Thần ở phương Nam là **Khang Ngõa Tang Bố Tuyết Sơn Thần**, thân màu vàng, tay phải cầm cái hộp châu báu, tay trái cầm con chồn sóc phun ra vật báu, cỡi trên con tuấn mã màu vàng



Thần Chú là: "**Ông bố lánh ba trát gia, hồng**"
OṂ_ PŪRṆA-BHADRĀYE HŪṂ

.)Tài Thần ở phương Tây Nam là **Thố Nhiếp**, thân màu vàng (hay màu xanh đậm), tay phải cầm cây mâu màu hồng, tay trái cầm con chồn sóc phun ra vật báu, cỡi trên con tuấn mã màu vàng (hay màu xanh đậm)



Thần Chú là: "**Ông, cổ hắc nha đáp na gia, hồng**"
OṂ_ GUHYE-DANAYE HŪṂ

.)Tài Thần ở phương Tây là **La Bố Tang Thần**, thân màu trắng, tay phải cầm châu báu, tay trái cầm con chồn sóc phun ra vật báu, cỡi trên con tuấn mã màu trắng



Thần Chú là: "**Ông, mã ni ba trát gia, hồng**"
OṂ _ MAṆI-BHADRĀYE HŪṂ

.)Tài Thần ở phương Tây Bắc là **A Đan**, thân màu trắng vàng, tay phải nâng cung điện (hay cầm **Xuân Bồi Thiên Trượng**), tay trái cầm con chồn sóc phun ra vật báu, cỡi trên con tuấn mã màu trắng vàng



Thần Chú là: "**Ông, ba trát ca gia, hồng**"
OṂ_ PAÑCIKAYE HŪṂ

.)Tài Thần ở phương Bắc là **Sửu Thân** (Kubera), thân màu đen, tay phải khua múa cây kiếm báu, tay trái cầm con chồn sóc phun ra vật báu, cỡi trên con tuấn mã màu đen



Thần Chú là: "**Ông, cổ bối lạp gia, hồng**"
OṂ_ KUBERAYA HŪṂ

.)Tài Thần ở phương Đông Bắc là **Chiêm Bố Khâm Ba**, thân màu trắng, tay phải múa cây kiếm báu, tay trái cầm con chồn sóc phun ra vật báu, cỡi trên con tuấn mã màu trắng



Thần Chú là: "**Ông, tỷ trát côn trát lợi gia**, **hồng**"
OṂ_ PICI KUṆḌALIYE HŪṂ

Tài Bảo Thiên Vương Đàn Thành



_ Thần Chú của Tài Bảo Thiên Vương và Bát Lộ Tài Thần được ghi nhận trong Đàn Thành này là:

.)Trung ương Tài Bảo Thiên Vương
OṂ_ VAIŚRAVAṆAYE SVĀHĀ

.)Đông Lộ Tài Thần:
OṂ JAMBHALA JALENDRĀYE SVĀHĀ

.) Nam Lộ Tài Thần:
OṂ_ PŪRṆA-BHADRĀYE SVĀHĀ

.)Tây Lộ Tài Thần
OṂ MAṆI-BHADRĀYE SVĀHĀ

.)Bắc Lộ Tài Thần
OṂ_ KUBERAYA SVĀHĀ

.)Đông Nam Lộ Tài Thần
OṂ JAMBHA-JANAYE SVĀHĀ
.)Tây Nam Lộ Tài Thần

OṂ_ GUHYE-DANAYE SVĀHĀ

.)Tây Bắc Lộ Tài Thần
OṂ_ PAÑCIKAYE SVĀHĀ

.)Đông Bắc Lộ Tài Thần
OṂ_ PICI KUṆḌALIYE SVĀHĀ

_Tài Bảo Thiên Vương có uy quang hách dịch giống như tia sáng do mười vạn mặt trời phát ra. Ngài có đủ Phước Đức lớn, chuyên môn thủ hộ tài phú của chúng sinh. Ngài chưởng quản sự chuyển hóa Công Đức và Phước Báo của con người, Thế Gian, phát rải tài phú cho nhân gian, hộ trì Phật Pháp, tiêu trừ sự khiêu chiến của Ma Chướng tịnh hóa Trời, Người thành tựu cảnh địa Đại Quang Minh. Ngài có thể dùng các loại thân tướng biến hóa ứng với nhu yếu của người tu trì rồi hay ban cho các loại thành tựu của tài bảo với giáng phục cừu địch…Niệm nhiều tên gọi của Thiên Vương thì có thể được Phước, hoặc là niệm Chú Ngữ của Tài Bảo Thiên Vương thì có thể được gia trì. Tu trì Pháp này có thể lập được Phước Báo

Phàm người từng thọ nhận sự Quán Đỉnh của Tài Bảo Thiên Vương. Nếu ở trước mặt Bản Tôn cúng phụng, y chỉ, cầu xin kèm tinh cần trì tụng **Tán Từ** với **Chú Ngữ**, thường hành **Từ Bi Hỷ xả**, khéo hành lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Nhờ do Đại Lực gia trì của Bản Tôn Tài Bảo Thiên Vương với Bát Lộ Tài Thần thì xa lìa các nguy ách chướng nạn, lại chẳng bị tất cả Thần ác, Ma Chướng gây hại, mau mãn các Thắng Nguyện, đắc được Đại Trí Tuệ, Phước Đức Thọ Mệnh tăng thượng, hay ban cho Hành Giả có Tâm Bi tiền của vô tận, tu hành Phật Pháp không có chướng ngại, hưng tịnh sự nghiệp của Thế Gian Pháp, tài nguyên rộng tiến, việc việc thuận lợi, viên mãn không có trở ngại

BẢO TÀNG THẦN

Bảo Tàng Thần có tên Phạn là **Jambhala**, hay **Jaṃbhala** là vị Thần chuyên giúp cho người tu hành cầu phước đức, phú quý và được ghi nhận là Pháp tối thượng của Thế Gian.

_Trong Thần Thoại của Ấn Độ Giáo thì Jambhala được coi là vị Thần Tài **Kubera**. Kubera được vị thần sáng tạo của Ấn Độ là Đại Phạm Thiên sai bò mẹ mang thai và sinh ra. Thần vốn hiền lành, không thích tranh đấu nên bị người em khác mẹ là La Sát Vương đuổi đến Laṅka (nay là Śrilaṅka), về sau Thần di cư đến **Cương Nhân Ba Tề** (núi thần của Phật giáo tại A Lý - Tây Tạng). Mặc dù bị đuổi khỏi gia đình, nhưng do có căn tu cộng thêm hàng ngàn năm khổ luyện, nên Kubera được Đại Phạm Thiên ban cho sự trường sinh bất tử, trong coi kho báu của Thế Gian và cũng là vị Thần bảo hộ phương Bắc. Tại Ấn Độ, Kubera được sùng kính không kém gì Thần đầu voi Ganeśa.





Thần Chú tán tụng Kubera là:

Oṃ_ yakṣa-rājaya vid mahe
Vaiśravaṇāya dhī mahi
Thanno kuberaḥ prachodath

OṂ_ YAKṢAYA KUBERAYA VAIŚRAVAṆĀYA DHANA-DHANYADI PADAYEḤ DHANA-DHANYA SAMRĪDHING ME DEHI TAPAYA SVĀHĀ

_Trong Mật Tông Phật Giáo thì Kubera được nhận định là **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa) là một trong bốn vị Thiên Vương hộ thế, thủ hộ phương Bắc và được xưng là **Tài Bảo Thiên Vương**. Cũng có thuyết cho rằng Kubera là một **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của Bồ Tát **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara) hoặc chư Phật

.)Truyền thống Hoa Văn ghi nhận Pháp tu **Bảo Tàng Thần** qua hai bộ Kinh do Truyền Giáo Đại Sư **Pháp Thiên** (Dharma Deva) dịch là:

1_ Phật nói Kinh Bảo Tàng Thần Đại Minh Mạn Noa La Nghi Quỹ (2 quyển)

2_ Phật nói Kinh Thánh Bảo Tàng Nghi Quỹ (2 quyển)

Theo truyền thống này thì Bảo Tàng Thần Jambhala chính là một Hóa Thân của Tỳ Sa Môn Thiên Vương, có thân màu mây xanh, dùng nhiều loại vật báu trang sức, tay phải làm dạng Thí Vô Úy bên trong bàn tay có quả Am Ma Lặc, tay trái cầm cái bình chứa đầy báu, ngồi Kiết Già trên tòa Sư Tử.







Chủng Tử là: JAṂ (ཛཾ)
Chân Ngôn căn bản là:
NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMO MAṆI-BHADRĀYA MAHĀ-YAKṢA-SENAPATĀYE
OṂ_ JAMBHALA JALENDRĀYA SVĀHĀ

Quyến thuộc của Bảo Tàng Thần gồm có 8 vị Dạ Xoa được gọi là **Bát Tuấn Tài Thần** hay **Bát Lộ Tài Thần** hộ giữ các phương cùng nhau cứu giúp chúng sinh khiến cho họ được sung túc, thỏa mãn mọi sự mong cầu. Tên các vị ấy là:

1_ **Cát Lê Dạ Xoa** (Kili)
2_ **Ma Lê Dạ Xoa** (Malli)
3_ **Xá-Dã Ma Dạ Xoa** (? Śyama)
4_ **Diệu Mãn Dạ Xoa** (Maṇibhadra: Bảo Hiền)
5_ **Mãn Hiền Dạ Xoa** (Pūrṇabhadra)
6_ **Hoạch Tài Dạ Xoa** (Dhanādaya)
7_ **Đại Tài Dạ Xoa** (Mahā-dhanāda)
8_ **Đại Phước Nhất Thiết Trang Nghiêm Đại Dạ Xoa Vương** (Mahā-puṇya-sarva-vyuha-mahā-yakṣa-rāja)

Hành Giả muốn được sự gia trì của Tài Bảo Thiên Vương và Bát Lộ Tài Thần thì cần phải quy y Tam Bảo, giữ gìn Giới Cấm, phát nguyện làm việc hiền thiện, bố thí tiền của, làm việc lợi ích cho chúng sinh và chuyên Tâm trì niệm Chân Ngôn, nuôi dưỡng chí hướng thượng...thì sự nghiệp sẽ được thuận lợi, tài sản dồi dào, tránh được các tai nạn, gia đình an ổn, đạt được các sự mong cầu

Chân Ngôn của 8 Đại Dạ Xoa Quyến Thuộc là:

OṂ _ DHANĀDAYA SVĀHĀ _ MAHĀ-DHANĀDAYA SVĀHĀ _ MAṆIBHADRĀYA SVĀHĀ _ PŪRṆĀYA SVĀHĀ _ JAMBHALA MUKHYAṂDRĀYA SVĀHĀ _ JAMBHALA JALENDRĀYA SVĀHĀ

OṂ_ ŚIVE KUṆḌALIṆI SVĀHĀ

OṂ_ KILI MALLINI SVĀHĀ

_Theo Tạng Truyền Phật Giáo thì **Jambhala** được coi là vị Thần của cải vật chất và tinh thần, đặc biệt là hay giúp cho chúng sinh giảm bớt hoặc dứt trừ mọi sự bất hạnh và chướng ngại đồng thời giúp cho chúng sinh mau chóng đạt được sự an vui hạnh phúc. **Jambhala** được ghi nhận là một Tôn thuộc bộ tộc của **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaśravaṇāya-devarāja) và cũng là một Tôn trong **Bảo Bộ** (Ratna-kulāya) của Đức Phật **Bảo Sinh** (Ratna-saṃbhava)

Người dân Tây Tạng rất sùng bái Pháp tu Tài Bảo qua sự thờ phụng 5 vị Bảo Tàng Thần, thường gọi là **Ngũ Tính Tài Thần** và được phân biệt qua màu sắc của thân là Tài Thần màu xanh, Tài Thần màu trắng, Tài Thần màu đỏ (hay hồng), Thần Tài màu vàng và Thần Tài màu đen.

Năm vị Bảo Tàng Thần này là những biểu hiện lòng Từ Bi của chư Phật Bồ Tát nhằm hướng dẫn chúng sinh trên con đường Giác Ngộ. Bản chất của các vị ấy là sự rộng lượng và đại diện cho các hoạt động mang lại lợi ích cho chúng sinh, nguyện vọng của họ là giúp đỡ tiền của cho người nghèo túng, bệnh tật và dần dần hướng dẫn họ phát khởi **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)



1_Lục Tài Thần (Thần Tài màu xanh): là hóa thân của Đức Phật **Bất Không Thành Tựu** (Amogha-siddhi)

Tôn này thường được hiển thị với vị phối ngẫu (Ḍākiṇī) của mình. Thân màu xanh, có một đầu hai cánh tay ba con mắt, đầu đội mão báu, thân mặc Thiên Y. Tay phải cầm báu Như Ý, tay trái ôm con con Chồn phun ra vật báu, co chân trái co vào bên trong, *chân phải đạp lên báu Hải Loa Bảo* (con Ốc biển), vị phối ngẫu cầm hoa sen hiển thế song vận, ngồi trong vành trăng trên Hoa Sen.



Lục Tài Thần là sự biểu hiện của Đức Phật **Bất Không Thành Tựu** (Amogha-siddhi) thọ nhận lời căn dặn của Đức Phật Thích Ca, vì tất cả sự nghèo túng của mọi người chuyển Đại Pháp Luân, ban cho Thế Tài (tiền của ở Thế Gian) và Pháp Tài (tiền tài của Pháp). Ngài luôn yêu phụng quyến thuộc của Đức Thích Ca Mâu Ni với tất cả người nghèo khổ.

Công Đức của Lục Tài Thần là: Khiến cho tất cả sự nghiệp thành công viên mãn, Tịnh Hóa chướng ngại của vận ác, thành tựu tất cả nguyện vọng, khiến cho các chúng sinh được hưởng thụ sự tăng trưởng giàu có.

Chủng Tử : JAṂ (जं)

Chân Ngôn là: OṂ_ JAMBHALA JALENDRĀYE SVĀHĀ

Hay OṂ_ KARMA-JAMBHALA AḤ SVĀHĀ

2_Bạch Tài Thần (Thần Tài màu Trắng): Thân màu trắng, tay trái cầm cây kích và ôm con con Chồn phun ra vật báu, tay phải cầm cây gậy báu, ngồi trên lưng con sư tử tuyết hay con Rồng



Hoặc Tôn Hình: Thân màu trắng có một mặt hai cánh tay, diện mạo nửa giận nửa cười, ba con mắt to trợn lên trên, tóc dựng đứng, dùng Mão Ngũ Phật trang sức trên đầu, thân trên khoác tơ lụa, dùng lụa Ba Sạ Lặc Ca làm quần, các loại vật báu làm trang sức. Tay phải cầm cây Gậy báu, tay trái cầm cây Kích Tam Xoa, chân phải co chân trái duỗi phân nửa. Cỡi con Rồng, dùng Hoa Sen vành trăng làm tòa, thân trắng như ánh sáng mặt trăng.



Bạch Tài Thần là sự biểu hiện lòng Từ Bi của Bồ Tát **Quán Thế Âm** hay giúp cho chúng sinh loại bỏ sự đau khổ của nghèo đói và bệnh tật, tịnh hóa nghiệp ác, ngăn chận các tai nạn và phát triển **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)

Tương truyền là lúc bấy giờ Tôn Giả **A Để Giáp** (Atiśa) đi đến bái kiến Thánh Địa của Quán Thế Âm Bồ Tát, trên đường đi gặp một người bệnh nghèo túng đói rét

sắp chết, A Để Giáp nghĩ rằng phải giúp đỡ ông ấy, mình bỏ thân này không phân vân tiếc rẻ, thế là Ngài liền nghĩ đến cắt thịt của mình để bố thí. Nhưng người đói rét từ chối thà mình bị chết đói cũng chẳng nhẫn tâm ăn thịt của A Để Giáp. A Để Giáp cảm thấy chính mình không có sức cứu trợ chúng sinh bị khốn khổ, cảm nhận được sự tức giận trong lòng với thương xót, chẳng cầm được sự thương cảm con mắt rơi lệ.

Lúc ấy, Quán Thế Âm Bồ Tát dùng Tâm Đại Bi hóa hiện làm người đi đường, đi đến hỏi rõ mọi việc, A Để Giáp thành thật bẩm cáo, người đi đường nghe xong, chẳng cầm được sự phát tâm của A Để Giáp cảm động con mắt rơi lệ. Lúc đó, sự việc phát sinh thật là kỳ diệu, người đi đường bỗng nhiên hiện ra tướng báu trang nghiêm của Quán Thế Âm Bồ Tát, giọt nước mắt bên con mắt trái hóa hiện làm **Độ Mẫu** (Tārā), giọt nước mắt bên con mắt phải hóa hiện làm **Bạch Tài Thần** (Śveta-jambhala), Bồ Tát còn căn dặn **Bạch Tài Thần** tự mình Quán Đỉnh cho A Để Giáp, truyền dạy pháp tu, dùng sự viên mãn giúp đỡ chúng sinh xa lìa nghèo túng, đầy đủ tâm nguyện của Phước Đức.

Công Đức của Bạch Tài Thần là: dùng thân màu trắng, biểu thị hay khiến cho tất cả chúng sinh có đủ Tài Bảo của sự trắng sạch tốt đẹp (tức Trí Tuệ giải thoát), tay phải cầm cây Gậy báu biểu thị quy tụ tất cả công đức của Tài Thần, hay cứu độ sự khổ của chúng sinh trong lúc đói rét.

Chủng Tử : JA (𑖕)

Chân Ngôn là: OṂ_ PADMAKRODHA ĀRYA JAMBHALA HṚDAYA HŪṂ PHAṬ

3_Hồng Tài Thần (Tài Thần màu Hồng): là Hóa Thân của **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva)

Tôn này thường được hiển thị với vị phối ngẫu (Ḍākiṇī) của mình là **Tài Nguyên Thiên Mẫu**. Thân màu hồng đỏ, có một mặt hai cánh tay, ba con mắt, mặt hay giận dữ, dùng các loại vật báu để trang sức, đầu đội Mão Ngũ Phật, tay phải cầm báu Ma Ni, tay trái ôm con Chồn nhả ra vật báu, chân phải duỗi chân trái co, **Tài Nguyên Thiên Mẫu** có tay trái cầm chén sọ người chứa đầy máu, tay phải cầm **Norbu Mebar** hiển thế song vận theo tư thế đứng múa, đứng trong vành trăng trên Hoa Sen.



Vì **Tài Nguyên Thiên Mẫu** biểu thị cho sự chủ quản về tiền của giàu có của loài người, cho nên Pháp Môn này biểu thị cho sự yêu thương thường đem lại hạnh phúc hôn nhân, gia đình hài hòa, thu hút sự nổi tiếng và giàu có. Do vậy thời xưa, các bậc Vương Giả hoặc hàng Quý Tộc thường tu theo Pháp này

Theo truyền thuyết thì pháp tu này được kế thừa từ Pháp tu theo hình tượng song vận **Gaṇa-pati** đỏ của Ấn Độ Giáo. Trong đó **Gaṇa-pati** (vị trông coi kho tàng trên Trời của của cha mình là Maheśvara) ôm vị phối ngẫu của mình là **Mahā-rakta** (người phụ trách sự giàu có trong thế giới con người), biểu thị cho việc được hưởng sự giàu sang, được sự tôn trọng và cũng được sự hỗ trợ của nhiều người



Tu tập Pháp Hồng Tài Thần, trì tụng niệm Chú, có thể nhận được sự giúp đỡ của Hồng Tài Thần, tiền của dồi dào, hay miễn trừ sự nghèo túng và tất cả khó khăn về kinh tế. Nhưng Pháp tu này cũng tùy theo sự phát tâm tu của hành giả mà có thể nhận được quả báo chẳng giống nhau, nếu như phát khởi Tâm Bồ Đề vô thượng thì có thể chứng được Phước Đức viên mãn ở Thế Gian và Xuất Thế Gian, nếu cầu tiền của giàu có ở Thế Gian thì cũng có thể mãn túc, nếu là người nghèo túng thì cũng có thể nhận được lợi ích là thức ăn vật chất đầy đủ.

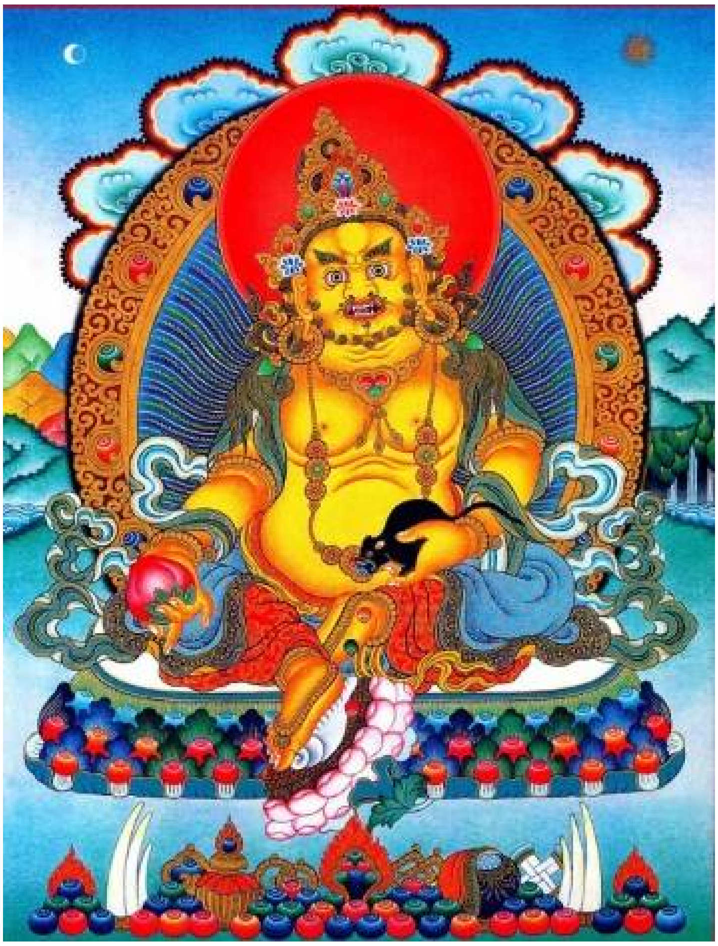
Chủng Tử : JAṂ () hoặc BAṂ ( )

Chân Ngôn là: OṂ_ JAMBHALA JALENDRĀYA DHANAṂ MEDEHI HRĪḤ ḌĀKIṆĪ JAMBHALA SAMBHARA SVĀHĀ

4_Hoàng Tài Thần (Thần Tài màu vàng): được coi là vị Thần phổ biến và mạnh mẽ nhất trong các vị Thần giàu có. Tôn này là Hóa Thân Đức Phật **Bảo Sinh** (Ratna-saṃbhava) [hoặc là Hóa Thân của của **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa)], Chủ về việc nắm giữ sự giàu có tiền của, hay khiến tất cả chúng sinh thoát khỏi sự nghèo túng, làm ăn phát đạt. Lại hay giúp cho tăng trưởng Phước Đức, Thọ Mạng, Trí Tuệ, Vật Chất, giàu có (phong phú) về tinh thần và Tâm Linh.

Hình Tượng Tôn này là thân màu vàng, bụng to thân nhỏ, hai tay có sức mạnh, da màu vàng ròng. Tay phải cầm viên ngọc báu Ma Ni, tay trái ôm con chồn phun ra viên ngọc báu. Đầu đội Mão báu Ngũ Phật, thân mặc Thiên Y màu xanh lam, dùng Hoa Sen với viên ngọc báu, anh lạc để trang sức. Trước ngực đeo xâu chuỗi Ô Ba Lạp, dùng thế

ngồi Như Ý chân trái co lại, chân phải đạp nhẹ lên báu Ốc Biển, ngồi trong vành trăng trên Hoa Sen.



.)Ý nghĩa của hình tượng này là:

Thân màu vàng, bụng to thân nhỏ, hai tay có sức mạnh, da màu vàng ròng biểu thị cho sự giàu có sang trọng

Gương mặt mang vẻ kiêu hãnh ngồi trong tư thế vương giả: biểu thị cho sự tự do trong Luân Hồi thông qua sự thực hành và thành tựu của Ngài

Đội mão Ngũ Phật: biểu thị cho việc phá vỡ sự giả hợp của năm Uẩn, hiển bày năm Trí của Như Lai

Cầm quả trái hay ngọc Như Ý tỏa sáng: biểu thị cho việc gặt hái kết quả từ những nỗ lực của bản thân để đạt được sự thành tựu giác ngộ

Ôm con chồn phun ra vật báu: biểu thị cho sự thịnh vượng tốt lành đang đến

Chân đạp lên báu ốc biển: biểu thị cho việc đã đạt đến sự thịnh vượng tột đỉnh, nhưng lúc nào ta cũng ở bên trên nó và không còn bị lệ thuộc vào sự trói buộc của nó nữa

_Chủng Tử : JAṂ (ཛཾ)

Chân Ngôn là: OṂ_ JAMBHALA JALENDRĀYE SVĀHĀ

Kinh Điển ghi nhận rằng: "Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở núi Linh Thứu tuyên nói Kinh Đại Bát Nhã thời các hàng Ma, Quỷ, Thần…. đều đi đến gây chướng ngại, khiến núi cao sạt lở, đại chúng kinh hoàng, lúc này Hoàng Tài Thần liền hiện thân che chở bảo hộ. Sau đó, Đức Thế Tôn căn dặn Hoàng Tài Thần ở đời vị lai nên giúp ích cho tất cả chúng sinh nghèo túng, làm Đại Hộ Pháp".

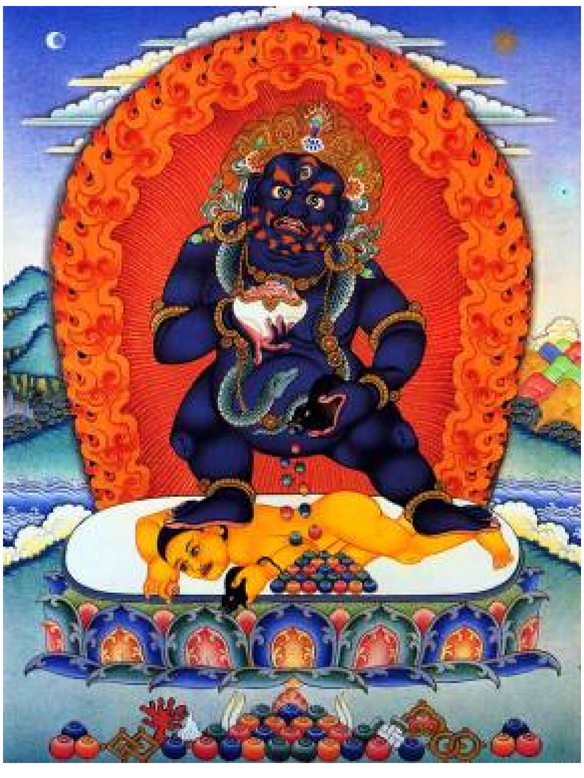
Thành tâm trì tụng Hoàng Tài Thần Tâm Chú thời có thể nhận được sự giúp đỡ che chở của Ngài, hay làm ăn phát đạt, miễn trừ sự nghèo túng, cho đến tất cả khó khăn về kinh tế. Nếu như hay phát khởi Tâm Bồ Đề Vô Thượng, phát nguyện cứu độ tất cả chúng sinh thoát khỏi sự nghèo túng thì Phước Đức lại chẳng thể giới hạn đo tính được.

5_Hắc Tài Thần (Thần Tài màu đen): là sự biểu hiện của Đức Phật **Bất Động** (Akṣobhya), là người đứng đầu trong năm vị Bảo Tàng Thần, chủ về tài năng và quyền thế. Có rất nhiều người cho rằng Hắc Tài Thần là vị Thần Tài khi bố thí tiền của thì lập tức có hiệu nghiệm, cho nên gọi Ngài là **Tài Thần Vương.**

Tương truyền ngày xưa ở Ấn Độ có một vị Quốc Vương, vì quốc khố trống rỗng, tài chính khó khăn, đi đến bước đường cùng, suy nghĩ lao mình xuống sông tự tử. Lúc này trong nước xuất hiện một vị Đồng Tử 6 tuổi màu đen, ngăn cản không cho Quốc Vương tự sát. Vị Đồng Tử hỏi rõ nguyên nhân mọi việc xong, liền đem Pháp làm giàu truyền hết cho Quốc Vương. Lúc đó, bên cạnh hàng cây hiện rõ một gian phòng bằng thủy tinh, Quốc Vương liền bước vào làm nơi để tu hành, nhưng Quốc Vương chẳng theo lời căn dặn tu cho hết sáu tháng, chỉ tu trì được 2 tháng chẳng thấy công hiệu, lấy làm thất vọng, lại suy nghĩ tìm cách nào ngắn hơn. Vị Đồng Tử màu đen lại hóa hiện ở trước mặt ông, khuyên bảo ông phải kiên trì chớ có nản lòng, nhất định Công Đức sẽ viên mãn. Ngay lúc vị Quốc Vương trở lại trong phòng thời nhìn thấy bên trong chất đầy châu báu, vị Đồng Tử màu đen này tức là Hắc Tài Thần vậy.

_Do sự truyền thừa của Hắc Tài Thần có rất nhiều loại, cho nên hình tượng cũng có khác nhau.

Hình tượng Hắc Tài Thần thường thấy là: Thân lõa thể màu đen thấp bé mập mạp, bụng to lớn, tóc mầu hồng, có một mặt hai cánh tay, mặt giận dữ có ba con mắt, đội mão Đức Phật Bất Động, cổ đeo con rắn, tay phải cầm cái chén sọ người chứa đầy máu, tay trái ôm con Chồn phun ra vật báu, chân phải co chân trái duỗi, đạp lên Tòa có xác chết trong vành trăng trên Hoa Sen.



.)Ý nghĩa của hình tượng này là:

Thân màu đen: biểu thị cho sự *dùng **Thắng Nghĩa Trung** xa lìa tất cả **Biến Kế Sở Chấp**, tức là Tự Tính của **Ý Kim Cương,*** là "***Tự Tính trong sạch không nhiễm bẩn***".

Đội mão Phật Bất Động: biểu thị cho nghĩa Tâm không bị lay động bởi mọi sự huyễn hóa

Thân lõa thể: biểu thị cho cho Đại Bi không bị che chắn, không nhiễm dơ cho dù là một hạt bụi, tất cả không có chỗ chướng ngại

Cầm cái chén sọ người: biểu thị cho Tâm Bi

Ôm con chồn phun ra vật báu: biểu thị cho việc làm thỏa mãn mọi mong cầu của chúng sinh về tiền của

Đạp lên xác người: biểu thị cho việc chinh phục cái tôi của con người và loại bỏ sự tham lam của con người

Chủng Tử : HŪṂ (हूं)

Chân Ngôn là: OṂ_ INDRAYANI MUKHAṂ BHRAMARI SVĀHĀ

Bản khác ghi nhận Chân Ngôn này là: OṂ_ INDRANI MUKHAṂ BHRAMARI SVĀHĀ

Hoặc Chân Ngôn là:

OṂ_ JAMBHALA-JALENDRĀYE VAŚU-DHARIṆI SVĀHĀ

Tu trì pháp môn Hắc Tài Thần, có thể nhận được sự giúp đỡ che chở của Ngài, tiêu trừ oán địch, trộm cắp, bệnh Ma…. chướng ngại, khiến hưởng thụ sự tăng trưởng tiền của giàu có.

*)Tôn Tượng năm vị Bảo Tàng Thần:



Chân Ngôn tụng chung cho Tôn Tượng này là:
NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMO MAṆI-BHADRĀYA MAHĀ-YAKṢA-SENAPATĀYE
OṂ_ JAṂBHALA JALENDRĀYE   SVĀHĀ



Ý nghĩa Chú Ngữ của Ngũ Tính Tài Thần là :
NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMO MAṆI-BHADRĀYA MAHĀ-YAKṢA-SENAPATĀYE
OṂ_ JAṂBHALA JALENDRĀYE   SVĀHĀ
Namo ratna-trayāya: Quy mệnh Tam Bảo
Namo Maṇi-bhadrāya mahā-yakṣa-senapatāye: Kính lễ Bảo Hiền Đại Dược Xoa Quân Chủ
Oṃ: là chiêu dẫn Trì Minh, nhiếp triệu Trì Minh
Jaṃ: là đào bới khoáng vật bị chôn vùi dưới đất
Bha: là cứu độ sự sợ hãi
La: là đề phòng sự trộm cắp
Ja: là ban cho đứa con
Len: là ban cho thọ mệnh
Dra: là cứu giúp sự nghèo túng
Ya: là chiêu dẫn Phước Thọ
Svāhā: là cát tường như ý

TAM DIỆN LỤC TÝ HỒNG TÀI THẦN

Tam Diện Lục Tý Hồng Tài Thần là vị Thần Tài màu hồng có ba mặt sáu cánh tay, đại biểu cho Tâm Đại Bi câu nhiếp tất cả Tài Bảo của ba cõi, mãn túc tất cả Tâm Nguyện của chúng sinh thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian.

Tam Diện Lục Tý Hồng Tài Thần là một vị Tài Thần đặc biệt có riêng ở phái **Ninh Mã Ba** (Nyingma) của Mật Giáo Tây Tạng, rất ít thấy ở tự viện và các giáo phái khác của Tạng Mật

Pháp Môn **Tam Diện Lục Tý Hồng Tài Thần** ban đầu được Đại Sư **Liên Hoa Sinh** (Padma-saṃbhava) cất giữ trong tu viện **Tang Gia** (Samye), sau đó do đệ tử là **Thông Tuệ** phát hiện ra Mật Giáo mà Liên Sư đã cất giữ nên truyền thừa tiếp tục cho đến ngày nay.

Đại Bảo Phục Tàng Tập ghi nhận Tôn này là thân Hóa Hiện của Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha), là Bản Tôn của **Tăng Nghiệp** (Tăng Ích) và **Hoài Nghiệp** (Kính Ái). Tôn này có thân màu hồng đỏ, ba mặt, sáu cánh tay, bốn chân, hai con mắt vừa vui vừa giận. Mặt chính giữa màu hồng, mặt bên phải màu trắng, mặt bên trái màu xanh lam. Đầu đội mão tơ, thân đeo bó hoa, dùng tám con Rồng và châu báu làm vật trang sức. Hai tay để ngang ngực cầm con **Thổ Bảo Thử** (?con chồn sóc) từ trong miệng phun ra châu báu chẳng dứt. Bên phải: hai tay còn lại phân biệt cầm báu Như Ý và **móc câu Kim Cương** (Kim Cương câu). Bên trái: hai tay còn lại phân biệt cầm cái bát đầu lâu chứa đầy vật báu và sợi dây báu. Co gập chân bên phải duỗi chân bên trái, dẫm đạp lên Dạ Xoa nam nữ, đứng thẳng tại vành mặt trăng trên hoa sen, hiện rõ tướng dũng mãnh



Ý nghĩa của Tôn Tượng:

.)**Thân màu hồng đỏ** biểu thị cho **Tâm Đại Bi** (Kāruṇa-citta) câu nhiếp tất cả Công Đức và tài bảo trong ba cõi **Dục Giới** (Kāma-dhātu), **Sắc Giới** (Rūpa-dhātu), **Vô Sắc Giới** (Arūpa-dhātu)

.)**Hai mắt vừa giận vừa vui**: biểu thị cho năng lực giáng phục tội dơ phiền não với năng lực viên mãn Giới Luật thanh tịnh

.)**Mặt chính giữa màu hồng**: là Hồng Tài Thần độ hóa loài người, biểu thị cho **Ngữ** (Vāk) của chư Phật với Bồ Tát **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara)

.)**Mặt bên phải màu trắng**: là Bạch Tài Thần độ hóa hàng Thiên Thần, biểu thị cho **Thân** (Kāya) của chư Phật với Bồ Tát **Văn Thù** (Maṃjuśrī)

.)**Mặt bên trái màu xanh lam**: là Lam Sắc Hắc Tài Thần độ hóa loài Rồng, biểu thị cho **Ý** (Citta: Tâm) của chư Phật với Bồ Tát **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi)

.)Bí Mật Phật Mẫu **Cổ Lỗ Cổ Liệt** (Kurukulle) ở trái tim biểu thị cho **Tam Xứ Không Hành Tổng Tập** độ hóa được **Ý** (Manas) của tất cả chúng sinh

.)**Hai tay ôm con Thổ Bảo Thử** biểu thị cho việc ban cho Phước Tài Bảo đầy đủ khắp ba cõi

.)**Tay cầm báu Như Ý** biểu thị cho việc mãn túc tất cả Tâm Nguyện của chúng sinh

.)**Tay cầm móc câu Kim Cương** biểu thị cho việc câu triệu hữu tình ở ba cõi

.)**Tay cầm cái bát đầu lâu chứa đầy vật báu** biểu thị cho việc có thể khắc trừ chướng ngại Ma Oán vô hình hoặc hữu hình, đồng thời biểu thị cho sức mạnh Giác Ngộ của Phật Pháp

.)**Tay cầm sợi dây báu**: biểu thị cho ý nghĩa nhiếp phục chúng sinh

.)**Bốn chân dẫm đạp lên Dạ Xoa nam nữ** biểu thị cho sự chiến thắng các chướng ngại và đạt được hết thảy sự giàu sang

_**Tam Diện Lục Tý Tài Thần Tâm Chú** là:
OṂ_ JAMBHALA JALENDRĀYA DHANAṂ MEDHI HRĪḤ SVĀHĀ
OṂ ĀḤ HŪṂ

Tu trì Giáo Pháp và tụng niệm Chân Ngôn của Tam Diện Lục Tý Hồng Tài Thần sẽ giúp cho mọi sự nghiệp được thành tựu, hóa giải vận xấu ác, thu hút quý nhân, tiền của, thức ăn uống…đem lại cuộc sống giàu sang, tăng trưởng nghiệp tốt lành, Phước Đức, tuổi thọ, Trí Tuệ.

Tùy theo sự phát Tâm của người tu hành mà quả báo đạt được chẳng giống nhau. Nếu như phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề ắt có thể được chứng Phước Đức viên mãn của Thế Gian với Xuất Thế Gian. Nếu chỉ cầu tài phú của Thế Gian thì có thể được mãn túc. Nếu là người nghèo túng thì có thể đạt được lợi ích sung túc thực vật.

_Tu tập Pháp này dễ được tương ứng, hay được Công Đức của ba vị Thần Tài: Hồng, Bạch, Hắc…hỗ trợ, chẳng bị sinh hoạt kinh tế áp bức, hay phòng giữ được Pháp Tài không cho chảy mất, thu hút được mọi loại thọ dụng được sung túc, đầy đủ danh lợi, Phước Đức, thọ mệnh, Trí Tuệ, vật chất với tinh thần thượng đẳng… để có thể yên tâm hướng theo Đạo.

QUYẾN THUỘC DƯỢC XOA CỦA TỲ SA MÔN THIÊN

Các quyến thuộc Dược Xoa do Tỳ Sa Môn Thiên Vương thống lãnh và cùng nhau thủ hộ Phật Pháp với chúng sinh giới là:

A_Tám vị Dược Xoa Đại Tướng là tám anh em của Tỳ Sa Môn Thiên Vương

1) **Maṇi-bhadra** (Bảo Hiền)
2) **Pūrṇa-bhadra** (Mãn Hiền)
3) **Pāñcika** (Mật Chủ, Mật Thân)
4) **Śātāgirī** (Uy Thần, Chúng Đức)
5) **Hemavanta** (Ứng Niệm, Chủ Tuyết Sơn Giả)
6) **Viśakha** (Đại Mãn, Trì Pháp)
7) **Āṭavaka** (Vô Tỷ Lực, Vô Tỷ Thân)
8) **Pañcala** (Mật Nghiêm)

*)Chân Ngôn chung của tám anh em Thiên Vương là:

INDRA, SOMA, VARUṆAḤ, PRAJĀPATI, BHĀRAD-VĀJAḤ, IŚAṆA, ŚCANDANAḤ, KĀMAḤ, ŚREṬHA, KUṆI-KAṆṬHA NIKAṆṬHAKAḤ VADIRMAṆI, MĀṆI-CARAḤ, PRAṆĀDA, UPAPĀÑCAKAḤ, SĀTĀGĪRI, HEMAVANTA, PŪRṆAḤ KHADIRA, KOVIDA, GOPĀLA-YAKṢA, ĀṬAVAKA, NARARĀJA, JINĀRGARBHA, PAÑCĀLAGAṆḌA, SUMUKHA, DĪRGHA-YAKṢA, SAPARIJANA, CITRASENA, ŚIVA, GANDHARVA, TṚPHALĪ, CATṚKAṆṬHAKAḤ, DĪRGHA-ŚAKTI-ŚCA, MĀTALIḤ SVĀHĀ

B_Hai mươi tám vị Phương Bá Dược Xoa trấn hộ mười phương dưới sự thống lãnh của **Chính Liễu Tri Dược Xoa Đại Tướng** (Saṃjñeya hay Pāñcika) là:

.) 4 Vị Dược Xoa ở Phương Đông là: Đại Trường (Dīrgha), Diệu Mục (Sunetra), Viên Mãn (Pūrṇa), Hoàng Sắc (Kapila)

.) 4 Vị Dược Xoa ở phương Nam là: **Sư Tử** (Siṃha), **Tiểu Sư Tử** (Upasiṃha), **Loa** (śaṅkhara), **Chiên Đàn** (Candana)

.) 4 Vị Dược Xoa ở phương Tây là: **Sư Tử** (Hari), **Sư Tử Kế** (Harikeśa), **Tự Tại** (Prabhū), T**hanh Sắc** (Piṅgala)

.) 4 Vị Dược Xoa ở phương Bắc là: **Năng Trì** (Dharana), **Trì Hỷ** (Dharananda), **Cần Hộ** (Udyogapāla), **Thiên Danh** (Viṣṇu)

.) 4 Vị Dược Xoa ở 4 phương bàng là: **Hữu Ngũ** (Pāñcika), **Ngũ Xứ** (Pañcala-ganda), **Bình Sơn** (Satagiri), **Tuyết Sơn** (Hemavata)

.) 4 Vị Dược Xoa ở phương trên là: **Nhật Thần** (Sūrya), **Nguyệt Thần** (Soma), **Hỏa Thần** (Agni), **Phong Thần** (Vāyu)

.) 4 Vị Dược Xoa ở phương dưới (trên mặt đất) là: **Địa** (Bhūma), **Diệu Địa** (Subhūma), **Hắc** (Kāla), **Tiểu Hắc** (Upakāla)

Chính Liễu Tri Đại Tướng cùng với 27 vị Dược Xoa thường âm thầm hộ vệ cho người Thuyết Pháp khỏi suy tổn, hưởng yên vui đồng thời cũng hộ vệ cho người nghe Pháp.

C_Kinh **Tỳ Sa Môn** (ĐTK_No.1245) ghi nhận các vị Dược Xoa Đại Tướng thủ hộ Hành Giả tu trì Kinh Pháp là:

"Thế Tôn! Nay con lại nói về Đại Tướng Dược Xoa, các vị ấy tên là : **Ấn Nại-La** (Indra), **Tô Mô** (Soma), **Phộc Lỗ Noa** (Varuṇa), **Bát-La Nhạ Bát Đế** (Prajāpati), **Bà La Nại Phộc Nhạ** (Bhara-dvāja), **Y Xá Nẵng** (Īśāna), **Thất-Tả Nan Nẵng** (Scaṇḍana), **Ca Ma Thất Lý Sắt Xá** (Kamaśreṣṭha), **Câu Nhĩ Kiến Trụ** (Kinnughaṇṭu), **Nễ Quân**

Tra (Nighaṇṭu), **Ma Ni Lý Ma Ni Lý** (Maṇili-maṇili), **Ma Ni Tả La** (Maṇivara), **Bát-La Noa Na** (Pranāda), **Ô Ba Bán Tả Ca** (Upa-pāñcika), **Sa Đa Nghĩ Lý** (Śātāgirī), **Hứ Ma Phộc Đa** (Hemavanta), **Bố La Noa Khư** (Pūrṇaka), **Nỉ La Câu Vĩ Tra** (Nīla-kuveṭa), **Ngu Ba La Dã Xoa** (Gopāla-yakṣa), **A Tra Phộc Câu** (Āṭavaka), **Nẵng La** (Naḍa), **La Tổ** (Atha), **Nhĩ Na Lý** (Netrī), **Sa Bà** (Śiva), **Tức Đát-La Tế Nẵng** (Citra-sena), **Hiến Đà Lý-Vũ** (Gandharva), **Nỉ Lý-Già** (Dīrgha), **Xá Cật-Đế** (Śākti), **Ma Đa Lệ** (Mātali), **Bán Tả La Hiến Noa** (Pañcāla-canda), **Tô Ma Nẵng** (Sumana), **Nỉ Lý-Già Dã Xoa** (Dīrgha-yakṣa), và các quyến thuộc, Đế-Lý Phả Lệ Tả, **Đế-Lý Kiến Tra** (Śrīsaka) v.v... cho đến Thế Gian Hành Giả đều là quyến thuộc. Nếu có kẻ não loạn hữu tình mà chẳng buông rời, nghe Chân Ngôn này thì đầu bị bể vỡ làm 07 phần như cành **cây A Lê** (Arjaka)

Chân Ngôn là:

"Đát nễ dã tha: Hứ lệ, di lệ, Hứ di lệ, cát lý-đế, mẫu lệ, Hứ lệ, cát lý-đế, mẫu lệ – Án – Đống di, đống di, ô đống ma, ô đống di, ô xí di xí, ngu nổ hứ, bộ-lăng nga lý Ất-lý sử, tán đa nhĩ, sa-phộc hạ"

*) TADYATHĀ: HILI MILI , HILI MILI KĪRTI MŪLE _ HILI KĪRTI MULE _ OṂ _ TUMBE TUMBE, OTUMBE OTUMBE , OGHE MIGHE, GUNU HINI, BHṚṂGHARE ṚṢĪ ŚĀNTA ME _ SVĀHĀ

Thế Tôn! Nếu có Thanh Văn, Bật Sô, Bật Sô Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đối với Kinh này thọ trì, đọc tụng, lễ kính, cúng dường, rộng vì người nói thì các Dược Xoa với cha mẹ, anh em, hàng nam nữ quyến thuộc đều chẳng thể làm hại.. Nếu có kẻ gây não loạn liền bị mất uy lực, chẳng thể được **Dược Xoa Tam Muội** (Yakṣa-samādhi), đầu bị bể làm 07 phần như cành **cây A Lê** (Arjaka), cũng chẳng thể đến trú trong Đại Thành A Noa Ca Phộc Đế".

D_**Ma Ha Phệ Thất La Mạt Na Dã Đề Bà Hát La Xà Đà La Ni Nghi Quỹ** (ĐTK_No.1246) ghi nhận Pháp cầu 28 vị **Sứ Giả** (Ceṭaka) là:

Phàm lúc muốn **Khu Sử** Quỷ Thần, trước tiên, nên làm riêng một vị trí ở ngoài Đàn, đặt một chén đèn, một bát nước sạch, một bó cỏ sạch. Bày trên mặt đất xong, làm 49 cái bánh dầu, 49 cái bánh không dính dầu, rải dính trên cỏ, hô Danh Tự của các Quỷ Thần để thí thực. Sau đó có thể sai khiến Quỷ Thần

(1) Nếu muốn rộng tụng các Tạng Kinh Luận liền hô **Quảng Tụng Sứ Giả**

(2) Nếu muốn hay luận nghĩa liền kêu gọi **Luận Nghĩa Sứ Giả**

(3) Nếu cầu Thông minh Trí Tuệ liền kêu gọi **Thông Minh Đa Trí Sứ Giả**

(4) Nếu cầu kho báu che dấu trong đất, liền kêu gọi **Phục Tàng Sứ Giả**

(5) Nếu muốn vào núi: Tọa thiền, bay, luyện, học theo Tiên, liền kêu gọi **Thuyết Pháp Sứ giả.**

(6) Nếu muốn cầu vật báu của cung Rồng, liền hô **Long Cung Sứ Giả**

(7) Nếu muốn cầu Pháp: ẩn hình, bay lên cung Trời, biến hóa, liền hô **Ẩn Hình Sứ Giả**

(8) Nếu cầu Cấm Chú Quỷ Thần với pháp ***Đạp Thang Cấm hỏa*** (đạp lên nước sôi, cấm lửa), liền hô **Cấm Chú Sứ Giả**

(9) Nếu cầu thức ăn uống, tiền tài, quần áo, liền hô **Kỳ Cập Kỳ Sứ Giả**

(10) Nếu cầu hiểu biết rộng, liền hô **Bác Thức Sứ Giả**

(11) Nếu muốn cầu hưng thắng, liền hô **Thắng Phương Sứ Giả**

(12) Nếu cầu sinh lợi, liền hô **Hưng Sinh Lợi Sứ Giả**

(13) Nếu cầu chủng điền (ruộng gieo hạt), nhiều danh vọng lợi ích, liền hô **Điền Vọng Lợi Sứ Giả**

(14) Nếu cầu quan vị cao, liền hô **Cao Quan Sứ Giả**

(15) Nếu cầu giàu có , liền kêu gọi **Hữu Ty Mệnh Sứ Giả**

(16) Nếu muốn biết về người chết, người chưa chết, liền kêu gọi **Tả Ty Mệnh Sứ Giả**

(17) Nếu cầu Trấn Trạch (trấn nhà cửa), Nhương Tai (đẩy lui tại nạn), áp đảo chuyển hung thành cát, liền hô **Bắc Đẩu Sứ Giả**

(18) Nếu muốn biết văn án cát hung của Địa Ngục, liền hô **Ngũ Quan Sứ Giả**

(19) Nếu cầu Trường sinh bất tử, liền hô **Thái Sơn Sứ Giả**

(20) Nếu cầu dời núi lấp biển, liền kêu gọi **Kim Cương Sứ Giả**

(21) Nếu cầu biết tâm của người khác với ý của Quỷ Thần, liền hô **Thần Thông Sứ Giả**

(22) Nếu cầu nước, lửa, đao, tên, thuốc độc chẳng thể gây tổn hoại, liền hô **Tọa Thiền Sứ Giả**

(23) Nếu cầu mọi người yêu thích, liền hô **Đa Mỵ Sứ Giả**

(24) Nếu cầu làm Đại y vương, liền hô **Thần Tiên Sứ Giả**

(25) Nếu cầu mùi thơm xông ướp toàn thân, liền hô **Hương Vương Sứ Giả**

(26) Nếu cầu nương theo Thần Thông để phi hành mười phương, liền hô **Tự Tại Sứ Giả**

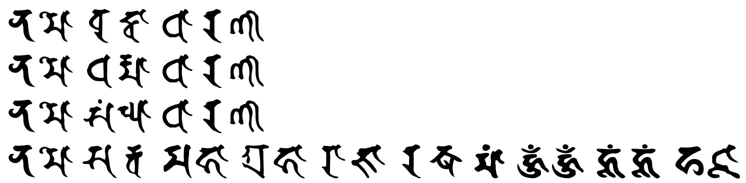
(27) Nếu cầu giáng phục Ma ác, liền hô **Đại Lực Sứ Giả**

(28) Nếu cầu giáng phục oan gia, liền hô **Trì Trai Sứ Giả**

Như trên là 28 loại Sứ Giả riêng biệt, nếu lúc hô thời Chú này hô chung hết.

Chú là:

Nam mô phật đà la ni – Nam mô pháp Đà La Ni, Nam mô Tăng Đà La Ni – Nam mô tát bà ma ha yết la ha hát la xà, hỗ trợ cho tôi … **Hồng hồng – Hàm hàm – phấn**



NAMO BUDDHĀ-DHĀRAṆĪ

NAMO DHARMĀ DHĀRAṆĪ

NAMO SAṂGHĀ DHĀRAṆĪ

NAMO SARVA MAHĀ-GRAHĀ-RĀJA – RAKṢA MĀṂ (….) HUṂ HUṂ – HŪṂ HŪṂ – PHAṬ.

1) Án – Phệ thất la mạt na dã – đề bà, hát la xà, đà la ni nhiếp lục – Tát bà ma ha lực, yết la ha thần, hát la xà, hỗ trợ cho tôi (…) **Hồng hồng, Hàm hàm, phấn.**

OṂ– VAIŚRAVAṆĀYA-DEVARĀJA-DHĀRAṆĪ Nhiếp lục – SARVA MAHĀ-BALA-GRAHĀ-DEVATĀ-RĀJA RAKṢA MĀṂ – HUṂ HUṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ.

2) Án – A lợi gia bà lộ chỉ đế nhiếp bà la dạ, đà la ni Hàm hàm hàm hàm – phán phán phán phán.

OṂ – ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA-DHĀRAṆI HŪṂ HŪṂ HŪṂ HŪṂ - PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ.

3) Án – Ma ha khẩn hát la xà đà la ni, nhiếp lục, Hàm hàm hàm hàm, phấn.

OṂ – MAHĀ-ADHIRĀJA-DHĀRAṆĪ, Nhiếp lục, HŪṂ HŪṂ HŪṂ HŪṂ - PHAṬ

4) Án – Đề bà hát la xà đà la ni, nhiếp lục, hàm hàm hàm hàm, phấn.

OṂ – DEVARĀJA-DHĀRAṆĪ Nhiếp lục, HŪṂ HŪṂ HŪṂ HŪṂ - PHAṬ

5) Án – Cù bà na già thần tiên, yết la ha, hát la xà, nhân hát la xà, nhiếp lục, hàm hàm hàm hàm, phấn phấn phấn phấn.

OṂ – DEVA NĀGA DEVATĀ ṚṢĪ GRAHĀ-RĀJA – NĀRARĀJA Nhiếp lục, HŪṂ HŪṂ HŪṂ HŪṂ - PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ**.**

6) Án – Ma ha lực tướng quân đà la ni, nhiếp lục, Hàm hàm hàm, cấp cấp.

OṂ– MAHĀ-BALA-SENAPATI-DHĀRAṆĪ Nhiếp lục, HŪṂ HŪṂ HŪṂ – Cấp cấp**.**

7) Án – Dược xoa hát la xà, sắc sắc sắc sắc

OṂ – YAKṢA-RĀJA – Sắc sắc sắc sắc

8) Án _La sát hát la xà, hoán hoán hoán hoán

OṂ_ RĀKṢASA-RĀJA – Hoán hoán hoán hoán

9) Án – Tát bà ma ha lực hát la ha. Thần, hát la xà, hộ trợ cho tôi (…)**, sử dịch – Đà la ni, nhiếp lục đà la ni – Như trì giả, đả đầu phá tác thất phần, cấp bà ha"**

OṂ– SARVA MAHĀ-BALA-GRAHĀ-DEVATĀ-RĀJA, Hỗ trợ cho tôi sai khiến DHĀRAṆĪ, Nhiếp Lục DHĀRAṆĪ – Như chậm trễ, đánh vào cái đầu, phá làm 7 phần – SVĀHĀ**.**

Chín đạo Đà La Ni như trên, mỗi mỗi đều tụng một biến , tức 28 loại Sứ Giả trên kia không có ai không đến.

Nếu lúc hô triệu Quỷ thần, cần yếu là đợi đến đêm tối, trải cỏ sạch trên mặt đất ở ngoài Đàn, để một bát nước sạch, 49 cái bánh dầu, 49 cái bánh không có dầu, với nhiều quả trái. Sau đó vào Đàn tụng Chú. Nếu thấy Quỷ Thần, cần yếu nên tác Thệ Nguyện sâu nặng. Sau đó cho ăn, sao chép Danh Tự của họ thì có thể được sử hô (sai khiến kêu gọi)

TÁN CHI DƯỢC XOA ĐẠI TƯỚNG

_ **Tán Chi**, tên Phạn là **Saṃjñeya**, dịch âm là Tăng Thận Nhĩ Gia, Tán Chi Quỷ Thần. Lại xưng là Tán Chi Ca Đại Tướng, Tán Chi Đại Tướng, Tán Chi Quỷ Thần Đại Tướng Quân, Ngài **Nghĩa Tịnh** dịch là Tăng Thận Nhĩ Gia Dược Xoa Đại Tướng. Dịch ý là **Chính Liễu Tri** tức hiểu thấu sự sai biệt của Thể Tính của tất cả các Pháp.

Tôn này là một trong tám vị Đại Tướng của Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên Vương, trông coi chung 28 Bộ Chúng. Vị Đại Tướng này chẳng bỏ sót sức lực nào, thống lãnh chư Thần trong 28 Bộ Dược Xoa tùy theo nơi chốn, ẩn hình ủng hộ vị Thầy nói Pháp với cướp giúp kẻ trai lành, người nữ thiện lìa khổ được vui.

Kinh **Kim Quang Minh**, Phẩm **Tán Chi Quỷ Thần** ghi nhận là: "Tán Chi Đại Tướng hướng về Đức Phật Đà tuyên nói lời thề Hộ Pháp: Nếu nơi nào có Bản Kinh này thì Chính Liễu Tri Tán Chi Đại Tướng với chúng Quỷ Thần trong 28 Bộ do mình thống lãnh đều ủng hộ người nói Pháp, khiến cho tiêu diệt các ác, đắc được nhóm Công Đức chẳng thể nghĩ bàn"

_**Tán Chi** cũng có tên Phạn là **Pāñcika**. Lại xưng là Bán Chỉ Ca, Bán Chỉ Ca Đại Tướng, Ban Chỉ Kha, Tán Chi, Tán Chi Ca, Ban Xà Ca, Đức Xoa Ca, Tán Chi Tu Ma, Mật Thần, Tán Chi Ca Quỷ Thần…

.)Tôn này nguyên là vị Thần Dạ Xoa trong Bà La Môn Giáo ở Ấn Độ, thống lãnh chúng **Dạ Xoa** (Yakṣa) của **Vaiśravaṇa** (Tỳ Sa Môn Thiên) với 27 Đại Tướng Dạ Xoa. Ông kết hôn với Nữ Thần **Hāritī** và sinh ra 500 người con.

Pāñcika thường được minh họa theo hình tượng cầm một cây giáo hoặc một túi đồ trang sức (hay là tiền của) cùng với Hāritī biểu thị cho tình yêu của hôn nhân. Khi được mô tả cầm cây giáo thì Pāñcika biểu thị cho vị đứng đầu chúng Dạ Xoa









Sau khi được du nhập vào Phật Giáo thì **Pāñcika** được coi là vị Đại Tướng thứ ba trong tám vị Đại Dạ Xoa quyến thuộc của Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên Vương, thống lãnh 28 Bộ Thiên Chúng thường tuần hành Thế Gian thưởng Thiện phạt ác… là chồng của **Quỷ Tử Mẫu** (Hāritī)

.)Căn cứ vào sự ghi chép của **Ha Lý Để Mẫu Kinh** thì **Quỷ Tử Mẫu** tên là **Hoan Hỷ**, dung mạo đoan nghiêm, có năm ngàn quyến thuộc, thường trụ tại nước **chấn Na** (Cina) hộ trì Thế Giới, là con gái của **Sa Đa Đại Dược Xoa Tướng** (Śata), sau này là vợ của **bán Chi Ca Đại Dạ Xoa Tướng**, sinh ra 500 đức con

.)**Tạp Bảo Tàng Kinh, quyển 9** ghi nhận là: **"Quỷ Tử Mẫu** là vợ của Lão Quỷ Thần Vương **Ban Xà Ca**"

.)**Đại Nhật Kinh Sớ 5** nói rằng: "Bán Chỉ Ca, xưa nói là **Tán Chi**"

.)**Tỳ Gia Tạp Sự 31** nói rằng: "Xưa kia ở bên trong thành **Vương Xá**, bên cạnh một ngọn núi có vị Thần Dược Xoa tên là **Sa Đa** (Śata). Tại nước **Kiền Đà Đa La** ở phương Bắc lại có một vị Dược Xoa tên là **Bán Già La** (Pāñcala), **Sa Đa** lấy vợ sinh ra người con gái có dung mạo đoan nghiêm, người nhìn thấy đều yêu thích, Khi sinh ra thời các chúng Dược Xoa thảy đều vui mừng, cha mẹ đặt tên gọi là **Hoan Hỷ** (tức Quỷ Tử Mẫu Thần). Vợ của **Bán Già La** có thai, đủ tháng sinh ra đức con tên là **Bán Chi Ca** (Pāñcika). Xưa kia hai người từng hứa hẹn kết thông gia, cho nên Bán Chi Ca lấy Hoan Hỷ làm vợ"

.)**Đại Dược Xoa Nữ Hoan Hỷ Mẫu tinh Ái Tử thành tựu Pháp** nói là: "Đức Phật đến Tinh Xá **Trúc Lâm** trong thành Vương Xá vì các Người, Trời diễn nói Pháp yếu. Thời có vị Đại Dược Xoa nữ tên là **Hoan Hỷ**, dung mạo đoan nghiêm có năm ngàn quyến thuộc, thường trụ ở nước **Chấn Na** (cina) hộ trì Thế Giới, là con gái của Sa Đa Đại Dược Xoa Tướng, lấy Bán Chi Ca Đại Dược Xoa Tướng (tên là **Tán Chỉ**) sinh ra năm trăm người con"

_Có Thuyết nói **Pāñcika** là con thứ của Quỷ Tử Mẫu, cha tên là **Đức Xoa Ca** (Takṣa) nhưng đa số đều công nhận **Bán Chi Ca** là chồng của Quỷ Tử Mẫu

.)**Đà La Ni Tập Kinh 7** nói là: "Chồng của Quỷ Tử Mẫu tên là **Đức Xoa Ca**"

.)**Đà La Ni Tập** [*Phái **Giác Nang**, vị Tổ sư đời thứ tư **Đa La Na Tha từ** trong Kinh Điển Mật Giáo rút Đà La Ni Chú cùng với chương tiết vựng… tập thành một bộ Kinh Tịch*] nói là: "Quỷ Tử Mẫu có ba người con trai, con trưởng tên là **Duy Xa Văn**, con kế tiếp tên là **Tán Chi Đại Tướng**, con kế tiếp tên là **Ma Ni Bạt Đà**... hay ở mười phương Thế Giới che chắn giúp đỡ tất cả chúng sinh trừ hoạn nạn, suy ách. Thường ở dưới đất hoặc ở trên Trời đều có 500 quyến thuộc, thống lãnh Quỷ Thần của 28 Bộ, tũy theo nơi chốn có Kinh Điển lưu bày thì cùng với các Quỷ Thần đi đến chỗ ấy ủng hộ người nói Pháp, tiêu diệt các ác khiến cho được an ổn. Luôn luôn dùng ba mật của **Thân Khẩu Ý** gia bị cho người ấy là: tinh khí của mọi mùi vị theo lỗ chân lông đi vào thân tức là **Thân Mật gia bị**. Ngôn từ trang nghiêm, biện thuyết chẳng bị đứt đoạn tức là **Khẩu Mật gia bị**. Tâm tiến mạnh mẽ sắc bén tức là **Ý Mật Gia Bị** cho đến khiến cho người nghe thọ nhận được niềm vui của Người, Trời… mau được Bồ Đề. Các vị ấy đối với sự thưởng thiện phạt ác ắt có Công rất lớn vậy"

_Hình tượng của **Pãñcika** thường được làm theo dạng thức của vị Kim Cương, mặt màu hồng đầy vẻ nộ khí, tay cầm chày Giáng Ma hoặc cây giáo hoặc cây đao







Lại có người vẽ **Bán Chi Ca** với **Kim Cương Mật Tích Lực Sĩ** chung trong một bức họa và xưng là **Hanh Cáp Nhị Tướng**








_SAṂJÑEYA Dược Xoa Đại Tướng Minh Chú:
NAMO BUDDHĀYA
NAMO DHARMĀYA
NAMO SAṂGHĀYA
NAMO BRAHMĀYA
NAMO INDRĀYA
NAMAḤ CATURNAṂ_ MAHĀ-RĀJĀNĀṂ
TADYATHĀ : HILI HILI HILI HILI
MILI MILI MILI MILI
GAURI MAHĀ-GAURI
GĀNDHĀRI MAHĀ-GĀNDHĀRI
DRĀVIḌI MAHĀ-DRĀVIḌI
DAṆḌA KHUKUNTE
HA HA HA HA HA
HI HI HI HI HI
HO HO HO HO HO
HURU DAME-GHŪḌA ME
CA CA CA CA
CI CI CI CI
CU CU CU CU
CAṆḌEŚVARA
ŚIKHARA ŚIKHARA UTTIṢṬHATI
BHAGAVAN SAṂJÑEYA SVĀHĀ

NA TRA THÁI TỬ

Na Tra Thái Tử, tên Phạn **Nalakūvara** hoặc Nalakūbala là vị Thiện Thần hộ trì Phật Pháp, thủ hộ quốc giới với quốc vương.

Lại xưng là Na Tra Thiên Vương, Na Noa Thiên (Naḍakūvara, hay Naṭakūvara) Na La Cưu Bà, Na La Củ Bạo La, Na La Cưu Bát La, Na La Cưu Bạt La, Na La Câu Phạt La… là một trong 5 vị Thái Tử của **Tỳ Sa Môn Thiên** (Vaiśravaṇa)

Na Tra Thái Tử tay cầm bổng kích, đưa hai mắt quán sát bốn phương, ngày đêm thũ hộ quốc vương, đại thần, trăm quan liêu thuộc cho đến Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di…

Nếu người đối với nhóm ấy khởi Tâm chẳng lành hoặc giết hại thì Na Tra dùng chày Kim Cương đâm đánh vào trái tim hoặc cái đầu của người ác đó.



Na Tra từng lóc thịt đáp trả cho mẹ, chẻ xương trả lại cho cha. Sau đó hiện Bản Thân vận Đại Thần Thông vì cha mẹ nói Pháp. Lại thường trao răng nanh Phật cho Luật Sư **Đạo Tuyên** và tùy theo hầu thân ấy.

_Tỳ Sa Môn Nghi Quỹ ghi rằng: Tam Tạng **Đại Quảng Trí** nói: "Ngày mồng một mỗi tháng là ngày mà Thiên vương và các Thiên, Quỷ, Thần tập hội - Ngày 11 là ngày con thứ hai **Độc Kiện** từ biệt vua cha đi tuần giới – Ngày 15 là ngày bốn vị Thiên Vương tập hội – Ngày 21 là ngày **Na Tra** và vua cha giao tháp. Ngày ấy nên dùng sữa, cháo cúng dường. Không có sữa ắt dùng tô mật, cháo cúng dường Thiên Vương ấy, có Thiên Linh quái lạ vâng theo Sắc tuyên nói giao phó 10 Đạo Tiết Độ, quân sở tại lãnh lệnh đến Hình Tượng, cầu nguyện cúng dường"

_ Nguồn gốc tên của Natra:

Natra là tên phiên ngắn của tên Dạ Xoa, Ấn Độ là Nalakūbara (cũng gọi là Nalakūvara, Narakuvera, Nalakūvala, và Natakuvera (Pali). Naṭakuvera hay Naḍakuverā là con của Vua Trời Vaiśravaṇa (Kubera). Ở Trung Quốc thì Vua Trời Vaiśravaṇa được nhận diện với tể tướng nhà Đường Lý Tịnh (571-649)

Một cuộc khảo sát một loạt bản dịch tiếng Hán của Tantra nguyên thủy Mahāmāyūrī vidyārājñī sūtra, mô tả sự cải cách dần dần tên Hán của Nalakubara như sau: Từ **Na La Cưu Bà La** 那羅鳩婆羅, đến **Nại La Câu Phạt La** 捺羅俱跋羅, và **Na Tra Củ Phiệt La** 那吒矩韈囉, đến **Na Tra** 那吒, và được thêm bộ khẩu vào thành **Ná Tra** 哪吒.

_**Na Tra** trong Mật Giáo:

1. Kinh Mahāmāyūrī vidyārājñī định nghĩa Nalakubara là Đại Tướng Dạ Xoa (Dạ Xoa Đại Quân Chủ, Đại Dược Xoa Tướng, Sanskrit là Mahāyakṣasenāpati)

2. Hai kinh mật giáo (đã mất) nói về Nalakubara được liệt kê trong Danh Mục Phật giáo Trung Hoa:

a_Na Tra Thái Tử cầu thành tựu Đà La Ni Kinh

b_Na Tra Câu Bát La cầu thành tựu Kinh

3. Kinh Mật giáo Tây Tạng đề cập Nalakubara được bảo tồn trong bản dịch Tây Tạng Mahāyakṣa-senāpati-nartakapara-kalpa

4. Nhà Sư Mật Giáo nổi tiếng là Bất Không, lập luận rằng Thần Tướng Na Tra giúp đỡ binh sĩ Trung Quốc bảo vệ biên cương Tây Bắc vào giữa thế kỷ 18.

5. Hình dạng phẫn nộ của Na Tra gồm 3 đầu 6 tay đã mang ảnh hưởng sâu đậm trong trí tưởng tượng của Trung Hoa, thủ phủ Bắc Kinh thế kỷ 13 đã được tưởng tượng theo điều này, và vì vậy được biết với tên Na Tra Thành (thành phố Nalakubara) (xem nghiên cứu của Hok Lam Chan)

_Dạ Xoa Nalakubara trong văn học Sanskrit cổ:

Nalakubara thuộc về phân hệ không rõ ràng nửa quỷ nửa thần được gọi là Dạ Xoa. Chuyện rắc rối của gia đình ông ta được nhắc đến bởi ông chú ác quỷ Ravāṇa, kẻ đã hiếp người yêu của Nalakubara, cô gái điếm Rambha. Các cốt chuyện Nalakubara thường được xây dựng trên chuyện trắc trở về tình ái của Dạ Xoa.

_Kṛṣṇa, Nalakubara và Natra:

Câu chuyện nổi tiếng về Nalakubara (được xây dựng dựa trên Bhagavata Pūraṇa) đồng hóa ông với thiên thần trẻ con vĩ đại của Ấn là Kṛṣṇa, cũng giống như Na Tra, Kṛṣṇa bắt đầu sự nghiệp bằng việc giết rồng. Bài kinh mật thế kỷ thứ 10 bởi Devasantika có lẽ cung cấp mối liên hệ giữa Nalakubara và Kṛṣṇa, kinh đó mô tả một thiên thần trẻ con uy dũng tên là Nana, mang đặc tính của cả hai.

(Bản dịch của **Tống Phước Khải**)

_Thân phận của Na Tra: Trong Kinh Thư của Phật Giáo có hai loại ghi chép

1_Vị Thái Tử thứ ba của Hộ Thế Thiên Vương Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên Vương

Phật Sở Hành Tán, quyển 01 ghi là:

"Tỳ Sa Môn Thiên Vương
Sinh **Na La Cưu Bà**
Tất cả các Thiên Chúng
Thảy đều rất vui vẻ"

2_ Người cháu thứ hai của vị Thái Tử thứ ba

Có điều dân gian đều nhận vị ấy là Thái Tử thứ ba của Bắc Phương Thiên Vương.

Na Tra Thiên Vương cùng với Tỳ Sa Môn Thiên Vương đồng là vị Đại Hộ Pháp của người tu hành trong thời Mạt Thế, phát nguyện giúp người giúp nước.



.)Triệu Na Tra Thiên Vương Chú là:

"Án, na tra câu phạt la khả khả khả khả hồng ba đa duệ sa ha"

Oṃ_ Nalakūvala ha ha ha ha hūṃ pataye svāhā

HÌNH TƯỢNG CỦA NA TRA THÁI TỬ

Hình tượng của Na Tra không được lưu truyền rộng rãi. Dân gian Trung Hoa thường hình dung Na Tra như là một vị Thiên Tướng khôi ngô tuấn tú, tay phải cầm Trường Thương Hỏa Tiễn Thần Phong, tay trái cầm Càn Khôn Quyện, vai đeo dải lụa Hỗn Thiên Lăng, lưng giắt Cửu Long Thần Chạo và Cục Kim Chuyên, chân đi bánh xe Phong Hoả.



Na Tra thường biến hình ba đầu sáu tay rất hung tợn, tay cầm sáu thứ binh khí: Trảm Yêu Kiếm, Khảm Yêu Đao, Phộc Yêu Sách, Giáng Yêu Chử, Tú Cầu và Hỏa Luân.



-Hình tượng Na Tra giáng phục Rồng



Trong Tôn Giáo dân gian ở Đài Loan thì Na Tra được xưng là **Trung Đàn Nguyên Soái**, rộng nhận cúng dường.

Na Tra được mô tả là một vị thần có pháp lực cao cường, đứng vào hàng những vị thần cao cấp nhất của Thượng giới.



Đạo Giáo Trung Hoa ghi nhận Thần Chú của Na Tra Thái Tử là

1_ Thỉnh Na Tra Thần Chú:

“Phụng thỉnh Đại La Tam Thái Tử
Thái Tử thất tuế triển Thần Thông
Đầu Phộc song kế, hồng yêu đái
Tay chấp Kim Sinh Phao Tú Cầu
Đại đao kiếm kích như vân vũ
Tam Đàn diện tiền triển uy linh
Thiên binh vạn tướng tùy ngô chuyển
Bài binh tẩu mã đáo Đàn tiền
Đệ Tử nhất tâm phần hương thỉnh

Na Tra Thái Tử giáng lâm lai
Thần Binh hỏa cấp như luật lệnh”

2_Trung Đàn Nguyên Soái Giáng Ma Thần Chú:
Thiên Địa chính khí
Nhật Nguyệt quang minh
Ngọc Hư phù mệnh
Hiệu triệu lôi đình
Tả hữu Lục Giáp
Hữu hữu Lục Đinh
Thành Hoàng Cảnh Chủ
Thổ Địa Kỳ Linh
Văn ngô danh hiệu
Thính ngô hiệu lệnh
Trung Đàn Nguyên Soái
Thống lãnh Thiên Binh
Trận bài Bát Quái
Khí bố Ngũ Hành
Kim Quang chiếu diệu
Khu tán yêu tinh
Dân an quốc thái
Hải yến hà thanh
Nguyên Hanh Lợi Trinh
Cấp cấp như Nguyên Thủy Thiên Tôn Luật Lệnh”

TÔN THẮNG THÁI TỬ

Tôn Thắng Thái Tử là vị Thiện Thần hộ trì Phật Giáo, thủ hộ quốc gia. Lại xưng là Như Ý Thắng Vương, Như Ý Thiên Vương, Cam Lộ Thái Tử.

Hoặc nói là Tôn Thắng Thái Tử với Thái Tử **Na Tra** của Tỳ Sa Môn Thiên Vương là đồng Tôn

_Hình tượng rất đáng sợ, có bốn mặt tám cánh tay

Mặt chính là tướng Bồ Tát bình chính viên mãn

Mặt bên trái màu xanh đen, mở miệng lớn, có nanh cọp mọc ngược, mắt tròn lớn, lông my chỉa cứng

Mặt bên phải là tướng của Tự Tại Thiên màu đỏ trắng

Bên trên mặt chính là tướng Dược Xoa cực ác, mắt màu hồng như máu, răng nanh sắc bén

Toàn thân màu đỏ đen, tóc màu tơ xanh, trên đỉnh có 7 mặt trời cùng chiếu sáng, chân đạp trên bàn đá lớn

Tám tay:

Tay thứ nhất của hai bên đều cầm đao

Tay thứ hai của hai bên cầm Bạt Chiết La Xoa

Tay thứ ba của hai bên chắp lại để ngay trước ngực

Tay thứ tư của hai bên đều cầm cây thương.

Lại dùng mây ngũ sắc tán rũ làm lọng, chư Thiên quyến thuộc vây quanh.

Ấn Tướng là: Hai tay chắp lại để ở trước ngực, hai ngón cái cài chéo nhau (bên phải đè bên trái) cắm vào trong lòng bàn tay, kèm thẳng hai ngón trỏ, các ngón còn lại giao chéo nhau thành quyền.

Chữ chủng tử là RA (𑖨)

Chân Ngôn là: "Án, na la câu bạt la, sa phộc hạ"

Oṃ_ Nalakūvara svāhā

Tôn Thắng Thái Tử là Bản Tôn của Pháp Sở Tu: chiến tranh hoặc trấn định biên loạn, xưng là Tôn Thắng Thái Tử Pháp

Theo sự lưu truyền, vào thời **Đường Huyền Tông**, Luật Sư **Đạo Tuyên** y theo Mật Pháp của Tôn này, bình định việc loạn.

Nam mô Man Đà La Chủ Tôn Thắng Thái Tử Đề Bà La Nhạ, Bồ Đề Tát Đỏa Bà Gia, Ma Ha Tát Đỏa Bà Gia

Y XÁ NA THIÊN

Y Xá Na Thiên, tên Phạn là **Īśāna**, dịch âm là Y Xá Na, dịch ý là Lạc Dục hay Tự Tại, hoặc Chúng Sinh Chủ tức nghĩa là người Tư Phối. Lại xưng là Y Già Na Thiên, hoặc Y Sa Thiên. Là vị Thần Hộ Pháp của Mật Giáo, là một trong Hộ Thế Bát Phương (tám vị hộ giúp đời ở tám phương), một trong 12 vị Trời, hoặc một trong Thần Hộ Pháp ở mười phương, thủ hộ phương Đông Bắc.



_Lại có thuyết nói vị Trời ấy khi xưa được xưng là **Ma Hê Thủ La Thiên** (Maheśvara), tức Đại Tự Tại Thiên

.)**Thập Nhị Thiên Cúng Nghi Quỹ** ghi rằng: "Phương Đông Bắc, **Y Xá Na Thiên**. Xưa gọi là **Ma Hê Thủ La Thiên**, cũng gọi là Đại Tự Tại Thiên cỡi con bò Hoàng Phong, tay trái cầm chén Kiếp Ba chứa đầy máu, tay phải cầm Tam Kích Sang, màu thịt xanh nhạt, ba mắt phẫn nộ, hai răng nanh ló lên trên, dùng đầu lâu làm Anh Lạc, trong cái mão trên đầu có hai vành trăng ngửa. Hai vị Thiên Nữ cầm hoa.



Chân Ngôn của vị Trời này là: "**Nam mạc tam mạn đa đà nam, y xá nẵng duệ, sa-bà ha**"

.)**Pháp Toàn** "Thanh Long Tự Nghi Quỹ" nói vị Trời ấy là Hóa Thân (Nirmāṇa-kāya) của Ma Hê Thủ La Thiên.

Chân Ngôn là: "**Nẵng mạc tam mạn đa một đà nam, lỗ nại la dã, sa bà hạ**"

.)**Cúng Dường Thập Nhị Đại Uy Đức Thiên Báo Ân Phẩm** ghi rằng: "Khi **Y Xá Na Thiên** vui thời chư Thiên cũng vui, Ma Chúng chẳng loạn. Xưa gọi là **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara).

Đức Phật nói**: "Nếu cúng dường Ma Hê Thủ La** (Đường gọi là: Đại Tự Tại) **tức đã cúng dường tất cả chư Thiên"**

Khi Trời này giận thời chúng Ma đều hiện ra, quốc thổ hoang loạn"

_Vị Trời này có vị trí ở góc Đông Bắc tại Ngoại Bộ Kim Cương Viện trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala). Y Xá Na Phi, Thường Tuý Thiên, Hỷ Diện Thiên, Khí Thủ Thiên, Khí Thủ Hậu, Đại Hắc Thiên, Tỳ Na Dạ Ca đều là quyến thuộc của Ngài.

_Ma Hê Thủ La (Maheśvara) tức là Trời Đại Tự Tại. Lại gọi là Tự Tại Thiên, Tự Tại Thiên Vương, Thiên Chủ. Truyền thuyết cho rằng đây là **Thân Phẫn Nộ** (Krodha-kāya) của **Lỗ Nại La Thiên** (Rūdra). Do địa phương cư trú chẳng đồng nên lại có tên khác là **Thương Yết La** (Śaṃkara) và **I Xá Na** (Īśāna)

Vị Trời này nguyên là Thần Chủ **Thấp Bà** (Śiva) của Bà La Môn Giáo và xưng tán vị Trời này là Bản Thể của Thế Giới. Tất cả vật Hữu Mệnh hoặc Vô Mệnh trong Tam Giới đều do Ma Hê Thủ La Thiên sinh ra.

Lại dùng Thân của Ma Hê Thủ La mà nói: Hư Không là cái đầu, Đất là cái thân, Nước là thứ tiểu tiện, tất cả Chúng Sinh là loài trùng trong bụng, Gió là mạng sống, Lửa là hơi ấm, Tội Phước là nghiệp, tất cả Sinh Diệt Niết Bàn đều là Ma Hê Thủ La

Phàm tất cả sự vui buồn sướng khổ của Nhân Gian đều do vị Trời này. Lúc vị Trời này vui thì tất cả chúng sinh đều được an lạc. Khi vị Trời này giận thì chúng Ma hiện ra, đất nước nhiễu loạn, tất cả Chúng Sinh đều tùy theo mà chịu khổ. Nếu Thế Giới này đoạn diệt thì tất cả vạn vật cùng quy vào trong Trời Đại Tự Tại. Sự tận diệt này là cách thức biểu hiện của Đại Tự Tại Thiên Thần.

Xong trừ sát thương, bạo ác… là tính cách bên ngoài. Vị Thiên này cũng có đủ tính cách cứu hộ trị liệu nên dùng diện mạo của vị Thần Cát Tường để hiện ra.

Sau này, khi đã du nhập vào Phật Giáo thì vị Thần **Thấp Bà** (Śiva) liền trở thành vị Thần Hộ Pháp của Phật Giáo. Ngài là vị Thần có uy lực to lớn, biết rõ lượng nước mưa của Đại Thiên Thế Giới và cư ngụ tại Trời Tứ Thiền thuộc Sắc Phạm Thiên Giới (Rūpa-brahma-loka)

Trong kinh điển, Đại Tự Tại Thiên (Maheśvara) tức vị vua của tầng trời cao nhất trong Sắc Giới, là chúa tể của ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, vị này vừa là Thần Hộ Pháp, vừa là Ma Vương lợi hại nhất. Đây là vị Bồ Tát hiện thân Trời này nhằm hóa độ những ngoại đạo sùng bái Đại Tự Tại Thiên, tức những kẻ thường được gọi là **Đồ Thán Ngoại Đạo** (ngoại đạo bôi than hay tro lên thân) hay Tự Tại Ngoại Đạo, hay Shaivist.

HÌNH TƯỢNG CỦA Y XÁ NA THIÊN

Hình tượng nguyên bản của Y Xá Na Thiên là toàn thân màu xanh đen, có ba con mắt, trên búi tóc có vành trăng, tay cầm Tam Cổ Kích, cỡi con bò trắng



Hình tượng cỡi con bò trắng biểu thị cho Pháp Lực thanh trừng các loài Ma ác khiến cho Thế Gian được thanh tịnh.

_Tại Ấn Độ: Hình tượng của Đại Tự Tại Thiên thường được minh họa chung với người vợ







.)Thần Chú của Đại Tự Tại Thiên là:

Oṃ namaḥ śivāya

Hình tượng của vị Trời này còn có rất nhiều dạng như: bốn cánh tay, tám cánh tay…lại có tượng 18 cánh tay nhưng phần lớn chẳng nhìn thấy







大自在天

_ **Đại Tự Tại Thiên Chú** là:

OṂ_ VETALA ŚANI PRAMARTHANI CCHINDANI CCHINDANI, BHINDANI BHINDANI SVĀHĀ

Tụng Chú 108 biến tức tâm vui vẻ.

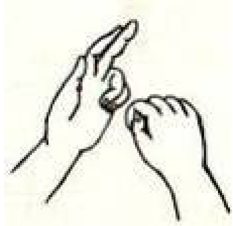
_Trong 12 Thiên thì **Y Xá Na Thiên** là vị chủ của chúng **Ma** (Māra), thủ hộ phương Đông Bắc

Chữ chủng tử là Ī (ई)



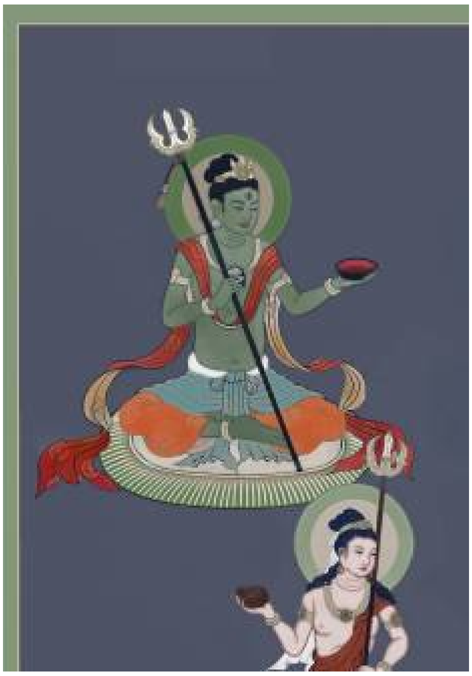
伊舍那天

Đông Bắc Phương Y Xá Na Ấn là: Tay phải nắm quyền an ở eo phải. Tay trái dựng đứng năm ngón tay dính nhau, co lóng giữa của hai ngón Địa Thủy (ngón út và ngón vô danh), ba ngón Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) Không (ngón cái) đều hơi cách nhau liền thành.



Chân Ngôn là:
Nam mạc tam mạn đa một đà nam. Y xá nẵng duệ, sa-phộc ha
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ ĪŚĀNĀYE SVĀHĀ

_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Đông Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Y Xá Na Thiên có thân màu đen xanh, hiện tướng phẫn nộ, quát mắng ba độc Tham Sân Si, trên mặt có 3 mắt, thân dùng đầu lâu làm Anh Lạc, tay trái cầm vật khí chứa đầy máu ngựa thồ để uống, tay phải cầm cây kích Tam Cổ



Ý nghĩa của hình tượng:
Ba mắt: biểu thị cho sự giáng phục ba vọng chấp: **thô, tế, cực tế**
Đầu lâu: biểu thị cho vô minh căn bản. Dùng đầu lâu làm Anh Lạc biểu thị cho nghĩa **phiền não tức Bồ Đề**
Tay trái cầm vật khí chứa đầy máu ngựa thồ để uống: biểu thị cho ăn nuốt hết phiền não
Tay phải cầm cây kích Tam Cổ: biểu thị cho việc dùng cái Mâu của ba Bình Đẳng giết hại phiền não, hai chướng Sở Tri, nghĩa là không có **Nhân Chấp**, **Pháp Chấp.**

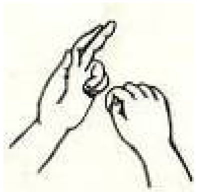


Chữ chủng tử là Ī ()

Tam Muội Gia Hình là: Cây Kích Tam Cổ, biểu thị cho việc điều phục chúng sinh.



Tướng Ấn là **Y Xá Na Thiên Ấn**: Tay phải nắm quyền để ở eo lưng, tay trái đều co ngón vô danh, ngón út, dựng thẳng ba ngón còn lại và hơi rời nhau. Đây tức là hình Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ RUDRĀYA SVĀHĀ

ĐẠI TỰ TẠI THIÊN PHI

Đại Tự Tại Thiên Phi, tên phạn là **Umā**

Umā nguyên là Tôn được sùng bái đặc biệt của Bà La Môn Giáo Thần Phi Phái thuộc Ấn Độ cổ đại. Lại xưng là **Đỗ Nhĩ Gia** (Durgā) hoặc **Tuyết Sơn Thần Nữ** (Pārvati). Trong thần thoại Ấn Độ thì **Ô Ma Phi** có đầy đủ sức Thần Lực lớn, thường nhận lời thỉnh cầu của chư Thiên đánh lui A Tu La Thiên mà hiển hiện hình tượng 10 cánh tay, tóc rối loạn, cỡi sư tử, chặt đầu giết A Tu La Vương.

Sau này khi du nhập vào Mật Giáo thời sức uy thần chẳng có đủ như xưa, được ghi nhận là Phi của Đại Tự Tại Thiên, mẹ của **Tỳ Na Dạ Ca** (Vinayāka).

_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Đông Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Ô Ma Phi có thân màu thịt trắng, cỡi con dê, tay trái cầm cây kích Tam Cổ (hình bên trái)



Chữ chủng tử là: U (𑖄)
Tam Muội Gia Hình là: Cái bát



Tướng Ấn là: Đại Tự Tại Thiên Phi Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖄𑖦𑖕𑖦𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ UMA JAMI SVĀHĀ
Hay 𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖄𑖦𑖟𑖸𑖪𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ UMA-DEVI SVĀHĀ

_ **Y Xá Na Thiên Phi**, tên Phạn là **Īśānī**, là vợ của Y Xá Na Thiên

Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Đông Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì **Y Xá Na Thiên Phi** thì biểu thị cho Định Đức của Y Xá Na Thiên

Tôn hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái cầm cây kích Tam Cổ, tay phải cầm cái bát

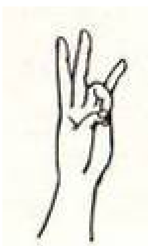


Chữ chủng tử là Ī ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Tam Cổ.



Tướng Ấn là: Y Xá Na Thiên Phi Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ UMĀ-DEVI SVĀHĀ

QUYẾN THUỘC CỦA Y XÁ NA THIÊN

_Hỷ Diện Thiên tên Phạn là **Nandī-mukha**

Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Đông Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Hỷ Diện Thiên là quyến thuộc của Y Xá Na Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải duỗi ra, hướng lòng bàn tay lên trên, tay trái nắm quyền, duỗi thẳng ngón trỏ biểu thị cho sự vui thích.





Chữ chủng tử là: NA (), hay RO ()

Tam Muội Gia Hình là: cái chén (hay cái cốc).



Tướng Ấn là Kim Cương Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

_ Thường Túy Thiên tên Phạn là **Sadāmada**

Tôn này là vị Thần Dạ Xoa trụ ở tầng thứ ba của núi Tu Di. Lại xưng là Thường Túy Thần, Thường Phóng Dật Thiên, Hằng Túy Thiên, Hỷ Lạc Thiên.

Tôn này chủ về Đức **vốn mê** (Bản Mê) của Y Xá Na Thiên, tức vốn mê say rượu **vô minh ba độc**, là cội nguồn của tất cả sinh tử phiền não, cho nên xưng là Thường Túy. Tôn này là quyến thuộc của Y Xá Na Thiên

Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Đông Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Thường Tý Thiên có thân màu thịt, ngồi trên cái ống tròn, tay phải nắm quyền để trên đùi cạnh eo.

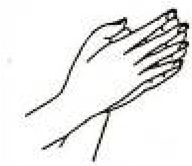


Chữ chủng tử là: SA (𑖭) hay RO (𑖨𑖺)

Tam Muội Gia Hình là: cái chén.



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

_Khí Thủ Thiên Hậu tên Phạn là **Karoṭapāṇinī**, là Phi Hậu của Khí Thủ Thiên, cùng với Khí Thủ Thiên đều cầm vật khí chứa rượu, đồng là quyến thuộc của Y Xá Na Thiên

Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Đông Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Khí Thủ Thiên Hậu có thân màu thịt, tay phải cầm cái chén, tay trái duỗi năm ngón tay để cạnh eo.

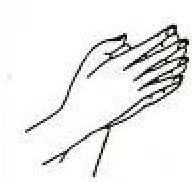


Chữ chủng tử là: KA ( ) hay RO ( ).

Tam Muội Gia Hình là: cái chén.



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

_ Khí Thủ Thiên, tên Phạn là **Karoṭapāṇi**

Tôn này là quyến thuộc của Y Xá Na Thiên, tay cầm vật khí chứa rượu cho nên xưng là Khí Tửu Thiên

Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Đông Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Khí Thủ Thiên có thân màu thịt, tay phải cầm cái chén, tay trái dựng chưởng, hướng lòng bàn tay ra ngoài.

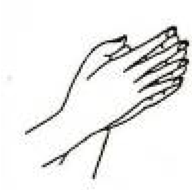




Chữ chủng tử là: KA (ক) hay RO (ꡦ).
Tam Muội Gia Hình là: cái chén.



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

_Cưu Ma Lợi, tên Phạn là **Kaumārī**. Lại xưng là Câu Ma Lợi Thiên, Câu Ma La Thiên, Kiêu Ma Lợi Thiên. Là một trong các quyến thuộc của Đại Tự Tại Thiên, một trong 7 Mẫu Nữ Thiên

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây thương, tay phải nắm quyền (hình bên phải)

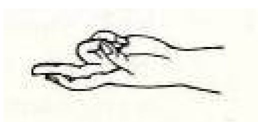


Chữ chủng tử là:KAU ( )

Tam Muội Gia Hình là: cây kích Độc Cổ.



Tướng Ấn là: Cưu Ma Lợi Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ _ KAUMĀRĪ _ SVĀHĀ

_Giá Văn Trà, tên Phạn là **Cāmuṇḍā**, dịch âm là Tả Muộn Noa, Giả Môn Noa, Già Muộn Noa... tức Tật Đố Nữ, Nộ Thần. Là quyến thuộc của Diễm Ma Thiên, người đứng đầu trong 7 Mẫu Nữ Thiên.

Tôn hình: Thân người đầu heo, thân màu đen đỏ. Tay phải cầm đầu lâu và cái bát. Tay trái nắm quyền để ở đầu gối (hình ở giữa)

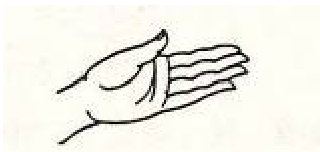


Chữ chủng tử là: CA (𑖓)

Tam Muội Gia Hình là: Xương đầu lâu.



Tướng Ấn là: Giá Văn Trà Ấn



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ CĀMUṆḌĀYE _ SVĀHĀ

KỸ NGHỆ THIÊN NỮ

Kỹ Nghệ Thiên Nữ lại xưng là Kỹ Nghệ Thiên, là **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) Thiên nữ trên búi tóc của **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara) có dung nhan đoan chính, đeo rũ chuỗi Anh Lạc màu nhiệm, hai tay đeo vòng xuyến. Tay trái dâng Hoa Trời cho Thiên Vương cùng nhìn dung mạo đáng yêu.Tay phải hướng xuống dưới thành thế nắm quần

Tôn này có kỹ nghệ bậc nhất mà các Thiên Chúng không thể hơn được



伎藝天

_**Ma Hề Thủ La Đại Tự Tại Thiên Vương Thần Thông Hóa Sinh Kỹ Nghệ Thiên Nữ Niệm Tụng Pháp** ghi chép là:

"Bấy giờ **Ma Hề Thủ La Thiên Vương** (Maheśvara-deva-rāja) ở trên Trời Đại Tự Tại cùng với các Thiên Nữ vây quanh, thần thông du hý tấu các kỹ nhạc. Đột nhiên ở trong búi tóc hóa ra một vị Thiên Nữ dung mạo đoan chính, kỹ nghệ bậc nhất mà tất cả chư Thiên chẳng thể hơn được, ở trong Đại Chúng nói rằng: "Nay tôi vì muốn lợi ích cho tất cả. Hết thảy nguyện cầu về việc sung túc, tốt lành, giàu vui…tùy tâm mong cầu thảy đều đầy đủ, nơi các nghề nghiệp mau được thành tựu. Tôi có Pháp yếu của Đà La Ni bí mật, nay sẽ nói"

Liền nói Đà La Ni là:

"Nẵng mô ốt chi ma mạo, thí khư địa vĩ, bát-la bát địa-dã, thí ca la giả, lỗ-lâm. Đát nễ-dã tha: Thấp-phộc nhạ để lệ phệ la ma nhạ lý nễ hồng, phát tra, sa-phộc hạ"

NAMO UCCHĪŚAMA_ ŚIKHI-DEVYA-PRĀPATTIYA ŚAKRĀYA_ ṬRŪṂ

TADYATHĀ: SVAJAṬĪKAṂ PARAMA- JĀRIṆĪ HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

Lúc đó **Chúng Kỹ Nghệ Thiên Nữ** nói Đà La Ni này xong, liền bảo các Thiên Chúng: "Nếu có người muốn tụng trì Đà La Ni của Tôi. Trước tiên nên xây dựng Đạo Trường, như Pháp nghiêm sức, đem mọi loại hương hoa để cúng dường. Ở 14 ngày hoặc 7 ngày thọ trì Trai Giới, đoạn sự dâm dục, tụng Đà La Ni này mãn một vạn biến

hoặc mười vạn biến. Trong khoảng trung gian đừng uống rượu, ăn thịt với thứ huân uế, chí tâm tụng trì ắt Thiên Nữ hiện ra trước mặt gia bị, tất cả nguyện cầu thảy đều mãn túc. Từ đây về sau không có chướng ngại cho đến vợ con, huân uế cũng chẳng kiêng bỏ. Nếu có thể Tịnh Trì thì mau chóng có hiệu nghiệm, sau này sẽ khiến thành tựu mọi chỗ dùng.

[NAMO: Quy mệnh kính lễ
UCCHĪ-ŚAMA : Hàng có phương cách giúp cho trở nên xuất chúng
ŚIKHIDEVYA : Vị Trời sinh ra từ búi tóc trên đầu
PRĀPATTIYA: Nhóm nhiệt tình sùng mộ
ŚAKRYA: Hàng Trời Đế Thích
ṬRŪṂ: Chủng tử
TADYATHĀ: Liền nói Chú là
SVAJAṬĪKAṂ : Người thuộc đẳng cấp cao quý
PARAMAJĀRIṆĪ: Người đàn bà anh hùng
HŪṂ : khủng bố
PHAṬ : Phá bại
SVĀHĀ: Quyết định thành tựu]



Nếu người muốn cầu Phước Đức thì nên tu Pháp của Kỹ Nghệ Thiên Nữ. Xưa nay người Nhật Bản theo công việc của Kỹ Nghệ, phần lớn đều cầu niệm vị Thiên Nữ này

TỲ NA DẠ CA

Tỳ Na Dạ Ca tên Phạn là **Vinayāka,** tức Hoan Hỷ Thiên, tên gọi đầy đủ là Đại Thánh Hoan Hỷ Tự Tại Thiên (Mahārya-nandikeśvara). Lại xưng là Hoan Hỷ Tự Tại Thiên, **Nan Đề Tự Tại Thiên** (Nandikeśvara), gọi đơn giản là Thánh Thiên, Thánh Tôn. Hoặc được xưng là **Nga Na Bát Để** (Gaṇa-pati), có ý nghĩa là người dạy dỗ, hoặc dịch là **Thường Tùy Ma**. Là vị Thần Hộ Pháp của Phật Giáo, lại xưng là **Tượng Đầu Tài Thần** (Tài Thần Đầu Voi).



Tôn này nguyên là tên xưng riêng của Thần **Thấp Bà** (Śiva) thuộc Ấn Độ Giáo. Theo truyền thống của Bà La Môn Giáo thì Vinayāka hay Gaṇapati là vị **Thần Kỳ** (Địa Thần) trong thần thoại Ấn Độ, xưng là **Cam Ni Sa** (Ganeśa), dịch âm là **Thành Ni Sa** (dịch âm hoặc tác Thành Ni Sa). Tương truyền là con của Thần **Thấp Bà** (Śiva: tức là Đại Tự Tại Thiên) và Phi **Ô Ma** (Umā, hay Pārvati), anh em của Ngài cùng nhau cai quản Quyến Thuộc của cha ngài là Đại Tự Tại Thiên. Hình tượng ấy là đầu voi bụng lớn, thiếu một cái Ngà, có bốn cánh tay, cỡi con Chuột.



Liên quan đến nguồn gốc Tôn Hình này là đầu Voi, tương truyền lúc Ganeśa sinh ra thời Thần Śiva ra ngoài, hai cha con chẳng biết nhau. Một hôm khi Umā đi tắm thời Thần Śiva từ bên ngoài trở về, Ganeśa lại giữ ở cửa, ngăn cản không cho Śiva bước vào nên cxảy ra chuyện đánh nhau, trong lúc giận dữ Śiva chém rơi đầu của Ganeśa. Khi cơn giận dữ nguôi đi thời Śiva mới biết Ganeśa chính là con của mình, liền đồng ý đem cái đầu bị chém của một động vật nhìn thấy cho Ganeśa thế làm đầu, động vật ấy là con Voi có cái đầu nhìn thấy ấy rất vừa vặn, do đó Ganeśa liền trở thành dạng khuôn mẫu thân người đầu voi.

Còn như nguyên nhân Ganeśa thiếu mất một cái Ngà, tương truyền là có một lần Thần Śiva ngủ ở núi **Khai Lạp Sa** thời **Ba Lạp Tu Lạp Mã** đến thăm Śiva lại gặp Ganeśa cản trở. Thế là hai người liền phát sinh tranh chấp, do đó trong lúc tranh chấp Ganeśa bị gãy một cái Ngà.



Sau này Ganeśa được thờ phụng là vị Thần diệt trừ chướng ngại, phủi sạch mọi sự mê mờ hiển lộ Trí Tuệ. Thông thường ở một số quyển đầu của tác phẩm văn học Ấn Độ, thường kèm có dâng văn kính lễ của Ganeśa và cầu Ngài trừ khử chướng hại.

.)Thần có có chữ chủng tử là **GAḤ**, **GUṂ** hay **GAṂ**

.)Thần Chú tán tụng Ganeśa là:

"Oṃ_ Ekadantaya vid mahe
Vakratundaya dhī mahi
Thanno danti prachodayatha"
"Oṃ_ śrī-kāla svarūpāya vid mahe
Kālāthīthāya dhī mahi
Thanno kāla-yoga śodasa gaṇapati prachodayath"
OṂ_ GUṂ GAṆAPATAYE NAMAḤ

Truyền thống Ấn Độ còn thờ phụng Ganeśa như là một vị Thần Tài hoặc Phước Thần hay ban bố của cải vật chất với sự giàu sang cho chúng sinh. Do đó thờ phụng riêng hình tượng của Ngài hoặc thờ chung với hai Nữ Thần **Lakṣmi** (Cát Tường Thiên) và **Śarasvati** (Biện Tài Thiên)





.)Thần Chú căn bản của Ganeśa là:

Oṃ_ Gaṃ gaṇapataye namaḥ

Oṃ_ Śrīṃ Hrīṃ Klīṃ Glauṃ gaṇapataye vara varada sarva janamme vaśamanaya svāhā

_Trong Phật Giáo thì **Tỳ Na Dạ Ca** (Vinayāka) được xưng là **Nga Na Bát Đề** (Gaṇapati: Chúng Chủ), là Hoan Hỷ Thiên tức là con của **Thấp Bà** (Śiva) và **Ba La Hoà Đề** (Pārvati)

Nga Na Bát Để dịch ý là Quân Đội, ý tức là vị Tướng trong quyến thuộc của Tự Tại Thiên. Do cùng với anh là **Tắc Kiền Đà** (Skanda) chung nhau cai quản quyến thuộc của cha là Đại Tự Tại Thiên mà được tên gọi này.

Phật Giáo ghi nhận hai truyền thuyết mà Tỳ Na Dạ Ca được Đức **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva) cảm hóa là:

1_ Tỳ Na Dạ Ca Thiên trước khi bị giáng phục, thường đi theo chúng sinh, rình rập gây chướng ngại…. các vị Phạm Vương, Đại Long Vương đều không biết phải làm thế nào, chỉ có **Thập Nhất Diện Quán Âm** và **Quân Trà Lợi Minh Vương** mới có thể giáng phục được. Do vậy Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng 11 đầu thuần hóa kẻ tạo sự hủy diệt là Vinayāka. Ngài chặt cái đầu của hắn và lấy cái đầu của Ngài đặt vào cái đầu của hắn, do đó mang tướng Vinayāka

2_Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng thân nữ quyến dụ Vinayāka để ngăn hắn tạo nghiệp.

"A Sa Phộc Sao, Tỳ Na Dạ Ca Mật Truyện" ghi chép rằng:

Đất này có núi, tên núi là Tỳ Na Dạ Ca, có ý nghĩa là núi **Đầu Voi**, lại tên là núi **Chướng Ngại**, bởi vì trong đó phần nhiều có Tỳ Na Dạ Ca ở. Thiên Vương của họ tên là **Hoan Hỷ** (Nandi) cùng với vô lượng đại chúng Quyến Thuộc của Ngài đều nhận được sắc mệnh của Đại Tự Tại Thiên, muốn đi về Thế Giới cướp đoạt khí của chúng sinh, mà gây chướng ngại.

Bấy giờ, Quán Tự Tại Bồ Tát vì Tâm xông ướp Đại Bi cho nên dùng sức **gốc rễ Từ Bi** (Từ Bi Căn), hóa hiện làm thân nữ Tỳ Na Dạ Ca, đi đến chỗ ở của Hoan Hỷ Vương. Khi Đại Thánh Hoan Hỷ Thiên Vương nhìn thấy phụ nữ này thì Tâm dục nổi dậy, muốn chạm đến Tỳ Na Dạ Ca Nữ ấy và ôm lấy thân thể nàng thời cô gái đó chẳng chịu. Lúc vị vua ấy liền mở lời kính yêu thì cô gái ấy nói rằng: "Tuy Tôi thuộc giống **Chướng Nữ**, nhưng từ xưa đến nay tôi hay thọ nhận sự dạy bảo của Đức Phật, được quần áo Cà Sa, nếu quả thật ông muốn chạm đến thân tôi thì có thể thuận theo sự dạy dỗ của tôi được không? Lại cũng giống như tôi, cho đến hết đời vị lai có thể vì (tôi) làm vị Hộ Pháp được không? Lại theo tôi cùng hộ giúp cho tất cả Hành Nhân, đừng gây chướng ngại được không? Y theo tôi về sau, đừng làm việc độc hại chúng sinh nữa, nếu ông có thể nhận lời dạy bảo như vậy thì tôi với ông sẽ kết làm bạn thân"

Khi ấy, Tỳ Na Dạ Ca nói: "Tôi y theo Duyên, hôm nay may mắn gặp bạn, từ nay về sau, nghe theo lời bạn nói, tu trì thủ hộ Phật Pháp".

Thời Tỳ Na Dạ Ca Nữ vui mừng mỉm cười và ôm choàng lấy Ngài.

Đây là nhân duyên ôm nhau của Quán Tự Tại Bồ Tát biến đổi, độ hóa Đại Thánh Hoan Hỷ Thiên".

Nhưng về ý nghĩa rốt ráo thì cả hai Avalokiteśvara (chủng tử **Hrīḥ**) và Gaṇapati (chủng tử **Gaḥ**) đều là sự thị hiện của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) nhằm biểu thị một biểu hiện của "**sự thật tạm thời**"



_Cả hai truyền thống Bà La Môn Giáo và Phật Giáo đều công nhận **Nga Na Bát Để** có sự nghiệp gây chướng ngại cho kẻ khác, hoặc bài trừ sức của các thứ chướng

ngại cho nên lại xưng là **Tỳ Na Dạ Ca** (Vinayāka) với nghĩa là ***trừ chướng ngại***, hoặc ***bài trừ***.

HÌNH TƯỢNG CỦA TỲ NA DẠ CA

Nghi Quỹ phẩm hình tượng của Đại Thánh Hoan Hỷ Song Thân Tỳ Na Dạ Ca Thiên (ĐTK_No.1274) ghi nhận là:

"Hình tượng **Song Thân Thiên Vương** ấy là hai vị Trời vợ chồng cùng đứng ôm nhau. Tượng ấy dài 7 tấc (7/3 dm) hoặc 5 tấc (5/3 dm), hai vị Trời đều có thân người đầu voi, mặt vị Trời nam gục trên vai phải của vị Trời nữ rồi khiến hiện ở lưng của vị Trời nữ, mặt của vị Trời nữ gục trên vai phải của vị Trời nam rồi khiến hiện ở lưng của vị Trời nam… đều cùng hiện lộ bàn chân gót chân, chân tay mềm mại giống như người nữ đoan chính mập mạp mạnh mẽ. Đầu của vị Trời nam không có vòng hoa, vai khoác Cà Sa màu đỏ. Đầu của vị Trời nữ có vòng hoa nhưng chẳng khoác Cà Sa, tay chân có vòng Anh Lạc, cũng dùng hai bàn chân đạp lên đầu ngón chân của vị Trời nam

Hai vị Trời này đều có màu thịt trắng, mặc quần màu đỏ, đều đưa hai bàn tay trợ nhau ôm trên eo lưng, tay phải che lưng tay trái. Hai vị Trời đưa đầu ngón giữa phải đến trên lưng lóng giữa của ngón giữa trái. Tượng ôm nhau này biểu thị cho sự yêu thích của sáu chỗ.



Sự yêu thích của sáu chỗ là:
1_ Dùng cái mũi (cái vòi) đều tiếp chạm cái lưng yêu thích
2_ Ức ngực hợp sự yêu thích
3_ Dùng tay ôm cái eo yêu thích
4_ Dùng cái bụng hợp sự yêu thích
5_ Dùng hai bàn chân theo đuổi sự yêu thích
6_ Mặc quần màu đỏ là vị Trời biểu thị cho sự kính yêu.

Có Hành Giả tạo cúng tượng **Lục Ái Kính**. Người này ắt được quốc vương, đại thần, hậu, phi, cung nữ cùng với tất cả các người kính yêu. Phát Tâm tin tưởng dũng mãnh, đừng sinh một niệm nghi ngờ ngưng trệ, thường thường chứng nghiệm rất nhiều

_ Nếu người muốn tu Pháp **Điều Hòa** trừ chướng nạn thì nên tạo cúng tượng **Lục Tý Thiên**. Hình ấy có thân người đầu voi, đầy đủ sáu cánh tay.

Sáu cánh tay là: Bên trái: tay bên trên cầm cây đao, tay tiếp theo cầm cái chậu đựng đầy quả phẩm, tay bên dưới cầm bánh xe. Bên phải: tay bên trên cầm cây gậy, tay tiếp theo cầm **Bả Chiết La** (Vajra:chày Kim Cương), tay bên dưới cầm sợi dây



_ Lại Tượng có bốn cánh tay. Tượng ấy có thân người đầu voi, đầy đủ bốn cánh tay là: Bên phải: tay thứ nhất cầm cây búa, tay thứ hai cầm cái chậu chứa đầy Hoan Hỷ Đoàn. Bên trái: tay thứ nhất cầm cái nanh (hoặc cầm cái chày), tay thứ hai cầm cây gậy báu.



_ Lại y theo Kinh **Bất Không Phẫn Nộ Vương Quán Tự Tại Bồ Tát** minh họa tướng của **Tứ Tý Thiên.** Đây là **Tỳ Na Dạ Ca Kim Cương** (Vināyaka-vajra), hình ấy có thân người đầu voi, đầy đủ bốn cánh tay. Bên trái: tay thứ nhất cầm chày Kim Cương, tay tiếp theo cầm cây búa. Bên phải: tay thứ nhất cầm sợi dây, tay thứ hai cầm **Tam Xoa Kích.**

Nghi Quỹ Phẩm Hình Tượng này hay bí mật lựa chọn người có căn khí để trao truyền. Vị Đại Thánh Thiên Vương này là Thân biến hóa tự tại của **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara)

Bí Pháp nói rằng: "Do sáu Thông tự tại cho nên gọi là Thánh Thiên, do Trí Tuệ tự tại cho nên gọi là Tự Tại Thiên, do thành tựu kính yêu cho nên gọi là Song Thân Tỳ Na Dạ Ca Vương, do thành tựu năm loại lúa đậu cho nên gọi là Lục Tý Thiên"

Lại như Kinh đã nói: "Ma Hê Thủ La có Trí tự tại, khi Đại Hải Long Vương tuôn mưa thời đều hay phân biệt chính xác số lượng ấy, ở trong một Niệm đều biết rõ ràng".

Y theo vị Thánh này nói, do Trí Tuệ tự tại cho nên dùng tên gọi là Đại Tự Tại Thiên.

_ Tiếp lại minh họa hình tượng **Lục Tý Tỳ Na Dạ Ca** ở bốn phương

Đông Phương Tồi Toái Thiên cũng gọi là **Vô Đài Đại Tướng**. Hình ấy như người Trời, trên mão Trời có để đầu con voi, tay trái cầm dù lọng, tay phải cầm cây kiếm

Nam Phương Ẩm Thực Thiên cũng gọi là **Nghiêm Kế Đại Tướng**. Hình ấy như người Trời, trên mão Trời có để đầu con voi, tay trái cầm sợi dây, tay phải cầm vòng hoa.

Tây Phương Y Phục Thiên cũng gọi là **Đỉnh Hành Đại Tướng**. Hình ấy như người Trời, trên mão Trời có để đầu con rồng, tay trái cầm cây cung, tay phải cầm mũi tên.

Bắc Phương Tượng Đầu Thiên cũng gọi là **Kim Sắc Già Na Bát Để**. Hình ấy có thân người đầu voi, tay trái viên ngọc Lưu Ly trắng, tay phải cầm cây gậy báu.

Hoặc có đầy đủ sáu cánh tay như lúc trước đã minh họa.



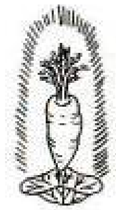
_ Lại có tượng sáu mặt sáu cánh tay như Kinh đã nói

Bí mật của Pháp này (**Mãn Hiền** có tay phải cầm cây gậy báu, **Ái Tử** có tay trái cầm chày Tam Cổ)"

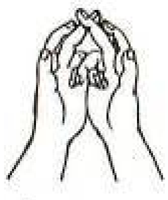
_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Đông Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Tỳ Na Dạ Ca có thân màu thịt trắng, mình người đầu voi, tay phải cầm cây kích có móc câu (câu kích) để trên vai. Tay trái cầm rễ củ cải.



Chữ chủng tử là: VI ()
Tam Muội Gia Hình là: Rễ củ cải



Tướng Ấn là: Tỳ Na Dạ Ca Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ MAHĀ-GAṆA-PATAYE_SVĀHĀ

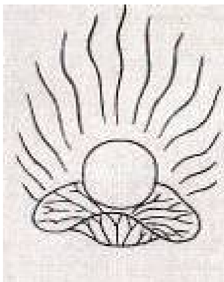
_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Tỳ Na Dạ Ca (Vinayāka) là một trong 20 Thiên hộ thế, trong 5 loại Thiên là **Thủy Cư Thiên**, thủ hộ phương Bắc

.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Tỳ Na Dạ Ca có thân màu thịt trắng, thân người đầu voi, tay trái cầm rễ cây củ cải (La Bốc Căn), tay phải ngửa lòng bàn tay nâng viên Hoan Hỷ, ngồi trên lá sen



Mật Hiệu là: **Kim Cương Tần Na Dạ Ca**
Chữ chủng tử là: VI (𑖪𑖰) hay GAḤ (𑖐𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Rễ củ cải

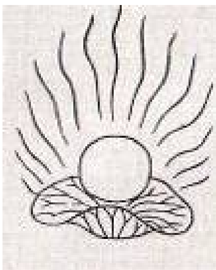


Tướng Ấn là: Tỳ Na Dạ Ca Ấn



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖐𑖾 𑖮𑖳𑖽 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ HRĪḤ GAḤ HŪṂ SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Tỳ Na Dạ Ca có chữ chủng tử là: VI (𑖪𑖰)
Tam Muội Gia Hình là: Rễ cây củ cải (La Bốc Căn)



Tướng Ấn là: Tỳ Na Dạ Ca Ấn



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖐𑖾 𑖮𑖳𑖽 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ HRĪḤ GAḤ HŪṂ SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Tỳ Na Dạ Ca có chữ chủng tử là: KA (𑖎)
Tôn Hình: Tay phải cầm rễ củ cải, tay trái cầm viên Hoan Hỷ.

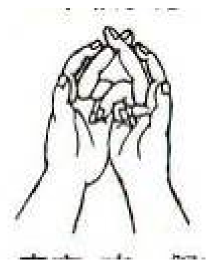


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖐𑖾 𑖮𑖳𑖼 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖎
OṂ _ HRĪḤ   GAḤ   HŪṂ   SVĀHĀ_ KA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Tỳ Na Dạ Ca có chữ chủng tử là: KA (𑖎)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Tỳ Na Dạ Ca Ấn



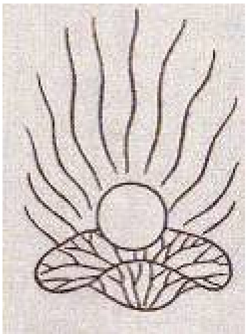
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖐𑖾 𑖮𑖳𑖼 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ HRĪḤ   GAḤ   HŪṂ   SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Tỳ Na Dạ Ca có chữ chủng tử là: RA ( )

Tôn Hình: Tay phải cầm rễ củ cải, tay trái nắm quyền để ngang eo.



Tam Muội Gia Hình là:Viên Hoan Hỷ.

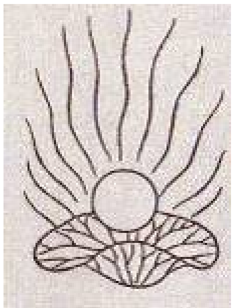


Chân Ngôn là:

OṂ _ HRĪḤ GAḤ HŪṂ SVĀHĀ_ RA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Tỳ Na Dạ Ca có chữ chủng tử là: VI ( )

Tam Muội Gia Hình là:Viên Hoan Hỷ.



Chân Ngôn là:

OṂ _ HRĪḤ GAḤ HŪṂ SVĀHĀ_ VI

.)Kinh **Phật nói Kim Sắc Ca Na Bát Để Đà La Ni** (ĐTK_No.1269) ghi chép là:

"Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự tại Đại Hội trong vườn Trúc Lâm ở Già Lan Đà thuộc nước Xá Vệ nói Pháp. Đức Phật vì thương xót tất cả chúng sinh mà nói Đà La Ni này phó chúc cho **Kim Sắc Ca Na Bát Để** (Suvarṇa-rūpa-gaṇapati)

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói Chân Ngôn là :

"Nẵng mô suất đổ để (1) Ca tra, ca tra (2) Để Tra, ma tra (3) Khởi-lị vĩ noa (4) Khởi-lị vĩ noa (5) Bạn nhạ, bạn nhạ (6) Nẵng mô suất đổ để (7) Hộ lỗ nại la (8) Bả nhạ ni duệ (9) Sa-phộc ha (10) A đô đa (11) Lãng noa khất-sám chất đa (12) Yết la sa ma nga tha để (13) ma ha dã (14) Ma ha tất-để (15) Nhược khất-xoa nẵng (16) Bát la cú bả dã nhĩ (17) Cự lỗ, cự lỗ (18) Tổ lỗ, tổ lỗ (19) Mô lỗ, mô lỗ (20) Nẵng mô, nẵng mô (21) Sa-phộc ha (22)"

NAMO STUTE _ KAṬA KAṬA _ MAṬA MAṬA _ GṚHṆA GṚHṆA _ PAṂJA PAṂJA

NAMO STUTE _ HORUDARA _ PAJAṆIYE _ SVĀHĀ

AYUTA _ MINDAKṢAṂ CITTA _ HARĀ HASA MAGACATI _ MAHĀ-HAYA _ MAHĀ-STI _ DUḤKṢINA _ PRAKUPAYA VĪ _ KURU KURU _ CURU CURU _ MURU MURU _ NAMO NAMAḤ _ SVĀHĀ

[Bản Phạn: **ārya-mahāgaṇapati-hṛdayaṃ-sūtra** ghi nhận câu Chú này là:

oṃ namo 'stu te mahā-gaṇapataye svāhā /

oṃ gaḥ gaḥ gaḥ gaḥ gaḥ gaḥ gaḥ gaḥ /

oṃ namo gaṇapataye svāhā /

oṃ gaṇādhipataye svāhā /

oṃ gaṇeśvarāya svāhā /

oṃ gaṇapati-pūjitāya svāhā /

oṃ_ kaṭa kaṭa, maṭa maṭa, dara dara, vidara vidara, hana hana, gṛhṇa gṛhṇa, dhāva dhāva, bhañja bhañja, jambha jambha, tambha tambha, stambha stambha, moha moha, deha deha, dadāpaya dadāpaya, dhanasiddhi me prayaccha /

oṃ rudrāvatārāya svāhā /

oṃ adbhuta-vindukṣubhita-citta mahā-hāsam āgacchati /

mahābhaya mahābala parākramāya mahāhasti-dakṣiṇāya dadāpaya svāhā /

oṃ namo 'stu te mahā-gaṇapataye svāhā /

oṃ gaḥ gaḥ gaḥ gaḥ gaḥ gaḥ gaḥ gaḥ /

oṃ namo gaṇapataye svāhā /

oṃ gaṇeśvarāya svāhā /

oṃ gaṇādhipataye svāhā /

oṃ gaṇapatipūjitāya svāha /

oṃ suru suru svāhā / oṃ turu turu svāhā / oṃ muru muru svāhā //

Đức Phật bảo: "Này Xá Lợi Phất! Đây là **Kim Sắc Ca Na Bát Để trừ Chướng Nạn Chân Ngôn**. Nếu có chúng sinh thọ trì Chân Ngôn thì các Pháp đã làm không có gì không thành đại nguyện, cứ nghiệm sẽ biết.

Nếu quyết định có chướng nạn liền vào ngày 2, ngày 8, ngày 15 của kỳ Bạch Nguyệt hoặc Hắc Nguyệt lấy phân bò xoa tô Đàn, dâng mọi thứ cúng dường thì điều đã làm được thành tựu”

Kim Sắc Ca Na Bát Để bạch Phật rằng: “Con sẽ ủng hộ cho người trì Chân Ngôn. Nếu có chúng sinh trì Chân Ngôn này thì tiền của, vật dụng, vàng bạc, châu báu, nô tỳ, tùy tùng… con đều cung cấp đầy đủ chẳng để cho thiếu thốn, ngoài ra còn khiến cho tất cả Pháp Chân Ngôn mau chóng thành tựu như ý”

.)**Sử Chú Pháp Kinh** (ĐTK_No.1267) ghi chép là:

Một thời Tỳ Na Dạ Ca ở núi Kê La tập các đại chúng, Phạm Thiên,Tự Tại Thiên,Thích Đề Hoàn Nhân với vô lượng ức số nhóm Quỷ,Thần...Từ chỗ ngồi đứng dậy cúi đầu làm lễ Đại Tự Tại Thiên rồi thỉnh rằng:” Nay tôi muốn nói chú NHẤT TỰ để nhiêu ích cho chúng sinh.Nguyện xin ấn khả và nghe điều tôi nói “.

Chư Thiên nói: “Lành thay ! Như điều ông nói”.

Tỳ Na Dạ Ca được nói nên vui mừng hớn hở, liền nói TỲ NA DẠ CA NHẤT TỰ CHÚ là:



Án ngược già hiệt lị án ha hồng phán tra.

*) OṂ_ GAḤ GA HRĪḤ OṂ HA HŪṂ PHAṬ

Nếu muốn tác Pháp này. Trước tiên nên làm Tượng hoặc dùng Bạch Lạp với vàng, bạc, đồng, cây hoa đều khắc làm hình tượng, đó là tướng ôm nhau hoà hợp của 2 thân vợ chồng và làm Tượng thân người đầu voi. Làm tượng đó ngay thẳng chẳng được trả giá.

Làm tượng xong, vào ngày mồng một của tháng Bạch Nguyệt ở trong tĩnh thất dùng phân bò xoa tô làm cái Đàn tròn, lớn nhỏ tùy ý. Nên lấy một thăng dầu mè, dùng Chú trên chú vào dầu sạch ấy. Sau đó lấy Tượng thả vào trong cái bát dầu rồi an trí trong Đàn. Dùng cái khóa bằng đồng sạch, như cái thìa đồng để khuấy dầu và rưới lên đầu của thân hai đầu voi 108 lần. Sau đó ngày ngày khiến chú vào dầu cũ 108 biến, trong một ngày rưới 7 lần. Bình thường buổi sáng 4 lần, giờ ngọ (11g_13g) 3 lần, cộng thành 7 lần. Như vậy tác pháp cho đến 7 ngày thì tùy theo tâm mong cầu, nguyện thành liền được vừa ý.

Lúc chính thức rưới dầu thì mỗi mỗi phát nguyện, dùng Tô Mật hòa với bột gạo làm bánh tròn trịa; gốc cỏ La Bặc và chén nhỏ rót rượu, nước tương. Ngày như vậy thành HIẾN THỰC (Dâng thức ăn) ắt nên tự ăn thì mới được khí lực”.

MA HA CA LA

Ma Ha Ca La, tên Phạn là **Mahā-kāla**, dịch âm là Ma Ha Ca La, Ma Hạp Khát Lạp, dịch ý là Đại Hắc, Đại Thời. Lại xưng là Đại Hắc Thần, Đại Hắc Thiên Thần, hoặc Ma Ha Ca La Thiên... có đủ tính cách của Thần chiến đấu, Thần Phước Đức và Thần Âm Phủ.

_ Trong Ấn Độ Giáo thì Mahā-kāla là tên gọi riêng của Thần **Thấp Bà** (Śiva); hoặc là hóa thân (hoặc Thị Giả) của **Đột Ca** (Durga), vợ của Thấp Bà, chủ về sự phá hoại, chiến đấu.

_Truyền thống Phật Giáo thì coi là Mahā-kāla hóa thân của **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara), hoặc là hóa thân của **Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana-buddha)…. Các thuyết đều nói khác nhau, trong đó có khi dùng Đại Hắc Thiên làm Phước Thần để cung phụng, ước chừng có mấy loại cách nói như sau:

.)Đại Nhật Kinh Sớ nói là **Phẫn Nộ Thần** giáng phục **Trà Cát Ni** (Ḍākiṇī).

.) Có thuyết nói Thiên Thần này là hóa thân của **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara: Đại Tự Tại Thiên), cũng tức là **Tủng Gian Thần, Chiến Đấu Thần**. Trong đây cho rằng Đại Hắc Thiên Thần là do sự hóa hiện của Ma Hê Thủ La cùng với vô lượng Quyến Thuộc các Quỷ Thần thường du hành lúc nửa đêm trong rừng, ăn thịt uống máu người sống, đủ đại lực, nên rất dũng mãnh trong các pháp chiến đấu đều hay được thắng lợi, cho nên Đại Hắc Thiên Thần tức là Chiến Đấu Thần.

.)Căn cứ vào sự ghi chép của **Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập,** Phẩm **Phân Bố Diêm Phù Đề** thì Đại Hắc Thiên Nữ cùng với Thiện Phát Càn Thát Bà…. đều hộ trì dưỡng nuôi nước Ba La Nại.

.)Đại Hắc Thiên lại xưng là **Mã Cáp Ca Lạp** (Mahā-kāla), là vị Chủ Tôn Hộ Pháp trọng yếu của Mật Giáo Tây Tạng.

.)Ở Nhật Bản lại dùng Đại Hắc Thiên là một trong 7 vị Phước Thần, cho rằng **Đại Hắc Thiên** chính là **Phước Thần** ban cho thế gian sự Phú Quý, Quan Vị, trong dân gian nhận được sự sùng bái tín ngưỡng rất lớn.

Trong **Đông Mật** tương truyền Tôn này là **Đại Nhật Như Lai** vì giáng phục Ma ác mà thị hiện **Thiên Thần** có hình Dược Xoa phẫn nộ.

.)Trong **Tạng Mật** thì tương truyền Ngài là **Đại Hộ Pháp** do sự hóa hiện của **Quán Thế Âm Bồ Tát**.

Tôn này đồng với Bản Tôn của pháp tu ở 2 hệ Mật Giáo tại Tây Tạng, Trung Quốc và Nhật Bản đều coi trọng như nhau.

Bởi vì Tôn này thống lãnh vô lượng Quyến Thuộc Quỷ Thần, mà sở trường là thuật dùng thuốc (Dược Thuật) ẩn hình bay đi. Do đó có thể lúc chiến đấu, chúng sinh nên hướng về Ngài khẩn cầu sự gia trì. Lại hay khiến thức ăn uống thường đầy đủ, vì thế chùa chiền ở Ấn Độ và trong dân gian ở Tỉnh Giang Nam của Trung Quốc, thường có người cúng bái ở nhà bếp.

Đồng thời vị Thần cũng là một trong những Địa Thần (Thần Kỳ) thường được Phật Giáo Đồ cúng bái ở nghĩa địa. Lại tương truyền vị thần này cùng với Quyến Thuộc của Ngài, **Thất Mẫu Thiên Nữ** hay ban cho kẻ nghèo túng được Phước Đức lớn. Do đó Đại Hắc Thiên có cả bốn tính cách là **Chiến Đấu Thần, Trù Phòng Thần** (vị Thần ở nhà bếp), **Tủng Gian Thần** (vị Thần ở nghĩa địa, nơi có mồ mả, nơi chứa xác người chết) và **Phước Đức Thần** đều nhận được sự tín ngưỡng ngang nhau .

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐẠI HẮC THIÊN

_Tuệ Lâm Âm Nghĩa, quyển 10 ghi nhận là: Tượng có 8 cánh tay, thân màu mây đen xanh, 2 tay để ngang ngực cầm Tam Kích Xoa, tay thứ 2 bên phải cầm con Dê đực xanh, tay thứ 2 bên trái nắm búi tóc của 1 con Quỷ đói, tay thứ 3 bên phải cầm cây Kiếm, tay thứ 3 bên trái cầm Khiết Tra Võng Ca (Khatvāṅga), tức là Độc Lâu Chung, là tiêu chí của sự phá hoại tai họa, 2 tay ở sau mỗi tay ở trên vai cùng giương một tấm da voi trắng tư thế như khoác áo, dùng Rắn độc xuyên qua đầu lâu làm Anh Lạc, ló nanh cọp lên trên, tác hình Đại Phẫn Nộ, dưới chân có Địa Thần Nữ Thiên đưa 2 tay nâng đỡ bàn chân.

Ngoài ra y theo " **Đại Hắc Thiên Thần Pháp** " ghi chép, là màu xanh có 3 mặt 6 cánh tay, tay bên phải bên trái của mặt ở phía trước cầm cây Kiếm để ngang, lần lượt tay trái nắm lấy búi tóc của người, tiếp theo tay phải cầm con Dê cái, 2 tay sau cùng ở sau lưng giương tấm da Voi, dùng đầu lâu làm anh lạc. Tôn hình trong **Thai Tạng Giới Hiện Đồ Mạn Trà La** được ghi chép tương đồng, chỉ trừ con Dê và đầu người ở bên trái bên phải thì ngược nhau.



.)Kinh **Tối Thắng Tâm Minh Vương** nói là Đại Hắc Thiên khoác tấm da Voi, cầm một cây Thương nằm ngang với một đầu xuyên qua đầu người, một đầu xuyên qua con Dê.

.)Các Phái của Mật Giáo Tây Tạng lưu truyền hình tượng đều khác nhau, tác dụng tính chất cũng khác nhau. Bởi vì truyền thừa của các Phái khác nhau, cho nên đối với hình tượng và tính đặc biệt của Đại Hắc Thiên cũng có các cách nói khác nhau như:

Nhị Tý Đại Hắc Thiên, chủ yếu hộ trì Hỷ Kim Cương Hành Giả.



Tứ Tý Đại Hắc Thiên, chủ yếu hộ trì Đại Thủ Ấn Hành Giả.



Lục Tý Đại Hắc Thiên, là vị Hộ Pháp chủ yếu của phái Cách Lỗ và Hương Ba Cát Cử.



Bạch Sắc Lục Tý Đại Hắc Thiên, là vị Hộ Pháp chủ yếu của phái Cát Cử và Tát Ca. Trong đó **Bạch Mã Cáp Ca Lạp** là tên nổi tiếng của Bản Tôn Tài Bảo.



Ngoài ra có khi dùng vị Trời này làm Tài Phước Thần, chủ quản việc ăn uống.

.)Trong **Nam Hải Ký Quy Truyện** thì nói là hình **Thần Vương**, cầm túi vàng, ngồi trên cái giường nhỏ mà thòng một chân xuống.

Ngoài ra một loại là tạo hình Phước Thần có hình mạo người bình thường, đầu đội mũ tròn, lưng vác túi, cầm cái chùy nhỏ, đạp lên túi gạo. Ở Pháp Tu thì hình phẫn nộ phần nhiều dùng ở Giáng Ma, Điều Phục Pháp; chủ về cầu Phước Đức thì nên cúng bái Phước Thần.



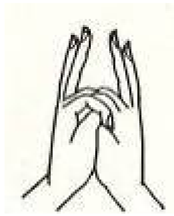
_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Đông Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Ma Ha Ca La có thân màu đen, hiện tướng phẫn nộ, 3 mặt 6 cánh tay. Mặt chính giữa có 3 con mắt, hai mặt trái phải đều có 2 con mắt. Hai tay thứ nhất cầm cây kiếm đặt nằm ngang, chuôi kiếm là hình Tam Cổ. Hai tay kế tiếp: tay phải nắm đầu tóc con người, tay trái cầm sừng con dê. Hai tay kế tiếp cầm tấm da voi giăng trương sau vai. Tóc lửa dựng đứng, dùng đầu lâu làm chuỗi Anh Lạc, rắn làm vòng đeo cánh tay, ngồi trên toà tròn



Chữ chủng tử là: MA (𑖦)
Tam Muội Gia Hình là: Cái túi



Tướng Ấn là:Đại Hắc Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:



OṂ _ MAHĀ-KĀLĀYA_ SVĀHĀ

ĐẠI HẮC THIÊN THẦN PHÁP

[*Phạn Hán văn: Chùa **Gia Tường**_ THẦN KHẢI ghi chép*
Sưu tập Thủ Ấn, đồ hình và Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH]

_ Đại Hắc Thiên Thần (Mahā-kāla-devatā) là thân biến hóa của **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara-deva) đều được an trí ở các chốn **Già Lam** (Saṃghārāma) trong năm nước Thiên Trúc với triều **Ngô**.

Có người nói rằng: Đại Hắc Thiên Thần là Hóa Thân của **Kiên Lao Địa Thiên** (Dṛḍha-pṛthivī) được an ở chốn Già Lam, mỗi ngày thổi cơm dâng phần, cúng dường vị Trời này

Trong **Thệ Mộng Trung Ngữ Từ** nói rằng: "Nếu an trí Ta (Đại Hắc Thiên Thần) ở chốn Già Lam, ngày ngày kính cúng thì trong ngôi chùa của Ta khiến trụ **Chúng** (Saṃgha) có nhiều vị **Tăng** (Bhikṣu), mỗi ngày đều nuôi dưỡng **Chúng** cả ngàn người, cho đến nhà của con người cũng như thế vậy.

Nếu người ba năm chuyên Tâm cúng Ta thì Ta sẽ đến chốn này, trao cho *người cúng* sự phú quý của Thế Gian cho đến quan vị , tước lộc …thảy đều ban cho.

Thể của Ta làm năm thước (5/3m), hoặc ba thước (1m), hoặc hai thước năm tấc (25/3dm) cũng được thông miễn. Phàm màu sắc đều làm màu đen, mão đội đầu đều màu đen; khiến mặc quần đùi chẳng rũ xuống, khiến mặc quần áo đi săn bắn, ống tay áo nhỏ mịn. Tay phải nắm quyền rút về eo bên phải, tay trái cầm cái túi lớn từ trên lưng khiến treo trên vai. Cái túi ấy có màu lông chuột rũ xuống dưới, bên trên thắt lưng.

Như vậy làm xong, ở nhà ăn của Đại Chúng, lễ cúng thì nhà cửa, phòng xá đều tự nhiên thịnh vượng tụ tập phun vọt ra.

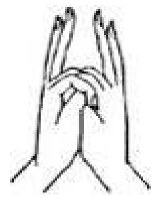
Lại nếu người thường trì niệm Chú của Ta, bốn mùa bày biện đủ món ăn ngon, rượu, canh, cơm, thức ăn cho đến một trăm mùi vị…vào lúc **canh năm** thời chẳng cần biết Chúng có nhiều người cúng Ta, đều quyết định ban cho sự giàu có.

Chú ấy là:

"Án, mật chỉ, mật chỉ xá bà lệ, đa la yết đế, sa-bà ha"

***) Oṃ_ micchi micchiśvare tāragate _ svāhā**

Ấn: Hai tay tác Nội Phộc, duỗi hai Địa (2 ngón út) hai Thủy (2 ngón vô danh) đưa qua lại



Cúng Dường Ấn: dùng Pháp ***thường đồ*** *(đường lối thông thường)*

Người lễ cúng cần phải đối với vị Thần này: tưởng thành cha mẹ, đối với Tam Bảo thành vị bảo vệ bên ngoài, đối với mọi người thành cha mẹ vậy.

Ngoài ra, từ lâu đã nghe biết phong tục của Thiên Trúc kèm với phong tục trong triều đại của Ta, các chùa đều an trí vị Trời này rất nhiều. Nhân vì chặt đứt sự nghi ngờ của người đời sau, nên dùng **Dã Khách Mộng Sự** dẫn tìm, đưa tặng cho yên lòng vậy.

_ Đại Hắc Thiên Thần Pháp.

Thầy nói rằng: "Điều này rất bí mật, chẳng thể truyền thụ cho Đệ Tử chưa nhập thất, ngàn vàng đừng truyền, nỗ lực khen ngợi (**Thiên Tán**: bài tán chư Thiên)

Chủng tử là 𑖦(MA)

_ Đại Hắc Thiên Thần.

.)**Di Giới Tạng Phạm Hiệu** nói là **Ma Ha Ca La Thiên** (Mahā-kāla), cũng nói là **Đại Hắc Thiên Thần**, dùng **Phổ Ấn**, ***Tam Ma Gia Hình*** là cây kiếm, màu xanh có ba mặt sáu cánh tay. Hai tay trái phải phía trước để nằm ngang cầm cây kiếm, tay trái tiếp theo cầm đầu người (nắm búi tóc), tay phải tiếp theo cầm con dê cái, hai tay trái phải tiếp theo giương tấm da voi ở phía sau lưng, dùng đầu lâu làm chuỗi Anh Lạc.

Bản xưa nói là: " màu đen lợt vậy"

.)**Nhân Vương Kinh Lương Bí Sớ** ghi rằng: "Nói "**Trủng gian"** (gò mả) là nơi cư trú. Nói "**Ma Ha**" phiên dịch là to lớn. Nói "**Ca La"** là Hắc Thiên. Câu trên là Phạn Ngữ, câu bên dưới là ngôn ngữ thuộc đời Đường

Đại Hắc Thiên Thần là **Đấu Chiến Thần**. Nếu lễ vị Thần ấy thì tăng uy đức, làm việc đều thắng, cho nên hướng về vị Thần ấy cúng bái. Vì sao lại biết? **Tam Tạng** trích dẫn sách Phạn, nói rằng:

.)Kinh **Khổng Tước Vương** nói: "Ở phía Đông của Quốc Thành tại nước **Ô Thi Ni**, có một khu rừng tên là **Sa Ma Xa Na** (Śmaśāna), đây nói là **Thi Lâm** (khu rừng chứa xác người chết). Khu rừng ấy dài rộng đủ một do tuần, có vị **Đại Hắc Thiên Thần** (Mahā-kāla) là Thân biến hóa của **Ma Hề Thủ La** (Maheśvara:Đại Tự Tại Thiên) cùng với các Quỷ Thần, vô lượng quyến thuộc…ban đêm thường du hành trong rừng, có Đại Thần Lực, có nhiều loại châu báu, có thuốc ẩn hình, có thuốc sống lâu, du hành bay trên hư không, đem các thuốc Huyễn Thuật cùng mua bán với con người, chỉ nhận lấy máu thịt của con người, trước tiên quy ước cân lượng rồi mua bán nhóm thuốc. Nếu người muốn đi đến thì dùng Đà La Ni gia trì thân mình xong rồi mới đi đến mua bán. Nếu chẳng gia trì thì các Quỷ Thần kia liền tự ẩn hình, trộm lấy máu thịt của người, khiến giảm cân lượng. Tức lấy máu thịt trên thân người ấy, tùy lấy tùy hết, chẳng đủ số theo quy ước lúc trước, cho đến lấy hết máu thịt của một người mà cân lượng chẳng đủ số, nên chẳng thể đổi được thuốc.

Nếu người gia trì mua được **Bảo Bối** với các thứ thuốc thì tùy theo Ý muốn làm, đều được thành tựu. Nếu hướng đến sự cúng tế thì chỉ cần máu thịt của con người, khiến cho vị Thần ấy có Đại Lực, liền gia hộ cho người đã làm Pháp dũng mãnh đấu chiến, đều được thắng. Cho nên **Đại Hắc Thiên Thần** tức là **Đấu Chiến Thần**.

Vị Trời này tức là quyến thuộc của bảy **Mẫu Thiên** (v.v….) có bảy chị em

1_ **Tả Bí Noa** (Cāmūṇḍā)

2_ **Kiều Phệ Lý** (Kauverī)

3_ **Phệ Sắt Noa Vi** (Viṣṇavī)

4_ **Kiều Ma Lý** (Kaumarī)

5_ **Ấn Trà Lý** (Indrī)

6_ **Lao Trà Lý** (Raudrī)

7_ **Mạt La Hứ Nhĩ** (Brāhmī)

Bảy tên gọi đó đều là Chân Ngôn vậy

_ **Đại Nhật Kinh Sớ** nói rằng:

"**Trà Cát Ni Chân Ngôn**. Đây là Thế Gian có tạo ra Pháp Thuật này, cũng là Chú Thuật tự tại hay biết được con người sắp hết mạng, tức biết trước sáu tháng. Biết xong, liền làm Pháp lấy trái tim của người ấy để ăn. Sở dĩ như thế, vì trong thân người có **Hoàng** (?khí vui ?phân màu vàng ?kim loại vàng), ấy là **Hoàng** của con người giống như con bò có **Hoàng** vậy.

Nếu người được ăn thì hay được sự thành tựu rất lớn, một ngày dạo vòng bốn khu vực, tùy theo Ý đã làm đều được. Cũng hay được mọi thứ trừng trị con người.

Kẻ có hiềm thù dùng **Thuật** trừng trị khiến cho bị bệnh khổ, nhưng Pháp ấy chẳng được giết người, chủ yếu là y theo Phương Thuật mà tự mình tính toán. Người sắp chết thì cách sáu tháng liền biết, biết xong dùng Thuật lấy trái tim của người ấy, tuy lấy trái tim ấy nhưng có Pháp Thuật, chủ yếu dùng vật khác thay thế thì người này, mạng cũng chẳng kết thúc, đến khi hợp với giờ chết thời mới tan hoại.

Đại Đô là Dạ Xoa Đại Tự Tại, nơi người đời đã nói là **Đại Cực**, thuộc **Ma Ha Ca La**, ấy là Đại Hắc Thần vậy. Đức **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) dùng Pháp Môn **Giáng Phục Tam Thế** muốn khuất phục ***loài kia*** (Ḍākiṇī), cho nên hóa làm **Đại Hắc Thần** hơn hẳn loài kia (Ḍākiṇī) vô lượng thị hiện, dùng tro xoa bôi Thân ở ngay trong vùng hoang vắng, dùng Thuật đều triệu tất cả Thành Tựu, bay trên hư không, đi trong nước đều không có ngăn ngại, la mắng các **Trà Cát Ni** (Ḍākiṇī): "*Do ngươi thường ăn nuốt con người, cho nên nay Ta cũng sẽ ăn nuốt ngươi"*. Liền ăn nuốt Trà Cát Ni, nhưng chẳng khiến cho bị chết, lại thả ra đều khiến cho loài kia không được ăn thịt (đoạn nhục)

Loài kia bạch Phật rằng: "Con phải ăn thịt thì mới sống được. Nay lại như thế thì làm sao cứu giúp được mình?!"

Đức Phật nói: "Nghe nói ngươi ăn trái tim của người chết"

Loài ấy nói: "Khi con người sắp chết thì các hàng Trời, Dạ Xoa đều biết mạng của kẻ kia đã hết, nên tranh nhau đến muốn ăn thời con làm thế nào để được?!"

Đức Phật nói: "Vì ngươi, nói Pháp Chân Ngôn với Ấn. Sáu tháng chưa chết thì liền hay biết. Biết xong, dùng Pháp gia hộ đừng khiến cho người khác sợ hãi bị tổn hoại, đến khi hết mạng thời nghe ngươi lấy ăn, như vậy khéo dẫn dắt khiến cho kẻ kia được vào Đạo"

Có Chân Ngôn này: **Ha-lợi** (**Ha** là quyết định thực hành, **Lợi** là dơ bẩn) **Ha** (thực hành trừ sự dơ bẩn của Tà Thuật kia)

***) Hrīḥ haḥ**"

.)Du Kỳ Kinh Sớ nói rằng: "**Hồng Ca La** (Hūṃ-kāra) [tên gọi **Giáng Tam Thế**, nghĩa của **Giáng Phục**]. **Ca La** (lại nói là Hắc Ám)"

.)Đại Nhật Kinh Sớ nói rằng: "Ma Ha Ca La Đại Hắc Thiên Thần".
Lại nói là "Đại Ám Dạ Thiên" là do chữ **Ca La** (Kāla) được phiên dịch thành **Hắc Ám**

.)Nhân Vương Sớ nói rằng: "Ma Ha Ca La Thần" ……
Ma Ha Ca La dùng **Phổ Ấn**
"Án, ma ha ca la dã, sa-bà ha"
***) Oṃ _ Mahā-kālāya _ svāhā**

.)Nam Hải Truyện nói rằng:
"Lại nữa, tại các chùa lớn ở phương Tây (Ấn Độ), bên cạnh cây cột nhà bếp, hoặc ở trước cửa kho lớn, đều có khắc hình biểu thị trên tấm gỗ, hoặc hai thước (2/3m) ba thước (1m), làm hình dạng Thần Vương ngồi, cầm cái túi vàng ròng, ngồi trên cái giường nhỏ, duỗi một chân xuống đất, thường lấy dầu lau phết làm hình màu đen, hiệu là **Mạc Ha Ca Ca** (Mahā-kāla) tức là Đại Hắc Thần.
Đời xưa tương truyền rằng: "Vị Thần đấy là Bộ Thuộc của **Đại Thiên**, có Tính yêu thích **Tam Bảo**, hộ trì **năm Chúng** khiến cho không hao tổn một sợi lông, người mong cầu đều được toại nguyện, chỉ đến lúc ăn thời nhà bếp thường dâng tiến **hương hỏa** (hương và lửa đèn), hết thảy thức ăn uống đều bày ra trước mặt Ngài.
_ Bản thân từng được nghe nói tại chùa **Ba Thiền Na** ở xứ **Đại Niết Bàn**, mỗi ngày thường có hơn một trăm vị Tăng thọ thực. Vào dịp lễ bái của hai kỳ Xuân Thu, bất chợt có 500 vị Tăng Đồ đến dự, ngay lúc ấy không thể nấu nướng kịp. Vị **Tri Sự** bảo nhà bếp rằng: "*Có việc bề bộn gấp rút này, biết phải làm như thế nào đây?!*".
Khi ấy có một bà lão là người thanh tịnh, bảo rằng: "*Đây chỉ là việc thường tình, không có gì phải lo lắng*". Rồi bà lão mới thắp nhiều hương, xếp bày đầy thức cúng tế, bạch với **Hắc Thần** rằng: "*Đại Thánh! Ngài ngự ở trên! Vì chư Tăng ở bốn phương đến lễ bái Thánh Tích, nên đừng khiến cho thức ăn uống cúng dường bị thiếu. Lòng nhân từ đấy, cầu mong Ngài có thể biết*".
Rồi vẫn mời Đại Chúng ngồi xuống, đem thức ăn thường dùng của chùa, thực hiện theo thứ tự. Do Đại Chúng đều được đủ các món ăn vẫn như ngày thường, cho nên thảy đều xướng lên rằng: "*Khéo thay! Sức lực của Thiên Thần làm giúp cho lễ bái yết*" và nhìn thấy vị Thần màu đen (Hắc Thần) với thấy thức ăn ở trước mặt tạo thành đống to lớn"
Xin hỏi sự kiện ấy có Ý gì? Do đâu mà có quả báo này?
Mặc dù **Hoài Bắc** trước kia không có, nhưng phần lớn tại **Giang Nam** đều có nơi an trí (tượng Thần), người cầu xin rất hiệu nghiệm. Đường lối của vị Thần (Thần Đạo) chẳng phải là hư dối.
Rồng **Mục Chân Lân Đà** ở Chùa Đại Giác cũng đồng với sự sai khác này vậy.
_ "Án, mật chỉ, mật chỉ xá bà lệ, đa la yết đế ha, sa bà ha"
***) Oṃ_ micchi micchiśvare tāragate_ svāhā**

_ "Án, ma ha ca la gia, sa bà ha"
Oṃ_ Mahā-kālāya_ Svāhā

_ Khẩu Truyền nói rằng: "Pháp **Thường Đồ** (đường lối thông thường) là **Thập Bát Đạo** (18 Đạo Khế)"

Khẩu Truyền nói rằng: "Kinh **Nhân Vương** nói **Ma Ha Ca La** ở gò mả là Đại Hắc Thiên Thần"

Lý Thú Thích nói rằng: "Bảy **Mẫu Nữ Thiên** là quyến thuộc của Ma Ha Ca La Thiên, có thể cư ngụ ở phương Đông Bắc, rất bí mật, rất bí mật"

_ Thầy nói rằng: "Pháp này là Pháp rất ư bí mật. Người chẳng **nhập thất** lại còn là người kém Phước không có tên tuổi thì chẳng thể truyền thụ, cho dù dốc sức đem cả ngàn vàng đến thì cũng đừng truyền thụ".

Trước tiên có thể chuẩn bị cúng một mặt

Tiếp đến có thể chuẩn bị chút ít quả trái

Tiếp đến chuẩn bị một chén nước thơm (có thể rải thêm lên cây gậy)

Tiếp đến một chén hương hoa bôi, một chén vòng hoa, một chén hương đốt, một chén rượu (nếu không có thì dùng Trà)

Tiếp đến một chén gạo sạch (như cơm), một vốc tiền bạc (hoặc dùng thêm vải lụa, dùng **Phổ Cúng Dường Minh**)

Tiếp đến ở trong cái buồng, rửa tay xúc miệng

Tiếp đến Hộ Thân (***Tịnh ba nghiệp, ba Bộ, Bị Giáp*** như **Thập Bát Đạo**)

Tiếp đến vào **Đường** (lễ đường) [cầm tràng hạt với cái chày]

Tiếp đến lễ Phật rồi ngồi xuống

Tiếp đến dùng hương xoa bôi bàn tay

Tiếp đến gia trì vào nước thơm (dùng **Biện Sự Ấn Minh**)

Tiếp đến rưới vảy vật cúng khiến cho sạch sẽ (tịnh cúng vật)

_ Tiếp đến **Gia Trì Phạn Thực Chân Ngôn**. Tay trái nắm quyền để ở eo lưng, tay phải dựng năm ngón, co lóng ngón giữa, đem Không Chỉ (ngón cái) để ở móng ngón Hỏa (ngón giữa). Mỗi lần tụng Chân Ngôn thì chà xát trên móng ngón giữa sáu lần, duỗi các ngón còn lại. Sau đó dùng ngón cái, ngón trỏ búng tay ba lần duỗi ra.



Chân Ngôn là:

"Nẵng mạc tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc lộ chỉ đế. Án, tam bà la, tam bà la, hồng"

***) Namaḥ sarva-tathāgatāvalokite. Oṃ sabhara sabhara hūṃ**

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là:

Namaḥ sarva tathāgata avalokite_ Oṃ_ sambhāra sambhāra hūṃ]

_ Tiếp đến **Thí Cam Lộ Ấn Minh**. Tác **Thí Vô Úy Ấn** xong, tay phải dựng giương năm ngón tay, chỉ thẳng lên trên.



Chân Ngôn là:

"Nẵng mạc tô-lỗ bả dã, đát tha nghiệt đa dã. Đát nễ-dã tha: Án, tô-lỗ, tô-lỗ, bát-la tô-lỗ, bát-la tô-lỗ, sa-phộc hạ"

***) Namaḥ srūpaya tathāgatāya. Tadyathā: Oṃ_ srū srū, prasrū prasrū, svāhā**

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là:

Namaḥ Surūpaya tathāgatāya

Tadyathā: Oṃ_ suru suru _ prasuru prasuru _ svāhā]

_ Tiếp đến **Tông Tự Tâm Thủy Luân Quán**. Trước tiên tác **Thí Vô Úy Ấn**, quán chữ (**Vaṃ**) trong tâm của lòng bàn tay phải, tụng chữ (**Vaṃ**). Chú này tụng bảy lần, liền mở năm ngón tay, hướng xuống dưới, đến bên trong (?che bên trên) vật khí chứa thức ăn rồi **Quán**.



Chân Ngôn là:

"Nẵng mạc tam mạn đa một đà nam_ Tông"

***) Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Vaṃ**

_ Tiếp đến **Khuyến Thỉnh** (Dùng **Kiên Thật Hợp Chưởng**) chí Tâm cẩn thỉnh Ma Ha Ca La Đại Hắc Thiên Thần cùng với các quyến thuộc đi đến, giáng xuống chốn này, thọ nhận sự cúng dường này (3 lần)

Chân Ngôn là:

"Án, ma ha ca la gia, duệ hề duệ" (3 lần_ Phổ Ấn Minh)

***) Oṃ_ maha-karaya** (?mahā-kālāya) **ehyehi**

Dùng hai Không (2 ngón cái) chiêu mời (3 lần)

_ Tiếp đến **Át Già** (lấy rải lên cây gậy, tụng **Khuyết Già Minh**, rưới vảy ở trước chỗ ngồi ba lần)

Tiếp đến Tòa hoa (lấy một bông hoa trong buồng, tụng **Hoa Tòa Minh** để ở chỗ ngồi, hoặc cũng dùng Ấn Minh)

Tiếp đến hương xoa bôi
Tiếp đến vòng hoa
Tiếp đến hương thiêu đốt
Tiếp đến thức ăn uống (Quả trái mới, tiếp đến rượu, tiếp đến thức ăn uống)
Tiến đến đèn sáng
Tiếp đến tiền bạc(hoặc dùng thêm vải lụa)
Tiếp đến **Phổ Cúng Dường** (như Thập Bát Đạo vậy)
Tiếp đến **Tán Ấn** (dùng **Phổ Chư Thiên Tán**)
Tiếp đến **Đế Duyên Độ** (dùng **Phổ Ấn**)
Tiếp đến **Tâm Kinh** (dùng **Phổ Ấn**)
Tiếp đến tùy Ý cầu nguyện
Tiếp đến **Căn Bản Ấn Chân Ngôn** (đồng Ấn)
Tiếp đến **Niệm Tụng** (ít nhất là 100 biến)
Tiếp đến **Át Già** (như lúc trước)
Tiếp đến **Khải Bạch** (dùng **Phổ Ấn**)

"Vật cúng dường đã bày
Có thể cười thô xấu
Duyên bám níu **Giác Quán**
Phần lớn chẳng như Pháp
Gây não loạn **Minh Chúng**
Nguyện xin rủ Từ Bi
Ban cho sự vui vẻ"

_ Tiếp đến Lễ bái

Tiếp đến **Phát Khiển**. Tay phải nắm Quyền, đem ngón cái vịn ngón trỏ, ngửa lòng bàn tay, búng ngón tay phát ra tiếng, làm bảy lần .

Chân Ngôn là:

"Án, bạt chiết-la, mẫu khất-xoa, mục"

***) Oṃ _ vajra mukṣa bhuḥ** (?muḥ)

_ Tiếp đế **Hộ Thân** (ba Bộ, Bị Giáp như lúc trước)

Tiếp đến ngồi xuống

_ Chư Thiên Tán:

"A diễn đổ, nê phộc, tả nga tố la khẩn. na la nại-la sa yết la na du, bát-la phộc la, đạt ma chỉ-lý đa, địa già-la, vĩ đạt ma tả, bát la sa ma, tao xí-dã, nễ-minh đa, bộ đa minh đa, bát-la ca xả dạ, đát nễ hạ thất-la, ma noa dã, đà hàm"

***) Ayaṃtu deva, sagasrakaṃ, narendra, sakaradayā_ pravara dharma-kṛtadhikara, vidharma ca prasama saukhyai nimeta bhūtameta, prakaṣaya tadihaśra mathāya dhamaṃ**

ĐẠI HẮC THIÊN THẦN PHÁP (Hết)

Nói chung: **Khiên** (phần sau của cái áo) **Quần** (cái xiêm, cái váy, cái quần), hòa chung tên thì gọi là **Đồn** (đồ vật từ phần eo lưng trở xuống), cũng nói là **Quần**

_ **Thừa An** năm thứ ba, tháng hai, ngày 18_ Ở Phương Đông của viện Thắng Câu Chi tại chùa **Đề Hồ**_ Viết chép xong trong hai tháng

_ **Vĩnh Chính** năm thứ ba, Bính Dần, tháng hai, ngày mồng hai_ Ở viện Tịch Tĩnh, trên chùa Đề Hồ_ Cốc Hàng Viện **Trừng Huệ Pháp Ấn** trao truyền xong_ **Khoái Du**

_ **Minh Hòa** năm đầu tiên, Giáp Thân, Trọng Thu, ngày mồng hai_ Dùng dùng bản **Hoặc Cổ** ghi chép, một lần kiểm tra và hiệu đính xong_ Sa Môn **Trí Hảo.**

_ **Hưởng Hòa** cải nguyên, mùa Thu, tháng tám, sau ngày mồng năm, gom 15 Bản kiểm tra hiệu đính xong, giao cho khắc bản khiến cho con người biết được sự linh nghiệm của Thiên Tôn.

Lại có **Bát Tý Thiên**.

Hy Lân Âm Nghĩa nói rằng: **Kinh** nói rằng: "Ma Ha Ca La Đại Hắc Thiên Thần là dùng cả hai thứ tiếng Phạn Hán nêu lên vậy. Vị Thần này có màu mây đen xanh, sống đến vô lượng tuổi, có tám cánh tay đều cầm khí trượng khác nhau, xỏ xuyên qua đầu lâu dùng làm chuỗi Anh Lạc, làm hình vị Trời phẫn nộ, dưới bàn chân có **Địa Thần Nữ Thiên** dùng hai bàn tay nâng đỡ bàn chân của Ngài"

Phong Sơn Trường Cốc, Viện Tổng Trì_ Cần Tức **Khoái Đạo** ghi chép

_ Một lần dùng bút kiểm tra hiệu đính xong_ **Từ Thuận**

Người tu theo **Đông Mật và Tạng Mật** đối với Pháp Đại Hắc Thiên rất là coi trọng, hành giả tu Pháp này thường dùng để khấn vái trừ Ma, tu hành thành tựu sự thắng lợi và cầu Phước.

QUYẾN THUỘC CỦA ĐẠI HẮC THIÊN

ĐỒ CÁT NI

Đồ Cát Ni, tên Phạn là **Ḍakiṇī**, dịch âm là Noa Cát Ninh, Noa Cát Ni, Noa Chỉ Nễ, Đồ Kỳ Ni, Đồ Chỉ Ni, Trà Cát Nễ, Đà Kỳ Ni, Tra Chỉ Ni... tên Tây Tạng là **Mkhaḥ-ḥgrōma** hay **Khandroma**, dịch ý là Không Hành Mẫu, là Phật Mẫu hoặc Minh Phi của Tạng Truyền Phật Giáo

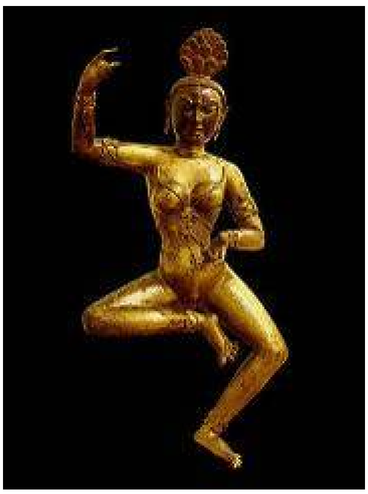
Tùy theo truyền thống Tôn Giáo và văn học cụ thể mà Ḍākiṇī được ghi nhận là: loài quỷ Dạ Xoa, các linh hồn có nữ tính, phù thủy, tôi tớ của Kāli hoặc các vị Thần hỗ trợ trong việc phát triển tâm linh

_ Theo Ấn Độ Giáo, thuật ngữ Ḍākiṇī thường mang các ý nghĩa tiêu cực, mặc dù trong Mật Tông của Ấn Độ Giáo thì Ḍākiṇī là những người bảo vệ những bí ẩn sâu sắc hơn về bản thân, thông qua đó những bí mật của biến đổi nội tâm được tiết lộ.

.)Trong tranh ảnh của dân gian Ấn Độ thì Ḍākiṇī là một con quỷ cái đang tiến hóa trong Thế Giới Thần Thành và là hàng ca múa phục vụ cho Nữ Thần **Kāli** trong các nghi lễ và ma thuật, được thực hiện tại nơi hỏa táng hay nghĩa trang. Khi ấy Kāli thường được hiển thị qua nghệ thuật với một con cọp còn Ḍākiṇī thường được mô tả qua hình ảnh con chó rừng (cũng như chim Carrion) vì thói quen ma quái của họ ám ảnh những bữa ăn ở nơi hoang vắng







Một truyền thuyết cho rằng Ḍākiṇī và Śākiṇī là vợ của Tripurasura. Sau khi Tripurasura bị Śiva giết thì họ được Śiva cho phép cư ngụ trong khu rừng mà không phải sợ bất kỳ sự đe dọa nào và mọi người phải xưng tụng tên của họ trước khi ghé thăm các đền thờ của Bhima-śaṅkara, vì thế các khu rừng xung quanh đền có tên gọi là rừng Ḍākiṇī

.)Trong Ấn Độ Giáo, những người tìm kiếm sự thành tựu của quyền lực thường phải đối mặt với những thách thức từ Ḍākiṇī, Śākiṇī với số phụ nữ phẫn nộ hoặc bán phẫn nộ khác như Kākiṇī, Kāmiṇī….. Hành Giả phải đánh bại hoặc vượt qua họ thì mới được sự thành tựu (siddhi) và trở thành một vị Đại Thành Tựu có quyền năng kiểm soát các yếu tố thiên nhiên. Có rất nhiều câu Chú và sotra trong Thánh Kinh của Ấn Độ Giáo được tin là đánh bại và tự bảo vệ mình trước Ḍākiṇī, Śākiṇī và những người khác. Vị Thần được tôn thờ nhằm giúp cho Hành Giả vượt thoát hoặc chiến thắng ma quỷ như Bhūta, Preta, Piśāca, Vetala, Brahama-rākṣasa và các năng lực tiêu cực mạnh mẽ khác như Ḍākiṇī, Śākiṇī, Kākiṇī, Kāmiṇī… là Thần Hầu **Hanuman**.

Trong ý nghĩa sâu xa thì Ḍākiṇī, Śākiṇī, Kākiṇī, Kāmiṇī được xem là các năng lực Śakti có quyền hạn kiểm soát các **Luân xa** (cakra) khác nhau. Như vậy Ḍākiṇī là những người bảo vệ những sự bí ẩn sâu sắc của bản thân và thông qua họ thì những bí mật biến đổi nội tâm mới được khai mở. Khi một người có thể đánh thức được **Kuṇḍalini** (biểu thị cho năng lực sáng tạo ra vũ trụ cư ngụ ở đốt xương sống cuối cùng) và di chuyển nó đến luân xa **Sahasrara-cakra** ở đỉnh của sọ não thì mới trở thành một Yogi thực thụ

Khi Hành Giả thực hành Mật Pháp quan hệ tình dục theo Tantra của Ấn Độ Giáo thì có thể cần đến sự trợ giúp của Ḍākiṇī là một phụ nữ được đào tạo trong Yoga của Mật Thừa, hoặc thậm chí là một Ḍākiṇī thật thể.

Ḍākiṇī là một vị Thần Kỳ rất được sùng bái trong Mật Giáo Tả Đạo Phái của Ấn Độ cụ thể là Pháp thực hành **"Ngũ MA tự du già hạnh"** (Pañca-śakti) tức là: ăn **thịt** (Māṃṣa), ăn **cá** (Matsya), uống **rượu** (Madya), kết **Thủ Ấn** (Mudrā), **giao hợp** (Maithuna) xong sẽ được đến sự vui thích

.)Tại Bengal và một số địa phương khác ở Ấn Độ thì Ḍākiṇī được xem như là một nữ phù thủy

_Tại Nhật Bản, trong những năm đầu của Thế Kỷ thứ 9, thông qua Đại Sư **Không Hải** (Kukai) thì Ḍākiṇī được xuất hiện qua các hình tượng Ḍākiṇī của Ấn Độ Giáo. Đến thời đại Heian thì Ḍākiṇī được pha trộn với hình ảnh của con cáo và phụ nữ lõa thể nửa thân trên và được gọi là **Dakini-ten** (Trà Cát Ni Thiên: Ḍākiṇī-deva), Shinkoò-bosarsu (Thần Hồ Vương Bồ Tát), Kiko-Tenno (Quý Hồ Thiên Vương)…là vị Thần có liên quan đến Inari và Daikoku-ten (Mahā-kāla: Đại Hắc Thiên).





荼 吉 尼 天

Trong thời Trung cổ, Hoàng đế của Nhật Bản sẽ hát trước một hình ảnh của con cáo Dakini-ten trong buổi lễ đăng quang của mình

Mặc dù Dakini-ten được cho là một vị thần Phật giáo mạnh mẽ, nhưng những hình ảnh và các câu chuyện xung quanh nó ở Nhật Bản lại được rút ra từ thần thoại Kitsune của địa phương. Nổi tiếng nhất trong số này có lẽ là câu chuyện của Abe Không Seimei, của Onmyoji (phù thủy, nhà chiêm tinh, trừ quỷ), người được cho là con trai của một con cáo trắng đầu tiên kết hôn với một người đàn ông đã cứu cô từ các thợ săn.



Nghi thức Ḍākiṇī được phân cấp vào các phép thuật khác nhau được gọi Dakini-ten, Izuna, và Akiba. Những người cảm thấy sự sai trái trong làng của họ thì có thể đi đến một Yamabushi tìm người thực hành ma thuật đen, và anh ta phải bẫy được một Kitsune (con cáo) để làm vật trung gian nhằm giúp cho anh ta giải quyết được công việc của mình.





Người dân Nhật Bản còn thờ phượng Dakini-ten như là vị Thần giám hộ, bảo vệ hoặc thậm chí là vị cứu tinh của những cánh đồng lúa. Ngoài ra còn dựng lập các cáo giám hộ Dakini-Inari là vị Thần canh giữ cửa nẻo, hoặc chăm sóc thôn làng, hoặc bảo vệ các kho lúa gạo, tài sản, đền đài miếu mạo…





_Trong Tạng Truyền Phật Giáo thì Ḍākiṇī được gọi là **Không Hành Nữ** (Mkhaḥ-ḥgrōma hay Khandroma) biểu thị cho sự chuyển động của năng lượng trong không gian, là một vị Nữ Thần của Mật Thừa được mô tả như một hiện thân của năng lượng Giác Ngộ tương tự như một nữ tính. Trong mỗi hình thức khác nhau thì Ḍākiṇī có thể là một vị **Hộ Pháp** (Dharma-pāla) có sức mạnh đặc biệt và trách nhiệm bảo vệ sự toàn vẹn của khẩu truyền, một **Đạo Sư** (Guru) truyền giáo **Kim Cương Thừa** (Vajra-yāna) cho các môn đệ của mình và cùng họ cam kết **Samaya** (Bản Thệ). Trí tuệ Ḍākiṇī có thể là một vị Thần Thiền Định (Bản Tôn), một nữ thần Yoga như Vajra-yoginī.

.)Theo ngôn ngữ bí truyền của Tạng Mật thì Ḍākiṇī được chia ra làm bốn dạng chính :

1_**Dạng thức khởi đầu**: là **Trí Tuệ Bát Nhã** (Prajña) của Ḍākiṇī, tức là thấu đạt sự trống rỗng hay bản chất trống rỗng của thực tế theo học thuyết của Đại Thừa (Mahā-yāya)

2_**Dạng thức bên trong**: là Ḍākiṇī của Mạn Đà La, một vị Thần Thiền Định (Bản Tôn), một bậc giác ngộ hoàn toàn giúp cho Hành Giả nhận ra Đức Phật của riêng mình.

3_**Dạng thức bên ngoà**i: là hình thức vật lý của các Ḍākiṇī đã đạt được thông qua giai đoạn thực hành Tantra như **sáu Yoga** của Naropa tương thích với cơ thể của một Hành Giả đã tương ứng với Tâm Giác Ngộ

4_**Dạng thức bên ngoài của bên ngoà**i: là dạng thức con người, là một Yoginī, một Kāma-mudra (Ái Dục Ấn), một người phối ngẫu của một Hành Giả hoặc một Đại Thành Tựu Giả

.) Trong truyền thống khác thì Ḍākiṇī được phân loại theo **ba Thân của một Đức Phật**:

1_**Pháp Thân Ḍākiṇī**: tức là **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra) đại diện cho Pháp Giới (Dharma-dhātu) nơi mà tất cả các hiện tượng xuất hiện

2_**Báo Thân Ḍākiṇī**: là Bản Tôn được sử dụng như các vị **Thần Thiền Định** giúp cho Hành Giả thực hành Mật Thừa

3_**Hóa Thân Ḍākiṇī**: là người phụ nữ được sinh ra với tiềm năng đặc biệt, các Yoginī, vợ của các bậc Thầy, hoặc thậm chí cho đến tất cả phụ nữ và chúng được chia thành 5 Ḍākiṇī của năm Bộ là:

a) **Buddha-ḍākiṇī**: Ḍākiṇī của Phật Bộ (Buddha-kulāya)
b) **Vajra-ḍākiṇī**: Ḍākiṇī của Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya)
c) **Ratna-ḍākiṇī**: Ḍākiṇī của Bảo Bộ (Ratna-kulāya)
d) **Padma-ḍākiṇī**: Ḍākiṇī của Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya)
e) **Viśva-ḍākiṇī**: Ḍākiṇī của Yết Ma Bộ (Karma-kulāya)

.)Trong **Anuttarayoga Tantra**: Để được kết hợp với năng lượng trong tất cả các chức năng của mình, thì Ḍākiṇī được liên kết với sự mặc khải của Tantra Anuttarayoga, đại diện cho các con đường chuyển hóa, nhờ đó năng lượng của cảm xúc tiêu cực hoặc **phiền não** (Kleśa) được chuyển hóa thành năng lượng phát sáng của nhận thức giác ngộ, năng suất các kinh nghiệm sâu sắc nhất của ánh sáng rõ ràng.

.)Trong **Dzogchen**: thì Ḍākiṇī là giai đoạn cuối cùng của con đường tu học **Kim Cương Thừa** (Vajra-nāya). Đầu tiên là **Guru** (Đạo Sư) tương ứng với việc thực hiện sự thật ban đầu của thật tế được trao truyền bởi các vị Thầy giúp cho Hành Giả có được những **Tantra bên trong** (Peyi-yeshe) thuộc sự trong sáng của **Tính Không** (Śūnyatā). Thứ hai là **Devatā** (Hóa Thần) tương ứng với Thiền Định trong chừng mực

các Devatā là phương pháp được sử dụng để phát triển việc thực hiện ban đầu của thật tế. Thứ ba là **Ḍākiṇī** trong chừng mực Ḍākiṇī là nguồn gốc của các hoạt động dựa trên việc thực hiện **Guru** và Thiền Định của **Devatā**

_Trong thực tế phần lớn Ḍākiṇī thường được biểu thị dưới dạng thân người đầu thú, hoặc người nữ đang nhảy múa…nhưng nhìn chung vẫn là một hình thức phẫn nộ và vẫn là một phần của Mật Tông Ấn Độ Giáo

Ḍākiṇī có đầu sư tử



Ḍākiṇī có đầu chim







Thần Chú thường thấy của Ḍākiṇī là:

Oṃ Oṃ Oṃ_ sarva buddha ḍākiṇiye, vajra-vairocaṇiye, Hūṃ Hūṃ Hūṃ phaṭ phaṭ phaṭ svāhā

_Theo Mật Giáo Đông Độ thì Ḍākiṇī là loài quỷ Dạ Xoa, hoặc loài Ly Mỵ ở những nơi hoang vắng hoặc nghĩa địa có sức Thần Thông, thích ăn trái tim và máu thịt của con người

.) Trong phần chú giải **Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm**, Ngài **Bất Không** ghi nhận Ḍākiṇī là loài Ly Mỵ

.) **Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 10** ghi nhận rằng: "Đồ Cát Ni là quyến thuộc của Đại Hắc Thiên, là một loài quỷ Dạ Xoa có sức Thần Thông, hay biết được kỳ hạn chết của con người trước 6 tháng, liền chuẩn bị trước để lấy trái tim của kẻ ấy mà ăn rồi thay thế bằng vật khác, cho đến khi người ấy mệnh chung thời bắt đầu thông báo điều hư hoại"

Người tu Pháp này có thể được Thần Thông, thành tựu lớn. Đức Đại Tỳ Lô Giá Na Phật vì trừ loài này cho nên dùng Pháp Môn của Giáng Phục Tam Thế hoá làm Đại Hắc Thần để thâu nhiếp khiến chúng quy mệnh Đức Phật.

.)Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La**, tại phương Nam của **Ngoại Bộ Kim Cương Viện** thì Ḍākiṇi được ghi nhận là loài quỷ Dạ Xoa, là quyến thuộc của Đại Hắc Thiên, có thân màu thịt đỏ, hiện hình quỷ đói, tay phải cầm cái bát, tay trái để trước ngực. Hoặc tay phải cầm một đoạn chân bị chặt đứt, há miệng để ăn. Tay trái cầm cánh tay bị chặt đứt. Hoặc tay phải nâng cái bát, tay trái cầm con dao

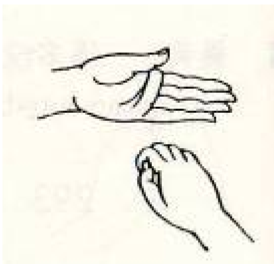




Chữ chủng tử là: DA ( )
Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)



Tướng Ấn là: Đồ Cát Ni Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HRĪḤ HAḤ_ SVĀHĀ

CƯU MA LA THIÊN

Cưu Ma La Thiên, tên Phạn là **Kumāra**. Lại xưng là Cu Ma La Thiên, Cưu Ma La Già Thiên, Câu Ma La Thiên.... dịch ý là **Đồng Tử Thiên**. Tôn này là một trong 20 Thiên hộ thế, tức là Phạm Thiên ở cõi Sơ Thiền. Do dung mạo như Đồng Tử nên có tên gọi này.

.)Trong Ấn Độ Giáo thì **Kumāra** có tên Phạn là **Skanda**, là con trai của Śiva và Pārvati, anh em với Ganeśa.



Skanda nguyên là vị Chiến Thần có 6 đầu 12 cánh tay, tay cầm vũ khí, cỡi chim công, chống lại những kẻ ngu dốt và đem lại sức mạnh cho những ai tìm kiếm tâm linh. Người ta còn gọi Tôn này là **Kārttikeya** (người có sáu mặt)



Thần Chú căn bản của Skandha là:
Oṃ_ śaravaṇa bhavaya namaḥ
Hay **Oṃ_ Jaya jaya, mahā-vīra bhagavaṃ śrī-skanda namo namaḥ**

Thoạt tiên vị Thần này được sùng bái và lưu hành ở Nam Ấn Độ, đến sau thế kỷ thứ năm thì lưu truyền đến Bắc Ấn Độ, được du nhập vào Phật Giáo Đại Thừa và trở thành vị **Thần chủ hộ chốn Già Lam** (Vihara-pāla). Từ đây Skanda được gọi là Tắc Kiến Đà Thiên, Tư Kiến Đà Thiên, Kiến Đà Thiên, Vi Đà Thiên. Hoặc xưng là Vi Tướng Quân, Vi Thiên Tướng Quân, **Cưu Ma La** (Kumāra), **Thiện Phạm** (Subrahma)… là một trong 8 vị Đại Tướng Quân của Nam Phương Tăng Trưởng Thiên Vương, vị đứng đầu trong 32 vị Đại Tướng Quân của bốn vị Thiên Vương. Bình sinh rất thông tuệ, sớm lìa trần dục, tu hành nghiệp **Đồng Chân** của Phạm Hạnh trong sạch, nhận sự giao phó của Đức Phật trấn hộ ba châu: Đông Thắng Thân Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu… do vậy có tên gọi là **Tam Châu Cảm Ứng Vi Đà Tôn Thiên Hộ Pháp**

Tương truyền khi Đức Phật vào Niết Bàn thời **Tiệp Tật Quỷ** trộm lấy hai răng nanh của Đức Phật thì Vi Đà Thiên liền gấp rút đuổi theo và thu hồi lại

.)Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 5 ghi nhận **Tắc Kiến Na** (Skanda) là **Đồng Tử Thiên** (Kumāra)

.)Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 10 nói rằng: "**Câu Ma La** (Kumāra) tác Ấn **Thước Để,** là con của Đại Tự Tại"

.)Nhiếp Đại Nghi Quỹ, quyển 2 nói rằng: "**Tắc Kiến Phiên Đồng Tử** có ba đầu, cỡi con chim công"

.)Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi là: "Cưu Ma La Thiên có hình Đồng Tử màu vàng, sáu mặt, cầm cây kiếm, cỡi con chim công"

.)**Trí Độ Luận 2** nói rằng: "Cưu Ma La Thiên, đời Tần nói là Đồng Tử. Vị Trời này cầm con gà, nâng cái chuông, nắm cây phan, cỡi chim công"

_Hình tượng của Vi Đà Thiên có hai loại đã được Trung Quốc hóa là hình dáng như võ tướng, mặc giáp trụ, chắp hai tay trước ngực, đặt cái chày Giáng Ma nằm ngang trên hai cổ tay... hoặc tay trái chống eo, tay phải cầm cái chày Giáng Ma chống xuống đất.

Sau này hình thành thêm Tôn Tượng **Vi Đà Hộ Pháp** dựng chày, chắp tay…




韋馱菩薩



韋陀護法

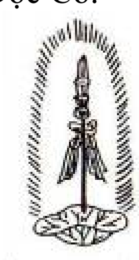




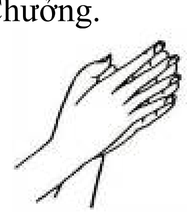
.)Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Tây của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** thì Câu Ma La Thiên có thân màu vàng, hiện hình Đồng Tử có 6 mặt. Tay phải cầm cây kích Tam Cổ, cỡi con Công



Chữ chủng tử là: SKA (𑖭𑖿𑖎)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Độc Cổ.



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Cưu Ma La Thiên tức **Sơ Thiền Phạm Vương**, là một trong 20 Thiên
Tôn Hình: Thân màu lục xanh, hiện hình Đồng Tử, Tay trái nắm quyền để ngang eo, tay phải để trước ngực cầm cái chuông, dùng lá sen làm tòa ngồi



Mật Hiệu là: **Kim Cương Linh**
Chữ chủng tử là: VI ( ) hay GHAṂ ( )
Tam Muội Gia Hình là: cái chuông



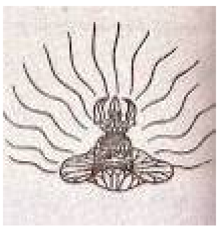
Tướng Ấn là: Quyền trái đè eo, 5 ngón tay phải co móc hướng xuống dưới, đưa ngón cái vào khoảng giữa của 4 ngón, 4 ngón tay làm cái chuông, ngón cái là hạt của chuông (Linh Tử) như hình đánh chuông.



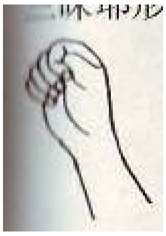
Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-GHAṂṬA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Cưu Ma La Thiên có chữ chủng tử là: GHA ( )
Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông



Tướng Ấn là: Quyền trái đè eo, 5 ngón tay phải co móc hướng xuống dưới, đưa ngón cái vào khoảng giữa của 4 ngón, 4 ngón tay làm cái chuông, ngón cái là hạt của chuông (Linh Tử) như hình đánh chuông.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖑𑖽𑖘 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ _ VAJRA-GHAṂṬA   SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Cưu Ma La Thiên có chữ chủng tử là: VA (𑖪)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖑𑖽𑖘 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖪

OṂ _ VAJRA-GHAṂṬA   SVĀHĀ_ VA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Cưu Ma La Thiên có chữ chủng tử là: VA (𑖪)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Quyền trái đè eo, 5 ngón tay phải co móc hướng xuống dưới, đưa ngón cái vào khoảng giữa của 4 ngón, 4 ngón tay làm cái chuông, ngón cái là hạt của chuông (Linh Tử) như hình đánh chuông.



Chân Ngôn là:

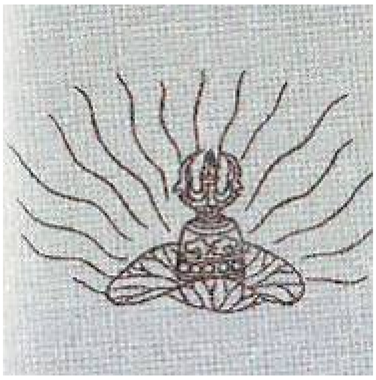
OṂ _ VAJRA-GHAṂṬA   SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Cưu Ma La Thiên có chữ chủng tử là: GHA ( )

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông Tam Cổ



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-GHAṂṬA   SVĀHĀ_ GHA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Cưu Ma La Thiên có chữ chủng tử là: VI (𑖪𑖰)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông Tam Cổ



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖑𑖽𑖘 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖪𑖰

OṂ _ VAJRA-GHAṂṬA SVĀHĀ_ VI

Trong Phật Môn thì người niệm Thánh Hiệu của **Vi Đà Bồ Tát** chẳng nhiều. Có điều mỗi khi gặp nạn gấp thì ngoài việc trì niệm Thánh Hiệu **Quán Thế Âm Bồ Tát**, ắt nên trì niệm thêm **Vi Đà Bồ Tát Tâm Chú** và **Vi Đà Giáng Ma Chú** thời sẽ được cảm ứng.

.)Vi Đà Bồ Tát Tâm Chú:

Oṃ_ Skanda-rāja sva-siddhi hūṃ

.) Vi Đà Bồ Tát Giáng Ma Chú:

Oṃ_ Skandha cchinda mahā-cchinda svāhā

PHẠM THIÊN

Phạm Thiên tên Phạn là **Brahmā** (dịch âm là Phạm La Hạ Ma, Bà La Hạ Ma, Một La Hàm Ma, Phạm Ma), dịch ý là trong sạch, ly dục. Hay **Mahā-brahma-deva** (dịch âm là Ma ha Phạm La Hạ Ma, Ma Ha Bà La Hạ Ma, Ma Ha Một La Hạ Ma), dịch ý là cực trong sạch tinh.

Do vị Trời này lìa khỏi sự âm dục của **Dục Giới** (Kāma-dhātu), trong sạch, tịch tĩnh cho nên gọi là **Phạm Thiên**

Lại xưng là **Phạm Vương** (Brahma-rāja), **Phạm Thiên** (Brahma-deva), **Đại Phạm** (Mahā-brahma), **Phạm Đồng Tử** (Brahma-kumāra), **Thế Chủ Thiên** (Prajāpai-deva), **Sa Bà Thế Giới Chủ** (Sāhaṃpati), Tạo Thư Thiên, Tịnh Thiên. Ngoài ra còn có khu vực người Trung Hoa xưng gọi Ngài là **Tứ Diện Phật**

_Theo Ấn Độ Giáo thì Phạm Thiên là vị Chủ Tể sáng tạo ra Trời Đất và muôn vật. Sau này khi du nhập vào Phật Giáo thì Phạm Thiên là vị Chủ Tể của cõi Sơ Thiền thuộc **Sắc Giớ**i (Rūpa-dhātu) và là một trong 8 Thiên, một trong 12 Thiên, một trong 20 Thiên, một trong 28 Bộ của Thiên Thủ Quán Âm

1_**Phạm Thiên** là bậc sáng tạo ra vũ trụ:

_Trong truyền thuyết xưa của Ấn Độ: Ở thời Sơ Kiếp, Đại Phạm Thiên được hạ sinh từ cõi **Trời Quang Âm** (Ābhāsvara-deva), tạo ra vạn vật. Ngài dùng sự tồn tại đơn độc to lớn của nơi chốn (xứ thái độc tồn) mà tự nhận mình là Đấng Sáng Tạo của vũ trụ, tất cả chúng sinh trong đời sau đều là sự hóa sinh của Ngài, đã trải qua hết, biết nghĩa lý của tất cả Kinh Điển, thống lãnh Đại Thiên Thế Giới, dùng sự tôn hào phú quý cùng tột làm nơi cư ngụ của mình.

Người Ấn Độ cổ đại đã Thần Cách Hóa **cội nguồn Phạm** (cội nguồn tinh khiết) của vạn hữu thành vị **Thần Kỳ** của sự sinh sản, là vị Thần tối cao của Bà La Môn Giáo, là một trong ba vị Đại Thần Kỳ của Ấn Độ Giáo tức là **Phạm Thiên** (Brahma), **Thấp Bà** (Śiva), **Tỳ Thấp Nô** (Viṣṇu).... trong đó

.)**Phạm Thiên** là nguồn lực sáng tạo ra vũ trụ, biểu thị cho đặc tính hoạt động, tình cảm với tác dụng diều hòa (rajas)

.) **Thấp Bà** (Śiva) là nguồn lực hủy diệt, biểu thị cho đặc tính tối tăm, hủy diệt (Tamas)

.) **Tỳ Thấp Nô** (Viṣṇu) là nguồn lực bảo tồn, biểu thị cho đặc tính sáng suốt, thuần khiết (Sattva)



Sâm Lâm Thư (Araṇyaka) ghi nhận là: “Vạn vật từ **Phạm Thiên** (Brahma) mà sinh ra, y theo Phạm Thiên mà tồn tại, khi hủy diệt thời quay trở về với Phạm Thiên”

_Thần Thoại Ấn Độ ghi nhận vị Phạm Thiên này được sinh ra từ Quả trứng vàng [còn gọi là **Kim Thai** (Hiraṅya-garbha: bào thai vàng), hay **Phạm Noãn** (quả trứng tinh khiết], còn cái vỏ trứng thì chia ra làm hai phần là Trời và Đất. Từ đây Phạm Thiên tạo ra núi cao, biển sâu, ban sinh khí cho chư Thần, tạo ra thể xác và sự sống cho muôn loài, trao quyền hành cho chư Thần, quy định trật tự vũ trụ.

_Thuyết khác cho rằng: Phạm Thiên là **Tự Ngã** sinh ra, không có mẹ. Ngay tại bờ mé khởi đầu của vũ trụ, trong hoa sen trên rốn của **Tỳ Thấp Nô** sinh ra Phạm Thiên, hình tượng này tượng trưng cho ý nghĩa tái sinh do những mầm mống của kiếp trước được bảo tồn trong **Tỳ Thấp Nô** (Viṣnu). Vì vậy Phạm Thiên có tên gọi là **Nabhija** (ý là ***từ lỗ rốn sinh ra***), hay **Abjaja** (ý là ***từ hoa sen sinh ra***)



Lại từ trong trái tim, bàn tay, bàn chân của chính mình sinh ra 10 người con (có thuyết nói 20 người) tiếp liền đến vợ là **Văn Nghệ Thần Nữ** (Śarasvatī: Biện Tài Thiên Nữ) được sinh ra từ ngón tay cái. Do nơi sinh ra lại ở trong nước nên vị Nữ Thần này được xưng là **Kanja** (ý là ngay trong nước sinh ra)

Phạm Thiên là đấng chí cao, tồn tại **Phạm** (Brahma) hòa với **Tự Tính năng lượng của Âm Tính** (Prakṛti) hoặc con người của **Ảo Tượng** (Maya). Nhân đây Phạm Thiên được xưng là **Sinh Chủ** (Prajāpati), con cháu của Ngài lại phân biệt sinh ra Thiên Thần, người Phàm, Yêu Ma, cầm thú cùng với vạn vật trong vũ trụ. Cuộc đời của Phạm Thiên chia ra ngày và đêm, ngày tức đêm ngủ, khi Phạm Thiên thức thì vạn vật sinh trưởng, khi Phạm Thiên ngủ thì vũ trụ tiêu tan, rồi sẽ tái sinh trở lại khi Phạm Thiên tỉnh giấc.

Hình tượng của Phạm Thiên có thân màu đỏ, thoạt tiên có 5 cái đầu, sau này bị vị Thần **Thấp Bà** (Śiva) hủy đi một cái nên còn lại thân có bốn đầu, bốn cánh tay. Vì thế Phạm Thiên còn được gọi là **Tứ Đầu Thần** (Catur-ānana:vị Thần có bốn đầu với hàm râu dài) hay **Tứ Diện Thần** (Catur-mukha: vị Thần có bốn mặt). **Thân màu đỏ** tượng trưng cho nguyên lý sáng tạo. **Bốn cái đầu** tượng trưng cho bốn Bộ **Phệ Đà** (Veda), bốn chủng tính (Bà La Môn, Sát Đế Lợi, Thủ Đà, Chiên Đà La). **Bốn cánh tay** phân biệt cầm giữ: Kinh Điển Phệ Đà, hoa sen, cái muỗng nhỏ, tràng hạt (hay cái bình nước, hoặc cái bát)





_Thần Chú của Phạm Thiên (Brahma-mantra):
Oṃ_ Eiṃ Hrīṃ Śrīṃ Klīṃ sauth sat chid ekaṃ brahma

2_Trong Phật Giáo gọi chung **Sơ Thiền Thiên** (Pramatha-dhyāna-deva) trong **Sắc Giới** (Rūpa-dhātu: cõi Sắc) là Phạm Thiên.

Chúng sinh trong cõi Trời này lại chia ra làm ba:

.)Đại Phạm Thiên (Mahā-brahma-deva) tức chủ của Sơ Thiền Thiên, cũng là vị Đại Phạm Thiên Vương làm chủ tể của **Thế Giới Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu). Lại được sinh ra từ Nhân Duyên rộng tốt (quảng thiên), đích xác là bậc được sinh ra đầu tiên rồi ẩn mất cuối cùng, được **Trung Gian Định** có Uy Đức thù thắng

.)Phạm Phụ Thiên (Brahma-purohita-deva) tức hàng **Phụ Bật Thần** (bầy tôi) trợ giúp cho Đại Phạm Thiên

.)**Phạm Chúng Thiên** (Brahmakāyika-deva) tức tất cả chư Thiên **Tĩnh Lự** (Dhyāna:Thiền Định) do Đại Phạm Thiên cai quản

Lại ở trong Kinh **Trường A Hàm,** quyển 20, phẩm **Đao Lợi Thiên** ghi nhận ngoài ba hàng Trời trên, còn nêu ra **Phạm Thân Thiên** (Brahma-kāyika) tổng tộng là

bốn hàng Trời. Lại dùng cõi Trời này là Thế Giới mà Đại Phạm Thiên đã cư trú, rồi xưng là **Phạn Giới** (Brahma-loka), hoặc **Phạm Thế Thiên**

Thông thường gọi là **Phạm Thiên**, phần lớn đều chỉ Đại Phạm Thiên Vương. Lại xưng là **Phạm Vương** (Brahma-deva), **Thi Khí** (Śikhin, hay Śikhī) hoặc **Thế Chủ** (Prajāpati).

_Theo Phật Giáo thì vị Đại Phạm Thiên này tin sâu Chính Pháp, mỗi khi gặp Phật ra đời đều trước tiên thỉnh chuyển **Pháp Luân** (Dharma-cakra: bánh xe Pháp) cùng với **Đế Thích Thiên** (Indra) đều là **Thần Hộ Pháp** (Dharma-pāla-devatā) của Phật Giáo.



Y theo sự ghi chép của **Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 4** thì khi Đức Phật lên cung Trời Đao Lợi vì mẹ nói Pháp suốt ba tháng, lúc quay lại nhân gian thì Đại Phạm Vương cầm cây phất trắng theo hầu bên phải Đức Phật

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐẠI PHẠM THIÊN

Hình Tượng của Đại Phạm Thiên được thờ phượng theo nhiều dạng thức khác nhau như bốn mặt hai tay, bốn mặt, bốn tay, bốn mặt sáu tay, bốn mặt tám tay….

_Hình tượng bốn mặt bốn tay, ngồi trên tòa ngỗng



_Hình tượng bốn mặt bốn tay, ngồi trên tòa ngỗng





_Hình tượng bốn mặt sáu tay



_Hình tượng bốn mặt tám tay



_**Đại Nhật Kinh Sớ, Quyển 5** ghi nhận là: "Đại Phạm Thiên Vương đội mão búi tóc, ngồi trên xe bảy con ngỗng, có bốn tay. Bên phải: một tay cầm tràng hạt, một tay cầm hoa sen nở rộ. Bên trái: một tay cầm bình Quân Trì, một tay tác Ấn chữ Án"

_Trong 12 Thiên thì **Phạm Thiên** là vị chủ của tất cả chư Thiên **Tĩnh Lự** (Dhyāna:Thiền Định) thuộc **cõi Sắc** (Rūpa-dhātu) thủ hộ phương bên trên

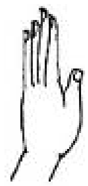
Chữ chủng tử là: BRA (ब्र)



梵 天

_ Phạm Thiên Ấn:

Tay phải nắm quyền đặt ở lưng eo phải, duỗi năm ngón của bàn tay trái rồi hơi co lại thành Ấn của nửa hoa sen (Bán Liên Hoa)



Chân Ngôn là :

“Án, một la hàm ma ninh, sa phộc ha”

𑖌𑖼 𑖤𑖿𑖨𑖮𑖿𑖦𑖜𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

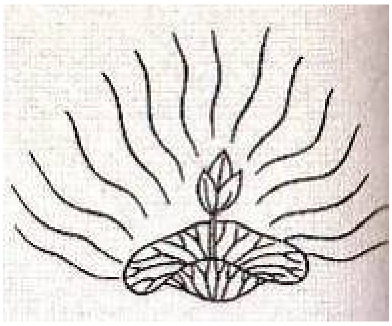
OṂ _ BRAHMAṆE SVĀHĀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Phạm Thiên là một trong 20 Thiên, thủ hộ phương trên

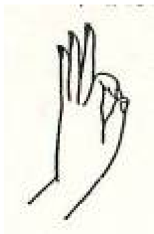
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Phạm Thiên có thân màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen hồng, tay trái ngửa lòng bàn tay trước rốn.



Mật Hiệu là: **Tịch Mặc Kim Cương**
Chữ chủng tử là: PRA (𑖢𑖿𑖨), hay MAU (𑖦𑖻)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hồng

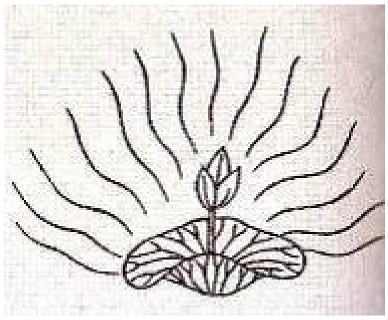


Tướng Ấn là: Nguyệt Diệu Ấn

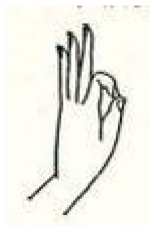


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖦𑖻𑖡 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA-MAUNA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Phạm Thiên có chữ chủng tử là: MO (𑖦𑖺)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hồng



Tướng Ấn là: Nguyệt Diệu Ấn



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖦𑖻𑖡 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA-MAUNA SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Phạm Thiên có chữ chủng tử là: MAI ()
Tôn Hình:Đại lược đồng với Thành Thân Hội



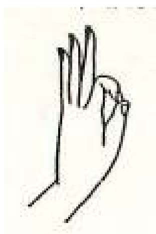
Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-MAUNA   SVĀHĀ_ MAI

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Phạm Thiên có chữ chủng tử là: MAI ()
Tôn Hình:Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Tướng Ấn là: Nguyệt Diệu Ấn



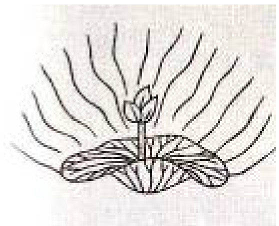
Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-MAUNA   SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Phạm Thiên có chữ chủng tử là: PRA ()
Tôn Hình:Tay phải cầm phan phướng, tay trái tác Kim Cương Quyền để cạnh eo.



Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hồng.

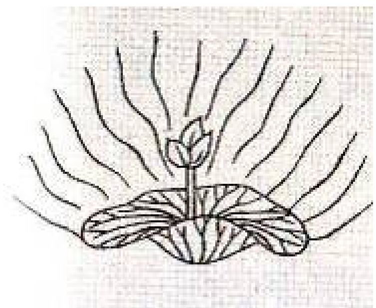


Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-MAUNA SVĀHĀ_ PRA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Phạm Thiên có chữ chủng tử là: MO (𑖦𑖺)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hồng.



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-MAUNA SVĀHĀ_ MO

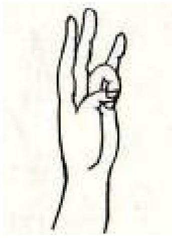
_ Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** ở phương Đông của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì Đại Phạm Thiên có thân màu thịt, đầu đội mão tóc búi, có 4 mặt, mỗi mặt đều có 3 mắt, thân có 4 cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất tác Dữ Nguyện Ấn, tay thứ hai cầm cây kích. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm cái bình.



Chữ chủng tử là: BRA (𑖤𑖿𑖨)
Tam Muội Gia Hình là :Hoa sen hồng, tay Thí Nguyện.



Tướng Ấn là: Nguyệt Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖢𑖿𑖨𑖕𑖯𑖢𑖝𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ PRAJĀPATAYE_ SVĀHĀ

_Cúng Dường Thập Nhị Đại Uy Đức Thiên Báo Ân Phẩm nói rằng: "**Phạm Thiên** là chủ của cõi Thượng Thiên, là cha của chúng sinh. Trời này vui thời Khí Thế Gian an ổn không có loạn động, tại vì sao? Vì Vào thời Kiếp Sơ, Trời này thành lập Khí Thế Gian vậy. Chúng sinh không loạn dùng **Chính Trị Thế** (Trị đời bằng Chính Pháp), sao lại thế? Vì vua cha vui vẻ vậy. Khi vị Trời này giận thời Thế Gian chẳng yên, có mọi thứ bệnh cho đến cây cỏ thảy đều héo úa rơi rụng, chúng sinh mê hoặc tên gọi như người say". Do vậy nếu cầu **Tăng Ích**, dùng Phạm Thiên làm chủ.

PHẠM THIÊN PHI

Phạm Thiên Phi tên Phạn là Brāhmī, dịch âm là Một La Hám Nhĩ, Mạt La Hứ Nhĩ, Mạt La Nhĩ…tức là vợ của Phạm Thiên, cũng là một trong bảy vị **Mẫu Thiên**. Lại xưng là Phạm Thiên Hậu, Phạm Thiên Nữ hoặc Đại Phạm Minh Phi.

Phạm Thiên (Brāhma) vốn trong sạch lìa Dục nên không có Phi, Hậu. Nhưng do sự sùng phụng của Thế Gian mà Phạm Thiên có Hậu, Phi.

Đại Nhật Kinh Sớ 2 nói rằng: "**Phạm Thiên Hậu** là Tôn Thần do Thế Gian phụng thờ, Nhưng trong Phật Pháp thì Phạm Vương vốn lìa Dục nên không có Hậu, Phi".

Do đó trong Mật Giáo xưng **Phạm Thiên Phi** nhằm biểu thị cho Đức thuộc **tính nữ của Phạm Thiên.**

_ Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** ở phương Tây của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì **Phạm Thiên Phi** có thân màu thịt trắng, tay phải co cánh tay nắm quyền, tay trái co cánh tay để ngang ngực cầm hoa sen (hình bên dưới)

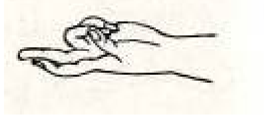


Chữ chủng tử là: BRA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa nở.



Tướng Ấn là: Phạm Thiên Nữ Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ PRAJĀPATAYE_ SVĀHĀ

BIỆN TÀI THIÊN

Biện Tài Thiên, tên Phạn là **Sarasvatī-devī**, dịch âm là Tát La Tát Phạt Để, Tát La Sa Bà Để, Sai La Sa Phộc Để, Tô La Sa Phộc Đái. Dịch ý là Diệu Âm Thiên, Diệu Âm Nhạc Thiên, Mỹ Âm Thiên, Đại Biện Tài Thiên, Đại Biện Tài Thiên Nữ, Đại Biện Tài Thiên Thần, Đại Biện Tài Thiên Vương, Đại Thánh Biện Tài Thiên Thần. Lược xưng là Biện Thiên, tục xưng là Biện Tài Thiên

_Theo Ấn Độ Giáo và Bà La Môn Giáo cổ đại thì **Biện Tài Thiên** (Sarasvatī) là Văn Nghệ Thần Nữ. Là Nữ Thần chủ về học vấn biện tài, âm nhạc, Phước Đức.



.)Theo **Lê Câu Phệ Đà** (Ṛg- Veda) thì Tôn này là tên gọi của con sông và là vị Thần Sông Rạch hay trừ uế cho con người; ban cho con người sự giàu có, tiền của, con cháu và sự dũng cảm.

.)Theo Phạm Thư và **Ma Ha Bà La Đa** (Sử Thi Mahā-Bharata) thì Tôn này là Ngôn Ngữ Thần Nữ. Sau này là **vợ của Phạm Thiên** tức là Nữ Thần của ngôn ngữ và tri thức. Tương truyền Tôn này là người sáng tạo ra Mẫu Tự **Thiên Thành Thể** và **Phạn Ngữ**, chưởng quản thi ca âm nhạc. Là người bảo hộ cho kẻ học nghệ thuật hòa tấu. Sau này lại là Nữ Thần của trí tuệ và hùng biện.

Hiện nay, Ấn Độ Giáo thờ phượng Tôn Tượng cỡi con chim nhạn (Haṃsa: con ngỗng), có bốn cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm hoa, tay thứ hai cầm rương Kinh Phạn. Bên trái: tay thứ nhất cầm vòng hoa của Đại Tự Tại Thiên, tay thứ hai cầm cái Tiểu Cổ (một loại nhạc khí)





Lại có tượng được Phạm Thiên ôm, hoặc cỡi chim công, khảy đàn Tỳ Bà, phương trước mặt có thị giả cầm cây cờ.





Có lúc lại thấy Tôn này là vợ của **Tỳ Thấp Noa** (Viṣṇu) cùng với **Cát Tường Thiên Nữ** (Śrī-devī) đồng nhận Tín Ngưỡng phổ biến.



Có lúc lại thấy Sarasvatī được phụng thờ chung với Cát Tường Thiên Nữ và Tài Thần Ganeśa



_Thần Chú của Biện Tài Thiên Nữ là:
Oṃ_ Eiṃ Sarasvatiye svāhā

Khi du nhập vào Phật Giáo thì Biện Tài Thiên là người thủ hộ thọ trì **Kinh Kim Quang Minh** (Suvarṇa prabhāsottama- Sūtra)

Kinh **Kim Quang Minh Tối Thắng Vương, quyển 7**, Phẩm **Biện Tài Thiên Nữ** ghi nhận là: Phàm là người tuyên giảng Kinh **Kim Quang Minh** này thì Thiên Nữ ấy đều hay đến hộ trì rồi làm cho vị đó được tăng tiến Trí Tuệ, đầy đủ ngôn thuyết biện tài. Phàm người quên mắt quên mất câu văn của Kinh thì Thiên Nữ lại hay đến trợ giúp làm cho nhớ lại, giữ gìn, khai ngộ. Như chúng sinh, giả sử nghe đến Kinh ấy thì người đó nhận được sự gia trì của vị Thiên Nữ ấy mà hay được biện tài thông lợi chẳng thể nghĩ bàn cùng với Đại Trí Tuệ không cùng tận, thậm chí cho đến khéo hiểu mọi Luận với các kỹ thuật, hay ra khỏi sinh tử, mau đến Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề. Ngay trong sự sinh hoạt của đời hiện tại ắt được tăng thêm thọ mệnh, khiến vật mà thân này cần dùng đều được viên mãn đầy đủ.

.) **Phẩm** này cũng ghi nhận hình tượng của Biện Tài Thiên Nữ là: Thân có tám cánh tay cầm các vũ khí: cung, tên, đao, cây giáo, cây búa, cái chày, bánh xe sắt, sợi dây”

_ Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** ở phương Tây của **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì **Biện Tài Thiên Nữ** có thân màu thịt trắng, tay trái cầm cây đàn Tỳ Bà, tay phải búng gảy

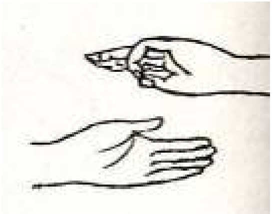


Chữ chủng tử là: SU (𑖭𑖲), hoặc SA (𑖭)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đàn Không Hầu



Tướng Ấn là: Diệu Âm Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM _ SARASVATYAI - SVÀHÀ

Tu tập một Pháp Thiên Nữ này, ngoại trừ tác dụng của việc Tăng Ích, Tức Tai… còn có thể khiến cho người thành nhà thanh nhạc lớn, hoặc nhà đại hùng biện.

Mật Giáo của Nhật Bản đối với Tôn này rất sùng bái và có chẳng ít truyền thuyết về Tôn này khác với Phật Điển của Ấn Độ. Ví dụ như thuyết của **Biện Tài Thiên Thập Ngũ Đồng Tư** và **Nhật Bản Bản Bang Ngũ Biện Tài Thiên** đều là truyền thuyết đặc biệt chỉ có ở Nhật Bản.

ĐỊA THIÊN

Địa Thiên, tên Phạn là **Pṛthivi** hay **Pṛthivī,** dịch âm là Tỳ Lý Để Tỳ, Tất Lý Thể Vĩ, Tất Lý Thể Vi, Bát Lý Thể Phệ, Bệ Lý Thể Vi, Bỉ Lý Thể Vi, Bát La Thể Phệ. Dịch ý là bền chắc như Đại Địa, cho nên gọi là **Kiên Lao Địa Thần**. Lại xưng là Địa Thần Thiên, Kiên Lao Thần, Trì Địa Thần, Kiên Lao Địa Thiên, Địa Đa Đại Thần, Đại Địa Thần Nữ. Là một trong 20 Thiên. Đây là vị Thần cai quản Đại Địa, biểu thị cho Thể Tính của đất là *bền chắc chẳng động hay giúp cho vạn vật cư trú, lại có tác dụng hay giữ gìn vạn vật.*



Vị Thần này nguyên là vị **Thần Kỳ** (Thần đất) được sùng ngưỡng trong thời Ấn Độ cổ đại. Trong **Lê Câu Phệ Đà** (Ṛg-veda), **A Thát Bà Phệ Đà** (Artha-veda) đều khen ngợi là vị Nữ Thần có đầy đủ Đức tốt đẹp (mỹ đức) như: sự vĩ đại, bền chắc, Tính chẳng bị diệt, nuôi dưỡng quần sinh, đất đai sinh sôi…

Lê Câu Phệ Đà (Ṛg-veda) ghi nhận vị Thần này là mẹ của chư Thần và tôn xưng là **Địa Mẫu** (Bhūmī)

Người Ấn Độ thờ phượng Tôn này qua hình tượng Nữ Thần hay bà mẹ đỡ đầu và luôn xưng gọi bà qua các tên gọi **Dhra, Dharti, Dhrithri** với ý nghĩa là *người bảo hộ cho tất cả*.



Với tư cách là **Pṛthivi-devi** thì bà cùng với **Lakṣmi** là hai người vợ của Thần **Viṣṇu** và bà được xem là một hình thức khác của **Lakṣmi**. Các tên gọi khác của bà là Bhūmī, Bhū-devi, Bhūma-devi





Với tư cách là **Pṛthivi** mata (Địa Mẫu: mẹ đất) thì bà biểu lộ sự tương phản với **Dyaus** pita (Thiên Phụ: cha Trời). Trong **Ṛg-veda** thì trời và đất là hai trạng thái cân bằng trong một Thể kép có tính đối ngẫu, biểu thị cho ý tưởng hai nửa cái vỏ của sự hoàn hảo. Bà không phải là vợ của **Dyaus** mà là mẹ của **Indra** và **Agni**.



Tùy theo phong tục, khi **Indra** giết **Dyaus** pita thì bà tán đồng và kết hôn với Indra. Bà được liên kết với con bò **Prithu**, một Hóa Thân của Viṣṇu, sữa được vắt từ con bò là thực phẩm mà bà đã ban cho.



Tại Indonesia thì bà được nhận biết qua tên gọi **Lbu-pertiwi** (mẹ đất)



Thần Chú tán tụng Địa Thiên:
Oṃ_ Pṛthivi-devya vid mahe
Sahasra mūrthaye ca dhī mahe
Thanno pṛthivi prachodayath

_Theo Phật Giáo thì **Địa Thiên** được xem là một vị **Bồ Tát** (Bodhisatva) hoặc là vị **Thần Hộ Pháp** (Dharma-pāla-devatā), ngay trong Kinh Điển thường có thể thấy tên gọi với thế lực Công Đức của Tôn này

.)Kinh **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện**, phẩm **Địa Thần Hộ Pháp** nói rằng: "Đức Phật bảo **Kiên Lao Địa Thần**: "Ông có Đại Thần Lực mà ít có chư Thần theo kịp. Tại sao thế? Vì đất đai ở **Diêm Phù** (Jambu-dvīpa) đều mong ông hộ giúp, cho đến cỏ cây, cát đá, lúa, mè, tre trúc, lau sậy, gạo thóc, vật báu… đều từ đất mà có, hết thảy đều do sức của ngươi. Ông lại thường khen ngợi việc lợi ích của **Địa Tạng Bồ Tát** (Kṣiti-garbha-bodhisatva). So với **Địa Thần** bình thường thì Công Đức cùng với Thần Thông của ông nhiều hơn gấp trăm ngàn lần"

.)Kinh **Phương Quảng Đại Trang Nghiêm, quyển 9** ghi chép rằng: "Khi Đức Phật Đà mới thành Đạo thì vị Địa Thần này vì chứng minh cho nên từ dưới đất hiện ra, khom mình cung kính, nâng cái bình bảy báu chứa đầy hương hoa, cúng dường Đức Thế Tôn"

.)**Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 8** ghi chép rằng: "Khi Đức Thích Ca thành Đạo thời Địa Thần từ dưới đất nhảy vọt lên, chứng nhận sự thành Đạo, giáng phục các Ma"

.)**Đại Tỳ Ba Sa Luận, quyển 183** cũng nói rằng: Địa Thần luôn hộ vệ Đức Phật Đà và thông báo cho chư Thiên biết việc Đức Phật Đà chuyển **bánh xe Pháp** (Dharma-cakra: Pháp Luân)

.)Tân dịch "**Hoa Nghiêm Kinh, quyển 01"** ghi nhận các vị Địa Thần là: Phổ Đức Tịnh Hoa Chủ Địa Thần, Kiên Phước Trang Nghiêm Chủ Địa Thần, Diệu Hoa Nghiêm Thũ Chủ Địa Thần, Phổ Tán Chúng Bảo Chủ Địa Thần, Tịnh Mục Quán Thụ Chủ Địa Thần, Diệu Sắc Thắng Nhãn Chủ Địa Thần….kèm theo nói xưa kia nhóm Thần ấy đều phát Nguyện sâu nặng, nguyện thường gần gũi chư Phật, đồng tu Phước Nghiệp"

.)Kinh **Kim Quang Minh Tối Thắng Vương, quyển 8** nói rằng: "Kiên Lao Địa Thần tức là chọn lấy Đức bền chắc của vị ấy". Trong Kinh kể lại vị Thần này hộ trì tuyên nói thọ trì **Kim Quang Minh Kinh**, và nói nếu như có người nào thuyết Pháp hay phát triển rộng lớn Kinh này, thời Ngài thường theo bảo vệ lâu dài, ẩn nấp thân mình dưới Pháp Tòa, đầu đội bàn chân của vị đó.

.)**Cúng Dường Thập Nhị Đại Uy Đức Thiên Báo Ân Phẩm** nói rằng: "Khi **Địa Thiên** vui thời có hai lợi ích. Một là Thân người bền chắc, sắc đẹp sức lực tăng trưởng. Hai là Khí Giới, Địa Chủng tăng trưởng mùi vị, sức lực. Khi Trời này giận thời có hai diều hao giảm. Một là thân người loạn hoại, sắc đẹp sức lực bị giảm bớt. Hai là mùi vị, sức lực của Khí Giới (giới vật chất) và đất đều trái ngược gốc"

_Sau này Phật Giáo coi vị này là một vị Bồ Tát như ở trong "**Pháp Hoa Kinh, quyển 7, phẩm Phổ Môn"**, "**Bất Không Quyến Sách Thần Biến Chân Ngôn Kinh, quyển 9**, Phẩm **Quảng Đại Giải Thoát Mạn Noa La**" đều có tên gọi **Trì Địa Bồ Tát**

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỊA THIÊN

_Hình tượng của Địa Thiên có nhiều loại, hoặc là thân nam, hoặc là thân nữ... trong các Kinh ghi chép chẳng giống nhau.

.)**Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 4** ghi rằng: "Khi Đức Thế Tôn mới ngồi tại Đạo Trường thời **Ma Vương** (Māra-rāja) sợ Đức Thích Ca đắc Đạo cho nên thống lãnh các quân Ma, Ma nữ …hướng về Đức Thích Ca thay phiên nhau tấn công hoặc dụ dỗ khiến cho mê mờ… nhưng đều bị thất bại. Cuối cùng Ma Vương lo buồn bực tức, đối trước

Đức Thích Ca ngông cuồng gầm lên là: "Nghiệp Ta đã làm, ngươi lấy cái gì làm bằng chứng? Phước Nghiệp của ngươi, lấy ai làm bằng chứng?". ĐứcThích Ca rũ bàn tay Vô Úy chỉ xuống đất. lúc đó Đại Địa chấn động nổ vang, Kiên Lao Địa Thần từ trong đất, ló nửa thân thể ra, hướng về Đức Phật cung kính đỉnh lễ và xướng lên rằng: "Ta là người chứng minh". Khi ấy Đức Thích Ca được Đạo thành Phật, còn Kiên Lao Địa Thần tức là hình tượng người nữ"



.) Phần cuối của **Kiên Lao Địa Thiên Nghi Quỹ** (ĐTK_No.1286) ghi nhận là: "Pháp có thể vẽ tượng của Kiên Lao Địa Thần: Vị Trời nam có màu thịt, tay trái cầm cái bình chứa đầy hoa, hướng lòng bàn tay phải ra ngoài. Vị Trời nữ có màu thịt trắng, tay phải ôm ngang trái tim, tay trái cũng ôm ngay bắp đùi"



_ Ngoài ra Địa Thiên còn được thờ phụng qua Tôn Tượng có sáu cánh tay



_Người dân Trung Hoa thờ phụng **Địa Thiên** qua dáng vẻ của vị vương phi với thị nữ theo hầu cận và tôn xưng là **Địa Mẫu Thần, Đại Địa Nữ Thần, Địa Mẫu Chí Tôn**





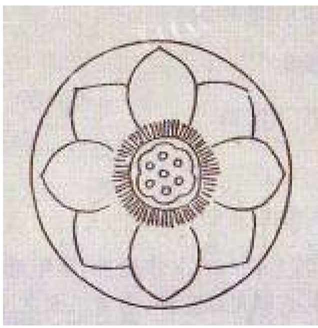
_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala), tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Địa Thiên là một trong bốn vị Hộ Pháp của vòng Kim Cương, đại biểu cho Đức đặc biệt của Địa Đại (Pṛthivi-dhātu) là hay sinh ra, nâng đội vạn vật

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình Thiên Nữ, đầu đội mặt trăng lưỡi liềm, khoác áo Yết Ma

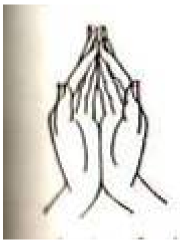


Chữ chủng tử là: A (अ) hay PṚ (पृ)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen, Hiền Bình



Tướng Ấn là: Bát Ấn



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖢𑖴𑖞𑖰𑖪𑖿𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ PṚTHIVYE SVĀHĀ

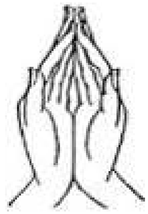
_ Trong 12 Thiên thì **Địa Thiên** là vị chủ của chư Thần trên mặt đất, dưới gốc cây với chư Thần ở bãi cát hoang vắng (Dã sa), thủ hộ phương dưới

Chũ chủng tử là PṚ (𑖢𑖴)



地 天

Hạ Phương Địa Thiên Ấn: Chắp 2 tay lại. 4 ngón từ Phong (ngón trỏ) trở xuống cùng dính đầu ngón, phương trước mở lớn, 2 Không (2 ngón cái) đều dính bên cạnh Phong (ngón trỏ).



Chân Ngôn là :
"Án, tất-lị thể vĩ duệ, sa phộc ha"
ॐ पृथिवीये स्वाहा
OṂ _ PṚTHIVĪYE SVĀHĀ

_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) tại phương Đông của **Ngoại Viện Kim Cương Bộ** thì Địa Thiên có thân màu thịt đỏ, đội mão báu, tay trái cầm cái bát, trong bát có hoa tươi. Hướng lòng bàn tay phải ra bên ngoài để trước ngực. Ngồi trên toà hình tròn.

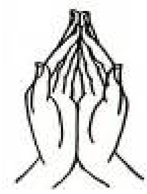




Chữ chủng tử là: PṚ (), hay RO ()
Tam Muội Gia Hình là: Cái bát.



Tướng Ấn là: Bát Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ PṚTHIVĪYE SVĀHĀ

KIÊN LAO ĐỊA THẦN HẬU

Kiên Lao Địa Thần Hậu tên Phạn là **Dharī**, là vợ (Hậu) của Kiên Lao Địa Thần, chủ quản Đức của Đại Địa hay sinh ra và nuôi lớn vạn vật.

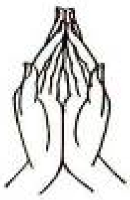
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, đầu đội mão báu, tay phải để trước ngực, tay trái để trên đùi, ngồi trên tòa tròn.



Chữ chủng tử là: DHA ( ), hay RO ( )
Tam Muội Gia Hinh là: cái bát.



Tướng Ấn là: Bát Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ PṚTHIVĪYE SVĀHĀ

PHÁP TU CỦA KIÊN LAO ĐỊA THIÊN

_**Kiên Lao Địa Thiên Nghi Quỹ** ghi chép là:

"Bấy giờ **Kiên Lao Địa Thần** (Dṛḍha-pṛthivīye) với **Đại Công Đức Thiên** (Mahā-śrī-deva) đều từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật rằng:

Thế Tôn ! Nếu có Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Đồng Nam, Đồng Nữ ….. thường nhiếp năm Căn, buộc niệm chí tâm lễ bái, cúng dường Con (Kiên Lao Địa Thiên), Địa Thiên với Công Đức Thiên và niệm tụng Chân Ngôn của con thời con luôn luôn rời khỏi địa vị , cung cấp đầy đủ khiến cho trong thân người ấy tăng ích thọ mệnh. Tinh khí sung dật của đất ấy làm cho trong thân của Hành Giả được khỏe đẹp, được niệm, được vui, được tinh tiến, được Đại Trí Tuệ, được biện tài, được ba Minh sáu Thông, người Trời yêu kính, được Phước Đức to lớn không thể so sánh không thể cùng tận

Ví như Phước Đức của Luân Vương Thánh Chủ được chốn chốn nơi nơi là chỗ cư trú của Hành Giả

Ví như vườn tược của Trời **Đao Lợi**, Đời này, đời khác với ngàn đời, vạn đời vô cực được Phước Đức rộng lớn cực nhiều , ngày ngày nuôi dưỡng được ngàn vạn quyến thuộc với vô lượng vô biên loài Hữu Tình bị gian nan. Trong cuộc sống riêng thời kho thóc luôn dư đầy, bảy loại Trân báu nhiều vô hạn, voi báu, ngựa báu, bánh xe báu, người nữ báu tùy theo tâm, chẳng cần kêu gọi tự nhiên đi đến. Mọi thứ đầy đủ cho đến hết hạn tử sinh

Vị Tỳ Khưu hành Pháp như vậy. Hoặc cần dùng mọi loại vàng bạc châu báu, mọi thứ tư sinh, mọi loại lúa gạo thì được cung cấp đầy đủ.

Như vậy buộc niệm từ đầu đêm cho đến giữa đêm, cuối đêm, ngồi nằm đi đứng niệm Pháp, tâm không không duyên theo bên ngoài thời khi Hành Giả xây dựng chùa chiền, tịnh xá, phòng ốc, rừng cây hoặc cần quần áo, thực phẩm, giường ghế nằm ngồi, thuốc thang chữa bệnh, mọi loại tư sinh sẽ được cung cấp không hề thiếu thốn . thân được an ổn không có lo buồn, tâm thường vui vẻ được ruộng Phước tốt, thành tựu Pháp Khí

Nan cho như vậy xong đời sau được quả báo lớn, thâm tâm vui Pháp chẳng sinh vào nẻo ác, chẳng gây tạo Pháp ác. Con hộ giúp như vậy khiến cho người ấy liền tu được Tâm Từ Bi , tăng trưởng mọi loại thắng diệu như vậy không hề giảm bớt

Đức Phật bảo: "Lành thay ! Lành thay ! Đây là tâm tinh tiến của các ông. Ở trong Đại Thừa mau hay tăng trưởng sức lực của Phước

Bấy giờ Địa Thần Kiên Lao với Công Đức Thiên cùng nhau bạch Phật rằng:"Vì muốn lợi ích an vui cho nên nói **Tâm Chân Ngôn**"

Lúc ấy Đức Phật bảo Địa Thần, Công Đức rằng:"Lành thay ! Các ông vì lợi ích cho tất cả chúng sinh muốn nói Thần Chú. Các ông hãy tùy theo ý của mình mà nói"

Liền nói Chú là:

Nẵng mạc tam mạn đa mẫu đà nam (1) Án (2) bát-la bà (3) la đát-nễ (4) thiết-lý tam mạn đa (5) A đà a đà (6) a đậu a đậu (7) bỉ lý đế tỳ, bỉ lý đế tỳ duệ (8) sa ha



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ OṂ_ PRABHA-RATNE ŚRĪ SAMANTA_ ADHA ADHA ADHU ADHU PṚTHIVI PṚTHIVĪYE SVĀHĀ

Trì Chú này đủ mười vạn biến làm Pháp tối sơ (Pháp thực hành ban đầu) .Người tụng Chú cúng dường Địa Thiên được phú quý vô cực, bảy trân (châu báu) vô hạn, mau thành tất cả **Tất Địa** (Siddhi)"

_Nếu như có chúng sinh nào lễ bái cung kính cúng dường và niệm tụng Địa Thiên Chân Ngôn thời Địa Thiên sẽ thường xuyên ban cho người đó địa vị và giàu có, khiến trong thân thể tăng ích sống lâu và nơi ở được tràn đầy tinh khí của đất, thân thể hành giả được khỏe mạnh, được Trí Tuệ lớn, được Biện Tài Vô Ngại, được hàng Trời Người yêu kính, được Phước Đức lớn vô tận không gì sánh được, nhân đây cũng là **Hộ Pháp Tài Thần** của Tăng Ích. Vì muốn cầu Phước, đất nước được mùa hoặc trấn giữ đất đai mà tu pháp cúng dường, xưng là **Địa Thiên Cúng** hoặc **Thổ Cúng**.

TRÌ THẾ BỒ TÁT

_Trì Thế Bồ Tát có tên Phạn là **Ārya Sutāre** (Thánh Thiện Cứu Độ) hay **Sudhāre** (Thiện Trì), **Dhāra-loka-jvala** (Trì Thế Quang Minh), nhưng trong các Kinh bản thì thường dùng tên gọi là **Vasudhāra** hoặc **Vasudhāri** (Danh xưng này tương đương với các vị Thần Đất hay bảo vệ mùa màng thuộc truyền thống Ấn Độ)

Vasudhāri nguyên là vị Nữ Thần **Tài Phú** (tiền của giàu sang) của Ấn Độ Giáo,

Tôn Tượng Vasudhāri ở Ấn Độ:



Thần Chú của Vasudhāri là:

OṂ_ ŚRĪ VASUDHĀRA RATNA NIDHĀNA KASHETRI SVĀHĀ

Sau này khi du nhập vào Phật Giáo thì **Vasudhāra** hay **Vasudhāri** được ghi nhận là vị Thần chuyên chủ quản tiền của giàu sang của thế gian, hay vì chúng sinh mang đến các loại tiền của giàu sang và trân bảo. Tại đất Hán thì Tôn này được xưng là Trì Thế Bồ Tát, Vũ Bảo Bồ Tát. Tại đất Tây Tạng thì Tôn này được xưng là Tài Nguyên Thiên Mẫu, Tài Nguyên Phật Mẫu, Tài Bảo Phật Mẫu, Tài Tục Phật Mẫu, Bảo Nguyên Độ Mẫu…

_Hệ thống Hán Truyền Phật Giáo ghi nhận là:

.)Bạch Bảo Khẩu Sao ghi chép là: "**Trì Thế** có nghĩa là: Tiêu diệt hết thảy tai họa bệnh tật của Chúng Sinh. Vì kẻ bần cùng liền tuôn mưa tất cả loại trân bảo, lúa gạo, lúa mạch… khiến cho họ thọ nhận các sự vui thích, an ổn, giàu có. Do Tôn này hay hộ trì Thế Gian nên được gọi là Trì Thế. Vị Bồ Tát này nơi cúng dường của người cầu Phước"

.)Theo Tạng Ngữ thì **Trì Thế** là ý tứ của vật báu tuôn như mưa (vũ bảo)

_Có thuyết cho rằng **Trì Thế Bồ Tát** (Dhāra-loka-jvala-bodhisatva) là hóa thân của **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-saṃbhava-tathāgata). Hoặc cho rằng Trì Thế là một Tôn trong **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya)".

.)**Biệt Tôn Tạp Ký** ghi nhận Tôn Tượng của Trì Thế Bồ Tát là:

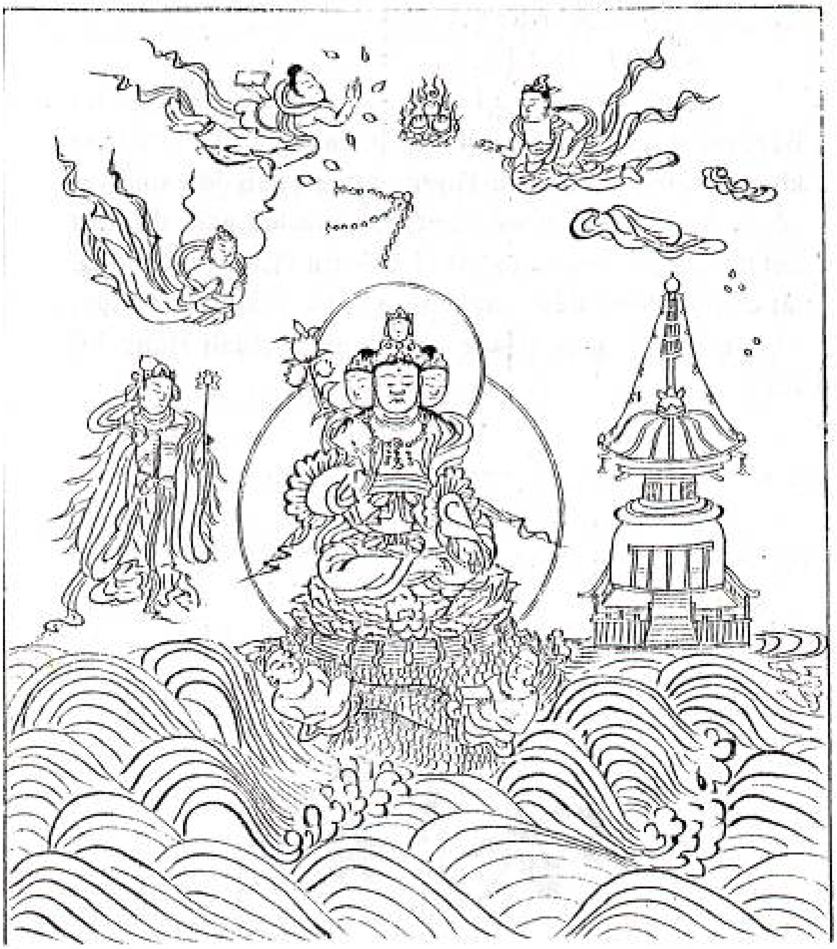
Thân hình và dung mạo có màu xanh, màu vàng. Ngồi Kiết Già trên tòa sen, thân đeo mọi thứ Anh Lạc, vòng xuyến, các vật trang nghiêm. Tay phải cầm quả Phả La (Trái Thạch Lựu), tay trái tác thế Dữ Nguyện. Tượng có 4 đầu, khuôn mặt chính mỉm cười theo thế xem xét Chú Sư. Bên dưới tòa sen có hai vị **Long Vương** (Nāga-rāja): Một vị dùng tay nâng cái hộp bảy báu, một vị cầm cái bình báu. Hai vị Long Vương ấy đều có thân người và ngâm nửa mình trong nước, trên đầu có một đầu Long Xà đeo viên ngọc báu.

Bên phải Tượng là vị Trời **Đại Thắng Thiên (**Mahā-jaya-veva) có một tay cầm hoa sen, một tay tác thế triệu mời.

Ở phía trên Tượng , hai bên có hai vị Thiên Tiên tuôn mưa 7 báu tràn đầy trong hư không.

Bên trái của tượng Trì Thế là cái tháp **Suất Đổ Ba** (Stūpa)

Bên trên Đại Thắng Thiên có một Thiên Nhân cầm viên ngọc báu chắp tay hướng về Đại Thắng Thiên



_ Hoặc ghi nhận Tôn Tượng là: Thân hình màu vàng, một mặt hai tay: Tay phải cầm trái Thạch Lựu, tay trái tác thế Thí Vô Úy. Ngồi Kiết Già trên tòa sen, đầu đội mão, thân khoác áo lụa mỏng , trang sức bằng mọi thứ anh lạc vòng xuyến châu báu…



Trì Thế Đà La Ni Pháp còn được gọi là **Vũ Bảo Đà La Ni Pháp.** Đây là Pháp tu cầu về Phước Đức, rất có lợi ích cho người tu tại gia. Pháp này được thành lập từ 4 bản Kinh:

1_ **Trì Thế Đà La Ni** Kinh (Vasudhārā-dhāraṇī-sūtra) do Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG dịch thuật vào đời Đường

2_ **Phật Thuyết Vũ Bảo Đà La Ni** Kinh do ngài Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG dịch vào đời Đường.

Hai bản Kinh này là hai bản dịch khác nhau của cùng một bản, chỉ sai khác về bài Chú dài ngắn (2 bản Chú bằng chữ Tất Đàn đều được ghi nhận trong Đại Chính Tạng, sách 20, trang 669). Ngoài ra bản dịch của ngài BẤT KHÔNG có ghi thêm 3 câu Chân Ngôn của Trì Thế Bồ Tát mà bản dịch của ngài HUYỀN TRANG không có.

3_ **Phật Thuyết Đại Thừa Thánh Cát Tường Trì Thế Đà La Ni** Kinh do ngài PHÁP THIÊN dịch vào đời Tống.

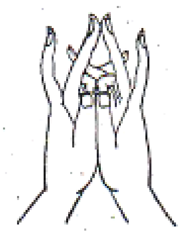
4_ **Thánh Trì Thế Đà La Ni** Kinh do ngài THI HỘ dịch vào đời Tống

Hệ thống Mật Giáo dựa vào 4 bản dịch này mà thành lập **Bản Tôn** của Pháp tu này là Trì Thế Bồ Tát hoặc Bảo Sinh Như Lai. Ngài NGHĨA TỊNH đã biên soạn thêm bộ **Trì Thế Đà La Ni Biệt Hạnh Công Năng Pháp.**

_ Trì Thế Bồ Tát có chủng tử là chữ DA (य) mang nghĩa "***Thí Dữ*** (ban cho) ***bất khả đắc***" biểu thị cho việc ***ban bố mọi thứ trân bảo cho chúng sinh***

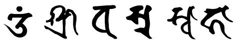
_ Tam Ma Gia Hình của Ngài là quả **Phả La** tức là trái Thạch Lựu . Đây là loại trái cây chứa đầy hạt bên trong nên được biểu thị cho nghĩa **Tăng Ích**. Do đó Thế của nó giống như viên ngọc báu.

_ **Ấn Căn Bản** của Trì Thế Bồ Tát là: Đem ngón vô danh vịn vằn lóng trên của ngón cái, lại đem ngón cái đè trên móng ngón vô danh (hai tay như nhau). Cùng hợp cổ tay, đem hai ngón út cài buộc dính trên lưng lóng giữa của ngón giữa sao cho đầu hai ngón giữa dính nhau, kèm cứng song song hai ngón cái và hai ngón trỏ.



Chân Ngôn của Ấn trên là:
Căn Bản Chú :

OṂ_ VASUDHĀRI SVĀHĀ

Tâm Chân Ngôn:

OṂ_ ŚRĪ-VASU SVĀHĀ

Tâm Trung Tâm Chân Ngôn :

OṂ_ VASU SVĀHĀ

_ Ngày bắt đầu tu hành thì có các thời gian sau:
Biệt Hạnh Pháp ghi là: Bắt đầu từ ngày mồng một của tháng ba
Lại ghi rằng: Bắt đầu tu hành từ ngày 14 của kỳ Bạch Nguyệt (15 ngày đầu của tháng) cho đến hết ngày 15 thì xong
Hoặc bắt đầu từ ngày mồng 8 cho đến hết ngày 15 thì xong

_ Về phương hướng thì quay mặt hướng về mặt trời mà tụng Chú.
Lại ghi là: Trước Tháp Xá Lợi, an trí Tượng hướng mặt về phương Tây. Chú Sư ngồi trước Tượng và hướng về mặt Tượng (tức là Chú Sư hướng mặt về phương Đông)
_ Bài **Tán Thán** Bồ Tát là:

KAMALA MUKHE

KAMALA LOCANA

KAMALĀSANA

KAMALA HASTA

KAMALA BHAMUNI

KAMALA KAMALA-SAṂBHAVA

KAMALA KṢARA

NAMOSTUTE
Kinh ghi: "***Nếu hay chí thành cúng dường Tam Bảo, niệm tụng Đại Đà La Ni Kinh như vậy bảy ngày đêm không gián đoạn thì chư Thiên, Long Thần đều sinh vui vẻ, âm thầm đến tuôn mưa tài bảo lúa gạo. Diệt trừ hết thảy bệnh dịch, nạn đói khát và diệt trừ tất cả tội chướng. Tất cả hiểm họa đều được an ninh, tăng dần Phước Tuệ, mong cầu như ý, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề***"

_Theo Tạng Truyền Phật Giáo, căn cứ vào sự ghi chép của **Bản Tục**: "Ở trong Kiếp quá khứ lâu xa, khi Đức Phật **Ca Diếp** (Kāśyapa) trụ ở đời thời vị Thiên Mẫu này dùng Công Đức **Bố Thí** (Dāna) thù thắng cho nên chuyển sinh đến cõi Trời **Tam Thập Tam Thiên**. Nếu hay thành tâm cúng dường thì Hành Giả hay được mang đến tiền của giàu sang và các loại trân bảo".

Khi Đức Phật **Thích Ca** (Śākya-muṇi) trụ ở đời thời Tài Nguyên Thiên Mẫu lại sinh ra từ trong nước, tên là **Cam Đăng Lạp Ma**, cũng là **Hằng Hà Thiên Nữ**. Ngài cũng hiện hóa làm một trong 21 vị Độ Mẫu

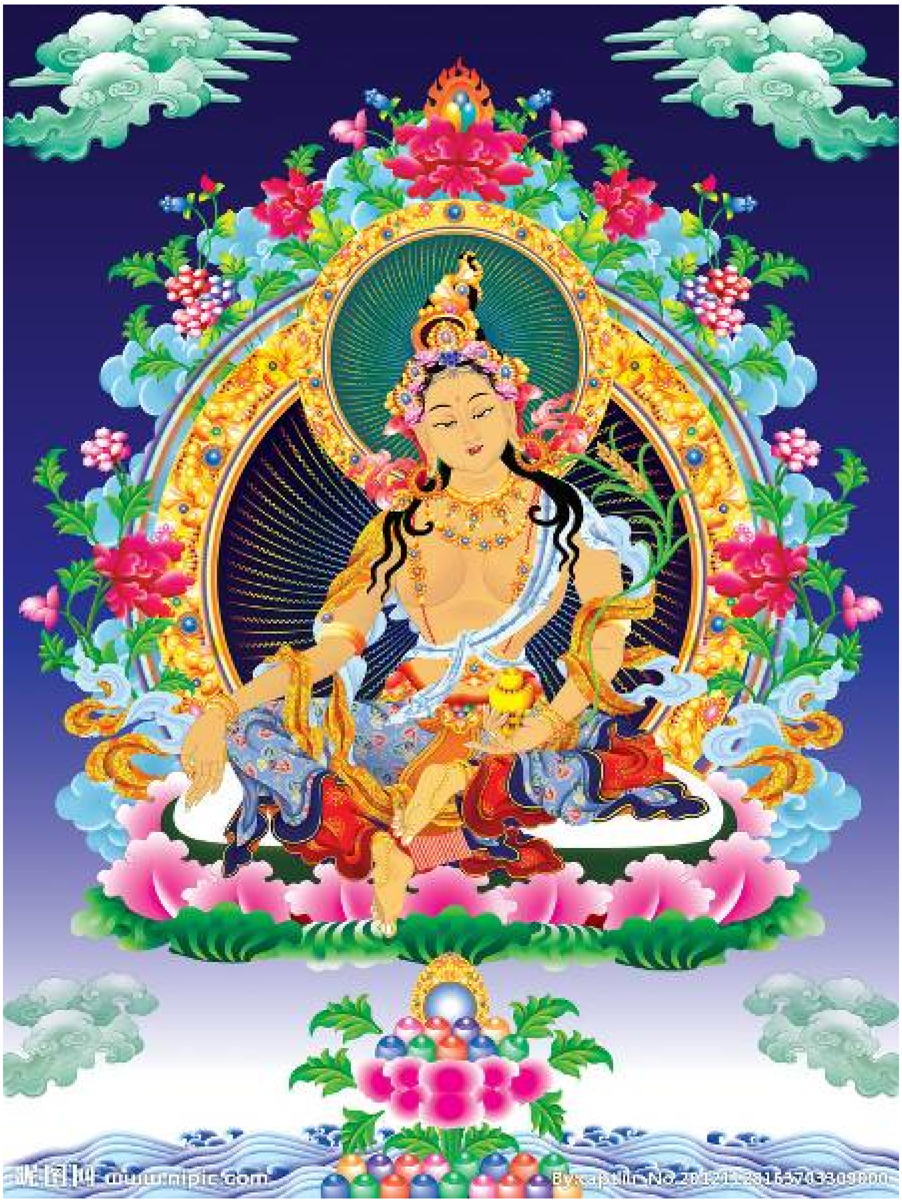
Do sự truyền thừa chẳng đồng nhau cho nên sự hóa hiện của Tài Nguyên Thiên Mẫu cũng chẳng tương đồng. Có lúc hóa hiện hình tượng một mặt hai cánh tay, có lúc hóa hiện hình tượng một mặt sáu cánh tay, hoặc hình tượng ba mặt sáu cánh tay, hoặc đồng thời hiện ra hình tượng **Song Thân Song Vận** với Thần Tài.

Hình tượng của Tài Nguyên Thiên Mẫu là toàn thân hiển màu vàng sáng, khoác áo Trời (Thiên Y) đeo mọi loại châu báu Anh Lạc làm vật trang sức, Thần Thái trang nghiêm an tịnh, kết tòa Như Ý, an trụ trong vành trăng trên hoa sen

_Hình tướng một mặt hai cánh tay thì tay phải cầm quả hay mãn túc tất cả Tâm Nguyện, tay trái kết **Thí Y Nguyện Ấn** kèm vịn hoa **Ổ Bà La** (Utpāla), cành hoa men theo cánh tay rồi nở rộ ở bên lỗ tai, trên hoa có báu Ma Ni, đầy đủ mọi loại châu báu Anh Lạc trang sức của **Báo Thân Phật** (Saṃbhoga-kāya-buddha), an trụ ở vành trăng trên hoa sen



_Hoặc hiện hình tượng có thân màu vàng sáng, khoác áo Trời (thiên y), thân đeo rất nhiều châu báu Anh Lạc để trang sức, tay phải tác **Thí Nguyện Ấn**, tay trái cầm cái bình báu kèm vịn một bông lúa men theo cánh tay trổ bên lỗ tai, ngồi theo tư thế Du Hý tại vành trăng trên hoa sen



Ý nghĩa của hình tượng:

.)**Thân màu vàng sáng** biểu thị cho **Kim Cương Như Ý Bộ** (Vajra-maṇi-kulāya) của Đức Phật **Bảo Sinh** (Ratna-saṃbhava) ở phương Nam

.)**Tay phải tác Thí Nguyện Ấn** biểu thị cho nguyện vọng ban bố tiền của và sự thành tựu cho chúng sinh

.)**Tay trái cầm cái bình báu kèm vịn bông lúa** biểu thị cho nguồn Tư Lương Trí Tuệ thành Phật có được từ sự Bố Thí rộng rãi

_Hoặc hiện hình tượng có thân màu vàng sáng, khoác áo Trời (thiên y), thân đeo rất nhiều châu báu Anh Lạc để trang sức, tay phải tác **Thí Nguyện Ấn** kèm vịn bông lúa, tay trái cầm cái cái bát chứa đầy vật báu, ngồi theo tư thế Kim Cương Kiết Già tại vành trăng trên hoa sen



Trong hình tượng này thì **tay phải tác Thí Nguyện Ấn kèm vịn bông lúa** biểu thị cho sự ban cho ngũ cốc được mùa đem lại sự trù phú no ấm. **Tay trái cầm cái bát chứa đầy vật báu** biểu thị cho sự cầu tài tiến bảo, đạt được sự giàu có.

.)Hình tượng một mặt hai cánh tay (**Hoàng Sắc Tài Tục Mẫu**): Thân ấy màu vàng rực rỡ, dùng các loại Anh Lạc quý báu để trang nghiêm, dùng tòa Như Ý, an trú trong vành trăng trên Hoa Sen. Tay phải kết Thắng Thí Diệu Ấn hoặc cầm Quả hay mãn túc tất cả tâm nguyện; tay trái cầm bông Lúa (hoặc cái bình báu) hay kết **Bố Thí Ấn**





Tài Tục Mẫu dung mạo hiền hòa, ban cho Hành Giả tiền của viên mãn tốt lành, tay phải kết Thí Thắng Ấn biểu thị ban cho thành tựu Tài Bảo, tay trái cầm cái Bình báu biểu thị *Bố Thí thịnh vượng giàu sang đầy đủ* là *tiền của Trí Tuệ để thành Phật*. Thân của Tài Tục Mẫu biểu thị Tài Lưu (tiền của lưu chuyển) của Phật Mẫu, lời nói biểu thị Phật Pháp như Cam Lộ chảy thông suốt, Ý biểu thị tiêu trừ tất cả tội ác, ánh sáng chiếu soi công đức vô thượng.

Tu trì Pháp Phật Mẫu này, hay chặt đứt tất cả sự lười biếng, chướng ngại và tâm tạp loạn của người tu hành, có thể tăng trưởng công đức đã nhiếp của Giới Định Tuệ và tất cả Phước của **Tuệ Tài** (tiền tài của Trí Tuệ) hay được Tài Phú với Phật Pháp tôn quý và hay chặt đứt phiền não và tập khí của chúng sinh, nhập vào Viên Mãn Vô Thượng Phật Đạo.

.) Hình tượng một mặt sáu cánh tay: Bên phải: tay thứ nhất để ngang ngực kết **Vô Uy Ấn**, tay thứ hai cầm châu báu, tay thứ ba cầm tràng hạt. Bên trái: tay thứ nhất rũ xuống dưới cầm cái tịnh bình, tay thứ hai cầm bông lúa (quả Tuệ), tay thứ ba cầm quyển Kinh **Bát Nhã**



_Hình tượng ba mặt sáu cánh tay: Bên phải: tay thứ nhất tác **Thí Nguyện Ấn**, tay thứ hai cầm viên ngọc báu Ma Ni, tay thứ ba cầm tràng hạt. Bên trái: tay thứ nhất để ở eo lưng cầm cái bình báu, tay thứ hai cầm bông lúa (quả Tuệ), tay thứ ba cầm quyển Kinh **Bát Nhã**



Ý nghĩa của 6 Pháp Khí:

.)**Tay kết Thí Nguyện Ấn** biểu thị cho nguyện vọng bố thí cho chúng sinh

.)**Tay cầm viên ngọc báu Ma Ni** biểu thị cho sự tốt lành, dùng để cầu hạnh phúc bình an, nạp tiến tài bảo

.)**Tay cầm tràng hạt** biểu thị cho sự tịnh hóa các phiền não

.)**Tay cầm cái bình báu** (hay Tịnh bình) biểu thị cho sự cung kính đối với Phật Pháp, đồng thời tượng trưng cho sự giàu có

.)**Tay cầm bông lúa** biểu thị cho Pháp Khí nguyên bản của Thiên Nữ là giúp cho ngũ cốc được mùa đem lại sự sung túc ấm no

.)**Tay cầm quyển Kinh Bát Nhã** biểu thị cho Trí Tuệ siêu việt của Phật Pháp

_Hình tượng **Song Thân Song Vận**

Tài Nguyên Thiên Mẫu có tay trái cầm chén sọ người chứa đầy máu, tay phải cầm **Norbu Mebar** hiển thế song vận với **Hồng Tài Thần** theo tư thế đứng múa, đứng trong vành trăng trên Hoa Sen.



.)Thần Chú của Bản Tôn **Hồng Tài Thần**: OṂ_ JAMBHALA JALENDRAYA DHANAṂ MEDHI HRĪḤ

.)Thần Chú của **Tài Nguyên Thiên Mẫu**: OṂ_ ḌĀKIṆĪ –JAMBHALA SAMBHĀRA SVĀHĀ

Vì **Tài Nguyên Thiên Mẫu** biểu thị cho sự chủ quản về tiền của giàu có của loài người, cho nên Pháp Môn này biểu thị cho sự yêu thương thường đem lại hạnh phúc hôn nhân, gia đình hài hòa, thu hút sự nổi tiếng và giàu có. Do vậy thời xưa, các bậc Vương Giả hoặc hàng Quý Tộc thường tu theo Pháp này

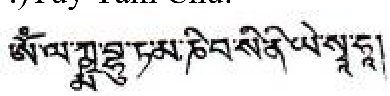
_Thần Chú của Tài Nguyên Thiên Mẫu là:

.)Thần Chú ngắn:



OṂ_ VASU-DHARE SVĀHĀ

.)Tùy Tâm Chú:



OṂ_ LAKṢMA (?Lakṣmī) BHŪTA-MAṆI VASINIYE SVĀHĀ

.)Thần Chú dài:



OṂ_ VASU-DHARI KṢETRE SVĀHĀ

Tụng niệm Thần Chú của Tài Nguyên Thiên Mẫu có thể đạt được vô số lợi ích, tiền của, phước báo

_Tài Nguyên Thiên Mẫu thuộc **Tác Mật** của **Mật Chú Bộ**, quan hệ với **Phật Bộ Tôn** của **Du Già Mật Tục**, ở trong sáu đường chuyên coi sóc Nhân Đạo, cai quản tài phú của Thế Gian và là Phật Mẫu của **Ngũ Lộ Tài Thần**

Bản nguyện của Tài Nguyên Thiên Mẫu là hay khiến cho hết thảy ước nguyện của chúng sinh được viên mãn. Tay kết Bố Thí Ấn tượng trưng cho bố thí tiền của, bố thí pháp, bố thí sự không sợ hãi, siêng năng hành "**Bố Thí Ba La Mật**". Nếu có người nào cúng dường, lễ bái, làm theo như vậy (y chỉ), và tu pháp trì Chú của Tài Nguyên Phật Mẫu ắt hay đạt được mọi Tâm Nguyện, khiến tiền của dồi dào, không lo sợ thiếu thốn.

Nếu người tu trì sau khi được sức gia trì của Tài Nguyên Thiên Mẫu thì đem tài bảo đã đạt được, rộng thực hành **Bố Thí Ba La Mật** ắt mới có thể cùng với Thiên Mẫu tương ứng thành tựu, chứng được Bồ Đề Thắng Quả.

_Bản Phạn **Vasudhārādhāraṇī** ghi nhận một số Chân Ngôn của Tài Nguyên Thiên Mẫu là:

.)Căn Bản Minh là:

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMO DEVI DHANADADUHITE VASUDHĀRE DHANADHĀRĀṂ PĀTAYA, KURU KURU, DHANEŚVARI DHANADE RATNADE HE HEMADHANA RATNA-SĀGARA MAHĀ-NIDHĀNE NIDHĀNA-KOṬI-ŚATA-SAHASRA-PARIVṚTE EHYEHI BHAGAVATI PRAVIŚYA MATPURAṂ MADBHAVANE MAHĀ-DHANA-DHĀNYA-DHĀRĀṂ PĀTAYA KURU KURU.

OṂ_ HRAṂ TRAṬA KAILAVĀSINĪYE SVĀHĀ

.) Đại Minh là:

OṂ_ VASUDHĀRE MAHĀ-VṚṢṬINIPĀTINI VASU SVĀHĀ

.)Căn Bản Tâm là:

OṂ_ VASUDHĀRE SARVĀRTHA-SĀDHINI, SĀDHAYA SĀDHAYA, UDDHARA UDDHARA, RAKṢA RAKṢA, SARVĀRTHA-NIDHAYANTRAṂ VATA ṬATA VAVA TAṆḌA DAṆḌA SVĀHĀ

.)Tối Thắng Tâm

OṂ NAMO BHAGAVATYAI ĀRYALEVAḌIKE YATHĀ JĪVASAṂ-RAKṢAṆI PHALA-HASTE DIVYA-RŪPE DHANADE VARADE ŚUDDHE VIŚUDDHE ŚIVA-KARI ŚĀTIKARI BHAYA-NĀŚINI BHAYA-DŪṢAṆI SARVA-DUṢṬĀN BHAÑJA BHAÑJA, MOHAYA MOHAYA, JAMBHAYA JAMBHAYA, STAMBHAYA STAMBHAYA, MAMA ŚĀTIṂ VAŚYAṂ RAKṢĀṂ KURU SVĀHĀ

.)Căn Bản Chú:

OṂ_ ŚRIYE SVĀHĀ

OṂ _DHANA-KARI DHĀNYA-KARI RATNA-VARṢAṆI SVĀHĀ

.)Thành Tựu Chú là:

OṂ VASUDHĀRE SVĀHĀ_ HṚDAYAṂ_ LAKṢMYAI SVĀHĀ_ OṂ UPA-HṚDAYAṂ_ OṂ LAKṢMI- BHŪTALANIVĀSINE SVĀHĀ

NHẬT THIÊN

Nhật Thiên, tên Phạn là **Āditya**, dịch âm là A Nễ Để Gia, nghĩa đen là nhóm được phân phối không cùng tận, tượng trưng cho các ý thức vô hạn.

_Theo Ấn Độ Giáo thì **Dyaus** (Thiên phụ, tinh thần) kết hợp với **Aditī** (Hư Không Mẫu, không gian vô tận, ý thức vô hạn) sinh ra các **Āditya** (người con của ý thức vô hạn) vận chuyển lôi cuốn Thế Gian, sản sinh và nuôi dưỡng vạn vật…. Người Ấn Độ đã Thần Cách Hóa **sức sáng tạo** này và gọi Āditya là các vị thần mặt trời. Sau này Āditya được đồng nhất với **Sūrya**, và **Āditya** trở thành tên gọi riêng của **Sūrya**

Sūrya (Thái Dương Thần) là vị Thần cai quản Thiên Giới, cùng với **Phong Thần** (Vāyu) là vị Thần cai quản không trung, **Hỏa Thiên** (Agni) là vị Thần cai quản Hạ Giới… được hợp xưng là **Phệ Đà Tam Tôn**. Trong đó Sūrya là nguồn sống của vũ trụ, là Minh Trí của tất cả sinh vật.

Sūrya được thờ phượng qua hình dáng vị Thần có thân màu đồng đỏ, tóc và râu màu vàng, đội vương miện, đeo vòng, ngồi trên xe có bảy con ngựa kéo, tỏa ánh sáng chói lọi khắp nơi



Theo truyền thuyết thì **Sūrya** (Thần mặt trời) có ba người vợ là **Saraṇyu** hay **Saṃjña** (Nữ Thần Tri Thức), **Rājñī** (Phi Hậu), **Prabhā** (Nữ Thần ánh sáng). Do Nữ Thần Saṃjña không thể chịu đựng được sức nóng của chồng nên đã bỏ trốn vào rừng tu và nhờ các Thiên Thần tạo ra **Chāya** (Nữ Thần bóng tối) có dung mạo giống hệt Saṃjña để đánh lừa Sūrya. Khi Sūrya biết được sự thật, liền đi tìm Saṃjña. Nữ Thần Tri Thức biến thành con ngựa cái chạy trốn thì Sūrya liền biến thành con ngựa đực đuổi theo giao phối và sinh ra vị Thần có mình người đầu ngựa là **Aśvin**, vị Thần của nhà nông và cũng là Thầy Y chữa bệnh cho chư Thần.

Sūrya có nhiều người con, trong đó Saraṇyu có 3 người con **Yama, Yamī** và **Vaivasvata-manu.** Chāya có 4 người con là **Sāvarni-manu, Śani** (Thổ Tinh), **Tapti** và **Viṣṭi**



12 Thần Chú kính lễ Thần Mặt Trời Sūrya là:
1_**Oṃ Mitrāya namaḥ**
2_**Oṃ Ravaye namaḥ**
3_**Oṃ Sūryayāya namaḥ**
4_**Oṃ Bhānave namaḥ**
5_**Oṃ Khagāya namaḥ**
6_**Oṃ Puṣṇe namaḥ**
7_**Oṃ Hiraṅya-garbhāya namaḥ**
8_**Oṃ Mārichāye namaḥ**
9_**Oṃ Ādityāya namaḥ**
10_**Oṃ Sāvitre namaḥ**
11_**Oṃ Ārkāya namaḥ**
12_**Oṃ Bhāskarāya namaḥ**

9 vị sao (Nava-grahā: cửu Diệu) được xem là quyến thuộc của Thần Mặt Trời Sūrya

Trái qua phải: Sūrya, candra, maṅgala, budha, Vṛhaspati



Trái qua phải: Śukra, Śani, rāhu, ketu



1_Thần Chú tán tụng **Nhật Diệu** (Sūrya):
Oṃ_ Aśva-dhvaja vid-mahe
Pasa-hasthaya dhī mahi
Thanna Sūrya prachodayath
OṂ_ HRAṂ HRĪṂ GRŪṂ SAḤ SŪRYA NAMAḤ

2_Thần Chú tán tụng **Nguyệt Diệu** (Candra):
Oṃ_ Padma-dhvaja vid-mahe
Hema rūpaya dhī mahe
Thanna Soma prachodayath
OṂ_ ŚRAṂ ŚRĪṂ ŚRŪṂ SAḤ CANDRAYA NAMAḤ

3_Thần Chú tán tụng **Hỏa Diệu** (Maṅgala):
Oṃ_ Vīra-dhvaja vid-mahe
Vighna hasthaya dhī mahi
Thanno bhauma prachodayath
OṂ_ KRAṂ KRĪṂ KRŪṂ BHAUMAYA NAMAḤ

4_Thần Chú tán tụng **Thủy Diệu** (Budha):
Oṃ_ Gaja-dhvaja vid-mahe
Śuka hasthaya dhī mahi
Thannna Budha prachodayath
OṂ_ BRAṂ BRĪṂ BRŪṂ SAḤ BUDHAYA NAMAḤ

5_Thần Chú tán tụng **Mộc Diệu** (Vṛhaspati):
Oṃ_ Vṛśabha-dhvaja vid mahe
Ghṛṇi hasthaya dhī mahi
Thanno Guru prachodayath
OṂ_ JHRAṂ JHRĪṂ JRŪṂ SAḤ GURAVE NAMAḤ

6_Thần Chú tán tụng **Kim Diệu** (Śukra):
Oṃ_ Aśva-dhvaja vid mahe
Dhanur hasthaya dhī mahi
Thanna Śukra prachodayath
OṂ_ DRAṂ DRĪṂ DRŪṂ ŚUKRAYA NAMAḤ

7_Thần Chú tán tụng **Thổ Diệu** (Śani):
Oṃ_ Kaka-dhvaja vid mahe
Khaḍga hasthaya dhī mehi
Thanno Maṇḍa prachodayath
OṂ_ PRAṂ PRĪṂ PRŪṂ SAḤ ŚANAIŚCARAYA NAMAḤ

8_Thần Chú tán tụng **La Hầu** (Rāhu)
Oṃ_ Nāga-dhvaja vid mahe
Padma hasthaya dhī mehi
Thanno Rāhu prachodayath
OṂ_ BHRAṂ BHRĪṂ BHRŪṂ SAḤ RAHAVE NAMAḤ

9_Thần Chú tán tụng **Kế Đô** (Ketu):
Oṃ_ Aśva-dhvaja vid mahe
Śūla hasthaya dhī mehi
Thanna Ketu prachodayath
OṂ_ ṢRAṂ ṢRĪṂ ṢRŪṂ SAḤ KETAVE NAMAḤ



_Theo Phật Giáo thì **Nhật Thiên** có tên Phạn là Āditya dịch âm là A Nễ Để Gia, là dạng Thần cách hóa của mặt trời. Lại xưng là Nhật Thần, Nhật Thiên Tử, là vị Thiên Tử cư ngụ ở cung mặt trời (nhật cung), lệ thuộc Tứ Thiên Vương. Sau này **Āditya** thành tên gọi riêng của **Sūrya**

Kinh **Trường A Hàm, quyển 22**, phẩm **Thế Bản Duyên** ghi chép là: "Nhật Thiên Tử do đời trước dùng Tâm hiền thiện cúng dường Sa Môn, Bà La Môn, cứu giúp người nghèo khốn mà cảm được quả báo sinh vào cung mặt trời. Chỗ ở của vị ấy là cung điện thuần bằng vàng ròng, hay phóng ra ánh sáng của thân chiếu soi bốn Thiên Hạ, hưởng thọ 500 ngàn tuổi. Khi vị ấy ra ngoài thời có các Đại Thiên Thần dẫn đường, hoan lạc chẳng mệt mỏi"



Sūrya, dịch âm là Tô Lợi Gia, Tu Lợi, Tu Dã...lại xưng là Nhật Thiên, Nhật Thiên Tử. Tên gọi riêng là Bảo Quang Thiên Tử, Bảo Ý Thiên Tử là thân biến hóa của Quán Thế Âm Bồ Tát trụ ở trong cung Thái Dương, mặt trời là cung điện của vị Trời ấy

.)**Lập Thế A Tỳ Đạm Luận**, Phẩm **Nguyệt Hành** nói rằng: "Nhật Cung… Cung điện ấy nói tên gọi là **Tu dã** (Sūrya), vị Nhật Thiên Tử này trụ ở trong đó, cũng có tên gọi là **Tu Dã** (Sūrya)"

.)**Pháp Hoa Văn Cú 2** nói rằng: "Bảo Quang là Bảo Ý Nhật Thiên Tử, do Quán Thế Âm ứng làm"

.)**Pháp Hoa Nghĩa Sớ 1** nói rằng: "Bảo Quang Thiên Tử là Nhật Thiên Tử vậy. Có Kinh nói rằng Quán Thế Âm tên là Bảo Ý, làm Nhật Thiên Tử"

Sau này Mật Giáo dùng Nhật Thiên là một trong 12 Thiên Hộ Thế, một trong 20 Thiên. Tức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) vì lợi ích chúng sinh cho nên trụ ở **Phật Nhật Tam Muội** tùy duyên hiện ra ở đời, lúc phá các ám tối thời Tâm Bồ Đề tự nhiên khai hiển, giống như ánh sáng mặt trời chiếu soi chúng sinh, cho nên xưng là Nhật Thiên.

.)Phần cuối của **Bí Tạng Ký** ghi là: "Nhật Thiên có thân màu thịt đỏ, tay phải cầm hoa sen, ngồi trên xe có bốn (?ba) con ngựa"



.)**Cúng Dường Thập Nhị Đại Uy Đức Thiên Báo Ân Phẩm** nói rằng: "Khi **Nhật Thiên** vui thời ánh sáng chẳng làm tổn hại vật, người giận chẳng ngu độn, Hữu Tình, Phi Tình thảy đều khoái lạc. Khi vị Trời này giận thời mất độ không có ánh sáng, tuy có mắt nhưng chẳng thể thấy vật, lạnh khổ thông nhau lấn bức"

Do vậy, nếu cầu Trí, dùng Nhật Thiên. Hoặc nếu muốn trừ bệnh nóng lạnh (hàn nhiệt), tùy dùng Nhật Nguyệt Thiên (Nhật Thiên trừ lạnh, Nguyệt Thiên trừ nóng)

_Trong 12 Thiên thì **Nhật Thiên** là vị chủ của mọi vì sao (chúng Tinh), bảy **Diệu**, các **Chấp,** tất cả **Quang Thần** (vị Thần toả ra ánh sáng) dạo trên hư không

Chữ chủng tử là **Ā** (**𑖁**)



日 天

Nhật Thiên Ấn: Phước Trí (2 tay) ngửa Thủy (ngón vô danh) vào Không (ngón cái) giữ sát Hỏa Luân (ngón giữa) muốn cùng kèm nhau. Thủy (ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa) tự giữ nhau.



Chân Ngôn là :

"Nẵng mạc tam mạn đa mẫu đà nẫm. A nễ đát-dã dã, sa-phộc hạ"

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ ĀDITYĀYA SVĀHĀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Nhật Thiên là một trong 20 Thiên, có vị trí ở phương Đông

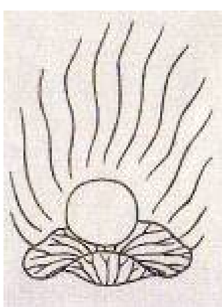
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Nhật Thiên có thân màu thịt trắng, tay phải để trước ngực ngửa lòng bàn tay , bên trên có vành mặt trời, tay trái nắm quyền để ở eo



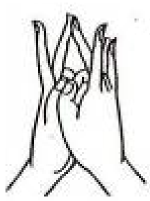
Mật Hiệu là: **Kim Cương Quân Trà Lợi**

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời

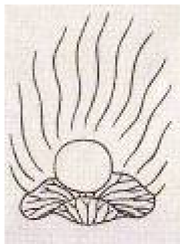


Tướng Ấn là: Nhật Thiên Ấn.

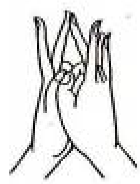


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖎𑖲𑖜𑖿𑖚𑖩𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA-KUṆḌALI   SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Nhật Thiên có Chữ chủng tử là: KU (𑖎𑖲)
Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời



Tướng Ấn là: Nhật Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖎𑖲𑖜𑖿𑖚𑖩𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA-KUṆḌALI   SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Nhật Thiên có Chữ chủng tử là: KU (𑖎𑖲)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-KUṆḌALI   SVĀHĀ _ KU

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Nhật Thiên có chữ chủng tử là: KU (𑖎𑖲)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Nhật Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

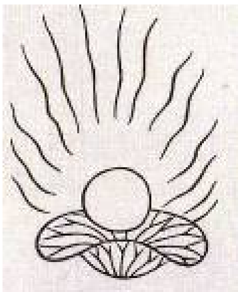
OṂ _ VAJRA-KUṆḌALI   SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Nhật Thiên có chữ chủng tử là: KU (𑖎𑖲)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là:Vành mặt trời

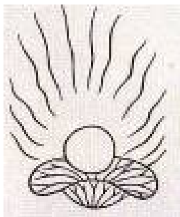


Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-KUṆḌALI SVĀHĀ_ KU

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Nhật Thiên có chữ chủng tử là: KU ()

Tam Muội Gia Hình là:Vành mặt trời



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-KUṆḌALI SVĀHĀ_ KU

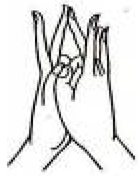
_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) tại phương Đông của **Ngoại Viện Kim Cương Bộ** thì Nhật Thiên có thân màu thịt đỏ, khoác Thiên Y, hai tay đều cầm hoa sen, ngồi trên xe có năm con ngựa kéo. Hai bên có hai vị Phi là **Thệ Gia** (Jayā) và **Vi Thệ Gia** (Vijaya)



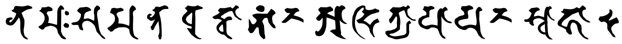
Chữ chủng tử là: A (अ)
Tam Muội Gia Hình là: Kim Cương Luân.



Tướng Ấn là: Co hai ngón vô danh chạm lưng ngón, hai ngón cái đè bên cạnh hai ngón vô danh, Hai đỉnh đầu ngón giữa trụ nhau, dựng thẳng hai ngón trỏ hai ngón út.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ ĀDITYĀYA SVĀHĀ

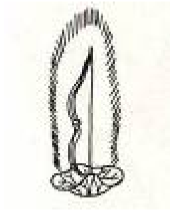
NHẬT THIÊN PHI

Nhạ Gia, tên Phạn là **Jayā,** dịch âm là Nhạ Gia, Thệ Gia, Xả Gia, Bán Giả Gia. Dịch ý là Thắng, Tôn Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, một trong hai Phi của Nhật Thiên. Biểu thị cho **Định Đức** của Nhật Thiên

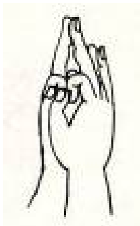
Tôn Hình: Thân hiện màu thịt.



Chữ chủng tử là: A (𑖀), hay JA (𑖕)
Tam Muội Gia Hình là: Cây cung.



Tướng Ấn là:Như Lai Ngữ Môn Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖕𑖧 𑖪𑖰𑖕𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ_ JAYA VIJAYA SVĀHĀ

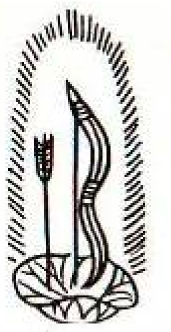
Hay 𑖌𑖼 𑖦𑖮𑖯𑖐𑖜𑖢𑖞 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ_ MAHĀ-GAṆAPĀTHA SVĀHĀ

_Vi Xà Gia, tên Phạn là **Vijayā**, dịch âm là Nị Giả Gia, Vĩ Nhạ Gia, Tỳ Xã Gia, Vi Thệ Gia, Vi Nhạ Dã. Dịch ý là Tối Thắng, Vô Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, là em gái của Jayā, một trong hai Phi của Nhật Thiên. Biểu thị cho **Trí Đức** của Nhật Thiên

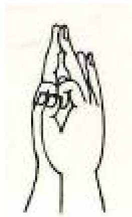
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây cung, tay phải cầm mũi tên, hướng mặt về bên phải.



Chữ chủng tử là: VI (𑖪𑖰)
Tam Muội Gia Hình là: Cung tên.



Tướng Ấn là: Như Lai Ngữ Môn Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖕𑖧𑖪𑖰𑖕𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ_ JAYA VIJAYA SVĀHĀ

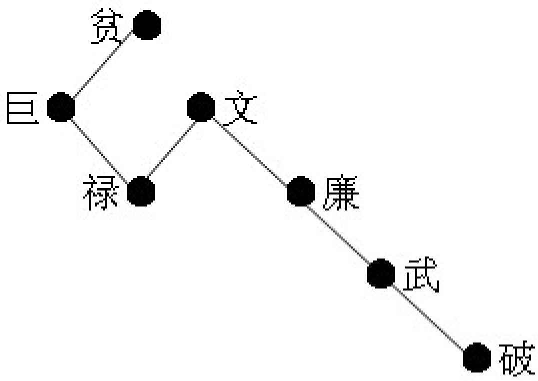
Hay 𑖌𑖼 𑖦𑖮𑖯𑖐𑖜𑖢𑖯𑖞 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ_ MAHĀ-GAṆAPĀTHA SVĀHĀ

BẮC ĐẨU THẤT TINH

Bắc Đẩu Thất Tinh chỉ bảy ngôi sao tụ thành hình cái **Đấu** (cái muỗng) ở phương Bắc, tức cách **Bắc Cực** khoảng cách khoảng chừng 30 độ, gồm có: **Thiên Xu, Thiên Toàn, Thiên Cơ, Thiên Quyền, Ngọc Hành, Khai Dương, Dao Quang**.

Ở trong Thiên Văn Học, xưng là **Đại HùngTinh**, tên gọi thông tục là: **Tham Lang Tinh, Cự Môn Tinh, Lộc Tồn Tinh, Văn Khúc Tinh, Liêm Trinh Tinh, Vũ Khúc Tinh, Phá Quân Tinh**…





_Thời Cổ Đại, trong **Tinh Tú Quán** dùng:

Thiên Xu (Tham Lang Tinh) làm **Chính Tinh** của bảy ngôi sao, chủ về **Dương Đức**

Thiên Toàn (Cự Môn Tinh) làm **Pháp Tinh** chủ về **âm hình** (dạng bệnh ngầm bên trong, hay bệnh rét lạnh)

Thiên Cơ (Lộc Tồn Tinh) là **Lệnh Tinh** chủ về phạt hại

Thiên Quyền (Văn Khúc Tinh) là **Phạt Tinh** chủ về Thiên Lý (lý của Trời)

Ngọc Hành (Liêm Trinh Tinh) là **Sát Tinh** chủ về trung ương, bốn phương

Khai Dương (Vũ Khúc Tinh) là **Nguy Tinh** chủ về năm loại lúa đậu thức ăn của Trời

Dao Quang (Phá Quân Tinh) là **Bộ Tinh** chủ về binh lính

_Các Pháp: **Tôn Tinh Vương Pháp**, **Bắc Đẩu Pháp**, **Bắc Đẩu Hộ Ma Pháp**… đều cầu niệm bảy vì sao này.

Ngoài ra, ở trong rừng Thiền (Thiền lâm) có một từ "**Bắc Đẩu lý Tạng Thân"** (Thân ẩn chứa bên trong Bắc Đẩu) nhằm chỉ Thần Thông diệu dụng của vị Thiền Tăng,

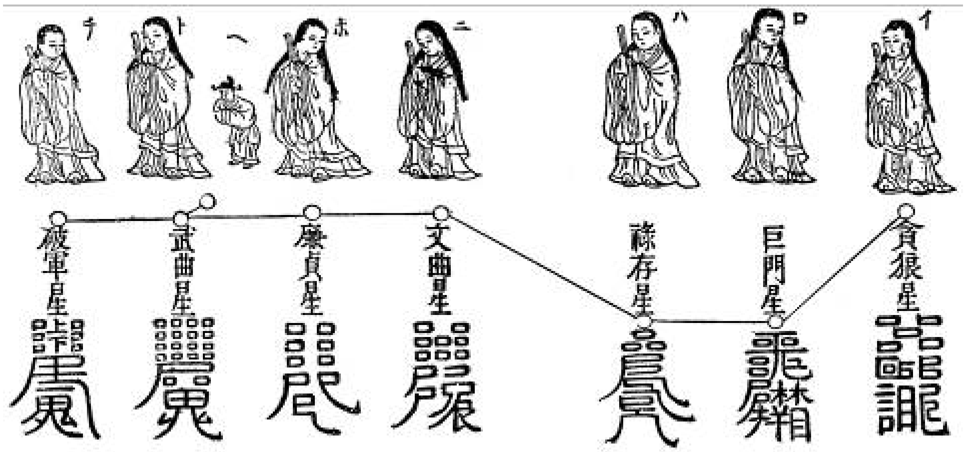
giống như con Linh Dương treo cái sừng ở trong sao Bắc Đẩu, rốt ráo không có dấu vết.

Vân Môn Khuông Chân Thiền Sư Quảng Lục ghi rằng:

.)Hỏi: "Như thế nào là câu thấu suốt Pháp Thân?

Sư (Vân Môn) nói: "Bắc Đẩu lý Tạng Thân"

_Phật nói Kinh **Bắc Đẩu Thất Tinh Diên Mệnh** (ĐTK_No.1307) đã phối hợp 7 vì sao Bắc Đẩu với 7 vị Phật **Dược Sư** là:



_ Pháp **Bắc Đẩu Thất Tinh Diên Mệnh** đã phối hợp 7 vì sao Bắc Đẩu với 7 vị Phật **Dược Sư** là:

1_ Tham Lang Tinh là **Vận Ý Thông Chứng Như Lai Phật** ở Thế Giới Tối Thắng thuộc phương Đông

2_ Cự Môn Tinh là **Quang Âm Tự Tại Như Lai Phật** ở Thế Giới Diệu Bảo thuộc phương Đông

3_ Lộc Tồn Tinh là **Kim Sắc Thành Tựu Như Lai Phật** ở Thế Giới Viên Mãn thuộc phương Đông

4_ Văn Khúc Tinh là **Tối Thắng Cát Tường Như Lai Phật** ở Thế Giới Vô Ưu thuộc phương Đông

5_ Liêm Trinh Tinh là **Quảng Đạt Trí Biện Như Lai Phật** ở Thế Giới Tĩnh Trụ thuộc phương Đông

6_ Vũ Khúc Tinh là **Pháp Hải Du Hý Như Lai Phật** ở Thế Giới Pháp Ý thuộc phương Đông

7_ Phá Quân Tinh là **Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Phật** ở Thế Giới Lưu Ly thuộc phương Đông.

_ Người sinh vào giờ Tý (? Năm Tý) thì hướng vào vì sao này (Tham Lang Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: lúa mùa (Thử: giống lúa Hoàng Mễ). Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

_ Người sinh vào giờ Sửu, giờ Hợi cùng hướng vào vì sao này (Cự Môn Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt dẻ. Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

_ Người sinh vào giờ Dần, giờ Tuất cùng hướng vào vì sao này (Lộc Tồn Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Gạo tẻ (Cánh mễ). Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

_ Người sinh vào giờ Mão, giờ Dậu cùng hướng vào vì sao này (Văn Khúc Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt đậu nhỏ (Tiểu Đậu). Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

_ Người sinh vào giờ Thìn, giờ Thân cùng hướng vào vì sao này (Liêm Trinh Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt mè (Ma Tử). Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

_ Người sinh vào giờ Tỵ, giờ Mùi cùng hướng vào vì sao này (Vũ Khúc Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt đậu lớn (Đại Đậu). Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát

_ Người sinh vào giờ Ngọ thì hướng vào vì sao này (Phá Quân Tinh) mà hạ sinh. Lộc Thực là: Hạt đậu nhỏ. Nếu có ách nạn nên cúng dường Kinh này và đeo Bản Tinh Phù sẽ được đại cát.

_ Pháp **Bắc Đẩu Thất Tinh** của Nhật Bản đã phối hợp 7 vì sao Bắc Đẩu với các vị Quán Âm (hoặc Bồ Tát) là:

1_ Tham Lang Tinh là **Đại Bạch Y Thiên Thủ Quán Âm** (hay **Nhật Luân Bồ Tát**)

Tôn hình:



Chữ chủng tử: VAI ( ), VIḤ ( ), AṂ ( )

Chân Ngôn là:

OṂ _ DHĀRAṆĪ DHĀRAṆĪ HŪṂ

hay

OṂ_ TIRA PṚṆĪKAYE _ SVĀHĀ

2_ **Cự Môn Tinh** là **Mã Đầu Quán Âm** (hay **Nguyệt Luân Bồ Tát**)
Tôn hình:



Chữ chủng tử: TRA ( ), TAṂ ( ), VI ( ), TROṂ ( )
Chân Ngôn là:

OṂ _ KURU MARATA HŪṂ
hay

OṂ _ TRA TRA HANI _ SVĀHĀ

3_ Lộc Tồn Tinh là **Bất Không Quyến Sách Quán Âm** (hay **Quang Minh Chiếu Bồ Tát**)
Tôn hình:



Chữ chủng tử: KA (), VĪ (), RI ()
Chân Ngôn là:

OṂ _ PRATAGHA HŪṂ

Hay
OṂ_ KA KA KA KA RIHA RIHAYA RIṆI _ SVĀHĀ

4_ **Văn Khúc Tinh** là **Thập Nhất Diện Quán Âm** (hay **Tăng Trưởng Bồ Tát**)
Tôn hình:



Chữ chủng tử là: PRA (), VAU ()
Chân Ngôn là:

OṂ _ TRIMARAṬA HŪṂ
hay
OṂ _ PRA PRA BHAYARA BHAYARAṆI _ SVĀHĀ

5_ **Liêm Trinh Tinh** là **Thủy Diện Quán Âm** Thâm Sa Đại Vương (hay **Y Hỗ Chúng Bồ Tát**)
Tôn hình:



Chữ chủng tử: TRŪ (), HAḤ (), TRAḤ ()

Chân Ngôn là:

OṂ _ DHUTARAṆI OṂ

hay

OṂ_ KA KA KA RIHĀ RIHĀYA RIṆI_ SVĀHĀ

6_ Vũ Khúc Tinh là **A Lỗ Lực Ca Quán Âm** (hay **Địa Tạng Bồ Tát**)

Tôn hình:



Chữ chủng tử: NA ( ), TA ( ), A ( ))

Chân Ngôn là:

OṂ _ GATRŪ HŪṂ

hay

OṂ _ TAI TAI RI RI KA KA RIHA RĪHAYA RIṆI _ SVĀHĀ

7_ **Phá Quân Tinh** là **Hư Không Tạng Bồ Tát** (hay **Kim Cương Thủ Bồ Tát**)

Tôn hình:



Chữ chủng tử: VAI ( ), HI ( ), VA ( )

Chân Ngôn là:

OṂ _ BHASAMA HAMṬA HŪṂ

hay

OṂ _ BHATAI TRABHATAI, BHARI BHARI MAHĀ-BHARI CARIṆI _ SVĀHĀ

_Bắc Đẩu Thất Tinh Hộ Ma Bí Yếu Nghi Quỹ (ĐTK_No.1306) ghi chép là:

"Nay Ta vì chúng sinh bạc phước của thời Mạt Thế nên nói thứ tự Nghi Tắc Cúng Dường Hộ Ma của Bắc Cực Thất Tinh.

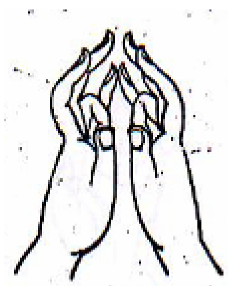
Ở trong Tịnh Thất làm một Thủy Đàn hoặc tròn hoặc vuông đều đủ một khuỷu tay. Dùng 5 vị: Mao Hương, Cam Tùng, Hắc Bệ, Bạch Giao, Bạch Đàn hòa hợp làm bùn xoa tô. Bên trong Đàn Trường ấy để một cái lò. Thức ăn uống, quả trái chia ra 7 phần để thiêu đốt. Thức ăn là: cơm, thực phẩm, quả trái, bánh, Tô Mật… hoặc ngũ cốc và Nhũ Mộc. Tùy theo **Nhân Mệnh Tinh Tướng** (Tướng ngôi sao giữ mạng người) mà lựa chọn dùng.

Trước tiên nói lời bày tỏ (Khải Từ) là***: "Chí Tâm phụng thỉnh Bắc Cực Thất Minh Na La, Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân Tôn Tinh. Vì chủ nhà*** (họ tên…) ***cầu Tức Tai , Giải Thoát, thọ mệnh lâu dài, được thấy trăm Thu.***

Nay làm Mạn Trà La , nguyện xin rũ thương giáng lâm chốn này nạp thọ Hộ Ma, ủng hộ Thí Chủ (họ tên…) ***được tùy theo Tâm mà ngưng dứt tai nạn, giải thoát, tăng trưởng thọ mệnh"*** (3 lần)

_ Tiếp kết Ấn là: Chắp tay giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) đem 2 ngón cái vịn móng 2 ngón vô danh. Hai ngón giữa, 2 ngón út như cánh sen. Hơi mở co 2 ngón trỏ rồi đưa qua lại.

(Triệu Bắc Đẩu Ấn)



_ Tiếp tụng **Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Chân Ngôn** và **Triệu Bắc Đẩu Thất Tinh Chân Ngôn.**

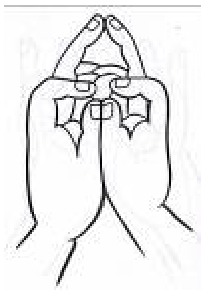
Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Chân Ngôn là:

NAMO SAMANTA _ DARA DARA PACARA _ HŪṂ

[Thủ Ấn này bổ sung thêm vào Kinh Bản

Bắc Đẩu Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Ấn:

Hai tay tác Nội Phộc, dựng cứng hai ngón giữa như hình cây kiếm, co cong hai ngón trỏ duỗi thẳng lóng bên trên đều vịn móng ngón cái. Đây là **Bát Bức Luân Ấn**



Triệu Bắc Đẩu Chân Ngôn là :

NAMAḤ SAMANTA DARANA EHYEHI, PA I, HA I, DA I, KA I, RA I, MROTARA GHARAHAṂ _ SVĀHĀ

Dùng tay lấy cây, lúa gạo, Tô Mật, dầu… ném vào trong lò để thiêu đốt. Mắt chuyên nhìn vì sao Bản Mệnh. Nếu nghiêng động biến màu, lòe sáng chớp nhoáng, hình dáng trắng vàng liền nên nguyện Như Lai, y theo Pháp trước, 7 ngày đêm mà làm. ắt nên như việc, nếu không **Tinh Tạng** mất đi chẳng nhìn thấy (**Quyết** ghi là : Chẳng cầu).

Nói Bắc Đẩu Thất Tinh là Tinh của mặt trời, mặt trăng với 5 vì sao . Xưa kia bao quát chiếu diệu đến 8 phương, bên trên tỏa sáng (Diệu) chốn Thiên Thần, bên dưới thẳng đến Nhân Gian để quản lý Thiện Ác mà phân chia Họa Phước. Nơi triều tông của Quần Tinh là nơi phủ ngưỡng (cúi đầu kính mến) của vạn linh.Nếu có người hay lễ bái cúng dường thì trường thọ phú quý. Người chẳng tôn kính thì vận mệnh chẳng được dài lâu.

Đây dùng **Lộc Mệnh Thư** ghi rằng: "Đời có **Ty Mệnh Thần** mỗi khi đến ngày **Canh, Tân** thì bên trên hướng về Thiên Đế bày tỏ tội ác của chúng sinh. Người có tội nặng ắt tuần tự nhìn nhận tính toán, Người tội nhẹ thì gỡ bỏ, ghi chép vào Toán Thư (Sách ghi chép tính toán) rồi báo cho Chủ Mệnh".

Chính vì thế cho nên Đức Thế Tôn vì chúng sinh chết yểu, mệnh ngắn, phước mỏng ở thời Mạt Thế mà nói Nhất Tự Đỉnh Luân Vương, Triệu Bắc Đẩu Thất Tinh, Nghi Tắc cúng dường Hộ Ma để cúng dường, khiến cho Mệnh thuộc Tinh Số xóa bỏ **Tử Tịch** (sách ghi ngày giờ chết) quay lại giao cho **Sinh Tịch** (sách ghi đời sống lâu dài)"

_**Bắc Đẩu Thất Tinh Niệm Tụng Nghi Quỹ** ghi chép là:

"Bấy giờ Đức Thế Tôn vì tất cả chúng sinh bạc phước ở thời Mạt Thế mà nói Giáo Pháp Chân Ngôn. Thời tất cả Nhật, Nguyệt, Tinh Tú đều vân tập trước sau vây quanh, khác miệng cùng lời bạch rằng: "Nguyện xin Đức Thế Tôn vì chúng con mà nói Thần Chú"

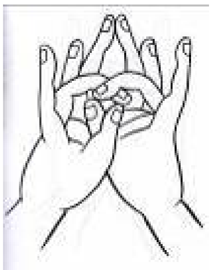
Khi ấy Đức Thế Tôn nói **Bát Tinh Chú** (? Thất Tinh Chú) là :

Án, táp đá nhi nẵng dã, bán nhạ, mật nhạ dã, nhiễm phổ tha ma, sa-phộc nhĩ nẵng, la khất-sơn, bà phộc đổ, sa ha

OṂ_ SAPTA JINĀYA BHAÑJAYA VIJAYA JAṂPUTHAMA SVĀMINA (Danh vị…) RAKṢA BHAVATU _ SVĀHĀ

ẤN MINH ấy trích trong Kinh Kim Cương Đỉnh, Phẩm Thất Tinh

[**Bắc Đẩu Thất Tinh Tổng Ấn :**
Hai tay: 2 Hỏa (2 ngón giữa) 2 Không (2 ngón cái) cùng vịn nhau, 2 Thủy (2 ngón vô danh) hợp mặt ngón, 2 Địa (2 ngón út) 2 Phong (2 ngón trỏ) đều trương thẳng liền thành An (Trích trong A Đà Mật Kinh hoặc Khẩu Quyết ….)]



Đức Phật bảo nhóm Tham Lang, Phá Quân rằng: "Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện thọ trì Thần Chú ấy thì các ngươi có ủng hộ không?"

Lúc đó 8 Nữ (Bát Nữ) bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Nếu có người mỗi ngày tụng Thần Chú này thì quyết định trừ diệt hết thảy tội nghiệp, thành tựu tất cả nguyện cầu. Giả sử lại có người, nếu có thể mỗi ngày tụng Thần Chú này 108 biến liền được Tự Thân với tất cả Quyến Thuộc ủng hộ. Nếu hay tụng 500 biến sẽ có sức đại uy thần, trong khoảng chu vi 500 Do Tuần, tất cả Ma Vương với các Ma Chúng, tất cả loài gây chướng, vô lượng Quỷ ác chẳng dám gần gũi, thường được ủng hộ. Bắc Đẩu Bát Nữ, tất cả Nhật Nguyệt Tinh Tú, các Trời Rồng Dược Xoa, loài hay gây chướng nạn… đều bị hoại đứt trong một thời.

Nếu có người muốn cúng dường. Trước tiên phát Tâm bạt tế, ở nơi vắng lặng thanh tĩnh dùng hương hoa, thức ăn uống cúng dường , tụng trì Thần Chú, kết An Khế. Như vậy cúng dường thời 8 Nữ với tất cả Quyến Thuộc đều hiện thân tùy ý phụng sự người tu, thành tựu vô lượng nguyện cầu. Như hàng **La Nhạ** (Rāja: vua chúa) liền được vương vị huống chi là chút ít Quan Vị vinh diệu của Thế Gian"

.) Nếu **La Hầu** (Rāhu), **Kế Đô** (Ketu) ám cung Bản Mệnh Tinh của Hành Giả thì nên tụng **Bắc Đẩu Chân Ngôn** này.

CỬU DIỆU

Chín sao Diệu, tên Phạn là **Nava-grahani** chỉ 9 loại thiên thể của nhóm Nhật, Nguyệt, Hỏa Tinh. Do chín Diệu này tùy chạy theo mặt trời mà chẳng cách lìa, đầy đủ ý nắm giữ, cho nên người xưa xưng là **chín Chấp**.

Y theo **Đường Thư** (Lịch Chí), quyển 18 ghi chép: "Đời Đường, năm Khai Nguyên thứ sáu (7180 Thái Sử Giám **Cù Đàm Tất Đạt** từng phụng chiếu dịch **Cửu Chấp Lịch** bao quát Lịch Pháp là một loại **Phạn Lịch** của loại tựa như **Hồi Hồi Lịch** với **Thái Dương Lịch**, ấy là Cửu Diệu tức y theo Phạn Lịch mà lập **Lịch tượng**. Thứ tự như sau:

1_**Nhật Diệu**, tên Phạn là **Āditya** hay **Sūrya**, tên Tạng là **Di-ma**, tức Thái Dương (Mặt trời), phối bày ở phương Sửu Dần

2_**Nguyệt Diệu**, tên Phạn là **Soma**, tên Tạng là **Zla-ba**, tức Thái Âm (Mặt trăng) phối bày ở phương Tuất Hợi

3_**Hỏa Diệu**, tên Phạn là **Aṅgāraka**, tên Tạng là **Mig-dmar**, là **Huỳnh Hoặc Tinh** (Hỏa Tinh) phối bày ở phương Nam

4_**Thủy Diệu**, tên Phạn là **Budha**, tên Tạng là **Lhag-pa**, là **Thần Tinh**, phối bày ở phương Bắc

5_**Mộc Diệu**, tên Phạn là **Bṛhaspati** hay **Vṛhaspati**, tên Tạng là **Phur-ba**, là **Tuế Tinh**, phối bày ở phương Đông

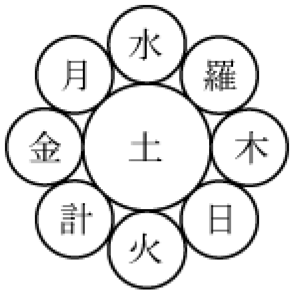
8_**Kim Diệu**, tên Phạn là **Śukra**, tên Tạng là **Pa-ba-saṅs**, là **Thái Bạch Tinh**, phối bày ở phương Tây

7_**Thổ Tinh**, tên Phạn là **Śanaiścara**, tên Tạng là **Spen-pa**, là **Trấn Tinh**, phối bày ở phương Trung Ương

(7 vì sao bên trên, gọi là **Thất Diệu**)

8_**La Hầu**, tên Phạn là **Rāhu**, tên Tạng là **Sgra-can**, tức **Hoàng Phan Tinh** hay **Thực Thần** gặp mặt trời mặt trăng đều ăn nuốt, phối bày ở phương Đông Bắc

9_**Kế Đô**, tên Phạn là **Ketu**, tên Tạng là **Mjug-riṅ**, tức **Tuệ Tinh** hay **Báo Vĩ Tinh**, phối bày ở phương Tây Nam



_Quan hệ với tính chất của **Cửu Diệu**

.)Đại Nhật Kinh Sớ, **quyển 4** nói rằng: "Nhật, Nguyệt, Hỏa, Thủy, Mộc, Kim, Thổ là **Thất Diệu** cùng với **La Hầu, Kế Đô** hợp làm **Cửu Chấp**. La Hầu là Giao Hội Thực Thần. Kế Đô phiên dịch đúng là **Kỳ** (cây cờ), **Kỳ Tinh** là **Tuệ Tinh** vậy. Ngoài **hai Chấp** này ra, bảy Diệu còn lại đều theo thứ tự trực nhật, loại tính ấy cũng có thiện ác"

.)Kinh **Tú Diệu, quyển Hạ** nói rằng: "Một ngày một di chuyển, bảy ngày giáp vòng lại chỗ ban đầu, chỗ dùng ấy mỗi mỗi đều có sự thích hợp, chẳng thích hợp"

.)Kinh **Khổng Tước, quyển Hạ** cũng nói là: "Này A Nan Đà! Ông nên xưng niệm tên gọi của **chín loại Chấp Diệu** (Nava-grahā). **Chấp Diệu Thiên** này khi tuần

hành **28 Tú** (Aṣṭa-viṃśatīnāṃ-nakṣatrānāṃ) thời hay khiến cho ngày đêm, thời phần tăng giảm. Hết thảy sự sung túc, tằn tiện, khổ, vui của Thế Gian đều trước tiên biểu thị cho tướng ấy. Các vị ấy tên là:

Nhật (Sūrya), **Nguyệt** (Soma) với **Huỳnh Hoặc** (Aṅgāraka)
Thần (Budha), **Tuế Tinh** (Vṛhaspati), **Thái Bạch** (Śukra)
Trấn (Śanaiścara) với **La Hầu** (Rāhu), **Tuệ** (Ketu)
Đây gọi là **Chấp Diệu** (Grahā)
Nhóm **Cửu Diệu** này có uy lực lớn, hay bày việc tốt xấu"

Do đây có thể biết, thời Cổ Đại thường y theo **Cửu Diệu** chiêm bốc việc tốt xấu, họa phước

.)**Bản Địa Thuyết** của Nhật Bản ghi nhận là:
"**Nhật** là **Quán Âm** (hoặc **Hư Không Tạng** hay **Văn Thù Sư Lợi**)
Nguyệt là **Thế Chí** (hoặc **Thiên Thủ Quán Âm** hay **A Di Đà Phật**)
Hỏa là **Bảo Sinh Phật** (Hoặc **A Lỗ Ca Quán Âm** hay **Dược sư Phật**)
Thủy là **Diệu Trang Nghiêm Phật** (hoặc **Thủy Diện Quán Âm**)
Mộc là **Dược Sư Phật** (hoặc **Mã Đầu Quán Âm** hay **bất Động Minh Vương**)
Kim là **A Di Đà** (hoặc **Bất Không Quyến Sách** hay **Thế Chí Bồ Tát**)
Thổ là **Tỳ Lô Giá Na Phật** (hoặc **Thập Nhất Diện Quán Âm** hay **Tỳ Sa Môn Thiên**)
La Hầu là **Tỳ Bà Thi Phật**
Kế Đô là **Bất Không Quyến Sách** (hoặc **Đại Nhật Phật**)"

Lại có phối trí với số tuổi của con người mà phân biệt pháp tốt xấu, đưa ra nhóm **Thất Diệu Nhương Tai Quyết**

Ngoài ra, y theo Cửu Diệu với Thần Tượng sở thuộc ấy, hội thành **Mạn Trà La** (Maṇḍala) và xưng là **Cửu Diệu Mạn Trà La**. Có điều trong đồ hình thiếu mất Nguyệt Diệu mà dùng **Kiếm Bà** (Kampa) thay thế

Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 4 nói rằng: "**Chấp Diệu** như vậy tức là mội loại **Thiện Tri Thức Môn** trong Mạn Trà La. Các Bản Tôn ấy liền hay thuận theo sự nghiệp của Thế Gian mà làm phương tiện gia trì. Vì A Xà Lê khéo chọn lựa thời cát tường cho nên cùng với Chân Ngôn Bản Thệ ấy, **Pháp Nhĩ** tương quan để làm gia trì, được lìa các chướng vậy"

1_Nhật Diệu (Āditya hay Sūrya): Lại xưng là Nhật Thiên Diệu, Nhật Tinh, Nhật Tinh (tinh tuý của mặt trời), Thái Dương Mật Nhật Tinh . Là quyến thuộc của Nhật Thiên của Mật Giáo, hoặc đồng Thể với Nhật Thiên.

Tôn này biểu thị cho Tâm Bồ Đề trong sạch.

Tôn Hình: Thân màu thịt. Tay phải cầm vành mặt trời, Tay trái để ở eo, khoác Thiên Y. Dùng cỗ xe có ba con ngựa làm toà ngồi.





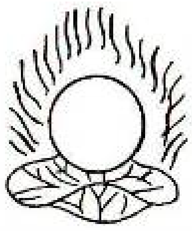


Hoặc Tôn hình được xem là Hóa Thân của **Văn Thù Sư Lợi** là:

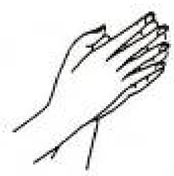


Chữ chủng tử là: RO (𑖨𑖺), hay SU (𑖭𑖲), hay A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là:Vành mặt trời.



Tướng Ấn là:Kim Cương Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SŪRYĀYA_ SVĀHĀ

Hay

NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ SŪRYA SARVA NAKṢATRA-RĀJĀYA.
OṂ _ AMOGHA-SYA (Danh vị…) ŚATRI _ SVĀHĀ

2_ Nguyệt Diệu (Soma) tức Thái Âm

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm nửa vành trăng, tay trái nắm quyền để ngang ngực.





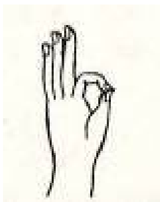
Hoặc Tôn hình được xem là Hóa Thân của **A Di Đà** là:



Chữ chủng tử là: SU (𑖭𑖲), hay SĀ (𑖭𑖯)
Tam Muội Gia Hình là: Con thỏ trên nửa vành trăng.



Tướng Ấn là: Nguyệt Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay
OṂ_ SOMA-ŚRI_ SVĀHĀ

Hoặc
OṂ _ CANDRA-NAKṢATRA-RĀJĀYA (Danh vị…) ŚATRI _ SVĀHĀ

3_Hoả Diệu (Aṅgāraka): Lại xưng là Huỳnh Hoặc Tinh.
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây kích (hình bên phải)





Hoặc Tôn hình được xem là Hóa Thân của **Dược Sư Phật** là:



Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Độc Cổ.



Tướng Ấn là: Hỏa Thiên Triệu Thỉnh Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ _ AṄGĀRAKA-ŚRI-AROGYA _ SVĀHĀ

4_ Thuỷ Diệu (Budha):Lại xưng là Thuỷ Tinh, Trích Tinh, Thuỷ Đại Diệu, Thuỷ Tinh (tinh tuý của nước)

Tôn hình: Thân màu thịt, chắp hai tay lại, đầu đội mão báu Tinh Nguyệt (mặt trăng có ngôi sao), ngồi Bán Già.

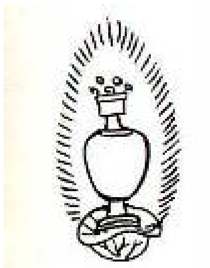




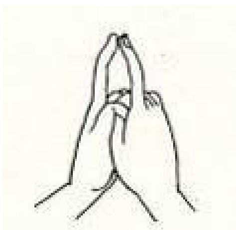
Hoặc Tôn hình được xem là Hóa Thân của **Thập Nhất Diện Quán Âm** là:



Chữ chủng tử là: BU ( )
Tam Muội Gia Hình là:Ngôi sao trên cái bình.



Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ_ BUDHA- NAKṢATRA SVAMINA KHEDUMA_ SVĀHĀ

5_ Mộc Diệu (Vṛhaspati): Lại xưng là Tuế Tinh, Nhiếp Đề.

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, ngửa lòng bàn tay phải lên trên co ngón giữa ngón vô danh cùng với ngón cái vịn nhau. Tay trái nắm quyền để ngang eo, giao ống chân mà ngồi (hình bên trái)





Hoặc Tôn hình được xem là Hóa Thân của **Bất Động Minh Vương** là:

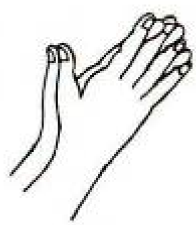


Chữ chủng tử là: VṚ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là:Kim Cương Hợp Chưởng, mở dựng hai ngón cái.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay

OṂ _ VṚHASPATI ŚRI _ SVĀHĀ

Hay

OṂ_ VṚHASPATIDHA MAPITHAVNAYA (Danh vị…) MALA VARTHADI _ SVĀHĀ

6_ Kim Diệu (Śukra): lại xưng là Kim Tinh, hoặc Thái Bạch. Tôn hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y. Ngửa lòng bàn tay trái, co 4 ngón. Tay phải để ngang ngực.





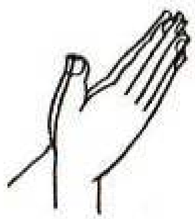
Hoặc Tôn hình được xem là Hóa Thân của **Thế Chí Bồ Tát** là:



Chữ chủng tử là: ŚU (🕉)
Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên cái bình.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ_ ŚUKRAḤ- ŚRI_ SVĀHĀ

Hoặc

OṂ _ ŚUKRA GATHARVA-RĀJĀYA (Danh vị…) ŚRĪ- KARI _ SVĀHĀ

7_ Thổ Diệu (Śanaiścara): tức Trấn Tinh

Tôn hình: Thân màu thịt, hiện tướng Lão Tiên Nhân, thân trên màu đỏ cởi trần, thân dưới mặc quần da beo, tay phải cầm cây gậy Tiên, tư thế đi bộ





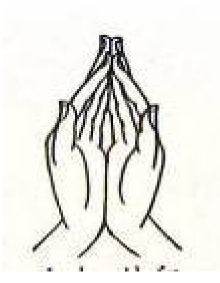
Hoặc Tôn hình được xem là Hóa Thân của **Tỳ Sa Môn** là:



Chữ chủng tử là: ŚA (𑖫), hoặc PṚ (𑖢𑖴)
Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy Tiên.



Tướng Ấn là: Bát Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ_ ŚANAIŚCARA-ŚCITI- ŚRI_ SVĀHĀ

8_ La Hầu Tinh (Rāhu): tức Hoàng Phan Tinh, lại xưng là Thực Thần. Lúc gặp mặt trời, mặt trăng tức là Thực (mặt trời, mặt trăng bị ăn)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình phẫn nộ, đầu tóc dựng lên trên, hai tay để bên lỗ tai.





Hoặc Tôn hình có 3 mặt phẫn nộ, tóc lửa dựng đứng, bên trên có 9 con rắn là:

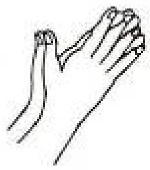


Chữ chủng tử là: RĀ ( ), hay RA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là:Kim Cương Hợp Chưởng, mở dựng hai ngón cái.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ OṂ RĀHUNA-ASURA-RĀJĀYA _ SVĀHĀ

Hay

OṂ _ RĀHUNA ASURA-RĀJĀYA SOMA ŚATUNAYA (Danh vị…) ŚĀNTI KARI _ SVĀHĀ

9_ Kế Đô (Ketu): Ketu dịch âm là Kế Đô, Kê Đâu, Kê Đô, dịch ý là Kỳ Tinh. Lại xưng là Tuệ Tinh, Báo Vĩ Tinh, Thực Thần Vĩ

Tôn Hình: Thân màu thịt, ở trong mây lộ nửa thân

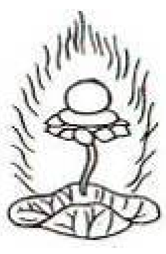




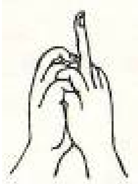
Hoặc Tôn hình được xem là Hóa Thân của **Đại Nhật Như Lai** là:



Chữ chủng tử là: JE (𑖕𑖸), hay KE (𑖎𑖸), hay HE (𑖮𑖸)
Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc đỏ trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Tuệ Tinh Ấn.



Chân Ngôn là:

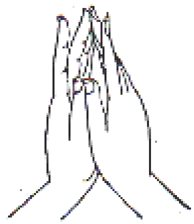
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

Hay

OṂ _ VAJRA-KETUNA-NAKṢATRA-RĀJĀYA (Danh vị…) HŪṂ _ SVĀHĀ

CHÂN NGÔN, THỦ ẤN CỦA TÚ DIỆU

***) Cửu Chấp Diệu Thiên Tổng Ấn:** Chân thật chắp tay. Hai Không (2 ngón cái) kèm nhau dựng thẳng, duỗi 2 Phong (2 ngón trỏ) đều mở gốc ngón rồi đưa qua lại.



Tổng Chân Ngôn là :

OṂ _ GRAHEŚVARYA PRĀPTA JYOTIRMAYA _ SVĀHĀ

_ Đại Thánh Tức Tai Chân Ngôn là :

OṂ _ SARVA TATHĀGATA ŚRĪYE _ SVĀHĀ

_ Phá Tú Diệu Tai Nạn Chân Ngôn:

OṂ _ SARVATRĀ ŚRĪYE SAMAYE _ SVĀHĀ

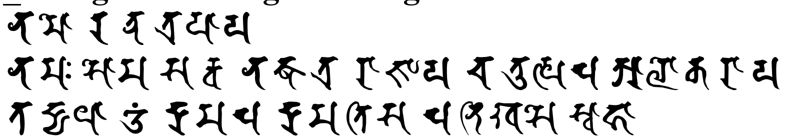
_ Phá Chư Tú Ấn:
Hai tay tác Ngoại Phộc, dựng thẳng hai ngón cái đè trên móng hai ngón trỏ.
Ấn này đồng với Bát Tự Văn Thù Đại Tinh Tiến Ấn



Phá Nhất Thiết Tú Diệu Chướng Cát Tường Chân Ngôn là:

OṂ _ SARVA NAKṢATRA SAMAYE ŚRĪYE ŚĀNTIKA KURU SVĀHĀ

_ **Năng Cát Tường Chân Ngôn**:



NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ SOMA SARVA NAKṢATRA-RĀJĀYA _ CATURTHIPA ĀLOKARĀYA

TADYATHĀ : OṂ_ DUMAPA DUMATISA PANIKHASE _ SVĀHĀ

_**Phật nói Kinh Thánh Diệu Mẫu Đà La Ni** ghi nhận hai bài Chú là:

.) **Cúng Dường Tú Diệu Chân Ngôn:**

OṂ_ MEGHOLKĀYA SVĀHĀ
OṂ_ ŚITĀṂŚAVE SVĀHĀ
OṂ_ RAKTĀṄGA-KUMĀRĀYA SVĀHĀ
OṂ_ BUDHĀYA SVĀHĀ
OṂ_ VṚHASPATAYE SVĀHĀ
OṂ_ ASURA-UTTAMĀYA SVĀHĀ
OṂ_ KṚṢṆA-VARṆĀYA SVĀHĀ
OṂ_ RĀHAVE SVĀHĀ
OṂ_ JYOTIḤ-KETAVE SVĀHĀ

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Chân Ngôn xong liền bảo Kim Cương Thủ Bồ Tát rằng: "Cửu Diệu Chân Ngôn như vậy, người niệm đều được thành tựu. Trước hết nên y theo Pháp dùng nước thơm xoa **Man Noa La** (Maṇḍla: Đàn Trường) rộng 12 ngón tay. Hoặc dùng vật khí bằng vàng bạc, hoặc vật bằng đồng, vật bằng sành sứ hiến nước Át Già cúng dường Tinh Diệu, dùng Chân Ngôn trước đều niệm 108 biến thì việc mong cầu ắt đều thành tựu"

.)Tú Diệu Mẫu Đà La Ni (Gṛha-mātṛka-nāma-dhāraṇī)

OṂ NAMO RATNA-TRAYĀYA
OṂ NAMO BUDDHĀYA
OṂ NAMO DHARMĀYA
OṂ NAMO SAMGHĀYA
OṂ NAMAḤ VAJRA-DHARĀYA
OṂ NAMAḤ PADMA-DHARĀYA
OṂ NAMAḤ KUMĀRĀYA
OṂ NAMAḤ SARVA-GRAHĀNĀṂ SARVA-AŚĀ-PARIPŪRAKĀNĀṂ
OṂ NAMAḤ NAKṢATRĀNĀṂ
OṂ NAMO DVĀ-DAŚA- RĀŚĪNĀṂ
OṂ NAMAḤ SARA-UPADRAVĀNĀṂ
TADYATHĀ:

OṂ _ BUDDHE BUDDHE _ ŚUDDHE ŚUDDHE _ VAJRE VAJRE _ PADME PADME _ SARA SARA _ PRASARA PRASARA _ SMARA SMARA _ KRĪḌA KRĪḌA _ KRĪḌĀYA KRĪḌĀYA _ MARA MARA _ MĀRAYA MĀRAYA _ MARDAYA MARDAYA _ STAMBHA STAMBHA _ STAMBHAYA STAMBHAYA _ GHAṬA GHAṬA _ GHĀṬAYA GHĀṬAYA _ MAMA SARVA-SATTVĀNĀNCA VIGHNĀN CCHINDA CCHINDA BHINDA

SARVA-VIGHNĀN NĀŚANĀṂ KURU KURU MAMA SAPARIVĀRASYA SARVA-SATTVĀNĀÑCA

KĀRYAṂ KṢEPAYA KṢEPAYA MAMA SARVA-SATTVĀNĀÑCA SARVA-NAKṢATRA-GRAHA-PĪDĀN NIVĀRAYA NIVĀRAYA

BHAGAVATI ŚRĪYAṂ KURU _ MAHĀ-MĀYA PRASĀDHAYA SARVA-DUṢṬĀN NĀŚAYA

SARVA-PĀPANI MAMA SAPARIVĀRASYA SARVA-SATTVĀNĀÑCA RAKṢA RAKṢA

VAJRE VAJRE _ CAṆḌE CAṆḌE _ CAṆḌINI CAṆḌINI_ NURU NURU _ MUSU MUSU _ MUMU MUMU _ MUÑCA MUÑCA _ HAVĀ HAVE UGRE UGRA-TARE PŪRAYA

BHAGAVATI MANORATHAṂ MAMA SARVA-PARIVĀRASYA SARVA-SATTVĀNĀÑCA SARVA-TATHĀGATA-ADHIṢṬHITANA-ADHIṢṬHITE SVĀHĀ

OṂ SVĀHĀ

HŪṂ SVĀHĀ

HRĪḤ SVĀHĀ

DHŪḤ SVÀHÀ

DHĪḤ SVĀHĀ

OṂ_ ĀDITYĀYA SVĀHĀ

OṂ_ SOMĀYA SVĀHĀ

OṂ_ DHARAṆĪ-SUTĀYA SVĀHĀ

OṂ_ BUDHĀYA SVĀHĀ

OṂ_ VṚHASPATAYE SVĀHĀ

OṂ_ ŚUKRĀYA SVĀHĀ

OṂ_ ŚANIŚCARĀYA SVĀHĀ

OṂ_ RĀHAVE SVĀHĀ

OṂ_ KETAVE SVÀHÀ

OṂ_ BUDDHĀYA SVĀHĀ

OṂ_ VAJRA-PĀṆAYE SVĀHĀ

OṂ_ PADMA-DHARĀYA SVĀHĀ

OṂ_ KUMĀRĀYA SVĀHĀ

OṂ_ SARVA-GRAHĀṆĀṂ SVĀHĀ

OṂ_ SARVA-NAKṢATRĀṆĀṂ SVĀHĀ

OṂ_ SARVA-UPADRAVĀṆĀṂ SVĀHĀ

OṂ_ DVĀ-DAŚA-RĀŚĪNĀṂ SVĀHĀ

OṂ_ SARVA-VIDYE HŪṂ HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Đà La Ni này xong , liền bảo Kim Cương Thủ Bồ Tát rằng: “Nay, bí mật tối thượng của Chân Ngôn này là hay cho chúng sinh mãn tất cả nguyện. Nếu có người cầu sự trường thọ thì vào ngày mồng bảy tháng tám bắt đầu thọ trì trai giới đến đêm ngày 14 y theo Pháp cúng dường Tú Diệu cho đến ngày 15, trong một ngày đêm đọc tụng Đà La Ni này thì người đó sẽ sống lâu đến 99 năm. Hết thảy hàng Lôi Điển, Rồng, Quỷ, các Tinh Diệu ác đều chẳng có thể gây sợ hãi. Lại được Túc Mệnh Trí, mọi sở nguyện đều như ý”

PHẠM THIÊN HỎA LA CỬU DIỆU

Hán Văn: NHẤT HẠNH Thiền Sư tu thuật
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

28 TÚ tại ở Trời chuyển theo bên trái, đếm biết địa vị của người xúc phạm.

Đời Đường_**Vũ Đức** năm đầu tiên khởi từ Mậu Dần đến **Hàm Thông** năm thứ 15, Giáp Ngọ đều được 257 năm vậy

Đồ hình của **Phạm Thiên Hỏa La Cửu Diệu** với hai ngôi sao **Ám, Hư** ở đây, chỉ chỗ ở của các vì sao. Xem rồi quyết định sự tốt xấu trong một đời, vạn điều chẳng sai một, rất ư Thần Diệu.v.v….

1_ **La Hầu Thực Thần Tinh Minh** là:

"Án, la hộ nẵng, a tố la la nhạ dã, tắc ma, xả đổ dã nẵng (Danh vị) **phiến để già lý bà, sa ha"**

Oṃ_ Rāhuna-asura-rājāya soma śatunaya (danh dự và địa vị) **śānti-kari svāhā**

Sao **La Hầu** (Rāhu) dùng tiền cúng dường.

Khẩu Quyết nói rằng: "Hướng đến Sửu, Dần cúng.

Năm: 1, 10, 19, 28, 37, 46, 55, 64, 73, 82, 91 hợp với Đại Hung



Hành niên đến gặp **Tú** này là xấu (hung). Vì sao này ẩn mà chẳng hiện, một tên là **La Hầu**, một tên là **La Sư**, một tên là **Hoàng Phan**, một tên là **Hỏa Dương** chiếu đến (lâm) Bản Mệnh con người thì lo lắng mất địa vị quan chức, bệnh nặng ràng buộc, tài vật phá tán, tang chế buồn rầu, cãi vã (khẩu thiệt).

Quốc Vương đã chẳng cúng tế vị Thần này.

Đến **Tú** này thì tu Phước cầu đảo. Cúng dường **Nguyên Thần, Tiền,** vẽ **Sở Phạm Thần Hình** được đại cát.v.v…

(Mạng người thuộc Trời **Đại Thanh**. Năm nay, trăm việc như ý, chỗ mong cầu đều được, đi lại ra vào đều **đại cát lợi**)

2_ **Trung Cung Thổ Tú Tinh** (Vua tại bốn Quý) **Kê Hoãn Chân Ngôn**:

"Quy mệnh. Án, tán nhật lợi duệ, sa bà hạ"

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Oṃ_ saṃjitiye svāhā

Lại Chân Ngôn là:

"Án, xả nê sát-tác la, nẵng khất-sát đát-la, bả-la ha nẵng, lỗ sa dạ (danh vị…) **phổ sắt-để, ca lý, sa-phộc hạ"**

Oṃ_ Śanaiścara-nakṣatra brāhmaṇa-rūpaya (danh dự và địa vị) **puṣṭi-kari svāhā**

Lại Chân Ngôn:

"Án, thú thú yết la nga đà-phộc la-phộc la-phộc, la nhã (danh vị…) **thất lý, sa-bà hạ"**

Xuân **Tốn**, Hạ **Khôn**, Thu **Càn**, Đông **Cấn**, tháng Quý Hạ…bày một mâm trái cây cúng tế

Khẩu Quyết nói rằng: "Phương ấy chẳng định, Xuân Quý hướng **Tốn**, ngoài ra dùng thứ tự mà biết"

Năm: 2, 11, 22, 29, 38, 47, 56, 65, 74, 83, 92 hợp với Đại Hung



Hành Niên đến **Tú** này là **Thổ Tinh** (Śanaiścara) ở cung chính giữa. Ngôi sao ấy có chu vi bao quanh 90 dặm thuộc địa phận của nước Sở (nay là tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc). Tú này rất xấu thiên về đốt cháy **Cung** chiếu đến với che chắn con người. Gặp **Tú** này phải cẩn thận về bệnh tật, lao ngục. Năm ách nặng của người Quân Tử, hiệu là **Thổ Tinh**, chẳng dám phạm vào.

Hình vị Thần ấy như Bà La Môn, đầu đội mão bò, tay cầm tích trượng cùng gây họa.

Quốc vương lấy tháng Quý Hạ (tháng 6), bày một mâm trái cây cúng tế.

Cầu đảo tống tiễn Bản Mệnh Nguyên Thần, tiền, vẽ Sở Phạm Thần Hình cúng dường, mặc áo màu vàng cầu đảo ắt tiêu Tai tăng Phước.

Thọ Mệnh Bản Mệnh thuộc Trời **Xích Hư**, trăm việc chẳng như ý, người nam chẳng hợp với quan, người nữ chẳng hợp với chồng

Kỵ tháng 3, tháng 9, ngày Canh, ngày Tân

3_ **Đích Bắc Thần Tinh** (Thủy Tinh Vương tại ba tháng mùa Đông) **Minh** là:
"Án, câu tất đà tha điệt đà lợi, nhai nhai, tử tử, nễ đế, sa bà ha"

Lại **Minh** là:
"Án, mẫu đà, nẵng khất-sát sa-phộc nhĩ nẵng (danh vị…) **khế-nỗ ma, sa-phộc hạ"**

Oṃ_ Budha-nakṣatra svamina (Danh dự và địa vị...) **kheduma svāhā**

Lại **Tâm Chú** là:
"Án, tô để-lý sắt tra, sa bà ha"

Oṃ_ sutriṣṭha svāhā

Lấy tháng Trung Hạ (tháng 5) dùng dầu cúng tế, hướng về phương Bắc cúng
Năm: 3, 12, 21, 30, 39, 48, 57, 66, 75, 84, 93…hơi tốt (thiểu cát)



Hành Niên đến **Tú** này tên là **Bắc Thần**, một tên là **Sàm Tinh**, một tên là **Trích Tinh** có chu vi bao quanh 100 dặm thuộc địa phận của nước Yên, nước Triệu. Nếu chiếu đến Bản Mệnh con người; chủ về: Âm, lo buồn, cãi vã, giặc cướp, dẫn dắt, kêu gọi.

Vị Thần ấy có dạng người nữ, đầu đội mão hình con vượn, tay cầm giấy bút.

Quốc vương lấy tháng Trọng Hạ (tháng 5), dùng dầu tế. Nên cúng **Bắc Đẩu** cầu Phước.

Đếm 12 Cung này, từ tháng sinh trở xuống, một Tú làm một ngày, theo bên trái (phần kế tiếp) đếm tới ngày sinh thì dừng, liền biết vậy…dùng thực hành, không có (bản khác)

Mạng người thuộc Trời **Du Hàm**, trăm việc chẳng thành, người nam chẳng hợp với quan, người nữ chẳng hợp với chồng.

Kỵ tháng tư, ngày Bính, ngày Tuất

4_ **Tây Phương Thái Bạch Tinh** (là Kim Tinh, Kim Thần. Vua tại 3 tháng mùa Thu) **Minh** là:

“Quy mệnh. Án, phệ vĩ tỳ, sa bà ha”

Lại Chân Ngôn là:

“Án, thú yết la, nga đà phộc đà-phộc, la nhã, thất lý, sa bà ha”



Oṃ_ Śukra gatharva rājāya (danh xưng và địa vị…) **śrī kari, svāhā**

Thường lấy tháng Trọng Thu (tháng 8) dùng **Sinh Tiền** cúng tế, hướng về phương Tây cúng

Năm: 4, 13, 22, 31, 40, 49, 58, 67, 78, 85, 94…hơi xấu (thiểu hung)



Hành Niên đến **Na Hiệt…**là **Thái Bạch Tinh** tức sao Kim ở phương Tây vậy. Ngôi sao ấy có một tên là **Thái Bạch**, một tên là **Trường Canh**, một tên là **Na Hiệt**. Ngôi sao ấy có chu vi bao quanh 100 dặm thuộc địa phần nước Tần. Nếu chiếu đến Bản Mệnh con người ắt có sự than khóc, đao binh

Hình như người nữ, đầu đội mão hình con gà, áo lụa trắng, búng dây đàn, gây tai vạ cho con người.

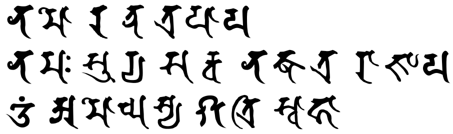
Quốc vương thường lấy tháng Trọng Thu (tháng 8) dùng Sinh Tiền cúng tế.

Hành Niên đến ngôi sao này, thích hợp mặc áo trắng, cúng tế Bản Mệnh Nguyên Thần làm ruộng Phước, rất tốt vậy.

Mạng người thuộc Trời **Phi Trọng**, trăm việc đều tốt, lo giải tai vạ. Người nam: tiền của hợp với quan, vợ con cùng ràng buộc, sửa trị đời sống gấp vạn lần

5_**Thái Dương Mật Nhật Tinh Chân Ngôn** là:

“Nẵng mô la đát-nẵng đát la dạ dã. Nẵng mạc tố lý dã, tát phộc nẵng khất-la đát-la, la nhạ dã. Án a mô già tả (danh vị) **thiết để, sa bà ha”**



Namo ratnatrayāya
Namaḥ sūrya sarva nakṣatra-rājāya
Oṃ_ amogha-sya (Danh dự và địa vị…) **śatri svāhā**

Lấy ngày Đông Chí dùng mọi báu tế, hướng về Mão, Thìn cúng
Năm: 5, 14, 23, 32, 41, 50, 59, 68, 77, 86, 95…rất tốt (đại cát)

Hành Niên đến **Tú** này, chủ về Thái Dương thuộc mặt trời. Ngôi sao ấy có chu vi bao quanh 1500 dặm, một ngày một Chu Thiên.

Nếu chiếu đến Bản Mệnh con người đều tăng quan tiến lộc, có việc vui mừng, thường được Quý Nhân dẫn dắt, chỗ làm được thông đạt.

Quốc vương lấy ngày Đông Chí, dùng mọi báu cúng tế thì rất tốt vậy

Chân Ngôn của ngôi sao này chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chí Tâm đeo giữ kèm cúng dường một năm thì chẳng bị tai vạ, chẳng chết….

Mạng người thuộc **Thông Quang,** trăm việc như ý, Thiên Thần cùng bảo hộ, cuối cùng không có gì là thật khó, nơi hướng đến được khai thông, Phước Lộc tự đến.



6_**Nam Phương Hỏa Huỳnh Hoặc Tinh** (Hỏa Vương tại 3 tháng mùa Hạ) **Hỏa Tinh Chân Ngôn** là:

“Quy mệnh. Án, ma ha lợi đa, sa bà ha”



Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Oṃ Mahā-riṣṭa svāhā

Lại Chân Ngôn là:

"Án, a nga la ca, lỗ nghĩ dã (danh vị) **sa-bà ha"**

Oṃ_ Aṅgaraka-arogya (Tên gọi và địa vị…) **svāhā**

Lấy tháng Trọng Hạ (tháng 5) dùng lửa cúng tế, hướng về phương Nam cúng

Năm: 6, 15, 24, 33, 42, 51, 60, 69, 78, 87, 96…đều là năm xấu

Hành Niên đến ngôn sao này, một tên là **nam Phương Huỳnh Hoặc Tinh**, một tên là **Tứ Lợi Tinh**, một tên là **Hư Hán**. Chu vi của ngôi sao ấy bao quanh 70 dặm thuộc địa phận của nước Ngụy.

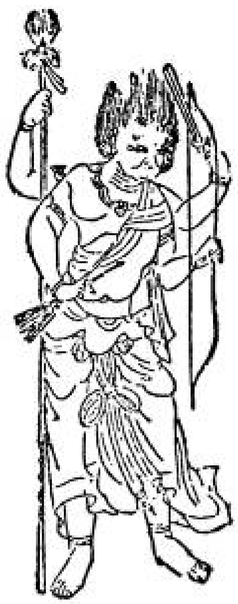
Nếu chiếu đến mạng người ắt sinh khẩu thiệt (cãi vã), bệnh tật ràng buộc.

Vị Thần ấy có hình như Ngoại Đạo, đầu đội mão lửa, bốn cay cầm binh khí đao nhọn bén

Quốc vương lấy tháng Trọng Hạ (tháng 5) dùng lửa cúng tế.

Hành Niên đến ngôi sao này thì người Quân Tử gặp Phước, Chức Sự tăng tiến lợi ích. Kẻ tiểu nhân được Phước, chẳng sinh điều tai hại. Cung kính tức không có tai họa.

Mạng người thuộc **Vân Tiêu**, Thiên Thần cùng bảo hộ, chẳng dám gây họa, tiền của tràn đầy, Phước Lộc rộng đến. Tuy có chút lo nhưng tự giải được, không có khổ.



7_**Kế Đô Thực Thần Tinh Minh** là:

"Án, phộc nhật-la kế đô nẵng, nẵng khất-sát đát-la, la nhạ dã (danh vị) **hồng"**

Oṃ_ Vajra-ketuna-nakṣatra-rājāya (tên gọi và địa vị…) **hūṃ**

Vẽ hình này để sâu trong cái Thất, cúng dường tiêu trừ tai ương, đẩy Họa thành Phước. Hướng về **Mùi, Thân** cúng.

La Hầu (Rāhu) đeo châu báu, còn **Nhật** (Sūrya), **Nguyệt** (Soma), **Kế Đô** (Ketu) mặc áo gấm thêu (cẩm tú)

Năm: 7, 16, 25, 34, 43, 52, 61, 79, 88, 97… hợp với việc xấu (hung)

Hành Niên đến **Kế Đô** (Ketu) này, cũng là **Ẩn Tinh**, một tên là **Báo Vĩ**, một tên là **Đại Ẩn**. đầu ẩn chẳng thấy, chẳng thấy mà di chuyển không có hình nhất định.

Nếu chiếu đến tên người (nhân danh) thì làm quan bị nhiều việc bức bách, cầu quan chẳng vừa ý, công việc bị chuyển dời, **Quan Phù** ràng buộc, nhiều lo âu bệnh tật.

Ngôi sao này hung xấu. Quốc vương chẳng cúng tế



Hành Niên đến ngôi sao này thì nên tống tiễn **Ngũ Đạo Ty Mệnh**. Vẽ hình của vị Thần này, ở trong cái thất sâu, cúng dường cầu đảo, đẩy lùi họa thành Phước.

Nhân Mệnh thuộc Trời **Ôn Độc**, chỗ hướng đến chẳng như ý, đi không có lợi, vợ chồng khóc lóc, hoặc chồng rơi nước mắt.

Kỵ tháng 5, tháng 6, ngày Giáp, ngày Ất

8_**Mộ Thái Âm** (Nguyệt Thiên) **Minh** là:

"Án, chiến đát-la nẵng khất-sát đát-la, la nhạ dã (Danh vị) **thiết để, sa bà hạ"**

Oṃ_ Candra-nakṣatra-rājāya (tên gọi và địa vị…) **śatri svāhā**

Thường lấy ngày Hạ Chí, dùng mọi ngọc báu với nước cúng tế. Hướng về **Thân, Dậu** cúng

Năm: 8, 17, 26, 35, 44, 53, 62, 71, 80, 89, 98



Hành Niên đến vị trí của **Tú** này là **Thái Âm** thuộc mặt trăng. Mặt trăng ấy có chu vi bao quanh 1500 dặm, một ngày đi giáp vòng Thiên Hạ. Nếu chiếu đến Bản Mệnh con người thì rất tốt, tăng quan tiến lộc, chỗ làm thông đạt, được Quý Nhân dẫn dắt, lâu dài có việc mừng tốt (hỷ khánh)

Quốc vương lấy ngày Hạ Chí, dùng mọi châu ngọc với nước cúng tế.

Hành Niên đến phương này thì việc được thông hòa, cầu quan được toại ý, chỗ làm rất tốt.

Mạng người thuộc Trời **Vi Cúng**, ngàn trăm việc đều xấu, gặp bệnh sợ chết. Ruộng đất, nuôi tằm chẳng thu hoạch được, lo việc của quan huyện

Kỵ tháng giêng, tháng 9, ngày Bính, ngày Đinh

9_**Đông Phương Tuế Tinh** (Vua tại 3 tháng mùa Xuân) **Mộc Tinh Minh** là:

"Nẵng mô tam mạn đa một đà nam. Án, ấn na la dã, sa bà ha"



Namo samanta buddhānāṃ_ Oṃ indrāya svāhā

Lại Chân Ngôn là:

"Án, bà-la ha tát-bát để, nẵng ma địa bỉ đá phộc-nẵng dã (danh vị) **ma la phộc-đà ninh, sa-phộc hạ"**



Oṃ_ Vṛhaspati dhama pithavnaya (tên gọi và địa vị…) **mala varthadi svāhā**

Thường lấy tháng Trọng Xuân (tháng 2), dùng mọi báu cúng tế. Hướng về phương Đông cúng

Năm: 9, 18, 27, 36, 45, 54, 63, 72, 81, 90, 99…đều là Đại Cát (rất tốt)

Hành Niên đến **Ốt Một Tư** là **Tuế Tinh**, sao Mộc ở phương Đông, một tên là **nhiếp Đề**. Ngôi sao ấy có chu vi bao quanh 100 dặm thuộc địa phận của nước Vệ, nước Lỗ. Chiếu đến Bản Mệnh con người thì tăng quan tiến lộc, vạn sự tốt lành.

Vị Thần ấy có hình như khanh tướng, mặc áo xanh, đội mão heo, tay cầm hoa quả

Quốc vương thường lấy tháng Trọng Xuân (tháng 2) dùng mọi báu cúng tế.



Hành Niên đến **Tú** này thì thích hợp giao thông với Quý Nhân, hôn nhân hòa hợp. Năm này mọi việc đều rất tốt.

Mạng người thuộc Trời **Cao Thương**, vạn sự đều ổn thỏa, chỗ hướng đến được như ý, đi lại có lợi, cư ngụ bình an, con cháu hưng thịnh

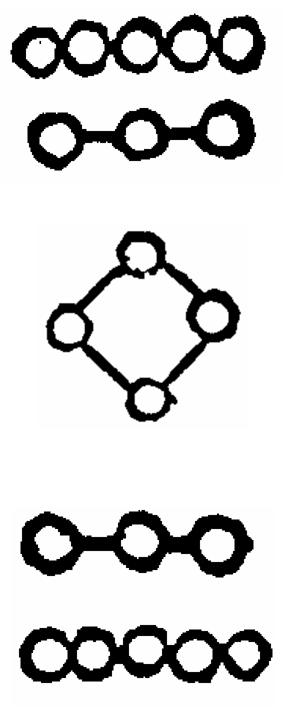
_Bắc Đẩu Thất Tinh Minh là:
"Nẵng mạc tam mạn đa, na la na la, phá tả la, hồng"

Namaḥ samanta dara dara pacara hūṃ

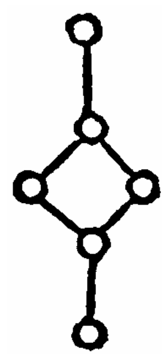
_Cửu Chấp Minh là:
"Quy mệnh. Án, nghiệt-la hề niết-phộc lý-dã, bát la bát-đa, nhu để la ma dã, sa-bà hạ"

Namaḥ samanta buddhānāṃ_ Oṃ_ graheśvarya prāpta jyotirmaya svāhā

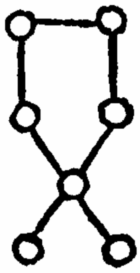
Đầu của **Thực Thần** từ tháng Giêng đến cuối năm thường ở hai **Tú** này



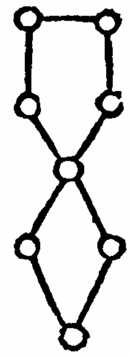
Dực Tú



Trương Tú (La)



Vĩ Tú



Đê Tú (Kế).

Đuôi của **Thực Thần** từ tháng Giêng đến cuối năm đeo ở hai **Tú** này (Phần bên trên không có bản khác)

_Kinh **Án Duật Tư** ghi rằng:

Phàm con người chỉ biết có **bảy Diệu**, chẳng hiểu rõ **Hư Tinh** hiệu là **La Hầu** (Rāhu), **Kế Đô** (Ketu). Ngôi sao này ẩn vị trí nên chẳng thấy; gặp mặt trời, mặt trăng liền ăn nuốt nên có hiệu là **Thực Thần**. Kế Đô là cái đuội của Thực Thần, hiệu là **Báo Vĩ**. Nếu **Hành Niên** đến **Tú** này thì nên vẽ **Sở Phạm Thần Hình** để sâu trong cái Thất cúng dường, đốt tiền cầu đảo, tức tai họa chẳng sinh

Nếu gặp sao xấu (ác tinh) thì nên cầu đảo thì mọi việc chẳng trái nghịch với **Sở Phạm** ấy, tức biến xấu (hung) thành tốt (cát), chẳng tin liền biến tốt thành xấu.

Gặp sao tốt (cát tinh) thì lớp lớp Phước Đức tự tại

Gặp sao xấu (ác tinh) thì tai hại tranh nhau sinh ra. Vương Hầu phạm vào liền bị bãi quan giáng chức. Chỉ dùng giờ Hợi, hướng mặt về **Bắc Đẩu**, chí Tâm tế bái **Bản Mệnh Tinh**, cần thiết chẳng được hướng về phương Bắc tiểu tiện sẽ bẻ gãy thọ mệnh của con người. Thích hợp nghĩ đến **niệm chân chính** sẽ khéo được Phước, hợp tiền. Nếu chẳng cầu đảo thì tai hại tranh nhau dấy lên

_Cát Tiên Công lễ Bắc Đẩu Pháp

Trấn Thượng Huyền Cửu Bắc Cực Bắc Đẩu. Từ vương hầu cho đến sĩ thứ, hết thảy đều thuộc **Bắc Đẩu Thất Tinh** (bày ngôi sao Bắc Đẩu) thường nên kính trọng sẽ chẳng gặp tai họa đột ngột, việc hung ác, cứu khắp sự tương ách của người đời, được kéo dài tuổi thọ, lợi ích cho việc tính toán, không có các tai nạn, cùng với Bản Mệnh Nguyên Thần, chí Tâm cúng dường đều được toại nguyện thọ mệnh, tài lộc của con người. Sự tai hại, họa xấu, mê muội lấp kín đều do chẳng kính **Tinh Tượng** (hình tượng của ngôi sao), chẳng biết **Hữu Phạm Tinh Thần** mù mờ mà đi ắt tai nạn tự nhiên dẫn đến. Cầu đảo liền rất tốt vậy.

Ngày cúng tế **Bản Mệnh Nguyên Thần**: trong một năm có 6 ngày, chỉ chí Tâm, ngày của **Bản Mệnh** dùng giấy tiền tốt tùy theo tiền trong năm; dùng ba lớp trà quả, trải một cái chiếu trên cái sàng sạch, đốt hương, thành Tâm quay mặt nhìn Bắc Đẩu

Lại lễ bái, khải cáo rằng: "Kẻ **Tiểu Nhân** ở xa ưa thích Đạo, cầu sự linh ứng, thường thấy Tôn Nghi. Vào ngày của Bản Mệnh, kính cẩn dâng tiền bạc, quả trái tươi cúng dường **Bắc Đẩu Thần Tinh** và **Bản Mệnh Thần Hình…**mong cho tăng trưởng ích thọ của đời này, không có các tai vạ bất ngờ, Thần Hồn an ổn, Nguyên Thần tự tại, trợ giúp suốt năm …."

Lại bái lạy, đốt tiền, chắp tay cúng dường

_**Phá Quân Tinh**: trì đại trí (người sinh vào năm Ngọ)
_**Vũ Khúc Tinh**: tân đại đông (người sinh vào nămTỵ, năm Mùi…)
_**Liêm Trinh Tinh**: bất quán tử (người sinh vào năm Thìn, nămThân)
_**Văn Khúc Tinh**: vi tuệ tử (người sinh vào năm Mão, năm Dậu)
_**Lộc Tồn Tinh**: lộc hội (người sinh vào giờ Dần, giờ Tuất)
_**Cự Môn Tinh**: trinh văn tử (người sinh vào năm Hợi, năm Sửu)
_**Tham Lang Tinh**: ty hy tử (người sinh vào năm Tý)

Phàm **Lộc Mệnh Thư** …..

Người thuộc **Phá Quân Tinh**: một ngày ăn hơn một thăng, thọ mệnh 80 tuổi. Nam nữ sinh năm Ngọ, tên tự là **Đại Kinh Tử**

Người thuộc **Vũ Khúc Tinh**: một ngày ăn hơn một thạch, thọ mệnh 85 tuổi. Nam nữ sinh năm Tỵ, năm Mùi… tên tự là **Đại Đông Tử**

Người thuộc **Liêm Trinh Tinh**: một ngày ăn hơn một thăng, thọ mệnh 80 tuổi. Nam nữ sinh năm Thìn, năm Thân… tên tự là **Thuật Bất Lân Tử**

Người thuộc **Văn Khúc Tinh**: một ngày ăn hơn một thăng, thọ mệnh 90 tuổi. Nam nữ sinh năm Mão, năm Dậu… tên tự là **Vi Tuệ Tử**

Người thuộc **Lộc Tồn Tinh**: một ngày ăn hơn năm thăng, thọ mệnh 80 tuổi. Nam nữ sinh năm Dần, năm Tuất… tên tự là **Lộc Tồn Hội Tử**

Người thuộc **Cự Môn Tinh**: một ngày ăn hơn tám thăng, thọ mệnh 80 tuổi. Nam nữ sinh năm Sửu, năm Hợi… tên tự là **Trinh Văn Tử**

Người thuộc **Tham Lang Tinh**: một ngày ăn hơn hai thăng, thọ mệnh 65 tuổi. Nam nữ sinh năm Tý… tên tự là **Ty Hy Thần Tử**

_Tất cả Như Lai nói **Phá Nhất Thiết Tú Diệu Chướng Cát Tường Chân Ngôn**:

"Án, tát phộc nặc sát đát-la, tam ma duệ, thất lý duệ, phiến để ca, câu lỗ, sa-bà hạ"



Oṃ_ sarva nakṣatra-samaye śrīye śāntika kuru, svāhā

Người nam kỵ **Thiên La**, người nữ kỵ **Địa Võng**. Muốn biết suy họa chỉ ở tại nơi mà **Hành Niên** đã phạm thì không có gì chẳng biết vậy.

Hành Niên của người chồng: tốt ít xấu nhiều…đột nhiên có thể biết nên quay trở về tránh đi, sẽ chẳng thể nhận chịu tai họa ấy….

_Phạm Thiên Hỏa La Đồ Nhất Thiếp

Kính bạch Đại Phạm Thiên Vương, Đế Thích Thiên Vương, Diêm La Thiên Tử, Ngũ Đạo Đại Thần, Thái Sơn Phủ Quân, Ty Mệnh Ty Lộc, mười hai cung Thần, bảy

Diệu, chín Chấp, hai mươi tám Tú, Dược Xoa, Dược Xoa Nữ, Tỳ Xá Già, Tỳ Xá Chi, Bộ Đa Na Thiên…Thiện Thần sai khác ở ngay nơi trấn thủ hộ Pháp

Hoặc trong nhà: các hàng Thần lớn nhỏ bảo vệ nhà cùng với loài sinh theo bốn cách trong sáu đường ở các cõi nước nhiều như hạt bụi nhỏ chẳng thể nói chẳng thể nói trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới.

Nay con (họ tên là…) nguyện: Tháng này, vào ngày tốt, giờ tốt xin bày biện vật cúng Vô Già để cúng **Thần**. Xin bậc Đại Chí ấy có thể biết được tấm lòng này…..

_ Tiếp đến **Khuyến Thỉnh**, hướng về phương Đông, chắp tay.

Xong phần bên trên

(phần bên dưới biểu thị cho sự viết chép trên giấy, vải. Nay ghi chép lại)

1_ **La Hầu**: rất xấu (đại ác)
2_ **Thổ**: hơi xấu (thiểu ác)
3_**Thủy**: tốt vừa (trung cát)
4_**Kim**: tốt vừa
5_**Nhật**: rất tốt (đại cát)
6_**Hỏa**: hơi xấu
7_**Kế**: rất tốt
8_**Nguyệt**: tốt vừa
9_**Mộc**: rất tốt

Tên gọi là **Nhất Thiết Thiểu Thiên Chú Pháp** (Tay phải: dựng thẳng ngón giữa, các ngón còn lại nắm Quyền. Tay trái cũng thế, hai tay hợp cổ tay cách tim ngực tám Thốn (8/3 dm), hơi co ngón giữa phải, đưa ngón giữa trái qua lại, lay động khiến cáu giận)

_Chư Thiên Thông Dụng Chú:
“Án, lô ca, ca lộ dã duệ, sa bà hạ”
𑖌𑖼 𑖩𑖺𑖎 𑖎𑖨𑖿𑖧𑖯𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Oṃ_ Loka karyāye svāhā

Hết

NGUYỆT THIÊN

Nguyệt Thiên, tên Phạn là **Candra**, dịch âm là Chiên Đà La, Chiến Đạt La. Dịch ý là ánh sáng, chiếu sáng. Là dạng Thần Cách Hóa của mặt trăng

Từ xưa dùng tên gọi **Tô Ma** (Soma), sau này được xem là tương đồng với **Thái Âm** (Nguyệt) nên xưng là **Tô Ma Đề Bà** (Soma-deva). Lại là một vị Tinh Tú, nên được xưng là **Tinh Tú Vương** (Nakṣatra-nātha: Tinh Tú Tôn), **Sáng Dạ** (Niśā-kara), **Đại Bạch Quang** (Śītanśu), **Lãnh Quang** (Śīta-marīci), **Dã Thố Hình** (Śásin hay Śaśa), **Lộc Hình** (Mṛgāṅka)...Lại có tên gọi khác là **Nhân Đồ** (Indu), **Liên Hoa Chủ** (Kuduma-pati), **Bạch Mã Chủ** (Śveta-vājin), **Thấp Bà Đích Đầu Sức** (Śiva-śekhara:vật trang sức trên đầu của Śiva)



_Trong Ấn Độ Giáo, **Candra** là một vị Thần mặt trăng và là một **Chấp Diệu** (Grahā). Trong **Phệ Đà** (Veda), Candra là vị Thần nắm giữ cái bình chứa **nước cốt bất tử** (soma), do đó Candra có tên gọi là **Soma** và là vị chúa tể của thực vật**.** Candra được liên kết với hơi sương, nên được xem là vị Thần của sự sinh sản. Ông còn được gọi là **Rājani-pati** (Chúa tể của đêm tối), **Kṣuparaka** (người soi sáng bóng đêm), **Indu** (giọt ánh sáng).

Candra được ghi nhận là con trai của vị Tiên **Atri** (Atri-mahā-ṛṣi) và là cháu trai của Phạm Thiên **Brahma**. Candra được sinh ra từ biển sữa (các vị Thần đã khuấy nó hàng nghìn năm để tạo ra cuộc sống bất tử). Chư Thần gần như mù quáng với ánh sáng được phát ra từ thân thể của Candra, nên quyết định đưa Chandra vào một hành tinh rồi gửi vào vũ trụ.

Người yêu đầu tiên của Candra là **Tārā** vốn là vợ của **Vṛhaspati** (Mộc Tinh, Mộc Diệu), sau đó Candra và Tārā sinh ra **Budha** (Thủy tinh, thủy diệu). Budha rất ghét cha mình và Candra cũng không ưa thích con trai của mình, và sự cạnh tranh của họ vẫn tiếp tục cho đến ngày nay.

Sau này, Candra kết hôn với 27 người con gái của **Dakṣa-prajāpati** tức là 27 chòm sao (27 Tú), trong đó **Rohini** là người được ông yêu thích nhất.



Candra là chủ tể của ba chòm sao **Rohini, Hasta, Śravaṇa** hay cung điện của mặt trăng

Trong Chiêm Tinh Học của Ấn Độ Giáo, mặt trăng được coi là một trong các hành tinh đem lại sự giàu có và hạnh phúc. Nó cũng được gọi là **Śaśi** hoặc **Tiṅgala**. Ngoài ra Candra còn đại diện cho bộ não và tâm trí, cảm xúc, nhạy cảm, mềm mại, trí tưởng tượng, nữ hoàng và người mẹ.

Candra được kết hợp với màu trắng, kim loại bạc, đá quý ngọc trai và đá mặt trăng. Yếu tố liên quan đến Candra là nước, hướng Tây Bắc, mùa đông, các loại lúa đậu. Như **Soma**, ông chủ trì ngày thứ hai (Somvar) qua hình tượng có hai cánh tay



_Candra được mô tả là trẻ, xinh đẹp và công bằng, tay phải cầm cái chùy, tay trái cầm hoa sen, ngồi trên chiếc xe do mười con ngựa kéo. Hoặc hình tượng có bốn cánh tay ngồi trên chiếc xe do các con Linh Dương kéo







Ngoài ra Candra còn được minh họa qua các hình tượng khác:





_Thần Chú của Candra là:

Oṃ_ Śraṃ Śrīṃ Śrauṃ Saḥ candrāya namaḥ

_Tại Trung Hoa, Nguyệt Thiên được xem là vị Nguyệt Thần, là một trong bảy sao Diệu. Lại xưng là Thái Âm Tinh Quân, Nguyệt Cung Hoàng Hoa Tố Diệu Nguyên Tinh Thánh Hậu, Nguyệt Cung Thái Âm Hoàng Quân Hiếu Đạo Minh Vương. Tên gọi riêng là Thiên Kính, Kim Thiềm, Tố Nga, Ngọc Bàn.

Đạo Giáo Trung Hoa xưng gọi là Thái Âm Nương Nương, Nguyệt Cung Nương Nương, Thái Âm Bồ Tát.

Thế tục xưng gọi là Nguyệt Nương.

Thái Âm Tinh Quân cùng với Thái Dương Tinh Quân (Nhật Thiên) hợp xưng là **Minh**, tượng trưng cho ý **ánh sáng của Đại Địa**

Tôn hình: thân người nữ, hình tượng đoan trang, mặc triều phục đội mão như vị vương phi.



_Theo Phật Giáo thì **Nguyệt Thiên**, tên Phạn là **Candra**, dịch âm là Chiên Đà La, Chiến Đạt La, tức là vị Thiên Vương ngự tại cung điện mặt trăng. Lại xưng là Nguyệt Thần, Nguyệt Thiên Tử, Danh Nguyệt Thiên Tử, Nguyệt Cung Thiên Tử, Bảo Cát Tường Thiên Tử.

.)Kinh **Trường A Hàm, quyển 22** ghi chép là: "Nguyệt Thiên Tử trụ ở cung điện mặt trăng. Cung Điện ấy có một cái xe lớn do Lưu Ly xanh tạo thành, cao 60 Do Tuần, rộng 8 Do Tuần. Nguyệt Thiên Tử ở trong cái xe này cùng với các Thiên Nữ dùng mọi loại Công Đức của năm Dục hòa hợp nhau thọ nhận niềm vui. Họ sống đến 500 tuổi, con cháu kế thừa nhau gìn giữ **cung mặt trăng** (nguyệt cung). Thân của vị ấy tỏa ra ngàn ánh sáng, năm trăm ánh sáng chiếu soi xuống dưới, năm trăm ánh sáng chiếu soi chiều ngang. Do đây lại xưng các tên riêng là **Thiên Quang Minh** (ngàn ánh sáng), **Lương Lãnh Quang Minh** (ánh sáng mát lạnh). Do đời quá khứ tu Công Đức, Nghiệp Lành của nhóm Bố Thí, trì Giới… mà được sinh vào trong cung điện mặt trăng này, thọ nhận các Quả vui thích"

.)Kinh **Pháp Hoa, quyển 1** ghi chép là: "Quyến thuộc của **Thích Đề Hoàn Nhân** (Śākra-indra-devānāṃ) có tên gọi là **Nguyệt Thiên Tử** (Candra-deva-putra)"

.)**Pháp Hoa Kinh Huyền Tán, quyển 2** nói rằng: "**Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta) có tên là **Bảo Cát Tường**, làm **Nguyệt Thiên Tử.** Tức đây gọi là **nguyệt** (mặt trăng). Điều này kế thừa từ thuyết của **"Tu Di Tứ Vực Kinh**" là: Đức A Di Đà Phật sai hai vị Bồ Tát **Bảo Ứng Thanh**, **Bảo Cát Tường** làm mặt trời, mặt trăng. Cho nên Nguyệt Thiên lại được xem là Thân Ứng Hóa của Đại Thế Chí Bồ Tát"

.)**Cúng Dường Thập Nhị Thiên Đại Uy Đức Thiên Báo Ân Phẩm** ghi là: "Khi **Nguyệt Thiên** vui thời ánh sáng lạnh tăng thêm khiến cho vật, người không có bệnh nóng sốt. Khi giận thời buông bỏ hết"

Do vậy, nếu muốn trừ bệnh nóng lạnh (hàn nhiệt), tùy dùng Nhật Nguyệt Thiên (Nhật Thiên trừ lạnh, Nguyệt Thiên trừ nóng)

Ngoài ra trong Mật Giáo xem Nguyệt Thiên là một trong Thiên Bộ ủng hộ Phật Pháp và là một trong 20 Thiên hộ thế

_Trong 12 Thiên thì **Nguyệt Thiên** là vị chủ 28 **Tú**, 12 Cung Thần, tất cả chúng **Tú** trụ trên hư không

Chữ chủng tử là CA (𑖓)



月 天

Nguyệt Thiên Ấn: Duỗi năm ngón của bàn tay trái rồi hơi co lại thành Ấn của nửa hoa sen (Bán Liên Hoa), chỉ làm tướng mặt trăng có màu trắng tinh ở trong lòng bàn tay.



Chân Ngôn là :

"Án, chiến nại la dã , sa phộc ha"

𑖌𑖼 𑖓𑖡𑖿𑖟𑖿𑖨𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

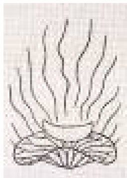
OṂ _ CANDRĀYA SVĀHĀ

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala) thì Nguyệt Thiên là một trong 20 Thiên hộ thế

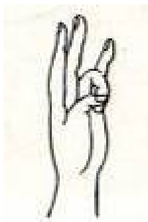
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Nguyệt Thiên hiện hình Đồng Tử, thân màu thịt trắng, tay trái để trước ngực cầm nửa vành trăng, tay trái nắm quyền để ở eo.



Mật Hiệu là: **Kim Cương Quang**
Chữ chủng tử là: VA (𑖪), hay PRA (𑖢𑖿𑖨)
Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng

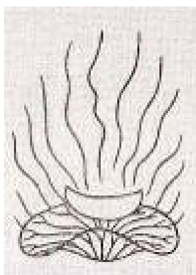


Tướng Ấn là: Tay trái tác Nguyệt Thiên Ấn

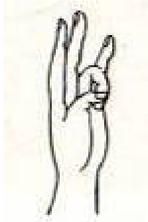


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖢𑖿𑖨𑖥 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA-PRABHA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Nguyệt Thiên có chữ chủng tử là: PA (𑖢)
Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng



Tướng Ấn là: Tay trái tác Nguyệt Thiên Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-PRABHA SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Nguyệt Thiên có chữ chủng tử là: PRA ( )
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



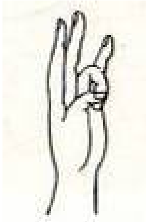
Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-PRABHA SVĀHĀ_ PRA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Nguyệt Thiên có chữ chủng tử là: PRA ( )
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Tay trái tác Nguyệt Thiên Ấn

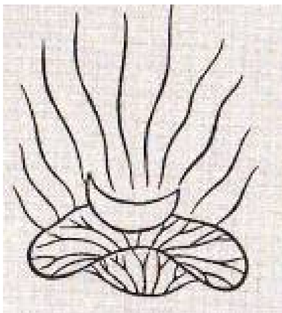


Chân Ngôn là:
𑖌𑖽 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖢𑖿𑖨𑖥 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA-PRABHA   SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Nguyệt Thiên có chữ chủng tử là: GA (𑖐)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



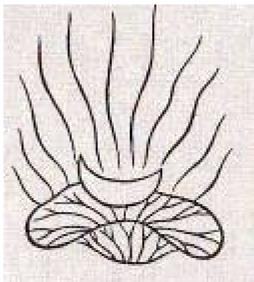
Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖽 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖢𑖿𑖨𑖥 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖐
OṂ _ VAJRA-PRABHA   SVĀHĀ_ GA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Nguyệt Thiên có chữ chủng tử là: BHA ()

Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng.



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-PRABHA   SVĀHĀ_ BHA

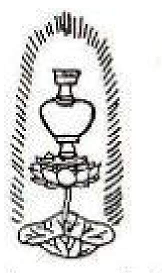
_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) tại phương Tây của **Ngoại Viện Kim Cương Bộ** thì **Nguyệt Thiên** (Candra) là một trong Thiên Bộ thủ hộ Phật Pháp

Tôn hình:Thân màu thịt trắng, ngồi trên ba con ngỗng. Tay trái để ngang ngực. Tay phải cầm cây gậy, đầu gậy có hình nửa mặt trăng

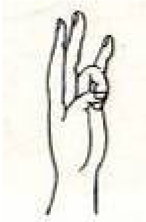


Chữ chủng tử là: ()

Tam Muội Gia Hình là: Cái bình màu trắng.



Tướng Ấn là: Nguyệt Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ CANDRĀYA_ SVĀHĀ

NGUYỆT THIÊN PHI

Nguyệt Thiên Phi, tên Phạn là **Candra-parivārā** vợ của Nguyệt Thiên, biểu thị cho Định Đức của Nguyệt Thiên

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, tay trái để trước ngực cầm hoa sen

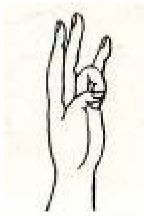


Chữ chủng tử là: CA (𑖓)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen xanh.



Tướng Ấn là: Nguyệt Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ CANDRA-PARIVĀRE SVĀHĀ

12 CUNG (Dva-daśa-vimana)

Thập Nhị Cung (Dva-daśa-vimana) theo Pháp chiêm tinh của Thiên Văn chỉ 12 cung tinh tú mà Thái Dương (mặt trời) đã đi qua trong một năm, 12 cung này là quyến thuộc của Nguyệt Thiên

.)Kinh **Tú Diệu, quyển Thượng** nói rằng: "Phàm **12 Cung** (Dvadaśa-vimana) tức thứ tự vòng sao di chuyển của **bảy Diệu** (Sapta-grahā). Mỗi vòng quay (lịch) bày họa phước, điều xấu (tai) tốt (tường) của **đường đi** (kinh vĩ, tức kinh độ và vĩ độ). Lại các Cung đều có hình vị Thần để làm rõ hình tượng của Cung. Lại một Cung phối trí cai quản xếp bày **chín chân của Tú** (tú cửu túc) để tất cả thứ loại cùng cảm ứng

1_**Sư Tử Cung** (Siṃha-vimana) lại xưng là **Sư Tử Thần Chủ.** Chủ về việc thăng quan, được tiền của. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp đủ ***Tinh Thần, phú quý, hiếu thuận…***hợp với trách nhiệm nắm giữ **quân lữ** (việc quân sự)

2_**Nữ cung** (Kanyā-vimana): lại xưng là Thất Nữ Cung, Thiếu Nữ Cung hoặc **Thiên Nữ Thần Chủ**. Chủ về việc, thê thiếp, phụ nữ. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp khó được Tâm Phúc, nhiều con trai con gái, đủ tiền tài, chức cao…cho nên hợp với trách nhiệm nắm giữ việc của cung, phòng

3_**Xứng Cung** (Tulā-vimana): lại xưng là Xứng Lượng Cung, Thiên Xứng Cung, **Xứng Lượng Thần Chủ**. Chủ về việc của kho báu. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp với Tâm ngay thẳng bình chính, được tin kính, nhiều tiền của. Hợp với trách nhiệm nắm giữ kho tàng.

4_**Hạt Cung** (Vṛścika-vimana): lại xưng là Thiên Kiệt Cung, **Hạt Thần Chủ**. Chủ về việc nhiều bệnh, khắc cấm phần thân. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp với nhiều bệnh, tướng mỏng, Tâm ác, đố kỵ. Hợp với trách nhiệm nắm giữ bệnh tật

5_**Cung Cung** (Dhanu-vimana): lại xưng là Nhân Mã Cung, **Xạ Thần Chủ**. về việc vui mừng tốt đẹp, được tiền của. Nếu người sinh thuộc Cung này, thì Pháp hợp với nhiều kế sách, đủ Tâm mưu tính. Hợp với trách nhiệm nắm giữ văn võ đại thần (tương tướng)

6_**Ma Kiệt Cung** (Makara-vimana): lại xưng là Ma Hạt Cung, Ma Yết Cung. Chủ về việc đấu tranh. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp với Tâm thô, năm nghịch, chẳng kính hòa vợ con. Hợp với trách nhiệm nắm giữ **Hình Sát** (nơi xử phạt giết chết)

Sáu Cung bên trên thuộc phần của **Thái Dương** (Āditya)

7_**Bình Cung** (Kumbha-vimana): lại xưng là Bảo Bình Cung hoặc **Thủy Khí Thần Chủ**. Chủ về việc thắng cường. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp với hạnh tốt, trung tín, đủ học vấn, giàu có. Hợp với trách nhiệm nắm giữ trường học (học quán)

8_**Ngư Cung** (Mīna-vimana): lại xưng là Song Ngư Cung, Nhị Ngư Cung hoặc **Thiên Ngư Thần Chủ**. Chủ về việc thăng quan, nhận chức. Nếu người sinh thuộc Cung này thì pháp hợp với Tướng Sư và Thừa Tướng (tương tướng) không có mất mát, có học vấn, phú quý, trung trực. Hợp với trách nhiệm nắm giữ quan lại, tướng soái.

9_**Dương Cung** (Meṣa-vimana): lại xưng là Bạch Dương Chung hoặc **Trì Dương Thần Chủ**. Chủ về việc có Đức Hạnh cao thượng (cảnh hạnh). Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp với nhiều Phước Đức, sống lâu, lại hay nhẫn nhục. Hợp với trách nhiệm nắm giữ nhà bếp, nấu món ăn.

10_**Ngưu Cung** (Vṛṣa-vimana): Lại xưng là Kim Ngưu Cung, Mật Ngưu Cung hoặc **Trì Ngưu Thần Chủ**. Chủ về việc chăn nuôi súc vật có bốn chân. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp có Phước Đức, nhiều thân hữu, sống lâu, được người quý kính. Hợp với trách nhiệm nắm giữ chuồng nuôi ngựa

11_**Dâm Cung** (Mithuna-vimana): lại xưng là Phu Phụ Cung, Phu Thê Cung, Âm Dương Cung, Song Nữ Cung hoặc **Song Điểu Thần Chủ**. Chủ về việc mang thai, con cháu. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp với nhiều thê thiếp, được người yêu kính. Hợp với trách nhiệm nắm giữ chìa khóa cửa

12_ **Giải Cung** (Karkatāka-vimana): lại xưng là Bàng Giải Cung, Cự Giải Cung, **Giải Thần Chủ**. Chủ về việc quan phủ, cãi vã. Nếu người sinh thuộc Cung này thì Pháp hợp với Tính ác, lừa dối, thông minh nhưng đoản mệnh. Hợp với trách nhiệm nắm giữ xử phạt, tù ngục, kiện tụng

Sáu Cung bên trên thuộc phần của **Thái Âm** (Candra)

.) Kinh **Tú Diệu, quyển Hạ** lại đem 12 Cung này phối bày với 12 tháng trong một năm, tức dùng **Hạt Cung** là tháng Giêng, **Cung Cung** là tháng hai, **Ma Kiệt Cung** là tháng ba, **Bình Cung** là tháng tư, **Ngư Cung** là tháng năm, **Dương Cung** là tháng sáu, **Ngưu Cung** là tháng bảy, **Dâm Cung** là tháng tám, **Giải Cung** là tháng chín, **Sư Tử Cung** là tháng mười, **Nữ Cung** là tháng mười một, **Xứng Cung** là tháng mười hai

_Kinh ấy cũng nói Pháp hành động, cấm bế...nêu bày sự tốt xấu khi xuất hành của người thuộc các Cung. Tức người thuộc **Dương Cung** đối với ngày trực của Mão Tú, Vị Tú mà đi về phương Tây ắt có đại hung. Người thuộc **Dâm Cung** đối với ngày trực của Tỉnh Tú mà đi về phương Đông ắt được đại cát….

Lại như người thuộc ba cung; Nam Nữ Cung, Xứng Cung, Bảo Bình Cung thì đi về phương Đông được đại cát

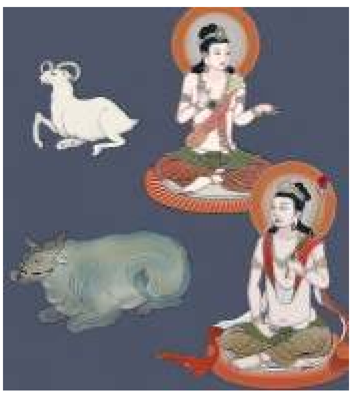
Người thuộc hai cung: Cung Cung, Sư Tử Cung đi về phương Tây được đại cát. Người thuộc Bạch Dương Cung đi về phương Tây gặp đại hung

Người thuộc bốn cung: Giải Cung, Nữ Cung, Hạt Cung, Ngư Cung đi về phương Nam được đại cát. Người thuộcMa Yết Cung đi về phương nam gặp đại hung.

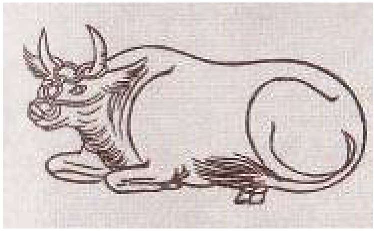
_12 Cung phối trí với phương vị thì phân thuộc bốn phương. Tức phương Đông là nhóm Nam Nữ Cung, Bạch Dương Cung, Kim Ngưu Cung. Phương Tây là nhóm Xứng Cung, Hạt Cung, Cung Cung. Phương Nam là nhóm Bảo Bình Cung, Ngư Cung, Ma Yết Cung. Phương Bắc là nhóm Giải Cung, Sư Tử Cung, Nữ Cung

_Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** ghi nhận hình tượng, Chữ chủng tử, Tam Muội Gia Hình, Thủ Ấn, Chân Ngôn của 12 cung là:

.)Phương Đông: có 3 Cung



1_ Ngưu Mật Cung (Vṛṣa-vimana):
Tôn Hình: Con bò đực màu vàng đỏ.



Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: JA ( ), hay VṚ ( ), hay KA ( )
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VṚṢA-PATAYE_ SVĀHĀ

2_ Bạch Dương Cung (Meṣa-vimana):
Tôn Hình: Con dê màu trắng. Hoặc là hình Thiên Nữ, tay trái tác Thí Vô Uý Ấn, tay phải nắm quyền để trước ngực và dựng đứng ngón trỏ. Ngồi trên toà hình tròn, trước toà có con dê.



Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: JE (𑖕𑖸), hay ME (𑖦𑖸), hay MA (𑖦)
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖦𑖸𑖬𑖢𑖝𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ MEṢA-PATAYE_ SVĀHĀ

3a_ Phu Phụ Cung (Nam) (Mithuna-vimana):
Tôn Hình: Nam hướng mặt về bên phải, cùng đối với nữ



Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: JE (𑖕𑖸), hay MI (𑖦𑖰), hay KA (𑖎)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽𑖦𑖰𑖞𑖲𑖡𑖢𑖝𑖧𑖸𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ MITHUNA-PATAYE_ SVĀHĀ

3b_ Phu Phụ Cung (Nữ) (Mithuna-vimana):

Tôn Hình: Nữ hướng mặt về bên trái, cùng đối với Nam. Tay cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao



Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: JE (), hay MI (), hay KA ()
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



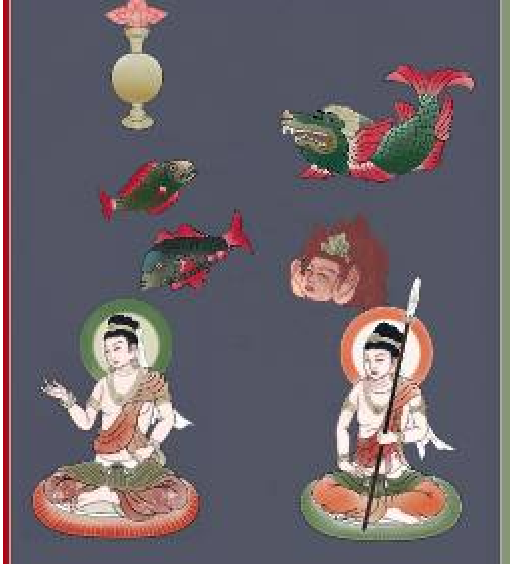
Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ MITHUNA-PATAYE_ SVĀHĀ

_ Phương Nam: có 3 Cung



1_ Hiền Bình Cung (Kumbha-vimana):
Tôn Hình: Trong cái bình báu có cắm hoa sen búp nụ



Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: KU (𑖎𑖲), hay MA (𑖦)
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ KUMBHA-PATAYE_ SVĀHĀ

2_ Ma Kiệt Cung (Makara-vimana):
Tôn Hình: Hình con cá to lớn.



Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: MA (𑖦), hay KU (𑖎𑖲)
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

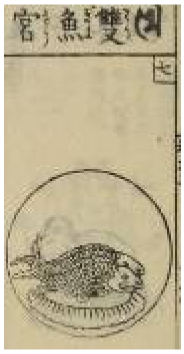


Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖦𑖎𑖨 𑖢𑖝𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ MAKARA-PATAYE_ SVĀHĀ

3_ Song Ngư Cung (Mīna):
Tôn Hình: Hai con cá



Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: MI (𑖦𑖰)
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:



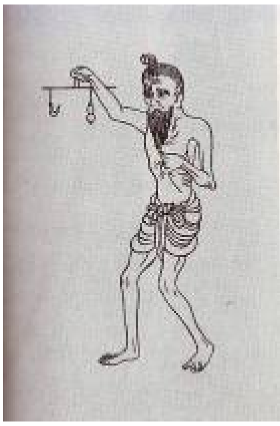
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ MĪNA-PATAYE_ SVĀHĀ

_ Phương Tây: có 3 Cung

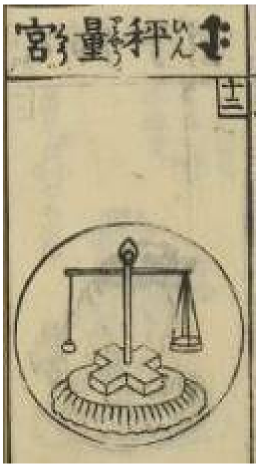


1_ Xứng Cung (Tulā-vimana):

Tôn hình: Thân màu thịt, hiện tướng Lão Tiên Nhân cởi trần. Tay trái để ngang ngực. Tay phải cầm cái cân



Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: TU ( ), hoặc JO ( ), hoặc RAḤ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



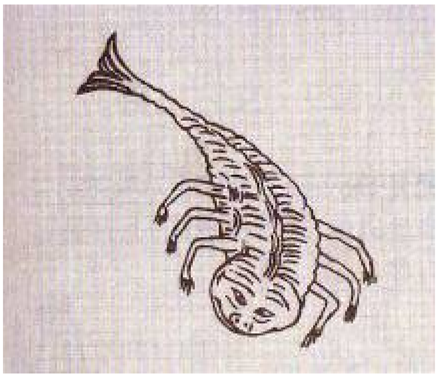
Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

OṂ_ TULĀ-PATAYE_ SVĀHĀ

2_ Yết Trùng Cung (Vṛścika-vimana):
Tôn hình: Thân màu đen đỏ, hiện hình bên ngoài của con Bò Cạp



Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: VṚ (𑖪𑖴)
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



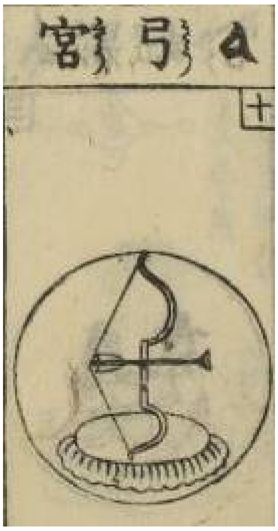
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖴𑖫𑖿𑖓𑖰𑖎 𑖢𑖝𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ_ VṚŚCIKA-PATAYE_ SVĀHĀ

3_ Cung Cung (Dhanu-vimana):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm mũi tên, tay trái cầm cây cung, hiện tư thế Thiên Nhân đi bộ.



Hoặc Tôn Hình là:

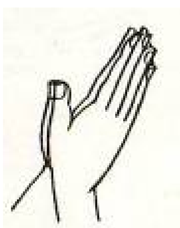


Chữ chủng tử là: DHAṂ (𑖠𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖠𑖜𑖲𑖢𑖝𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ DHANU-PATAYE_ SVĀHĀ

_ Phương Bắc : có 3 Cung



1_ Thiếu Nữ Cung (Kanyā-vimana):

Tôn hình:Thân màu thịt, ngửa lòng bàn tay phải. Tay trái duỗi ngón cái để ở bắp đùi



Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: KA (𑖎), hay HAṂ (𑖮𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

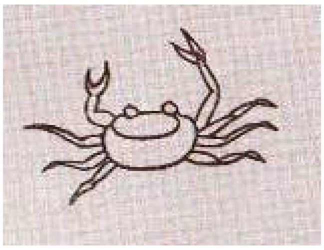


Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

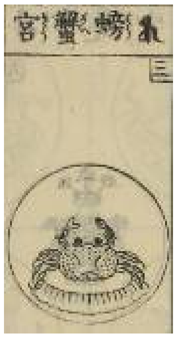


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖎𑖡𑖿𑖧𑖯𑖢𑖝𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ_ KANYĀ-PATAYE_ SVĀHĀ

2_ Bàng Giải Cung (Karkatāka-vimana):
Tôn hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình con cua lớn



Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: KA (𑖎)
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖎𑖨𑖿𑖎𑖘𑖯𑖎𑖢𑖝𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ_ KARKATĀKA-PATAYE_ SVĀHĀ

3_ Sư Tử Cung (Siṃha-vimana):
Tôn hình: Thân màu vàng ròng, hiện hình Sư Tử



Hoặc Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: SI (𑖭𑖰), hay HA (𑖮)
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.



Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖭𑖰𑖽𑖮𑖢𑖝𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ_ SIṂHA-PATAYE_ SVĀHĀ

NHỊ THẬP BÁT TÚ

Nhị Thập Bát Tú, tiếng Phạn là **Aṣṭāviṃśati-nakṣatrānī** hay **Aṣṭāviṃśati-nakṣatrānāṃ**, tiếng Tây Tạng là **Rgyu-ska ñiśu-rtsa,** chỉ 28 loại Tinh Tòa (chòm sao), **Tú** (Nakṣatra) là ý tưởng của chòm sao, cũng tức chỉ 28 chòm sao trên quỹ đạo mà Thái Âm đã vận hành.

28 chòm sao gồm có: Ngang (hay Mão), Tất, Tuy, Sâm, Tỉnh, Quỹ, Liễu, Tinh, Chẩn, Kháng, Trương, Dực, Giác, Đê, Nữ, Đẩu, Ngưu, Cơ, Vĩ, Tâm, Phòng, Hư, Nguy, Thất, Khuê, Bích, Lâu, Vị… là quyến thuộc của Nguyệt Thiên.



Thuyết của 28 TÚ sớm được lưu hành ở Ấn Độ, trong **Dạ Nhu Phệ Đà** (Yayur-veda) đã xếp bày đủ tên gọi của 28 Tú. Trong Phật Điển như "**Ma Đăng Già Kinh**", "**Xà Đầu Gián Thái Tử Nhị Thập Bát Tú Kinh**", "**Đại Phương Quảng Đại Tập Kinh**", "**Phật Mẫu Đại Khổng Tước Vương Kinh**", "**Tú Diệu Kinh**" đều từng nói đến. Ngoài ra ở bốn phương của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** cũng từng ghi chép hình tượng

Tại Trung Quốc, trong **Thiên Quan Thư, quyển 5** thường luận thuật quan hệ của 28 Tú với 12 tháng. "**Tiền Hán Thư**", "**Luật Lịch Chí, quyển Hạ**: xác định phần độ của 28 Tú, tính toán sự khác biệt nóng lạnh của từng năm. "**Sử Ký**" được viết thành

sách vào thời đầu của Thế Kỷ thứ nhất trước Tây Nguyên (công nguyên), cho nên thuyết của 28 Tú ở Trung Thổ xuất hiện trễ nhất là vào năm đầu tiên của Tây Hán

Căn cứ vào điều mà **Cao Nam Thuận Thứ Lang** (người Nhật) đã thuật thì Ấn Độ, Trung Quốc, Ba Tư, A Lạp Bá, Ai Cập… từ xưa đã truyền tên gọi của 28 Tú. **Cao Nam** lại y cứ vào điều mà Học Giả người Đức **Vi Bá** (Weber) với người Mỹ **Huệ Đặc Ni** (Whitney) đã nói, chỉ ra hệ **Tinh Thuật** khởi nguồn từ **Ba Tỷ Luân**, đại khái ở trước Tây Nguyên (công nguyên) trên dưới 800 năm truyền vào Ấn Độ.

_Căn cứ vào Kinh **Tú Diệu, quyển Hạ** ghi chép thì Đời Đường dùng 28 Tú, Tây Quốc (Ấn Độ) trừ bỏ **Ngưu Tú** chỉ dùng 27 Tú rồi dựa theo thư tịch cổ của Ấn Độ là **Kiên Để Sa Luận** (Jyotiṣa) chẳng nêu lên 28 Tú mà chỉ đưa ra 27 Tú. Hệ Ấn Độ đời sau lưu truyền **Thuyết 27 Tú** cho nên nói là 27 Tú quan hệ với số chòm sao trên Quỹ Đạo mà Thái Âm đã đi qua chỉ có 27 Tú, nhưng mà trong một tháng từ ***Tân Nguyệt*** cho đến kỳ **Hắc Nguyệt** của ***Mãn Nguyệt*** tính toán có 30 ngày nên đã dẫn đến điều này

.)Kinh **Tú Diệu, quyển Thượng** nói có ba loại **Tiền Hợp, Tùy Hợp** và **Tịnh Hợp** là: "Sáu Tú: **Khuê, Lâu, Vị, Ngang** (Mão)**, Tất, Tuy** là **Tiền Hợp.** Mười hai Tú: **Sâm, Tỉnh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chẩn, Giác, Kháng, Đê, Phòng** là **Tịnh Hợp.** Chín Tú: **Tâm, Vĩ, Cơ, Đẩu, Nữ, Hư, Nguy, Thất, Bích** là **Tùy Hợp.**

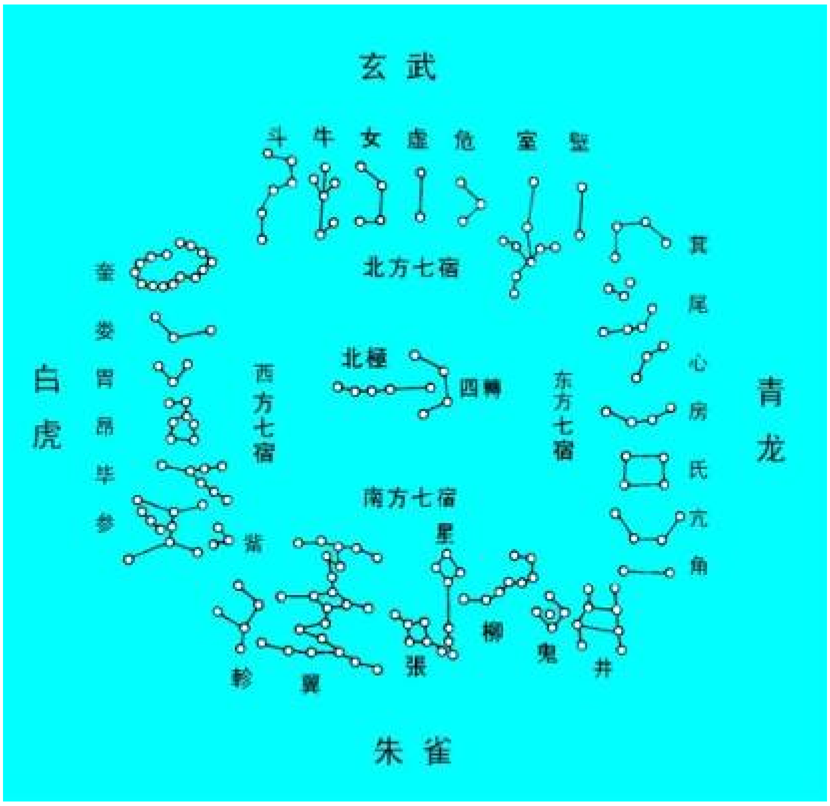
Phàm **Tú** ở phía trước **Nguyệt** (mặt trăng), Nguyệt ở phía sau **Tú** là **Tiền Hợp**

Nguyệt ở phía trước Tú, Tú ở phía sau Nguyệt như con nghé đi theo mẹ, là **Tùy Hợp**

Tú, Nguyệt cùng đi là **Tịnh Hợp**"

_Khi phối hợp 28 Tú với 4 phương, mỗi phương có 7 Tú thì các Kinh Bản có sự xếp đặt khác nhau

.) Phần lưu thông bên ngoài là:



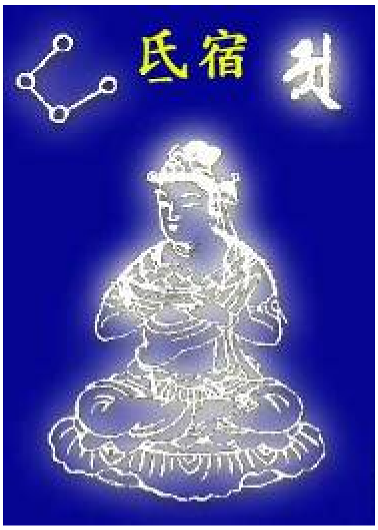
7 Tú ở phương Đông (Thanh Long) là:
1_**Giác** (Oitrā hay Citrā):



2_**Kháng** (Niṣṭyā hay Svāti):



3_**Đê** (Viśākha), **Phòng** (Anūrādhā):



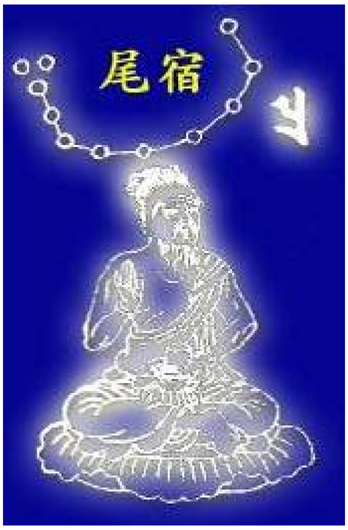
4_**Phòng** (Anūrādhā):



5_**Tâm** (Rohiṇi-jeṣṭhaghni, hay Jeṣṭhā):



6_**Vĩ** (Mūlabarhaṇi hay Mūla):



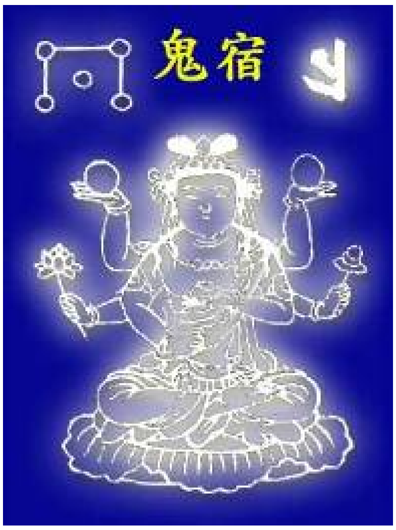
7_**Cơ** (Pūrva-Āṣādhā):



7 Tú ở phương Nam (Chu Tước) là:
1_**Tỉnh** (Punarvasū)**:**



2_**Quỷ** (Tiṣya hay Puṣya)**:**



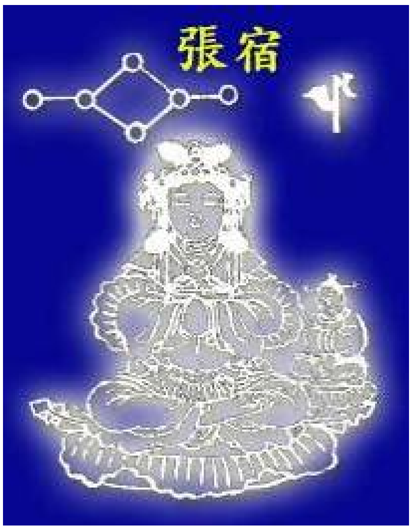
3_**Liễu** (Āśleṣā)**:**



4_**Tinh** (Maghā):



5_**Trương** (Pūrva-phalguni)**:**



6_**Dực** (Uttara-phalguni)**:**



7_**Chẩn** (Hastā):



7 Tú ở phương Tây (Bạch Hổ) là:
1_Khuê (Revati):



2_**Lâu** (Aśvayujan hay Aśvini):



3_**Vị** (Apabharaṇi hay Bharaṇi):



4_**Mão** (Kṛtikā):



5_**Tất** (Rohiṇi):



6_**Tuy** (Invakā hay Mṛgaśirā):



7_**Sâm** (Bāhu hay Ārdrā):



7 Tú ở phương Bắc (Huyền Vũ) là:
1_**Đẩu** (Uttara-Āṣādhā):



2_**Ngưu** (Abhijit):



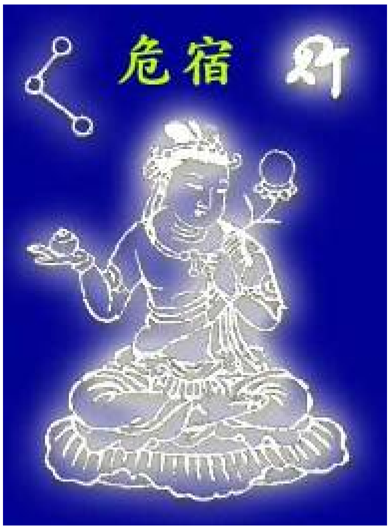
3_**Nữ** (Śroṇā hay Śravaṇā):



4_**Hư** (Śraviṣṭhā hay Dhaniṣṭhā):



5_**Nguy** (Śatabhiṣak):



6_**Thất** (Pūrve-proṣṭhapadā, hay Pūrva-Bhādrapadā):



7_**Bích** (Uttare-proṣṭhapadā hay Uttara-Bhādrapadā):



.) Tại **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La**, 28 Tú được gọi là **Đại Tiên** (Mahā-ṛṣi) xếp bày ở bốn phương, mỗi phương có 7 Tú

7 Tú ở phương Đông:
1) Mão Tú (Kṛtikā)
2) Tất Tú (Rohiṇī)
3) Tuy Tú (Mṛgaśiras)
4) Sâm Tú (Ārdrā)
5) Tỉnh Tú (Punarvasu)
6) Quỷ Tú (Puṣya)
7) Liễu Tú (Āśleṣā)



7 Tú ở phương Nam :
1) Tinh Tú (Maghā)
2) Trương Tú (Pūrva-phalgunī)
3) Dực Tú (Uttara-phalgunì)
4) Kháng Tú (Svātī)
5) Chẩn Tú (Hasta)
6) Giác Tú (Citrā)
7) Đê Tú (Viśākhā)



7 Tú ở phương Tây :
1) Phòng Tú (Anurādhā)
2) Tâm Tú (Jeṣṭha)

3) Vĩ Tú (Mūlā)
4) Cơ Tú (Pūrva-Āṣādhā)
5) Đẩu Tú (Uttara-Āṣādhā)
6) Ngưu Tú (Abhijit)
7) Nữ Tú (Śravaṇā)



7 Tú ở phương Bắc :
1) Hư Tú (Dhaniṣṭhā)
2) Nguy Tú (Śatabhiṣak)
3) Thất Tú (Pūrva_Bhādrapadā)
4) Bích Tú (Uttara_Bhādrapadā)
5) Khuê Tú (Revati)
6) Lâu Tú (Aśvinī)
7) Vị Tú (Bharaṇī)



_ Phương Đông: có 7 Tú



1_ Mão Tú (Kṛtikā)
Kṛtikā (Mão Tú) dịch âm là Khất Lật Để Ca, lại có tên gọi là Mao Đầu.
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen bên trên có ngôi sao (hình 231)



Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: RO ( ) , hay KṚ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là **Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn**: Chắp tay chắc thật. Kèm 2 Không (2 ngón cái) dựng thẳng ngang trái tim, đem 2 Không (2 ngón cái) triệu mời.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ KṚTIKÀ- NAKṢATRA _ SVĀHĀ

2_ Tất Tú (Rohiṇī):

Rohiṇī (Tất Tú) dịch âm là Lô Hứ Nễ, Lỗ Hỷ Ni. Lại xưng là Mộc Giả, Trưởng Dưỡng Tú, Trưởng Dục Tú.

Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen bên trên có chòm sao. (hình 232)



Hay Tôn Hình là:

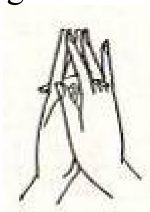


Chữ chủng tử là: RO (𑖨𑖺)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ROHIṆĪ- NAKṢATRA _ SVĀHĀ

3_ Tuy Tú (Mṛgaśira):

Mṛgaśira (Tuy Tú) lại xưng là Lộc Thủ Tú.

Tôn Hình: Úp lòng bàn tay phải để trước ngực, dựng lòng bàn tay trái cầm hoa sen bên trên sen có ngôi sao, giao ống chân mà ngồi. (hình 233)

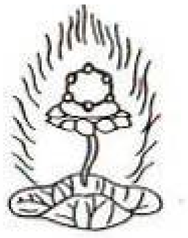


Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: RO (), hay MṚ ()

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ MṚGAŚIRA-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

4_ Sâm Tú (Ārdra):

Ārdra (Sâm Tú) dịch âm là Át Đại La. Dịch ý là Dịch Thấp, Mê Thấp, Vị Thấp. Lại xưng là Sinh Sản Tú, Sinh Dưỡng Tú.

Tôn Hình: Ngửa lòng bàn tay phải để trước rốn. Dựng đứng lòng bàn tay trái, co ngón trỏ ngón giữa cầm hoa sen, trên hoa sen có ngôi sao. Giao ống chân mà ngồi. (hình 234)

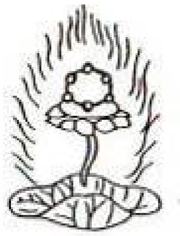


Hay Tôn Hình là:

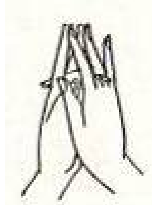


Chữ chủng tử là: RO (), hay A ()

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀRDRA-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

5_ Quỷ Tú (Puṣya):

Puṣya (Quỷ Tú) dịch âm là Bố Sái. Lại xưng là Xí Thịnh, Tăng Ích.

Tôn Hình:Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình 235)

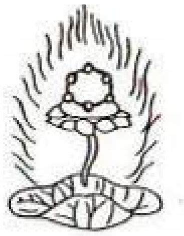


Hay Tôn Hình là:

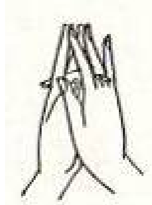


Chữ chủng tử là: PU ( ), hay PRA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ PUṢYA-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

6_ Tỉnh Tú (Punarvasu):

Punarvasu (Tỉnh Tú) dịch âm là Bổ Nại Phạt Tô. Lại xưng là Tăng Tài, Nhãn Tài.

Tôn Hình:Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình 236)



Hay Tôn Hình là:

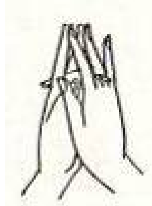


Chữ chủng tử là: A (𑖀) , hay PU (𑖢𑖲), hay PRA (𑖢𑖿𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ PUNARVASU-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

7_ Liễu Tú (Āśleṣa):

Āśleṣa (Liễu Tú) dịch âm là A Thất Lệ Sái. Lại xưng là Bất Cận, Bất Nhiễm.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen (hình 237)

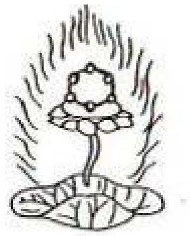


Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: PRA (𑖢𑖿𑖨), hay A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:
𑖡𑖦𑖾𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖡𑖎𑖿𑖬𑖝𑖿𑖨 𑖡𑖰𑖨𑖿𑖕𑖟𑖜𑖰𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ
hay 𑖡𑖦𑖾𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖁𑖫𑖿𑖩𑖸𑖬 𑖡𑖎𑖿𑖬𑖝𑖿𑖨 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀŚLEṢA-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

_ Phương Nam: có 7 Tú



1_ Tinh Tú (Maghā):

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen , trên sen để ngôi sao (hình bên trái)

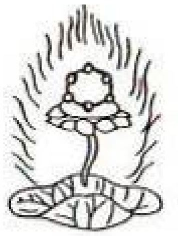


Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: MA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay

OṂ _ MAGHĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

2_ Chẩn Tú (Hastā):

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen để ngôi sao. Tay phải úp lòng bàn tay để ngang ngực (hình ở giữa)

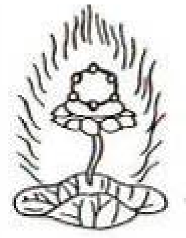


Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: HA (𑖮)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay

OṂ _ HASTĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

3_ Kháng Tú (Svātī):

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải dựng lòng bàn tay để trước ngực, co ngón cái, ngón giữa, ngón vô danh. Tay trái để trước rốn cầm hoa sen , trên sen để ngôi sao (hình bên phải)



Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: SVA ( ) hay SVĀ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay

OṂ _ SVĀTĪ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

4_ Trương Tú (Pūrva-phalgunī): Lại xưng là Tiền Phả Cầu Ni, Tiền Đức Tú, Sơ Phá Cầu, Gian Thác Thiên.

TÚ này có 2 ngôi sao (hoặc nói là 3 ngôi sao, 6 ngôi sao), chủ Thiện Thiên, thuộc Bà Tẩu Thần

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải dựng lòng bàn tay để trước ngực, co ngón cái, ngón giữa, ngón vô danh. Tay trái để trước rốn cầm hoa sen , trên sen để ngôi sao (hình bên trái)

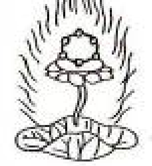


Hay Tôn Hình là:

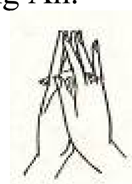


Chữ chủng tử là: MI (), hay PĀ ()

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay

OṂ _ PŪRVA-PHALAGUNĪ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

5_ Dực Tú (Uttara-phalgunī):

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái để trước rốn cầm hoa sen, trên sen để ngôi sao. Co dựng đầu gối trái (hình bên phải)

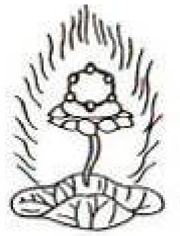


Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: PHA (𑖣), hay MI (𑖦𑖰)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay

OṂ _ UTTARA-PHALAGUNĪ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

6_ Giác Tú (Citrā):

Citrā dịch âm là Chất Đa La, dịch nghĩa là Thải Sắc cho nên được gọi là Thải Hoạ Tú.

Tôn Hình: Thân màu thịt, dựng lòng bàn tay phải co ngón trỏ ngón giữa ngón vô danh. Quyền trái để trước rốn, hai tay cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao. Dựng đầu gối phải, giao ống chân mà ngồi (hình bên trái)

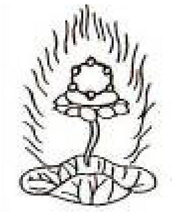


Hay Tôn Hình là:

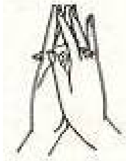


Chữ chủng tử là: CI (), hay MI ()

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay

OṂ _ CITRĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

7_ Đê Tú (Viśākhā):

Tôn Hình: Thân màu thịt, ngửa lòng bàn tay phải để trước ngực. Tay trái để trước vú cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao. Dựng đầu gối phải, giao ống chân mà ngồi (hình bên phải)

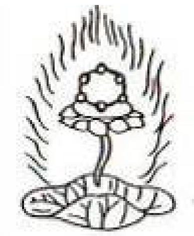


Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: VI ( ), hay A ( )

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay

OṂ _ VIŚĀKHĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

_ Phương Tây: có 7 Tú



1_ Nữ Tú (Śravaṇā):

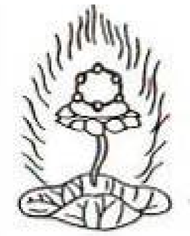
Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình bên phải)



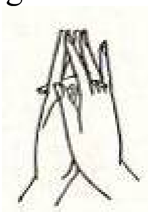
Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: ‘SRA ()
Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ _ ŚRAVAṆĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

2_ Ngưu Tú (Abhijit):

Abhijit là một trong 28 Tú, ở vị trí của toà Sơn Dương.

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình bên trái)

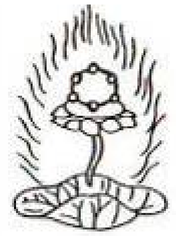


Hay Tôn Hình là:

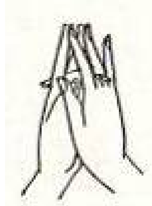


Chữ chủng tử là: A ()

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ _ AVṚJĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

3_ Đẩu Tú (Uttara-aṣādhā):

Lại xưng là Đại Quang, hoặc Hậu A Sa Trà

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình chính giữa).

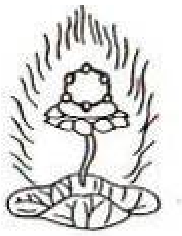


Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: MA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ _ UTTARA-ĀṢĀDHĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

4_ Vĩ Tú (Mūla):

Mūla dịch âm là Mâu Lam, Mộ La. Lại xưng là Thần Thiên, Căn Nguyên Tú.

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao, giao ống chân mà ngồi. (hình thứ ba đếm từ bên trái)

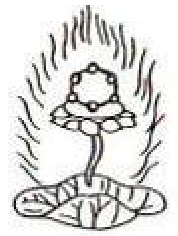


Hay Tôn Hình là:

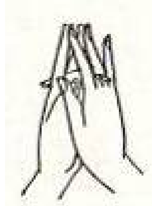


Chữ chủng tử là: MU (𑖦𑖲), hay ŚA (𑖫)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ _ MŪLA-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

5_ Cơ Tú (Pūrva-Āṣādhā):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình thứ tư đếm từ bên trái)

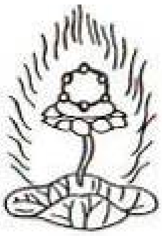


Hay Tôn Hình là:

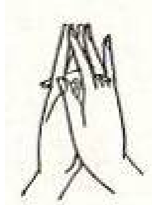


Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ _ PŪRVA-ĀṢĀDHĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

6_ Phòng Tú (Anurādhā):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình thứ nhất đếm từ bên trái)

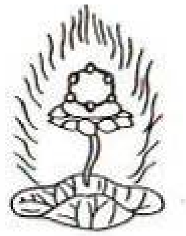


Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ _ ANURĀDHA-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

7_ Tâm Tú (Jyeṣṭhā):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình thứ hai đếm từ bên trái)

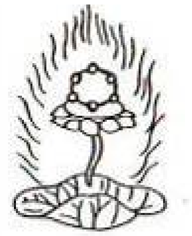


Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: JYE ()

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ _ JEṢṬHA-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

_ Phương Bắc: có 7 Tú





1_ Hư Tú (Dhaniṣṭha):
Tôn hình:Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao

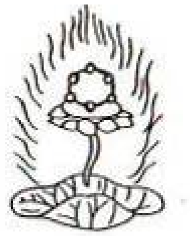


Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: DHA (ᗡ)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ _ DHANIṢṬHĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

2_ Nguy Tú (Śatabhiṣak):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái để trước ngực cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao

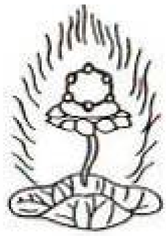


Hay Tôn Hình là:

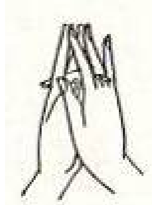


Chữ chủng tử là: ŚA (𑖫)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ _ ŚATABHIṢAK-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

3_ Thất Tú (Pūrva-bhādrapadā):

Tôn hình:Thân màu thịt, tay phải để ở bắp đùi cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao. Ngửa lòng bàn tay trái để trước ngực

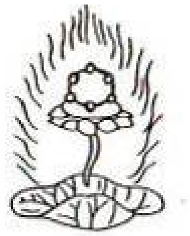


Hay Tôn Hình là:

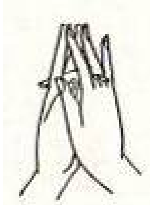


Chữ chủng tử là: BHA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ _ PŪRVA-BHADRAPADĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

4_ Khuê Tú (Revati):

Tôn hình: Thân màu thịt, hai tay để ngang ngực cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao

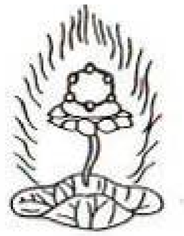


Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: RE ( ), hay RO ( )

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ _ REVATI-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

5_ Bích Tú (Uttara-bhàdrapadà):

Uttara-bhàdrapadà là một trong 28 Tú

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao. Ngửa lòng bàn tay trái để trước bắp đùi (hình phía dưới bên phải).

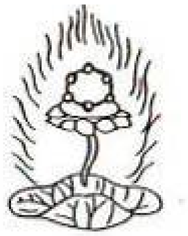


Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: ŚA () hay RO (), hay O ()

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ _ UTTARA-BHĀDRAPADĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

6_ Vị Tú (Bharaṇi):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao, một đầu của cuống hoa để trên lòng bàn tay trái (hình chính giữa bên trên)

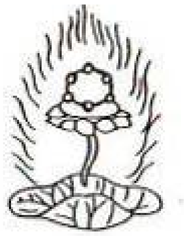


Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: BHA ( ), hay ŚA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ _ BHARAṆI-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

7_ Lâu Tú (Aśvinī):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái ngửa lòng bàn tay trước ngực. Tay phải cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao (hình phía dưới bên trái)

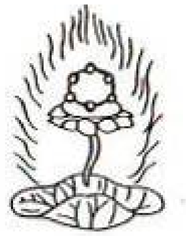


Hay Tôn Hình là:



Chữ chủng tử là: A ( )

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay

OṂ _ AŚVINĪ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

***) Thỉnh Nhị Thập Bát Tú Chân Ngôn** là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ OṂ AṢṬA-VIṂŚANĪNĀṂ NAKṢATREBHYAḤ NIRJADAṆIYE _ ṬAKKI HŪṂ JAḤ _ SVĀHĀ

***) Phá Tú Diệu Tai Nạn Chân Ngôn:**

OṂ_ SARVATRĀ ŚRĪYE-SAMAYE _ SVĀHĀ

TRÌ QUỐC THIÊN

Trì Quốc Thiên, tên Phạn là **Dhṛta-rāṣṭra** tên Tây Tạng là Yul-ḥkhor-bsruṅ, dịch âm là Đề Đầu Lại Tra, Đề Đa La Tra, Trì Lê Đa A La Đa, Đa La Tra. Dịch ý là người duy trì trạng thái, hay người quán sát đất đai. Lại xưng là Trị Quốc Thiên, An Dân Thiên, Thuận Oán Thiên, Trì Quốc Thiên Vương.

Do vị Thiên Vương này có Bản Thệ là khen thưởng các điều lành, trừng phạt các việc ác, hộ trì quốc thổ, bảo hộ chúng sinh cho nên xưng là **Trì Quốc Thiên**.

Tương truyền Trì Quốc Thiên Vương là Thần âm nhạc của Trời Đế Thích, cũng là một trong bốn vị Đại Thiên Vương, một trong 16 vị Thiện Thần

Trì Quốc Thiên trụ tại núi **Do Càn Đà**, ở lưng chừng thuộc mặt Đông của núi Tu Di. Đất cư trú của Ngài là thành **Hiền Thượng**, có bảy lớp lan can, chuông, lưới, cây trồng thành hàng với bảy báu trang sức đẹp đẽ, cảnh sắc thù thắng.

Đông Phương Trì Quốc Thiên hay hộ trì người dân không có các bệnh khổ, không có các Ma Chướng, phiền não; tăng trưởng Trí Tuệ, diên niên ích thọ (tuổi thọ kéo dài), tài bảo dư thừa, thọ dụng không hết, tất cả tự tại, thành tựu việc đã làm.



_Kinh **Khởi Thế,** Phẩm **Tứ Thiên Vương** ghi chép rằng: "Ở lưng chừng thuộc mặt Đông của núi Tu Di có núi, tên là Do Càn Đà. Đất trên đỉnh núi rộng bốn vạn hai ngàn Do Tuần. Trên đỉnh núi ấy có thành quách là chỗ ở của Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương, thành đó có tên là Hiền Thượng, ngang dọc khoảng 600 Do Tuần. Có bảy lớp Tường gạch, bảy lớp Lan Can, bảy lớp Lưới, Chuông, lại có bảy lớp Đa La cây trồng thành hàng, đi vòng xung quanh có thể nhìn thấy màu tạp sắc đều dùng bảy báu trang sức là: Vàng, Bạc, Lưu Ly, Pha Lê, Ngọc Đỏ, Xà Cừ, Mã Não…. tạo thành".

Trì Quốc Thiên thống lãnh Thần Tướng **Càn Thát Bà** (Gandharva) và **Tỳ Xá Xà** (Piśāca), nhận lời căn dặn của Đức Phật thủ hộ quốc thổ ở phương Đông là vị Thiện

Thần hay giúp đỡ thế gian. Do vậy mà có tên gọi là **Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương**



.) **Trường A Hàm, quyển 12, Đại Hội Kinh** ghi nhận là: "Lại có Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương ở phương Đông thống lãnh **Càn Đạp Hòa Thần** (Gandharva) có uy đức lớn, 91 người con đều có tên là **Nhân Đà La** (Indra), đều có đại thần lực".

.) **Phật nói Kinh Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (ĐTK_No.1245) ghi chép rằng: "Thế giới ở phương Đông có vị chủ loài **Càn Thát Bà** (Gandharva: Tầm Hương Thần) tên là **Trì Quốc** (Dhṛta-rāṣṭra). Ngài có đủ đại uy đức, thân phóng tỏa ánh sáng giống như mặt trời ló dạng soi chiếu khắp Thế Gian, thống lãnh quyến thuộc là chúng Càn Thát Bà cung kính vây quanh, ca múa hát xướng, thọ nhận khoái lạc, Ngài có 91 người con cùng chung tên gọi là **Đế Thích** (Indra) có đại thế lực, dũng mãnh bạo ác, thấy Phật Thế Tôn liền quy y đỉnh lễ tôn trọng cung kính. Quán thấy loài Phi Nhân này mà hay lễ kính Trì Quốc Thiên Vương ấy, thủ hộ phương Đông như Phật Hạnh, hành Hộ Thế như vậy"

.)**Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, quyển 52,** Phẩm **Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương Hộ Trì** ghi chép rằng: "Đức Phật bảo **Lạc Thắng Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương** rằng: "Này Diệu Trượng Phu ! Trong bốn thiên hạ, phần thứ tư ở phương Đông của Diêm Phù Đề (Jambu-dvīpa) này ông cần phải hộ trì. Tại sao thế? Vì cõi Diêm Phù Đề là nơi chư Phật hưng thịnh, cho nên ông cần phải hộ trì. Chư Phật quá khứ đã từng dạy ông hộ trì dưỡng nuôi, chư Phật vị lai cũng lập lại như vậy….

Bấy giờ, Thắng Lạc Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương thưa với Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Như vậy! Như vậy! Đại Đức **Bà Già Bà**! Chư Phật quá khứ giao phó an trí hộ trì dưỡng nuôi, cũng dạy bảo chúng con hộ trì cõi **Phất Bà Đề** (Jambu-dvīpa) ở phương Đông như hiện nay Đức Thế Tôn dạy bảo con an trí cùng một dạng không có khác. Con ghi khắc sâu trong Tâm, đội trên đỉnh đầu, kính nhận Chính Pháp của Phật, hộ trì phần thứ tư ở phương Đông của cõi Diêm Phù Đề, và khiến cho các Quyến Thuộc lớn nhỏ của con cũng hộ trì, đều khiến cho ngưng dứt ba nẻo ác, thảy đều làm cho ba đường lành được rực rỡ"

HÌNH TƯỢNG CỦA TRÌ QUỐC THIÊN VƯƠNG

Hình tượng của Trì Quốc Thiên Vương, có rất nhiều thuyết nói khác nhau

.)**Đà La Ni Tập Kinh, quyển 11** ghi nhận hình tượng của Trì Quốc Thiên là: "Thân khoác áo Trời, nghiêm sức tinh diệu tương ứng với thân, rũ cánh tay trái xuống dưới cầm cây đao, co cánh tay phải ngửa lòng bàn tay, trong lòng bàn tay có vật báu phóng ra ánh sáng. Nhìn chung hình tượng là hình phẫn nộ màu đỏ"



.)**Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Thất Phật Bản Nguyện Công Đức Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ Cúng Dường Pháp** ghi chép rằng: "Đông Phương Trì quốc Thiên Vương có thân màu trắng cầm cây Đàn Tỳ Bà, thủ hộ ở cửa Đông của tám Đức Phật".



Trì quốc thiên (持國天, sa. dhṛtarāṣṭra)
Đông Thiên Vương

Ý nghĩa của Tôn Tượng này là:

Hình trạng võ tướng khoác giáp trụ tượng trưng cho bổn phận dũng mãnh thực hiện nhiệm vụ phát huy điều lành, trừng phạt việc ác, giữ gìn cương thổ.

Cầm cây đàn Tỳ Bà tượng trưng cho sự điều chỉnh đúng mực, thực hiện Trung Đạo trong việc đối nhân xử thế.

Các biểu tượng này minh hoạ cho việc bảo vệ gia đình, xây dựng xã hội, giữ gìn Quốc Thổ… một cách đúng mực theo Chính Pháp

.) Ở Nhật Bản, Trì Quốc Thiên Vương được biểu thị như một Chiến Tướng mặc giáp trụ, mặt màu xanh dương, tóc dựng ngược, vẻ mặt dữ tợn, tay phải cầm cây kiếm hoặc cây chỉa ba, tay trái chống eo, đứng trên tảng đá hoặc trên một hay hai con Quỷ







.) Hình tượng cầm cung tên



.) Hình tượng có ba đầu:



.)Tại **Ngoại Kim Cang Bộ Viện** của **Thai Tạng Giới Mạn Trà La** thì vị Thiên Vương này có vị trí được bày ở phía Nam của cửa Đông.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình phẫn nộ, tay trái cầm cây đao, úp tay phải xuống để trên bắp đùi bên phải.



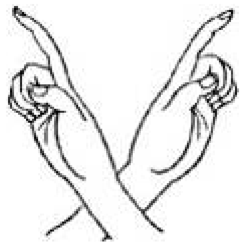


Chữ chủng tử là: DHṚ (𑖠𑖴)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao. Biểu thị cho Bản Thệ là khen thưởng các điều lành, trừng phạt các việc ác, hộ trì Quốc Thổ, bảo vệ chúng sinh



_Trì Quốc Thiên Thủ Ấn :
Hai tay nắm quyền, cái chéo nhau, dựng đứng ngón trỏ



Chân Ngôn là:

OṂ _ DHṚTA-RĀṢṬRA _ RĀ RĀ _ PRAMADANA SVĀHĀ

_Kinh **Thủ Hộ Đại Thiên Quốc Thổ, quyển Thượng** (ĐTK_No.999) ghi chép là: "Bấy giờ phương Đông Trì Quốc Thiên Vương, chủ của **Càn Thát Bà** (Gandharva) từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, quỳ gối sát đất, chắp tay hướng về phía Đức Phật rồi bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nếu loài Càn Thát Bà của con làm mỵ thì người bị làm mỵ có các loại tướng: hoặc thường ca múa, hoặc thường ưa trang sức, hoặc không ham muốn, hoặc nói lời chắc chắn, hoặc giận hoặc vui, cổ họng khô khan, mắt đỏ như máu, hoặc run cầm cập, hoặc như bị trúng độc nhắm mắt không mở như khi đang ngủ, hoặc quay mặt, những người bị như vậy là do Càn Thát Bà làm mỵ ở trong thế gian không ai kềm chế được. Con có Thần Chú khiến phải điều phục, cúi xin Thế Tôn cho con được nói.

Liền nói Chú rằng:

- Án, a khê ma khê, vĩ nẵng mãn đệ phạ lan nễ, tả bạt khê phạ khê phạ khư nễ, a khê kê phạ ha lê bà càn đạt rị phạ, khất ra hê tì du địa lị, đa ra sắc tra ra, tả ma ha ra, ra nhạ tả nẵng, ma phạ lệ nãi, thấp phạ lị dã, địa bạt đế duệ nẵng sa phạ ha.

OṂ_ AKHE NAKHE VIKHANE VANDHE , VARĀṆE CAPALE VAKHE VAKHANE ṢAKHINE AṢINE ÑAKHINE, VAHULE BHAGE BHAGAṂDADE, VAŚE VAŚA VARTTINĪ SVĀHĀ

MUCYANTU SARVA SATTVĀNĀÑCA SARVA GRAHEBHYO DHṚTA-RĀṢTASYA-MAHĀ-RĀJASYA ĀMĀVALENAIŚCARYÀDHIPATENA CA SVĀHĀ"

Tại Trung Hoa và Nhật Bản, Trì Quốc Thiên Vương rất ít khi được thờ cúng đơn độc. Trong Tự Viện thông thường đều thờ phụng chung bốn vị Đại Thiên Vương.

Người dân tin tưởng rằng Trì Quốc Thiên Vương có thể hộ quốc an dân, bảo hộ chúng sinh tránh khỏi các loại bệnh tật, ma chướng, phiền não khiến cho họ được an vui hạnh phúc. Ngoài ra nếu như có người nào túng thiếu, thành tâm hướng về **Đông Phương Thiên Vương** cầu nguyện Thiên Vương đều hay mãn túc mọi Tâm Nguyện.

TĂNG TRƯỞNG THIÊN VƯƠNG

Tăng Trưởng Thiên tên Phạn là Virūḍhaka, dịch âm là Tỳ Lỗ Đà Ca. Tên Tây Tạng là **Ḥphags-skyes-po**. Lại xưng là Tỳ Lưu Đa Thiên, Tỳ Lưu Ly Thiên, Tỵ Lưu Đồ Ca Thiên, Tỳ Lâu Lặc Thiên, Tỳ Lâu Lặc Ca Thiên, Tỳ Lâu Lặc Xoa Thiên. Là một trong bốn vị Thiên Vương, một trong 20 Thiên, một trong 16 vị Thiện Thần.

Ngài cư trú trong thành Thiện Kiến ở Lưu Ly Đóa của **núi Tu Di** (Sumeru), đất đó ngang dọc khoảng sáu ngàn Do Tuần, có bảy lớp lan can, lưới võng, cây trồng thành hàng với bảy báu trang sức, lại có muôn chim cùng nhau kêu hót, cảnh sắc rất xinh đẹp.

Vị Thiên Vương này thống lãnh Quỷ Thần của nhóm **Cưu Bàn Trà** (Kuṃbhaṇḍa: Ung Hình Quỷ), Bệ Lệ Đa (Preta:Quỷ đói)….thủ hộ phương Nam, hay chiết phục Tà Ác, tăng trưởng căn lành, làm vị Thiện Thần Hộ Pháp

Do đảm nhận sứ mệnh hộ trì Chính Pháp ở phương Nam, nên được xưng là **Nam Phương Thiên**. Bởi vì Ngài hay khiến cho chúng sinh tăng trưởng căn lành, cho nên có tên gọi là **Tăng Trưởng Thiên**. Lại vì trong các phương Đông, Tây, Nam Bắc thì phương Nam tượng trưng cho đặc tính Tăng Ích, hay tăng trưởng vạn báu, cho nên cũng xưng là **Tăng Trưởng Thiên Vương**.





.) **Phật nói Kinh Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (ĐTK_No.1245) ghi chép rằng: Thế giới ở phương Nam có vị chủ loài **Cưu Bàn Noa** (Kuṃbhaṇḍa: Ung Hình Quỷ) tên là **Vĩ Lỗ Trà Ca** (Virūḍhaka: Tăng trưởng Thiên Vương) Ngài có đủ đại uy đức, thân có ánh sáng như mặt trời soi chiếu Thế Gian cũng như biển lớn sâu rộng vô biên mà chúng phàm phu chẳng thể vượt qua, thống lãnh quyến thuộc là chúng Cưu Bàn Noa cung kính vây quanh, ca múa hát xướng, thọ nhận khoái lạc. Ngài có 91 người con cùng chung tên gọi là **Đế Thích** (Indra) có Đại Thế Lực, dũng mãnh bạo ác, thấy Phật Thế Tôn liền quy y đỉnh lễ tôn trọng cung kính. Quán thấy loài Phi Nhân này mà hay lễ kính vị **Cưu Bàn Noa Chủ** (Kuṃbhaṇḍādhipati) ấy thủ hộ phương Nam như Phật Hạnh, hành Hộ Thế như vậy.

_Đại Tập Kinh quyển 52 ghi chép là: "Đức Phật Đà từng căn dặn Tăng Trưởng Thiên là: "Cõi Diêm Phù Đề này là nơi chư Phật hưng thịnh, thế nên ông cần phải hộ trì. Chư Phật quá khứ đã từng dạy ông hộ trì dưỡng nuôi, chư Phật vị lai cũng lập lại như vậy. Cho đến con cái của ông, tất cả Quyến Thuộc, Đại Thần, quân tướng, Dạ Xoa, La Sát đều phải khiến cho họ hộ trì….

Ông cũng nên khiến cho họ sinh khởi niềm tin cung kính, cùng nhau hộ trì cõi phương Nam của Diêm Phù Đề".

HÌNH TƯỢNG CỦA TĂNG TRƯỞNG THIÊN VƯƠNG

Hình tượng của Tăng Trưởng Thiên, có rất nhiều thuyết nói khác nhau.

.) **Đà La Ni Tập Kinh, quyển 11** ghi chép rằng: "Tỳ Lỗ Đà Ca thân dài một khuỷu tay, mặc các loại Thiên Y, trang sức rất là tinh vi màu nhiệm tương xứng với thân hình, tay trái cánh tay duỗi rũ xuống dưới cầm cây Đao, tay phải cầm cây Giáo dài, cán cây Giáo cắm xuống đất".

Loại hình tượng này có ý nghĩa là tượng trưng cho sự chiết phục Tà Ác, tăng trưởng căn lành.



.)Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Thất Phật Bản Nguyện Công Đức Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ Cúng Dường Pháp ghi chép rằng: "Thân ấy màu xanh, cầm cây Kiếm báu, thủ hộ cửa phía Nam của tám Đức Phật".



_Hình tượng hai tay đè cây kiếm, cong chân phải khiến Thiện Quỷ nâng dỡ, chân phải đạp lên Quái Quỷ



_Hình giận dữ có thân màu thịt đỏ, khoác Thiên Y bên trên Giáp Trụ, tay phải cầm cây Kiếm, tay trái nắm thành quyền để ở hông, bắt chéo chân mà ngồi. Bên trái có Sứ Giả hình con Quỷ, toàn thân màu thịt đen, hình rất giận dữ dùng hai tay nâng cây Kiếm ở phía trước Thiên Vương.



_Hình phẫn nộ, tay trái nắm quyền để ở eo lưng, duỗi cánh tay phải xuống dưới cầm cây chủy nằm ngang



.)Tôn Hình: Thân mặc giáp trụ, một tay để trước trái tim, một tay cầm cây kiếm báu, nhướng lông mày trông nhìn chúng sinh.



Ý nghĩa của Tôn tượng này là:

Thân mặc giáp trụ tượng trưng cho bổn phận dũng mãnh thực hiện nhiệm vụ phát huy điều lành, trừng phạt việc ác.

Một tay để trước trái tim tượng trưng cho sự tinh tiến gia tăng Đức Hạnh của mình

Một tay cầm cây kiếm tượng trưng cho sự phát huy Trí Tuệ và kiến thức

Nhướng lông mày nhìn chúng sinh biểu tượng cho cái nhìn bao quát, phân biệt rõ điều Thiện Ác, tốt xấu

Các biểu tượng này minh hoạ cho sự phát triển khả năng nâng cao Uy Đức của chính mình, thi hành những bổn phận và trách nhiệm giúp ích cho mọi chúng sinh.

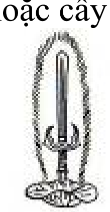
_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) tại phía Nam ở cửa Đông của **Ngoại Bộ Kim Cương Viện** thì Tăng Trưởng Thiên Vương vị Thần Thủ Hộ ở phương Nam, hay làm tăng trưởng uy đức của mình và của người cho nên có Đức Phần làm cho vạn vật sinh trưởng và nuôi lớn căn lành cho các chúng sinh.

Tôn hình:Thân màu thịt đỏ, hiện hình phẫn nộ, thân khoác giáp trụ, tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền để cạnh eo (hình phía trái bên trên)

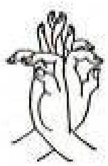


Chữ chủng tử là: VI (𑖪𑖰)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm, hoặc cây kích.



Tướng Ấn là:Tăng Trưởng Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

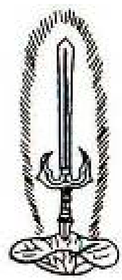
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ OṂ VIRŪḌHAKA YAKṢA ADHIPATĀYE _ SVĀHĀ

_Tăng Trưởng Thiên Sứ Giả (Virūḍhaka-dūta): là vị Sứ Giả đứng bên cạnh Tăng Trưởng Thiên Vương.

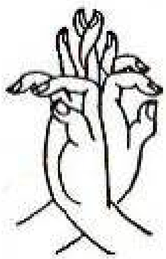
Tôn Hình: Thân hiện hình Quỷ, tướng phẫn nộ, tóc lửa dựng đứng lên trên, răng nanh bên trên cắn môi. Hai tay cầm cây kiếm, quỳ gối thẳng lưng hướng vào Nội Viện (hình phía dưới bên phải)



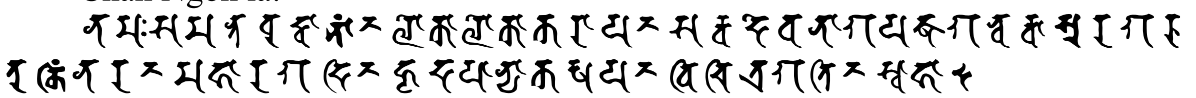
Chữ chủng tử là: VI ( )
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm, hoặc cây kích.



Tướng Ấn là:Tăng Trưởng Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

QUYẾN THUỘC CỦA TĂNG TRƯỞNG THIÊN

_Dược Xoa Trì Minh (Yakṣa-vidya-dhāra):

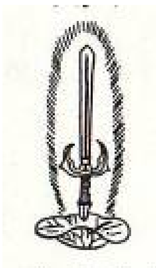
Yakṣa-vidya-dhāra là một trong các vị Trì Minh Tiên, là quyến thuộc của Tăng Trưởng Thiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, đầu đội mão báu, cau mày trợn mắt giận dữ. Tay phải để ngang ngực cầm cây kiếm. Tay trái nắm quyền duỗi ngón cái, ngón út để trước eo. Giao ống chân ngồi trên toà tròn (hình ở giữa)

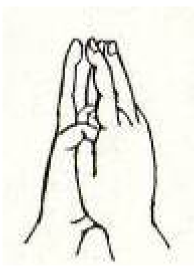


Chữ chủng tử là: YA (𑖧)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Tướng Ấn là: Hai tay Nội Phộc, dựng thẳng 2 ngón vô danh, hơi co hai ngón trỏ như hình móc câu.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ YAKṢEŚVARĀYA_ SVĀHÀ

_ **Dược Xoa Trì Minh Nữ** (Yakṣa-vidya-dharī): là Sứ Giả của Dược Xoa Trì Minh

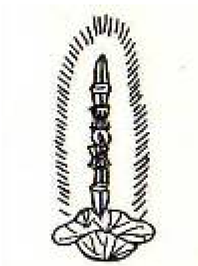
Tôn thứ nhất có thân màu thịt, trên lòng bàn tay phải có một cái chày Độc Cổ dựng đứng, quỳ gối ngồi trên toà tròn (hình bên trên)

Tôn thứ hai có thân màu thịt, hai tay cầm cây kích Độc Cổ, đứng hầu bên cạnh Dược Xoa Trì Minh (hình bên dưới)

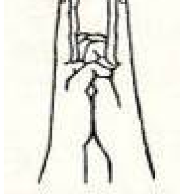


Chữ chủng tử là: RO (𑖨𑖺)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.



Tướng Ấn là:Hai tay Nội Phộc, Ngón cái và ngón út cùng đè nhau, dựng thẳng ngón trỏ ngón giữa.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ YAKṢA-VIDYA-DHARĪ

_Kinh **Thủ Hộ Đại Thiên Quốc Thổ, quyển Thượng** (ĐTK_No.999) ghi chép là: "Bấy giờ Nam Phương Tăng Trưởng Thiên Vương, chủ các loài Cưu Bàn Trà (Kuṃbhaṇḍa) từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay hướng về phía Đức Phật, cung kính đỉnh lễ rồi bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Nếu người bị các loài Cưu Bàn Trà làm mỵ sẽ có các loại tướng sau: hoặc nói nhiều, hoặc đen đúa khô khan, hoặc tâm mê loạn, hoặc tròng mắt xoay đảo, hoặc mặt mày đỏ, hoặc hay ngồi nơi đất, thân thể co quắp, hoặc dung mạo xấu xa hung ác, hoặc thân có ruồi bu, móng tay, móng chân mọc dài, hoặc tóc dài xỏa ra, thân thể hôi hám, thân nhiều cáu bẩn dơ dáy, hoặc hay nói láo, nói bậy bạ, các người có tướng như vậy đều do Cưu Bàn Trà làm mỵ ở trong thế gian không ai chế ngự được. Con có Thần Chú hay điều phục được cúi xin Thế Tôn cho con được nói.

Liền nói Chú là:

Án, khư khư khư minh, khư la minh khư la minh, khư la lê khư la lê, ca la lê ca la thi nễ ca rô minh, ca ra trí ca lê ca nhi vĩ đà lê bế thất duệ tế dã xá phạ để tam mẫu tam nhĩ nễ, xá miễn đô minh, mãn đát ra bạt na sa phạ ha. Tát phạ tát đát phạ, vĩ rô trà ca tả phạ hạ ra nhạ tả nẵng ma phạ lê nãi thấp phạ lị dã, địa bát đế duệ sa phạ ha.

OṂ_ KHAKHAME KHALANE KHARALE, KHALAME, KHALĀME, KHARALIKHEKARAKHE, KHATINE, KHARALI KARAKHIKAŚANE, KARAṬE, KĀLE, KĀMINI VIDHALI VIDHIYE VIDHEYE, ŚĀYANE ŚĀMAVATE, ŚAMI ŚAMINI SVĀHĀ

ŚAMYANTU MAMA SAPARIVĀRASYA SARVA SATTVANĀÑCA SARVA GRAHA SARVA BHAYOPADRAVĀVA VIRŪḌHAKASYA MAHĀ-RĀJASYA NĀMĀVALENAIŚCARYĀDHIPATENA CA SVĀHĀ"

Tăng Trưởng Thiên Vương rất ít khi được thờ cúng đơn độc. Trong Tự Viện thông thường đều thờ phụng chung bốn vị Đại Thiên Vương.

Người dân tin tưởng rằng Tăng Trưởng Thiên Vương không những giúp cho người dân xa lìa tai chướng, phiền não… lại hay giúp đỡ chúng sinh Tài Bảo dư thừa, hưởng mãi không hết, tăng trưởng Trí Tuệ, sống lâu.

QUẢNG MỤC THIÊN

Quảng Mục Thiên tên Phạn là Virūpākṣa, dịch âm là Tỳ Lưu Bác Xoa, Tỳ Lộ Ba Ha Ngật Xoa, Tỳ Lâu Bà Xoa, Tỳ Lỗ Bác Xoa.Tên Tây Tạng là **Mig-mi-bzan, Spyan-mi-bzan**. Lại xưng Ác Mục Thiên, Xú Mục Thiên, Tạp Ngữ Chủ Thiên, hoặc Phi Hảo Báo Thiên. Là một trong bốn vị Thiên Vương, một trong 12 Thiên, một trong 16 vị Thiện Thần.

Tương truyền Quảng Mục Thiên là **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara) do ở trán có một con mắt, nhân đây được xưng là **Quảng Mục Thiên**

Quảng Mục Thiên cư trú tại thành **Chu La Thiện Kiến** ở phía Tây núi Tu Di. cư ngụ tại thành **Chu La Thiện Kiến** thuộc Bạch Ngân Đóa ở phía Tây núi Tu Di, thường dùng **Thiên Nhãn** (Cakṣur-devya) trong sạch quán sát chúng sinh ở cõi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa).

Vị Thiên Vương này thống lãnh vô lượng Quyến Thuộc gồm hàng **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **Phú Đơn Na** (Putana), chư **Thần** (Devatā)…. nhận nhiệm vụ thủ hộ Phật Pháp, trông coi việc xử phạt người ác ở phương Tây khiến cho họ khởi Tâm Đạo, nên được xưng là **Tây Phương Thiên, Tây Phương Quảng Mục Thiên Vương.**



.)Y theo sự ghi chép của Kinh **Đại Tập** thì Đức Phật Đà từng giao phó cho Quảng Mục Thiên Vương hộ trì Thế Giới phương Tây của **Diêm Phù Đề Châu** (Jambu-dvīpa); căn dặn vị ấy thống lãnh con cái, tám vị thuộc nhóm **Sư Tử** (Hari), **Sư Tử Phát** (Harikeśa)…quân tướng của các Rồng, 16 vị Thiên Thần ở phương Tây, ba sao Diệu, bảy sao Tú, quyến thuộc của chư Thiên, Rồng, Quỷ…cùng nhau nhận trách nhiệm hộ Pháp”

.)Kinh **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương, quyển Thượng** nói rằng: "Phương Tây này lại có Đại Thiên Vương tên là **Quảng Mục**, là vị Đại Long Vương dùng vô lượng trăm ngàn các Rồng làm quyến thuộc, thủ hộ phương Tây"

HÌNH TƯỢNG CỦA QUẢNG MỤC THIÊN VƯƠNG

Tình tượng của Quảng Mục Thiên Vương có rất nhiều loại.

.)Thông thường hình tượng của Quảng Mục Thiên Vượng làm hình giận dữ màu đỏ, khoác Thiên Y trên có Giáp Trụ, tay phải cầm cây Kích Tam Cổ, tay trái nắm thành quyền để ở hông, mặt hướng về bên trái, hai chân bắt chéo nhau mà ngồi.



.)Đà La Ni Tập Kinh, quyển 11 ghi chép rằng: "Tượng Tỳ Lỗ Bác Xoa, thân dài một khuỷu tay, mặc các loại Thiên Y, trang sức rất là tinh vi màu nhiệm tương xứng với thân hình, duỗi cánh tay cầm cây Giáo dài, tay phải cầm sợi dây đỏ".





.)Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Thất Phật Bản Nguyện Công Đức Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ Cúng Dường Pháp ghi chép rằng: "Tây Phương Quảng Mục Thiên Vương có thân màu hồng, cầm Sợi Dây, thủ hộ cửa phía Tây của tám Đức Phật".



) Hình Tượng có thân màu hồng, một mặt hai cánh tay. Mắt tròn lộ ra ngoài, đầu đội mão Rồng, thân mặc áo giáp, tay phải nắm bắt Rồng, tay trái cầm cái tháp. Ở trong

Tịnh Thổ Đàn Thành của chư Phật thì thủ hộ cửa Tây. Nhân là nơi biến hóa của Kim Sí Điểu hay trấn phục Long Vương cho nên tay phải nắm bắt Rồng, biểu thị cho việc **mưa thuận gió hòa**





.)Hình tượng có tay phải cầm sợi dây, tay trái cầm quyển Kinh



.)Hình tượng có tay phải cầm sợi dây, tay trái cầm viên ngọc



.)Hình tượng có tay trái nắm con Rồng, tay phải cầm cây kiếm



Quảng mục thiên (廣目天, sa. virūpākṣa)
Tây Thiên Vương

Tôn hình: Thân mặc giáp trụ, tay trái nâng lên cao cầm viên ngọc, tay phải ngửa lòng bàn tay để ngang rốn, có một con rồng quấn quanh tay và ngóc đầu trong lòng bàn tay.Bàn chân phải đạp lên con Quỷ ác.



Ý nghĩa của Tôn Tượng này là:

Viên Ngọc tượng trưng cho tri thức bao quát về Thế Gian

Con Rồng quấn quanh tay tượng trưng cho nguyên lý biến dịch

Chân đạp lên con Quỷ ác tượng trưng cho sự dứt trừ điều xấu ác

Các biểu tượng này minh hoạ cho sự quan sát thật cẩn thật, kỹ lưỡng những nguyên lý để có thể phát triển Tri Kiến và biết phân biệt rõ ràng sự phải trái, tốt xấu….và dứt trừ điều sai trái, xấu ác.

.)Trong **Thai Tạng Giới Mạn Trà La của Mật Giáo** thì Quảng Mục Thiên Vương có vị trí được an bày ở phía cửa Tây thuộc **Ngoại Kim Cang Bộ Viện.** Là vị Thần bảo hộ phương Tây, biểu thị cho Bản Thệ trừng phạt người có tội khiến họ phải gặp các điều cay đắng, sau đó mới có thể khởi Tâm Đạo và thường dùng Thiên Nhãn trong sạch quán sát độ trì cho chúng sinh ở Diêm Phù Đề .

Tôn hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, giáp trụ. Tay phải cầm cây kích Tam Cổ. Tay trái nắm quyền để trên đùi.

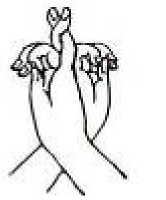


Chữ chủng tử là: VI ()

Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Tam Cổ.



Tướng Ấn là: Quảng Mục Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ OṂ _ VIRŪPĀKṢA NĀGA-ADHIPATAYE _ SVĀHĀ

_Kinh **Thủ Hộ Đại Thiên Quốc Thổ, quyển Thượng** (ĐTK_No.999) ghi chép là: "Bấy giờ Tây Phương Quảng Mục Thiên Vương, chủ của loài Rồng, từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở phải, chắp tay hướng về Đức Phật, cung kính đỉnh lễ rồi bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Nếu người bị loài Rồng làm mỵ sẽ có các tướng như sau: hoặc uống các thứ dơ uế, hay nín thở thân thể lạnh lẽo, miệng chảy nhớt dãi, hay ưa ngủ nghỉ, thân như rắn lượn, hoặc tâm hung hăng không sợ sống chết, hoặc hay chạy không cần nguyên do, hoặc móng tay chân dài nhọn, hoặc tay hay cào đất như đào lỗ, các người như vậy là bị loài Rồng làm mỵ, ở trong thế gian không ai chế phục được. Con có Thần Chú khiến hay điều phục cúi xin Thế Tôn cho con được nói.

Liền nói Chú rằng:

Án, khất ra dã tế, khất ra ca lệ, khất ra ca lệ da sa duệ cốt lỗ, kế kế cốt lủ, khư minh cốt lỗ, lỗ a khư lê, sa ma sa khư lê ca hộ minh, a lỗ kế ca ỗ kế, y lợi, thi vĩ lợi, y lợi, nhĩ lợi, địa lợi, nga lỗ phạ để sa phạ tất để dã túy đô vĩ lỗ phạ khất xoa tả ma ha ra nhạ tả nẵng ma phạ ra nãi thấp phạ lợi dã địa bát để duệ nẵng sa phạ ha.

OṂ_ KRAGAME, KRAKA MAṆI, KRAKAŚE, KRAKAŚE, KRAKRAŚAME, KRŪKRŪME, KRŪŚRŪME, KRŪKEKE, KRŪKUME, AGALE, NAGALE, SAMAGALE, KAHUME. ALUKE, KALAMAKE, KALALE, IRE MIRE DHIRE , ARUGAVATI SVÀHÀ

SVASTYANTU MAMA SAPARIVĀRASYA SARVA SATTVANĀÑCA VIRŪPĀKṢASYA MAHĀ-RĀJASYA NĀMĀVALENAIŚCARYĀDHIPATENA CA SVĀHĀ

_Quảng Mục Thiên Vương rất ít khi được thờ cúng đơn độc. Trong Tự Viện thông thường đều thờ phụng chung bốn vị Đại Thiên Vương.

Phật Giáo Đồ tin tưởng rằng Quảng Mục Thiên Vương hay bảo vệ giúp cho chúng sinh xa lìa việc ác, Tài Bảo dư thừa, tăng trưởng tuổi thọ, tất cả tự tại

KIM CƯƠNG TỒI THIÊN

Kim Cương Tồi Thiên, tên Phạn là **Vajra-vikiraṇa**. Lại xưng là Kim Cương Tồi Toái Thiên, Tản Cái Tỳ Na Dạ Ca. Là một trong 20 Thiên Hộ Thế ở phương Đông của **Ngoại Kim Cương Bộ** trong Kim Cương Giới Man Đa La, là **Hư Không Thiên** trong năm loại Trời

Tôn này là **Thân Ứng Đồng** do **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) thị hiện để thâu nhiếp hàng **Tỳ Na Dạ Ca** (Vinayāka), biểu thị cho việc che giúp tất cả chúng sinh, tồi phá mọi loại chướng nạn.

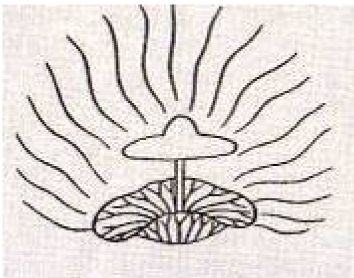
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma): Kim Cương Tồi Thiên có thân màu thịt trắng, thân người đầu voi, hai tay cầm cái dù



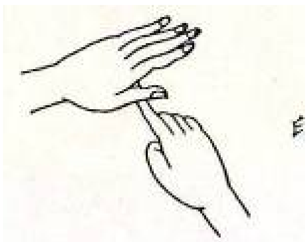
Mật Hiệu là: **Kim Cương Vũ Noa**

Chữ chủng tử là: JAḤ (ᛃ) hay GO (ᛃ)

Tam Muội Gia Hình là: Dù Lọng (tản cái)



Tướng Ấn là: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn



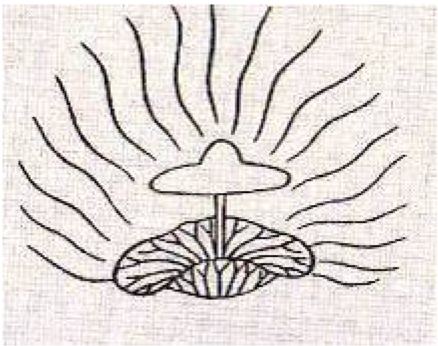
Chân Ngôn là:

[Siddham script]

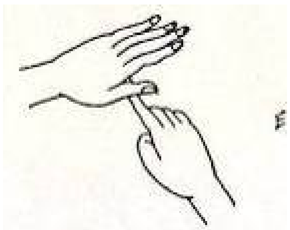
OṂ _ VAJRA-GŪḌDHA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Tồi Thiên có chữ chủng tử là: MO

Tam Muội Gia Hình là: Dù Lọng (tản cái). Biểu thị cho việc che giúp tất cả chúng sinh, tồi phá mọi loại chướng nạn.



Tướng Ấn là: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-GŪḌDHA SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Tồi Thiên có chữ chủng tử là: ṆḌA

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

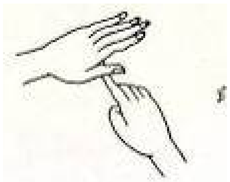
OṂ _ VAJRA-GŪḌDHA SVĀHĀ_ ṆḌA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Tồi Thiên có chữ chủng tử là: ṆḌA ( )

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn



Chân Ngôn là:

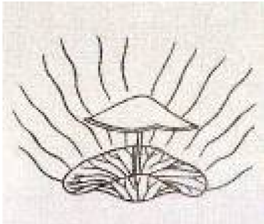
OṂ _ VAJRA-GŪḌDHA   SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Tồi Thiên có chữ chủng tử là: MO ( )

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình: Dù lọng.

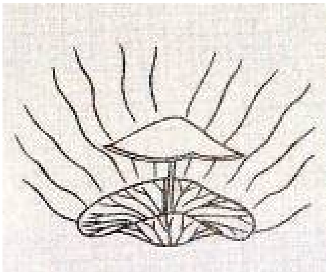


Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-GŪḌDHA SVĀHĀ _MO

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Tồi Thiên có chữ chủng tử là: ṆḌA ( )

Tam Muội Gia Hình: Dù lọng. Biểu thị cho việc che giúp tất cả chúng sinh, tồi phá mọi loại chướng nạn.



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-GŪḌDHA SVĀHĀ _ṆḌA

NA LA DIÊN THIÊN

Na La Diên Thiên, tên Phạn là **Nārāyaṇa**, nguyên ý là ***đứa con do con người sinh ra***. Lại xưng là Na La Diên Na Thiên, Na La Dã Noa Thiên, Kiên Cố Lực Sĩ, Na La Thiên, Na La Diên Kim Cương, Na La Diên Lực Chấp Kim Cương, Câu Tỏa Lực Sĩ, Kim Cương Lực Sĩ, Nhân Trung Lực Sĩ, Nhân Sinh Bản Thiên hoặc Đan Thiền Xứng Lực Sĩ.

_Na La Diên (Nārāyaṇa) nguyên là vị Thần cổ xưa của Ấn Độ có sức mạnh to lớn, là vị Trời trong **Dục Giới** (Kāma Loka)



.)Trong Thần Thoại của Ấn Độ thì cội nguồn của vũ trụ (Puruṣa: người nguyên thủy, người đầu tiên) còn có tên gọi riêng là Nāra, do đó Na La Diên vốn được ghi nhận là đứa con do người nguyên thủy sinh ra. Nhưng trong **Ma Ha Na Lạp Gia Na Áo Nghĩa Thư** (Mahā-nārāyaṇopaniṣad) thì đem Na La Diên thay thế cho người nguyên thủy làm vị Thần tối cao. Trong phần ghi chép trên lại dùng Na La Diên là thuyết của Đại Phạm Vương. Hoặc căn cứ vào sự ghi chép của **Ma Nô Pháp Điển** nói rằng **người nguyên thủy** do **Nāra** sinh ra, còn nơi cư trú tối sơ của loài người là **ayaṇa**, cho nên có Thuyết này mà xưng tên của vị Trời ấy là **Nārāyaṇa**

Riêng ở trong **Ma Ha Na Lạp Gia Na Áo Nghĩa Thư** (Mahā-nārāyaṇopaniṣad) liền dùng Na La Diên là sự **quyến hóa** của **Tỳ Nữu Thiên** (Viṣṇu) và nói là: Nếu xướng tụng OṂ NAMO NĀRĀYAṆĀYA thì có thể bay lên Trời.

.)Luận Sư Phệ Đà thời Ấn Độ cổ đại coi Na La Diên là mẹ của Phạm Thiên và nói rằng tất cả con người đều được sinh ra từ Phạm Thiên

.)Lại có Thuyết nói Na La Diên Thiên tức là Đại Phạm Vương, tất cả con người đều do Phạm Thiên sinh ra, cho nên xưng là **Nhân Sinh Bản** (gốc rễ sinh ra con người)

HÌNH TƯỢNG CỦA NĀRĀYAṆA TRONG ẤN ĐỘ GIÁO

Trong tiếng Phạn, tên gọi khác của nước là **Nāra**. Do đó nơi tối cao mà Thần Viṣṇu nghỉ ngơi (**ayaṇa**) được gọi là **Nārāyaṇa**. **Nāra** cũng có nghĩa là các thực thể sống (Jivas). Vì vậy, một ý nghĩa khác của **Nārāyaṇa** là "nơi an nghỉ cho tất cả các thực thể sống". **Nāra** lại có nghĩa là con người và **Ayaṇa** nghĩa là nơi trú ẩn, nên **Nārāyaṇa** còn có nghĩa là nơi trú ẩn của tất cả mọi người. Sự liên kết chặt chẽ của **Nārāyaṇa** với nước giải thích các hình tượng của **Nārāyaṇa** trong nghệ thuật Ấn Độ giáo như đứng hoặc ngồi trên một đại dương.

Trong kinh sách của Hindu như kinh Vệ Đà, Puranas ... thì **Nārāyaṇa** được mô tả là có màu xanh Thần Thánh của các đám mây chứa đầy nước, bốn tay, cầm một Padma (hoa sen), gậy Kaumodaki, Pañcajanya-śaṅkha (ốc xà cừ) và một vũ khí đĩa Sudarśana-cakra.





Nārāyaṇa còn được thờ phượng chung với người vợ là nữ thần Lakṣmi. Trong đó nữ thần Lakṣmi đại diện cho của cải vật chất, lòng can đảm, sự thành công, tri thức, cuộc sống sang trọng, hạnh phúc đời đời còn Thần Nārāyaṇa là khía cạnh của năng lực giữ gìn vũ trụ. Đây được coi là một hình thức tốt đẹp đem lại sự thịnh vượng, sức khỏe tốt, sự may mắn, sự hòa thuận trong nhà





Thần Chú Lakṣmi-Nārāyaṇa là:

OṂ_HRĪṂ HRĪṂ ŚRĪṂ ŚRĪṂ LAKṢMI-NĀRĀYAṆA-DEVAYA NAMAḤ

Mantra này là rất có lợi cho việc đạt được sự thịnh vượng về tài chính và thành công vật chất. Nó phải được đọc 10 lần vạn để đạt được sự thành tựu

Đôi khi người Ấn Độ còn thờ phượng Nārāyaṇa với hai người vợ của ông là nữ thần Lakṣmi và nữ thần Viṣṇu-priya



_Trong Phật Giáo:

.)Trung Luận Sớ, quyển 1 cho rằng Na La Diên là tên riêng của **Cưu Ma La Thiên** (Kumāra-deva)

.)Huyền Ứng Âm Nghĩa, quyển 24 nhận định Na La Diên là **Phạm Thiên** (Brahma-deva)

.)Trụ Tâm Phẩm Sớ, quyển 5 cho rằng Na La Diên là tên gọi riêng của **TỲ Nữu Thiên** (Viṣṇu)

.)**Tuệ Lâm Âm Nghĩa, quyển 6** nói rằng: "Na La Diên là tên của vị Trời trong **Dục Giới** (Kāma-dhātu) có một tên gọi là **Tỳ Nữu Thiên** (Viṣṇu). Người muốn cầu có nhiều sức mạnh thì nên phụng sự cúng dường. Nếu tinh thành cầu đảo sẽ được nhiều Thần Lực"

.)**Tuệ Lâm Âm Nghĩa, quyển 41** nói rằng: "Vị Trời này có nhiều sức mạnh, thân màu vàng ròng có tám cánh tay, cỡi Kim Sí Điểu Vương, tay cầm Đấu Luân với mọi loại khí trượng mỗi khi cùng với A Tu Vương chiến tranh"

Ngoài ra, **Đại Tập Kinh, quyển 11_ Vô Lượng Thọ Kinh, quyển Thượng_ Tối Thắng Vương Kinh, quyển 4_ Tạp Bảo Tạng Kinh, quyển 1_Du Già Sư Địa Luận, quyển 37_ Thuận Chính Lý Luận, quyển 75**.... đều nói sự bền chắc hòa với sức mạnh to lớn của Phật Bồ Tát là thân Na La Diên, sức mạnh của Na La Diên.

_Trong Mật Giáo thì Na La Diên Thiên được xem là một trong 20 Thiên Hộ Thế được đặt bày ở phương Đông của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** trong Kim Cương Giới Man Đa La hoặc được xếp bày ở phương Tây của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La**

.)Đại Nhật Kinh Sớ , quyển 10 cũng ghi nhận: "Vị Trời này là tên riêng của **Tỳ Nữu Thiên** (Viṣṇu), là Hóa Thân của Đức Phật, thường cỡi con chim **Ca Lâu La** (Garuḍa: Kim Sí Điểu) du hành trong hư không"

.) **Ma Ê Thủ La Luận Sư** xem Na La Diên là một trong **Nhất Thể Tam Phần** (tức Phạm Thiên, Na La Diên, Ma Ê Thủ La) của **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara) và đem phối trí với **Tam Bảo** với **ba Thân**, dùng Na La Diên là **Báo Thân** (Saṃbhogha-kāya) trong ba Thân, cũng biểu thị cho **Pháp Bảo** trong Tam Bảo.

Do ở vị Trời này có đủ Đại Lực cho nên đời sau đem Tôn này cùng với **Uế Tích Kim Cương** (Ucchuṣma-vajra) xưng chung là **hai Vương Tôn** dùng làm vị Thần thủ hộ chốn **Già Lam** (Saṃghārāma: vườn rừng có chúng Tăng cư ngụ) hoặc an trí ở cửa chùa

_Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

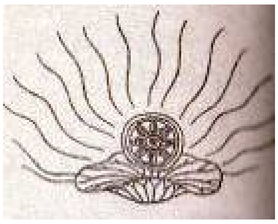
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Na La Diên Thiên có thân màu đen xanh, hiện hình La Sát, tay trái nắm quyền để bên eo, tay phải để ngang ngực cầm bánh xe tám căm



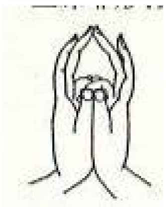
Mật Hiệu là: **Hộ Pháp Kim Cương, Huyễn Hóa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: RU ( ) hay MA ()

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe tám căm



Tướng Ấn là: Tay trái nắm quyền để ngang eo, tay phải duỗi 5 ngón mở đứng cách nhau ngay phía trước, đầu ngón hướng ra ngoài, mặt quyền hướng bên phải mặt đất ba lần.

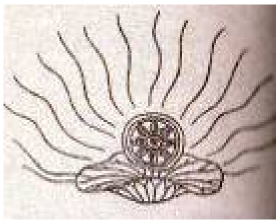


Chân Ngôn là:

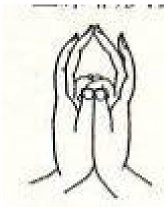
OṂ _ BALA-VAJRA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Na La Diên Thiên có chữ chủng tử là: MAḤ (मः)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe tám căm



Tướng Ấn là: Tay trái nắm quyền để ngang eo, tay phải duỗi 5 ngón mở đứng cách nhau ngay phía trước, đầu ngón hướng ra ngoài, mặt quyền hướng bên phải mặt đất ba lần.



Chân Ngôn là:

ॐ बल वज्र स्वाहा

OṂ _ BALA-VAJRA   SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Na La Diên Thiên có chữ chủng tử là: MAṂ (मं)

Tôn Hình:Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ बल वज्र स्वाहा मं

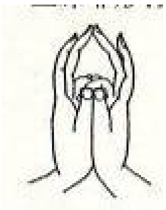
OṂ _ BALA-VAJRA   SVĀHĀ_ MAṂ

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Na La Diên Thiên có chữ chủng tử là: MA (म)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Tay trái nắm quyền để ngang eo, tay phải duỗi 5 ngón mở đứng cách nhau ngay phía trước, đầu ngón hướng ra ngoài, mặt quyền hướng bên phải mặt đất ba lần.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖤𑖩 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

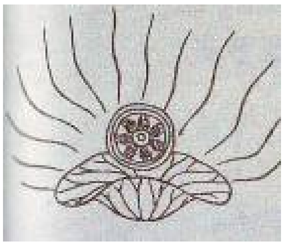
OṂ _ BALA-VAJRA   SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Na La Diên Thiên có chữ chủng tử là: MA (𑖦)

Tôn Hình: Tay trái để bên cạnh eo nắm quyền, tay phải cầm bánh xe



Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe tám căm



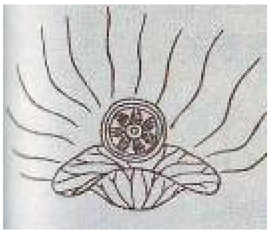
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖤𑖩 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖦

OṂ _ BALA-VAJRA   SVĀHĀ_ MA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Na La Diên Thiên có chữ chủng tử là: YA (𑖧)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe tám căm



Chân Ngôn là:
ॐ बल वज्र स्वाहा य
OṂ _ BALA-VAJRA   SVĀHĀ_ YA

_ Tại phương Tây của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Na La Diên Thiên biểu thị cho Đại Thần Lực trừ khử uế độc chướng ngại của tất cả chúng sinh.

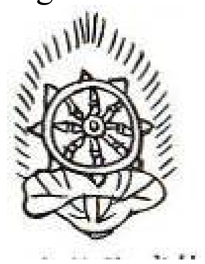
Tôn hình: Thân màu xanh đen, cỡi chim Ca Lâu La, buông thõng bàn chân phải, để lòng bàn tay trái trên eo. Tay phải co lên trên, dựng ngón trỏ nâng một bánh xe. Thân có 3 mặt, mặt chính là mặt Bồ Tát có 3 con mắt, mặt bên phải là mặt voi trắng, mặt bên trái là mặt heo đen, đầu đội mão báu.



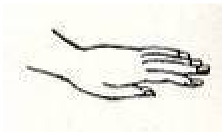


Chữ chủng tử là: VI (वि)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe vàng.



Tướng Ấn là: Na La Diên Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ VIṢṆAVE_ SVĀHĀ

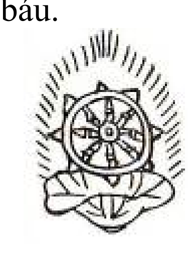
_Na La Diên Thiên Phi (Nārāyaṇi) vợ của Na La Diên Thiên, biểu thị cho Đức Năng Sinh của Na La Diên Thiên

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái nâng lá sen chứa đầy hoa, tay phải nâng đỡ bên cạnh lá sen

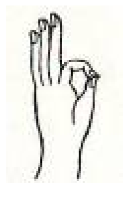


Chữ chủng tử là: VI (𑖪𑖰)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe báu.



Tướng Ấn là: Nguyệt Diệu Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ VIṢṆUVI_ SVĀHĀ

CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ

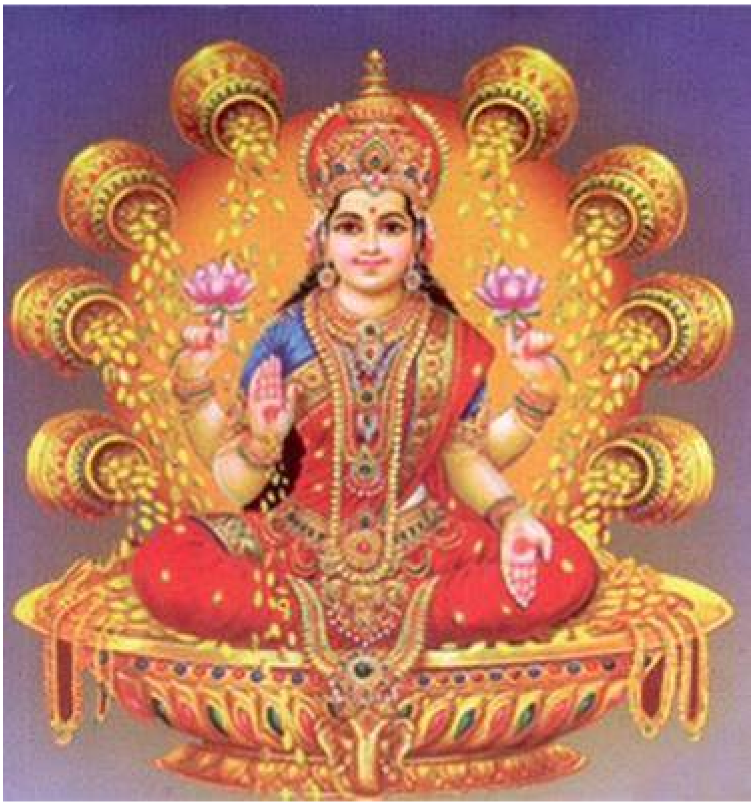
I) DANH HIỆU:

Cát Tường Thiên có tên Phạn là **Śrī-mahā-devī**, dịch âm là: Thất lợi ma ha đề tỳ, dịch nghĩa là: Cát Tường Đại Thiên Nữ. Đây là Nữ Thần hay ban bố Phước Đức

_ Lúc đầu, Thiên Nữ này vốn là một Vị Thần trong Thần Thoại Ấn Độ, là Ái Phi của **Na La Diên Thiên** (Nārāyaṇa-deva), mẹ của **Thần Ái Dục** (Kāma).

Truyền thuyết khác cho rằng Thiên Nữ này có tên là **Lạc Khất-Sử Mính** (Lakṣmi: Cát Khánh hoặc Công Đức Thiên). Cha tên là **Đức Xoa Ca Long Vương** (Takṣaka-nāga-rāja), mẹ tên là **Ha Lị Đế Mẫu** (Hāṛtye-mātṛ), Anh tên là **Tỳ sa Môn Thiên** (Vaiśravaṇa-veva).

Người Ấn Độ tôn phụng **Lakṣmi** là vị Nữ Thần của tài sản và vận may đồng thời tin tưởng rằng bà được sinh ra khi các Thần Linh và quái vật cùng sáng tạo bằng cách khuấy động biển sữa và vũ trụ bằng cách lấy con rắn Vaṣuki làm sợi dây quây tròn ngọn núi Maṇḍara; ngọn núi này được đặt trên lưng con rùa Kurma (Hóa thân của Thần Viṣṇu). Sự khuấy động này tạo ra Lakṣmi cùng với thứ **rượu Tiên** (Amṛta) làm cho các Thần Linh trở thành bất tử. Khi được thờ cúng riêng thì bà có tên là Lokamātṛ (Thế Giới Mẫu)



Truyền thống Ấn Độ ghi nhận 108 tên của Lakṣmi là:
1_ Prakruti
2_ Vikruti
3_ Vidya
4_ Sarvabhūtahitaprada
5_ Śraddha
6_ Vibhuti

7_ Surabhi
8_ Paramatmika
9_ Vachi
10_ Padmalaya
11_ Padma
12_ Śuci
13_ Svàhà
14_ Svadha
15_ Sudha
16_ Dhanya
17_ Hiranmayi
18_ Lakṣmi
19_ Nityapusta
20_ Vibha
21_ Aditi
22_ Dītya
23_ Dīpta
24_ Vasudha
25_ Vasudharini
26_ Kamala
27_ Kaṇṭha
28_ Kamakṣi
29_ Kamalasaṃbhava
30_ Anugrahaprada
31_ Budhi
32_ Anagha
33_ Harivallabhi
34_ Aśoka
35_ Amrutha
36_ Dīpa
37_ Lokaśokavinaṣiṇi
38_ Dharmanilaya
39_ Karuṇa
40_ Lokamatṛ
41_ Padmapriya
42_ Padmahasta
43_ Pamakṣya
44_ Padmasundari
45_ Padmodbhava
46_ Padmamukhi
47_ Padmanabhapriya
48_ Ramā
49_ Padmamaladhāra
50_ Devi
51_ Padmini
52_ Padmagandhini
53_ Punyagandha
54_ Suprasanna
55_ Prasadabhimukhi

56_ Prabhā
57_ Candravadana
58_ Caṇḍa
59_ Candrasahodari
60_ Caturbhūja
61_ Candrarūpaup
62_ Indira
63_ Induśītala
64_ Ahladajanani
65_ Puṣṭi
66_ Śiva
67_ Śivakari
68_ Satya
69_ Vimala
70_ Viśvajanani
71_ Puṣṭi
72_ Daridriyanaṇini
73_ Prītapuskarini
74_ Śānta
75_ Śuklamalambara
76_ Bhaskari
77_ Bilvanilaya
78_ Vararoha
79_ Yaśasvini
80_ Vasundhara
81_ Udaranga
82_ Hariṇi
83_ Hemamalini
84_ Dhanadhanyaki
85_ Siddhi
86_ Straina Saumya
87_ Śubhaprada
88_ Nrupaveśvagathananda
89_ Varalakṣmi
90_ Vasuprada
91_ Śubha
92_ Hiraṅyapraka
93_ Samudratanaya
94_ Jaya
95_ Maṃgala
96_ Devi
97_ Visnuvaksah
98_ Viṣṇupatni
99_ Prasannakṣi
100_ Narayana sama-śrita
101_ Daridriya Dhvamsini
102_ Devalakṣmi
103_ Sarvopadravanivariṇi
104_ Navadurga

105_ Mahā-kāli
106_ Brahma-Viṣṇu – Śivatmika
107_ Trikalagyanasampanna
108_ Bhuvaneśvarya
Ngoài ra Mật Giáo Ấn Độ còn ghi nhận 8 hình thức của Lakṣmi là:



1_ **Santhana Lakṣmi** : giúp cho giòng họ, con cháu được thịnh vương
2_ **Gaja Lakṣmi**: Giúp cho giàu có về gia súc
3_ **Dhana Lakṣmi**: Giúp cho có nhiều của cải, vàng bạc với các vật chất khác
4_ **Dhānya Lakṣmi**: Giúp cho giàu có về thực phẩm và lúa gạo
5_ **Vīra Lakṣmi**: Giúp cho phát triển lòng can đảm
6_ **Vijaya Lakṣmi**: Giúp cho luôn vượt thắng trong mọi trường hợp
7_ **Mahā-Lakṣmi**: Giúp cho an vui, hạnh phúc có nhiều may mắn (hay **Vidya-Lakṣmi**: giúp cho phát triển tri thức đạo đức)
8_ **Ādhi-Lakṣmi**: Giúp cho khởi đầu của sự tốt lành
Chân Ngôn là: "OṂ_ ŚRĪṂ MAHĀ-LAKṢMIYE _ SVĀHĀ"

_ Sau này Thiên Nữ cùng với chư Thần của hàng **Đế Thích** (Indra), **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara), **Tỳ Thấp Nô** (Viṣṇu)... du nhập vào Phật Giáo và trở thành hàng Thiên Thần Hộ Pháp cho Phật Giáo.

Truyền thuyết của Phật Giáo Ấn Độ lại ghi nhận Thiên Nữ có cha tên là Đức Xoa Ca Long Vương , mẹ là Quỷ Tử Mẫu Thần, chồng là Tỳ Sa Môn Thiên Vương

Theo Phật Giáo Trung Hoa, **Công Đức Bản Khởi Kinh** ghi là: Thiên Nữ có cha tên là Luân Đầu Đàn Vương, mẹ là Pháp Giới Ma Gia

_Tế Dư Bản Đỉnh Kinh ghi là: Thiên Nữ có cha tên là Đỉnh Đa Môn Thiên Vương, mẹ là Âm Cụ Đại Nữ

Đồng thời hầu hết Kinh Bản đều ghi nhận Cát Tường Thiên Nữ là Hậu Phi của Tỳ Sa Môn Thiên Vương và xác nhận Thiên Nữ là vị Bồ Tát Bát Địa, vì Đại Nguyện Lực nên hiện hình Thiên Nữ ban bố lợi ích cho tất cả chúng sinh

_ **Sao** ghi là: Vào thời Phật **Tỳ Bà Thi** (Vipaśyin), Bồ Tát này là cô gái tên **Nguyện Sa** làm 3 cái bánh Phước Điền phụng cúng Đức Phật ấy rồi phát thệ rằng: "**Đời sau, con làm Mãn Nguyện Bồ Tát, lúc thành Đẳng Chính giác sẽ mang hình thể nữ, diện mạo đoan chính, đủ tướng trăng tròn, ban phước cho tất cả chúng sinh, nguyện chẳng bỏ thân nữ, chẳng bỏ Diêm Giới** (Jambu-dvīpa: cõi Diêm Phù Đề) **chuyên cứu độ chúng sinh**". Nếu có người cúng dường Bồ Tát này sẽ khiến cho nương nhờ Phước Trí. Do vậy Bồ Tát này có tên gọi là **Phước Phần Thiên Nữ**

_ **Đại Cát Tường Kinh** ghi: "Này Cát Tường Thiên Nữ! Ngươi sẽ ở Thế Giới Cát Tường Bảo Trang Nghiêm thành Đẳng Chính Giác, hiệu là **Cát Tường Ma Ni Bảo Sinh Như Lai** Ứng Cúng Chính Đẳng Giác".

_ **Sao** ghi là: Cát Tường Thiên hiện ra 3 loại thân.

Đối với hàng Thượng Căn thì hiện hình **Đại Biện Tài Thiên Nữ**

Đối với hàng Trung Căn thì hiện hình **Đại Cát Tường Nữ**

Đối với hàng Hạ Căn thì hiện hình **Công Đức Thiên**. Nay gọi là: Cát Tường Nữ, Phước Phần Thiên Nữ, Nguyện Sa Nữ...

Từ đây Thiên Nữ này có rất nhiều tên gọi như: **Ma Ha Thất Lợi** (Mahā-śrī: Đại Cát Tường hay Đại Công Đức), **Thất Lợi Thiên Nữ** (Śrī-devī: Cát Tường Thiên Nữ hay Công Đức Thiên Nữ), Đệ Nhất Uy Đức Thành Tựu Chúng Sự Đại Công Đức Thiên, Cát Tường Công Đức Thiên, Bảo Tạng Thiên Nữ, **Đại Hải Sinh** (Jaladhī_Ja) hoặc 12 tên, 108 tên.... Riêng Kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ 12 Danh Hiệu thì hai tên Thí Thực Giả và Thí Ẩm Giả được Kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ 12 Khế 108 Danh Vô Cấu ghi nhận thành một tên là Thí Ẩm Thực, đồng thời trong Bài Đại Cát Tường Đà La Ni của Kinh Đại Cát Tường Đà La Ni lại có ghi nhận thêm tên **Vô Úy Quân Cát Tường Nữ** (Abhayasena-Śrīṇi) và **Bố Thí Giả** (Dānāye) cùng với 10 tên đã ghi nhận trong Kinh 12 Danh Hiệu. Như thế phải chăng 12 Danh Hiệu của Cát Tường Thiên Nữ phải được ghi nhận là

1) Cát Khánh (Lakṣmi)
2) Cát Tường Liên Hoa (Śrī-Padme)
3) Nghiêm Sức (Vāsinī)
4) Cụ Tài (Dhanādhipati)
5) Bạch Sắc (Gauri)
6) Đại Danh Xưng (Mahā-yasa)
7) Liên Hoa Nhãn (Padma-netre)
8) Đại Quang Diệu (Mahā-jyoti)
9) Bố Thí Giả (Dānāye)
10) Bảo Quang (Ratna-prabha)
11) Đại Cát Tường (Mahā-śrī)
12) Vô Úy Quân Cát Tường Nữ (Abhayasena-śrīṇi)

II) TRÚ XỨ :

_ Theo **Kinh Kim Quang Minh** do Ngài Nghĩa Tịnh dịch thì: Cát Tường Thiên Nữ cư ngụ tại cung điện thù thắng do 7 báu tạo thành, nằm trong vườn hoa Diệu Hoa Phước Quang gần thành Hữu Tài thuộc lãnh địa của Đa Văn Thiên Vương

_ **Ký** ghi là: Đại Cát Tường Thiên Nữ là Hậu Phi của Thiên Vương, cư ngụ trong vườn hoa Kim Tràng thuộc cung của Đa Văn, ngày đêm luôn luôn theo sát Thiên Vương để cùng nhau ban bố lợi ích cho chúng sinh

_ **Đà La Ni Tập Kinh, Quyển 10, phần Công Đức Thiên Pháp** do sư A Nan Luật Mộc Xoa, sư Ca Diếp và Pháp Sư Cù Đa phiên dịch thì: Cát Tường Thiên Nữ ở trong Điện Kim Tràng trong vườn Công Đức Hoa Quang thuộc thành A Ni Mạn Đà do Tỳ Sa Môn Thiên Vương cai quản.

_ **Bạch Bảo Khẩu Sao** ghi là: Thiên Nữ cư ngụ tại vườn hoa Phổ Quang trong Thành Hữu Tài của Tỳ Sa Môn Thiên Vương ở phương Bắc

_ **Giác Thiền Sao** ghi là: Từ phương Bắc có cung của Tỳ Sa Môn Thiên tên là Sơ Phát Hoan Hỷ, cách đó chẳng xa có cái vườn hoa tên Phổ Quang, nơi ấy có cái thành tên là Hữu Tài được trang nghiêm bằng 7 báu. Thiên Nữ này cư ngụ ở đấy.

_ **Thiên Vương Niệm Tụng Pháp** ghi: Thượng Thủ **Thánh Quán Thế** (Quán Thế Âm Bồ Tát) thị hiện hình Thiên Nữ tên là Cát Tường Thiên. Một số kinh điển khác cũng cho rằng Cát Tường Thiên Nữ là thân thị hiện của Thánh Quán Âm nên cư ngụ tại Thế Giới Cực Lạc

_ **Quyết Nghi Sao** cho rằng: Cát Tường Thiên Nữ đồng Thể với Đức Bảo Sinh Như Lai nên có trú xứ ở Phương Nam. Cụ thể trong Chân Ngôn 108 Danh có ghi câu: "AVĀKA DEVI ŚRĪ: Nam Phương Thiên Nữ Cát Tường"

Riêng Bản Vị được phụng thờ thì hầu hết Kinh Điển đều cho rằng phải đặt Tượng Cát Tường Thiên Nữ ở phương Tây hoặc phương Bắc và lý giải rằng :

_ Cát Tường Thiên Nữ là thân biến hóa của Quán Thế Âm Bồ Tát nên có thể đặt Bản Vị tại phương Tây

_ Trong **Kim Cương Giới Man Trà La** thì Tỳ Sa Môn Thiên, nguyên là Vị Thiên ở phương Tây, sau này trở thành một trong 4 Thiên cư ngụ ở phương bắc của Núi Tu Di nên có tên gọi là Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên. Do Cát Tường Thiên Nữ là Hậu Phi của Thiên Vương, từ lúc mới phát tâm, gặp được **Bảo Hoa Lưu Ly** Thế Tôn , đã cùng với Tỳ Sa Môn Thiên Vương phát thệ đời đời kiếp kiếp cùng tương trợ nhau chẳng hề xa lìa và cùng nhau ban bố lợi ích cho tất cả chúng sinh. Do đó Cát Tường Thiên Nữ thường tùy theo chồng, thoạt tiên ở phương Tây sau này cùng đến phương Bắc của Núi Tu Di và cư ngụ tại đó. Ngoài ra quan hệ vợ chồng của Cát Tường Thiên Nữ với Tỳ Sa Môn Thiên chỉ là sự biểu thị cho **Tính Bất Nhị** của **hai Bộ** (Liên Hoa Bộ và Kim Cương Bộ) và là một thể của Lý Trí.

_ **Tối Thắng Vương Kinh Già Đà** ghi là: Cát Tường Thiên Nữ là mẹ của chư Phật, Kiên Lao Địa Thần là Tâm Bất Hoại.

Đây chính là sự biểu thị cho Mẫu Năng Sinh của tất cả Phật Bồ Tát. Trong đó Cát Tường biểu thị cho nhiều ý nghĩa như: Đắc Được Phước Đức, đầy đủ không thiếu sót công đức của mọi điều lành, tổng thể Bình Đẳng Bất Nhị, Luân viên cụ túc, sự tốt lành an vui của tất cả Phật Bồ Tát, tất cả điều tốt lành... vì là nền tảng sinh ra Phật, Bồ Tát, Phật Tử nên Cát Tường Thiên Nữ biểu thị cho nghĩa là Mẹ của chư Phật .

Từ ý nghĩa này mà Cát Tường Thiên Nữ còn được coi là một phân thân của Đức Bảo Sinh Như Lai. Tuy nhiên hình thể Thiên Nữ biểu thị cho Phước Đức chưa viên mãn nên Cát Tường Thiên Nữ chỉ được coi là một đồng sự của Đức **Bảo Sinh Như**

Lai (Ratna-saṃbhava-tathāgata) mà thôi. Do đó trong thứ tự Hộ Ma của Pháp Cát Tường Thiên Nữ thì Bộ Chủ là Bảo Bồ Tát, chư Tôn là Bảo Sinh kèm với 4 vị Bồ Tát thân cận là: Bảo, Quang, Tràng, Tiếu. Còn lúc Kết Giới thì dùng **Mã Đầu Quán Âm** (Hayagīva). Cả hai điều này chính là sự tương thừa của Bảo Bộ và Liên Hoa Bộ trong Mật Pháp.

III) HÌNH TƯỢNG :

_Theo Truyền Thuyết Ấn Độ, Cát Tường Thiên Nữ có 4 tay hoặc 8 tay







_Người Ấn Độ còn thờ phượng chung nữ thần Lakṣmi với Thần Tài Kubera để cầu xin sự mạnh khỏe, giàu có thịnh vượng



Thần Chú của Lakṣmi-Kubera là:
OṂ_ ŚRĪṂ ŚRĪYAI KUBERA LAKṢMIYAI NAMAḤ



_ **Đà La Ni Tập Kinh, quyển 10** ghi là: Tượng Công Đức Thiên, thân đoan chính, màu trắng đỏ. Thân có hai tay, trang sức bằng mọi thứ Anh Lạc, vòng xuyến, ngọc đeo tai, khoác thiên y, đội mão báu. Thiên Nữ, tay trái cầm Như Ý Bảo, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, ngồi trên Đài cao (Nghi Đài). Hình tượng Thiên Nữ rất mỹ lệ đoan trang.



_ **Cát Tường Thiên Niệm Tụng Pháp** ghi là: Dùng gỗ đẹp làm hình tượng, tay trái cầm Bảo Châu, tay phải tác Ấn Dữ Nguyện, thân màu trắng như con gái 15 tuổi, dùng mọi loại Thiên Y quấn quanh thân rất trang nghiêm vi diệu.



吉祥天女（日本京都－淨瑠璃寺）

_ **Tỳ Sa Môn Thiên Vương Kinh** ghi là: Vẽ hình Cát Tường Thiên Nữ có mắt rộng dài, dung mạo tịch tĩnh, đầu đội Thiên Quan (Mão trời) dùng vòng xuyến , Anh Lạc trang nghiêm thân, tay phải tác Thí Nguyện Thủ, tay trái cầm hoa sen hồng mới nở.





_ **Thiên Vương Niệm Tụng Pháp** ghi là: Tay trái cầm Như Ý Bảo Châu, tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, thân màu trắng đỏ, tên gọi là Cát Tường Thiên





_ **Thạch Sơn Đạo Trường Quán** ghi là: Tay trái cầm Như Ý Bảo Châu màu xanh để ngang trái tim, tay phải tác Dữ Nguyện Ấn



Sự khác nhau về hai tay cầm vật khí đã được các nhà nghiên cứu lý giải như sau:

_ Tay trái biểu thị cho Phước Đức, tay phải biểu thị cho Trí Tuệ. Tay trái cầm Như Ý Bảo Châu biểu thị cho Phước Báo trang nghiêm, tay phải tác Thí VÔ Úy Thủ biểu thị cho nghĩa ban phước cho chúng sinh khiến họ không còn sự sợ hãi

_ Tay trái là LÝ, tay phải là TRÍ. Tay trái cầm viên ngọc Như Ý biểu thị cho việc: Chủ về Pháp Môn **Công Đức Trang Nghiêm** thâu nhiếp tất cả các Pháp và dùng Công Đức làm nền tảng. Tay phải kết Dữ Nguyện Ấn biểu thị cho tướng Đại Từ ban vui khiến cho mãn nguyện của mình và của người

_ Màu xanh biểu thị cho nghĩa **Cứu Độ**. Tay trái cầm viên ngọc Như Ý màu Xanh biểu thị cho nghĩa: Sẵn sàng đem Phước Đức đã có ban cho chúng sinh, tay phải kết Ấn Dữ Nguyện biểu thị cho nghĩa: Dùng nguyện lực Đại Bi ban Phước cứu Khổ cho mọi chúng sinh.

_ Hoa Sen 8 cánh biểu thị cho 8 Phước. Tâm Phàm Phu ví như hoa sen chưa nở, Tâm Phật là hoa sen đã hé nở . Đây là hoa sen Tâm của Phật Tính, một khi đã khai mở được hoa sen Tâm sẽ tự tại tuôn mưa tài bảo cho thế gian. Do vậy Tâm này chính là Tâm Bồ Đề và cũng là viên ngọc Như Ý

_ **Đại Nhật Kinh 7** ghi là: **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) là Báu Như Ý, hay mãn tất cả ước nguyện thù thắng hiếm có

Nay tay trái cầm Hoa Sen hé nở tức là Lý thâm sâu của tay cầm viên ngọc Như Ý vậy.

_Ngoài ra còn có Tôn Tượng 8 tay



_ Tại Tạng Truyền Phật Giáo thì **Cát Tường Thiên Mẫu** là một vị Thần Hộ Pháp nữ tính trọng yếu rất được sùng phụng, có ảnh hưởng lâu xa, thường được cúng phụng qua hình tượng Phẫn Nộ.

Hình tượng phẫn nộ của Cát Tường Thiên Mẫu là vị Hung Thần có màu xanh lam, tóc trên đầu có màu cam dựng đứng lên, trên mặt trang sức năm đầu lâu, đỉnh đầu có nửa vành trăng và lông chim công, trên khoen tai bên phải có con sư tử nhỏ trang sức, trên tai trái đeo một con rắn nhỏ, trên eo đeo sổ sách, tay phải cầm cây côn đầu lâu (khô lâu bổng), tay trái cầm cái chén đầu lâu chứa đầy máu tươi, trên thân khoác da người, ngồi trên con **Loa** (Lừa Ngựa giao hợp sinh ra con Loa) màu vàng phi hành trong ba cõi: trên trời, trên đất, dưới đất. Bên dưới chỗ ngồi của Ngài có treo đầu người rũ tóc xuống phía dưới. Phía trước yên ngựa, ở bên dưới có hai hột xúc sắc màu hồng và màu trắng. Phía sau cái yên có cái túi nhỏ, bên trong chứ đầy độc khuẩn bệnh dịch



Ý nghĩa của hình tượng này là:

.)**Thân thể màu xanh lam, đầu đội mão năm đầu lâu, tóc vàng cam dựng đứng** biểu thị cho sự phẫn nộ

.)**Đỉnh đầu có nửa vành trăng** biểu thị cho phương pháp của Tôn này là vô thượng

.)**Trên khoen tai bên phải có con sư tử nhỏ** biểu thị cho việc lắng nghe Phật Đạo

.)**Trên tai trái đeo một con rắn nhỏ** tượng trưng cho dấu hiệu của sự phẫn nộ

.)**Trên eo đeo sổ sách** biểu thị cho **bản Án** chuyên môn ghi chép việc mà con người đã gây hoại, tương lai của người ác sẽ bị xử trí bằng cách **lột da**

.)**Tay phải cầm cây côn đầu lâu** biểu thị cho việc chuyên môn đối phó với Quỷ ác, A Tu La

.)**Tay trái cầm cái chén đầu lâu chứa đầy máu tươi** biểu thị cho hạnh phúc

.)**Trên thân khoác da người** biểu thị cho việc vì **Đại Nghĩa diệt Thân**

.)**Bên dưới chỗ ngồi của Ngài có treo đầu người rũ tóc xuống phía dưới** biểu thị cho việc Môn Đồ của **Dị Giáo** đã bị Ngài giáng phục

.)**Hột xúc sắc màu hồng** chủ về việc giết chóc, **hột xúc sắc màu trắng** chủ về việc giáo hóa

.)**Bên trong cái túi nhỏ chứa đầy độc khuẩn bệnh dịch** biểu thị cho Tôn này là vị Thần chủ về sinh tử, bệnh ôn, thiện ác

.)**Ngồi trên con Loa màu vàng phi hành trong ba cõi: trên trời, trên đất, dưới đất** biểu thị cho việc Ngài có danh xưng là **Tam Giới Tổng Chủ**

IV) CHỦNG TỬ VÀ TAM MA GIA HÌNH :

Cát Tường Thiên Nữ dùng chủng tử ŚRĪ (), Tam Ma Gia Hình là viên ngọc Như Ý.

_ **Bạch Bảo Khẩu Sao** ghi là :

ŚRĪ () là lấy chữ của Chân Ngôn làm Chủng Tử. ŚA là Bản Tính Tịch, RA là xa lìa bụi trần, Ī là Tai Họa.

ŚA Tự Môn () là trừ tâm sai biệt của các Pháp, nhiếp tất cả Diệu Lý Bình Đẳng của Pháp

RA Tự Môn ( )là trừ sự nhơ bẩn của trần nhiễm, nhiếp tất cả Phước Đức Trí Tuệ

Ī Tự Môn () là trừ tất cả tai họa, nhiếp Quả viên mãn cứu cánh

Thường cùng với 3 loại tương ưng này mà nhiếp tất cả Pháp. Đó đây, ngang dọc đều nhiếp trì, trùng trùng vô lượng bình đẳng, không có cao thấp. Rốt ráo lìa tất cả Tướng. Do lìa tất cả Tướng cho nên chứng TỰ CHỨNG TAM BỒ ĐỀ của chư Phật. Chứng Tam Bồ Đề cho nên các Pháp **Chân Tục** thảy đều được hiện tiền. Báu **Chân Đà Ma Ni** (Cintā-maṇi) hay mãn ước muốn nguyện cầu của tất cả chúng sinh

_ Lại nữa, ŚRĪ nghĩa là Luân Viên Cụ Túc, Tổng Thể Bình Đẳng Bất Nhị. ŚRĪ do 3 chữ hợp thành

ŚA () là Bản Tính Tịch bất khả đắc

RA ( ) là ly trần bất khả đắc

Ī () là tự tại bất khả đắc

Theo nghĩa của chữ HRÌH thì Ì là Lý Thú tự tại. Chữ RA là chủng tử Bảo Châu của Bảo Bộ thuộc Phương Nam. Trần Cấu liền nhập vào nghĩa Bất khả đắc ly trần. Vì Ly Trần nên là Như Ý Bảo Châu

Phạm Võng Khai Đề ghi là: chữ RA là Trần Cấu, lúc thêm Tam Muội Đại Không thì hoàn trả tất cả Trần Cấu làm vật Báu

Tam Chủng Phá Địa Ngục Quỹ ghi là: Vàng, ngọc, trân bảo, nhật, nguyệt, tinh thần , Hỏa châu, ánh sáng đều từ chữ LA mà thành

ŚRĪ nghĩa là Bản Tính Tịch, ở tất cả Pháp là Pháp Bình Đẳng không có cao thấp

_ Lại ghi là: ŚA là Pháp Thân. RA là Báo Thân, Ī là Hóa Thân. Một Thể của 3 Thân (Tam Thân Nhất Thể) là ŚRĪ. Y theo lực gia trì này nên đối với chung sinh, ban cho Phước Trí nhị nghiêm không hề cùng tận

_ Lại nói là: 3 chữ này là 3 chữ của 3 Bộ **Phật, Liên, Kim** hợp Thể thành ŚRĪ. Chữ ŚRĪ này dịch là Cát Tường. Do vậy chữ Hán của Chủng Tử là Danh Hiệu của Tôn. Cát Tường cũng là tên gọi của Như Ý Bảo Châu

Sớ 19 ghi là: Cát Tường Như Ý Bảo Châu. Do đó nên biết Chủng Tử, Tam Hình, Bản Tôn đều chỉ một Vật. Một vật cho nên Cát Tường Thiên Nữ tức là Thật Thể của Bảo Châu, Thật Thể của Bảo Châu là Bản Tâm của **Giá Na** (Vairocana)

Sớ 6 ghi là: **Liên Hoa Đài Đạt Ma Đà Đô** (Padmāsana dharma-dhātu) tức là Thân Xá Lợi. Nếu chúng sinh giải được Bồ Đề Tâm Ấn này liền đồng với **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana)

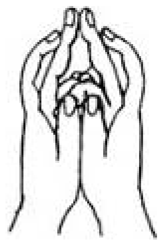
V) ẤN CHÂN NGÔN :

Ấn và Chân Ngôn của Cát Tường Thiên Nữ có rất nhiều nhưng vẫn không ra ngoài 3 Ấn và các Chân Ngôn sau :

1) BỊ GIÁP ẤN hay NỘI PHỘC TAM CỔ ẤN :

_ **Tập Kinh 10** ghi là: Công Đức Thiên Tâm Ấn

Hai ngón út, hai ngón vô danh cài ngược đầu giao nhau trong lòng bàn tay. Dựng thẳng hai ngón giữa sao cho 2 đầu ngón dính nhau. Hai ngón trỏ đều vịn lưng lóng trên của 2 ngón giữa, Hai ngón cái kèm dựng kề nhau



Ý nghĩa của Ấn này là :

_ Hai ngón út cùng cài nhau bên trong biểu thị cho Tâm Địa của Pháp Tính tức Nội Tương Xoa, hiện **Nội Chứng** của Thiên Nữ

_ Hai ngón vô danh như trên là chữ VA (𑖪)

_ Hai ngón cái đè trên móng là thêm Điểm Không thành chữ VAṂ (𑖪𑖽) nghiã là dùng Tính của nước TĨNH TRÍ rửa nghiệp phiền não nhơ bẩn cho chúng sinh và sinh ra công đức phước trí

_ Hai ngón giữa dựng hợp là Bình Đẳng Tính Trí. Tôn này là Cát Tường Ma Ni Bảo Sinh Như Lai , nên Lưỡng Bộ Nhất Vị biểu thị cho nghĩa Bất Nhị. Dùng nghĩa đó hợp dụng tức là Thể của Bảo Châu

_ Hai ngón trỏ dựng, trái phải biểu thị cho Phước Trí nhị Nghiêm. Ngón trỏ là chữ HA, nghĩa là Nhân Nghiệp. Suy ra Phước Trí như là Nhân đã được cải sửa vậy

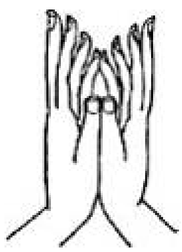
Nội Phộc Tam Cổ Xoa Ấn này là Quân Trà Lợi Đại Ấn, Bình Đẳng Tính Trí Môn. Đó đây đồng thể, nên dùng đồng Ấn

Chân Ngôn dùng Đại Cát Tường Đà La Ni

TADYATHĀ: OṂ_ LAKṢMI, ŚRĪ-PADME, VĀSINĪ, DHANĀDHIPATI, GAURI, MAHĀ-YASA, PADMA-NETRE, MAHĀ-JYOTI, DĀNĀYE, RATNA-PRABHA, MAHĀ-ŚRĪ , ABHAYA-SENA-ŚRĪṆI _ ŚRĪṆI, SARVATHĀ KĀRYA SĀDHANI, SINI SINI, NI NI NI NI , NĪTI NĪTI, ĪNI ĪNI, ALAKṢMI NĀŚAYA, SARVA LAKṢMI DEŚA DĀNĀYA SVĀHĀ _ NAMO SARVA BUDDHA BODHISATVE BHYAH _SVĀHĀ

2) BÁT DIỆP ẤN :

Chắp hai tay lại giữa rỗng, mở 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa, 2 ngón trỏ rồi hơi co lại như cánh sen



_ **Thập Nhất Diện Kinh** ghi là: Nhất thiết Cát Tường là Cát Tường Thiên, Thiên Sư. Ấn là Bát Diệp Ấn tức Thai Tạng Như Lai Thân Hội Ấn. Ấn ấy tên là Như Lai Cát Tường Nguyện Ấn

_ **Lâu Các Kinh** ghi nhận Ấn này là Cát Tường Thiên Nữ Ấn. Chân Ngôn là:
Oṃ_ VIMALA UGRA VATI SAṂBHARA HŪṂ
(Tạm diễn dịch là: ***Hỡi Đấng có đầy đủ uy đức lìa cấu nhiễm! Hãy giúp đỡ cho con thành tựu cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân***)
Do kết Ấn tụng Chân Ngôn này sẽ mãn nguyện mong ước. Khi tác Pháp này, mọi điều yêu thích đều được như ý

_ **Tỳ Sa Môn Thiên Vương Kinh** ghi nhận Cát Tường Thiên Nữ Ấn là Bát Diệp Ấn. Chân Ngôn là:
NAMO ŚRĪ-GAṆĀYA
NAMO VAIŚRAVAṆĀYA , MAHĀ-YAKṢA-RĀJA , ADHIRĀJAYA
NAMAḤ ŚRĪYAYE MAHĀ-DEVI
TADYATHĀ: OṂ _ TĀRA TĀRA, TURU TURU , ŚĀSTRA ŚĀSTRA, MAṆI KANAKA, VAJRA , VAIḌURYA , MUKTA, NĀMĀLUṂKṚTA, BHŪḤ _ SARVA HĪTA _ KĀMA, VAIŚRAVAṆA, ŚRĪ-DEVI, MĀLĀṂ VI _ EHYEHI, GṚHṆA GṚHṆA, MASA MASA, DARŚAYA SIDDHI DĀDĀHIME _ DARŚANA KĀMAṢYA , DARŚANĀṂ PRAKRADĀYA MAṆA , SVĀHĀ
(Bài Chú trên có thể diễn dịch là :
Quy mệnh Cát Tường Chúng Đẳng
Quy mệnh Tỳ Sa Môn Đại Dược Xoa Vương Căn Bản Vương Đẳng
Kính lễ Cát Tường Đại Thiên Nữ
Như vậ : OM !
Cứu độ, cứu độ khắp. Nhanh chóng, cực nhanh chóng ban giáo huấn về luật giới Thánh sáng tạo vật dụng trang nghiêm là: Ngọc Như Ý, vàng, Kim Cương, Lưu Ly đem lại sự lợi ích cho tất cả Hữu Tình.
Hỡi Thần Ái Dục! Tỳ Sa Môn Thiên Vương! Cát Tường Thiên Nữ! Bậc Tối Thắng đeo tràng hoa vinh quang!
Hãy khéo đến gìn giữ cầm nắm khắp, thay đổi thay đổi khắp .
Hãy ban bố cho con thành tựu Kiến Giải. Khiến cho nhìn thấy điều yêu thích và khiến cho mọi người nhìn thấy con đều khởi ý vui thích
Nguyện cho con quyết định thành tựu viên mãn)

3) BẢO BỒ TÁT ẤN :
Đem 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh cài chéo nhau bên trong lòng bàn tay. Hướng 2 ngón út ra ngoài cài chéo nhau, bên phải đè bên trái. Co cứng ngón trỏ phải, dựng thẳng ngón trỏ trái Co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay. Hợp 2 cổ tay.
Công Đức Thiên Pháp ghi nhận Ấn này là Công Đức Thiên Thí Trân Bảo Ấn (Thứ tư). Chân Ngôn là Đại Thân Chú tức Thiện Nữ Thiên Chú.

_ **Công Đức Thiên Pháp** ghi là: Kết Đại Ấn còn gọi là Công Đức Thiên Đại Thân Ấn: Đem 2 ngón vô danh câu móc nhau ở trong lòng bàn tay, dựng đứng 2 ngón út sao cho đầu ngón cách nhau một thốn, dựng thẳng 2 ngón trỏ dựa đầu nhau, đặt 2 ngón trỏ trên lóng thứ ba của 2 ngón giữa, kèm dựng thẳng 2 ngón cái, đưa đầu ngón qua lại
Chân Ngôn là Đại Thân Chú còn gọi là Thiện Nữ Thiên Chú
NAMO BUDDHĀYA
NAMO DHARMĀYA
NAMO SAÑGHĀYA
NAMO ŚRĪ MAHĀ-DEVĀYA

TADYATHĀ: PARIPŪRṆA CALE, SAMANTA DARŚANI, MAHĀ-VIHARA GATE, SAMANTA VIDHĀNA GATE, MAHĀ-KĀRYA-PATI, SUPARIPŪRE_ SARVATHĀ SAMANTA SUPRATI PŪRṆA, AYANA DHARMATE , MAHĀ-VIBHAṢITE , MAHĀ-MAITRE, UPASAṂHITE _ HE! TITHU, SAṂGṚHITE , SAMANTA ARTHA ANUPALANI

(Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

Quy y Phật

Quy Y Pháp

Quy Y Tăng

Quy Y Cát Tường Đại Thiên

Như vậy : Hỡi Đấng Quyền Năng hay ban bố sự viên mãn thù thắng!

Đấng Chủ Tể Đại Tác Nghiệp hay nhìn thấy khắp cả nẻo phân ly rộng lớn và nẻo kết hợp rộng lớn

Hãy khéo léo làm cho tất cả mọi nơi đều được đầy đủ

Hãy khiến cho khắp tất cả mọi nơi đều được sự viên mãn thù thắng tối thượng

Hãy thể hiện lòng Đại Từ làm cho Lý Thú Pháp Tính phóng tỏa ánh sáng màu nhiệm rộng lớn khiến cho con và chúng sinh được thích ứng với sự lợi ích chân chính

Mừng thay Đấng biểu hiện của lòng yêu thương!

Đấng chân chính gìn giữ sự lợi ích

Hãy giúp cho con và chúng sinh đều gìn giữ được khắp mọi tài sản lợi ích)

Kinh này còn ghi chú là: SVĀHĀ nghĩa là tán khứ. Vì Chú này cầu tài vật nên không có SVĀHĀ bởi lẽ điều này chẳng dính với SVĀHĀ

_Truyền thống khác ghi nhận bài Chú này là:

NAMO BUDDHĀYA

NAMO DHARMĀYA

NAMO SAṄGHĀYA

NAMO ŚRĪ MAHĀ-DEVĪYA

TADYATHĀ: (OṂ) PARI-PŪRṆA-CARE, SAMANTA DARŚANE, MAHĀ-VIHĀRA GATE, SAMANTA VIDHĀ-MANE, MAHĀ-KĀRYA-PRATI-ṢṬHĀPANE_ SARVĀRTHA-SĀDHNE, SUPRATI-PŪRE, ĀYĀNA DHARMATĀ , MAHĀ-AVIKOPITE, MAHĀ-MAITRĪ, UPA-SAṂHITE, MAHĀ-KLEŚE SU-SAṂGṚHĪTE, SAMANTĀRTHA ANUPĀLANE SVĀHĀ

.)Ý nghĩa của **Đại Thân Chú** này là:

Namo buddhāya: Quy y Phật đẳng

Namo dharmāya: Quy y Pháp đẳng

Namo saṅghāya: Quy y Tăng đẳng

Namo śrī-mahā-devīya: Quy y Cát Tường Đại Thiên Nữ đẳng

Tadyathā: Như vậy, liền nói Chú là

Oṃ: Nhiếp triệu

Pari-pūrṇa-care: Viên Mãn Hành, thực hiện tròn đủ

Samanta-darśane: có thể thấy tràn khắp

Mahā-vihāra-gate: Đại Trú Xứ Bỉ Ngạn, bờ bên kia của trú xứ to lớn

Samanta-vidhā-mane: Ý niệm dạy bảo khắp

Mahā-kārya: Đại Sự Nghiệp, sư nghiệp to lớn

Prati-ṣṭhāpane: An trụ

Sarvārtha-sādhane: Tất cả nhiêu ích, lợi ích

Suprati-pūre: Khéo đầy đủ, cứu cánh viên mãn

Āyāna-dharmatā: tiếp cận Pháp Tính
Māha-avikopite: Đại bất thoái, đại bất hoại
Mahā-maitrī: Đại Từ
Upa-saṃhīte:Gần gũi thân cận lợi ích chân chính
Mahā-kleśe-su-saṃgṛhīte: khéo chân chính giữ gìn lợi ích bên trong **sự Phiền Não rộng lớn** (Đại phiền não)
Samantārtha anupālane: Giữ gìn lợi ích của cải cho khắp cả
Svāhā: Đem đến sự tốt lành

Ngoài các Ấn Chú trên, Kinh Điển còn ghi nhận thêm một vài Chân Ngôn của Cát Tường Thiên Nữ là
_ Tiểu Chú thường dùng là (Kết Bát Diệp Ấn)
OṂ_ MAHĀ-ŚRĪYAYE SVĀHĀ
(***Quy mệnh Đại Cát Tường Đẳng, viên mãn tốt lành***)

_ Có lúc dùng câu: ALAKṢMI NĀŚAYA (***Tiêu trừ điều chẳng tốt lành***)

_ **Thập Nhất Diện Kinh** ghi **Nhất Thiết Cát Tường Tâm Chân Ngôn** là :
NAMO ŚRĪYAYE _ OṂ_ KILI MILI NÌYE _ SVĀHĀ
(Quy mệnh Cát Tường Đẳng. Hãy găm chặt, ngăn chận, ra lệnh khiến cho viên mãn tốt lành)

_ **Thành Tựu Viện** truyền miệng câu Chú là :
OṂ_ ŚRĪ-DEVAPUTRAṢYA, ŚĀNTI KURU, SVĀHĀ
(***Quy mệnh Cát Tường Thiên Tử Đẳng. Hãy tạo dựng sự an bình vắng lặng khiến cho viên mãn tốt lành***)

_ **Thánh Hiền** ghi là: Lúc tu Pháp có thể dùng Ấn : Chắp 2 tay lại giữa rỗng, đưa 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay, co 2 ngón vô danh, đặt 2 ngón cái trên móng 2 ngón vô danh liền thành. Chân Ngôn là :
NAMO RATNA-TRAYĀYA_BHADRA ŚRĪ _ LOKA ŚRĪ _ RĀJA ŚRĪ _ SUBHA ŚRĪ _ VIMALA ŚRĪ _ VAJRA ŚRĪ _ RAṆAṂ ŚRĪ _ PADMA ŚRĪ _ BRAHMAṂ ŚRĪ _ ATUBHARA ŚRĪ _ MAHÀ ŚRĪ _ JÑĀNA ŚRĪ _ SVĀHĀ
(***Quy y Tam Bảo***
Như vậy: Hiền Cát Tường, Thiên Thần Tối Thượng Cát Tường, Cam Lộ Cát Tường, Long Cát Tường, Thế Giới Cát Tường, Vương Cát Tường, Hoan Hỷ Cát Tường, Ly Cấu Cát Tường, Kim Cương Cát Tường, Chiến Đấu Cát Tường, Liên Hoa Cát Tường, Phạm Hạnh Cát Tường, Trọng Đảm Cát Tường, Đại Cát Tường, Trí Cát Tường, viên mãn thành tựu)

_Tạng Truyền Phật Giáo còn ghi nhận chữ chủng tử của Cát Tường Thiên Mẫu là BHYOḤ và tùy theo giòng phái truyền dạy **Cát Tường Thiên Mẫu Chú** hoặc **Cụ Đức Thiên Mẫu Chú** khác nhau:

.)**Cụ Đức Thiên Mẫu Chú**:
ཨོཾ་ཧཱུྃ་ཤྲི་ཡ། དེ་ཝཱི་ཀ་ལི་མ་ཧཱ་ཀ་ལི་ཧཱུྃ་བྷྱོཿ
OṂ HŪṂ ŚRIYA DEVĪ KALI MAHĀ-KALI HŪṂ BHYOḤ

Phàm cầu đảo tiêu tai, mạnh khỏe, giàu có, cảm tình, hôn nhân, quan lộc, địa vị uy thế, trừ chướng thì Thần Chú này hay tiêu trừ Duyên chướng ngại, mau chóng gom tập được thuận duyên, cát tường

.)**Cát Tường Thiên Mẫu Chú** (Chú ngắn):
"Cứu lạt mẫu, cứu lạt mẫu, cứu cứu lạt mẫu"
BHYOḤ RAKMO, BHYO RAKMO, BHYO BHYO-RAKMO

.)**Cát Tường Thiên Mẫu Chú** hay **Cụ Đức Phật Mẫu Tâm Chú** (Chú dài):
"**Cứu lạt mẫu, cứu lạt mẫu, cứu cứu lạt mẫu, thôn cứu, ca lạp lạt khánh mẫu, lạt mẫu, a gia đáp gia, thôn cứu, nhập lộ nhập lộ, hồng, cứu, hồng**"
BHYOḤ RAKMO, BHYO RAKMO, BHYO BHYO RAKMO, THUNA BHYO, VILARAGACENAMO RAKMO, AVYATA THUNA BHYO, RULU RULU, HŪṂ BHYO HŪṂ



VI) HÀNH PHÁP :
Dùng Thiên Nữ này làm Bản Tôn để tu Pháp Sám Hối tội lỗi thì gọi là Cát Tường Thiên Nữ Pháp hay Cát Tường Sám Hối Pháp. Man Đà La sử dụng để tu Pháp này gọi là **Cát Tường Thiên Man Đà La**.
_ **Tập Kinh** ghi: Nếu muốn tác Pháp thì chọn ngày mồng 3, mồng 7 tháng Giêng. Nên dùng tháng này để vào Đàn ắt Thiên Nữ vui vẻ. Tháng khác thì chẳng được.
Lại nói từ mồng 8 cho đến ngày 14 trong tháng, dùng đất bùn sạch tốt làm Thủy Đàn rộng 4 khuỷu tay

_ **Công Đức Thiên Pháp** ghi là: Dùng gỗ cây mới đốn làm hình Thiên Nữ, thân dài một thốn. Chú Sư từ ngày mồng một tháng Giêng rưới vảy tắm. Nên ở trước Tượng

bày biện mọi thứ cúng dường, ngày ngày đặt thêm bên trên vật cúng dường tốt. Như vậy đến ngày 15 sẽ mãn túc ước muốn, người cầu đều vừa ý.

Công Đức Thiên Nữ Niệm Tụng Pháp ghi: Dùng gỗ đẹp làm hình tượng Thiên Nữ, tay trái cầm Bảo Châu, tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, thân màu trắng như thiếu nữ 15 tuổi. Dùng mọi thứ áo khoác (Thiên Y) vi diệu trang nghiêm. Hiện hình Thiên Nữ cho nên chẳng mặc Pháp Y (Áo Pháp), dùng Thiên Y quấn thân. Bên trái vẽ **Diệu Kiến Thiên Nữ**, tay trái nâng Bảo Châu, tay phải tác Thí Vô Úy. Bên phải vẽ Công Đức Thiên Nữ, tay trái ôm cái bát đầy hoa, chưởng phải hướng ra ngoài. Lại bên trái vẽ **Biện Tài Thiên Nữ**, tay trái cầm cây Tam Kích, tay phải cầm cây kiếm bén. Bên phải vẽ **Đại Quang Thiên Nữ,** tay trái cầm mặt trời, tay phải kết Ấn Dữ Nguyện. Lại tiếp 4 phương vẽ 4 Vị Thiên Vương có binh lính và vô lượng quyến thuộc vây quanh

_ **Thành Tựu Viện** ghi là: Thoạt tiên quán chữ AḤ (𑖀𑖾) phóng tỏa ánh sáng lớn biến đại địa thành lưu ly, chung quanh có suối chảy ao hồ. Trung ương có chữ ĀḤ (𑖁𑖾) biến thành cung điện báu, ở giữa cung điện có cái Đàn, trên Đàn có Đài sen nở. trên Đài sen có chữ ŚRĪ (𑖫𑖿𑖨𑖱) biến thành Như Ý Bảo Châu. Bảo Châu biến thành **Cát Tường Thiên Nữ**, đầu đội mão Ma Ni, diện mạo đoan chính kỳ diệu, tay trái cầm Như Ý Bảo, tay phải kết Thí Nguyện Ấn, sau lưng có hào quang tròn, ngồi trên hoa sen hồng. Phạm Vương, Đế Thích, 4 Đại Thiên Vương với vô lượng quyến thuộc vây quanh.

Căn Bản Ấn là Bát Diệp Ấn

Chân Ngôn là: OṂ_ MAHĀ-ŚRĪYAYE SVĀHĀ

Sau khi tụng niệm thì niệm Kinh Đại Cát Tường, 12 Danh Hiệu

Kết Nội Phộc Tam Cổ Ấn, tụng Chân Ngôn: TADYATHĀ : ŚRĪṆI ŚRĪṆI, SARVA KĀRYA SĀDHANI, SINI SINI , NI NI NI NI, ALAKṢMI NĀŚAYA _ SVĀHĀ

Lại tụng Chân Ngôn: OṂ _ ŚRĪ-DEVA-PUTRAṢYA, ŚĀNTI KURU _ SVĀHĀ

_ Lược **Đạo Trường Quán**: Kết Địa Giới, bên trên kết Kim Cương Tường, bên trong có biển lớn chứa nước 8 công đức. Chính giữa có núi Tu Di Vương do 4 báu trang nghiêm. Giữa lưng Núi có cung điện, ở giữa có Diệu Đàn. Giữa Đàn có tòa sen nở. Trên Tòa có vành trăng, giữa vành trăng có chữ ŚRĪ (𑖫𑖿𑖨𑖱), chữ ŚRĪ biến thành **Như Ý Bảo Châu**, Bảo Châu biến thành **Cát Tường Thiên Nữ** có tướng tốt đẹp viên mãn, vi diệu trang nghiêm, tay trái cầm Như Ý Bảo Châu, tay phải kết Ấn Thí Nguyện, đỉnh đầu và lưng có hào quang tròn, quyến thuộc vây quanh.

Ngoài ra còn có nhiều nghi thức tu trì khác như: Cát Tường Thiên Nữ Cúng Dường Thứ Đệ, Nhập Ngã Ngã Nhập, Quán Tưởng Trì niệm, Hộ Ma, Cát Tường Đa Văn Đồng Thể Quán...

Theo truyền thống Mật Giáo thì Cát Tường Thiên Nữ còn có người em gái tên là **Hắc Nhĩ** (Kṛṣṇa-karṇa). Hai chị em cùng đi chung với nhau chẳng rời. Chị tên Cát Tường , đi đến đâu đều đem lợi ích đến đó. Em tên Hắc Nhĩ , do có lỗ tai màu đen mà có tên, xưa dịch là Hắc ám, đi đến đâu đều gây nên sự tổn hoại. Do đó hai chị em (Công Đức Thiên, Hắc Ám Nữ) biểu thị cho nghĩa **Phước Họa Tương Tùy**. Chính vì lý do này mà tín ngưỡng Cát Tường Thiên Nữ ngày càng giảm dần. Sau này, tại Nhật Bản rất tôn phụng Biện Tài Thiên Nữ là Nữ Thần tăng ích phước đức thay cho Cát Tường Thiên Nữ

_ Thầy truyền rằng: Lúc cúng Cát Tường Thiên thì nên cúng cả Thần này (Hắc Nhĩ). Các việc như chuẩn mực, 7 ngày chia làm 3 lần. Hoặc trước sau chỉ có 7 ngày.

Có điều nhà thất của Hắc Ám, nếu hành ở nơi rừng Trúc thì đừng đốt lửa

Hắc Nhĩ có chủng tử là KA (क). Tam Muội Gia hình là chày Độc Cổ. Ấn là Phổ Ấn. Chân Ngôn là:

OṂ_ KĀLA ŚRĪ, SVĀHĀ (Quy mệnh Hắc Thiên Cát Tường, thành tựu tốt lành)

Thứ tự Pháp Thí: Tâm Kinh (3 quyển)_ Kim Cương Bát Nhã Kệ_ Quang Minh Chân Ngôn_ Phát Tâm Bồ Đề (100 biến)_ Tam Muội Gia Giới (100 biến)_ Bản Tôn Chú (100 biến, hoặc 1000 biến)

_ **Khẩu** truyền là: Dùng Tùy Cầu Đà La Ni. Vì Hắc Nhĩ là Hộ Pháp của Tùy Cầu cho nên tụng Tùy Cầu Chú, Hắc Nhĩ sẽ chẳng gây chướng ngại

(Cát Tường Thiên Pháp, lúc Tán Niệm Tụng thì tụng Tùy Cầu Chân Ngôn 108 biến . Có Kinh ghi là: Tùy Cầu Pháp giải thoát Hắc Nhĩ)

Tùy Cầu Đà La Ni Kinh ghi là :

Người thọ trì Tùy Cầu
Kim Cương Bí Mật Chủ
Hộ Thế Tứ Thiên Vương
Cam Lộ Quân Trà Lợi
Vô Năng Thắng Minh Phi
Hắc Nhĩ, Cát Tường Nữ
Do trì Mật Ngôn này
Ngày đêm thường tùy toại Theo sát làm cho vừa ý)
Hay mãn các Nguyện khác

Đại Tùy Cầu Tùy Tâm Chân Ngôn là:

OṂ_ BHARA BHARA, SAṂBHARA SAṂBHARA, INDRIYA VIŚODHANI, HŪṂ HŪṂ , RURU CALE, SVĀHĀ

(Hãy giúp đỡ đảm nhận, chân chính giúp đỡ đảm nhận, tĩnh trừ các căn, khủng bố và lay động Nội trần với Ngoại Trần khiến cho viên mãn cát tường)

HUỲNH HOẶC THIÊN

Huỳnh Hoặc Thiên, tên Phạn là **Piṅgala**, dịch âm là Băng Nga La. Tôn này đồng Thể với **Nhật Thiên** (Āditya-deva), là một trong 20 Thiên Hộ Thế ở phương Nam của **Ngoại Kim Cương Bộ** trong Kim Cương Giới Man Đa La, là **Du Hư Không Thiên** trong 5 loại Thiên

Xưa kia hoặc nói **Piṅgala** là con yêu (ái tử) của **Ha Lợi Để Mẫu** (Hāṛtye-mātṛ) nhưng xem ra có sự khác biệt với Tôn này. Như Piṅga là nghĩa của màu hoàng hôn (xích hạt), màu vàng đất (hoàng hạt) là tên gọi Thị Giả của Thái Dương ắt cùng với nghĩa của Hỏa Diệu Tinh có sự khế hợp, nhưng tên Phạn của Hỏa Diệu Tinh là **Aṅgāraka** cho nên chưa hiểu rõ chỗ đồng dị của Aṅgāraka với Piṅgala

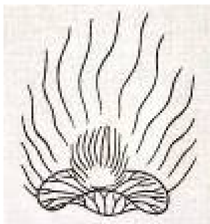
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma): Huỳnh Hoặc Thiên có thân màu thịt trắng, hiện tướng đáng sợ, tay phải cầm đám lửa, tay trái nắm quyền



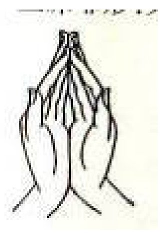
Mật Hiệu là: **Kim Cương Băng Nga La**

Chữ chủng tử là: VI () hay PIṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Đám lửa



Tướng Ấn là: Hai tay kết Bát Ấn, tưởng phóng ánh sáng lửa

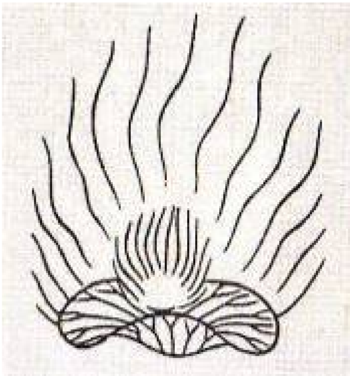


Chân Ngôn là:

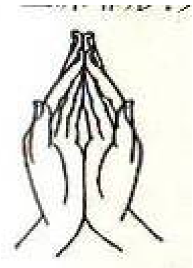
OṂ _ VAJRA-PIṄGALA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Huỳnh Hoặc Thiên có chữ chủng tử là: VI ()

Tam Muội Gia Hình là: Đám lửa



Tướng Ấn là: Hai tay kết Bát Ấn, tưởng phóng ánh sáng lửa



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-PIṄGALA   SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Huỳnh Hoặc Thiên có chữ chủng tử là: TRẠM ()

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

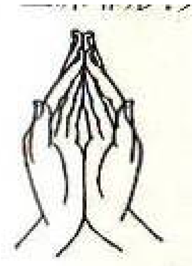
OṂ _ VAJRA-PIṄGALA   SVĀHĀ_ TRẠM

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Huỳnh Hoặc Thiên có chữ chủng tử là: TRAṂ (𑖝𑖿𑖨𑖽)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Hai tay kết Bát Ấn, tưởng phóng ánh sáng lửa



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖢𑖰𑖒𑖿𑖐𑖩 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

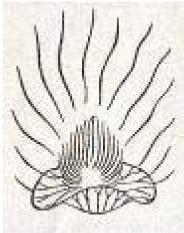
OṂ _ VAJRA-PIṄGALA SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Huỳnh Hoặc Thiên có chữ chủng tử là: LA (𑖩)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Đám lửa.

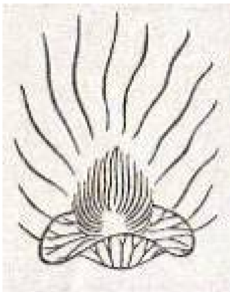


Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-PIṄGALA   SVĀHĀ_ LA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Huỳnh Hoặc Thiên có chữ chủng tử là: LA ()

Tam Muội Gia Hình là: Đám lửa.



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-PIṄGALA   SVĀHĀ_ LA

TUỆ TINH THIÊN

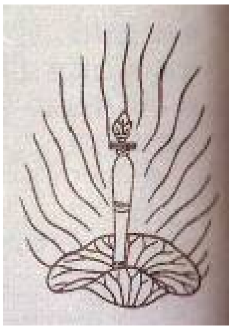
Tuệ Tinh Thiên, tên Phạn là **Ketu**, dịch âm là Kế Bộ, Kế Đâu, Kế Đô…là **sao Kế Đô** trong 9 Diệu, Báo Vĩ Tinh, Thực Thần Vĩ… là một trong 20 Thiên Hộ Thế được an bày ở phương Tây Nam của **Ngoại Kim Cương Bộ** trong Kim Cương Giới Man Đa La



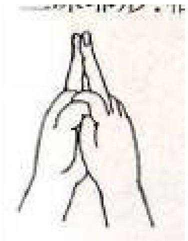
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Tuệ Tinh Thiên có thân màu thịt trắng, tay phải để cạnh eo cầm cây gậy, tay trái nắm quyền để ngang eo



Mật Hiệu là: **Kim Cương Trượng**
Chữ chủng tử là: LA (ऌ) hay MU (मु)
Tam Muội Gia Hình là: cây gậy

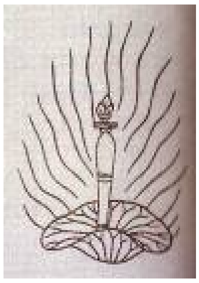


Tướng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, kèm đứng hai ngón giữa.

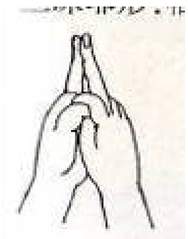


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖦𑖲𑖭𑖩 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA-MUSALA   SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Tuệ Tinh Thiên có chữ chủng tử là: YA (𑖧)
Tam Muội Gia Hình là: cây gậy



Tướng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, kèm đứng hai ngón giữa.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖦𑖲𑖭𑖩 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA-MUSALA   SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Tuệ Tinh Thiên có chữ chủng tử là: YA (𑖧)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



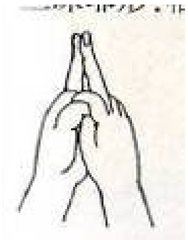
Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-MUSALA   SVĀHĀ_ YA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Tuệ Tinh Thiên có chữ chủng tử là: YA ( )
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, kèm đứng hai ngón giữa.



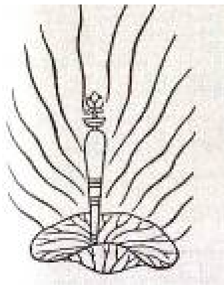
Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-MUSALA   SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Tuệ Tinh Thiên có chữ chủng tử là: RU ( )
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy

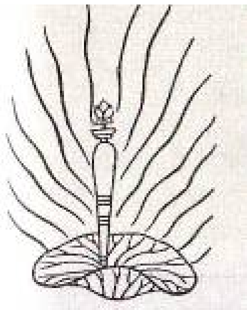


Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-MUSALA   SVĀHĀ_ RU

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Tuệ Tinh Thiên có chữ chủng tử là: LA (𑖩)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-MUSALA   SVĀHĀ_ LA

KIM CƯƠNG THỰC THIÊN

Kim Cương Thực Thiên, tên Phạn là Vajra-bhakṣaṃ, hay Vajra-māla. Lại xưng là Kim Cương Ẩm Thực Thiên, Kim Cương Thực Trì Man, Nghiêm Kế Đại Tướng, **Hoa Man Tỳ Na Dạ Ca** là tên Phạn của **Hoan Hỷ Thiên**. Là một trong 20 Thiên Hộ Thế được an bày ở chính giữa phương Nam của Ngoại Kim Cương Bộ trong Kim Cương Giới Man Đa La. Là **Hư Không Thiên** trong 5 loại Thiên.

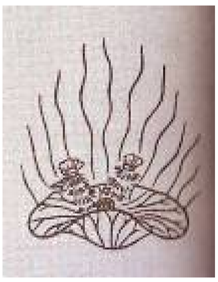
Đại Giáo Vương Kinh, Quyển 10 ghi nhận Tôn này tức là **Tác Cam Lộ** (Madhu-kara) trong các chư Thiên của hàng **Hư Không Hành**



.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Thực Thiên có thân màu thịt trắng, thân người đầu voi, tay phải ngửa lòng bàn tay cầm vòng hoa, tay trái nắm quyền



Mật Hiệu là: **Kim Cương Man**
Chữ chủng tử là: LA (ल), hay MA (म)
Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, đứa từ rốn đến miệng rồi bung tán.

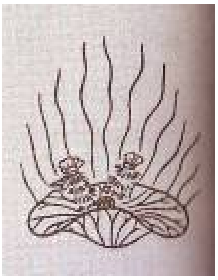


Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-MĀLA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Thực Thiên có chữ chủng tử là: YA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, đứa từ rốn đến miệng rồi bung tán.



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-MĀLA SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Thực Thiên có chữ chủng tử là: PA ( )

Tôn Hình:Tay trái cầm cây kiếm, còn lại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖦𑖯𑖩 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖢

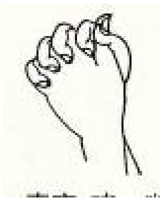
OṂ _ VAJRA-MĀLA   SVĀHĀ_ PA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Thực Thiên có chữ chủng tử là: PA (𑖢)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, đưa từ rốn đến miệng rồi bung tán.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖦𑖯𑖩 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

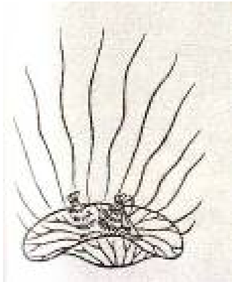
OṂ _ VAJRA-MĀLA   SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Thực Thiên có chữ chủng tử là: RU (𑖨𑖲)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa.

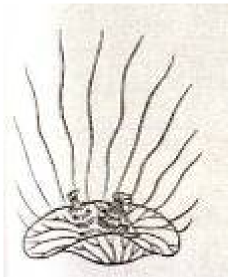


Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-MĀLA   SVĀHĀ_ RU

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Thực Thiên có chữ chủng tử là: LA ()

Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa.



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA-MĀLA   SVĀHĀ_ LA

KIM CƯƠNG Y THIÊN

Kim Cương Y Thiên, tên Phạn là **Vajra-vaśi** hay **Vajra-vaśin**, dịch âm là Phộc Nhật La Phộc Thỉ. Xưng đủ là Kim Cương Y Phục Thiên. Lại xưng là Cung Tiễn Tỳ Na Dạ Ca Thiên, Đỉnh Hạnh Đại Tướng…Là một trong 20 Thiên Hộ Thế được an bày ở phương Tây của **Ngoại Kim Cương Bộ** trong Kim Cương Giới Man Đa La. Là **Hư Không Hành Thiên** trong năm loại Thiên

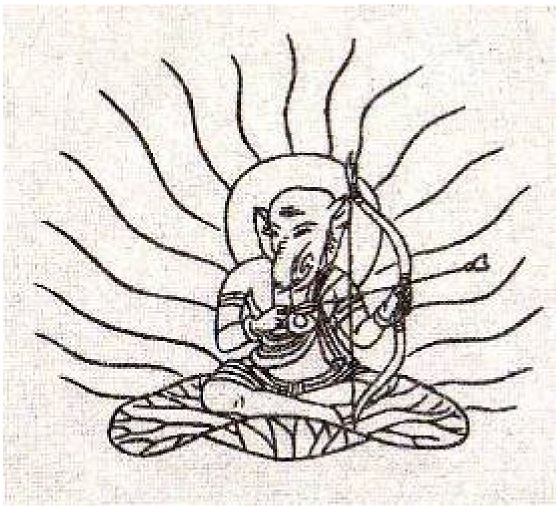
Đại Bi của Tôn này như cái áo bọc bào thai dùng để phòng hộ sự ướt lạnh cho đứa con nên xưng là **Kim Cương Y**

Đại Giáo Vương Kinh, quyển 10 ghi nhận các Thiên Chủ của Hư Không Hành Thiên, nói rằng vị **Tối Thắng Thiên** trong ấy có hiệu là **Kim Cương Ái**

Căn cứ vào đây thì **Kim Cương Y** tức là **Kim Cương Ái** (Vajra-vaśin)



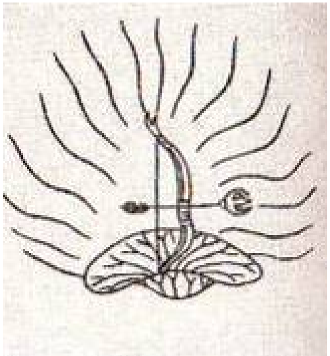
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Y Thiên có thân người đầu voi, thân màu thịt trắng, tay trái cầm cây cung. tay phải kéo mũi tên



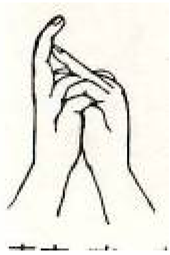
Mật Hiệu là: **Kim Cương Thọ Trì**

Chữ chủng tử là: VA (𑖪) nghĩa là các Pháp lìa cột dính

Tam Muội Gia Hình là: Cung tên



Tướng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, dựng hai ngón giữa, co ngón giữa trái như cây cung, hơi gập ngón giữa phải đè lóng giữa của ngón giữa trái như mũi tên

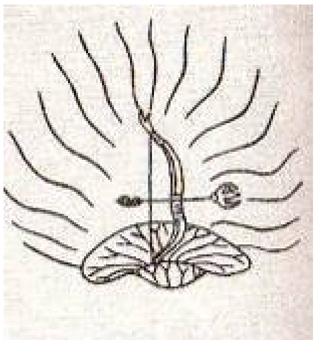


Chân Ngôn là:

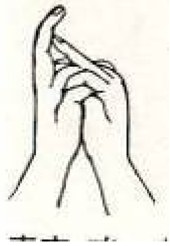
OṂ _ VAJRA- VAŚI SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Y Thiên có chữ chủng tử là: VAṂ (𑖪𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Cung tên



Tướng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, dựng hai ngón giữa, co ngón giữa trái như cây cung, hơi gập ngón giữa phải đè lóng giữa của ngón giữa trái như mũi tên



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖪𑖫𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA- VAŚI   SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Y Thiên có chữ chủng tử là: VA (𑖪)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội

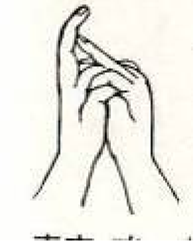


Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖪𑖫𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖪
OṂ _ VAJRA- VAŚI   SVĀHĀ_ VA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Y Thiên có chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖮𑖳𑖽)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, dựng hai ngón giữa, co ngón giữa trái như cây cung, hơi gập ngón giữa phải đè lóng giữa của ngón giữa trái như mũi tên



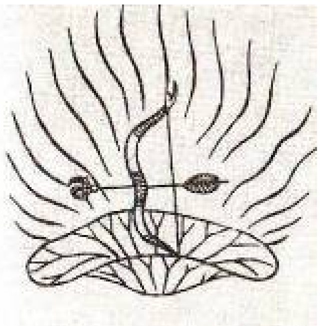
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖪𑖫𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ VAJRA- VAŚI   SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Y Thiên có chữ chủng tử là: RU ( )

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cung tên

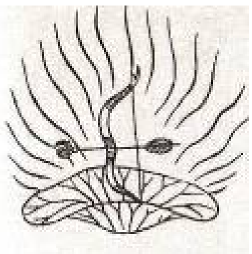


Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA- VAŚI SVĀHĀ_ RU

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Y Thiên có chữ chủng tử là: ŚRĪ ()

Tam Muội Gia Hình là: Cung tên



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA- VAŚI SVĀHĀ_ ŚRĪ

KIM CƯƠNG DIỆN THIÊN

Kim Cương Diện Thiên, tên Phạn là **Vajra-mukha**, hay **Vajrāṃkuśa**. Lại xưng là Kim Cương Trư Đầu Thiên, Kim Cương Trư Diện Thiên, Trư Đầu Thiên…là một trong 20 Thiên Hộ Thế được an bày ở phương Bắc của **nGoại Kim Cương Bộ** trong Kim Cương Giới Man Đa La. Là một trong bốn **Địa Hạ Thiên** thuộc 5 loại Thiên.

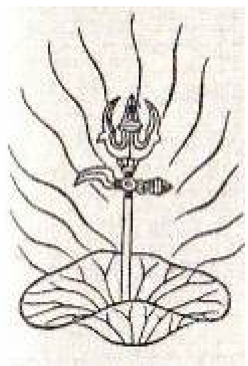
.) **Thai Tạng Mạn Đà La Sao, 2** nói rằng: "**Thân người đầu heo cầm cây kiếm** có ý nói là sự sinh trưởng của con người từ ra khỏi thai cho đến khi trưởng thành đều là Đức của Tôn này"

Đại Giáo Vương Kinh, quyển 10 nêu bày Tôn này là **Phộc La Hạ** (Varāha) trong các Thiên Chúng **Thủy Cư**

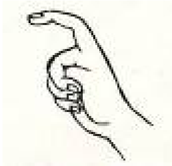
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Kim Cương Diện Thiên có thân người đầu heo, thân màu đen đỏ, tay phải cầm móc câu Tam Cổ, tay trái nắm quyền để ngang eo



Mật Hiệu là: **Kim Cương Câu**
Chữ chủng tử là: PRA (), hay KU ()
Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Kim Cương Tam Cổ



Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trỏ như hình móc câu



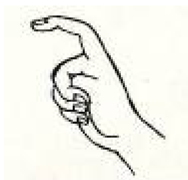
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖽𑖎𑖲𑖫 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ_VAJRĀṂKUŚA SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Kim Cương Diện Thiên có chữ chủng tử là: KU (𑖎𑖲). Biểu thị cho **Đại Không Bất Sinh Trí**

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Kim Cương Tam Cổ



Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trỏ như hình móc câu



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖽𑖎𑖲𑖫 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ_VAJRĀṂKUŚA SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Kim Cương Diện Thiên có chữ chủng tử là: ŚA (𑖫)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖽𑖎𑖲𑖫 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖫

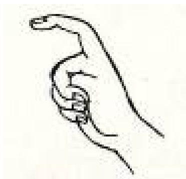
OṂ_VAJRĀṂKUŚA SVĀHĀ_ ŚA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Kim Cương Diện Thiên có chữ chủng tử là: ŚA (𑖫)

Tôn Hình: Hai tay cầm móc câu Kim Cương Tam Cổ.



Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trỏ như hình móc câu



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖯𑖽𑖎𑖲𑖫 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_VAJRĀṂKUŚA SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Kim Cương Diện Thiên có chữ chủng tử là: PRA (𑖢𑖿𑖨)

Tôn Hình: Hai tay cầm móc câu Kim Cương Tam Cổ.



Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Kim Cương Tam Cổ.

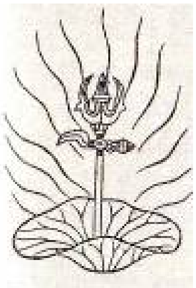


Chân Ngôn là:

OṂ_VAJRĀṂKUŚA SVĀHĀ_ PRA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Kim Cương Diện Thiên có chữ chủng tử là: ŚA (𑖫)

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Kim Cương Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

OṂ_VAJRĀṂKUŚA SVĀHĀ_ ŚA

ĐIỀU PHỤC THIÊN

Điều Phục Thiên, tên Phạn là **Vajra-jaya**, dịch âm là Phộc Nhật La Nhạ Dã. Tên Tây Tạng là **Rdo-rje rnam-par rg**, nghĩa là Kim Cương Thắng. lại xưng là Tượng Đầu Thiên, Bão Đao Tỳ Na Dạ Ca, Tượng Đầu Đại Tướng…. Là một trong 20 Thiên Hộ Thế được an bày ở phương Bắc của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** trong Kim Cương Giới Man Đa La, là **Hư Không Hành Thiên** trong 5 loại Thiên

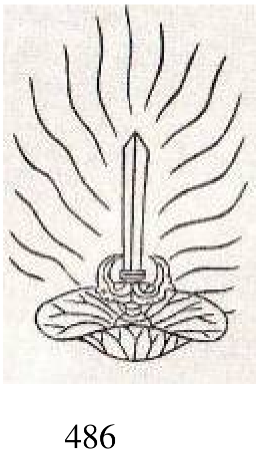
.)Căn cứ vào sự ghi chép trong **Đại Thánh Hoan Hỷ Song Thân Tỳ Na Dạ Ca Thiên Hình Tượng Phẩm Nghi Quỹ** thì vị Trời này là một trong Tỳ Na Dạ Ca ở phương, lại xưng là **Kim Sắc Ca Na Bát Để** (Suvarṇa-gaṇa-pati) tay trái cầm viên ngọc Lưu Ly trắng, tay phải cầm cây gậy báu

.) Lại trong **Đại Giáo Vương Kinh, quyển 10** ghi nhận: Trong các chư Thiên **Hư Không Hành** thì vị Trời này là **Trì Thắng Thiên** có hiệu là **Tối Thắng Kim Cương**

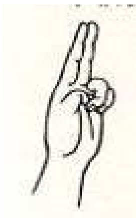
.)Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì Điều Phục Thiên có thân người đầu voi, thân màu thịt trắng, tay phải nắm quyền, tay trái cầm cây kiếm Tam Cổ



Mật Hiệu là: **Tối Thắng Kim Cương**
Chữ chủng tử là: JA (ज)
Tam Muội Gia Hình là: Cây Kiếm Tam Cổ



Tướng Ấn là: Đao Ấn



Chân Ngôn là:

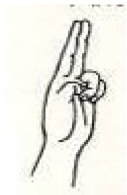
OṂ _ VAJRA- JAYA   SVĀHĀ

.)Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì Điều Phục Thiên có chữ chủng tử là: JA ()

Tam Muội Gia Hình là: Cây Kiếm Tam Cổ



Tướng Ấn là: Đao Ấn



Chân Ngôn là:

OṂ _ VAJRA- JAYA   SVĀHĀ

.)Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì Điều Phục Thiên có chữ chủng tử là: JA ()

Tôn Hình: Tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền để ở eo.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖕𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖕

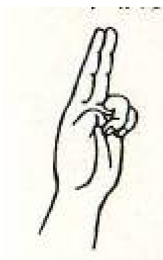
OṂ _ VAJRA- JAYA SVĀHĀ_ JA

.)Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì Điều Phục Thiên có chữ chủng tử là: JAḤ (𑖕𑖾)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội. Tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền



Tướng Ấn là: Đao Ấn



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖕𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

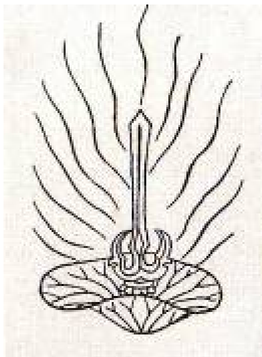
OṂ _ VAJRA- JAYA SVĀHĀ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì Điều Phục Thiên có chữ chủng tử là: JA (𑖕)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội, tay phải cầm cây kiếm.

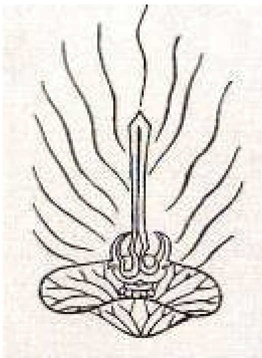


Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm Tam Cổ.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖕𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖕
OṂ _ VAJRA- JAYA   SVĀHĀ_ JA

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì Điều Phục Thiên có chữ chủng tử là: JAḤ (𑖕𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm Tam Cổ.



Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖕𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯 𑖕𑖾
OṂ _ VAJRA- JAYA   SVĀHĀ_ JAḤ

MA LỢI CHI THIÊN

Ma Lợi Chi Thiên, tên Phạn là **Marīci**, dịch ý ánh sáng, vầng sáng của mặt trời … Tên Tây Tạng là **Ḥod-zer-can-ma**, là một vị Nữ Thần có đầy đủ khả năng tự mình ẩn hình, vì chúng sinh trừ diệt chướng nạn, ban cho lợi ích...

_Theo Thần Thoại Ấn Độ thì **Marīci** (Dương Diễm hay Uy Quang) là dạng Thần Cách Hóa ánh sáng của **Mặt Trời** (Sūrya). Ngài là quyến thuộc của Trời Đế Thích, thường chạy phía trước **Nhật Thiên** (Āditya-deva) đi khắp 4 Châu thiên hạ, chuyên đảm đương việc giữ nước an dân.

Trong **Bạc Già Phạm Ca** (Bhagavat-gīta) thì vị Thiên Thần này là Nam Tính, là **Hỏa Tinh** (Maṅgala), **Sinh Chủ** (Prajāpati) hoặc con của Phạm Thiên. Lại là cha của **Ca Già Diệp Ba** Tiên Nhân trong 7 vị Đại Tiên Nhân, là **Phong Thần**, là nơi mà người dân Ấn Độ sùng bái

_Sau khi du nhập vào Phật Giáo thì Tôn này được xưng là Ma Lợi Chi Bồ Tát Ma Lý Chi Bồ Tát, Ma Lợi Chi Thiên Bồ Tát, Nhật Tiền Bồ Tát, Dương Diễm Thiên, Tích Quang Thiên, Uy Quang Thiên, Ma Lợi Chi Mẫu, Ma Lợi Chi Phật Mẫu, Cụ Quang Mẫu, Cụ Quang Phật Mẫu, Tích Quang Mẫu, Tích Quang Phật Mẫu… và xếp vào Thiên Bộ.

.)Tại Ấn Độ, **Marīci** rất được kính phụng, ở chùa **Na Lan Đà** (Nālanda) còn lưu lại tôn tượng cổ xưa của Ma Lợi Chi

.)Trước đời Đường, sau khi tín ngưỡng Ma Lợi Chi được Phật Giáo truyền vào Trung Hoa thì Phật Giáo Đồ của đất Hán đã cúng phụng Thánh Tượng của Ma Lợi Chi Thiên, niệm tụng Thánh Hiệu của Ma Lợi Chi Thiên, đọc tụng Kinh Điển của Ma Lợi Chi Thiên.



Sau này Đạo Giáo Trung Hoa đã hấp thu tín ngưỡng Ma Lợi Chi và xưng là Đẩu Lão, Đẩu Mụ, Đẩu Mẫu, Đẩu Mẫu Nguyên Quân… xưng đầy đủ là **Tiên Thiên Đẩu Lão Tử Quang Kim Tôn Ma Lợi Chi Thiên Đại Thánh Viên Minh Đạo Mụ Thiên**

Tôn, trong đó **Đẩu** là chỉ sao Đẩu. **Lão, Mụ** tức là bà mẹ (mẫu). **Đẩu Lão Mụ** tức là mẹ của mọi ngôi sao, chủ tể của mọi ngôi sao. Tương truyền khi nhóm người của **Trịnh Hòa** đi về Tây Dương đã cầu khẩn Ma Lợi Chi Thiên để được bình yên trên biển cả.





.) Tại Nhật Bản cổ đại, phần lớn tín ngưỡng Ma Lợi Chi chỉ dành cho hàng quý tộc, chư Hầu, võ sĩ… Tôn này rất được sự tín phụng của hàng Võ Sĩ, tức là Thần Thủ Hộ của Nhẫn Thuật, dần dần thành Bản Tôn Hộ Pháp trọng yếu của Phật Giáo



_Theo Mật Giáo thì Ma Lợi Chi Thiên tuy bên ngoài hiện ra tướng Thiên Nữ nhưng chẳng phải là người Trời, mà thực tế Bản Địa là vị Đại Bồ Tát. Ngài được ghi nhận là **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva)**, Đa La Bồ Tát** (Tārā-bodhisatva) có đầy đủ sức Công Đức rộng lớn, đầy đủ năng lực khiến cho tiêu tai, trừ chướng, tăng Phước, mãn nguyện…

.)Nhất Thiết Như Lai Đại Bí Mật Vương Vị Tằng Hữu Tối Thượng Vi Diệu Đại Mạn Noa Kinh ghi nhận: Ma Lợi Chi là tướng biến hóa được tạo ra từ **Quán Tự Tại Bồ Tát Bộ**. Các Kinh Điển khác cũng đã ghi nhận Ma Lợi Chi là Hóa Thân của Đa La Bồ Tát, lại còn đem Tôn này liệt vào một trong **ba Tôn Đa La** là: Đa La Bồ Tát, Ma Lợi Chi Thiên Bồ Tát, Nhất Kế La Sát Vương Bồ Tát

.)Tạng Truyền Phật Giáo nói rằng: Ma Lợi Chi thiên là vị Thần bảo hộ cho việc ẩn thân và tiêu tai, có đủ uy lực cực lớn. Bên trên thì Ma Lợi Chi Thiên chưởng quản 36 sao Thiên Cương, bên dưới thì chưởng quản 72 sao Địa Sát. Ngoài ra 28 Tú đều do Ma Lợi Chi Thiên cai quản...Ngài có đầy đủ sức Đại Thần Thông ẩn hình tự tại, hay cứu chúng sinh thoát khỏi nạn nước, lửa, nguy hiểm

HÌNH TƯỢNG CỦA MA LỢI CHI THIÊN

Hình tượng của Ma Lợi Chi Thiên có nhiều dạng.

.)Hình tượng Thiên Nữ có bốn mặt, tám cánh tay, bên dưới tòa có heo vàng



.)Hình tượng Thiên Nữ hoặc ngồi hoặc đứng trên hoa sen, tay trái để trước ngực cầm cây quạt (thiên phiến), rũ tay phải xuống dưới.



.)Hình tượng phẫn nộ có ba mặt, mỗi mặt có ba con mắt, có 6 cánh tay hoặc tám cánh tay, cỡi trên con heo hoặc ở trên xe có 7 con heo kéo. Bên trái các tay cầm cây Vô Ưu, sợi dây Rồng, cuộn dây, cây cung. Bên phải các tay cầm chày Kim Cương, cây kim, mũi tên, cây búa Kim Cương.

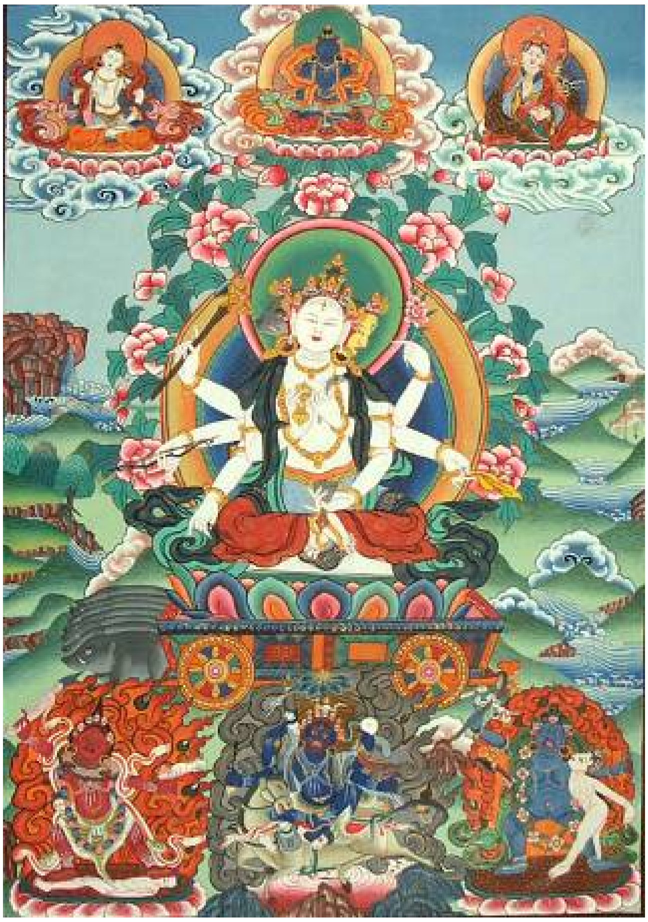




Ngoài ra còn có nhiều loại hình tượng khác







CÁC LỢI ÍCH KHI TU TẬP PHÁP CỦA MA LỢI CHI THIÊN

Dùng vị Trời này làm Bản Tôn của Pháp tu thì xưng là **Ma Lợi Chi Thiên Pháp** ắt sẽ được các Công Đức về hộ thân, ẩn hình, tiền bạc, tranh luận thắng lợi.

.)**Phật nói Kinh Ma Lợi Chi Bồ Tát Đà La Ni** (ĐTK_No.1255) ghi chép là:

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo: "Này các **Tỳ Khưu** (Bhikṣu)! Phía trước *mặt trời* có một *vị Trời* tên là **Ma Lợi Chi** (Marīci) có Pháp Đại Thần Thông Tự Tại, thường đi trước mặt trời mà mặt trời chẳng thấy vị ấy, còn vị ấy nhìn thấy mặt trời. Không người nào có thể nhìn thấy, không người nào có thể biết, không người nào có thể đuổi bắt được, không người nào có thể hại, không người nào có thể bịa chuyện dối trá, không người nào có thể trói buộc, không người nào có thể nợ nần tài vật của vị ấy, không người nào có thể phạt, chẳng sợ **Oan Gia** (Śatrū) được dịp thuận tiện hãm hại".

Đức Phật bảo: "Này các Tỳ Khưu! Nếu có người biết tên của vị Trời Ma Lợi Chi kia thì người ấy cũng chẳng thể bị nhìn thấy, cũng chẳng thể biết, cũng chẳng thể đuổi bắt được, cũng chẳng thể hại, cũng chẳng bị người bịa chuyện dối trá, cũng chẳng bị người trói buộc, cũng chẳng bị người nợ nần tài vật, cũng chẳng bị người trách phạt, cũng chẳng bị Oan Gia có dịp thuận tiện hãm hại"

Đức Phật bảo các Tỳ Khưu: "Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện biết tên của Ma Lợi Chi Thiên ấy thì nên nói lời này***: "Con, Đệ Tử** (họ tên…) **biết tên của Ma Lợi Chi Thiên cho nên không người nào có thể nhìn thấy con, không người nào có thể biết con, không người nào có thể đuổi bắt được con, không người nào có thể hại con, không người nào có thể bịa chuyện dối trá con, không người nào có thể trói buộc con, không người nào có thể nợ nần tài vật của con, không người nào có thể trách phạt con, cũng chẳng bị Oan Gia có dịp hãm hại con"***

Chú này có Đại Thần Lực, thành tựu chỗ làm, phá tất cả ác. Nếu dùng **Kết Giới** (Sīma-bandha) thì trong vòng 100 Do Tuần, tất cả các ác không dám đi vào”

Khi ấy Đức Thế Tôn liền nói Chú là:

“Nam mô phật đà gia (1) Nam mô đạt ma gia (2) Nam mô tăng già gia (3) Đát điệt tha (4) át la ca mạt tư (5) ma la ca mạt tư (6) tô đồ mạt tư (7) chi bát la mạt tư (8) ma ha chi bát la mạt tư (9) ma lợi chi dạ mạt tư (10) an đát đà na dạ mạt tư (11) na mô tuý đô để (12) toá ha (13)”

Namo buddhāya
Namo dharmāya
Namo saṃghāya
Tadyathā: Arka maṣi, marka maṣi, sudhā maṣi , jvala maṣi, mahā-jvala-maṣi, marīcīya maṣi, antardhānaya maṣi namo stute, svāhā

[Namo buddhāya: Quy y Phật
Namo dharmāya: Quy y Pháp
Namo saṃghāya: Quy y Tăng
Tadyathā: Như vậy, liền nói Thần Chú là
Arka: Thái Dương Thần, điển quang
maṣi: Dương hoặc Âm, bụi phấn, khiến cho thành bụi phấn, tro than, màu đen, khói tro
marka: Phá diệt, chết
maṣi: (nghĩa như trên)
sudhā: An vui, xinh đẹp
maṣi: (nghĩa như trên)
jvala: Uy quang
maṣi: (nghĩa như trên)
mahā-jvala: Đại uy quang
maṣi: (nghĩa như trên)
marīcīya: (hàng **Ma Lợi Chi**)
maṣi: (nghĩa như trên)
antardhānaya: che chắn tiêu diệt, diệt mất
maṣi (nghĩa như trên)
namo stute: Quy mệnh kính lễ
svāhā: Quyết định thành tựu]

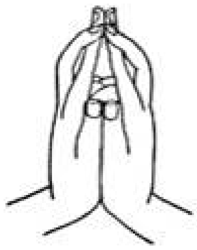
.)Nếu người có thể tin tưởng Phật Pháp một cách chân chính, tu trì Pháp Môn của Ma Lợi Chi Thiên Bồ Tát thời Công Đức có được sẽ như sự ghi ghép trong Kinh **Phật Thuyết Ma Lợi Chi Thiên Bồ Tát** là: Hay được Đại Phước trong sạch, hay tăng trưởng Cát Tường rộng lớn, hay tiêu trừ tất cả tội nặng,hay thành tựu Bản Tôn Tam Muội, sẽ chứng **Tỳ Lô Pháp Thân.**

.) Lại nếu dùng sự tin tưởng Phật Pháp một cách chân chính tu trì thì như **Phật Thuyết Du Già Đại Giáo Vương Kinh** đã ghi chép là: “Hay làm tất cả việc, hay trừ nạn Oán Tặc. Nếu người y theo Pháp thọ trì thì ở trên đường đi, tất cả các ác chẳng được dịp thuận tiện gây hại”

Như **Ấn Quang Đại Sư** có nói: “Ma Lợi Chi Thiên tuy hiện thân Trời, nhưng thật ra là vị Bồ Tát, dùng Tâm tha thiết độ sinh, nhiệt tình cứu khổ cho nên nói Chú này làm gốc rễ của sự cứu độ. Nếu người mỗi ngày chân thành tụng Chú này càng nhiều càng tốt, giả sử gặp phải tai nạn bởi nước, lửa, đao binh… cũng hay được gặp xấu hóa tốt”

1_ Ma Lợi Chi Thiên Căn Bản Ấn_ Đại Luân Kim Cương Ấn:

Như Đại Luân Kim Cương Ấn. Hai tay đem ngón út, ngón vô danh hướng vào bên trong cùng hợp nhau, kèm dựng hai ngón trỏ, hai ngón cái sao cho đầu ngón chạm nhau; đem hai ngón giữa quấn buộc hai ngón trỏ, ấn năm nơi trên thân. Đây là Bát Bức Luân (bánh xe có tám căm) có đủ Đức của năng phá, có thể giảm trừ tất cả chướng nạn.



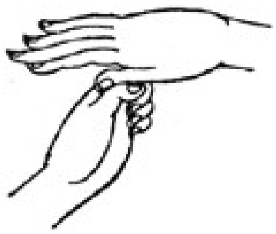
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖁𑖟𑖰𑖝𑖿𑖧 𑖦𑖨𑖱𑖓𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ ĀDITYA MARĪCI SVĀHĀ

2_ Ma Lợi Chi Thiên Ấn Hình Ấn (An Đát Tổ Na Ấn):

Lại tên là Bảo Bình Ấn, Ma Hiệu Ấn, Giáp Trụ Ấn, Kim Cương Thành Chi Ấn. Tay trái tác Hư Quyền (hơi nắm các ngón tay lại), để lòng bàn tay phải nằm ngang trên tay trái thành dạng cái lọng che (phúc cái). Ấn này là Thân của Ma Lợi Chi Thiên Bồ Tát, lòng bàn tay phải tức là thân của Ma Lợi Chi.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖁𑖟𑖰𑖝𑖿𑖧 𑖦𑖨𑖱𑖓𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ ĀDITYA MARĪCI SVĀHĀ

3_ Ma Lợi Chi Thiên Ấn Chú:



𑖌𑖼 𑖦𑖨𑖱𑖓𑖰 𑖦𑖼 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ MARĪCI MAṂ SVĀHĀ

Như vậy, y theo Mật Giáo đã lưu truyền, nếu tu tập thành tựu Pháp của Ma Lợi Chi Thiên thì chẳng những hay tiêu trừ tai ách, mà đặc biệt là có thể ẩn thân.

Y theo sự ghi chép của Kinh **Phật Thuyết Ma Lợi Chi Bồ Tát** thì "Tôn này hay khiến cho Hữu Tình ẩn thân ngay trong đường đi, ẩn thân giữa mọi người. Khi gặp tất cả các nạn: nước, lửa, giặc cướp… đều có thể ẩn thân. Nếu kiền thành y theo Pháp tu trì thì tất cả Thiên Ma, Quỷ ác, Ngoại Đạo đều không có cách nào tìm được hành tung của người tu Pháp. Còn các A Xà Lê trì tụng nếu y theo Pháp thành tựu của Ma Lợi Chi thực hành tinh tiến, dũng mãnh tu tập không có khuyết phạm. Chúng sinh như vậy khiến được Đại Trí thanh tịnh của Bồ Tát"

Y theo sự ghi chép của Phật Điển thì Bồ Tát này có mọi loại Pháp Tiêu Tai, Giải Ách như Kinh Điển ghi chép. Phàm y theo Pháp, tụng Căn Bản với Tâm Chân Ngôn của Ma Lợi Chi Bồ Tát, chẳng hạn định biến số, chỉ cần kiền thành chí tâm đều được uy thần gia hộ của Bồ Tát; tất cả Oan Gia, người ác chẳng thể nhìn thấy, tất cả tai nạn đều được giải thoát.

Ngoài ra, Ma Lợi Chi Thiên còn có Pháp Tức Tai, cầu Phước như: tiêu trừ bệnh khổ. Lúc có Hạn Tai (hạn hán) thời tuôn mưa; gặp Thủy Tai thời ngưng mưa… Nếu hay như Pháp, chân thành tôn kính tu tập thì đều có hiệu nghiệm chẳng thể nghĩ bàn.

BẢO TẠNG THIÊN

Bảo Tạng Thiên còn xưng là Bảo Tạng Thiên Nữ. Đây là vị Thần chủ về phước đức cho nên được xem như đồng với nhóm Cát Tường và Biện Tài Thiên…

Bảo Tạng Thiên có tên Phạn là **Tra La Khư** nhưng không phải được dịch âm từ chữ Phạn **Bảo Tạng** (Ratna-garbha) lại do Bảo Tạng Thiên Nữ Đà La Ni Pháp xưng Bảo Tạng Thiên Vương là Tra La Khư mà có.

Phạn Ngữ **Tra La Khư** thì chẳng rõ. Nhưng Phạn Ngữ có chữ Tàraka mang nghĩa là **Người cứu trợ** và đây cũng là tên gọi của một loài Quỷ ác. Ngoài ra trong Đồ Tượng quyển 3 có ghi câu Phạn Chú là: "OṂ_ DARAGA DARAGA VIDARADI SVĀHĀ" và được dịch âm là: **"Án, tra la khư, tra la khư, tỳ đa la nễ, sa-phộc ha"**. Như vậy Tra La Khư là dịch Âm của Phạn Ngữ Daraga.

Nay theo sự khảo cứu của tôi thì Phạn Ngữ **Daraga** không biết rõ nghĩa mà chỉ có Phạn Ngữ **Dāraka** mang ý nghĩa là: bẻ gẫy, đập phá, hủy diệt, từ bỏ thói quen, tạo nên sự gián đoạn, cắt đứt quan hệ, chia ly, xé rách, xé nát, tàn phá, khiển trách… Ngoài ra trong Pháp Quán Tưởng Đàn của **Tra La Khư Pháp** thì lại quán chữ TRA (𑖝𑖿𑖨) biến thành viên ngọc báu, rồi viên ngọc báu biến thành Thiên Nữ. Như vậy chữ Tra La Khư có thể là Phạn Ngữ **Tāraka** và câu Chú: **"Án, tra la khư, tra la khư, tỳ đa la nễ, sa-phộc ha" có thể được phục hồi là :**

𑖌𑖼 𑖝𑖯𑖨𑖎 𑖝𑖯𑖨𑖎 𑖪𑖰𑖟𑖨𑖟𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ TĀRAKA TĀRAKA VIDARADI_ SVĀHĀ

(Hỡi Đấng Cứu Trợ ! Hãy giúp cho con. Khiến cho con xa lìa sự nguy hiểm sợ hãi, thành tựu điều tốt lành)

_Một số Đạo Sư Trung Hoa ghi nhận câu Chú này là:



OṂ: Nhiếp triệu
TĀRAKĀ: người cứu trợ
TĀRAKĀ: người cứu trợ
VITTA: tiền của
RĀṆI: vui mừng
SVĀHĀ: Quyết định thành tựu

_ **Bảo Tạng Thiên Nữ Đà La Ni Pháp** ghi là: "Vị Thiên này có đủ uy đức lớn, thần lực không gì sánh, hay ở Thế Gian hành các việc thù thắng như: lay trời động đất, dời núi lấp biển, việc hơn thua trong binh qua đều theo ý chí mà thành. Tiền của, lụa là, vàng , báu chất cao như núi. Hay mãn các nguyện mong cầu về: quan vị, kỹ nghệ,

phòng giặc cướp, trị bệnh…. Hình tượng Thiên Nữ , thân khoác áo bào đỏ tía, thắt dây lưng bằng vàng, đi giày ủng màu đen. Tay phải cầm hoa sen, tay trái cầm Như Ý Bảo Châu, diện mạo đoan chính sáng tỏ”

_ **Thầy** truyền là: “Thiên Nữ có Chủng Tử HŪṂ (ꣿ). Tam Ma Gia Hình là Viên Ngọc Báu”

BẢO TẠNG THIÊN NỮ PHÁP

_ Thắng Câu Chi Viện ghi là: Tượng Bảo Tạng Thiên Nữ dài 2 thước 5 thốn. Quán Tưởng như sau

Trên Đàn có cái Tòa bằng lụa ngũ sắc, bên trên có chữ TRA (ꣿ) biến thành viên ngọc báu. Viên ngọc báu biến thành Thiên Nữ: đầu đội mão hoa, trang điểm bằng hoa đoan chính, thân khoác áo bào đỏ tía, thắt dây lưng bằng vàng, đi giày ủng màu đen. Tay phải cầm hoa sen. Tay trái cầm viên ngọc Như Ý, tỏa ánh hào quang có uy đức không gì sánh bằng.



Đôi khi người ta còn thờ phụng Bảo Tạng Thiên Nữ qua Tôn Tượng **Cát Tường Thiên**



Tay trái co ngón giữa, ngón vô danh, đem ngón cái đè lên móng 2 ngón, duỗi thẳng ngón trỏ và ngón út để ngang trái tim. Tay phải cầm tràng hạt. Niệm Chân Ngôn:

"Án, tra la khư, tra la khư, tỳ đa la nễ, sa-phộc ha"

Tụng đủ một ngàn biến, các Nguyện sẽ như ý.

_Bảo Tạng Thiên Nữ Tán :

"Vi diệu thù thắng khó luận bàn
Sáng như mặt trời tỏa hương thơm
Dung nhan đoan chính thật hiếm có
Da mềm láng mịn tựa Đâu La (loại Gấm Lụa quý)
Hơi thơm từ miệng tràn nhân thế
Khiến ai gặp gỡ cũng nhìn trông (chiêm ngưỡng)
Một lòng mong cầu người như vậy
Thường thêm cung kính, Tâm chẳng nghi
Tuy đây là việc của Thế Gian
Rốt ráo mau thành Đạo Thanh Tĩnh
Hay khiến người Trì đến Bồ Đề
Cùng nhau tu tập Vô Thượng Giác"

Chọn ngày mồng năm tháng năm. Trước đó 7 ngày, 14 ngày, 21 ngày, 100 ngày hoặc 39 ngày tính đến ngày mồng năm tháng năm thì vừa vặn đủ, ắt Pháp ấy đều thành.

Riêng 8 câu Chú, tụng mỗi câu 21 biến trước khi tác Pháp thì Đồ Tượng 3 ghi nhận hơi khác với Kinh Bản

1) Án, hưng ba, la đế tra, cấp cấp cấp, sa-phộc ha

2) Án, chiết, la đế tra ma gia, sa-phộc ha "

3) Án, lặc xoa na, đế tra, sa-phộc ha

4) Án, bà bà, lệ, nhạ đế, sa-phộc ha

5) Án, bột nhạ, la đế tra, sa-phộc ha

6) Án, dược xoa , dược xoa tế na, sa-phộc ha

7) Án, già đế, tỳ chiết duệ, hồng phấn, sa-phộc ha

8) Án, chiết lặc, na gia, đáo bà, đế tra, sa-phộc ha

Nay phối hợp với phần dịch âm của Kinh Bản, tôi xin phục hồi 8 câu Chú trên là :

1) OṂ (Cảnh giác) HAVAḤ (Lời kêu gọi) RASITA (Hương vị đem lại tâm tư tình cảm) JAḤ JAḤ JAḤ (Câu triệu, kêu gọi khiến cho mau đến) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

2) OṂ (Nhiếp triệu) SVA (Tự tính) RASITA (Hương vị đem lại tâm tư tình cảm) MĀYĀ (Huyễn hóa) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

3) OṂ (Quy mệnh) LAKṢANA (Hình tướng) ŚIṬTA (Thon thả mảnh mai) SVĀHĀ (Thành tựu tốt lành)

4) OṂ (Quy mệnh) BHAVA (Hữu, sự có sự được) ARI (thuộc về sự trung thực, người thành thật) JĀTI (tính chất) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

5) OṂ (Cảnh giác) BHUJA (Chi phối, lãnh đạo, thưởng thức) RASITA (Hương vị đem lại tâm tư tình cảm) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

6) OṂ (Quy mệnh) YAKṢA (Dược Xoa) YAKṢASENA (Dược Xoa Quân) SVĀHĀ (Thành tựu tốt lành)

7) OṂ (Nhiếp triệu) GATE (Thú hướng, lối nẻo) VIJAYE (tối thắng) HŪṂ (Khủng bố) PHAṬ (Phá bại) SVĀHĀ (Thành tựu tốt lành)

8) OṂ (Quy mệnh) SVARA (Âm thanh) NAYA (Lý thú) REBHA (người xướng ca) ŚIṬA (nhạy bén, tinh nhanh) SVĀHĀ (Thành tựu tốt lành)

Ấn của 8 câu Chú trên là **Ngọc Hoàn Ấn**: Tay trái co ngón giữa, ngón vô danh. Đem ngón cái đè lên móng 2 ngón tay ấy. Duỗi thẳng ngón trỏ và ngón út, đặt ngang trái tim

HA LỢI ĐẾ MẪU

Ha Lợi Đế Mẫu, tên Phạn là **Hāṛtī**, hay **Hārīti**, dịch âm là Ha Lợi Đế, Ha Lợi Để, Ha Lý Để**...** Xưng đầy đủ là **Hāṛtye-mātṛ**, dịch âm là Ha lợi Đế Ma Đề Lý, dịch ý là Hoan Hỷ Mẫu, Ái Tử Mẫu, Thiên Mẫu, Công Đức Thiên.



Ha Lợi Đế Mẫu nguyên là một nữ Dược Xoa có Thần Thông rất lớn, là vợ của **Bán Chi Ca** (Pāñcika), là mẹ của 500 Quỷ Vương (có bản ghi 1000 Quỷ Vương) nên gọi là Quỷ Tử Mẫu. Sau này trở thành vị Thần Hộ Pháp trọng yếu của Phật Giáo

_Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Gia Tạp Sự, quyển 31 ghi chép là: "Thời quá khứ, Quỷ Tử Mẫu vốn là vợ của một người chăn trâu trong thành **Vương Xá** (Rāja-gṛha), do nhân duyên bị mất đi đứa con trong bụng, nên trong lòng bà oán hận vô cùng, liền đem Công Đức đã bố thí cho vị Thánh **Độc Giác** (Pratyeka-buddha) hồi hướng, phát nguyện thành tựu **nguyện tà ác** là đời sau sẽ sinh vào thành Vương Xá, ăn con của mọi người trong thành. Sau đó như lời nguyện, bà được sinh vào thành Vương Xá làm nữ Dược Xoa tên là **Hoan Hỷ** (Hārīti, hay Hāṛtī), cha là Thần Dược Xoa **Sa Đa** (Śata) của thành Vương Xá. Sau khi Nữ Dược Xoa lớn lên, gả cho **Bán Chi Ca** (Pāñcika) con của Dược Xoa **Bán Già La** (Pañcala) của nước **Kiền Đà La** (Gandhāra) ở phương bắc, sinh được 500 đứa con, đứa con út tên là **Ái Nhi** (Priyaka**).**

Do quả báo của Tà Nguyện đời trước, nên nữ Dược Xoa Nữ thường hay vào trong thành Vương Xá bắt trẻ con ăn thịt, khiến cho mọi người trong thành Vương Xá kinh hoàng, chẳng biết phải làm như thế nào. Sau khi được vị Thiên Thần thủ hộ trẻ con trong thành Vương Xá mách bảo, mới biết là Ha Lợi Để Dược Xoa Nữ đã làm, liền y

theo sự mách bảo của Thiên Thần đi đến khấn cầu Đức Phật Từ Bi điều phục nữ Dược Xoa này.

Đức Phật nhận lời xong, liền đến chỗ ở của Ha Lợi Để Dược Xoa Nữ, nhân lúc nữ Dược Xoa không có ở nhà, liền đem đứa con bà yêu thương nhất dấu trong cái Bát.

Khi Dược Xoa Nữ về đến nơi ở của mình, không thấy đứa con đó, lập tức kinh hoảng chạy đi tìm kiếm khắp mọi nơi, cũng không thấy tung tích hình ảnh đứa con yêu thương, liền đập ngực than khóc bi thảm, cất lớn tiếng gọi con tựa hồ như muốn phát điên. Bà vội vã chạy đến chân trời góc bể, từ Địa Ngục cho đến các tầng Trời, đau đớn hỗn loạn, tìm kiếm gào thét than khóc thê thảm. Khi đến nơi cư trú của Bắc Phương Đa Văn Thiên thời được Thiên Vương chỉ điểm cho bà đi đến chỗ Đức Thế Tôn đang cư ngụ thì mới có thể tìm thấy được đứa con yêu thương của bà.

Ha Lợi Để Dược Xoa Nữ vội vã đến nơi Đức Thế Tôn đang an trú, khẩn cầu Đức Thế Tôn trả lại đứa con thương yêu của bà. Đức Phật liền răn bảo bà: "*Ngươi chỉ mất đi một trong 500 đứa con mà đã đau đớn thê thảm muốn phát điên, huống chi là những bậc cha mẹ có con bị Ngươi ăn thịt , lại còn đau khổ biết chừng nào*?!..."

Ha Lợi Để Nữ nghe sự dạy bảo của Đức Phật xong, đột nhiên tỉnh ngộ, từ đây liền y theo sự dạy bảo của Đức Phật, không những không dám gây nguy hại người đời, ngược lại trở thành người thủ hộ của trẻ con.

Đức Phật cũng Từ Bi dạy bảo Đệ Tử, lúc nhận vật cúng dường của thí chủ thì ở cuối đường bày thức ăn trên một mâm, gọi tên Quỷ Tử Mẫu và những đứa con của bà cùng nhau thọ nhận vật cúng dường, khiến cho họ ăn no vĩnh viễn không có đói khổ.

_Trong các Phật Điển khác như: **Quỷ Tử Mẫu Kinh_Tạp Bảo Tạng Kinh, quyển 9_ Đại Dược Xoa Nữ Hoan Hỷ Mẫu tinh Ái Tử thành tựu Pháp_ Ma Ha Ma Gia Kinh, quyển Thượng** với **Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện, quyển 1** … ghi chép về Bản Duyên của Quỷ Tử Mẫu Thần, đại lược tương đồng với tích truyện bên trên. Có điều **Tạp Bảo Tạng Kinh** nói đứa con yêu ấy (Ái Tử) tên là **Tần Già La** (Piṅgala) lại nói có một vạn đứa con. Còn **Quỷ Tử Mẫu Kinh** thì nói có một ngàn đứa con

.)Quỷ Tử Mẫu Kinh ghi nhận là: "Ha Lợi Đế Mẫu có 1000 đứa con, 500 con ở trên Trời, 500 con ở dưới đất đều có Đại Lực, thống suất hàng vạn quân Quỷ làm rối loạn chư Thiên và Nhân Gian một cách độc ác. Sau này Đức Phật dùng sức phương tiện triệu tập 1000 Quỷ Vương đó lại, khiến cho họ phải chịu 500 hình phạt thì họ mới bắt đầu vào đường Thiện".

.)Đại Dược Xoa Nữ Hoan Hỷ Mẫu tinh Ái Tử thành tựu Pháp ghi chép là:

Bấy giờ Đức Phật ngự tại Tinh Xá **Trúc Lâm** ở thành Vương Xá vì các Người, Trời diễn nói Pháp Yếu.

Thời có nữ Đại Dược Xoa tên là **Hoan Hỷ** dung mạo đoan nghiêm có năm ngàn Quyến Thuộc thường trụ tại nước Chi Na hộ trì Thế Giới. Là con của **Sa Đa** Đại Dạ Xoa và là vợ của **Bán Chi Ca** Đại Dạ Xoa Tướng (Xưa nói là **Tán Chi,** tức nói sai vậy) sinh được năm trăm người con có uy lực lớn cùng các Quyến Thuộc đi đến nơi Đức Phật ngự rồi lui ra, ngồi một bên.

Phật bảo: "Này Hoan Hỷ Mẫu ! Nay ngươi có thể nhận Giáo Sắc của Như Lai. Ta muốn khiến ngươi buông xả, trừ bạo ác, giúp đỡ các Hữu Tình. Đều ban bố sự không sợ hãi đến tất cả người nữ đã sinh con trai, con gái ở thành Vương Xá với cõi Thiệm Bộ Châu này "

Thời Hoan Hỷ Mẫu bạch phật rằng: "Thế Tôn! Nếu như vật thời con với các đứa con sẽ ăn thứ gì ?!...."

Phật Bảo: "Ngươi chỉ cần khởi tâm hiền lành chẳng hại Hữu Tình thời Ta sẽ răn dạy các Thanh Văn đệ tử, mỗi bữa ăn sẽ thường cho ngươi ăn và ở cuối lối đi sẽ để một phần thức ăn, kêu gọi tên ngươi với các đứa con đều khiến được no đủ. Nếu có thức ăn dư thì ngươi có thể hồi thí cho tất cả Quỷ Thần… thảy đều vận tâm khiến cho họ được no đủ."

Thời Hoan Hỷ Mẫu bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Nay con xin quy mệnh Đức Như Lai, phụng Giáo Sắc của Đức Phật, chẳng dám vượt trái. Tất cả người dân đã sinh con trai, con gái trong thành Vương Xá với các Quốc Thổ thời con đều ủng hộ khiến cho họ được an vui, chẳng để cho tất cả các Quỷ Thần ác được dịp thuận tiện hãm hại. Nguyện xin Đức Như Lai hộ niệm cho con "

Đức Phật nói: "Lành thay! Lành thay Hoan Hỷ Mẫu! Nay ngươi có thể ở trong Pháp Luật hiền thiện của Như Lai, thọ nhận **Tam Quy Ngũ Giới** khiến cho ngươi trong đêm dài thoát khỏi các khổ được an vui lớn. Ấy là Quy Phật Pháp Tăng, chẳng giết sinh mệnh cho đến uống các thứ rượu là nơi học của ngươi. Ngươi nên thọ trì"

HÌNH TƯỢNG CỦA HA LỢI ĐẾ MẪU

Hình tượng phụng thờ của Ha Lợi Đế Mẫu phần nhiều là tượng Thiên Nữ xinh đẹp, tay trái ôm một đứa con, tay phải cầm Quả Cát Tường

.)Đại Dược Xoa Nữ Hoan Hỷ Mẫu tinh Ái Tử thành tựu Pháp ghi chép là: "**Hoan Hỷ Mẫu** như hình Thiên Nữ thật xinh đẹp, thân màu hồng trắng, mặc áo báu lụa của cõi Trời, đầu đội báu, tai đeo khoen, vòng xuyến bằng vỏ ốc màu trắng, mọi thứ Anh Lạc trang nghiêm thân ấy, ngồi trên tòa báu lớn, thòng bàn chân phải xuống dưới. Ở hai bên tòa lớn, cạnh đầu gối đều vẽ hai đứa bé. Tay trái của Mẫu ấy ôm một đứa bé tên là **Tất-Lý Dựng Ca** (Priyaka) rất đoan chánh, tay phải cầm quả Cát Tường để gần vú, hai bên đều vẽ Thị Nữ quyến thuộc hoặc cầm cây phất trắng, hoặc vật dụng trang nghiêm.





.)Kinh **Ha Lợi Đế Mẫu Chân Ngôn** ghi chép là: "**Ha Lợi Đế Mẫu**, làm hình Thiên Nữ thuần màu vàng, thân khoác áo ngoài (Thiên Y), đầu đội mão, đeo Anh Lạc, ngồi trên Đài to lớn (tuyên đài), thòng hai bàn chân xuống dưới. Ở hai bên bàn chân vẽ hai đứa bé (hài tử). Bên cạnh Tuyên Đài, ở trên hai đầu gối đều vẽ một đứa bé. Tay phải ôm một đứa bé, ở trong bàn tay phải cầm quả Cát Tường.



.)Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện ghi chép là: Các Chùa ở phương Tây, thường ở nơi cửa phòng hoặc bên cạnh bếp ăn, đắp tượng hình Quỷ Tử Mẫu ôm một đứa con ở dưới đầu gối của bà có năm hoặc ba đứa, dùng biểu thị cho tượng đó, đồng thời mỗi ngày trước Tượng ấy đều cúng dường đầy những thức ăn.

Do Ha Lợi Đế Mẫu quyến thuộc của bốn vị Thiên Vương, có thế lực lớn. Nếu người có tật bệnh, không có người nối dõi mà chân thành cung kính bày thức ăn dâng tiến ấy cầu xin con thời đều được toại nguyện



_Do trong Phẩm **Đà La Ni** của Kinh **Pháp Hoa** ghi nhận Ha Lợi Đế Mẫu với mười nữ La Sát cùng thề thủ hộ cho Hành Giả trì kinh Pháp Hoa, cho nên **Nhật Liên Tông** ở Nhật Bản rất tôn sùng vị Thần này, lại xác định Quỷ Tử Mẫu Thần là Bản Tôn trong Pháp tu của Nhật Liên Tông và đặc biệt thờ riêng một mình Tôn này qua hình Quỷ phẫn nộ, xong cũng có người tạo hình Thiên Nữ để phụng thờ. Tông này xác nhận là: **hình Quỷ** là dụng để phá Tà điều phục, còn **hình Thiên Nữ** là dụng để cầu sinh con được an ổn.





_Các dạng Tôn Tượng khác là:





訶梨帝母圖(鬼子母神)　富田渓仙筆202.4*174.15cm





Do căn cứ vào Thuyết **Quỷ Tử Mẫu Thần** chẳng những hộ trì Phật Pháp mà còn là vị Thần bảo hộ cho phụ nữ, trẻ con… hoàn toàn tương đồng với tín ngưỡng **Thất Ma Nương Nữ Thần** của người **Mân Nam** với người **Đài Loan**, thậm chí có nói Pháp: "Nếu người có tật bệnh không có con mà thiết bày thức ăn dâng tiến để cầu con thời thảy đều được toại nguyện", cho nên tại đất Hán, **Quỷ Tử Mẫu Thần** hoàn toàn tương đồng với sự giải thích về công hiệu của **Sinh Nương Nương** trong Đạo Giáo Trung Hoa



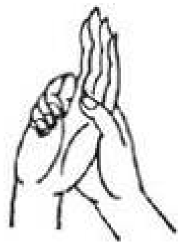
Do Quỷ Tử Mẫu phát Thệ sẽ làm vị Thần Bảo Hộ cho sản phụ và trẻ con được bình yên. Đời sau vì sùng kính Bà nên gọi là **Tử Mẫu Thần**.

Vì Ha Lợi Đế Mẫu vốn có thệ ước là hộ trì Pháp Quán Âm nên các Đại Quán Âm đều dùng Thần Mẫu làm quyến thuộc.

Dùng **Quỷ Tử Mẫu Thần** làm Bản Tôn của Pháp Tu xưng là **Ha Lợi Đế Mẫu Pháp**, Pháp tu này chủ yếu để khấn cầu sinh sản được bình an, tăng thêm tiền của giàu có. Ngoài ra trong các Kinh Quỹ còn có nhiều Pháp Tiêu Tai, trừ bệnh…

1_ Ha Lợi Đế Mẫu Thỉnh Triệu Ấn:

Đem bàn tay phải cặp dưới lưng bàn tay trái sao cho móng ngón trụ ở lòng bàn tay trái, hướng bàn tay trái về thân triệu vời ba lần.

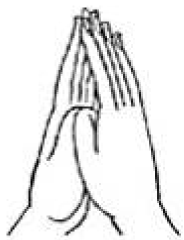


Chân Ngôn là:

OṂ_ DUNDU MĀLIKĀ HITE SVĀHĀ

2_ Ha Lợi Đế Mẫu Ái Tử Ấn:

Chắp hai tay lại, co hai ngón cái cùng để ở trong lòng bàn tay.



Chân Ngôn là:

OṂ_ DUNDU MĀLIKĀ HITE SVĀHĀ

Bản khác ghi nhận Chân Ngôn của Ấn này là:

OṂ_ ṬIVI ṬINI SVĀHĀ

THẬP LỤC THIỆN THẦN

Thập Lục Thiện Thần tức là 16 vị Thiện Thần thủ hộ Kinh Bát Nhã với người trì tụng. Lại xưng là 16 Thần Vương, 16 Dược Xoa Thần, 16 Dược Xoa Tướng, Bát Nhã Thập Lục Thiện Thần, Bát Nhã Thủ Hộ Thập Lục Thiện Thần

***) Đà La Ni Tập Kinh, quyển 3** ghi chép 16 vị Thiện Thần là: "**Đạt Lý Để La Sắt Tra** Đại Tướng, **Cấm Tì Lỗ** Đại Tướng, **Phạ Nhật Lỗ** Đại Tướng, **Ca Vĩ Lỗ** Đại Tướng, **Di Đổ Lỗ** Đại Tướng, **Khiếm Nộ Tì** Đại Tướng, **A Nễ Lỗ** Đại Tướng, **Sa Nễ Lỗ** Đại Tướng, **Ấn Nại Lỗ** Đại Tướng, **Ba Di Lỗ** Đại Tướng, **Ma Vĩ Lỗ** Đại Tướng, **Kiều Vĩ Lỗ** Đại Tướng, **Chân Đặc Lỗ** Đại Tướng, **Phạ Tra Đồ Lỗ** Đại Tướng, **Vĩ Ca Lỗ** Đại Tướng, **Câu Phệ Lỗ** Đại Tướng".

Đời Đường, Ngài **Kim Cương Trí** (Bodhi-vajra) gom tập hình vẽ của 16 vị Thiện Thần (sau này vị Tăng nước Nhật là **Không Hải** đã đem vào Nhật Bản) hiển hình Thần Vương. An Trí Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** ở chính giữa, hai bên trái phải có **Văn Thù**, **Phổ Hiền,** kèm xếp bày **Pháp Dũng** và **A Nan**, **Huyền Trang** và **Thâm Sa Đại Tướng**, hai bên cạnh đều phân bày 16 vị Thiện Thần. Có điều tên gọi của chư Thần cùng với điều đã nêu bên trên có chỗ chẳng đồng.

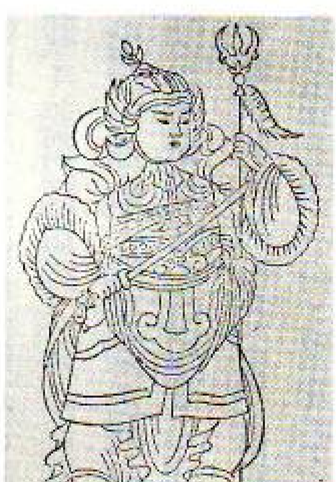


Hoặc có thuyết nói **Thập Lục Thiện Thần** là 12 vị Thần Tướng của Dược Sư với 4 vị Thiên Vương

_Bát Nhã Thủ Hộ Thập Lục Thiện Thần Vương Hình Thể (ĐTK_No.1293) [Bản dịch của Ngài Kim Cương Trí] ghi chép là:

1_ Đề Đầu La Trạch Thiện Thần (Dhṛta-rāṣṭra: Trì Quốc Thiên Vương): màu xanh lục, mở miệng hiện tướng mạo phẫn nộ, mặc giáo trụ, khoác áo màu đỏ, tay phải cầm cây đao lớn, tay trái nâng cây mâu, tóc màu tía





2_ Tỳ Lô Lặc Xoa Thiện Thần (Virūḍhaka:Tăng Trưởng Thiên Vương): màu đỏ tía, tướng phẫn nộ, hiện hình ngậm môi, tay phải cầm Bạt Chiết La (Vajra: chày Kim Cương), tay trái đè eo lưng, mặc giáp trụ, khoác áo màu trắng xanh, tóc mai màu xanh biếc





3_ Tồi Phục Độc Hại Thiện Thần: tóc mai dựng thẳng cao đến lỗ tai, màu thịt đỏ, tay phải cầm cây đao lớn, tay trái hướng ra bên ngoài để ngang ngực, mặc giáp trụ, khoác quần áo màu trắng, còn lại như thường.





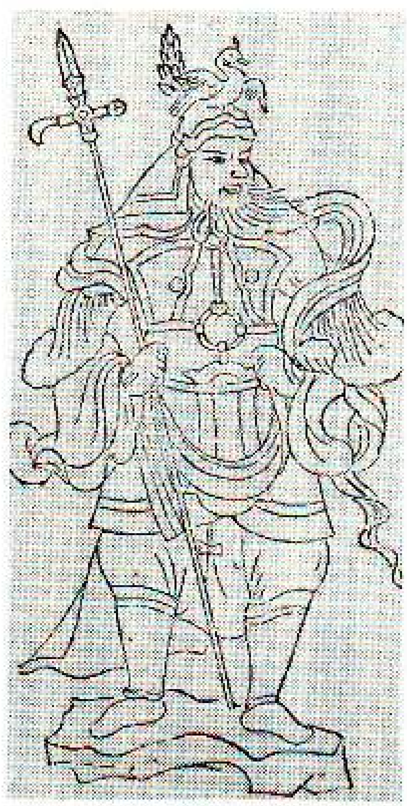
4_ Tăng Ích Thiện Thần: màu thịt đỏ, bốn cánh tay, dáng dấp Nộ Quỷ. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây đao lớn, tay thứ lai cầm Kiếm Luân (bánh xe kiếm). Bên trái: tay thứ nhất cầm cành Dương Liễu, tay thứ hai nâng nửa vành trăng. Mặc cà sa màu xanh lục, xiêm màu hồng, cổ đeo Anh Lạc.





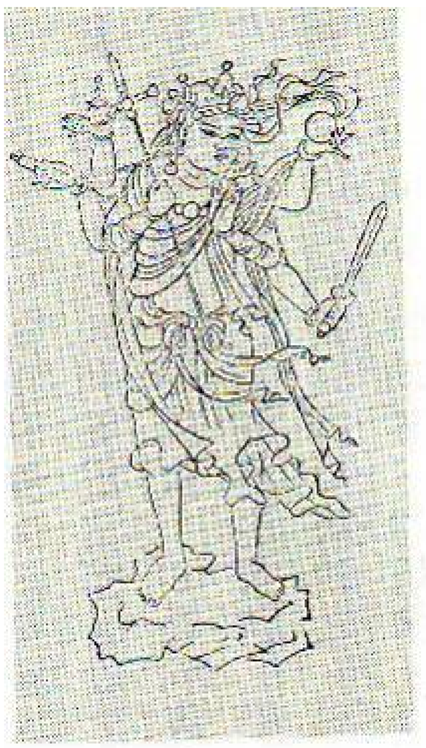
5_ Hoan Hỷ Thiện Thần: màu xanh lục, trên đỉnh có con chim công (khổng tước) màu vàng ròng, tay phải cầm Nhất Cổ Câu, tay trái đè eo lưng, mặc giáp trụ, khoác áo đỏ, tóc mai màu đỏ, khuôn mặt phẫn nộ.





6_ Trừ Nhất Thiết Chướng Nạn Thiện Thần: màu vàng, tác tướng sân nộ, sáu cánh tay, mặc quần áo màu trắng tinh. Bên phải: tay thứ nhất cầm Tam Kích Xoa, tay thứ hai cầm Kinh Điển, tay thứ ba nâng Tháp báu Xá Lợi. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen hồng, tay thứ hai cầm móc câu báu, tay thứ ba cầm cái loa báu, đội mão báu, mặc cà sa, gió thổi áo khoác ngoài, Anh Lạc, vòng, Xuyến như thường.





7_ Bạt Trừ Tội Cấu Thiện Thần: trần truồng, mặc áo cà sa màu xanh lục đỏ, lông tóc dựng đứng, tướng màu vàng đỏ, tay phải cầm cây gậy (bổng) gậy ấy có năm chỉa (ngũ xoa), tay trái nắm quyền để trên đỉnh đầu, mắt giận, mở miệng, răng nanh bén ló lên trên, rất đáng sợ.





8_ Năng Nhẫn Thiện Thần: màu hư không, tay phải cầm cây đao lớn, tay trái cầm cây sáo, đỉnh đầu trùm khăn màu trắng, bên dưới đến háng, vừa thấy đầu mũ đội, tóc mai màu tía .

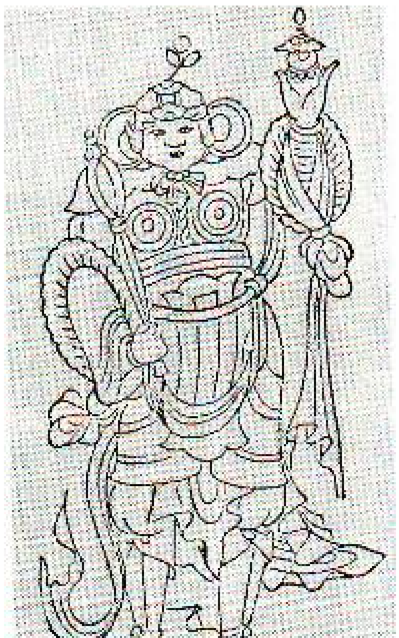




(Các vị bên trên đều đứng ở phương bên phải)

9_ Phệ Thất La Ma Noa Thiện Thần (Vaiśravaṇa:Đa Văn Thiên Vương): màu xanh đen, hiện tướng Sân Vương, làm tướng ngậm môi, tay phải cầm cây gậy Kim Cương, tay trái nâng tháp báu **Toàn Thân Xá Lợi**, mặc giáp trụ, khoác áo đỏ, tóc mai màu tía.





10_ Tỳ Lô Bác Xoa Thiện Thần (Virūpākṣa:Quảng Mục Thiên Vương): màu thịt, cánh tay đeo sợi tơ màu đen, dùng cây bút làm thế viết chép, mặc giáp trụ, khoác quần áo màu xanh lục, tóc mai màu đỏ, hình mỉm cười.





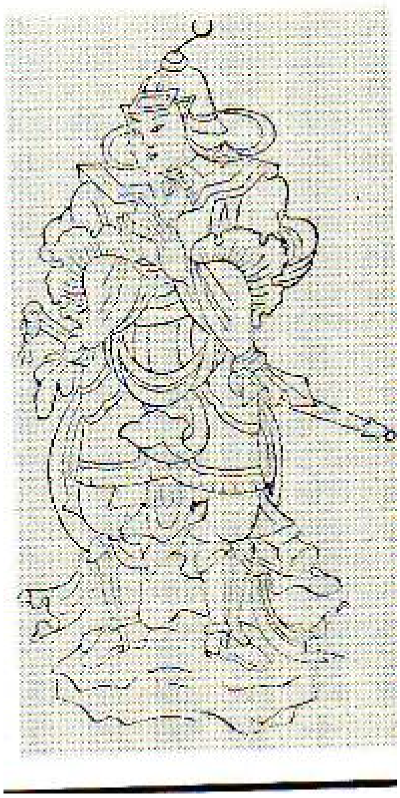
11_ Ly Nhất Thiết Bố Úy Thần: hình thể như Trời Đế Thích, chỉ trên đỉnh đầu có cái đầu lâu, trên đầu lâu có hình Tam Cổ.





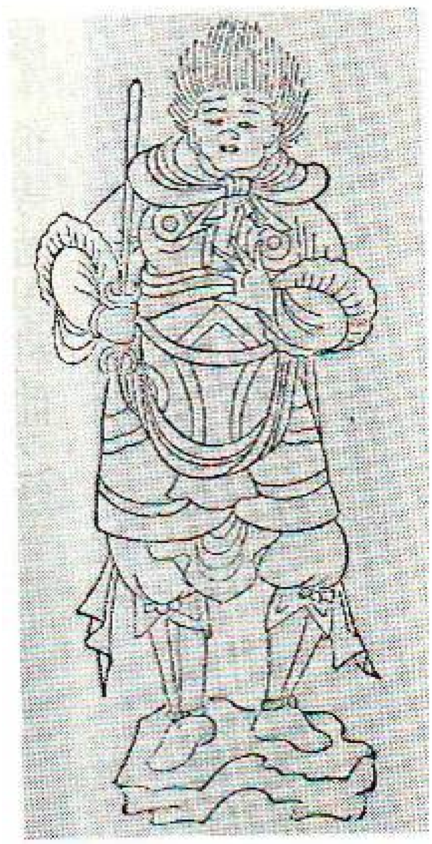
12_ Cứu Hộ Nhất Thiết Thiện Thần: màu trắng xanh, tướng mạo như Tỳ Sa Môn Thiên, hai tay chắp lại, mười đầu ngón tay đều có hoa sen chưa nở màu hồng, quần áo màu vàng đỏ.





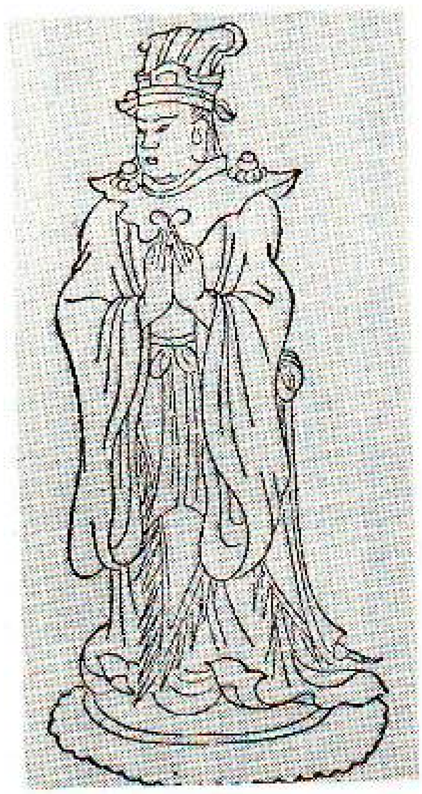
13_ Nhiếp Phục Chư Ma Thiện Thần: lông tóc dựng đứng, màu thịt đen, tướng mạo dùng Anh Lạc để trang nghiêm, tay phải cầm cây kiếm, tay trái hạ lòng bàn tay xuống hướng ra ngoài, quần áo màu vàng.





14_ Năng Cứu Chư Hữu Thiện Thần: màu trắng xanh lục, dung mạo như tướng ngọc, hai tay chắp lại giữa trống rỗng (hư tâm hợp chưởng) co hai ngón trỏ phụ vạch thứ nhất ở lưng ngón giữa, trên mũ đội, mặc cà sa màu trắng, xiêm màu đỏ.





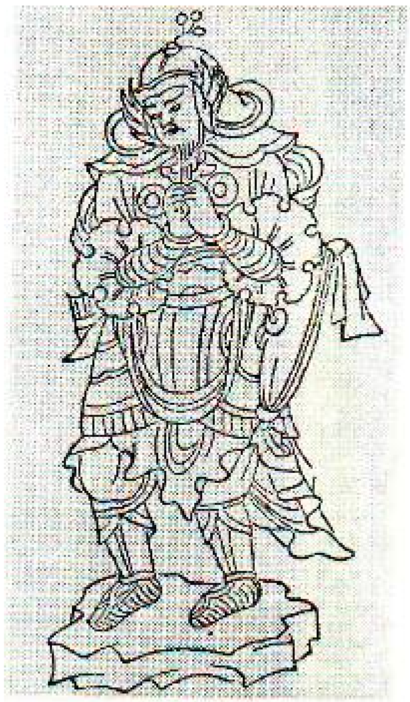
15_ Sư Tử Uy Mãnh Thiện Thần: màu thịt, đội mão báu sư tử. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây búa, tay thứ hai cầm cây kiếm. Bên trái: tay thứ nhất cầm Phạm Giáp (cái cặp chứa kinh Phạn), tay thứ hai cầm Tam Xoa Kích, mặc cà sa màu xanh biếc, khoác áo ngắn bằng da cọp, giận dữ rất ác.





16_ Dũng Mãnh Tâm Địa Thiện Thần: mặc giáp trụ màu xanh lục, như hay cứu chư Hữu, hai tay tác **Ngoại Phộc** để ngang ngực, tướng mỉm cười.





(Các vị bên trên đều đứng ở phương bên trái)

***) Đà La Ni Tập Kinh, quyển 3** ghi chép Chân Ngôn thỉnh 16 vị Thiện Thần thủ hộ kinh Bát Nhã với người trì tụng là:

_ Thỉnh thập lục dược xoa Đại tướng chân ngôn:

"Na mô la đát-na đá-la dạ da (1) đá điệt tha (2) ha ha (3) hề hề (4) hô hô (5) hí lợi, hí lợi (6) di lợi, di lợi (7) đỗ minh, đồ đỗ mê (8) tỳ già bà hứ ni (9) tỳ ma la bà hứ ni (10) để-lý ninh để-lý (11) ba-la để yết-lạn đà (12) tỳ đa trì chất đát-la (13) kê đô bát la-bà tát bà lê (14) cụ hề lê (15) càn đà lê (16) chiên trà lợi (17) xa xà ni (18) cụ la già lợi ni (19) chiên trà tì già đà bà hề ni (20) mai đát-la du (21) sa ha (22) ma la đàn trì hạt la bà ca da (23) sa ha (24) ma đăng già câu la bằng xa da (25) sa ha (26) để-lý thương yết duệ (27) sa ha (28) tất đà duệ (29) sa ha (30) na mô lô sắt-trá tả (31) ma đăng già la xà tả (32) tất điện đô (33) mạn đát-la bả đà (34) sa ha (35)"

Namo ratna-trayāya

Tadyathā: Ha ha, hi hi, ho ho, hili hili, mili mili, dhume dhudhume, vega-vāhini, vimala vāhini, tri-netre, prati krānta, vidhathe-citra, ketu-prabhāsvare, guhili, gandhari, caṇḍali, sajāni, gura-karṇin, caṇḍa-vigata vāhini, maitrāyuḥ svāhā

Mālā-daṇḍi hāra bhagāya svāhā

Mataṅga-kula bhañjāya svāhā

Triśaṅkāye svāhā

Siddhaye svāhā

Namo roṣṭaṣya mataṅga-rājaṣya, siddhyantu mantra-pāda svāhā

Nếu người chỉ hay tụng được được Chân Ngôn này, chẳng cần cúng dường liền được thành tựu. Nếu tụng Chân Ngôn này bảy biến thì 16 Dược Xoa Đại Tướng liền đến chỗ của người ấy, nhận sự sai khiến của Hành Giả

Nếu người hay chí Tâm tụng Chân Ngôn này sẽ hay diệt được bốn tội nặng, năm tội nghịch

THÂM SA ĐẠI TƯỚNG

Thâm Sa Đại Tướng là vị Thần Hộ Pháp trừ diệt các tai nạn, bảo hộ cho người tu hành. Lại xưng là **Thâm Sa Thần, Thâm Sa Thần Vương, Thâm Sa Đại Vương, Thâm Sa Đồng Tử, Thâm Sa Bồ Tát.**

Tên gọi của vị Thần này được hình thành từ truyện tích sau:

Đường Tam Tạng Ký ghi rằng: "Tam Tạng Huyền Trang đi về phương Tây cầu Pháp, khi đến bãi sa mạc **Lưu Sa** là nơi không có người cư ngụ. Mỗi lần đến giờ Trai thời ở bên cạnh đường đi có cái ao mới đào chứa nước ngọt như Cam Lộ kèm theo một phần thức ăn mới thơm tho khác thường. Tuy chẳng thấy người, Tam Tạng rất ngạc nhiên nên báo rằng "*Nơi này là bãi sa mạc cát dài, không có người qua lại thời ao này với thức ăn là do ai đem đến? Nguyện cho biết mong cầu!"* Tức thời trong hư không có tiếng nói báo với Tam Tạng Pháp Sư rằng: "*Con là Thiên Thần, do có duyên với Hòa Thượng lấy Kinh nên mau đến. Đệ Tử là Thần Hộ Pháp, nơi này không có nước với không có người, nên đặc biệt vì Hòa Thượng mà dâng nước với thức ăn"*. Khi Tam Tạng thọ Trai xong thời nước ấy lui mất chỉ nhìn thấy bãi cát mênh mông không một bóng người. Nhân việc này mà vị Thần ấy được xưng là **Thâm Sa**"



Gốc tích của vị Thần này được lưu truyền qua nhiều Thuyết khác nhau.

_ **Thai**, quyển 2, Quỹ nói rằng: “**Phụng Giáo Quan** cũng là **Thái Sơn Phủ Quân** (Citra-gupta). Người xưa truyền là **Thâm Sa Đại Tướng**. Đây là một loài Quỷ ăn thịt uống máu”

_ **Thâm Sa Đại Tướng** là vị Thần do **Đại Tự Thiên** (Maheśvara) hóa hiện

Đại Tập Kinh ghi rằng: “Thâm Sa Thần tức **Phù Khâu Thần** (vị thần ở gò đống) là vị Thần do **Đại Tự Thiên** (Maheśvara) ở phương Tây hóa hiện. Cũng do Đa Văn Thiên Vương vì giáng phục Quỷ Thần hành khí độc trong bốn Thiên Hạ…”

_ **Thâm Sa Đại Tướng** là một **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của **Đa Văn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa-devarāja) ở phương Bắc

Thường Hiểu Hòa Thượng Thỉnh Lai Mục Lục ghi rằng (Đại Chính 55_1070c): “Thâm Sa Thần Vương Tượng, một khu”

(Lược bên trong)

Đời Đường, Tam Tạng **Huyền Trang** giao tiếp sâu xa năm ngày nên cảm được vị Thần này. Đây là Hóa Thân (Nirmāṇa-kāya) của Đa Văn Thiên Vương (Vaiśravaṇa) ở phương Bắc. Nay người đời Đường rất tôn trọng vị Thần này, cứu tai nạn thành lợi ích, không có một người nào chẳng y theo hành. Ngay trong nhà của con người đều có vị Thần này, tự thấy linh nghiệm, thật chẳng thể nghĩ bàn.

Trong đây nói rằng: “ Khi Ngài **Huyền Trang** đi qua Tây Thiên thời cảm được vị Thần này.

Tức **Đại Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư Truyện**, quyển 1 ghi rằng: “Khi Thầy băng qua **Sa Hà** (Dòng sông cát) thời bốn đêm năm ngày chẳng được một hớp nước, sắp sửa chết mất, bèn nằm trong cát, ngầm niệm **Quán Âm** (Avalokiteśvara). Đột nhiên cảm thấy luồng gió mát. Đêm ấy, trong giấc mộng, nhìn thấy một vị Đại Thần…..

_Thuyết khác cho rằng: “**Thâm Sa Đại Tướng** là một vị Đại Tướng (hoặc Sĩ Giả) dưới trướng của Tỳ **Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa), là bậc **Thượng Thủ** (Pramukha) của bảy ngàn **Dược Xoa** (Yakṣa)”

_ **Thâm Sa Đại Tướng** là một **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của **Quán Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva)

Thâm Sa Đại Tướng Nghi Quỹ, một quyển do Ngài **Bất Không** dịch trong đời Đường. Lại xưng là **Thâm Sa Đại Tướng Bồ Tát Nghi Quỹ** được lưu trữ trong Đại Chính Tạng, sách 21, số 1291

Bản Nghi Quỹ này xem Thâm Sa Đại Tướng một Hóa Thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, đồng thời ghi nhận ba vị **sứ giả** (Ceṭaka): Vị Sứ Giả trên Trời là **Tịnh Mãn,** vị Sứ Giả ở hư không là **Phộc Tư Đại Tiên,** vị Sứ Giả dưới Đất là **Thủy Hỏa Lôi Tự Tại Vương…**hay diệt trừ Tam Tai, ba loại chấp trước. Nếu tụng Chân Ngôn ấy thì nghiệp ác đều hay tiêu diệt.

Trong văn đều ghi chép Pháp Tu với việc đã thành tựu

_ **Thâm Sa Đại Tướng** là một Hóa Thân (Nirmāṇa-kāya) của **Thập Nhất Diện Quán Tự Tại Bồ Tát** (Eka-daśa-mukha-Avalokiteśvara-bodhisatva)

Đồ Tượng, quyển 10, phần **Thâm Sa Tướng Tạp Tập** ghi nhận là:

Chính Niệm Tụng:

Tụng Chân Ngôn là:

Oṃ_ A Prū, A Prū, sara sara, svāhā

Tán Niệm Tụng:

Phật Nhãn, Đại Nhật, Thập Nhất Diện, Đa Văn Bản Tôn, chư Thần Từ Hộ, Đại Kim Cương Luân, Nhất Tự…có thể có Pháp Thí.

Lễ Phật:

Nam mô Ma Ha Tỳ Lô Giá Na Phật
Nam mô Thập Nhất Diện Quán Tự Tại Bồ Tát
Nam mô Đa Văn Thiên Vương
Nam mô Thâm Sa Đại Tướng (3 lần)
Nam mô nhất thiết Tam Bảo

MỘT VÀI CÔNG HẠNH CỦA THÂM SA ĐẠI TƯỚNG

_ Xưa kia tại núi **Phù Khâu** ở **Thục Xuyên** (đất Thục) có một vị tăng phát nguyện mười năm chẳng rời chùa, trì Kinh **Pháp Hoa**. Do ý chí vững mạnh nên cảm được Thâm Sa Đại Tướng hóa làm một vị Hành Giả phụng sự trợ giúp. Khi vị Tăng đã đủ số Kinh đã nguyện xong thì sáng sớm chợt không thấy vị Hành Giả nên kêu gọi mãi vẫn chẳng được. Vị Tăng ấy liền ra khỏi cửa, lớn tiếng kêu gọi thời nghe trong hư không nói rằng: "*Thời xưa, Hành Giả chẳng phải là người thường mà là Thần Tá ở phương Bắc, thống lãnh Dạ Xoa. Do Hòa Thượng có Hạnh cao nên mới được Đệ Tử cung cấp"*. Vị Tăng nói: "*Bần Đạo là Phàm Tăng dùng con mắt thịt nên chẳng nhận biết được. Thật là tội lỗi khi để cho Đại Thánh cúng dường suốt mười năm! Giờ phải làm sao để nhìn thấy tướng riêng của Bản Thân?"*. Vị Thần đáp: *"Chẳng nên nhìn thấy Bản Thân, rất là đáng sợ"*. Vị Hòa Thượng nguyện muốn gặp gỡ nên vui mừng cầu thỉnh, tác ý không sợ, liền nhìn thấy thân Dạ Xoa dùng miệng truyền Đà La Ni một biến, Tâm Chân Ngôn, một bài Tụng rồi lui mất. Vị Tăng ấy kêu gọi công nhân đắp hình để tại chùa cúng dường, thủ hộ Già Lam rất có linh nghiệm. Người ở Tây Thục đều tôn kính phụng thờ.

_ **Đại Hòa** năm thứ ba, có một nữ thương đất Thục, vẽ hình ảnh vị Thần để trong thuyền cúng dường. Khi chiếc thuyền ấy đến **Giang Lăng** vào ngày 16 tháng 6 chợt gặp gió mạnh khiến thuyền sắp chìm, nữ thương ấy rất sợ hãi, niệm **Đại Thánh Thâm Sa Thần Vương** kèm theo lời phát Nguyện. Liền thấy vị Thần này hiện ở trong nước dùng tay đẩy chiếc thuyền đến bờ. Nữ Thương đến chùa **khai Nguyên** ở Giang Lăng, tô đắp hình tượng cúng dường. Người dân thường đến chiêm kính.

Nếu có người để Tượng tại nơi có Tinh My, oan gia, Võng Lượng quấy nhiễu rồi ở trước vị Thần này, chí tâm phát nguyện đều được trừ khỏi.

_ Trong **Trị Huyền Xá** ở **Nam Châu** thuộc **Trường An** có vị Tỳ Khưu Tăng tên là **Pháp Truyền** thường chuyên tụng Kinh **Pháp Hoa**. Đến **Thiên Hòa** năm đầu tiên, tháng Giêng, ngày mồng sáu, ở chùa **Thiên Quang** phát lời thề rộng lớn phụng đọc Kinh Pháp Hoa để được Bồ Đề cứu cánh. Cách ngôi chùa này khoảng mười dặm, có một chỗ hoang vắng tên là **Huyền Dã**, vào cuối ngày mồng bảy hiện ra một đứa trẻ hái củi đến xin làm tôi tớ. Trải qua bảy năm, ngày đêm tâm trụ tại Diệu Pháp, hộ dưỡng không có gián đoạn, nhận sự sai bảo không hề ngại khó. Một hôm vị Pháp Sư hỏi rằng: *"Con từ đâu đến?"*. Đứa trẻ đáp: *"Con là Quỷ Thần hộ giúp chốn hoang vắng này, tên là **Thâm Sa Đại Tướng"***. Vị Pháp Sư bảo: *"Hãy hiện Bản Thân*". Đáp rằng: *"Hình của con rất xấu đáng sợ. Nếu Thầy nhìn thấy ắt tâm thần bị mê hoặc*".Vị Pháp Sư nói: *"Cứ hiện ra xem*". Đáp rằng: "*Xin Thầy nhắm hai mắt lại*" rồi hiện hình, vị Pháp Sư nhìn thấy liền bị mê hoặc không biết phương hướng, trải qua bảy ngày mới tỉnh lại. Vị

Pháp Sư hỏi: “*Sao Ta chẳng thấy ?”*. Đáp rằng: “*Tượng của con rất phẫn nộ, hình lõa thể màu đỏ, đầu như cái bát đỏ, hai tay như lưới Trời, cổ đeo bảy đầu Quỷ, thể có tám con rắn, hai đầu Quỷ nuốt xương cốt”*. Như vậy nói rằng: “*Con thành hình Thần Hộ Pháp, hộ trì Thầy của con”*. Vào ngày khác, nước ấy có một nữ vương tử bị bệnh rất đau khổ, nhờ có duyên nên thỉnh được vị Thầy này, vị Pháp Sư liền tụng tên gọi của Thâm Sa Đại Tướng Bồ Tát thì bệnh khổ liền khỏi. Vị vua của nước ấy rất thích liền hỏi rằng: *“Thầy tu Pháp gì mà một lúc trừ hết ngàn bệnh khổ?”*. Đáp rằng: *“Chỉ cần một lần xưng tên của Thâm Sa Đại Tướng thì cứu được vạn bệnh khổ”*

_Tương truyền nhà người nào cũng có Thâm Sa Đại Tướng chăm sóc, giúp cho nhà cửa được yên ổn, tránh mọi tai nạn bệnh tật…. Nếu chân thành cúng dường, cầu nguyện đều được như ý.

_Có Thuyết nói 16 vị Thiện Thần là 12 vị Thần Tướng của Đức Phật Dược Sư cùng với 4 vị Thiên Vương. Nhưng căn cứ vào tôn hình của 16 vị Thiện Thần này, ngoài **Biệt Tôn Tạp Ký** ra, tại đời Đường, ngài **Kim Cương Trí** đã minh họa đồ hình của 16 vị Thiện Thần (sau này Nhật Tăng **Không Hải** đã đem về Nhật Bản) gồm có Đức Phật Thích Ca ở trung tâm, hai bên trái phải có Văn Thù, Phổ Hiền, Pháp Dũng và A Nan, Huyền Trang và Thâm Sa Đại Tướng, hai bên ắt phân biệt 16 vị Thiện Thần. Có điều Tôn Danh do đồ hình này xếp bày, đối với phần trên có sự sai khác



HÌNH TƯỢNG CỦA THÂM SA ĐẠI TƯỚNG

.) Mật Giáo ghi nhận hình tượng của Thâm Sa Đại Tướng theo các thuyết sau:

_ **Đồ Tượng Sao** quyển 10 nói: "Vị Thần này có hai hình:

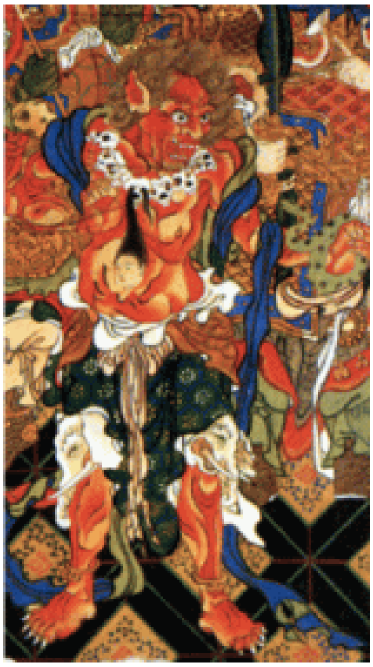
1_Tay trái cầm con rắn xanh, co cánh tay phải giương lòng bàn tay để trước ngực. Vị này hay chữa trị bệnh tật, thần diệu đặc dị



2_ Chắp hai tay bưng cái bát chứa đầy cơm trắng.

Một Bản Quỹ ghi là: Hình rất giận dữ, cổ có tám con rắn, chắp hai tay lại nâng cái bát.

_ **Giác Thiền Sao** (Quyển **Thâm Sa Thần**) ghi rằng: "Vị Thần này có hình rất xấu, nếu người nhìn thấy thì tâm thần bị mê hoặc"



Lại nói rằng: “**Thâm Sa Vương** là một Sĩ Giả (hoặc là một vị Đại Tướng) của **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa), là bậc **Thượng Thủ** (Pramukha) của bảy ngàn **Dược Xoa** (Yakṣa)”

Lại nói hình của vị ấy là: “Cái đầu là lửa rực nóng, miệng là con sông máu, dùng đầu lâu làm chuỗi Anh Lạc đeo ở cổ, dùng da cọp làm quần, dùng da mặt của con voi làm cái khố che đầu gối, dùng con nít làm cái rốn, bàn chân đạp lên hoa sen”





THÂM SA ĐẠI TƯỚNG



_ Theo **Bản Tôn Giới Hội,** Thâm Sa Thần Vương, Bộ Loại Quyến Thuộc, các hàng Dược Xoa: Trong lầu gác có chữ **Hūṃ** (हूं), chữ biến thành cây Mâu (hoặc con rắn), cây Mâu biến thành thân **Thâm Sa Thần** với thân màu thịt đỏ, hiển hình phẫn nộ cực ác, tay phải nâng cây mâu, vô lượng quyến thuộc Dược Xoa vây quanh.



Hoặc hình tượng với tay trái hướng xéo xuống dưới giương lòng bàn tay, tay phải cầm cây gậy Tam Cổ.



Lại có hình tượng, giương lòng bàn tay phải về phía trước che nách phải, úp lòng bàn tay trái đè xuống dưới.

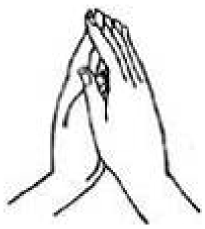


CHỮ CHỦNG TỬ, THỦ ẤN, CHÂN NGÔN CỦA THÂM SA ĐẠI TƯỚNG

_Chữ chủng tử là: A (𑖀) hoặc Hūṃ (𑖮𑖳𑖽)
_ Tam Muội Gia Hình là: Cây Mâu có ba chia, hoặc ba con rắn
_ Chân Ngôn thường dùng là:

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Oṃ hūṃ hūṃ hūṃ
Namaḥ samanta-buddhānāṃ: Quy mệnh khắp cả bậc Giác Ngộ
Oṃ : Nhiếp triệu
Hūṃ hūṃ hūṃ : Khủng bố ba **Nhân chấp trước**, dứt trừ **Tam Tai**

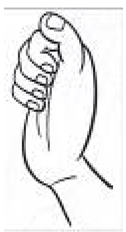
_Thủ Ấn:
1_ Kim Cương hợp chưởng:
Chắp hai tay lại, gieo chéo các đầu ngón tay.



Chân Ngôn là:

Oṃ_ A Prū, A Prū, sara sara, svāhā
Oṃ: Nhiếp triệu
A: chữ chủng tử
Prū: tên gọi của một vị Dược Xoa
A prū : (như bên trên)
Sara sara: kiên cố bền chắc
Svāhā: thành tựu tốt lành
Đem một Ấn dùng tất cả, như Pháp cầu **Văn Trì**

2_ Tay phải nắm Quyền, đưa ngón cái qua lại



Chân Ngôn là:

Oṃ_ Mahā-alaṃtraya_ svāhā
Oṃ: Quy mệnh
Mahā-alaṃtraya: Đại Cụ Túc Cứu Độ Đẳng
Svāhā: Thành tựu tốt lành.
Bản Quỹ ghi rằng: "Tụng đủ mười vạn biến, được phú quý, thành tựu viên mãn"

3_ Nội Phộc Ngũ Cổ Ấn:

Cài chéo các ngón bên trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành Quyền (Nội Phộc), dựng thẳng hai ngón giữa sao cho hai mặt ngón dính nhau, dựng thẳng hai ngón út, tách bung thẳng hai ngón trỏ ra hai bên, kèm dựng hai ngón cái.



Chân Ngôn là:

Oṃ_ Tārā-mātāye _svāhā

(Quy mệnh **Cứu Độ Mẫu Đẳng**, thành tựu tốt lành)

Thầy nói rằng: "Một Ấn một Chú của Thâm Sa Đại Tướng, Pháp của ba Sứ Giả. Đây là Pháp thành tựu rộng lớn, nguyện vì lợi ích cho người nam người nữ trong cõi Diêm Phù Đề mà nói".

TUYẾT SƠN NGŨ TRƯỜNG THỌ NỮ

Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ nguyên là các vị Sơn Thần mà dân gian Tây Tạng đã phụng thờ. Lại xưng là Cát Tường Trường Thọ Ngũ Thần Nữ, Thần Miễn Trường Thọ Ngũ Tỷ Muội hoặc Cụ Tường Không Hành Mẫu Ngũ Tỷ Muội, Trường Thọ Ngũ Tỷ Muội, Trường Thọ Ngũ Tiên Nữ. Các vị ấy tên là: Tường Thọ Tiên Nữ, Thúy Nhan Tiên Nữ, Trinh Tuệ Tiên Nữ, Thí Nhân Tiên Nữ, Quan Vịnh Tiên Nữ…. Tương truyền năm Trường Thọ Nữ này cư ngụ tại **Châu Mục Lãng Mã Phong** (núi Tuyết) [hoặc có thuyết nói năm Trường Thọ Nữ này cư ngụ tại **Lạp Cơ Khang Tuyết Sơn**], dưới chân núi có năm cái hồ băng tuyết, mỗi cái hồ đều có dáng vẻ màu sắc chẳng đồng, cũng giống như sắc thân của năm Trường Thọ Nữ. Văn hiến của Tạng văn ghi chép: "Phương Bắc, tại mạch núi ở khu vực tuyết là địa phương giao tiếp giữa **Ni Bạc Nhĩ** (Nepal) và đất Tây Tạng"

_Truyền thuyết Tây Tạng ghi nhận rằng: "Vào Thế Kỷ thứ 8, **Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ** gặp Đại Sĩ **Liên Hoa Sinh** (Padma-saṃbhava) ở trong động **Ca Nhiệt Tang Ngõa**. Các bà dùng lực lượng Thần Thông rộng lớn đè ép khuất phục Liên Sư: Phát động 18 loại Thiên Ma, Đơn Mã Nữ Thần, Sơn Thần và vô biên Chúng Quỷ Thần, nhưng lại không có cách nào khiến cho Đại Sĩ Liên Hoa Sinh bị chấn động. Cuối cùng các bà biến hóa ra hình mạo với Thần Lực rất đáng sợ, không ngờ lại bị Đại Sĩ Liên Hoa Sinh dùng Thần Lực Thủ Ấn đè ép khuất phục dưới lòng bàn tay. Bất đắc dĩ **Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ** phải đem danh hiệu và **Mệnh Căn Tinh Yếu Tâm Chú** cúng dường Liên Sư, và đứng dưới **Tam Muội Gia** (Samaya) thệ nguyện, vĩnh viễn phục tùng sự giáo hóa của Liên Sư. Đại Sĩ Liên Hoa Sinh vì các bà mở bày Lý báo ứng của nhân quả, và dặn dò các bà vĩnh viễn thủ hộ Phật Pháp".

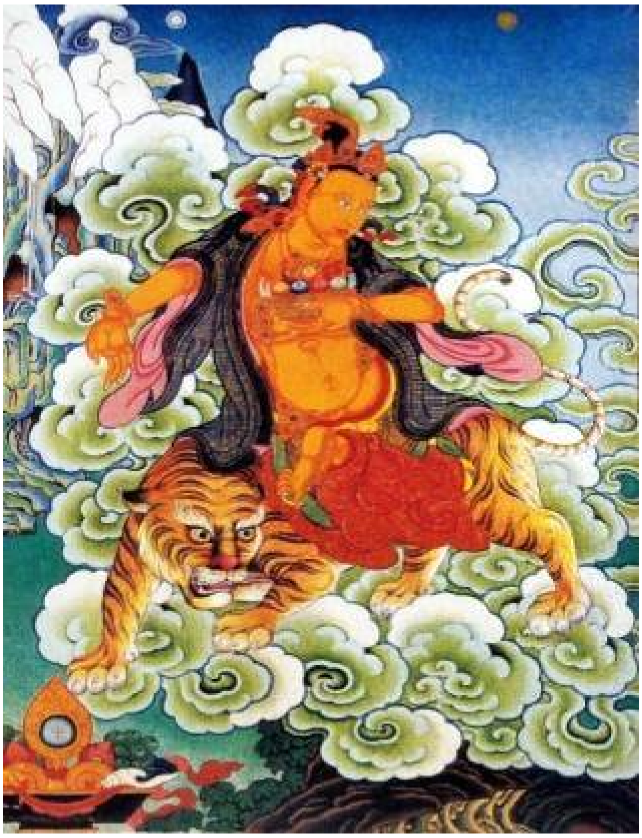
Từ đấy **Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ** trở thành một trong các Tôn Trường Thọ của Tạng Truyền Phật Giáo. Lại xưng là **Cát Tường Trường Thọ Ngũ Mẫu, Phước Lộc Thọ Hỷ Ngũ Phật Mẫu**, **Tường Thọ Ngũ Phật Mẫu** tức là: Tường Thọ Phật Mẫu, Thúy Nhan Phật Phẫu, Trinh Tuệ Phật Mẫu, Thí Nhân Phật Mẫu, Quan Vịnh Phật Mẫu… là năm vị Không Hành Mẫu Trí Tuệ của Đại Sư **Liên Hoa Sinh**, cũng là năm vị Không Hành Mẫu bí mật của bậc Đại Thành Tựu **Mễ Lạp Nhật Ba**. Theo truyền thuyết của dân gian Tây Tạng thì năm vị Phật Mẫu ấy y theo thứ tự là năm vị Thần nắm giữ Phước Thọ, Tiên Tri, Y Điền, Tài Phú và súc sinh… cũng là năm Hộ Pháp Không Hành Mẫu của Mật Tông

_Hình tượng của năm Trường Thọ Phật Mẫu là:

1)**Tường Thọ Phật Mẫu**, tức **Trát tây Thứ Nhân Mã** (Tashi Tseringma) có thân màu trắng, một mặt hai cánh tay, tay phải giơ cao lên cầm chày Kim Cương, tay trái nắm một cái bình báu trường thọ, dung mạo trẻ trung xinh đẹp hiền từ, dùng các loại châu báu, Anh Lạc, vòng đeo tai, vòng xuyến, trâm cài…trang sức, ngồi trên con sư tử Tuyết bờm xanh lục



2)**Trinh Tuệ Phật Mẫu**, tức **Mễ Ngọc Lạc Tang Mã** (Miyo Lozangma) có thân màu vàng, một mặt hai cánh tay, tay phải tác Thủ Ấn kính phụng vật báu, tay trái nâng cái mâm châu báu tràng đầy lương thực, dung mạo hiền từ, dùng các loại châu báu, Anh Lạc, vòng đeo tai, vòng xuyến, trâm cài… trang sức, ngồi trên con cọp mạnh mẽ



3)**Quan Vịnh Phật Mẫu** tức **Quyết Ban Chấn Tang Mã** (Chopen Drizangma) có thân màu hồng, một mặt hai tay, tay phải cầm một cái hộp báu, tay trái cầm một viên ngọc báu, dung mạo hiền từ, dùng các loại châu báu, Anh Lạc, vòng đeo tai, vòng xuyến, trâm cài… trang sức, ngồi trên con hươu màu vàng cam



4)**Thúy Nhan Phật Mẫu** tức **Đình Cát Hy Tang Mã** (Ting gyi Shalzangma) có thân màu xanh lam, một mặt hai cánh tay, tay phải cầm cái gương có một mặt, tay trái cầm cây côn dài trang sức cờ phan, dung mạo hiền từ, dùng các loại châu báu, Anh Lạc, vòng đeo tai, vòng xuyến, trâm cài… trang sức, ngồi trên con lừa



5)**Thí Nhân Phật Mẫu** tức **Đạt Ca Trác Tang Mã** (Tekar Drozangma) có thân màu xanh lục, một mặt hai cánh tay, tay phải cầm một bó cỏ, tay trái cầm con rắn quấn quanh cành cây, dung mạo hiền từ, dùng các loại châu báu, Anh Lạc, vòng đeo tai, vòng xuyến, trâm cài… trang sức, ngồi trên con rồng xanh có màu đá Lục Tùng



_Do truyền thừa khác nhau nên nhân duyên thị hiện hình tướng của **năm Trường Thọ Phật Mẫu** cũng có chút sai khác.

1_**Cát Tường Trường Thọ Phật Mẫu** ngồi trên con sư tử, có thể dùng tiêu trừ tất cả sự chướng ngại trên Thế Gian, lại hay đạt được sự gia trì của tất cả tài vật trên Thế Gian

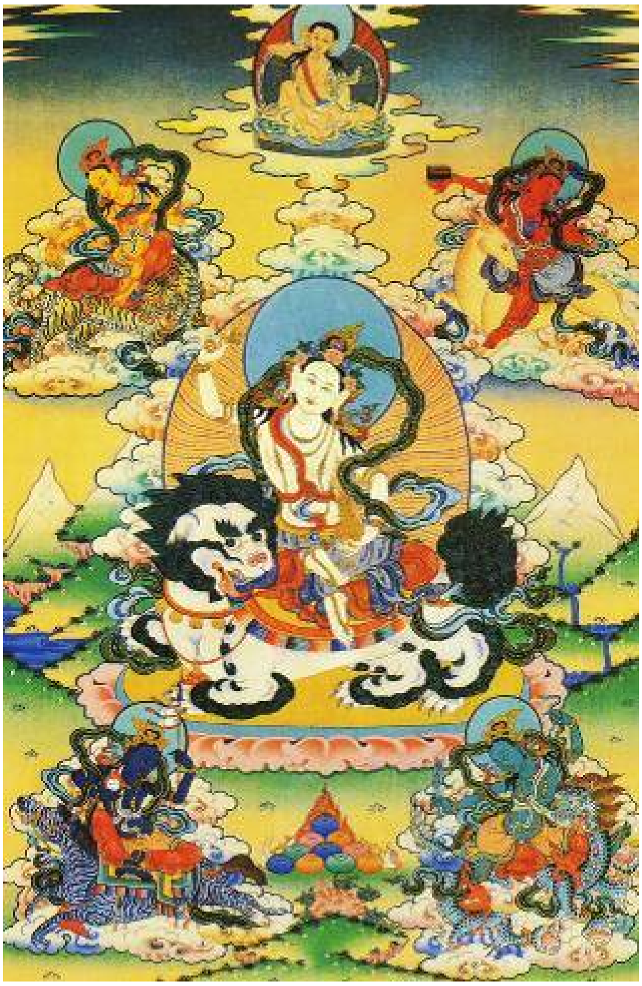
2_**Hà Khang Mã Phật Mẫu** (Thúy Nhan Phật Mẫu) trông coi việc **Tiên Tri**, toàn thân màu xanh lam, ngồi trên con ngựa vằn. Tôn này giúp cho chúng ta đạt được một loại Thần Thông Lực, cũng là dùng cái gương để **xem bói** (Bốc Quái), sự việc cần xem hỏi sẽ tự hội hiển hiện trên mặt gương

3_**Mễ Nhược Trát Tây Phật Mẫu** (Trinh Tuệ Phật Mẫu) trông coi **Y Điền**, toàn thân màu vàng cam, ngồi trên con cọp già (lão hổ) có thể dùng tiêu trừ tất cả sự chướng ngại về tài vật, đạt được sự gia trì của tài vật

4_**Giác Bối Địch Phật Mẫu** (Quan Vịnh Phật Mẫu) trông coi tài bảo, toàn thân màu hồng, ngồi trên con hươu, hay tiêu trừ tất cả sự chướng ngại về tài vật, đạt được sự gia trì của châu báu, tiền tài

5_**Đức Nhi Khang Trác Chương Mã Phật Mẫu** (Thí Nhân Phật Mẫu) trông coi súc vật, toàn thân màu xanh lục, ngồi trên con Rồng, hay giúp cho chúng ta nuôi dưỡng các nhóm dê, ngựa, bò… được sự gia trì an khanh thịnh vượng







_Căn cứ vào chức trách chẳng đồng của năm Thần Nữ, lại phân biệt xưng gọi là Cát Tường Trường Thọ Nữ Thần, Viên Quang Chiêm Bốc Nữ Thần, Thực Vật Chủ Tể Nữ Thần, Tài Bảo Nữ Thần, Lục Súc Nữ Thần

_Chân Ngôn của năm Trường Thọ Phật Mẫu:

1_ Án   ma ma   lỗ lỗ   kỉ đáp đạt lạt   mỹ trú địa   cứu trát



OṂ_ MAMA RURU CITTA-DHARA ME JUTI HŪṂ BHYO JAḤ

2_ Án   tỉ cấp   mộc đáp   cứu trát



OṂ_ BHIKAI MUTA HŪṂ BHYO JAḤ

3_ Án   nha kỉ   hạnh hạnh   cứu trát

།ཨོཾ་ཡ་ཏྲི་སིང་སིང་ཧཱུྃ་བྷྱོ་ཛཿ

OṂ_ YATRI SIṄ SIṄ HŪṂ BHYO JAḤ

4_ Án a vi lạt ni cứu trát

།ཨོཾ་ཨ་བི་ར་ཎི་ཧཱུྃ་བྷྱོ་ཛཿ

OṂ_ AVIRĀṆI HŪṂ BHYO JAḤ

5_ Án sa lí định định ca địa gia nạp cứu trát

།ཨོཾ་ས་རི་ཏིང་ཏིང་ཁ་ཏི་ཛྙཱ་ན་ཧཱུྃ་བྷྱོ་ཛཿ

OṂ_ SARI TIṄ TIṄ KHATI JÑĀNA HŪṂ BHYO JAḤ

_Tu trì Pháp của **Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ** hay tiêu trừ ôn dịch, được sống lâu tự tại

CA LÂU LA

Ca Lâu La, tên Phạn là **Garuḍa**, tên Tây Tạng là **Nam-mahaḥ-ldiṅ**. Hán dịch có các tên gọi là Ca Lưu La, Ca Lầu La, Ca Lâu La, Kim Sí Điểu, Diệu Sí Điểu, Thực Thổ Bi Khổ Thanh. Là một loại chim Thần to lớn hoặc sinh vật giống chim, xuất hiện trong thần thoại của Ấn Độ Giáo và Phật Giáo

_Trong Ấn Độ Giáo thì Ca Lâu La là một vị Thần được biết đến như là vật cỡi của Thượng Đế **Viṣṇu**, biểu thị cho sức mạnh to lớn của vũ trụ có thể ngăn chận được mặt trời.

Hoặc có thuyết nói: Khi Garuḍa sinh ra thời thân có ánh sáng hách dịch, chư Thiên nhận lầm là Hỏa Thiên nên lễ bái.



Garuḍa là kẻ thù truyền kiếp của loài rắn Nāga và hay ăn thịt rắn. Hình ảnh của Garuḍa thường được sử dụng như sự quyến rũ hoặc lá bùa để bảo vệ người mang nó khỏi bị tấn công bởi con rắn độc.

Garuḍi-vidya là câu Thần Chú chống lại chất độc của rắn trừ bỏ tất cả các loại ác

Oṃ namo bhagavate garuḍāya śrī-viṣṇu- vara-vāhanāya trailokya-paripūjitāya vajra-nakha-tuṇḍāya vajra-pakṣālaṅkṛta-śarīrāya, āveśaya āveśaya, ehyehi mahā-garuḍa duṣṭa viṣaṃ chindhi chindhi, āveśaya āveśaya, ehyehi mahā-garuḍa duṣṭa-rakṣasāṃś chindhi chindhi, āveśaya āveśaya ehyehi mahā-garuḍa baddho hūṃ phaṭ svāhā





Garuḍa được mô tả qua thân thể vàng của một người đàn ông mạnh mẽ với khuôn mặt trắng có mỏ và đôi cánh màu đỏ của con đại bàng, đội vương miện.



Garuḍa còn được minh họa theo hình tượng là: đeo con rắn **Adiśeṣa** ở cổ tay trái, đeo con rắn **Kālika** ở cổ tay phải, dùng con rắn **Takṣaka** làm dây thắt lưng, con rắn **Karkoṭaka** là vòng đeo cổ, hai con rắn **Padma** và **Mahā-padma** là vòng đeo tai, con rắn **Śaṅkachuda** tô điểm mái tóc, con rắn **Vaṣuki** bò sau gáy quàng ngang hai vai



Trong truyền thống Yoga của Ấn Độ, Garuḍa có năm hình thức **Satya, Suparṇa, Garuḍa, Tarkṣya, Vihageśvara** biểu thị cho năm luồng khí **Praṇa, Vyana, Udana, Samana, Brahma** giúp cho Hành Giả Du Già (Yogi) có thể kiểm soát được **Praṇa-yama** đánh thức luồng hỏa xà **Kuṇḍaliṇi** dẫn đến cấp độ cao hơn của tâm linh

Trong chiến tranh, Garuḍa được xem là biểu tượng của chiến binh mạnh mẽ tiêu diệt kẻ thù một cách nhanh chóng



Trong **Kṛṣṇa-avatar**, Garuḍa đóng một vai trò quan trọng giúp cho Kṛṣṇa và Satyabhama giết chết Narakasura. Trọng dịp khác, Thượng Đế **Hari** (Viṣṇu) cỡi trên Garuḍa đến cứu các tín đồ voi Gajrendra. Truyền thuyết nói rằng khi cánh của Garuḍa tung bay sẽ tụng kinh Vệ Đà



Thần Chú tán tụng Garuḍa là:

Oṃ_ Tat puruṣāya vid mahe
Suvarṇa-pakṣāya dhī mahi
Thanno garuḍaḥ prachodayath
Oṃ_ Hrīṃ Hrūṃ hrīṃ hrīṃ bhirundayai svāhā

_Theo Phật Giáo thì Garuḍa là loài chim Thần cư ngụ trên cái cây to lớn của bốn thiên hạ, bắt Rồng làm thức ăn. Y theo sự ghi chép của Phật Điển thì đôi cánh của Ca Lâu La do đan kết mọi vật báu mà thành, cho nên xưng là Kim Sí Điểu hoặc Diệu Sí Điểu. Loài chim này có thân thể rất lớn, khi giương mở hai cánh, rộng hơn ngàn dặm, thậm chí lớn đến hàng trăm vạn dặm. Loài chim này là một trong tám Đại Bộ Chúng, cùng với Trời, Rồng, A Tu La…. cùng ngồi với nhau dưới Tòa nghe Đức Phật nói Pháp.



.)**Thám Huyền Ký 2** nói là: "Ca Lưu La, tên gọi mới là Yết Lộ Trà. Đây là **Diệu Sí Điểu**, cánh của chim có màu của mọi loại báu trang nghiêm, chẳng phải chỉ có vàng"

.)**Câu Xá Quang Ký 8** nói là: "Yết Lộ Trà là **Đỉnh Anh** (chỗ gồ lên trên đỉnh đầu), hoặc có tên gọi là **Tô Bát Lạt Ni** (Suparṇi) tức là **Diệu Sí**. Xưa nói là **Sí Kim Điểu** chẳng phải là chỗ thấy chính đúng vậy"

.)Kinh **Hải Long Vương** ghi nhận là: "Loài chim này có hai cánh cách nhau 360 vạn dặm, chỉ dùng một chân dung chứa cả cõi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa)"

.)Phần bên dưới của **Pháp Hoa Văn Cú 2** nói rằng: "Ca Lâu La là **Kim Sí** có cánh màu vàng, ở trên cái cây to lớn của bốn thiên hạ, hai cánh cách nhau 360 vạn dặm"

.)Kinh Luật Dị Tướng, **quyển 49** nói là: "Gió được quạt ra từ loài chim này, nếu vào mắt người thì người ấy bị mất ánh sáng (bị mù)".

.)**Quán Phật Tam Muội Hải Kinh, quyển 1** ghi chép là: "Loài chim này do nghiệp báo cho nên được các gió, nếu vào mắt người thì người ấy bị mất ánh sáng"

Kinh này lại nói rằng: "Lại Kim Sí Điểu có tên gọi chính đúng là **Ca Lâu La Vương** ở trong loài chim sung sướng được tự tại. Do nghiệp báo nên loài chim này ăn các Rồng. Ở **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa:Nam Thiệm Bộ Châu) một ngày ăn một Long Vương với 500 con Rồng nhỏ, ngày hôm sau ở **Phất Bà Đề** (Pūrva-videha:Đông Thắng Thân Châu) ăn một Long Vương với 500 con Rồng nhỏ, ngày thứ ba lại ở **Cù Gia Ni** (Aparagodānīya:Tây Ngưu Hóa Châu) ăn một Long Vương với 500 con Rồng nhỏ, ngày thứ tư ở **Uất Đan Thiền Việt** (Uttara-kuru:Bắc Câu Lô Châu) ăn một Long Vương với 500 con Rồng nhỏ…. Khi giáp vòng hết thì trở lại chỗ ban đầu, trải qua tám ngàn tuổi thời loài chim này hiện ra tướng bị chết"

.)Bồ Tát Tòng Đâu Suất Thiên Giáng Thần Mẫu Thai Thuyết Quảng Phổ Kinh, quyển 7 lại ghi rằng: "Kim Sí Điểu Vương có thân dài tám ngàn do tuần, hai cánh, mỗi cánh dài bốn ngàn do tuần, dùng Rồng làm thức ăn"

.)Trường A Hàm Kinh, quyển 19 nêu rõ: "Có bốn loại Kim Sí Điểu sinh từ trứng, sinh từ thai, sinh từ ẩm ướt, sinh hóa sinh. Kim Sí Điểu từ trứng sinh có thể ăn Rồng từ trứng sinh. Kim Sí Điểu từ thai sinh có thể ăn Rồng từ thai sinh, từ trứng sinh. Kim Sí Điểu từ ẩm ướt sinh có thể ăn Rồng từ ẩm ướt sinh, từ trứng sinh, từ thai sinh. Kim Sí Điểu từ hóa sinh có thể ăn Rồng từ hóa sinh và các loại Rồng khác".

.)Kinh **Niết Bàn** nói là: "Loài chim này ăn hết bảy báu của loài **Long Ngư**"

.)Kinh **Tăng Nhất** ghi nhận là: "Một ngày một Long Vương lớn với 500 con Rồng nhỏ, giáp vòng đến bốn Thiên Hạ rồi trở lại chỗ ban đầu theo thứ tự mà ăn, Khi mệnh chung thời các loài Rồng phun ra chất độc nên chẳng thể ăn được, bị lửa đói thiêu đốt, rung động từ cái cánh thẳng đến bên dưới đến bờ mé của Phong Luân, bị gió thổi nên quay trở lại bên trên, cứ đi rồi quay trở lại bảy lần, không có chỗ dùng chân, liền lên trên đỉnh núi Kim Cương Luân chịu chết. Do ăn các loài Rồng nên khí độc trong thân thịt phát ra lửa tự thiêu đốt. **Nan Đà Long Vương** (Nanda-nāga-rāja) sợ thiêu đốt núi báu nên tuôn mưa dập lửa, tthân thịt tiêu tan chỉ còn lại trái tim thuần màu Lưu Ly xanh. **Luân Vương** lấy được nó thì dùng làm châu báu, **Đế Thích** có được nó thì làm viên ngọc giắt trong búi tóc"

_Trong truyền thuyết của Phật Giáo. Do Ca Lâu La dùng Rồng làm thức ăn cho nên loài chim này là khắc tinh của loài Rồng. Vì Ca Lâu La cùng với loài Rồng đều kính sợ Phật Pháp, nhân đây ngay lúc Rồng bị móng vuốt của Ca Lâu La chụp bắt, nếu Rồng dùng áo Cà Sa của Tăng Nhân phủ lên thân thì Ca Lâu La liền chẳng dám bắt ăn

_Trong các Kinh Điển Đại Thừa, hình tượng của loài chim này phần nhiều là mô phỏng tư thế bắt các loài Rồng để làm thức ăn, hoặc là thân người đầu chim







_Do tính cách dũng mãnh của Ca Lâu La (Garuḍa) nên Mật Tông dùng Tôn này tượng trưng cho Tâm Bồ Đề dũng kiện.

Lại có thuyết cho rằng Ca Lâu La là Hóa Thân của **Phạm Thiên** (Brahma), **Tỳ Nữu Thiên** (Viṣṇu), **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara hay Śiva). Hoặc nói là Hóa Thân của Bồ Tát **Văn Thù Sư Lợi** (Maṃjuśrī)

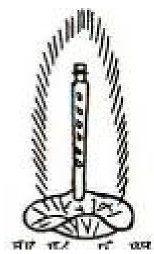
_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại phương Nam của **Ngoại Kim Cương Bộ Viện** có xếp bày vị trí của Ca Lâu La và các quyến thuộc

Tôn Hình: Thân người đầu chim có hai cánh chim sau lưng, màu vàng ròng, hai tay cầm nắm các con Rồng.

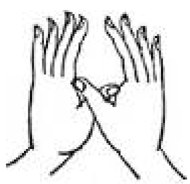


Chữ chủng tử là: GA (𑖐)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (ống sáo).



Tướng Ấn là: **Ca Lâu La Ấn**, lại gọi là Kim Xí Điểu Vương Ấn. Hai ngón cái giao quấn nhau, giương mở hai bàn tay như thế xoải cánh, kết hình của Kim Xí Điểu, động ba lần như dạng bay.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖎𑖿𑖬𑖰𑖢 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ KṢIPA SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖼 𑖢𑖎𑖿𑖬 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ PAKṢA SVĀHĀ

.)Ca Lâu La Nam (Garuḍa):

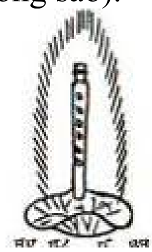
Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, thân người đầu chim, trương cánh, thổi sáo (hình bên trái)



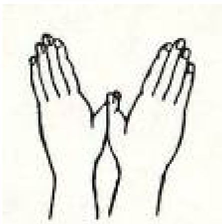


Chữ chủng tử là: GA (ग)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (ống sáo).



Tướng Ấn là: Ca Lâu La Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ क्षिप स्वाहा

OṂ_ KṢIPA SVĀHĀ

Hay ॐ पक्ष स्वाहा

OṂ_ PAKṢA SVĀHĀ

.)Ca Lâu La Nữ (Garuḍī):

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, thân người đầu chim, trương cánh, cầm vỏ ốc (Pháp Loa) nhìn ngó thổi loa (hình bên phải)



Chữ chủng tử là: GA (𑖐)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (Pháp Loa Bối:vỏ sò).



Tướng Ấn là: Ca Lâu La Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖎𑖿𑖬𑖰𑖢 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ KṢIPA SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖼 𑖢𑖎𑖿𑖬 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ PAKṢA SVĀHĀ

_Kinh **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Đại Giáo Vương, Phẩm Kim Sí Điểu Vương** ghi chép là:

Bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật lại quán cung Trời Tịnh Cư rồi bảo Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân Bồ Tát rằng: "Văn Thù Sư Lợi ! Ở trong Đại Giáo của ông là điều mà tất cả Như Lai đã khen ngợi tùy vui, thuận Đại Chân Ngôn Hạnh, khiến cho tất cả hữu tình nhập vào Tam Muội Gia Đàn, học thông năm loại Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không. Do biết điều này cho nên thông đạt ngôn ngữ của tất cả hữu tình, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, thành được Kim Sí Điểu Vương Chân Ngôn Hạnh, dùng thần thông ngộ phương tiện thông đạt này mà đều được thành tựu tất cả Pháp của Thế Gian và Xuất Thế Gian, cho đến thảy đều thông đạt tất cả Pháp của thân Bàng Sinh với các Kim Sí Điểu Vương"

Lúc đó ở trong Bồ Tát Đại Chúng, Kim Sí Điểu Vương cùng với vô lượng Kim Sí Điểu vây quanh, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến trước mặt Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ Tát,

cúi đầu mặt lễ bàn chân, quỳ dài chắp tay rồi bạch với Văn Thù Sư Lợi rằng:”Tôi trụ ở địa vị Bồ Tát, đối với Giáo Vương này, vì lợi ích an vui cho các hữu tình cho nên nói một trăm loại Pháp thời quá khứ. Nguyện xin Đại Bồ Tát tùy vui hứa cho nói”

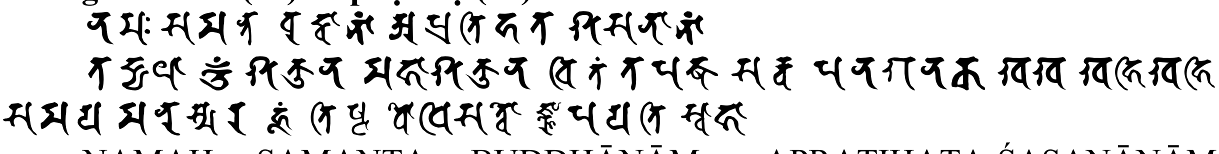
Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: “Vì lợi ích của hữu tình nên nay ông hãy nói”

Thời Kim Sí Điểu Vương dùng sức uy thần của Đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, vui mừng hớn hở.

Văn Thù Sư Lợi nói:’Ông nên tuyên nói một trăm loại Pháp thời quá khứ kèm với Pháp Yếu sâu xa bí mật ấy”

Bấy giờ Kim Sí Điểu Vương liền nói Chân Ngôn là:

Nẵng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A bát-la để (2) hạ đa (3) xả tát na nam (4) đát nễ dã-tha (5) Án xả cú na (6) ma hạ xả cú na (7) vĩ đán đa (8) bả khất-xoa (9) tát phộc bả nẵng (10) nga na ca (11) khư khư, khư hứ khư hứ (12) tam ma dã (13) ma nô tát-ma la (14) hồng, để sắt-xá (15) mạo địa tát đát-vũ (16) chỉ-nương bả dã để (17) sa-phộc hạ (18)



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ APRATIHATA-ŚASANĀNĀṂ TADYATHĀ: OṂ _ ŚAKUNA MAHĀŚAKUNA VITAṂTA-PAKṢA _ SARVA PANAGANAKA KHAKHA KHAHI KHAHI SAMAYAM-ANUSMARA HŪṂ TIṢṬA BODHISATVO JÑĀPAYATI SVĀHĀ

Khi Kim Sí Điểu Vương nói Chân Ngôn xong.

Tiếp sẽ nói một trăm loại Pháp thời quá khứ: Triệu Rồng, sai khiến Rồng, bắt Rồng. Hoặc có người bị Rồng cắn với người chẳng bị cắn đều khiến cho Thần sáng tỏ, nói tất cả việc quá khứ, vị lai. Triệu rắn, đánh phạt rắn lấy chất độc, bắt diễn tuồng mà chẳng bị trúng độc, triệu tất cả độc, hoặc vừa xứng ý niệm, hoặc ý tác Pháp…

Người trì tụng thọ Trai Giới, nhịn ăn ba ngày, hoặc nhịn ăn 12 ngày. Ở bên cạnh bờ sông dùng phấn ngũ sắc xây dựng Mạn Trà La (Đàn) rộng sáu khuỷu tay, vẽ tám đóa hoa sen tám cánh, chính giữa vẽ **Đức Phật** với tướng Thuyết Pháp, bên phải Đức Phật dùng phấn vẽ **Đại Thánh Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** với tướng chắp tay chiêm ngưỡng Đức Phật, bên trái Đức Phật vẽ **Na La Diên Thiên** với bốn tay cầm bốn loại khí trượng tiêu biểu, gần Na Na Diên vẽ **Kim Sí Điểu Vương** với hình khủng bố rất đáng sợ, gần Kim Xí Điểu Vương vẽ **A Lô Nõa Thiên**, ở phía sau Đại Thánh Văn Thù vẽ **Vô Tuệ Bồ Tát** với **Thiện Tài Đồng Tử**, **Tu Bồ Đề** chắp tay an trụ. Như vậy gọi là **Trung Đàn**

Tiếp **Ngoại Viện** ở phía Đông của Đàn, dùng tro màu trắng vẽ chày Kim Cương, bên trái (phía Nam) dùng bụi than vẽ cây kiếm, bên phía Bắc dùng màu vàng vẽ cây gậy, bên phía Tây dùng màu đỏ vẽ sợi dây. Như vậy **Ngoại Viện** an trí Mạn Trà La

Vẽ xong, bốn bên nên dùng ba loại thức ăn có vị ngọt để cúng dường.

Ở trên Đàn ấy, rải mọi thứ hoa với mọi thứ hương xoa bôi, hương bột và để Át Già, Hiền Bình chứa đầy nước thơm, đốt An Tất Hương, tụng **Căn Bản Chân Ngôn** thỉnh tất cả Thánh Chúng. Đối trước Đàn này nên làm cái lò Hộ Ma, dùng than không có khói nhóm lửa, đem gỗ Khư Đà La ném vào. Đối với tất cả hữu tình khởi Tâm Đại Từ, làm tòa Rồng để ngồi. Dùng cây Xà Thích tẩm ba vị ngọt (Lạc, Mật, Bơ) rồi ném vào trong lò 1008 biến, liền thành tựu tướng thấy, tức có chúng rắn đi đến. Liền hiến Át Già, nên biết thành tựu Pháp Chân Ngôn. Nên tụng Chân Ngôn, tác lời Nguyện là:”*Nguyen cho Pháp Chân Ngôn được Tất Địa*”. Liền tụng Căn Bản Chân Ngôn phát khiển. Dùng nước Át Già, tùy tụng Chân Ngôn, trước tiên rưới lên hết thảy thức ăn

uống, hương hoa cúng dường rồi ném vào trong nước sông. Từ đây về sau, mọi việc làm: Câu Triệu, cấm chỉ tất cả loài độc, tùy tụng thành tựu".

_Trong Pháp Tu của Mật Giáo, dùng **Ca Lâu La Vương** (Garuḍa-rāja) làm Bản Tôn, là Bí Pháp Tu để trừ bệnh hoạn, ngừng dứt mưa gió, tránh sấm sét dữ….

Y theo **Ca Lâu La** và **Chư Thiên Mật Ngôn Kinh** ghi chép: Phàm trì Pháp Môn này thì trên Trời dưới Trời đều chẳng thể vượt qua.. không chỉ mọi người, oán địch và Quỷ Thần chẳng dám gần, lại là bậc Tối Thắng trong các Pháp thành tựu Tất Địa.

Căn cứ trong **Giác Thiền Sao Ca Lâu La Pháp Chư Quỹ** ghi chép: Tu Pháp này có thể được lợi ích ở thời Mạt Pháp, nhanh chóng linh nghiệm, được Công Đức của tất cả **Bảo Điểu Vương Tâm Thành Bảo Châu**, Hành Nhân được báu ở cung Rồng, được Cam Lộ ở trên Trời, được Tài Bảo, giáng mưa tuyết, Long Vương đến, trừ nạn rắn cắn, dẹp tan quân trận, điều phục oan gia, Pháp kính yêu (kính ái pháp), trừ bệnh, kêu gọi người ở xa, triệu các loài Cá….

.)**Bạch Bảo Khẩu Sao, quyển 150, Pháp Kim Sí Điểu** nói, nếu muốn tu Pháp Tăng Ích của Ca Lâu La, nên như Pháp sau đây đã nói: "A Vĩ Xa Pháp nói rằng: xoa lên một cái đàn nhỏ, đặt Hương Hoa, thức ăn uống, tụng Chân Ngôn 108 biến, thì hiện thân, ắt nói lấy thuốc sống lâu, viên ngọc báu Như Ý trong cung Rồng.

Phẩm Điểu Vương nói rằng: "Cánh chim công làm Hộ Ma thì đầy đủ Tài Bảo. Lại nói, nếu cầu vàng nên đốt lông cánh của con chim".



THƯỜNG CẦU LỢI ĐỒNG NỮ

Thường Cầu Lợi Đồng Nữ, tên Phạn là **Jaṅguli**, dịch âm là Thường Cù Lợi, Nhương Ngu Lê, Nhương Ngu Lý Duệ. Dịch nghĩa là kiến thức về chất độc. Lại xưng là Thường Cù Lợi Độc Nữ, Nhương Ngu Lợi Đồng Nữ, Thường Cù Lợi Đồng Tử.

Tôn này là một Nữ Thần của Phật Giáo cổ đại, được xem là một **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của Bồ Tát **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara) hay trừ khử, nhiếp hóa loài trùng độc và được xếp vào Thiên Bộ. Bộ tộc Shaman trong các khu vực Bắc Ấn Độ và Nepal rất sùng kính Tôn này và xem Ngài là một biểu tượng để loại bỏ các chất độc từ người bị rắn cắn. Người dân Bengal cổ đại rất tôn phụng Nữ Thần Rắn **Manasa** và còn xưng gọi Nữ Thần này là **Jaṅguli, Viṣahari, Padmavati**



Biểu tượng chính của Thường Cầu Lợi Đồng Nữ là lông đuôi chim công (hoặc hoa sen xanh) và con rắn mang ý nghĩa nhiếp hóa các loại độc đem lại sự tốt lành.

_Kinh **Độc Nữ** nói là: "Thường Cù Lợi tuy hiện thân người nữ nhưng thật chẳng phải là nữ. Này Thiện Nam Tử! Chư Phật Bồ Tát có Trí Tuệ Thần Thông hay vì chúng sinh hiện mọi loại thân nhiếp hóa các chất độc"

_Kinh **Quán Tự Tại Bồ Tát Hóa Thân Nhương Ngu Lợi Đồng Nữ Tiêu Phục Độc Hại Đà La Ni** ghi chép rằng:

Bấy giờ Đức Như Lai bảo với Đại Chúng: "Ta nhớ về thời xa xưa khi trụ ở núi Tuyết, Ta di dạo về phương Bắc đến núi Hương Túy thì gặp một **Đồng Nữ** (Kamārī) có trăm Phước Tướng tốt đẹp trang nghiêm thân, khoác áo da hươu, dùng rắn độc làm Lưu Ly, cùng các trùng độc, cọp, sói, sư tử trước sau vây quanh thường làm bạn lữ, uống nước quả độc, ăn Thảo Quả độc. Đồng Nữ ấy thấy Ta thì nói rằng*: "Nhân Giả ! Tôi tuyên nói một Đại Chân Ngôn hay trừ tất cả các độc của Thế Gian. Nếu có người nghe Chú này và niệm tên của tôi thì chẳng bị tất cả các độc làm hại"*

HÌNH TƯỢNG CỦA THƯỜNG CẦU LỢI ĐỒNG NỮ

_**Thành Tựu Pháp** nói là: "Thân màu xanh lục, dạng như Long Vương có đủ 7 cái đầu, đỉnh đầu có hào quang tròn, nên tưởng bốn tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm Tam Cổ Xoa, tay thứ hai cầm 5 sợi lông đuôi của chim công. Bên trái:tay thứ nhất cầm con rắn đen, tay thứ hai tác Thí Vô Úy"



穰麌梨童女
（別尊雜記卷四十九）



穰麌梨童女
（別尊雜記卷四十九）

_Tạng Truyền Phật Giáo đôi khi ghi nhận **Thường Cầu Lợi Đồng Nữ** như là một Tārā và xưng gọi là **Jaṅguli-tārā**:

.)Thân màu xanh có 4 cánh tay, lõa thể nửa thân trên, đầu đội mão có 7 con rắn, ngồi trên tòa sen. Bên phải: tay thứ nhất cầm Tam Kích Xoa, tay thứ hai cầm con rắn độc. Bên trái: tay thứ nhất cầm lông đuôi chim công, tay thứ hai tác Thì Vô Úy



穰麌梨童女（竹巴噶舉傳承）

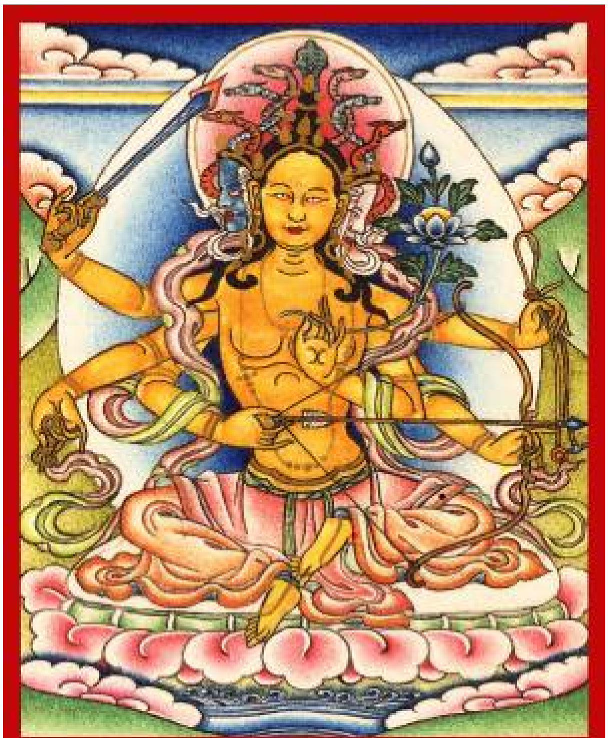


穰麌梨童女 (Janguli)

.) Tôn hình màu trắng có một mặt 4 tay, hai tay chính đang đánh đàn lute, tay phải thứ hai cầm con rắn trắng, tay trái thứ hai tác Thí Vô Úy



.)Tôn hình màu vàng có ba mặt, mặt chính giữa màu vàng, mặt bên phải màu xanh, mặt bên trái màu trắng hồng. Đầu đội mão có 7 con rắn. Thân có 6 cánh tay, bên phải: Tay thứ nhất cầm cây kiếm, tay thứ hai cầm chày Kim Cương Tam Cổ, tay thứ ba cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen xanh, tay thứ hai cầm sợi dây, tay thứ ba cầm cây cung (hai tay thứ ba làm thế giương cung bắn tên)



穰麌梨童女（竹巴噶舉傳承）



觀音化身－童女穰麌梨（Janguli）

THƯỜNG CẦU LỢI ĐỒNG NỮ ĐÀ LA NI

_Phật Thuyết Nhương Ngu Lợi Đồng Nữ Kinh ghi chép rằng:

Khi ấy Đồng Nữ vì Ta diễn nói. Ta nghe Đồng Nữ ấy nói xong, thường trì Pháp này nhiêu ích Hữu Tình. Nay Ta sẽ nói Chân Ngôn là:

1_ Đát nễ-dã tha: Án, nhất lý, mật lý đế
2_ Để lý mật đế
3_ Nhất lý , để lý, mật đế
4_ Nỗ mê, nỗ ma lý duệ
5_ Nột tỳ nột sai lý duệ
6_ Đắc yết la ni
7_ Phộc yết la ni
8_ Yết thấp-nhĩ lệ
9_ Yết thấp-nhĩ la mạo khất-đế
10_ Ác kỳ
11_ Ác già ninh
12_ Ác già nẵng già ninh
13_ Nhất lý duệ
14_ Nhất lý, nhất lý duệ
15_ A khư dạ duệ
16_ Thuỷ bá dạ duệ
17_ Thấp-phệ đế
18_ Thấp-phệ đa đốn nãi

19_ A nẵng nỗ, la khất-sái, sa phộc ha

TADYATHĀ: IRI MITE, TIRI MITE, IRI TIRI MITE, NU ME, NU MĀRĪYE, DŪŚI DUŚCĀRĪYE, TAK-KARAṆI, VAK-KARAṆI, KAŚMILE KAŚMILA MUKTE, AGHE AGAṆE , AGAṆA GAṆE, IRĪYE IRĪ IRĪYE, Ā-KĀYĀYE UPĀYĀYE, ŚVETE ŚVETA TUṆḌE, ANANU RAKṢE SVĀHĀ

Đức Phật bảo: "Này các Bật Sô ! Nếu có người chỉ một lần nghe qua Đà La Ni này thì 7 năm sau đó sẽ mau lìa tất cả các độc.

Nếu thường thọ trì thì tất cả trùng độc với các thuốc độc đều chẳng thể gây hại. Nếu có rắn độc đến cắn người này thì đầu của nó bị bể thành bảy mảnh giống như Lan Hương Sao.

Nếu có thọ trì Chân Ngôn Pháp này thì nên dùng vật màu trắng. Trước tiên cúng dường Thầy, sau đó thọ trì ắt được thành tựu.

Bật Sô nên biết. Đừng ở trước loài rắn mà xưng tụng Minh này vì rắn đó sẽ bị chết. Nên biết dùng Chân Ngôn này gia trì vào con rắn chết thì nó sẽ được sống lại. Chân Ngôn là:

1_ Đát nễ-dã tha
2_ Án, nhất la
3_ Vĩ la
4_ Chước cú, phộc cú
5_ Cú noa, cú nãi để
6_ Báo noa, báo nãi để, nãnh củ lỗ noa
7_ Nãnh củ lỗ nãi để
8_ Phổ tra la hề
9_ Phổ tra noản noa la hề
10_ La bả la hề
11_ Tát bả tra noản noa la hề
12_ Nẵng nga la hề
13_ Nẵng nga tra noản noa la hề
14_ A tỳ sai lễ
15_ Nại la ni sái
16_ Thức đế thức đa phộc ninh
17_ Mãn đá lê
18_ Y lý lê
19_ Hạ lê hạ lê
20_ Đản nãi đản nãi
21_ Đát tai
22_ Sa-phổ tra, sa-phổ tra, sa-phộc hạ

TADYATHĀ: OṂ_ ILĀ VELLĀ, CAKO VAKO, KOḌA KOḌĪTI, PHAṆA PHAṆĪTI, NIKROḌA NIKROḌĪTI, PHUṬA RAHĪ, PHUṬA DAṆḌĀ RAHĪ, SARPA RAHĪ, SARPA ṬAL DAṆḌA RAHĪ, ACCHEDALE, KṢALA VIṢE ŚITE ŚITA VANE, VĀNTĀLE, IRILE HARILE, HARE HARE, MILI MILI, HALALE, TAḌE TAḌE, TAṬE TAṬE, SPHUṬA SPHUṬA SVĀHĀ

Khi Đức Thế Tôn nói Đà La Ni này xong lại bảo các Bật Sô: "Chân Ngôn này của Ta hay giải tất cả các độc của Thế Gian. Mỵ độc, trùng độc, thuốc độc… chẳng thể gây hại Nếu có người bị trúng độc, dùng Chân Ngôn này gia trì đều được tiêu trừ.

Này các Bật Sô ! **Nhương Ngu Lê Đà La Ni** (Jaṅguli kumārī-dhāraṇī) này đã nói ở trong Đại Hội của tất cả Như Lai là chân thật chẳng hư chẳng điên đảo. Là Như Ngữ, Bất Dị Ngữ. Thuốc độc, Chú độc, trùng độc, Mỵ độc muốn đến gây hại thì hay khiến

cho chúng quay về chỗ cũ. Sai khiến các độc vào nước, vào lửa, vào cột trụ, vào vách tường, cũng khiến vào đất. Hết thảy các độc khiến chẳng thành độc, đều hay trừ diệt.

Nếu người thọ trì Chân Ngôn này, một ngày tụng một biến . Chẳng những chỉ diệt các độc của Thế Gian mà còn trừ diệt được ba Độc (Tham, Sân, Si) trong thân.

Lúc ấy Đức Như Lai lại nói **Nhương Ngu Lê Đồng Nữ Tùy Tâm Chân Ngôn** với Pháp Thành Tựu. Người tu hành muốn thành tựu Pháp này. Trước hết đoạn ngũ tân (Hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ) cũng chẳng an muối, chẳng ăn dầu, đoạn ngữ (Ngưng nói năng) ở nơi thanh tịnh, ba thời tắm gội, ba thời thay áo, kết Ấn tụng **Tùy Tâm Chân Ngôn** mãn một vạn biến ắt hành Pháp thành tựu. Lại làm tất cả việc ắt được thành tựu.

Tùy Tâm Chân Ngôn là:

1_ Án, a tỷ nễ hạ phệ

2_ Thú la nễ hạ-phệ

3_ Phộc-nhật la ca duệ

4_ Cật-la sa, cật-la sa

5_ Nhập-phộc la, nhập-phộc la

6_ Ma hạ ca lý

7_ Ma hạ dụ kỳ

8_ Thấp-phộc lý duệ

9_ Án, phả tai

10_ Phổ tra la hề, sa-phộc hạ

11_ Hồng, phát tra, sa-phộc hạ

OṂ _ ASI JIHVE, ŚŪLA JIHVE, VAJRA-KĀYE, GRĀSA GRĀSA, JVALA JVALA, MAHĀ-KĀRĪ, MAHĀ-YOGEŚVARĪYE

OṂ _ PHAṬAI PHUṬA RAHĪ SVĀHĀ

HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

……………………….

Lại có Pháp. Ở trước mặt người bị chích đốt, kết Căn Bản Ấn, tụng Nhất Tự Chân Ngôn **chữ Hồng** (: HŪṂ) hoặc Nhất Tự Chân Ngôn **Chữ Bộc** (:_BHŪḤ) gia trì cũng hay trừ độc

Nếu người thường trì **Nhương Ngu Lê Pháp** này sẽ hay diệt tất cả các độc trong Thế Gian, mọi sự mong cầu không có gì không vừa lòng.

RỒNG

Rồng, tiếng Phạn **Nāga** (dịch âm là Na Già, Nẵng Nga) là dạng Thần Cách Hóa của **loài rắn** (Sarpa). Trong Thần Thoại Ấn Độ thì Rồng là loại **Bán Thần** mặt người đuôi rắn, có một ngàn chủng tộc do vợ của **Ca Diệp Ba** (Kāśyapa) là **Ca Đầu** (Kadru) sinh ra, sống ở dưới đất, hoặc sống trong **cung Rồng** (Pātāla) dưới mặt đất.

Loài Rồng được được xem là có quyền năng thần kỳ và sức mạnh vĩ đại. Thông thường chúng bị lầm lẫn với loài rắn, chủ yếu là rắn hổ mang, thân của chúng được mô tả giống như rắn, và chúng có thể hiện thành thân người nếu muốn. Rồng được chia thành 2 nhóm: ***nhóm sống trên đất*** (Dharaja) và ***nhóm sống dưới nước*** (jalaja). Nhóm Jalaja-Nāga sống trong sông ngòi và biển cả, trong khi đó nhóm Dharaja-Nāga được cho là sống trên đất liền.

Theo truyện kể của Ấn Độ thì Rồng đực và Rồng cái có thể giao phối với con người, nhưng giòng giống loại này rất thưa thớt và mong manh. Rồng rất dễ nổi giận và đam mê, hơi thở của chúng mang chất độc, ánh mắt của chúng gây ra sự chết chóc. Chúng là loài ăn thịt và thức ăn chủ yếu là ***ếch nhái***. Loài Rồng nhảy múa khi nghe nhạc, nhưng chúng không nhảy múa khi có **Garuḍa** (vì sợ loài chim cánh vàng này bắt lấy, ăn thịt) và khi có con người (vì xấu hổ). Truyền thuyết cho rằng **viên ngọc Rồng** (Long Châu) ngoài vẻ đẹp ra còn có năng lực ban cho các điều ước muốn, nếu những ai có được nó. Khi ở Thế Giới của con người thì loài Rồng ngủ dưới chân **Đồi Kiến.**

Người Ấn Độ thường tôn sùng, thờ cúng 9 vị Long Thần là: Ananta, Vāṣuki, Śeṣa, Padmanābha, Śaṅkhapāla, Dhṛta-rāṣṭra, Takṣaka, Kālika

Nghi lễ Ấn Độ giáo để cúng Rồng có tên gọi Nāga-Panchami. Vào ngày cúng bái thì phụ nữ có gia đình và thiếu nữ dậy sớm, gội đầu, sửa soạn vật cúng tế. Họ dâng lễ vật: sữa, cơm gạo, cá, thịt, rượu mạnh…đến **Đồi Kiến** và cầu nguyện ***Rắn chúa*** ban phước cho con cái, anh chị em và gia đình. Nếu không có Đồi Kiến ở gần thì họ dâng sữa và lễ vật lên các tôn tượng của rắn.

Thần Chú (Mantra) thường dùng để cúng bái 9 vị Long Thần này là:

Namaste deva deveśa

Namaste dhāraṇī-dhāra

Namaste sarva nāgendra

Namaste puruṣottama

Anantaṃ vāṣukiṃ śeṣaṃ padmanābhaṃ ca kambalaṃ śaṅkhapālaṃ dhṛta-rāṣṭraṃ takṣakaṃ kāliyaṃ tathā

Etāni nava nāmani nāgānāṃ ca mahātmanaṃ prataḥ kāle pathe nityaṃ sāyaṃ kāle viśeṣataha tasya viṣa bhayaṃ nāsti sarvata vijayi bhaveta

Thần Chú (Mantra) thường dùng để thỉnh triệu các vị Long Thần là:

Āgaccha Ananta deveśa tejorāśi jagat-pateḥ imāṃ mayā krutā pūjā gruhana pannageśvara

Āvāha-yāmi sarpeśa dvi-bhujaṃ pīta vāsasaṃ vīṇa panchaka samyuktaṃ sarvābharaṇa bhūṣitaṃ

Oṃ Vāṣuki āvāha-yāmi

Oṃ Takṣaka āvāha-yāmi

Oṃ Airāvata āvāha-yāmi

Oṃ Dhananjaya āvāha-yāmi

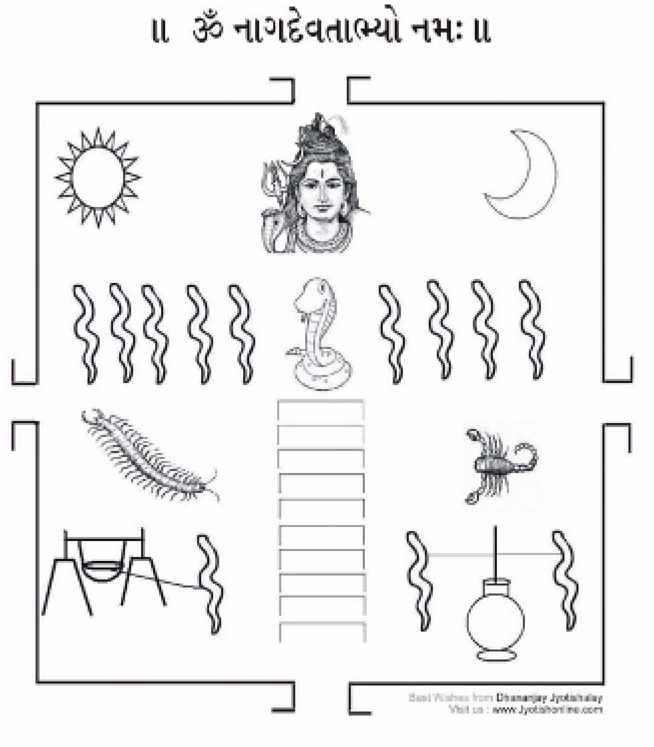
Oṃ Karkoṭaka āvāha-yāmi

Oṃ Yātudhāna āvāha-yāmi

Oṃ Mahā-nāga āvāha-yāmi
Oṃ Kālika āvāha-yāmi
Oṃ Ananta āvāha-yāmi

Ngoài ra còn có Thần Chú của tám vị Rồng cái là:
Oṃ pūḥ Ananta-mukhī svāhā
Oṃ pūḥ Karkoda-mukhī svāhā
Oṃ pūḥ Padminī (?padmavati) **svāhā**
Oṃ Kāla-jīhva pūḥ svāhā
Oṃ Mahā-padminī svāhā
Oṃ Vāṣukī-mukhī svāhā
Oṃ Huṃ huṃ Purvabhūpa-mukhī svāhā
Oṃ Śaṅkhani-vāyu-mukhī huṃ huṃ

Thần Chú căn bản của các vị Long Thần là:
Oṃ namo bhagavate Kāmarūpiṇe mahā-balāya nāgādhipataye svāhā



Xưa nay Ấn Độ có chủng tộc xưng là **Na Già**. Chủng tộc ấy có nhiều giòng giống khác nhau, chẳng phải là giống người **Nhã lợi An**, hiện nay di tản đến cư ngụ tại địa phương **A Tát Mật** (Assam) phía Đông Bắc Ấn Độ với vùng đất phía Tây Bắc Bộ của Miến Điện, sùng bái Rồng Rắn. Lại có tên gọi là **Long Thành** (Nāgapura), nay vẫn còn sống ở các vùng đất có liên quan đến việc Long Vương giáo hóa xa xưa. Hoặc Ý nói về chủng tộc Na Già quy y Phật Giáo.

Đôi khi từ **Nāga** thường được dùng như một hình dung từ về Đức Phật và A La Hán.

Như thế trong các trường hợp ghi nhận về Nāga, có rất nhiều sự lẫn lộn giữa các loại Nāga: loài vật siêu nhiên, loài rắn, và tên của bộ tộc Aryan. Tuy nhiên sự lẫn lộn này khó có thể làm sáng tỏ.

_ Theo Phật Giáo thì **Rồng** (Nāga) là một trong tám Bộ Chúng. Vị đứng đầu trong loài Rồng thì xưng là **Long Vương** (Nāga-rāja), hoặc **Long Thần** (Nāga-devatā), **Long Chủ** (Nāga-pati, hoặc Nāgādhipati), **Long Đế** (Nāgendra)

Thông thường nói **Rồng** là loài Quỷ có hình con rắn, sống ở trong nước (hoặc nói Rồng thuộc loài súc sinh), có đủ thần lực kêu mưa gọi gió, cũng là loài thủ hộ Phật Pháp.

Kinh Điển Phật Giáo ghi nhận việc liên quan đến loài Rồng rất nhiều và có vẽ mọi loại hình tượng của Long Vương.

_ Phẩm **Súc Sinh** trong Kinh **Chính Pháp Niệm Xứ, quyển 18** ghi nhận rằng: Long Vương được nhiếp vào loài súc sinh, là quả báo của người ngu si giận dữ. Chỗ ở của Long Vương gọi là **Hý Lạc Thành**, chia làm hai loại là **Pháp Hành Long Vương** và **Phi Pháp Hành Long Vương**

.) **Pháp Hành Long Vương:** có bảy đầu như các vị Long Vương của nhóm **Tượng Diện** (Hastin-mukha), **Bà Tu Cát** (Vāṣuki), **Đắc Xoa Xa** (Takṣaka), **Bạt Đà La** (Bhadra)….là loài ít có Tâm giận dữ, nghĩ nhớ Phước Đức, tùy thuận theo **Pháp Hành** cho nên chẳng bị khổ bởi cát nóng, dùng Tâm tốt lành, y theo Thời tuôn mưa khiến cho năm loại lúa đậu của Thế Gian được tươi tốt.

.) **Phi Pháp Hành Long Vương**: có Long Vương của nhóm **Ba La Ma Thê, Tỳ Mưu Lâm Bà, Ca La** (Kālika) chẳng thuận theo **pháp Hành**, thực hành Pháp chẳng tốt lành, chẳng kính trọng Sa Môn với Bà La Môn, thường bị khổ bởi cát nóng, dùng Tâm ác dấy lên mây mưa ác khiến cho tất cả năm loại lúa đậu đều bị hư hại.

_ Kinh **Tăng Hộ** ghi nhận: **Hải Long Vương** biến làm hình người để xuất gia tu hành, nhưng trong lúc ngủ thì chẳng thể ẩn hình mà hiện lại thân Rồng. Cho nên Đức Phật vì điều này mà nói Rồng vào lúc mới sinh ra, lúc chết, lúc giao cấu, lúc giận dữ, lúc ngủ say thời đều là hình gốc, chẳng thể hóa làm thân của loài khác

_ Phẩm **Diêm Phù Đề Châu** trong Kinh **Trường A Hàm, quyển 19** nói rằng: Long Vương ở Diêm Phù Đề (trừ **A Nậu Đạt Trì Long Vương** ra) có ba tai vạ:

1_ Các Rồng đều bị gió nóng, cát nóng bám dính thân, nhận chịu sự khổ não thiêu đốt da thịt xương tủy

2_ Trong các Long Cung, gió ác thổi mạnh thời các Rồng bị mất quần áo, vật trang sức bảy báu, tự hiện thân Rồng chịu khổ não

3_ Khi các Rồng ở trong Long Cung cùng vui hoan lạc thời chim cánh vàng lớn nhỏ bay vào cung chụp bắt ăn thịt, các Rồng rất sợ thường ôm nhiệt não.

_ Phẩm **Long Điểu** trong Kinh **Trường A Hàm, quyển 19** ghi rằng: Rồng có bốn loại là: Rồng sinh từ trứng (Aṇḍaja-yoni: noãn sinh), Rồng sinh từ bào thai (jarāyujā-yoni: thai sinh), Rồng sinh từ hơi ẩm thấp của đất ẩm ướt (Saṃsvedajā-yoni: thấp sinh), Rồng sinh từ sự biến hóa (upapādukā-yoni: hóa sinh) bị bốn loại Kim Sí Điểu (Garuḍa) sinh ra theo bốn cách: trứng, bào thai, hơi ẩm thấp, biến hóa…ăn nuốt.

_ Kinh **A Sá Năng Chi** và **Phật Thuyết Tỳ Sa Môn Thiên Vương Kinh** ghi nhận rằng: Thế giới ở phương Tây có vị chủ loài Rồng lớn (Mahā-nāgādhiphati: Đại Long Chủ) tên là **Vĩ Lỗ Bạc Xoa** (Virūpākṣa: Quảng Mục Thiên Vương, hay Quảng Mục Long Vương). Ngài có đại uy đức, tỏa ánh sáng chiếu xa, thống lãnh quyến thuộc là chúng **Rồng lớn** (Mahā-nāga: Đại Long) tôn kính vây quanh, ca múa, hát xướng, thọ nhận khoái lạc.

_ Hệ thống Mật Giáo ghi nhận: loài Rồng thuộc hàng **Thủy Thiên** (Varuṇa-deva), chủ của sông nước, là hàng Thần thủ hộ ở phương Tây. Tôn tượng được phụng thờ là thân người, trên đầu có 7 đầu Rồng. **Thủy Thiên Phi** hiện thân người, trên đầu có 9 đầu Rồng. Quyến thuộc của Thủy Thiên hiện thân người, trên đầu có 8 đầu Rồng

_ Kinh **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương, quyển Thượng** ghi rằng: Long Vương hoặc đi trên mặt đất, hoặc thường ở trong hư không, hoặc luôn y theo **núi Diệu Cao** (Sumeru: Núi Tu Di), hoặc trụ ở trong nước…Hoặc Long Vương có một đầu, hai đầu cho đến nhiều đầu. Hoặc Long Vương không có chân, hoặc có hai chân, bốn chân cho đến nhiều chân.

_ Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập, quyển 2 ghi rằng: "Rồng có bốn loại

1_ Rồng giữ cung điện cõi Trời khiến cho chẳng bị rơi xuống. Trên nóc nhà của nhân gian thường làm tượng Rồng như thế

2_ Rồng kéo mây tuôn mưa, lợi ích cho nhân gian

3_ **Địa Long** (Rồng đất) khơi sông mở ngòi

4_ Rồng canh giữ kho tàng, giữ gìn kho tàng của Chuyển Luân Vương, người có Phước lớn".

Lại nói rằng: "Có bốn nhân duyên rơi vào trong loài Rồng:

1_ Bố thí nhiều

2_ Hay giận dữ

3_ Khinh mạn người khác

4_ Tự kiêu ngạo"

_ Phẩm **Thụ Quyết thứ chín** trong Kinh **Hải Long Vương, quyển 2** ghi rằng:

Lúc đó Hải Long Vương bạch Phật rằng: "Con từ **Kiếp Sơ** (Kalpāgra) trụ dừng ở biển lớn, từ khi Đức Như Lai **Câu Lâu Tần** ra đời đến nay thì trong biển lớn: vợ con, quyến thuộc của các vị Rồng có rất ít. Nay vợ con, quyến thuộc, con cháu dòng dõi của chúng **Rồng biển** (hải long) rất nhiều. Giả sử muốn tính đếm cũng chẳng thể cùng tận. Bạch Đức Thế Tôn! Như điều này, vì sao có sự biến đổi lạ lùng như thế?"

Đức Phật bảo Long Vương: "Kẻ ấy đối với Phật Pháp, xuất gia, phụng Luật, thực hành Giới, chẳng đủ hiện **Giới Thành Tựu**, trái ngược với Giới, vi phạm Hạnh, chẳng buông bỏ Trực Kiến ***chẳng rơi vào Địa Ngục***. Như loại này, sau khi chết đều sinh trong loài Rồng"

Đức Phật bảo Long Vương: "Thời Phật **Câu Lâu Tần** có 98 ức người tại gia (cư gia) xuất gia, trái ngược với Cấm Giới đều sanh vào trong loài Rồng. Thời Phật Câu Na Hàm Mâu Ni có 80 ức người tại gia (cư gia) xuất gia, huỷ Giới, buông thả Tâm, sau khi hết thọ mạng đều sinh vào trong loài Rồng.

Thời Phật **Ca Diệp** có 64 ức người tại gia (cư gia) xuất gia, phạm Giới đều sanh vào trong loài Rồng. Ở trong thời của Ta, có 990 ức người tại gia (cư gia) xuất gia, vì có nhiều sự đấu tranh, gom tập rất nhiều Hạnh ***chê bai Kinh Giới…*** sau khi chết đều vào trong loài Rồng, cho nên nay mới có sự sinh sôi như thế"

Đức Phật bảo Long Vương: " Do điều đấy, cho nên ở trong biển lớn: chẳng thể tính đếm được vợ con quyến thuộc của các vị Rồng. Sau khi Ta vào Niết Bàn (Bát Niết Bàn), có rất nhiều Tỳ Kheo ác, Ưu Bà Tắc ác, trái ngược, đánh mất Cấm Giới sẽ sinh vào trong loài Rồng hoặc bị rơi vào Địa Ngục".

_ Phẩm **Tựa** trong Kinh **Pháp Hoa, quyển 1** nêu ra tám vị Đại Long Vương thủ hộ Phật Pháp là:

1. **Nan Đà Long Vương** (Nanda), dịch ý là Hoan Hỷ Long Vương, chính là vị đứng đầu (Thượng Thủ) của Hộ Pháp Long Thần.

2. **Ô Ba Nan Đà Long Vương** (Upananda), dịch ý là Hiền Hỷ Long Vương, lại xưng là Ưu Ba Nan Đà Long Vương, cùng với Nan Đà Long Vương là anh em.

3. **Bà Già La Long Vương** (Sāgara), dịch ý là Hải Long Vương, lại xưng là Sa Kiệt La Long Vương, là Bản Tôn của Pháp cầu mưa từ xưa đến nay cũng là một trong 28 Bộ Chúng của Quán Âm.

4. **Hòa Tu Cát Long Vương** (Vāṣuki), dịch ý là Bảo Hữu Long Vương, Bảo Xưng Long Vương, Đa Đầu Long Vương, Cửu Đầu Long Vương, lại xưng là Bà Tu Thụ Long Vương, Phiệt Tô Chỉ Long Vương. Hay quấn quanh núi **Diệu Cao** (Sumeru: núi Tu Di)và dùng con Rồng nhỏ làm thức ăn.

5. **Đức Xoa Già Long Vương** (Takṣaka), dịch ý là Đa Thiệt Long Vương, Lưỡng Thiệt Long Vương, Thị Độc Long Vương, Hiện Độc Long Vương, hay làm tổn hại Long Vương. Dùng sự nhìn giận dữ tức có thể khiến cho Người, súc vật lập tức chết đi.

6. **A Na Bà Đạt Đa Long Vương** (Anavatapta), dịch ý là Vô Nhiệt Não Long Vương, lại xưng là A Nậu Đạt Long Vương, trú ở ao A Nậu Đạt trên đỉnh núi Tuyết.

7. **Ma Na Tư Long Vương** (Manasvin), dịch ý là Đại Ý Long Vương, Cao Ý Long Vương, Từ Tâm Long Vương, Đại Lực Long Vương, Đại Thân Long Vương, lại xưng là Ma Na Tô Bà Đế Long Vương.

8. **Ưu Bà La Long Vương** (Utpalaka), dịch ý là Thanh Liên Long Vương. Bởi vì ở ao Hoa Sen xanh mà được tên này.

_ Kinh **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương, quyển Trung** nêu ra tên của Long Vương của hơn 160 loại từ **Phật Thế Tôn Long Vương** (Buddhōbhagavān_nāga-rāja) cho đến **Tiểu Bạch Long Vương** (Upaśklaka). Lại nói nhóm này đều là Long Vương có Phước Đức, nếu hay xưng tên của các vị ấy thời hay đạt được lợi ích lớn. Lại nhóm ấy ở Đại Địa này, hoặc khi sét đánh tựa như tiếng vang dội lại (chấn hưởng), hoặc phóng ánh sáng, hoặc tuôn mưa ngọt làm cho lúa mạ tươi tốt.

_ Kinh **Đại Luân Vân Thỉnh Vũ, quyển Thượng** nêu ra tên gọi của nhóm Long Vương từ **Nan Na Long Vương** (Nanda-nāga-rāja) cho đến **Vĩ Yết Tra Long Vương** (Vikaṭa-nāga-rāja). Lại Nhóm Long Vương ấy đều có Đà La Ni vì tất cả chúng sinh ban cho an vui. Ở Thiệm Bộ Châu y theo Thời tuôn rót cơn mưa ngọt, khiến cho tất cả cây cối, cỏ thuốc, lúa mạ đều được tăng trưởng

_ **Đại Tập Kinh** 56, ghi nhận 5 loại Long Vương là:

1_ **Thiện Trụ Long Vương** (Susaṃṣṭhita-nāga-rājā) là chủ của tất cả loài **Tượng Long** (Loài Rồng có hình như con voi)

2_ **Nan đà Bạt Đan Đà Long** Vương (Nandopananda-nāga-rājā): Hai anh em Long Vương này là chủ của tất cả loài **Xà Long** (Loài Rồng có hình như con rắn)

3_ **A Nậu Đạt Long Vương** (Anavatapta-nāga-rājā) là chủ của tất cả loài **Mã Long** (Loài Rồng có hình như con ngựa)

4_ **Bà Lâu Na Long Vương** (Varuṇa-nāga-rājā) là chủ của tất cả loài **Ngư Long** (Loài Rồng có hình như con cá)

5_ **Ma Na Tô Bà Đế Long Vương** (Manasvī-nāga-rājā) là chủ của tất cả loài **Hà Mô Long** (Loài Rồng có hình như con ễnh ương)

5 vị Đại Long Vương quy y sức uy Thần của Phật, thực hành Pháp Đại Thừa, tinh tiến tu hành, thống lãnh quyến thuộc…đối với chúng sinh, chẳng gây mọi loại nhiễu hại

_ Kinh **Kim Quang Minh Tối Thắng Vương, quyển 1** đề cử 8 vị Long Vương: **Liên Hoa** Long Vương, **Ê La Diệp** Long Vương, **Đại Lực** Long Vương, **Đại Hống** Long Vương, **Tiểu Ba** Long Vương, **Trì Quyết Thủy** Long Vương, **Kim Diện** Long Vương, **Như Ý** Long Vương. Các vị Long Vương hay kéo mây tuôn mưa, khiến cho chúng sinh tiêu diệt được nhiệt não.

_ Kinh **Phật Thuyết Huyễn Hóa Võng Đại Du Già Giáo Thập Đại Phẫn NỘ Minh Vương Đại Minh Quán Tưởng Nghi Quỹ** và **Thánh Hạ Dã Hột Lý Đại Phộc Uy Nộ Vương Lập Thành Đại Thần Nghiệm Cúng Dường Niệm Tụng Nghi Quỹ Pháp Phẩm, quyển Hạ** ghi nhận 8 vị Long Vương (Nāga-rāja) là **Nan Đà** (Nanda), **Bà Sách Nan** (Vāṣuki), **Đức Xoa Ca** (Takṣaka), **Yết Cố Tra** (Karkoṭaka), **Bát Ma** (Padma), **Ma Ha Bát Ma** (Mahā-padma), **Thương Khư Bà La** (Śaṅkha-pāla), **Cưu Lợi Ca** (Kulika).

_ Kinh **Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm**, quyển thứ nhất, **chi một** của Phẩm thứ nhất **Thế Chủ Diệu Nghiêm** (Bộ 80 quyển do Tam Tạng **Thật Xoa Nan Đà** dịch) ghi nhận 10 vị Long Vương là: **Tỳ Lâu Bác Xoa** Long Vương, **Sa Kiệt La** Long Vương, **Vân Âm Diệu Tràng** Long Vương, **Diệm Khẩu Hải Quang** Long Vương, **Phổ Cao Vân Tràng** Long Vương, **Đức Xoa Ca** Long Vương, **Vô Biên Bộ** Long Vương, **Thanh Tịnh Sắc** Long Vương, **Phổ Vận Đại Thanh** Long Vương, **Vô Nhiệt Não** Long Vương…nhóm như vậy đều là bậc Thượng Thủ. Số ấy nhiều vô lượng, không có vị nào chẳng siêng năng dốc sức kéo mây tuôn mưa, khiến cho nhiệt não của chúng sinh được tiêu diệt.

_ Kinh **Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm**, quyển thứ ba, **chi ba** của Phẩm thứ nhất **Thế Chủ Diệu Nghiêm** (Bộ 80 quyển do Tam Tạng **Thật Xoa Nan Đà** dịch) ghi nhận 11 vị Long Vương được **Môn Giải Thoát** là:

1_ **Tỳ Lâu Bác Xoa** Long Vương được **Tiêu Diệt Nhất Thiết Chư Long Thú Sí Nhiên Khổ Giải Thoát Môn** (tức là Môn Giải Thoát: tiêu diệt nỗi khổ nóng bức của tất cả các loài Rồng, được sự giải thoát)

2_ **Sa Kiệt La** Long Vương được **Nhất Niệm Trung Chuyển Tự Long Hình Thị Hiện Vô Lượng Chúng Sinh Thân Giải Thoát Môn** (tức là Môn Giải Thoát: ở trong một niệm chuyển hình Rồng của mình thị hiện vô lượng thân của chúng sinh)

3_ **Vân Âm Tràng** Long Vương được **Ư Nhất Thiết Chư Hữu Thú Trung Dĩ Thanh Tịnh Âm Thuyết Phật Vô Biên Danh Hiệu Hải Giải Thoát Môn** (tức là Môn Giải Thoát: Ở trong tất cả lối nẻo của các cõi dùng âm thanh thanh tịnh nói vô biên biển danh hiệu của Phật)

4_ **Diệm Khẩu** Long Vương được **Phổ Hiện Vô Biên Phật Thế Giới Kiến Lập Sai Biệt Giải Thoát Môn** (tức là Môn Giải Thoát: Hiện khắp sự dựng lập sai khác của vô biên Thế Giới Phật)

5_ **Diệm** Long Vương được **Nhất Thiết Chúng Sinh Cái Triền Như Lai Từ Mẫn Lệnh Trừ Diệt Giải Thoát Môn** (tức là Môn Giải Thoát: do Tâm yêu thương giúp đỡ của Đức Như Lai khiến cho sự che lấp ràng buộc của tất cả chúng sinh được trừ diệt)

6_ **Vân Tràng** Long Vương được **Khai Thị Nhất Thiết Chúng Sinh Đại Thiện Lạc Phước Đức Hải Giải Thoát Môn** (tức là Môn Giải Thoát: Mở bày biển Phước Đức vui sướng tốt lành to lớn cho tất cả chúng sinh).

7_ **Đức Xoa Ca** Long Vương được **Thanh Tịnh Cứu Hộ Âm Diệt Trừ Nhất Thiết Bố Úy Giải Thoát Môn** (tức là Môn Giải Thoát: Dùng âm thanh cứu hộ trong sạch diệt trừ tất cả sự sợ hãi).

8_ **Vô Biên Bộ** Long Vương được **Thị Hiện Nhất Thiết Phật Sắc Thân Cập Trụ Kiếp Thứ Đệ Giải Thoát Môn** (tức là Môn Giải Thoát: Hiện bày sắc thân của tất cả Phật với thứ tự của Trụ Kiếp)

9_ **Thanh Tịnh Sắc Tốc Tật** Long Vương được **Xuất Sinh Nhất Thiết Chúng Sinh Đại Ái Lạc Hoan Hỷ Hải Giải Thoát Môn** (tức là Môn Giải Thoát: Sinh ra biển vui vẻ yêu thích rộng lớn của tất cả chúng sinh).

10_ **Phổ Hành Đại Âm** Long Vương được **Thị Hiện Nhất Thiết Bình Đẳng Duyệt Ý Vô Ngại Âm Giải Thoát Môn** (tức là Môn Giải Thoát: Hiện bày âm thanh tất cả bình đẳng hợp ý không có ngăn ngại)

11_ **Vô Nhiệt Não** Long Vương được **Dĩ Đại Bi Phổ Phước Vân Diệt Nhất Thiết Thế Gian Khổ Giải Thoát Môn** (tức là Môn Giải Thoát: Dùng đám mây Đại Bi che trùm khắp, diệt trừ nỗi khổ của tất cả chúng sinh)

_ Kinh **Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm**, quyển thứ nhất, **chi một** của Phẩm thứ nhất **Thế Gian Tịnh Nhãn** (Bộ 60 quyển do Tam Tạng **Phật Đà Bạt Đà La** dịch) ghi nhận tên của 6 vị Long Thần là: **Ma Ni Quang** Long, **Tạp Trang Nghiêm** Long, **Hỷ Bảo Quang** Long, **Tịnh Thân Quang** Long, **Hương Trang Nghiêm** Long, **Bảo Mục Quang** Long cùng với vô số các vị Long Thần….Như vậy tất cả đều ở a tăng kỳ kiếp chẳng thể nghĩ bàn trong thời quá khứ, thường vì Đức Như Lai trang nghiêm Pháp Đường

_ Kinh **Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm**, quyển thứ nhất, **chi hai** của Phẩm thứ nhất **Thế Gian Tịnh Nhãn** (Bộ 60 quyển do Tam Tạng **Phật Đà Bạt Đà La** dịch) ghi nhận

"Lại có **Tỳ Lâu Ba Xoa Long Vương** đối với Pháp Môn: Trong tất cả nẻo Rồng (Long Thú) trừ diệt lửa mạnh, cứu tế khủng bố mà được tự tại

Hải Long Vương đối với Pháp Môn: Trong một niệm, hay chuyển tất cả thân Rồng chẳng thể nghĩ bàn mà được tự tại

Vân Lạc Diệu Tràng Long đối với Pháp Môn tất cả **Hữu Thú** (lối nẻo của các cõi), chuyển **Thanh Tịnh Luân** nghe tiếng mà được tự tại

Tu Di Phổ Tràng Long đối với Pháp Môn: Tất cả chúng sinh là biển Công Đức mà được tự tại

Đức Xoa Già Long đối với Pháp Môn: Lìa khủng bố, thanh tịnh mà được tự tại

Vô Lượng Bộ Long đối với Pháp Môn: Hiện bày vô lượng đám mây của tất cả chúng sinh, siêu độ vô lượng Kiếp mà được tự tại

Diệm Nhãn Thiện Trụ Long đối với Pháp Môn: An lập tất cả Thế Giới phân biệt vô lượng Phật Pháp, hiện bày phương tiện mà được tự tại

Ly Cấu Thế Sắc Long đối với Pháp Môn: Tất cả chúng sinh lìa dơ bẩn, vui vẻ, biết đủ nhập vào phương tiện mà được tự tại

Phổ Hành Quảng Thánh Long đối với Pháp Môn: Tất cả âm thanh thiện ác đầy đủ Bình Đẳng Quán mà được tự tại

A Na Đạt Đa Long Vương đối với Pháp Môn: Đám mây Đại Bi che trùm tất cả chúng sinh lìa khổ mà được tự tại

_ Kinh **Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương, quyển 1** ghi nhận 15 vị Long Vương (Nāga-rāja) từ **A Bát Lá La** (Upalāla) đến **Sa Nghiệt Lý Noa** (Sāgara) và 26 vị Long Nữ (Nāga-kanyā) từ **Diệu Nghiêm Trì** (Vibhūṣaṇadharā) đến **Diệu Cao Cát Tường** (Simeru-śrī)

_ Kinh **Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả, quyển 1** và Kinh **Tu Hành Bản Khởi, quyển Thượng** ghi nhận: Khi Đức Phật đản sinh thời hai vị Long Vương **Nan Đà** (Nanda) và **Ưu Ba Nan Đà** (Upananda) ở trong hư không phun nước trong sạch, một nóng một lạnh, dùng để tắm rửa thân của Thái Tử.

_ Kinh **Phật Bản Hạnh Tập, quyển 31** và **Hữu Bộ Tỳ Nại Gia Phá Tăng Sự, quyển 5** ghi nhận rằng: Khi Đức Phật từ dưới cây Bồ Đề đứng dậy, đi đến bên cạnh cái ao của Long Vương **Mâu Chi Lân Đà** (Mucilinda), ngồi dưới một gốc cây suy tư. Khi ấy mưa tuôn suốt bảy ngày chẳng dừng thì Long Vương **Mâu Chi Lân Đà** mới hiện ra, dùng thân quấn quanh Đức Phật bảy vòng, đưa cái đầu của mình lên che bên trên đầu của Đức Phật, thủ hộ Đức Phật Đà, khiến cho Ngài chẳng bị các não loạn.

_ Kinh **Tăng Nhất A Hàm, quyển 14** và Kinh **Thái Tử Thụy Ứng Bản Khởi, quyển Hạ** ghi nhận: Khi Đức Phật giáo hóa **Ưu Tần Loa Ca Diệp** thời thường ở trong nhà thờ Thần Lửa, giáng phục Rồng độc. Hiện nay tại Ấn Độ, trong cổ tháp ở **Ba Lộc Đặc** (Bharhut) **Sơn Kỳ** (Sanci), **A Ma La Ba Đề** (Amarāvatī) với **Oa Oa Đích Ba La Phù Đồ** (Buro-budur) còn lưu giữ bản điêu khắc truyền thuyết trên với vị Rồng trong đó, phần lớn làm tượng thân người hình rắn.

_ Phẩm **Thụ Quyết** trong Kinh **Hải Long Vương, quyển 2** nói rằng: Hải Long Vương có con trai tên là **Uy Thủ** được Đức Phật thọ ký: ngày sau sẽ thành Phật, hiệu là **Tuệ Kiến** Như Lai Chí Chân Chính Đẳng Giác.

_ Phẩm **Nữ Bảo Cẩm Thụ Quyết** trong Kinh **Hải Long Vương, quyển 3** nói Hải Long Vương có con gái tên là **Bảo Cẩm** được Đức Phật thọ ký: ngày sau sẽ thành Phật, hiệu là **Phổ Thế** Như Lai Chí Chân Chính Đẳng Giác.

_ Phẩm **Đề Bà Đạt Đa** trong Kinh **Pháp Hoa, quyển 4** có ghi nhận vị **Long Nữ** (Nāga-kanyā) tám tuổi thành Phật

_ Chỗ ở của Long Vương gọi là **Long Cung** (Pātāya, hay Nāga-pura):
.) Phẩm **Long Điểu** trong Kinh **Trường A Hàm, quyển 19** ghi rằng: Ở đáy biển lớn có cung của **Sa Kiệt Long Vương**, dài rộng tám vạn Do Tuần, cung tường có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới võng, bảy lớp hàng cây bao vòng chung quanh nghiêm sức đều do bảy báu tạo thành, cho đến có vô số chim chóc cùng nhau kêu hót

.) Kinh **Chính Pháp Niệm Xứ, quyển 68** nói rằng: Vượt qua núi **Quân Sơn……**có một cái biển lớn, bên dưới nước biển 500 Do Tuần có cung điện của Long Vương được trang nghiêm bằng mọi loại vật báu: Tỳ Lưu Ly, Nhân Đà Thanh Bảo, lan can Pha Lê, bảy báu trang nghiêm, Quang Minh Ma Ni, mọi loại vật báu trang nghiêm điện đường, điện ở lầu gác…giống như ánh sáng mặt trời. Có vô lượng cung điện như vậy, **Đức Xoa Ca Long Vương** dùng nghiệp của mình cho nên trụ tại cung điện này.

.) **Du Già Sư Địa Luận, quyển 2** ghi nhận: Long Cung trong làn nước tám Công Đức ở bảy núi vàng, có tám vị Đại Long Vương là: **Trì Địa, Hoan Hỷ Cận Hỷ, Mã Loa, Mục Chi Lân Đà, Ý Mãnh, Trì Quốc, Đại Hắc, Ê La Diệp**

.) Trong "**Dictionary of Pali Names**", tác giả **G P Malalasekera** [Bản dịch của **Tống Phước Khải**] ghi nhận rằng:

Có một số nơi cư ngụ của Rồng được đề cập trong Kinh Điển như:

Mañjerika-bhavana dưới núi Sineru (Núi Tu Di),

Daddara-bhavana ở chân núi Daddara của dãy Himālaya,

Dhatarattha-nāgā ở dưới sông Yamunā,

Nābhāsā Nāgā ở hồ Nabhasa,

Rồng của Vesāli, Tacchaka, và Payāga (D.ii.258 - Trường bộ. ii.258).

Bộ **Vinaya** (ii.109) liệt kê một danh sách bốn gia đình Rồng chúa (Ahirājakulāni): **Virūpakkhā**, **Erāpathā, Chabyāputtā** và **Kanhagotamakā**. Hai bộ tộc rồng khác cũng được đề cập: Kambalas và Assataras. Trong SA.iii.120 tất cả Rồng có tuổi trẻ ở tại Himālaya.

Rồng được biết nhiều nhất là **Mahākāla**, vua của Mañjerika-bhavana. Sống trọn một kappa (kiếp) và là đệ tử mộ đạo của Đức Phật. Các loài rồng trong thế giới của **Mahākāla** được giám hộ một phần các xá lợi của Đức Phật cho đến khi chúng được cần cho Đại Tháp Xá lợi Māha Thūpa (Mhv.xxxi.27f.), và khi cây Bồ Đề được mang về Tích Lan, chúng mang trọng trách lớn lao trên đường đi (Mbv. p.. 163f.). Các vua Rồng khác cũng được đề cập đương khi nắm thần thông và uy quyền sau được chuyển hóa sang đức tin Đức Phật như: **Aravāla, Apalālā, Erapatta, Nandopananda**, và **Pannaka**. (Xem Ahicchatta và Ahināga.) Trong kinh Atānātiya Sutta (D.iii.198f.), nói về cư dân ở thế giới **Cātummahārajika** (Tứ Thiên Vương), loài Rồng được đề cập định cư ở phương Đông, với vua của chúng là Virūpokkha.

Rồng có hai khu định cư chính ở Tích Lan, tại Nāgadīpa (q.v.) và ở cửa sông Kalyani. Để giải quyết tranh chấp giữa hai long vương, chủ của Nāgadīpa, Mahodara và Cūlodara, Đức Phật đã thực hiện lần thứ hai của mình đến Tích Lan. Trong chuyến thăm đó, Ngài đã thực hiện một lời hứa với một Long Vương khác, **Manjakkhika** của Kalyani, sẽ thực hiện chuyến viếng thăm, và chuyến thăm thứ ba của Đức Phật là để thực hiện cam kết đó (Mhv.i.48f).

Các loài Rồng là một trong ***các Bộ bảo hộ*** được xác lập bởi Sakka (Đế Thích) trong Sineru (Núi Tu Di) để chống lại Asura (J.i.204).

_Ngoài ra, **Truyện Long Thọ Bồ Tát** có ghi việc Bồ Tát **Long Thọ** (Nāgārjuna) được Bồ Tát **Đại Long** (Mahā-nāga) dẫn vào **Long Cung** (Pātāya, hay Nāga-pura), mở kho tàng bảy báu, trao cho các Kinh Điển thâm ảo thuộc **Phương Đẳng** (Vaipulya). Khảo xét truyền thuyết của Ấn Độ thì khi Phật Pháp ẩn mất thời Long Cung tức là địa phương bảo vệ giữ gìn **Bí Tạng Phật Điển**.

Thông thường, hình tượng Long Vương và Long Nữ thường được minh họa theo dạng thân người đuôi rắn, đôi khi Long Nữ còn có thêm đôi cánh







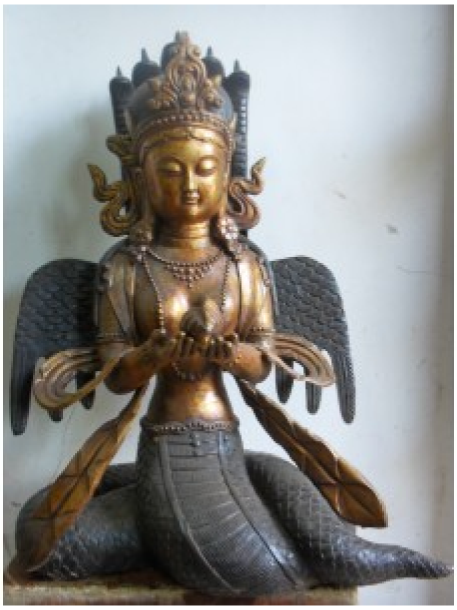












_ Trong Tín Ngưỡng của Trung Quốc cổ đại thì **Rồng** là loài thân dài có vảy, vào tiết **Thu Phân** thì bay lên Trời, vào tiết **Thu Phân** thì nhập vào đất. Loài có vảy thì gọi là **Giao Long**. Loài có cánh thì gọi là **Ứng Long**. Loài có sừng thì gọi là **Cầu Long**. Loài không có sừng thì gọi là **Ly Long**. Loài không bay lên Trời thì gọi là **Bàn Long.**

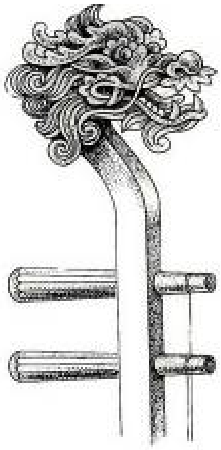
Theo quan niệm của dân gian châu Á thì Rồng là loài có mình rắn, vảy cá, bờm sư tử, sừng hươu, biết bay và là con vật biểu tượng cho sự linh thiêng, mang ẩn ý chứa đựng điều tốt lành.

Có người cho rằng sau khi **Hoa Hạ** thống nhất các bộ tộc **Trung Nguyên** đã kết hợp **Vật Tổ** của mình cùng với **Vật Tổ** của các bộ tộc đó hình thành **con rồng** là loài có thân rắn, đùi thằn lằn, móng vuốt của chim ưng, đuôi rắn, sừng hươu, vẩy cá.

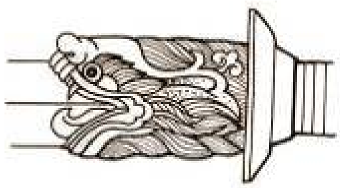
_ Truyền thuyết **Long Sinh Cửu Tử** (hay **Long Sinh Cửu Chủng**) của Trung Hoa cổ đại cho rằng một con Rồng sinh ra chín nhánh Rồng con, mỗi mỗi thường có hình trạng và tính cách khác nhau. Đời sau dùng thuyết này để ví dụ cho ***anh em đồng bào***

Rồng sinh chín đứa con chẳng thành Rồng, đều có sự ưa thích riêng:

1_ Tù Ngưu: giống Rồng, bình sinh thích âm nhạc. Nay trên đầu cây Hồ Cầm có khắc con thú là di tượng của loài này.



2_ Nhai Xế: bình sinh ưa thích sự giết chóc. Nay trên cán cây Đao có cái miệng Rồng ăn nuốt là di tượng của loài này.



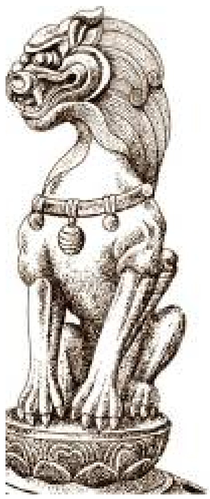
3_ Trào Phong: Bình sinh ưa thích sự nguy hiểm. Nay ở góc điện có con thú chạy là di tượng của loài này.



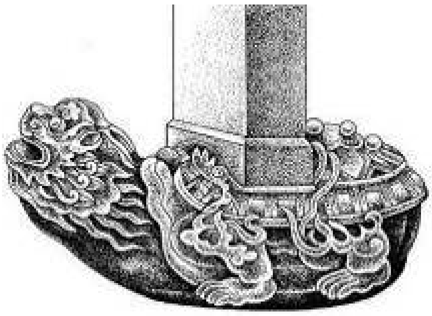
4_ Bồ Lao: Bình sinh ưa thích âm thanh do vạn vật phát ra (như tiếng chim hót, tiếng chuông trống…). Nay trên cái chuông có cái núm hình con thú là di tượng của loài này.



5_ Toan Nghê: bình sinh ưa ngồi. Nay con sư tử ở Phật Tòa là di tượng của con thú này.



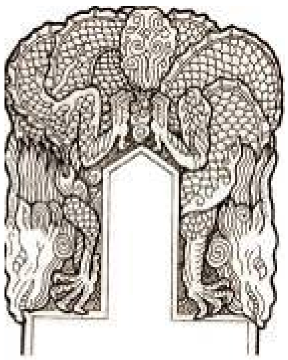
6_ Bá Thượng: bình sinh ưa mang vác vật nặng. Nay con thú đỡ tòa bia là di tượng của loài này



7_ Bệ Ngạn: bình sinh ưa bàn cãi kiện tụng. Nay đầu con sư tử trên cửa ngục là di tượng của con thú này.



8_ Hí Hí: bình sinh ưa văn chương. Nay con Rồng ở bên hai cạnh cái bia là di tượng của con thú này



9_ Xi Vẫn: bình sinh ưa ăn nuốt. Nay đầu con thú ở nóc điện là di tượng của loài này

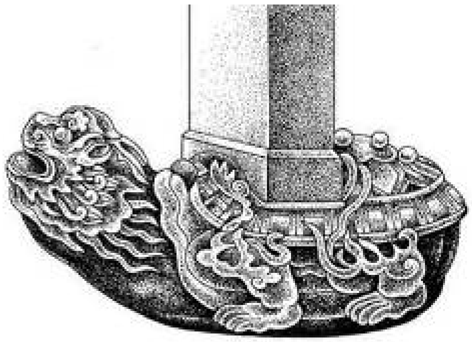


Truyền thuyết **Long Sinh Cửu Tử** (hay Long Sinh Cửu Chủng) còn được lưu truyền theo cách khác là:

[Trích trong bài viết của ***Châu Giang- Hội viên Hội VHNT Bắc Giang (st)***]

1_ Bị Hí là con trưởng của Rồng.

Còn có tên khác là Bá Hạ, Bát Phúc, Thạch Long Quy. Linh vật có hình dáng thân rùa, đầu rồng, có sức mạnh vượt bậc, chịu được trọng lượng lớn nên thường được chạm khắc trang trí làm bệ đỡ cho các bệ đá, cột đá, bia đá…



2_ Li Vẫn là con thứ hai của Rồng.

Còn có tên gọi là Si Vẫn. Linh vật có đầu rồng, miệng rộng, thân ngắn, thích ngắm cảnh và thường giúp dân diệt hỏa hoạn nên được chạm khắc làm vật trang trí trên nóc các cung điện cổ, chùa chiền, đền đài…



3_ Bồ Lao là con thứ ba của Rồng.

Linh vật thích âm thanh lớn, thường được đúc trên quai chuông với mong muốn chiếc chuông được đúc có âm thanh như ý muốn.



4_ Bệ Ngạn là con thứ tư của Rồng.

Còn có tên gọi khác là Bệ Lao, Hiến Chương. Linh vật có hình dáng giống con cọp, răng nanh dài và sắc, có sức thị uy lớn, thích lý lẽ và có tài cãi lý đòi sự công bằng khi có bất công, nhờ vậy bệ ngạn thường được đặt ở cửa nhà ngục hay pháp đường, ngụ ý răn đe người phạm tội và nhắc nhở mọi người nên sống lương thiện.



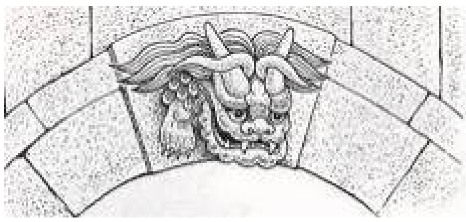
5_ Thao Thiết là con thứ năm của Rồng.

Linh vật có đôi mắt to, miệng rộng, dáng vẻ kỳ lạ, có tính tham ăn vô độ nên được đúc trên các đồ dùng trong ăn uống như ngụ ý nhắc nhở người ăn đừng háo ăn mà trở nên bất lịch sự.



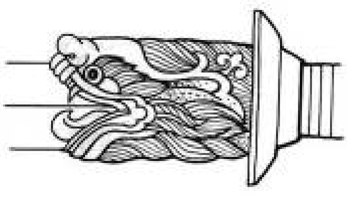
6_ Công Phúc là con thứ sáu của Rồng.

Linh vật này thích nước nên được khắc làm vật trang trí ở các công trình hay phương tiện giao thông đường thủy như: cầu, rãnh dẫn nước, đập nước, bến tàu, thuyền bè… với mong muốn công phúc luôn tiếp xúc, cai quản, trông coi lượng nước phục vụ nhân dân.



7_ Nhai Xế là con thứ bảy của Rồng.

Linh vật có tính khí hung hăng, thường nổi cơn thịnh nộ và ham sát sinh nên thường được chạm khắc trên các vũ khí như đao, búa, kiếm… ngụ ý thị uy, làm tăng thêm sức mạnh và lòng can đảm của các chiến binh nơi trận mạc.



8_ Toan Nghê là con thứ tám của Rồng.

Còn có tên gọi khác là Kim Nghê. Linh vật có mình sư tử, đầu rồng, thích sự tĩnh lặng và thường ngồi yên ngắm cảnh khói hương tỏa lên nghi ngút nên được đúc làm vật trang trí trên các lò đốt trầm hương, ngụ ý mong muốn hương thơm của trầm hương luôn tỏa ngát.



9_ Tiêu Đồ là con thứ chín của Rồng.

Linh vật có tính khí lười biếng, thường cuộn tròn nằm ngủ, không thích có kẻ lạ xâm nhập lãnh địa của mình nên thường được khắc trên cánh cửa ra vào, đúng vào vị trí tay cầm khi mở, ngụ ý răn đe kẻ lạ muốn xâm nhập nhằm bảo vệ sự an toàn cho chủ nhà.



Đạo Giáo Trung Hoa cho rằng các vị vua Rồng thường cư ngụ tại bốn biển bao quanh đất liền là:

.) Long Vương **Quảng Đức** (truyền bá Đức rộng rãi) cai quản biển phía Đông

.) Long Vương **Quảng Lợi** (mở rộng lợi lộc) cai quản biển phía Nam

.) Long Vương **Quảng Nhuận** (mở rộng ân sũng) cai quản biển phía Tây

.) Long Vương **Quảng Trạch** (Mở rộng sự hào hiệp) cai quản biển phía Bắc

Các vị Long Vương này cư trú tại cung điện dưới đáy biển sâu. Cung điện có đầy đủ điện đường, lầu gác, lan can, vườn rừng…được tạo thành bởi vô lượng vật báu với mọi thứ trang nghiêm và thường được gọi là **Long Cung**

Nhưng dân gian lại cho rằng: Long Vương **Ngao Quảng** cai quản biển phía Đông, Long Vương **Ngao Khâm** cai quản biển phía Nam, Long Vương **Ngao Nhuận** cai quản biển phía Tây, Long Vương **Ngao Thuận** cai quản biển phía Bắc và trong bốn vị Long Vương thì **Ngao Quảng** đứng đầu. Hàng năm cứ đến tháng ba (Âm lịch), các vị Long Vương phải bay lên Thượng Giới để trình tấu công việc, cho nên tháng ba là tháng có nhiều trận mưa to.

Thông thường Đạo Giáo Trung Hoa hay triệu thỉnh và cúng tế Rồng qua **Ngũ Long Đàn**

.) Phương Đông là Rồng Xanh (Thanh Long)
.) Phương Nam là Rồng đỏ (Xích Long)
.) Phương Tậy là Rồng trắng (Bạch Long)
.) Phương Băc là Rồng đen (Hắc Long)
.) Phương chính giữa là Rồng vàng (Hoàng Long, hay Kim Long)

_ Nhìn chung, người dân Trung Hoa xem **Rồng** là linh vật linh thiêng biểu thị cho điềm tốt lành, nên rất sùng bái và thường cầu nguyện, xin Rồng ban ơn, tuôn mưa đúng thời khiến cho vạn vật sinh trưởng tươi tốt, nhất là khi bị hạn hán.

Ngoài ra người dân Trung Hoa còn dùng hình tượng **hóa Rồng,** dạy bảo nhau phải biết nuôi chí lớn, vượt qua mọi trở ngại để đạt được sự thành tựu lớn lao qua câu Tục Ngữ: "**Nhất đăng Long Môn, thanh dự bách bội"** nghĩa là: *một lần vượt cửa Rồng thì tiếng khen được tăng lên gấp trăm lần*

Long Môn (cửa Rồng): là nơi hiểm yếu của thiên nhiên do hai ngọn núi cao đối ngọn với nhau tạo thành hình dáng cái cổng, nằm ở hai bên bờ **Hoàng Hà** giữa huyện Hàn Thành, Tây An, Thiểm Châu với huyện Hà Tân, Bình Dương, tỉnh Sơn Tây. Tương truyền ông **Hạ Vũ** đã đào con sông đến đây để giúp cho lưu thông.

Lại theo Truyền Thuyết từ xưa, các loài tôm cá trong sông nếu có thể vượt qua chỗ này liền có thể hóa thành Rồng. Cho nên từ ngữ **Long Môn** nhằm chỉ cho cửa ngõ **lập thân xuất thế**, hoặc ví dụ cho danh vọng tăng trưởng.

_ Đến sau đời nhà Tần thì các vua chúa Trung Hoa chiếm đoạt hình tượng **Rồng** làm biểu tượng đặc trưng cho quyền uy tuyệt đối của mình, trị dân trị nước, ban ơn mưa móc (vũ lộ) cho dân chúng và từ đây mọi vật dụng của nhà vua đều có hình ảnh con rồng như: Long Phi (khi vua lên ngôi), Long Sàng (giường nằm của vua), Long Nhan (khuôn mặt của vua), Long Thể (thân hình của vua), Long Bào (áo của vua) và bàn chân của con Rồng thêu trên áo này phải có 5 móng, Long Cổn (áo vua mặc khi thiết đại triều, hay khi tham dự đại lễ), Long Xa (xe của vua), Long Hạm (chiếc thuyền của vua)….

_ Tại Việt Nam đã sớm hình thành tín ngưỡng thờ phụng **Rồng**, một linh vật có thể sống cả trên bờ lẫn dưới nước với năng lực điều khiển được nước lửa, mây mưa, sấm chớp, gió bão, cùng với mọi khả năng màu nhiệm khác có thể ngăn chận được mọi tai họa hiểm nghèo như hạn hán, ngập lụt, giông bão… giúp cho con người có được cuộc sống ấm no hạnh phúc và tín ngưỡng Rồng được dân tộc Việt biểu thị qua việc thờ cúng **Thủy Thần**

Sách **Hoài Nam Tử** ghi nhận rằng: "Người Việt lấy kim xâm vào da, vẽ hình Rồng để tỏ ý tôn vinh Rồng vậy".

Từ tín ngưỡng này đã tạo thành truyền thuyết "**con Rồng cháu Tiên"** nhằm minh họa về nguồn gốc của dân tộc Việt là:

"**Lộc Tục**, con vua **Đế Minh** lấy hiệu là **Kinh Dương Vương**. Kinh Dương Vương lấy con gái của **Động Đình Quân** là **long Nữ**, sinh ra **Sùng Lãm**. Sùng Lãm nối ngôi vua, xưng hiệu là **Lạc Long Quân** (vua Rồng Lạc Việt). Lạc Long Quân lấy **Âu Cơ**, sinh ra một cái bọc chứa một trăm quả trứng, nở ra một trăm người con. Sau này, Lạc Long Quân dẫn 50 người con xuống biển, Âu Cơ dắt 50 người con lên núi, và người con cả được truyền ngôi vua, hiệu là **Hùng Vương**, đặt tên nước là **Văn Lang**, mở lối cho sự phát triển đất nước Việt Nam".

Hiện nay trên di tích **trống đồng** của nền văn hóa Văn Lang có khắc vẽ những hình người đội mũ hình đầu Rồng hoặc những chữ **S** (biểu tượng cho sấm sét), biểu

tượng rồng được chạm khắc xung quanh và trên trán bia Sùng Thiện Diên Linh, trên vách tháp cũng chạm khắc nhiều mảng rồng ổ, các đền miếu thờ phụng **Thủy Thần** ở nhiều địa phương như đền thờ **Bát Hải Long Vương** ở xã Hải Dương, đền **Mẫu Thoải** ở huyện Duy Tiên, đền thờ **Linh Lang Đại Vương** ở Thủ Lệ, đền thờ Thủy Thần **Bảo Ninh** ở làng Linh Đàm, đền thờ **Ông Cụt Ông Dài** ở sông Cầu, đền thờ **Uy Linh Đại Vương** ở làng Nhật Tân , ngôi đình **Đình Rắn** ở Mỏ Cày Bến Tre, đôi rắn thần ở đền Vĩnh Hòa tại Kiên Giang….

Rồng tại Việt Nam có những nét đặc trưng là:

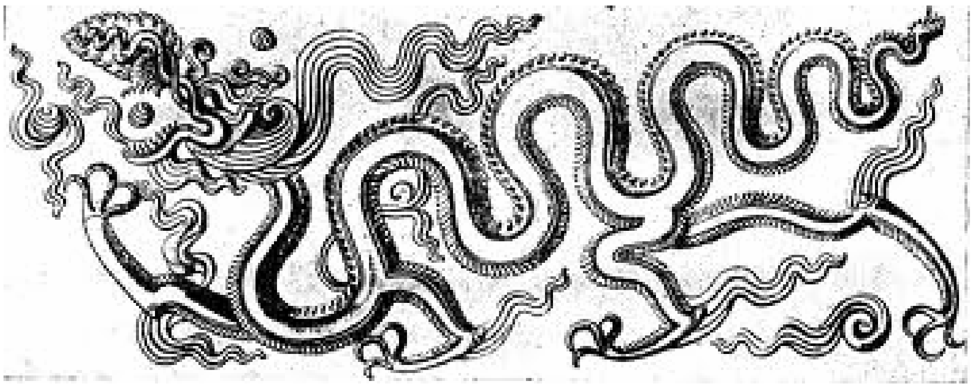
.) Thân Rồng uốn theo **hình Sin** 11 khúc. Thân mềm mại uốn lượn biểu thị sự biến hóa, trên lưng có vây nhỏ liền mạch và đều đặn

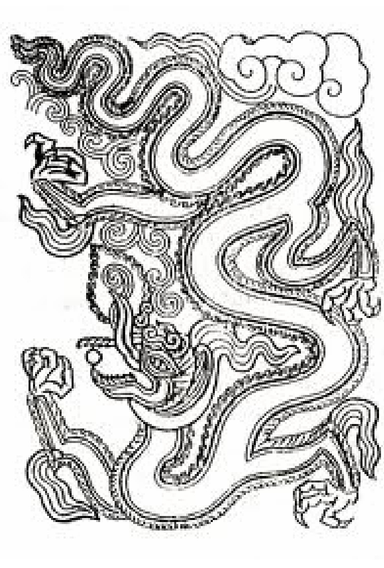
.) Đầu Rồng có bờm dài, râu cằm, không có sừng. Mắt lồi to, hàm nở rộng có răng nanh ngắt lên. Đặc biệt là cái mào ở mũi, sun sóng đều đặn chứ không phải là mũi thú như Rồng Trung Hoa. Lưỡi mảnh rất dài

.) Miệng Rồng luôn ngậm viên ngọc châu (Ở Nhật Bàn, Hàn Quốc và Trung Quốc thì Rồng hay cầm viên ngọc bằng chân trước)

Thường được tạc vào đá như biểu tượng linh thiêng canh giữ chùa chiền, lâu đài

[Bách khoa toàn thư mở Wikipedia]







Sau này do du nhập nền văn hóa của Trung Hoa, nên hình tượng Rồng ở Việt Nam cũng thay đổi dần dần, mất đi vẻ tự nhiên uy mãnh, trở nên thô cứng và ước lệ.









Tương truyền ở dãy núi Giăng Mầu, huyện Hương Khê (Hà Tĩnh) có cái thác gọi là **Vũ Môn**, nước chảy ào ào từ trên dội xuống, vào cữ tháng 4 hằng năm, cá chép lên đó thi nhau vượt thác, con nào vượt được thì hóa thành rồng, nên lưu truyền các câu Ca Dao nhằm khích lệ con người phải biết vượt qua mọi gian khó, kiên trì đạt được sự thành công

"Tháng ba cá đi ăn thề
Tháng tư cá về, cá vượt **Vũ Môn**
Trai khôn lấy được gái khôn
Cũng bằng cá vượt Vũ Môn hóa Rồng".

Do ý niệm **con Rồng cháu Tiên** bám chặt vào tâm thức người Việt, nên ngày nay trên suốt cả dải đất hình chữ **S**, từ ngữ **Long** (Rồng) luôn gắn liền với rất nhiều địa danh như:

Núi **Long Tu** ở Quảng Ninh, núi **Long Đọi** ở Hà Nam, núi **Long Triều** ở Ninh Bình, núi **Long Tường** ở Hà Tĩnh, đỉnh núi **Thanh Long** ở Quảng Bình, núi **Kim Long** ở Huế, núi **Rồng** ở chân đèo Hải Vân. Ở Quảng Ngãi: huyện Bình Sơn có núi **Long Đầu**, huyện Mộ Đức có 3 ngọn núi là **Lạc Long**, **Long Phụng, Long Cốt.** Núi **Hàm Long** ở Bình Định, núi **Hàm Rồng** ở Gia Lai, núi **Bửu Long** ở Đồng Nai, núi **Dương Long** ở Kiên Giang.

Sông **Hoàng Long** ở Ninh Bình, sông **Rồng** ở Lạng Sơn, sông **Ka Long ở Quảng Ninh,** sông **Long Bình** ở Trà Vinh, sông **Long Hồ** ở Vĩnh Long, sông **Phước Long** và **Long Tân** ở Đồng Nai, sông **Long Đại** ở Quảng Bình.

Đặc biệt là dòng sông **Cửu Long** (cửu Long giang) có 9 cửa chảy ra biển được biết trên mặt địa lý của Việt Nam như: cửa Định An, cửa Ba Thắc, cửa Tranh Đề, cửa Đại, cửa Tiểu, cửa Cổ Chiên, cửa Cung Hầu, cửa Hàm Luông, cửa Ba Lai. Dòng sông mang tên và hình ảnh của chín con Rồng này đã trở thành một nét văn hoá đặc trưng tiêu biểu trong đời sống của người dân miền Tây Nam Bộ.

Hồ **Long Trì** ở Quốc Oai Hà Nội, hồ **Long Thăng** ở Lai Châu, hồ **Long Ẩn** và hồ **Long Vân** ở khu du lịch Bữu Long Đồng Nai, hồ **Long Điền Sơn** ở Tây Ninh

Vịnh **Bái Tử** Long, vịnh **Hạ Long** ở Quảng Ninh, đảo **Phù Long** (đảo Cát Bà) ở Hải Phòng, đảo **Long Sơn** ở Bà Rịa Vũng Tàu

Cầu **Long Biên** ở Hà Nội, cầu **Hàm Rồng** ở Thanh Hóa

Chợ **Rồng** ở Nam Định, chợ **Kim Long** và chợ **Long Hồ** ở Huế, chợ **Long Tử** ở Quãng Ngãi, chợ **Long Hưng** ở Bình Định.

Ngoài ra còn rất nhiều tỉnh thành mang địa danh của Rồng như: **Thăng Long** (nay là Hà Nội), **Vĩnh Long, Long An, Long Thành, Long Biên, Hạ Long, Long Khánh, Bình Long, Phước Long, Rồng Giềng, Long Điền, Long Thạnh, Cái Rồng, Thịnh Long, Long Phú, Đức Long, Hương Long, Long Nguyên, Long Hậu….**

Hiện tượng này đã khiến cho một số người ngoại quốc gọi Việt Nam là ***đất nước của Rồng.***

CHÂN NGÔN, THỦ ẤN CỦA HÀNG RỒNG

_Kinh **Đại Vân Luân Thỉnh Vũ** (cầu mưa), **Quyển Thượng** (ĐTK_No.898) ghi chép là:

"Này Long Vương! Ông thành tựu **một Pháp** khiến cho các vị Rồng diệt các khổ, đầy đủ an vui. Thế nào là một Pháp? Ấy là thực hành **thương yêu giúp đỡ** (Maitra: Từ).

Này Đại Long Vương! Nếu có Trời, Người thực hành **Đại Từ** (Mahā-Maitra) thì lửa chẳng thể thiêu đốt, đao chẳng thể gây hại, nước chẳng thể cuốn trôi, chẳng thể bị trúng chất độc, oán địch bên trong bên ngoài chẳng thể xâm nhiễu, an vui ngủ say, an vui tỉnh giấc. Dùng Phước của mình che trùm bảo vệ giữ gìn thân ấy. Dùng Đại Phước mà được Uy Đức, chẳng bị kẻ khác hiếp đáp. Ở trong cõi Người, Trời có hình mạo đoan nghiêm, được **Chúng** yêu kính. Nơi đã thực hành, không có trở ngại. Diệt trừ các khổ, Tâm được vui vẻ, đầy đủ các sự ưa thích. Do sức của **Đại Từ** cho nên sau khi chết, được sinh vào **Phạm Thế** (Brahma-loka: Thế Giới của Phạm Thiên)

Này Đại Long Vương! Nếu có Trời, Người tu Hạnh **Đại Từ** được Phước Lợi đó. Chính vì thế cho nên Long Vương dùng *nghiệp thân của* **Từ**, dùng *nghiệp Ngữ của* **Từ**, dùng *nghiệp Ý của* **Từ….**cần phải tu hành

Lại nữa Long Vương! Có **Đà La Ni** (Dhāraṇī) tên là **Thí Nhất Thiết Chúng Sinh An Lạc** (Sarva-sukhaṃ-dadā). Ông, các hàng Rồng thường nên đọc tụng, nối theo niệm thọ trì thì hay diệt sự khổ não của tất cả các Rồng, ban cho họ sự an vui. Các hàng Rồng kia đã được vui thích xong, ở Thiệm Bộ Châu này hay y theo Thời, tuôn rót cơn mưa ngọt, khiến cho tất cả cây cối, rừng rậm, cỏ thuốc, mầm non, lúa má đều được tăng trưởng"

Lúc đó, Long Vương lại bạch Phật rằng: "Thế nào gọi là câu Đà La Ni ***ban cho tất cả niềm vui***?".

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói Đà La Ni là:

"Đát nễ-dã tha (1) đà la nê, đà la nê (2) ốt đá la nê (3) tam bát-la để sắt-xỉ đá (4) vĩ nhạ phộc dã, vạt la noa (5) tát để-dã bát-la chỉ-nương (6) tát hạ chỉ-nương phộc để (7) ốt đáp-bá na nãnh vĩ lô hạ nãnh (8) a tỳ sái tả nãnh (9) a tỳ phộc-dã hạ la (10) du bà phộc để (11) a nhạ ma để (12) ê hứ cấm bà lộ để (13) phộc hạ, ha la cật-lễ hướng độ nẵng (14) bá bả thú đà dã (15) mạt hiến nãnh lý hạ ca đạt ma đa (16) thuật đà, lộ ca (17) vĩ để minh la hạ, la nhạ tố (18) nậu khư, xả ma nẵng (19) tát phộc mẫu đà (20) phộc lộ ca nẵng địa sắt-xỉ đế (21) bát-la chỉ-nương nẵng nghê, sa-phộc hạ (22)"

***) Tadyathā: Dhāraṇi dhāraṇi uttāraṇi saṃpratiṣṭhitā vijaya-varṇa satya-pratijñā sahā-jñāna-vati utpādani vināśani abhiṣecani abhivyāhāra śubhāvati ajīmatāmahi kumbāla-nivāhā, hara kleśān, dhunu pāpaṃ śodhaya-mārgān, nirīhaka-dharmatā, śuddhāloka, vitimirā-rajasa, duḥkha-śamana, sarva-buddha-avalokana-adhiṣṭhite, sahā-prajñā, jñābhe, svāhā**

Đức Phật bảo Long Vương: "Câu Đà La Ni này là nơi gia trì của tất cả chư Phật. Các ông thường nên thọ trì, đọc tụng, thành tất cả Nghĩa Lợi, được vào Pháp Môn. Đấy gọi là câu ***ban cho tất cả niềm vui***".

[**Tadyathā**: Như vậy, liền nói Chú là
Dhāraṇi dhāraṇi: Tổng trì, tổng trì
uttāraṇi saṃpratiṣṭhitā: Tế độ tối hậu
vijaya-varṇa: Hình trạng tối thắng
satya-pratijñā: Trí Tuệ chân thật
sahā-jñāna-vati: Đầy đủ Trí Tuệ của cõi Sa Bà
utpādani: Sinh ra
vināśani: Đoạn hoại
abhiṣecani: Quán đỉnh
abhivyāhāra: Biện giải, giải thích, khen ngợi
śubhāvati ajīmatāmahi: Sự vĩ đại của Tính chính trực mỹ lệ
kumbāla-nivāhā: Dẫn khởi bao trùm
hara kleśān: Tiêu trừ phiền não
dhunu pāpaṃ śodhaya-mārgān: Đường lối làm sạch mọi tội lỗi ồn ào
nirīhaka-dharmatā: Tính của Pháp không có phân biệt
śuddhāloka, vitimirā-rajasa: Ở sự sáng tỏ của Thế Giới trong sạch
duḥkha-śamana: Dứt trừ khổ não
sarva-buddha- avalokana-adhiṣṭhite: Tất cả chư Phật quán chiếu gia trì
sahā-prajñā:Trí Tuệ của cõi Sa Bà
jñābhe: Đạt được Trí
svāhā: Quyết định thành tựu]

_Kinh **Như Ý Bảo Châu Chuyển Luân Bí Mật Hiện Thân Thành Phật Kim Luân Chú Vương** (ĐTK_No.961) [Bản dịch của Sa Môn **Thích Quảng Trí**]

.) Phẩm **Như Ý Bảo Châu** ghi chép là:

Thời tại trong Hội có một Long Nữ tướng hảo đẹp đẽ kỳ diệu như Thiên Nữ, tâm ý nhu hòa như Đại Bồ Tát tên là **Thiện Nữ** từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ chân Phật rồi bạch rằng:"Bạch Đức Thế Tôn ! Chúng con kiếp trước nghiệp chướng sâu dầy, tham lam mê dại, không gây **Nhân** Trí Tuệ. Vì vậy ngày nay sanh trong ao hồ, lại thọ thân nữ, tuy không bị nhiệt não cùng các bệnh khổ hơn các loại khác. Nguyện con đời đời kiếp kiếp không thọ thân nữ, không làm các việc của người nữ. Nay nhờ sức cúng dường Phật và nghe Pháp, tất cả đều hồi hướng Phật Đạo, chỉ cầu thành Phật không cầu gì khác"

Tức Thời Long Nữ ở trước mặt Đức Phật dùng Kệ khen rằng:
Mặt, mắt Thế Tôn
Cũng như trăng sáng
Thật là thanh tịnh
Không ai hơn được
Con ở ngày nay
Quy Y nghe Pháp
Với phước báo này
Đắc Đạo không sai
Con có Bảo Châu
Dâng lên Thế Tôn
Lợi ích hữu tình
Khiến được Pháp Bảo
Báo ân Đức Phật
Nguyện hộ Bí Giáo
Cầu cho tất cả

Đều thành Phật Đạo

Khi Thiện Nữ Long Nữ nói Kệ xong, bưng một bảo châu dâng lên Đức Như Lai rồi nói rằng: "Cúi xin Đức Như Lai nhận bảo châu này. Đây là Như Ý Bảo Châu để tại tráp báu bằng Thủy Tinh nơi đáy biển. Vua cha tự gìn giữ cung kính tôn trọng, không cho các Rồng khác biết, cũng như bình báu Cam Lồ của Đế Thích hay mãn tất cả nguyện. Nếu có hữu tình được bảo châu này, tất cả các nguyện, các việc làm đều đầy đủ, tất cả Tất Địa đều thành tựu. Con nay trọng Pháp, liền xả tài bảo, dâng lên Thế Tôn giá trị vô số. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn Từ Bi nạp thọ"

Đức Phật dạy: "Này Long Nữ ! Nay ngươi vì muốn hộ Chánh Pháp mà dâng Bảo Châu. Ta nay nhận lãnh bảo châu do Tín Tâm thanh tịnh của ngươi mà thôi, còn Ly Long Bảo Châu thì Ta không nhận. Vì sao vậy ? Như Ý Bảo Châu tức là Phi Hữu Bảo (báu chẳng phải có), Phi Vô Bảo (báu chẳng phải không), Bất Hữu Tình (chẳng phải Hữu Tình), Bất Phi Hữu Tình (chẳng phải Phi Hữu Tình), Phi Thạch (chẳng phải đá), Phi Kim (chẳng phải vàng), tự nhiên xuất ra **Đàn Ba La Mật**. Chư Phật Bồ Tát đều có bốn loại bảo châu tức là **Từ Bi Hỷ Xả** dùng thí cho 25 loại hữu tình. Ở nơi Kim Cang Bảo Tràng trong biển Pháp Giới có bảo châu thường tuôn mưa các món tài bảo công đức **Giới Định Tuệ** vì các hữu tình khiến được đầy đủ sáu Ba La Mật, mười Địa, đủ tám vạn Pháp Tạng. Cảnh giới của Nhân Gian và Long Cung tuy gần nhau nhưng Quả Báo trên bờ dưới nước khác nhau. Nhân Gian cũng có Như Ý Bảo Châu, bảo châu **Thập Thiện** của Chuyển Luân Thánh Vương là trên hết (tối thượng phẩm). Trung Phẩm, Hạ Phẩm là tám Giới, năm Giới. Nhân Gian dầu nghe tên nhưng chẳng được Thể ấy.

Nếu có kẻ thọ Trì Giới Phẩm Pháp, Luật Nghi… vì hộ Chánh Pháp lợi lạc Nhân Thiên cho nên cầu Pháp Bảo ấy cũng được **Chân Đà Ma Ni Bảo Châu**. Bảo Châu này ở trong Nhân Gian làm ra là **Đại Bí Mật Như Ý Bảo Châu**, không giống như Bảo Châu tại Long cung. **Rồng là Thủy Đức, Người là Hỏa Đức**. Âm Dương xa khác lập ra Bảo Châu cho nên cũng chẳng đồng với Minh Châu trong biển. Được người làm Như Ý Bảo Châu thì việc này rất là hiếm có, chỉ là điều hư hão. Chính vì thế cho nên Ta không thọ nhận Như Ý Bảo Châu của ngươi. Các ngươi hãy thủ hộ Chánh Pháp của Ta và các loài hữu tình trong đời vị lai, đừng quên. Đó là **Chân Châu**, là **Như Ý Bảo Châu**"

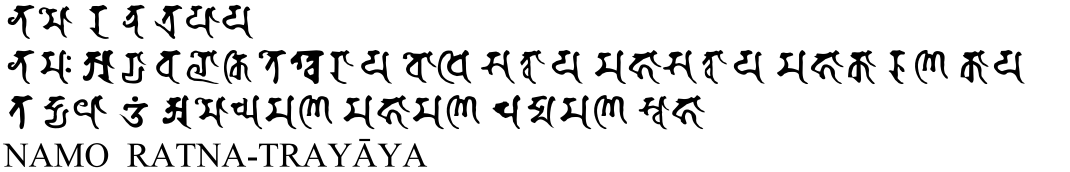
Đức Thế Tôn nói Pháp này xong thời Long Nữ được nghe Pháp, sanh tâm thâm tín, bi cảm xót thương, nước mắt tuôn rơi, cúi năm vóc sát đất, bạch Phật rằng:"Thưa Thế Tôn ! Con dầu chịu mất thân mạng, quyết không dám trái lời Phật dạy"

.)Phẩm **Quán Đảnh Ấn Chân Ngôn** (ĐTK_No.961) ghi chép là:

"Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói **Căn Bản Đà La Ni** là:

Ná mô hạt la đát-na đa-la dạ gia .Nam mô a lợi-gia bà lô cát đế thấp-ba la gia, bồ đề tát đá ba gia, ma ha tát đá ba gia, ma ha ca lô ni ca gia

Đát nễ-gia tha: Úm, a mộ già ma ni, ma ha ma ni, bát đầu-ma, ma ni, toa ha



NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

TADYATHĀ: OṂ_ AMOGHA-MAṆI MAHĀ-MAṆI PADMA-MAṆI SVĀHĀ

Đức Phật nói Đà La Ni này xong, tức thời Long cung chấn động theo sáu cách, tuôn mưa ngọc báu Như Ý như mưa mùa xuân tràn đầy giáng xuống.

Bấy giờ Đại Chúng đều được chứng Quả. **Thiện Nữ** Long Vương Nữ phát Tâm Đại Bồ Đề, cũng phát Thệ rằng: "Con nguyện thủ hộ: **Di Giáo**, nơi có **Di Thân** (Xá Lợi) của Như Lai, tại quốc thổ nào trong cõi người có thể tạo làm Như Ý Bảo Châu Vương mà Đức Phật đã dạy…như giữ gìn sanh mạng của chính mình, khoác thêm quần áo của mình liền tăng Bảo Uy (oai lực của vật báu) khiến được Tất Địa, không để bị thiếu thốn. Chỉ thỉnh Thân con khiến hộ Bảo Châu, đào một cái ao báu để hoa sen sinh trưởng; chẳng thấy người, súc vật. Chỉ cho A Xà Lê với Thị Giả vào, không cho người khác vào. Con trụ trong đấy thủ hộ Bảo Châu, hộ trì Chánh Pháp"

[**Namo ratna-trayāya**: Quy mệnh Tam Bảo

Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhistāyā mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya: Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

Oṃ: Nhiếp triệu

Amogha-maṇi: Bất Không Như Ý Bảo Châu

mahā-maṇi: Đại Như Ý Bảo Châu

padma-maṇi: Liên Hoa Như Ý Bảo Châu

svāhā: Quyết định thành tựu]

_**Mật Chú Viên Nhân Vãng Sinh Tập** (TTK_Tập 46_No.1956) ghi chép là:

.)Thỉnh Vũ Chú:

Do sức thật của Đức Phật cho nên hàng Đại Long Vương mau đến bên trong cõi Diêm Phù Đề này, tuôn rót mưa lớn xuống chỗ đã cầu thỉnh.

.) Liền nói Chú là:

"Chỉ la chỉ la, chí lý chí lý, túc linh túc linh"

***) Cara cara, ciri ciri, curu curu**

Do sức thật của Đức Phật cho nên quát tháo các Long Vương. Ở bên trong đất nước thỉnh mưa trong cõi Diêm Phù Đề liền tuôn rót mưa lớn.

Liền nói Chú là:

"Phát la phát la, tỳ lý tỳ lý, phất lý phất lý.

Đát niết đạt: Phát la phát la, hứ lợi hứ lợi, tô lỗ tô lỗ, ách cả nam, chỉ phát chỉ phát, thạch tỳ thạch tỳ, mạt phất mạt phất"

***) Vara vara, viri viri, vuru vuru**

Tadyathā: Sara sara, siri siri, suru suru_ nāgānāṃ java jvaja, jivi jivi, juvu juvu

.)Tiệt Vũ Chú (Chú chặt đứt cơn mưa):

"Án, tát linh-mạt ma mã hợp la ma đế cật linh đế, hồng

Chúng con là.... nguyện ủng hộ như Thần Chú này"

***) Oṃ_ sarva mama hara-mate kṛte hūṃ**

Chúng con là.... nguyện ủng hộ như Thần Chú này

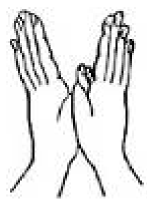
Hoặc tụng ba biến, bảy biến, 21 biến

.)Tiệt Bạc Chú (Chú chặt đứt mưa đá):
"Án, tát linh oát, cát lý ma"

***) Oṃ_ sarva karma**

_Chư Long Ấn:

Đem ngón tay phải hợp lưng bàn tay trái sao cho móng tay trụ trong lòng bàn tay trái, hướng tay trái về thân, triệu vời ba lần.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ MEGHĀŚANIYE SVĀHĀ
[**Namaḥ samanta-buddhānāṃ**: Quy mệnh khắp tất cả chư Phật
Meghāśaniye: Hàng tạo ra sấm chớp trong mây
Svāhā: quyết định đem lại sự tốt lành]

_Tây Tạng truyền dạy thêm hai câu Chú là:
.)OṂ _ NĀGA NĀGA ME
.)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ VAJRA ME

_Do Long Vương có đủ sức uy thần rộng lớn, lại từng ở trước Đức Phật phát khởi thệ nguyện rất sâu, muốn hộ trì Phật Pháp và người tu hành của Phật Giáo. Cho nên, nếu như hay cúng dường Long Vương, khiến cho họ nhớ đến phát khởi Bản Thệ của chính mình và sinh khởi tâm vui mừng lớn, thì hay hộ trì đất nước, tiêu trừ việc chẳng lành, tai nạn cùng tăng trưởng Tài Bảo, sống lâu, khiến cho Cam Lộ nhuận khắp, ngũ cốc chín đầy, đất nước an ổn, nhân dân an vui.

Long Vương cũng thuộc một trong những Tài Thần, cũng tức là hết thảy tất cả Tài Thần. Đặc biệt là đất, nước đều thuộc Long Vương chủ quản, nếu như Long Vương vui mừng, thì sẽ ban cho người cầu nguyện hết thảy tất cả tiền của giàu có, Phước Đức, Công Đức….

Cúng dường Long Vương có rất nhiều công đức lợi ích như:
Chẳng dễ có tai hại tự nhiên như động đất, hồng thủy, hạn hán….
Thường ban cho trái đất sự tươi nhuận, khiến cho ngũ cốc, rau quả được mùa.
Được Phước Đức, sống lâu, tăng trưởng tiền của giàu có.
Cầu có con thì dễ nhận được con nối dõi.
Tất cả khấn cầu đều mãn nguyện.

NAN ĐÀ, BẠT NAN ĐÀ LONG VƯƠNG

Kinh Điển của Phật Giáo ghi nhận: **Nan Đà Long Vương** (Nanda-nāga-rāja) và **Bạt Nan Đà Long Vương** (Upananda-nāga-rāja) là hai anh em Rồng, sau khi bị Đại Đức **Mục Kiền Liên** giáng phục thời đều quy y theo Đức Phật Đà và cùng nhau phát nguyện thủ hộ Phật Pháp, làm lợi ích cho chúng sinh, nên nhận được sự sùng kính của người đời.

Hệ Mật Giáo ghi nhận: trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala), tại **Ngoại Bộ Kim Cương Viện** thời hai vị Long Vương này được an bày tại ba cửa: Nam, Tây, Bắc … trong đó Nan Đà Long Vương ở bên, Bạt Nan Đà Long Vương ở bên trái





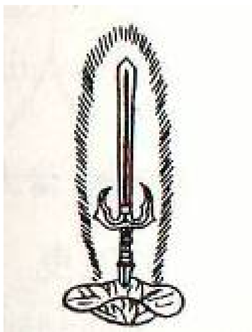


1_ **Nan Đà Long Vương** (tên Phạn là Nanda), lại xưng là Nan Đồ Long Vương, Nan Đầu Long Vương. Dịch ý là Hỷ Long Vương, Hoan Hỷ Long Vương. Do vị này khéo hay thuận ứng với Tâm của con người, điều hòa gió mưa nên rất được người đời hoan hỷ, vì thế có tên gọi là Hỷ Long Vương. Là một trong tám vị Đại Long Vương, là bậc thượng thủ của Long Thần Hộ Pháp.

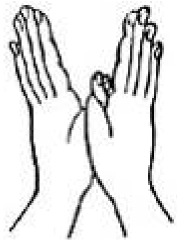
Tôn Hình: Thân màu thịt, trên đầu có 7 đầu Rồng. Tay phải để trước ngực cầm cây kiếm. Tay trái nắm quyền , hoặc úp lòng bàn tay để ngang eo.



Chữ chủng tử là: NA (न)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Thủ Ấn là **Chư Long Ấn**: Đem ngón tay phải hợp lưng bàn tay trái sao cho móng tay trụ trong lòng bàn tay trái, hướng tay trái về thân, triệu vời ba lần.



Chân Ngôn là:

𑖡𑖦𑖾𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖡𑖡𑖿𑖟𑖺𑖢𑖡𑖡𑖿𑖟𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ NANDOPANANDĀYA _ SVĀHĀ

hay 𑖡𑖦𑖾𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖡𑖡𑖿𑖟𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ NANDĀYA _ SVĀHĀ

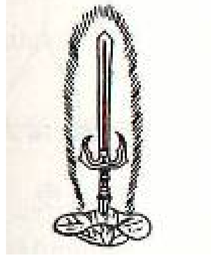
2_ **Ô Ba Nan Đà Long Vương** (tên Phạn là Upananda) là em của Nan Đà Long Vương, cùng với Nan Đà Long Vương là Đại Hộ Pháp Long Vương của Phật Giáo.

Tôn hình:Thân màu thịt, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây Rồng, trên đầu có 7 cái đầu Rồng.

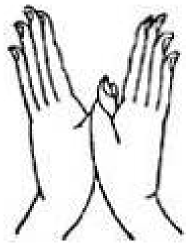


Chữ chủng tử là: U (𑖄)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



_ Thủ Ấn là **Nan Đà Bạt Nan Đà Nhị Long Vương Ấn**:
Hai tay đều tự duỗi giương mười ngón, hai ngón cái cùng cài chéo nhau.
Ngón cái phải đè ở trên ngón cái trái, tức là **Nan Đà Long Vương Ấn**
Ngón cái trái để ở trên ngón cái phải tức là **Bạt Nan Đà Long Vương Ấn.**
Ấn này lại có tên là Cửu Đầu Long Ấn, Nhất Thiết Long Ấn.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ NANDOPANANDĀYA _ SVĀHĀ

hay

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ UPANANDĀYA _ SVĀHĀ

NGHI THỨC TRÌ NIỆM ỦNG HỘ LONG THẦN

1_ Kính lễ:
Namo ratna-trayāya (Quy mệnh Tam Bảo)
Namo Śākya-muṇi-buddha (Quy mệnh Thích Ca Mâu Ni Phật)
Namaḥ Avalokiteśvara-bodhisatva (Kính lễ Quán Tự Tại Bồ Tát)
Namaḥ Vajra-pāṇi-bodhisatva (Kính lễ Kim Cương Thủ Bồ Tát)
Namaḥ Ananta-parikara-sāgara-megha-vyūha-tejo-maṇḍala-cchatrākāra-nāgā-rāja (Kính lễ Vô Biên Trang Nghiêm Hải Vân Uy Đức Luân Cái Long Vương)
Namaḥ Susaṃṣṭhita-nāga-rāja (Kính lễ Thiện Trụ Long Vương)
Namaḥ Nandopananda-nāga-rāja (Kính lễ Hoan Hỷ, Hiền Hỷ Long Vương)
Namaḥ Anavatapta-nāga-rāja (Kính lễ Vô Nhiệt Não Long Vương)
Namaḥ Varuṇa-nāga-rāja (Kính lễ Thủy Thiên Long Vương)
Namaḥ Manasvī-nāga-rāja (Kính lễ Từ Tâm Long Vương)
Namaḥ sarva nāga-devatā-rājāya (Kính lễ tất cả Long Thần Vương)
Namaḥ sarva nāga-gaṇāya (Kính lễ tất cả chúng Rồng)
(Phật Từ Kim Cương Hộ Chú)
Oṃ_ Buddha-matri-vajra rakṣa māṃ (9 lần)

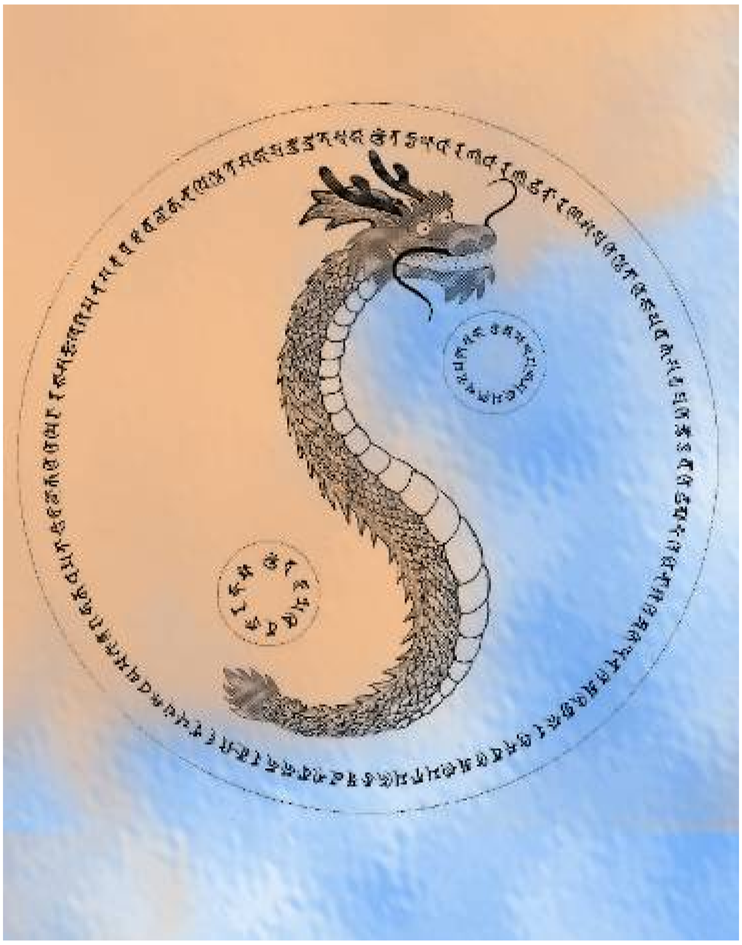
2_ Phát Nguyện:
Chí Tâm phát nguyện
Chuyển đọc Chân Ngôn
Công Đức Uy Lực
Thiên chúng Địa loại
Tăng nhiều Pháp Lạc
Các Đại Long Vương
Nghe Pháp lợi ích
Hộ Trì Quốc Thổ
Đại Việt Long Quân
Thân Rồng an ổn
Tăng trưởng Chính Khí
Thành tựu Bản Nguyện
Hộ giúp vạn dân
An cư lạc nghiệp
(Thí Nhất Thiết Chúng Sinh An Lạc Đà La Ni)
Tadyathā: Dhāraṇi dhāraṇi uttāraṇi saṃpratiṣṭhitā vijaya-varṇa satya-pratijñā sahā-jñāna-vati utpādani vināśani abhiṣecani abhivyāhāra śubhāvati ajīmatāmahi kumbāla-nivāhā, hara kleśān, dhunu pāpaṃ śodhaya-mārgān, nirīhaka-dharmatā, śuddhāloka, vitimirā-rajasa, duḥkha-śamana, sarva-buddha-avalokana-adhiṣṭhite, sahā-prajñā, jñābhe, svāhā (9 lần)

3_ Hồi Hướng:
Công Đức đã tu
Xin hồi hướng khắp
Thiên chúng Địa loại
Tất cả Long Thần
Chúng Rồng lớn nhỏ
Dứt trừ khổ não

Tăng trưởng niềm vui
Sau khi an vui
Nguyện các Long Thần
Hết thảy chúng Rồng
Hộ trì đất Việt
Giúp đỡ vạn dân
Xa lìa ách nạn
Sung túc giàu có
Quyết định thành tựu
(Như Ý Bảo Châu Vương Ấn Đà La Ni)
Namo ratna-trayāya
Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahāsatvāya mahā-kāruṇikāya
Tadyathā: Oṃ_ Amogha-maṇi mahā-maṇi Padma-maṇi svāhā (9 lần)

_ Nguyện ngày an lành, đêm an lành
Trong tất cả Thời thường an lành
Nguyện xin Tam Bảo thương nhiếp thọ
Nguyện chư Long Vương thương nhiếp thọ
Nguyện chư Hộ Pháp thường ủng hộ
Namostu buddhāya
Namostu buddhāye
Namostu muktāya
Namostu muktāye
Namostu śāntāya
Namostu śāntāye
Namostu vimuktāya
Namostu vimuktāye (9 lần)

_ Nguyện cho tất cả chúng sinh thường được an vui
Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não
Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi Từ Bi
Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng thành Phật Đạo
Nam mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo (3 lần)



1_ Phật Từ Kim Cương Hộ Chú:

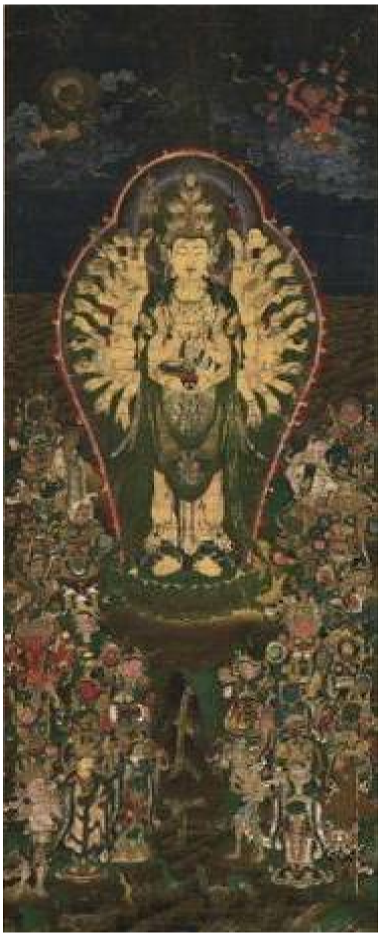
Oṃ_ Buddha-matri-vajra rakṣa māṃ
Oṃ: Nhiếp triệu
Buddha-matri-vajra: Phật Từ Kim Cương
rakṣa māṃ: Ủng hộ cho tôi

2_

Namostu buddhāya: Kính lễ các Đấng Giác Ngộ
Namostu buddhāye: Kính lễ điều thuộc về các Đấng Giác Ngộ
Namostu muktāya: Kính lễ các Đấng đã được Giải Thoát
Namostu muktāye: Kính lễ điều thuộc về các Đấng đã được Giải Thoát
Namostu śāntāya: Kính lễ các Đấng dứt trừ tai nạn
Namostu śāntāye: Kính lễ điều thuộc về các Đấng dứt trừ tai nạn
Namostu vimuktāya: Kính lễ các Đấng khiến cho người khác được giải thoát
Namostu vimuktāye: Kính lễ điều thuộc về các Đấng khiến cho người khác được giải thoát

QUYẾN THUỘC CỦA THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Do hoá độ tất cả chúng sinh trong 25 Hữu nên Đức Thiên **Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát** có rất nhiều quyến thuộc, trong đó có **28 Bộ** phụ giúp. Hầu hết các Vị trong 28 Bộ này đều hộ trì cho người trì tụng Thần Chú Đại Bi vượt qua ách nạn, xa lìa các Ma chướng, hàng phục các loài Ma Quỷ Thần hung ác và mau chóng có phương tiện thuận lợi cho việc tu hành. Vì thế, nếu Hành Giả gặp việc cần thiết thì có thể kết Ấn, niệm Chân Ngôn kêu gọi cầu khẩn giúp đỡ.





DANH XƯNG VÀ HÌNH TƯỢNG CỦA 28 BỘ CHÚNG

1. **Mật Tích Kim Cương Sĩ**: Màu thịt đỏ, mặc Giáp Trụ, tướng phẫn nộ, Tay trái chống eo, cong khuỷu tay phải ngang ngực, cầm chày Kim Cương nằm ngang trong lòng bàn tay.



2. **Bát Bộ Lực Sĩ** : Màu thịt đỏ, mặc áo xanh, tướng Phẫn Nộ, tay trái để ở eo, lòng bàn tay phải hướng ra ngoài.



3. **Ma Hê Na La Đạt**: Mặc áo Giáp Kim Cương, tay trái duỗi khuỷu, tay phải cầm cây đao lớn đâm xuống đất



4. **Kim Tỳ La Đà**: Mặc Giáp Trụ, tay trái để ở eo, tay phải rút cây đao lớn.



5. **Bà Cấp Bà Lâu Na**: Màu vàng trắng, mặc Giáp Trụ bằng vàng, tướng phẫn nộ, tay trái để sát ngực, tay phải để cạnh eo cầm cây đao lớn



6. **Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La**: Mặc áo Cà Sa màu xanh, hơi cười, tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải cầm Hoa Sen.



7. **Tát Giá Ma Hòa La**: Màu đỏ hơi trắng, đội mão trang sức trên thân, hơi cười, giận ít, giơ cánh tay trái lên duỗi 5 ngón tay, tay phải cầm cán búa



8. **Cưu Lan Đan Tra**: Màu xanh, mặc Giáp Trụ vàng ròng, hơi cười, tay trái để bên cạnh ngực duỗi 5 ngón tay, tay phải rũ cánh tay xuống, cầm Đại Đao



9. **Tất Bà Già La Vương**: Màu đỏ trắng, mặc Giáp Trụ bằng vàng, hơi cười phẫn nộ, tay trái nắm lại thành quyền để ở giữa rốn, tay phải cầm cây Tam Kích



10. **Ứng Đức Tỳ Đa Tát Hòa La**: Đầu đội mão ngọc, hơi phẫn nộ, hai tay bên trái bên phải nắm lại cầm chày Độc Cổ



11. **Phạm Ma Tam Bát La**: Trang sức anh lạc trên thân, đầu đội mão Trời, như Thiên Nữ, tay trái để ở cạnh rốn, tay phải cầm cây phất trần màu trắng



12. **Diêm Ma La**: Màu xanh lục, phẫn nộ, ngửa nhìn lên Trời, tay trái để ngang ngực, tay phải duỗi 5 ngón tay để ở dưới eo



13. **Thích Vương**: Mang giày cỏ, tay trái nắm thành quyền để ở eo, tay phải cầm chày Độc Cổ



14. **Đại Biện Công Đức Bà Đát Na**: Như Cát Tường Thiên Nữ, tay trái cầm cọng Hoa Sen đỏ trên có Hoa Sen đỏ, tay phải để ngang ngực ngón cái và ngón giữa cùng vịn nhau



15. **Đề Đầu Lại Tra Vương**: Mặc Giáp Trụ, tướng phẫn nộ, tay trái để ở eo lưng, tay phải cầm chày Tam Cổ



16. **Thần Mẫu Nữ Đẳng**: Ngửa lòng bàn tay trái để trước ngực, lòng bàn tay phải hướng ra ngoài, ngón cái và ngón giữa cùng vịn nhau



17. **Tỳ Lâu Lặc Xoa**: Mặc Giáp Trụ, tay trái cầm cây Tam Kích, tay phải cầm cây đao lớn



18. **Tỳ Sa Môn**: Tay trái cầm cái Tháp, tay phải cầm chày Tam Cổ



19. **Kim Sắc Khổng Tước Vương**: Đầu là Chim công, từ vai trở xuống là hình người, hai tay dùng một bàn chân của con chim công làm cây gậy



20. **Đại Tiên Chúng**: Hình Tiên Nhân, tay trái giơ cánh tay lên, cầm quyển Kinh, tay phải cầm gậy



21. **Ma Ni Bạt Đà La**: Tóc đỏ kết hoa trang sức trên đầu, mặt như Thiên Nữ, hai tay chắp lại



22. **Tán Chi Đại Tướng Phất La Bà**: Màu trắng, đội mão Trời, hơi cười phẫn nộ, tay trái ngón cái vịn ngón giữa, tay phải cầm cây đao lớn



23. **Nan Đà Bạt Nan Đà**: Màu xanh lục, mặc Giáp Trụ, đầu đội con Rồng, tướng phẫn nộ, tay trái để trước ngực rũ 5 ngón tay xuống, tay phải nắm quyền duỗi thẳng ngón trỏ hướng lên trên.



24. **Sa Già La Long Y Bát La**: Tướng phẫn nộ, hai tay cầm Đại Đao đâm xuống đất



25. **Tu La Càn Thát Bà**: Màu trắng, có 3 mặt 6 cánh tay, mỗi mặt có 3 con mắt. Bên trái bên phải tay thứ nhất chấp lại. Bên trái bên phải tay thứ hai cầm Vành Mặt Trời. Tay trái cầm Hoa Sen, tay phải cầm Bánh Xe



26. **Ca Lâu Khẩn Na Ma Hầu La**: Tướng phẫn nộ, tay trái để ở eo , tay phải cầm cây đao lớn



27**. Hỏa Lôi Điện Thần:** Màu đen đỏ, đứng trong sóng màu đen, tướng phẫn nộ, tay trái để trước ngực, tay phải làm tư thế đè xuống đất



28. **Thủy Lôi Điện Thần**: Màu xanh, do thân trú mưa, đứng trong sóng, như Quỷ Thần ác, hai tay tác nội phộc để trước ngực



28 Bộ trên có thể được ghép thành 14 cặp như sau
1) **Chủ và Bạn của Minh Chú Thần**
Minh Chú Thần Bộ là Chủ của Minh Chú Thần
Chú Thần Sứ Giả Bộ là Bạn của Minh Chú Thần
2) **Trụ Không và Trụ Địa**
Đại Lực Thiên Bộ là Không Cư Thiên
Khoáng Dã Quỷ Thần Bộ là Trụ Địa Khoáng Dã Thần
3) **Nội Ngoại Nhuận Lợi**
Thủy Thần Bộ tức Thủy Nhuận là lợi bên ngoài (Ngoại lợi)
Thiện Thần Bộ tức tác thiện sung mãn là lợi bên trong (Nội lợi)
4) **Tướng quân và Chiến đấu**
Thần Tướng Bộ là Đại Thần Tướng Quân
Đấu Chiến Thần Bộ là chiến đấu vô địch
Do dựa vào Tướng Quân mà chiến đấu nên hợp thành một cặp.

5) **Trụ Địa và Lưu Hành**

Sơn Thần Bộ là Trụ núi (tức đứng yên)

Lưu Hành Thần Bộ là Lưu Hành Thần (tức di chuyển)

6) **Tĩnh Lự cạn sâu**

Phạm Thiên Bộ: là y theo Thiền mà hành nông cạn thì được thân Phạm Thiên

Na Hàm Bộ: là do Thiền Định thâm sâu mà sinh vào cõi Ngũ Tịnh Cư.

7) **Thắng Nam Nữ Thiên trong Địa Cư Thiên**

Đế Thích Thiên Bộ là Thắng Nam Thiên

Dục Giới Thiên Nữ Bộ là Thắng Nữ Thiên

8) **Trì Quốc và Trì Đàn**

Đất nước là nơi nương tựa của Hữu Tình còn Đàn Trường là nơi Thánh Nhân giáng lâm.

Càn Thát Bà Bộ là Trì Quốc vì Đông Phương Thiên hay giữ gìn quốc thổ của Thế Gian.

Dạ Xoa Thần Mẫu Bộ là Trì Đàn vì Thần Mẫu Ha Lợi Đế hay hộ Đàn Trường của Quán Âm Bộ.

9) **Hộ Quốc và Hộ Thế**

Cưu Bàn Trà Bộ là Hộ Quốc vì Nam Phương Thiên hay làm cho vạn vật tăng trưởng

Hộ Thế Thiên Bộ là Hộ Thế vì Tây Phương Thiên và Bắc Phương Thiên hay giúp đỡ cho người ở Thế Gian.

10) **Sở Trì và Năng Trì**

Điểu Vương Bộ là Sở Trì vì có Chú Pháp Sở Trì

Đại Tiên Bộ là Năng Trì vì y vào đây mà có công của Năng Trì

11) **Cần Hành và Trụ Phương**

Đại Dược Xoa Bộ là Phi Hành Thiên Dược Xoa nên gọi là Cần Hành Dược Xoa (Dược Xoa siêng năng đi lại)

Phương Bá Dược Xoa Bộ hay trụ phương thủ hộ nên gọi là Trụ Phương Dược Xoa (Dược Xoa đứng theo phương vị của mình)

12) **Ngoại Hải và Nội Hải**

Hai Rồng Nanda và Upananda trụ bên ngoài, đi đến biển làm Tối Đại Long Vương nên Xà Long Bộ là Ngoại Hải Long Vương

Sa Già Long Vương ở trong biển Ngọt làm Tối Đại Long Vương nên Hải Long Bộ làm Nội Hải Long Vương.

13) **Phi Thiên và Phi Nhân**

A Tu La hay đánh nhau với chư Thiên mà phước đức chẳng bằng Trời. Càn Thát Bà tuy ở chung cõi Trời nhưng phải thường tấu nhạc cho Đế Thích nghe nên phước đức cũng chẳng bằng. Do đó cả hai loài này gọi là Phi Thiên Chúng Bộ.

Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già tuy tựa như người mà chẳng phải người nên gọi là Phi Nhân Chúng Bộ.

14) **Thượng Hạ Quỷ Thần**

Lôi Điển Thần Bộ là Lôi Thần Tộc ở trên Hư Không

Địa Quỷ Thần Bộ là Quỷ Thần cư ngụ dưới đất

THỦ ẤN VÀ CHÂN NGÔN CỦA 28 BỘ CHÚNG

1) **Nhị Thập Bát Bộ Tổng Nhiếp Ấn** :

Chắp 2 tay lại để trống rỗng chính giữa (Hư Tâm Hợp Chưởng) mở 2 ngón út, 2 ngón trỏ phóng thẳng ra ngoài. Đứng thẳng đọc Chân Ngôn là :

KURU KURU_ TURU TURU _ JVARA JVARA _ SIRI SIRI _ SURU SURU _ TRAJVARA _ SVĀHĀ

2) **Nhị Thập Bát Bộ Tổng Minh Ấn** :

Hai tay cài chéo 10 ngón trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền (Nội Phộc Quyền) dựng đứng 2 ngón cái, hiển tướng giận dữ, niệm Chân Ngôn:

OṂ _ KUBERA _ SVĀHĀ

3) **Nhị Thập Bát Bộ Chúng Ấn** :

Hai tay cài chéo 10 ngón trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền, dựng thẳng đứng 2 ngón giữa, co ngón trỏ và ngón út như hình vành xe (Luân). Niệm Chân Ngôn :

OṂ_ MUCI MUCI _ PIŚĀCANĀṂ HŪṂ HŪṂ_ BUDDHĀNĀṂ VAJRA HŪṂ PHAṬ

4) **Nhị Thập Bát Bộ Can Tâm Chân Ngôn** :

NAMO MĀRĀ-RĀJA SADDHARMA PUṆḌARIKA _ OṂ RĪṬI _ SVĀHĀ

5) **Thiên Long Bát Bộ Tập Hội Ấn** :

Hư Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay, co 2 ngón út đè trên móng 2 ngón cái, đưa 2 ngón trỏ qua lại. Niệm Chân Ngôn là :

OṂ_ SARVA DEVA NĀGA _ ANALE ANALE _ SVĀHĀ.

Soạn dịch xong Bộ **Chư Thiên Hộ Pháp** vào ngày 16/04/2014

TƯ LIỆU THAM CỨU

*) Hán Văn:
_Đại Chính Nguyên Bản Đại Tạng Kinh: Tập 18, Tập19, Tập 20, Tập 21
_ Mật Giáo Đồ Tượng: Tập 3, Tập 4, Tập 5, Tập 6, Tập 7, Tập 8, Tập 9, Tập 10
_ Phật Giáo Tiểu Bách Khoa: Từ quyển 1 đến quyển 18
_Phật Quang Đại Từ Điển
_Bách Khoa Toàn Thư
Phật Giáo Thủ Ấn Đồ Thuyết **Thi Vân Thủy** biên soạn
Mật Giáo Đại Tự Điển Tập 6
_Phật Tượng Đồ Vựng
_Nhiên Đăng Tạp Chí

*) Việt Văn:
_Thai Tạng Giới Man Đa La _ **Huyền Thanh** biên soạn
Kim Cương Giới Man Đa La **Huyền Thanh** biên soạn
Đại Bi Quán Âm Căn Bản Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Thập Nhị Thiên Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Tinh Tú Pháp **Huyền Thanh** biên dịch
Tranh Tượng và Thần Phổ Phật Giáo**Louis Frédéric**_ Việt dịch **Phan Quang Định** (NXB Mỹ Thuật_năm 2005)
_Một số bài dịch của **Tống Phước Khải**

*) Trang Web:
_buddha-dharma.org
_tangthuphathoc.net
_chuaminhthanh.com
_electricwombworld.blog.fc2.com
_zenheart.hk
_en.wikipedia.org
_zh.wikipedia.org
_haaram.com
_sriharivayuguru.blogsport.com
_fanbop.com
_fodian.net
_haripurush-jagadbandhu.org
_hindudevotionalpower.com
_speakingtree.in
_qcny.net
_baike.baidu.com
_Một số Tôn Tượng trên images của google.com và Tư Liệu của **Tống Phước Khải**

MỤC LỤC

韋馱護法

